

T  
A  
N

ELLERY QUEEN

ĐẶNG MÃNG KHUẨN ĐƠN

B  
I  
K  
I  
C  
H

X



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# TẤN BI KỊCH X



Nguyên tác: The Tragedy of X (1978)

Tác giả: Barnaby Ross

Người dịch: Nguyễn Đăng Thuận

Nhà xuất bản Văn Học

---

ebook©vctvegroup

11-09-2018

# GIỚI THIỆU

Nhà văn Frederic Dannay (1905 - 1982) và nhà văn Manfred Bennington Lee (1905 - 1971) cùng chung bút danh tác giả đã để lại cho người đọc yêu thích thể loại văn chương trinh thám một loạt truyện bốn cuốn đặc sắc. Đây là những tác phẩm trinh thám kinh điển kể về những kỳ công khác thường của ngài *Drury Lane*, một nghệ sĩ diễn kịch đã về hưu. '*Tấn Bi Kịch X*' là tác phẩm đầu tiên của loạt truyện này.

Tại thành phố New York vào đầu thập niên 1930, đã liên tiếp xảy ra ba vụ án mạng có quan hệ với nhau. Ba vụ án mạng này xảy ra ở ba phương tiện giao thông riêng biệt, một trên xe điện, một ở bến phà và một trên tàu lửa. Mặc dù hoàn cảnh xảy ra án mạng không có gì quá đặc biệt khác thường, và những chi tiết liên quan đến diễn biến vụ án cũng khá đầy đủ và sẵn có để phục vụ công việc điều tra, thế nhưng mọi nỗ lực truy tìm thủ phạm của giới hữu trách dường như có cơ phải chịu cảnh hoàn toàn bó tay.

Là một tác phẩm trinh thám mang nhiều tình tiết điều tra hấp dẫn, manh mối của mỗi một vụ án đều ẩn hiện đây đó theo sắp xếp mạch lạc của truyện đủ để giúp cho những ai ưa thích thử tài thám tử của mình có thể hào hứng suy ra kẻ thủ ác, dù độc giả hẳn nhiên cũng rất muốn đọc kỹ màn kết của câu chuyện, là phần giải thích cho toàn bộ sự việc.

Song hành theo một trong những nhân vật quan trọng của truyện, ngài *Drury Lane*, câu chuyện cũng mang đến cho độc giả những tình tiết đậm chất kịch với nhiều cung bậc cảm xúc thật khác nhau.

Chúc bạn đọc có những giây phút thật vui vẻ và tìm thấy từ tác phẩm này nhiều chi tiết thật thú vị.

# Thư ngỏ

## GỬI ĐỘC GIẢ

*Bạn đọc thân mến!*

Chín năm về trước, hai chàng trai trẻ cộng tác dưới cùng một bút danh là Ellery Queen được người đọc cùng hoàn cảnh thuyết phục đã viết nên một loạt truyện trinh thám mới.

Kết quả từ công sức đáp ứng theo yêu cầu đó là sự ra đời của nhân vật ngài *Drury Lane*, một nghệ sĩ diễn kịch Shakespeare tuổi đã về già có năng lực trinh thám tuyệt diệu khác người.

Dễ hiểu rằng loạt truyện ca ngợi những kỳ công của ngài *Drury Lane* không thể công khai mang tên tác giả Ellery Queen; vì nếu truyện mang tên Ellery Queen thì đã tôn vinh những kỳ công của ngài *Ellery Queen*.

Vậy nên hai chàng bèn nghĩ ra bút danh thứ hai; và “*Tấn bi kịch của X*”, tác phẩm đầu tiên trong loạt truyện bốn cuốn về *Drury Lane*, đã làm xao động thế giới văn chương bình lặng dưới tên người viết là “Barnaby Ross”.

Giờ đây, mối liên hệ giữa (các) tác giả Ellery Queen và (các) tác giả Barnaby Ross trên thực tế đã hoàn toàn biến mất. Truyện của mỗi tác giả được phát hành qua một nhà xuất bản khác nhau; quanh mỗi cái tên đều được kỳ vọng theo dật bao điều mập mờ và bí ẩn; ở thời kỳ mang hai bút danh ấy trong đời sống công luận, quả thực đã có một giai đoạn mà hai cái tên này đã bực dọc nhìn nhau trước nhiều bức diễn đàn đầy đổ kỵ, bên nào cũng mượn sự che chắn của chiếc mặt nạ giả trang để ẩn mình kỹ lưỡng... một làm bộ điệu Ellery Queen, một ra dáng là Barnaby Ross, và cả hai đều vờ vịt một cách hùng hồn ra điều là cặp đối thủ đáng gờm trong lĩnh vực sáng tác truyện trinh thám. Những gì họ nói về nhau trước sự lắng nghe đây

tò mò của thính giả diễn thuyết, từ Maplewood, New Jersey cho đến Chicago, Illinois, dù vẫn có lời khen tặng song cũng không thiếu lời công kích, vậy là bằng sự gặt gẫm này bảo vệ lấy ảo tưởng của tính cách cá nhân thô kệch.

Thế nhưng, vẫn có một manh mối tinh vi luôn tồn tại mà, một khi bị thám tử ghế bành thận trọng phát hiện, sẽ lập tức xác lập rành rành mối quan hệ giữa Ellery Queen và Barnaby Ross, và tòi ra mảnh lối lừa phỉnh xấu xa mà hai kẻ này đã bày ra trước công chúng cả tin trong suốt chín năm.

Vì nếu bạn đọc ghé qua Lời tựa của “Chuyện bí ẩn về chiếc nón La Mã” (tác phẩm đầu tiên của Ellery Queen viết về Ellery Queen), bạn đọc sẽ tìm thấy từ dòng mười bảy đến dòng hai mươi hai trên trang X tiết lộ đáng chú ý sau đây:

*“Chẳng hạn, vào thời ông dành ra bao công sức trình thám tài tình trong vụ án mạng Barnaby Ross giờ đã xưa cũ, người ta nói rằng: ‘Richard Queen bằng kỳ công này đã xác lập vững chắc tiếng tăm của mình bên cạnh những bậc thầy trình thám hình sự như...’”*

Chính từ trích đoạn ngụ ý tác này mà “Barnaby Ross” đến lúc cần thiết đã được chọn để tạo thành bút danh mới - cốt sao cho Barnaby Ross quả thực ra đời vào năm 1928, tại thời điểm mà Lời tựa của cuốn Queen đầu tiên ấy được viết ra, dù mãi đến năm 1931 cậu ta mới được hai ông bố của mình làm lễ rửa tội và dọn vào ngôi nhà riêng của mình.

Vậy nên, giờ ta có thể nói thế này: *Barnaby Ross đã, đang và mãi mãi chính là... Ellery Queen; và ngược lại.*

Đôi lời về ngài Drury Lane

Chúng ta luôn giữ một cảm giác nhẹ nhàng trong lòng về gã dờ hơi này. Người này, bảo là nghệ sĩ quê mùa thì chưa hẳn mà gọi là con gà gô cũng không hoàn toàn ... gọi là kẻ khoác lác cũng đúng nhưng bảo là thiên tài cũng chẳng sai, và cũng là một thám tử khác thường nhất từng sống trên đời (ngoại trừ là kẻ mà sẽ là không có tên tuổi, có lẽ vậy).

Giống người anh em của mình (chẳng phải họ vốn cùng sinh ra bởi hai gã thanh niên xảo quyệt ấy sao?), ngài *Drury Lane* có gốc gác từ trường phái suy luận - theo nhánh đặc biệt mà chú trọng đến độ quá đáng vào tính chất khách quan để thỏa mãn yêu cầu độc giả; vì thế trong “*Tấn bi kịch của X*”, cũng như những Tấn bi kịch tiếp theo, bạn đọc sẽ thấy mọi manh mối đều đã sẵn đó để tự mình suy đoán trước khi đi vào phần kết của câu chuyện.

Vì vậy trong giây phút hồi sinh trang nghiêm này ... *Drury Lane* muôn năm!

Kính chào,  
**Ellery Queen**

*Thứ sáu, ngày 13 tháng 9 năm 1940, New York*

# Đôi điều về NGÀI DRURY LANE

CÁC TRÍCH ĐOẠN ĐƯỢC BIÊN SOẠN CHO NHÀ XUẤT BẢN DO  
NGÀI CHARLES GLEN TUYỂN CHỌN TỪ NHỮNG GHI CHÉP SƠ  
BỘ VỀ TIỂU SỬ CHƯA HOÀN CHỈNH CỦA LANE

*Trích từ Ai là Ai trong nghệ thuật sân khấu, ấn bản năm 1930:*

DRURY LANE, diễn viên; sinh tại New Orleans, La, vào ngày 3/11/1871; con trai của Richard Lane, nam diễn viên bi kịch người Mỹ và Kitty Purcell, nữ diễn viên hài kịch nhà hát ca múa nhạc người Anh; không kết hôn. Học vấn: kèm cặp tại gia. Xuất hiện trên sân khấu lần đầu: năm 7 tuổi; vai diễn quan trọng đầu tiên: năm 13 tuổi, vở “Sự mê đắm” của Kiralfy, Nhà hát Boston; lần đầu thủ vai chính: năm 23 tuổi, vở “Hamlet,” Nhà hát Daly’s, N.Y; vào năm 1909, tại Nhà hát Drury Lane, Luân Đôn; đã biểu diễn liên tục vở “Hamlet” trong khoảng thời gian dài nhất tính đến thời điểm ấy - hơn 24 lượt so với kỷ lục trước đó của Edwin Booth. Tác phẩm đã biên soạn: Tuyển tập Shakespeare, Triết lý của Hamlet, Tiếng gọi sau bức màn nhung, v.v. và v.v.. Câu lạc bộ: Players, Lambs, Century, Franklin Inn, Coffee House. Thành viên Viện Hàn lâm Nghệ thuật và Văn chương Hoa kỳ. Hội viên danh dự, Bắc đấu Bội tinh Pháp quốc. Nhà riêng: Lâu đài Hamlet, nhìn ra sông Hudson, N.Y. (ga đường sắt: Lanecliff, hạt Westchester). Giải nghệ sân khấu: năm 1928.

*Trích từ Thế giới New York, thông cáo về việc giải nghệ sân khấu của ngài Drury Lane (1928):*

“... Drury Lane sinh ở New Orleans, tại hậu trường một nhà hát tầm tiếng hạng nhì, Nhà hát Comus, phải thời kỳ gia đình nhà Lane lâm cảnh túng bần, vào lúc mà Richard ‘có quyền đi đâu, làm gì tùy ý’ còn Kitty thì phải quay lại sân khấu để trang trải cuộc sống hai vợ chồng và chuẩn bị cho đứa con sắp chào đời... Cái chết bất hạnh lúc sinh nở của bà là hậu quả của sự gắng sức quá độ trước ánh đèn sàn diễn, đứa bé... bị sinh non trong phòng thay đồ khi bà vừa diễn xong màn thứ nhất ...

“... thế rồi Drury Lane gần như được nuôi nấng trên sân khấu, được mang đi từ nhà hát này sang nhà hát khác bởi người cha cố gượng nuôi con, sống khốn khó qua ngày trong những ngôi nhà thuê chung rẻ tiền. Tiếng nói đầu đời của cậu bé là ngôn ngữ kịch; thay nhau chăm sóc cậu là những diễn viên; học vấn của cậu là những gì thuộc về kịch.... Chập chững biết đi cậu bé đã sắm những vai diễn nhỏ... Năm 1887, Richard Lane qua đời vì chứng viêm màng phổi, lời cuối trước khi nhắm mắt là tiếng nhắn nhủ khàn khàn dành cho đứa con trai vừa tròn mười sáu tuổi: ‘Con hãy trở thành diễn viên kịch.’ Thế nhưng, dù khát vọng của Richard dành cho con trai có lớn lao thế nào, nó cũng kém xa so với đỉnh cao mà chàng trai trẻ Drury cuối cùng đã đạt được....

“... Cái tên đặc biệt, theo như ông cho biết gần đây, là do cha mẹ chủ ý đặt cho ông, dựa vào truyền thống sân khấu vĩ đại gắn liền với Nhà hát Drury Lane lâu đời....

“... nói rằng ông phải giã biệt sân khấu do bệnh điếc ngày càng nặng ở cả hai tai - và đến nay căn bệnh đã trầm trọng đến mức ông không còn phân biệt được một cách toàn vẹn giữa các chất giọng trầm bổng khác nhau của chính mình....



“... Ngoại lệ duy nhất trong quyết định từ bỏ những vai diễn ruột thịt của ngài Lane là cả một sự việc lạ lùng. Ông nói rằng, hàng năm vào ngày 23 tháng 4, ông sẽ diễn trọn vở ‘Hamlet’ tại nhà hát riêng ở trang viên Hudson của mình. Lý do ông trân trọng chọn đúng ngày này vì, theo sự chấp nhận rộng rãi của công chúng, đó là dịp kỷ niệm ngày sinh lẫn ngày mất của Shakespeare. Một điều rất thú vị là ngài Drury Lane đã diễn vai này trên năm trăm lần, chiếm kỷ lục về buổi diễn trên khắp các quốc gia cùng chung gốc rễ về văn hóa và lịch sử Anh.”

*Trích từ bài báo đăng trên tạp chí Điện trang thôn quê, mô tả trang viên của ngài Drury Lane, lâu đài Hamlet:*

“... Trang viên được thiết kế theo truyền thống kiến trúc Elizabeth\* thuần nhất, gồm một tòa thành khổng lồ, và bao quanh là cả một ngôi làng thu nhỏ dành cho những người sống và làm việc cho ngài Lane. Trong ngôi làng này, mỗi ngôi nhà là một bản sao nguyên vẹn của túp lều thời Elizabeth với kiểu mái rạ đặc trưng, đầu hồi chóp nhọn, v.v. Tất cả đều được trang bị tiện nghi hiện đại, nhưng được che đậy khéo léo để không gây xáo trộn cảm giác về một thời đại trong quá khứ.... Cảnh quan vườn tược là cả một khung cảnh tuyệt đẹp; tỷ như, những hàng rào cây xanh là do đích thân chuyên gia của ngài Lane đưa về từ các vùng nông thôn Anh quốc.”

*Trích từ bài phê bình của Raoul Molyneux đăng trên tạp chí La Peinture, Paris, 1927, về Bức chân dung ngài Drury Lane, tranh sơn dầu, họa sỹ Paul Révissons:*

“... y như lần tiếp kiến ngài trong chuyến thăm vừa qua của tôi.... Vóc dáng cao lớn mảnh dẻ, trầm lặng nhưng mang vẻ sinh động khó tả, mái tóc trắng như cước lòa xòa dài tận cổ, đôi mắt màu lục xám tinh nhanh sắc sảo, nét mặt cân đối hoàn hảo gần như cổ điển, thoạt nhìn cho ta cảm giác bất động vô hồn song lại

có khả năng đổi thay đột ngột.... Ông đứng thẳng người, sừng sững như Đại đế Carolus, cánh tay phải trong chiếc áo choàng thụng màu đen quen thuộc, bàn tay phải đặt trên quả nắm cây gậy gỗ mận gai trứ danh của ông, chiếc mũ dạ màu đen tròn vành thì để trên bàn cạnh bên.... Hiệu ứng kỳ quái của bóng tối càng nổi bật vì y phục u buồn của ông ... nhưng được giảm nhẹ đi bằng cảm giác thật kỳ lạ rằng, người này chỉ cần nhấc ngón tay và thế là toàn bộ phục trang của thế giới hiện đại sẽ rơi tuột xuống chân, để lại nơi ông một dáng hình rục rờ từ quá khứ....”

*Trích thư của ngài Drury Lane gửi ngài Bruno, công tố viên hạt New York, ngày 5 tháng 9 năm 193-:*

“Xin được thứ lỗi về việc đã mạo muội xen vào phận sự của văn phòng quý ngài khi đính kèm theo đây một bài phân tích khá dài dòng, hoàn toàn tự tay tôi biên soạn, liên quan đến vấn đề nan giải của cảnh sát về việc tìm ra kẻ giết John Cramer.

“Các dữ liệu phân tích của tôi hoàn toàn dựa vào những gì tôi thu thập được từ những bài báo mà thông tin đôi lúc còn chưa thỏa đáng về vụ án này. Tuy vậy, thiết nghĩ rằng khi xem qua nội dung phân tích và đáp án, ngài sẽ đồng ý cùng tôi rằng cách sắp xếp giữa các sự việc với nhau như tôi trình bày chắc chắn sẽ dẫn đến một kết luận logic duy nhất.

“Mong ngài đừng xem đây chỉ là giả định từ một người luống tuổi đã về hưu. Tôi vốn đặc biệt quan tâm đến tội ác hình sự, và sẵn sàng hỗ trợ khi có yêu cầu của ngài về bất cứ vụ án nào khác mà kết luận xem ra còn vô định hoặc bất khả thi.”

*Điện tín đã nhận tại lâu đài Hamlet, Ngày 7 tháng 9 năm 193-:*

LỜI THỨ TỘI ĐÃ XÁC NHẬN ĐÁP ÁN XUẤT SẮC CỦA NGÀI VỀ VỤ ÁN CRAMER - CHẤM - LIỆU THANH TRA THUMM VÀ TÔI ĐÂY CÓ THỂ GHÉ ĐẾN SÁNG MAI LÚC MƯỜI GIỜ BA MƯƠI ĐỂ TỎ LỜI

CẢM ƠN ĐỒNG THỜI THAM VẤN Ý KIẾN NGÀI VỀ VỤ ÁN MẠNG  
LONGSTREET.

WALTER BRUNO

# NHÂN VẬT

- Ngài DRURY LANE - Nghệ sĩ kịch đã giải nghệ vì mắc chứng bệnh điên, có khả năng quan sát suy đoán tài tình.
- Công tố viên hạt WALTER BRUNO - người đồng hành cùng thanh tra Thumm trong việc phá án.
- Thanh tra THUMM - chịu trách nhiệm chính điều tra các vụ án, tính khí nóng nảy.
- Bác sĩ SCHILLING - Bác sĩ pháp y rất giỏi trong công việc.
- HARLEY LONGSTREET - nhà môi giới chứng khoán, nạn nhân vụ án mạng.
- JOHN O. DEWITT - nhà môi giới chứng khoán, bạn hợp doanh của Harley Longstreet, nạn nhân vụ án mạng.
- Phu nhân FERN DEWITT - vợ của John O. DeWitt, người gốc Tây Ban Nha.
- Tiểu thư JEANNE DEWITT - con gái của John O. DeWitt.
- CHRISTOPHER LORD - hôn phu của Jeanne DeWitt, đồng thời là nhân viên cấp dưới của John O. DeWitt.
- FRANKLIN AHEARN - bạn của John O. DeWitt, say mê môn cờ vua và chơi rất giỏi.
- CHERRY BROWNE - diễn viên, người tình của Harley Longstreet.
- POLLUX - diễn viên, bạn của Cherry Browne.

MÀN I

# CẢNH 1

Lâu Đài Hamlet

Thứ Ba, Ngày 8 Tháng 9

10 Giờ 30 Sáng

Bên dưới, lóng lánh trong làn sương xanh mờ là dòng sông Hudson, một cánh buồm trắng lướt nhẹ theo chiều gió, một con tàu hơi nước thong thả guồng nước về hướng thượng nguồn.

Chiếc ô tô từ từ tăng tốc dọc theo con đường hẹp quanh co. Hai hành khách trên xe tranh thủ nhìn ngó xung quanh. Xa xa phía trước, in trên nền trời mây là những tháp canh cổ xưa đến khó tin, những thành lũy bằng đá, những tường chắn có lỗ châu mai hình răng cưa, một ngọn tháp nhà thờ cổ kính trông khá kỳ cục, đỉnh tháp nhọn nhô hẳn lên khỏi khu rừng xanh rậm rạp cây lá.

Hai người nhìn nhau. “Tôi bắt đầu thấy mình giống cái tay Yankee xứ Connecticut\* rồi đấy!” - Một người hơi rùng mình lên tiếng.

Người kia, cao to và vạm vỡ, cất giọng làu bàu: “Hiệp sĩ mang giáp sắt, hả?”

Chiếc ô tô chột khựng lại trước một chiếc cầu thô sơ kiểu cổ. Từ một túp lều mái tranh gần đó, một lão già bé nhỏ vẻ mặt hồng hào bước ra. Lão lăng lạng chỉ vào tấm bảng bằng gỗ khắc bằng ký tự Anh ngữ cổ đang đu đưa trên cửa:

*‘Lâu đài Hamlet\* - cấm xâm nhập’*

Người đàn ông cao to vạm vỡ thò đầu ra cửa xe nói lớn: “Chúng tôi đây muốn gặp ngài Drury Lane!”

“Vâng, thưa ngài.” Ông lão bé nhỏ nhanh nhẩu bước đến. “Thế quý ngài có thể vào cửa chứ ạ?”

Hai vị khách nhìn nhau, người kia nhún vai còn gã to con gất: “Ngài Lane đang đợi chúng tôi.”

“Ô.” Lão gác cầu gãi gãi mái đầu bạc rồi mất hút vào trong lều. Thoáng sau lão trở ra, dáng vẻ ra chiều đơ đả. “Thành thật xin lỗi thưa quý ngài. Lối này ạ.” Lão lật đật tiến đến chỗ chiếc cầu, kéo cánh cổng sắt cốt kết mở ra rồi lùi lại. Chiếc ô tô lăn bánh qua cầu rồi chạy nhanh dần theo con đường rải sỏi sạch sẽ.

Hết quãng đường ngắn xuyên qua cánh rừng sồi xanh ngắt, chiếc ô tô chạy vào một khoảng rừng thưa rộng rãi. Tòa lâu đài như gã khổng lồ đang say ngủ ườn mình trước mặt họ, tựa vào dãy đồi Hudson và được bao bọc bởi bức tường làm từ đá granite. Khi xe đến, một cánh cửa to tướng có gắn móc khóa sắt hoen rỉ tách khỏi bức tường; đứng bên cạnh là một lão già khác, tay ngả nón chào miệng mỉm cười vui vẻ.

Họ lại đi vào một con đường uốn lượn mềm mại xuyên qua những vườn cây ngập tràn hoa cỏ, được ngăn cách với đường đi bằng hàng rào cây xanh được xén tỉa đều tăm tắp và cách quãng bởi những cây thủy tùng. Hai bên đường là những nếp nhà tranh kiểu mái đầu hồi, lấp ló sau những bờ đất thoải thoải, trông chẳng khác gì những ngôi nhà ở xứ sở thần tiên. Ở giữa một vườn hoa gần đó, nước đang róc rách chảy từ bức tượng nàng tiên cá tạc bằng đá.

Cuối cùng họ cũng đến chân tòa thành. Lại lần nữa, khi xe đến gần, một lão già đã chờ đón họ, chiếc cầu rút khổng lồ được hạ xuống, tiếng xích sắt kêu loảng xoảng khi chiếc cầu bắc qua mặt nước lóng lánh của con hào. Bên kia cầu, cánh cửa nặng nề bằng gỗ sồi và kim loại cao đến hai mươi bộ\* mở ra tức thì; một lão già bé nhỏ xúng xính trong bộ chế phục lấp lánh đã đứng đấy. Lão có nét mặt hồng hào đến lạ thường, vừa cúi chào vừa cười mỉm như thể đang thích chí lắm với một trò đùa bí mật nào đó.

Những vị khách vẫn chưa dứt kinh ngạc vội xuống xe, nhanh chóng băng qua cây cầu sắt.

“Ngài công tố viên Bruno ạ? Ngài thanh tra Thumm ạ? Mời theo lối này.” Người gia nhân già bụng phệ vừa nói vừa vui vẻ dẫn họ đi vào bên trong tòa thành thế kỷ thứ XVI.

Họ đứng trong một đại sảnh đường thênh thang chói sáng ngợp. Những khung trần gác trên những thanh rầm to lớn. Những bộ giáp trụ lấp lóa. Những cổ vật treo trên tường. Trên vách tường phía xa nhất, cao hơn cả bức họa Vallhalla\* là một chiếc mặt nạ Hải rất lớn đang liếc mắt đưa tình, còn ở vách tường đối diện là hai chiếc mặt nạ Bi đang cau mày tư lự; chúng đều là tác phẩm điêu khắc bằng gỗ sồi đã nhuộm màu thời gian. Từ trần nhà lơ lửng thòng xuống khoảng không ở giữa hai chiếc mặt nạ là một chân nến chùm đồ sộ bằng hoa sắt, những cây nến khổng lồ có đường dây điện chạy ngầm bên trong.

Lúc này, từ cánh cửa phía bức tường xa nhất, một bóng dáng lạ lùng như từ quá khứ hiện ra, một lão già lụ khụ gù lưng với cái đầu hói, râu ria thậm thượt, da dẻ nhăn nheo, mình khoác chiếc tạp dề bằng da tơi tả trông như một ông lão thợ rèn. Vị công tố viên và thanh tra Thumm đưa mắt nhìn nhau, viên thanh tra khẽ nói: “Tất cả bọn họ đều già như vậy sao?”

Lão gù nhanh nhẹn bước đến cất tiếng chào. “Chúc một ngày tốt lành, thưa quý ngài. Chào mừng các ngài đến lâu đài Hamlet.” Lão lập bập nói, giọng hơi kì cục như thể lão không hề quen với việc nói năng. Lão quay sang lão bộc mặc chế phục bảo: “Suyt, Falstaff,” nghe vậy đôi mắt của công tố viên Bruno càng mở to hơn.

“Falstaff\*...” ông lẩm bẩm. “Vô lý, không thể nào. Đó không thể là tên ông ta!”

Lão gù vờ vê bộ ria của mình. “Đúng thế, thưa ngài. Trước hẳn vốn là Jake Pinna, diễn viên. Nhưng đây là ngài Drury gọi hẳn thế.... Mời đi lối này.”

Lão dẫn họ quay lại để đến chiếc cửa lão xuất hiện khi nãy, tiếng chân họ vang lên trong đại sảnh. Lão chạm tay lên tường, cánh cửa trượt mở ra. Ở



nơi cổ kính lạ lùng này lại xuất hiện một chiếc thang máy! Lắc đầu như không tin ở mắt mình, hai người bước vào lồng thang với lão gù theo sau. Thang máy đưa họ lên trên rồi nhẹ nhàng dừng lại; một cánh cửa nhỏ khác lập tức mở ra và lão già gù lưng nói: “Đây, khu phòng riêng của ngài Lane.”

To lớn, đồ sộ và cổ xưa... Mọi thứ đều cổ xưa và phảng phất phong vị nước Anh thời nữ hoàng Elizabeth. Da và gỗ sồi, gỗ sồi và đá. Bên trong lò sưởi rộng mười hai bộ được đỡ bởi một thanh dầm đặc chắc đã ngả sang màu đồng vì khói và thời gian, một đám lửa nhỏ đang bập bùng. Bruno với đôi mắt màu nâu không ngừng cảnh giác bỗng nghe khoan khoái vì hơi nóng; bầu không khí vẫn còn hơi se lạnh.

Họ ngồi lút trong chiếc ghế cổ to ngoại cỡ khi lão già ra dấu mời, bản khoả nhìn nhau. Ông lão già nua đứng sát vào tường lặng im như chiếc bóng, tay ôm bộ râu; rồi lão quay ra và cất giọng khá rõ ràng. “Ngài Drury Lane.”

Không ai bảo ai cả hai người đều nhồm dậy; đứng ở ngưỡng cửa là một người vóc dáng cao lớn đang nhìn họ chăm chú. Lão già lưng gù bấy giờ khẽ nghiêng mình cúi chào, gương mặt già nhăn nheo của lão toát ra một nụ cười rất lạ. Chưa kịp định thần, vị công tố viên và ngài thanh tra ngỡ ngàng thấy chính mình cũng đang cúi người chào.

Ngài Drury sai bước vào phòng và chìa bàn tay răn chắc nhưng nhợt nhạt. “Chào các quý ngài. Tôi rất hân hạnh. Xin mời ngồi.”

Bruno nhìn sâu vào đôi mắt màu xanh xám vô hi vô ưu; ông mở lời và chột dạ khi ánh mắt ấy chuyển xuống nhìn đôi môi của mình. “Ngài Lane, cảm ơn ngài đã tiếp kiến thanh tra Thumm và tôi đây,” ông thấp giọng. “Chúng tôi... à, nên nói thế nào nhỉ. Ngài có một cơ ngơi điền sản thật ấn tượng, thưa ngài.”

“Ấn tượng là cảm giác khi nhìn lần đầu, thưa ngài Bruno, nhưng đấy chỉ vì nó bày ra trước con mắt thế kỷ XX - vốn thừa thãi những góc nhìn khe khắt - một vẻ cổ xưa đã lỗi thời.” Giọng nói của người diễn viên nghe thật bình thản, hệt như ánh mắt ông ta, với Bruno giọng nói này trầm hơn bất cứ

giọng ai khác ông từng nghe qua. “Khi gần gũi lâu hơn ông sẽ đâm ra yêu thích nó, như tôi đây vậy. Lâu đài Hamlet, như có lần một đồng nghiệp của tôi từng bảo, chỉ là một bức phong màn, một hiệu ứng phong cảnh với những ngọn đồi dễ thương làm nền cho vòm trước sân khấu. Nhưng với tôi thì nó biết sống và biết thở, một phần của những gì đẹp nhất của nước Anh xưa. ...Quacey!”\*

Lão gù bước đến bên người diễn viên. Bàn tay của Lane xoa lên chỗ gù trên lưng của lão già. “Thưa quý ngài, đây là Quacey, một người bạn thân không rời tôi nửa bước và, tôi dám chắc với quý ngài, là một thiên tài. Lão là người hóa trang cho tôi trong suốt bốn mươi năm.”

Quacey lại nhẹ cúi chào theo một cách nào đó, làm hai vị khách cảm thấy rõ ràng mối liên hệ thân thiết ấm áp giữa hai con người hoàn toàn tương phản với nhau này. Cả Bruno và Thumm cùng cất lời; ánh nhìn của Lane di chuyển qua lại từ môi người này sang môi người kia, nét mặt không biểu lộ cảm xúc của ông hơi nhếch lên gần giống một nụ cười. “Vui lòng nói từng người. Tôi hơi điếc, các ngài thấy đấy. Tôi chỉ có thể đọc khẩu hình một lúc một người mà thôi - một thành quả ngày nay mà tôi rất lấy làm tự hào đấy.”

Hai vị khách ập úng xin lỗi và trong khi họ cùng ngồi lại vào ghế, Lane cũng kéo chiếc ghế phía trước lò sưởi, chiếc ghế phải thuộc hàng cụ ông của tất cả những chiếc ghế cổ, rồi ngồi xuống đối diện hai người. Thanh tra Thumm để ý thấy Lane sắp xếp chỗ ngồi của mình sao cho ánh sáng lò sưởi soi sáng mặt khách còn bản thân mình ở chỗ tối. Quacey đã lánh sang bên; lão thu mình bất động trên chiếc ghế tựa ở góc tường xa nhất, trông hệt một pho tượng xương xẩu già nua sạm nắng; xa khuất tầm mắt của mọi người.

Bruno khẽ hăng giọng. “Thanh tra Thumm và tôi đây, thưa ngài Lane, đều thấy chúng tôi có chút mạo muội khi đến gặp ngài theo cách này. Hẳn nhiên tôi đã không bao giờ gửi điện tín báo trước nếu ngài không giải quyết vụ Cramer giúp chúng tôi một cách thực sự lạ thường như đã nói trong thư của ngài.”

“Hầu như chẳng lạ thường nếu xét về bản chất, thưa ngài Bruno.” Giọng nói trầm vọng ra từ chiếc ghế. “Hành động của tôi chẳng phải chưa từng có tiền lệ. Trước đây Edgar Allan Poe\* cũng đã gửi hàng loạt thư đến tòa soạn báo New York gợi ý cách giải quyết vụ án mạng Mary Rogers đấy thôi. Khi phân tích vụ án Cramer, tôi phát hiện dường như sự thật đã bị đánh lạc hướng bởi ba sự việc chẳng ăn nhập gì đến cách giải quyết cả. Đáng tiếc là các ngài bỗng dừng quay sang những chuyện chẳng liên quan này. Có phải quý ngài đang muốn tham vấn tôi về vụ án mạng Longstreet?”

“Ngài có chắc không, thưa ngài Lane, rằng vị thanh tra đây và tôi... À, ý chúng tôi là ngài đang bận bịu dường ấy.”

“Tôi không bao giờ bận đến nỗi bỏ qua cấu trúc cơ bản nhất của vở kịch, thưa ngài Bruno.” Giọng nói giờ đã pha chút sôi nổi. “Chỉ sau khi buộc phải giã từ sân khấu tôi mới bắt đầu nhận ra chính cuộc đời cũng có nhiều tuồng hay. Sân khấu chỉ là nơi hạn hẹp, gò bó. Nhân vật trong một vở kịch, nói theo đánh giá của Mercutio\* về những giấc mơ, chẳng qua là ‘những đứa trẻ lười suy nghĩ không có gì ngoài mộng tưởng hão huyền.’” Hai người khách bị kích động bởi ma lực trong giọng nói của Lane. “Nhưng những nhân vật ngoài đời, vào khoảnh khắc xuất thần sẽ làm toát lên khía cạnh lớn hơn của vở kịch. Họ không bao giờ có thể ‘hòa lẫn vào hư không và đổi thay như gió thoảng.’”

“Tôi hiểu,” vị công tố viên chậm rãi nói. “Giờ tôi đã hiểu. Vâng, giờ thì rõ rồi.”

“Tội ác - tội ác bạo lực bị xui khiến vì cảm xúc đang lẩn át - chính là tinh hoa của vở kịch về con người. Và án mạng là cao trào độc hữu ở đích thân tội ác. Suốt đời tôi, bên cạnh những người anh chị em lỗi lạc trong nghề” - ông mỉm cười buồn bã - “Modjeska\*, Edwin Booth\*, Ada Rehan\* và hết thảy những kịch sĩ vinh quang khác - tôi luôn cố lý giải những cao trào cảm xúc chỉ có trên sân khấu. Giờ, nếu có thể, tôi muốn đi lý giải chuyện thực. Tôi cho rằng mình có thể đóng góp cho công việc này bằng một trí tuệ nghề nghiệp khá độc đáo. Tôi đã từng gây án mạng không biết bao lần trên sân khấu; xét về cảm xúc tôi đã chịu nổi thống khổ theo cốt truyện, mà đấy

chính là sự tra tấn về lương tâm. Tôi, giữa những người có lẽ không cao quý bằng, đã bao lần từng là Macbeth\*, và bao lần từng là Hamlet. Và, như một đứa bé lần đầu được ngắm nhìn một kỳ quan đơn giản, tôi ngộ ra rằng thế giới đầy rẫy những Macbeth và Hamlet. Nghe thì nhàm nhưng đúng thật...”

“Không chỉ ngoan ngoãn tuân theo người giật dây điều khiển, giờ tôi muốn mình là kẻ đứng giật những sợi dây ấy, nhưng phải vĩ đại hơn tác giả của một vở kịch. Mọi thứ xảy ra phù hợp đến tuyệt vời; đến cả tai họa không may của tôi” - ông chạm ngón tay thon gầy vào tai mình - “cũng giúp tôi mài giũa năng lực tập trung của mình. Tôi chỉ việc nhắm mắt lại là lập tức đi vào thế giới không âm thanh, nhờ vậy hoàn toàn không bị sao nhãng...”

Thanh tra Thumm thần người ra; ông dường như đắm chìm vào một cảm xúc hoàn toàn xa lạ với bản tính thực tiễn của mình. Ông chớp mắt tự hỏi - và thâm tâm tự giễu mình - rằng đây phải chăng là sự tôn sùng nhân vật.

“Ngài hiểu ý tôi chứ,” giọng nói tiếp tục vang lên. “Tôi có vốn hiểu biết. Tôi có nền tảng kinh nghiệm. Tôi biết nhìn thấu bên trong bằng trực giác. Tôi biết nhìn rõ bên ngoài bằng quan sát. Tôi có sự tập trung. Tôi đoán chắc ở mình có những năng lực về suy luận và trinh thám.”

Bruno húng hắng ho. Đôi mắt dễ gây bối rối ấy liền dán chặt vào môi của ông. “Tôi, thưa ngài Lane, e rằng vấn đề nhỏ của chúng tôi đây hoàn toàn không xứng với... nói sao nhỉ, tầm cỡ của những hoài bão trinh thám của ngài. Đây thực ra chỉ là một vụ án mạng bình thường...”

“Tôi cho rằng tôi chưa nói rõ ý mình.” Giờ thì giọng nói mang đây vẻ khô hài. “Một ‘vụ án mạng bình thường’ ư, ngài Bruno? Nhưng - chính xác thì! Sao tôi lại phải đòi một vụ án mạng bí hiểm nhỉ?”

“À,” thanh tra Thumm chột xen vào, “bình thường hay bí hiểm gì nữa thì nó vẫn là một vấn đề nan giải và ngài Bruno đây thiết nghĩ có thể ngài quan tâm. Thế ngài đã đọc những bài trên báo về vụ án này chưa?”

“Đã. Nhưng tất thảy đều hồ đồ và vô nghĩa. Tôi muốn tiếp cận vấn đề với những thông tin đầy đủ không có bất kỳ thêm thắt nào. Hãy vui lòng

tường thuật cụ thể đến từng chi tiết nhỏ nhất, thưa ngài thanh tra. Hãy mô tả những người liên quan. Hãy liên hệ đến mọi hoàn cảnh chung quanh, dù đó là hoàn cảnh hiển nhiên không hề liên quan hay chẳng mang ý nghĩa gì. Tóm lại, hãy kể tôi nghe tất cả.”

Bruno và Thumm nhìn nhau hội ý; Bruno gật đầu và gương mặt xấu xí của thanh tra Thumm “tự nhào nặn” để biến thành vẻ mặt của người kể chuyện.

Những bức tường cao lớn nhạt dần rồi biến mất. Ngọn lửa lò sưởi, như được vận hành bằng một cái biến trở tự động, bắt đầu tắt dần và lâu đài Hamlet, ngài Drury Lane, ý niệm về những đồ vật cổ xưa, thời gian xa xưa và con người xưa tan ra rồi chìm xuống bên dưới giọng điệu vô biên của viên thanh tra.

## CẢNH 2

Tại Một Phòng Hạng Sang

Ở Khách Sạn Grant

Thứ Sáu, Ngày 4 Tháng 9

3 Giờ 30 Chiều

Buổi chiều thứ Sáu tuần trước (thanh tra Thumm tổng hợp các sự kiện liên quan để kể lại câu chuyện, ngài công tố viên thi thoảng bổ sung thêm vài chi tiết), bên trong gian phòng khách của một phòng hạng sang\* Khách sạn Grant, một khách điểm xây bằng thép và bê tông ở góc phố Bốn Mười Hai và Phố Thứ Tám, New York, hai người, một nam và một nữ, đang ngồi tựa sát vào nhau.

Gã đàn ông là Harley Longstreet, tuổi tầm trung niên, vóc người cao ráo trong bộ comple vải tuyết sợi thô, gương mặt đỏ lừ của người có bệnh, thân hình cường tráng trông ra đã rệu rã qua nhiều tháng năm chơi bởi phóng dăng. Ả đàn bà là Cherry Browne, ngôi sao nhạc hài kịch, da ngăm đen đậm nét Mỹ La tinh, đôi mắt huyền đen láy, đôi bờ môi uốn cong; một người đàn bà táo bạo và đầy mê đắm.

Longstreet hôn ả bằng đôi môi ướt át còn ả thu mình trong vòng tay gã. “Em ước sao bọn họ không bao giờ đến.”

“Vậy ra em thích sự âu yếm của gã trai già?” Gã đàn ông gỡ tay nàng rồi gồng cơ bắp bằng vẻ kiêu hãnh của anh lực sĩ đến thời teo tóp suy vi. “Dù gì bọn họ sẽ đến - bọn họ sẽ có ở đây. Anh mà bảo Johnny DeWitt nhảy, tin anh đi em gái - kiểu gì hấn cũng nhảy!”

“Nhưng sao lại lôi lão ấy đến đây cùng đám bạn lạnh lùng của lão nếu họ không hề muốn đến?”

“Vì anh thích nhìn con kền kền già ấy luống cuống. Hẳn ghét anh đến tận gan ruột, và anh khoái thế. Quý bắt hẳn đi.”

Gã phủ phàng quẳng ả ra khỏi bụng rồi bước đến rót cho mình một cốc rượu từ hàng chai xếp ngay ngắn trên chiếc tủ ly. ả đàn bà nhìn theo gã bằng ánh mắt thờ ơ của con mèo lười.

“Có lúc em chả tài nào hiểu nổi anh. Chả hiểu anh được gì khi hành hạ lão ấy.” ả nhún vai. “Mặc, đó là chuyện của anh. Hãy nốc thỏa thích vào!”

Longstreet lau bầu, ngửa cổ dốc ực cốc rượu vào họng. Gã vẫn ngửa cổ trong lúc ả diễn viên hỏi tiếp bằng giọng điệu thờ ơ: “Bà DeWitt cũng đến chứ?”

Gã ném chiếc cốc whisky lên tủ ly. “Sao không? Đừng lái nhải về bà ấy nữa, Cherry. Anh đã bảo em trăm lần là giữa bọn anh chẳng có gì hết, và chưa bao giờ có gì cả.”

“Liên can gì đến em nào.” ả cười lớn. “Nhưng nếu anh cuỗm vợ lão thì mới đúng là anh ... Còn ai đến nữa thế?”

Gã nhăn mặt. “Cả một đàn. Chúa ơi, sao anh lại ưa nhìn cái cảnh DeWitt tháo cái bản mặt giả dối dài thượt của lão đến thế cơ chứ! Có gã bạn tri kỷ của lão từ Tây Englewood, cái gã Ahearn ấy - thứ gái già thực sự chứ đàn ông gì hẳn, lúc nào cũng phàn nàn về cái bụng của mình. Ôi cái bụng!” Gã nhìn xuống cái bụng hơi xệ của mình một cách chán chường. “Những tên thuyết giáo sống thẳng tuột này dường như luôn có bộ lòng lệch lạc; không có chút gì của thứ đó dành cho Longie đâu em! Lại còn con bé Jeanne DeWitt, con bé ấy cũng ghét anh, và ông bố sẽ bắt cô nàng phải đến, và đây sẽ là một bữa tiệc ngọt ngào. Đặc biệt khi thằng bạn trai Frank Merriwell\* của cô nàng, cái thằng Kit Lord ấy, cũng có mặt.”

“Sao kia, cậu ta là một chàng trai rất dễ thương mà Harl.”

Longstreet lừ mắt. “Hẳn thế rồi. Chàng trai dễ thương. Hẳn là kẻ ngạo mạn, hẳn là như thế. Tên rồi hơi lảm chuyện. Không thể nào chịu được thằng mặt sữa ấy lảng vảng quanh văn phòng. Lẽ ra hồi ấy anh nên bắt

DeWitt đá hẳn ra khỏi cửa rồi mới phải... Dào ôi.” Gã thở dài. “Còn một gã nữa - hẳn sẽ làm em cười. Một gã chỉ điểm người Thụy Sĩ.” Hẳn cười khan. “Louis Imperiale. Anh đã kể cho em về hẳn. Bạn của DeWitt đang ở Mỹ làm ăn... Và, tất nhiên rồi, cả Mike Collins nữa.”

Nghe tiếng chuông cửa Cherry nhảy lên chạy vội ra.

“Pollux, tiền bối! Vào đây nào!”

Kẻ mới đến, một gã đàn ông hơi già ăn vận diêm dúa, gương mặt ngăm đen, mái tóc thưa vuốt dầu trau chuốt và bộ ria vuốt sáp nhọn hoắt, vòng tay ôm lấy ả đàn bà. Longstreet ngật ngưỡng đứng dậy găm gù đe dọa. Cherry Browne đỏ mặt đẩy người mới đến ra, rồi sượng sùng đưa tay sửa tóc.

“Có nhớ ông bạn già thân thiết Pollux của em không nhỉ?” Giọng ả hớn hờ. “Pollux, Pollux Vĩ đại, bậc thầy đọc suy nghĩ của Thời đại giải trí hai lần trong ngày Hai người, bắt tay đi nào.”

Pollux miễn cưỡng theo lời rồi vội bước đến bên tủ ly. Longstreet thì nhún vai quay về chiếc ghế của gã, nhưng rồi lập tức nhồm dậy khi chuông cửa lại reo và Cherry ra mở cửa đón một nhóm người vừa đến.

Lường lự bước vào đầu tiên là một người đàn ông trung niên thân hình mảnh khảnh nhỏ con với mái tóc hoa râm và hàm ria chồi xể. Vẻ mặt Longstreet tươi hẳn lên; gã vội bước đến ra điều thân thiết, vừa cất giọng oang oang chào hỏi vừa siết chặt tay khiến gã đàn ông nhỏ bé, John O. DeWitt, đỏ mặt vì ngỡ ngàng và nheo mắt lại vì đau và lợm giọng. Không chỉ đối lập về hình thức, hai gã đàn ông này còn hoàn toàn tương phản: DeWitt thì dè dặt, hẳn nét lo lắng và rõ ràng thường xuyên trong trạng thái dao động giữa tính cương quyết và sự e dè; Longstreet thì nặng nề, quả quyết, kiêu căng và hách dịch.

DeWitt rụt khỏi Longstreet để gã khổng lồ lướt qua tiếp đón những vị khách khác trong nhóm người vừa đến.

“Fern! Thật là một bất ngờ thú vị.” - Câu này là với vợ của DeWitt, một phụ nữ hơi đầy đà mang phong cách Tây Ban Nha, gương mặt bự phần của bà ta vẫn còn lưu lại vài dấu vết hiếm hoi của một thời xuân sắc. Jeanne



DeWitt, một thiếu nữ nhỏ nhắn có làn da nâu, khẽ gật đầu lạnh lùng; cô đứng sát hơn vào người tháp tùng mình, Christopher Lord, một gã thanh niên tóc vàng cao lớn. Longstreet lờ tịt anh này và quay sang bóp chặt tay của Ahearn và Imperiale, một gã trung niên người Mỹ La tinh vóc người to khỏe trong bộ trang phục chải chuốt cầu kỳ.

“Mike!” Longstreet vươn người ra phía trước vỗ vào lưng một gã đàn ông to ngang vừa chặt vật lách qua khung cửa. Michael Collins là một gã người Ai Len tướng đô con với đôi mắt ti hí và vẻ mặt luôn biểu lộ thái độ thù địch không buồn che giấu. Gã làu bàu chào hỏi rồi nhìn những người khác bằng ánh mắt đầy hung hiểm. Longstreet nắm lấy cánh tay Mike; ánh mắt gã lóe lên. “Chớ phá bình bữa tiệc này đấy nhé, Mike,” gã khàn khàn rỉ tai. “Đã nói là tôi sẽ bảo DeWitt lo cho, vậy qua đó làm vài chén giải sầu đi nhé - nhớ đấy.”

Collins giăng tay ra, không buồn hé môi, hần nhênh nhang bước về phía chiếc tủ ly.

Bồi bàn xuất hiện. Đá kê lạnh canh bên trong những chiếc cốc màu hổ phách. Bữa tiệc hầu như diễn ra trong yên lặng và căng thẳng - lịch sự nhưng đầy gượng gạo. Bản thân DeWitt thì ngồi trên mép ghế, nhợt nhạt và thụ động, thờ ơ nhấp rượu từ chiếc cốc to tướng. Thế nhưng những đầu khớp ngón tay của gã thì trắng trợt gần giống như chiếc cốc.

Đến bên Cherry Browne lúc này trong bộ dạng e ấp và bỗng dưng nhút nhát, Longstreet vòng cánh tay to ôm lấy ả và lớn tiếng gọi để gây sự chú ý. “Này các bạn hữu! Hẳn các vị ai nấy đều biết lý do mình ở đây. Bữa nay là ngày vui của Harley Longstreet đây. Là ngày hội cho cả công ty DeWitt & Longstreet cũng như tất cả bạn bè và những người đến chia vui!” Giọng gã giờ đã hơi lè nhè; gương mặt trở nên đỏ bầm hơn cả lúc nãy, đôi mắt thì trông như hai chấm nhỏ. “Hân hạnh giới thiệu cùng mọi người - đây quý bà Longstreet tương lai!”

Vài tiếng rì rầm vang lên cho phải phép. DeWitt đứng dậy, bằng động tác cứng đờ gượng gạo, gã cúi chào ả diễn viên rồi quay sang hời hợt bắt tay Longstreet. Louis Imperiale sải chân tiến đến, gã ra dáng nịnh đầm vừa

ngiên người chạm môi vào bàn tay có những chiếc móng cắt tỉa cầu kỳ của ả diễn viên vừa dập gót chân theo kiểu nhà binh. Ngồi bên chõng, nắm chặt chiếc khăn tay, bà DeWitt cố nặn ra nụ cười gượng gạo. Từ chiếc tủ ly, Pollux lắc lư bước đến đưa tay vụng về quàng quanh eo của Cherry. Longstreet lẳng lặng lánh ra, gã vừa quay về chỗ tủ ly vừa lăm bắm một mình như kẻ đã say.

Đám phụ nữ trầm trồ khen chiếc nhẫn kim cương to tướng lấp lánh trên bàn tay trái của ả diễn viên. Lại có thêm bồi bàn tiến vào phòng, tay khệ nệ khênh bàn ghế và bát đĩa...

Họ, ăn uống qua loa. Pollux dò dẫm những chiếc núm trên radio. Tiếng nhạc vang lên cùng những bước nhảy uể oải. Duy chỉ có Longstreet và Cherry Browne là ra chiều hơn hởi; gã đàn ông lớn xác nô đùa như một đứa trẻ, chộp bắt lấy Jeanne DeWitt bằng một cái ôm nghịch ngợm. Christopher tóc vàng lạnh lùng chen vào; hai kẻ say sưa liền khiêu vũ tách ra xa. Longstreet cười khùng khục; Cherry thì giữ lấy khuỷu tay gã, ngọt ngào, hiểm ác...

Đến 5 giờ 45, Longstreet tắt chiếc radio rồi phấn khích cao giọng: “Quên báo mọi người, một bữa tiệc nhỏ đã được chuẩn bị ở chỗ tôi tại Tây Englewood, ngạc nhiên chứ? Hãy ngạc nhiên nào!” Gã gào lên. “Mời tất cả mọi người, ai cũng phải đến. Cả cậu nữa, Mike. Cả ngài nữa, là ông đấy, Pollux, hay tên gì gì của ông cũng được, cứ việc đến cùng và đọc ý nghĩ bọn tôi hay làm điều gì đó.” Gã trở mắt nhìn đồng hồ. “Nếu đi ngay ta có thể kịp giờ lên tàu, nào, mọi người!”

Bằng giọng ghen ghét DeWitt phản đối rằng gã có công chuyện khác vào buổi tối, rằng những vị khách riêng của gã... Longstreet trừng mắt. “Tôi bảo là tất cả mọi người!” Imperiale nhún vai mỉm cười; Lord nhìn Longstreet bằng vẻ xem thường, anh chàng quay sang DeWitt, mắt ánh lên vẻ khó xử...

Đúng 5 giờ 50, toàn bộ khách khứa rời khỏi căn phòng hạng sang của Cherry Browne, lúc này bừa bãi những vụn rác, chai lọ, khăn ăn, cốc chén. Họ chen chúc vào một buồng thang máy để xuống tầng dưới và tụ tập ở

tiền sảnh khách sạn. Longstreet thét gọi một cậu nhân viên bảo mang đến tờ báo chiều và gọi taxi.

Họ ra đến vỉa hè dọc phố Bốn Mười Hai ngoài cửa khách sạn. Người gác cửa huýt sáo gọi taxi một cách vô vọng. Đường phố lúc này đã tắc nghẽn, xe cộ chen nhau nhích từng chút một; những đám mây giông vằn vữa kéo đến trên bầu trời càng lúc càng đen kịt. Sau nhiều tuần liền khô nóng thế nào cũng có những cơn mưa như trút nước.

Rồi cơn mưa sầm sập đến, bất ngờ và xối xả, khiến đám bộ hành lẫn xe cộ lưu thông biến thành một khung cảnh nháo nhào, hoảng hốt, rối tinh rối mù như canh hẹ.

Người gác cửa hết vung tay lại đá chân để ra hiệu, chốc chốc lại ngoái đầu nhìn Longstreet ra chiều tuyệt vọng. Cả nhóm hồi hả tìm chỗ trú bên dưới mái hiên một cửa hiệu kim hoàn phía góc đường đại lộ Thứ Tám.

DeWitt lách mình đến gần Longstreet. “Có việc tôi muốn bảo kéo lại quên, về phần nà của Weber ấy, chả lẽ anh không cho là ta nên làm theo điều tôi đề nghị sao?” Ông ta ấn một chiếc phong bì vào tay gã bạn cùng làm ăn của mình.

Tay phải vẫn ôm lấy eo Cherry Browne, Longstreet lấy chiếc hộp kính bằng bạc ra khỏi túi áo khoác bên trái. Gã vừa nhét lại chiếc hộp vào túi vừa tách mình ra khỏi người đàn bà rồi sửa lại cặp kính cho ngay ngắn trên sống mũi. Gã rút lá thư được đánh máy ra khỏi phong bì rồi thờ ơ đọc lướt qua trong khi DeWitt nheo mắt chờ đợi.

Longstreet khịt mũi. “Hẳn nhiên là không.” Gã ném lá thư trả lại DeWitt; DeWitt bắt trượt và lá thư rơi xuống vỉa hè ướt át. Mặt tái nhợt như người chết, DeWitt cúi xuống nhặt lá thư. “Weber cứ việc bằng lòng hay không bằng lòng ý tôi quyết rồi. Thôi nhé, đừng quấy rầy tôi về chuyện ấy nữa.”

Pollux reo lên: “Có một chiếc Crosstown đến kìa, ta lên thôi!”

Giữa đám xe cộ đông đúc trước mặt họ, một chiếc xe điện màu đỏ đang lừ lừ tiến đến. Longstreet giật kính ra, bỏ vào hộp, cho vào túi áo bên trái, giữ nguyên tay trong túi. Cherry Browne ép người vào thân hình to lớn của

gã; gã vẫy bằng tay phải. “Quý bắt taxi đi!” gã nói lớn. “Ta lên xe điện thôi!”

Chiếc xe điện rít lên khi tiến đến điểm dừng. Một đám người hỗn độn quần áo sũng nước và cái gắt chen nhau lên cửa sau xe lúc này vừa mở ra. Nhóm của Longstreet cũng xô vào đám đông, chen lấn để lên xe, Cherry vẫn níu lấy cánh tay trái của Longstreet, bàn tay trái của Longstreet vẫn còn trong túi áo của gã.

Họ đến được bậc thềm lên xe. Người bán vé cất giọng khàn khàn: “Nào! Mời lên xe!”

Quần áo ai nấy đều ướt sũng nước mưa.

DeWitt bị ép chặt giữa hai thân hình to lớn của Ahearn và Imperiale. Họ xô đẩy giành đường tiến lên, Imperiale ra vẻ ta đây cố dẫn đường cho bà DeWitt, gã ngoái cổ về phía Ahearn, nheo mắt pha trò... sốt-tô-vô\* rằng đây là bữa tiệc lạ đời nhất gã từng - di-a-lơ\* - hân hạnh tham dự!

# CẢNH 3

Xe Điện Tuyến Crosstown

Phố Thứ Bốn Mười Hai

Thứ Sáu, Ngày 4 Tháng 9

6 Giờ Tối

Giờ thì họ đã ở trên sàn lên xuống phía sau, bức bí vì sự chen chúc của đám đông ướt át, cố gắng xoay trở bằng cả khuỷu tay và đầu gối để xô lẩn qua chỗ dành cho người bán vé. Longstreet đứng gần bậc cấp bên trong dẫn vào khoang xe, lúc này Cherry Browne thả cánh tay trái của gã ra để cố theo kịp những người còn lại trong nhóm.

Cuối cùng người bán vé cũng đóng được hai cánh cửa màu vàng trong lúc vừa phải hít thở khó khăn vừa xô đẩy hành khách vào trong xe. Sàn phía sau xe điện đầy chật người, hành khách ai nấy đều vung vẩy tiền vé nhưng người bán vé kiên quyết không cầm tiền cho đến khi cửa xe đóng hẳn và ông ra hiệu người lái xe tiếp tục lên đường. Còn cả một đám đông thất vọng vì không lên được xe, họ xúm xít vào nhau trong mưa một cách khổ sở.

Longstreet đứng lắc lư theo nhịp chuyển động của chiếc xe tay phải cầm chặt tờ một đô la đưa cao quá đầu những người cùng nhóm của gã ở sàn lên xuống phía sau. Bên trong khoang xe, kẻ đứng người ngồi chật như nêm cối, không khí ẩm ướt cộng với cửa sổ chỗ nào cũng đóng kín khiến không gian ngột ngạt gây cảm giác khó chịu khôn tả.

Người bán vé len lỏi đến gần cầm lấy tờ bạc từ tay Longstreet, miệng ông ta vẫn không ngớt la lên những mệnh lệnh điều khiển. Đám đông vừa

lấn nhau vừa xô đẩy và Longstreet thì luôn miệng càu nhàu hét một con gấu đang bị chọc tức, nhưng cuối cùng gã vẫn nhận được tiền thối và bắt đầu chen vai hích cánh theo sau nhóm của mình. Gã tìm thấy Cherry Browne phía trước những người khác, đã len được nửa đường trong khoang xe, thấy gã ả liền bám lấy cánh tay phải và dịch lại gần hơn. Longstreet với tay nắm lấy một sợi đai da để bám trên xe.

Chiếc xe đều đều chạy về hướng đại lộ Thứ Chín trong khi ngoài trời mưa vẫn âm ỉ ướt nước suốt đoạn đường đi.

Đang thọc tay vào túi lần tìm hộp kính, Longstreet bỗng buột miệng rủa lên và rút nhanh tay khỏi túi, cầm theo chiếc hộp bằng bạc trên tay. Cherry hỏi: “Chuyện gì thế Harl?” Longstreet ngờ vực kiểm tra bàn tay trái của gã: lòng bàn tay và các ngón tay đang rịn máu ở nhiều nơi. Mắt gã nhìn lạ lùng, gương mặt nặng nề của gã giần giật và hơi thở phập phồng nơi cánh mũi. “Chắc bị cào xước, có thể là cái thứ quái quỷ gì... ?” giọng gã bắt đầu ú ớ. Chiếc xe rùng lên, lắc lư rồi khựng lại, người trên xe mất đà chúi về phía trước. Theo phản xạ Longstreet với tay trái lần tìm sợi đai để bám, còn Cherry thì giữ lấy cánh tay phải để đỡ cho gã. Chiếc xe lại giật lên và tiến thêm vài bộ về phía trước. Longstreet nặng nề lau bàn tay chảy máu vào chiếc khăn tay, rồi bỏ chiếc khăn trở lại vào túi quần, lấy cặp kính ra khỏi hộp, thả chiếc hộp vào túi, làm động tác như định mở tờ báo đang kẹp dưới cánh tay phải của gã - mọi thứ đều có vẻ càng lúc càng hoang mang bối rối.

Xe dừng lại ở đại lộ Thứ Chín. Cả một đám đông bên ngoài vừa la lối vừa nện âm ỉ vào những cánh cửa xe đóng kín nhưng người soát vé vẫn lắc đầu. Trận mưa càng lúc càng nặng hạt và chiếc xe điện lại nặng nề bò đi.

Longstreet bỗng buông sợi đai thẳng băng, thả rơi tờ báo chưa đọc và sờ tay lên trán. Gã vừa thờ hốt hốt vừa kêu rên như một người đang trong cơn đau khủng khiếp. Cherry Browne hốt hoảng ghì lấy cánh tay phải của gã rồi đưa mắt nhìn quanh như để cầu cứu...

Chuyến xe đang trên đường từ đại lộ Thứ Chín đến đại lộ Thứ Mười, nó dừng, rồi chạy, lại dừng, rồi chạy giữa sự hỗn độn của giao thông phía

trước.

Longstreet thở hổn hển, chân tay cứng lại trong trạng thái co rút, mắt mở to hệt như một đứa bé đang sợ hãi. Thế rồi, như một quả bóng bị kim đâm xì hơi, gã té quỵ và nằm vật xuống, đờ vắt ngang lên một thiếu nữ ngồi ngay trước mặt.

Một người đàn ông trung niên vóc người chắc nịch đang đứng bên trái Longstreet, nãy giờ đang nghiêng người nói chuyện với người thiếu nữ, một cô gái tóc nâu khá xinh có gương mặt bự phấn, thấy vậy liền giận dữ nắm lấy cánh tay buông thõng của gã giật mạnh. Y quát lên, “Xéo ra cái nhà anh này! Anh tưởng mình ở đâu thế hả?”

Thế nhưng thân hình Longstreet chỉ im lìm tuột khỏi lòng cô gái rồi đổ ập xuống sàn xe dưới chân mọi người.

Cherry lập tức thét lên.

Bốn bề chợt im phăng phắc, rồi thì chung quanh bắt đầu nhốn nháo khi ai nấy cố nghển cổ nhìn và nhóm người của Longstreet vội vã xô người kéo đến.

“Chuyện gì thế?”

“Longstreet!”

“Ông ấy ở dưới!”

“Say à?”

“Coi chừng... cô ấy bị ngất kìa!” Michael Collins kịp đỡ lấy vừa lúc ả diễn viên té ngã người.

Quá hoảng hốt, người thiếu nữ có gương mặt dôi phấn cùng gã hộ vệ lực lưỡng của cô ta giờ ai nấy mặt mày trắng bệch không thốt ra lời. Cô gái thì nhảy dựng lên, bám chặt vào cánh tay người đàn ông, mắt khiếp đảm nhìn xuống Longstreet đang nằm rúm ró trên sàn xe. Thế rồi cô nàng thét lên, “Ôi Chúa ơi, ai đó làm gì đi chứ? Nhìn mắt ông ấy kìa! Ông ấy, ông ấy...” Cô ta run lên úp mặt vào áo khoác bạn đồng hành.

DeWitt lạnh lùng đứng một bên, đôi bàn tay nhỏ bé của lão nắm lại. Ahearn và Christopher Lord chật vật lật thân hình nặng nề của Longstreet

rồi cố sức kéo gã lên đặt vào chỗ cô gái vừa bỏ trống. Một ông trung niên người Ý nhanh nhẹn đứng dậy giúp đặt người gã ngay ngắn vào chỗ ngồi. Bấy giờ hai mắt của Longstreet mở trừng trừng, miệng gã hơi mở ra, gã đang phều phào yếu ớt, những hạt bọt li ti nhều ra từ môi của gã.

Tiếng ồn ào càng lúc càng lớn dần lọt vào bên trong khoang xe. Có tiếng người lớn tiếng ra lệnh, đám hành khách vội tách ra đủ chỗ để một viên cảnh sát lực lưỡng tay áo có sọc phù hiệu trung sĩ lách mình đi qua. Viên cảnh sát này là người cùng ngồi ở sà lên xuống phía trước với người lái xe điện. Chiếc xe giờ đã dừng lại, cả người lái xe lẫn người bán vé đều vội vã đến nơi xảy ra sự cố.

Viên trung sĩ thẳng tay gạt nhóm người của Longstreet sang một bên rồi khom người nhìn xuống Longstreet. Cơ thể gã lại căng lên, rồi hoàn toàn thẳng đờ. Viên trung sĩ đứng thẳng người lên, cúi kính. “Ông ấy chết rồi. Thế đấy!” Ông ta bất chợt chú ý bàn tay trái của người chết, có đến cả tá dòng máu chảy thành giọt nhỏ tí đang đông lại thành vệt trên da ngón tay và lòng bàn tay, chúng chảy ra từ nhiều lỗ đâm nhỏ li ti, mỗi lỗ có hơi sưng lên tí chút. “Án mạng thì phải. Mấy người này, tránh ra!”

Ông ngờ vực quan sát những người trong nhóm trong khi những người này cố co cụm vào như để bảo vệ che chở lẫn nhau.

Viên trung sĩ nói lớn: “Yêu cầu mọi người không ai được ra khỏi đây, nghe rõ chứ? Ai chỗ nào ở yên chỗ đó! Này, anh kia.” Ông ta hất đầu ra lệnh người lái xe. “Không được lái chiếc xe này đi đâu nữa bước. Trở về chỗ của anh. Để cửa đi cửa sổ đóng hết lại, hiểu chứ?” Người lái xe biến mất. Viên trung sĩ kêu to: “Nghe đây, anh bán vé! Chạy ngay đến góc đại lộ Thứ Mười bảo viên cảnh sát giao thông đang trực ở đấy gọi điện ngay về đồn cảnh sát; dặn viên cảnh sát giao thông phải chắc chắn báo tin này cho cả thanh tra Thumm ở trụ sở chính. Rõ chưa? Đây, để tôi đích thân mở cửa cho anh, tôi không muốn bất cứ ai ở đây thừa cơ ra cửa.”

Ông ta hộ tống người bán vé ra sà phía sau, tự tay đẩy cần mở cánh cửa hai lá rồi đóng sập lại ngay; người bán vé bước ra ngoài trời đang mưa rồi cứ thế cầm đầu cầm cổ chạy về phía đại lộ Thứ Mười. Viên trung sĩ lại



nghiêm mặt nhìn một người hành khách cao to, gương mặt khắc khổ đang đứng chỗ sàn lên xuống. “Này ông bạn. Hãy đứng canh đây đừng để bất cứ ai chạm tay vào những cánh cửa này, được chứ?” Người khách vui vẻ gật đầu, thế rồi viên trung sĩ chen chân trở lại chỗ cái xác của Longstreet.

Đằng sau chiếc xe điện lúc này là cả một quang cảnh hỗn loạn giữa tiếng chửi rủa cùng tiếng nhấn còi inh ỏi của hàng xe bị dồn ứ lại. Trên xe, những hành khách đang hoảng sợ có thể thấy nhiều người bên ngoài đang cố áp mặt nhìn vào từ những ô cửa sổ mờ mịt hơi nước. Người hành khách có vẻ mặt khắc khổ cất tiếng gọi lớn: “Này trung sĩ, có một ông cớm muốn vào ngõ này!”

“Đợi tí!” Viên trung sĩ lách mình quay lại và tự mình mở cửa cho viên cảnh sát giao thông, ông này cất tiếng chào: “Tôi đang trực ở phố Thứ Chín. Có vấn đề gì sao, trung sĩ? Cần phụ giúp không ạ?”

“Có vẻ là một vụ án mạng ở đây.” Viên trung sĩ khép cửa và ra hiệu với vị hành khách cao to, ông này lại gật đầu. “Có lẽ tôi cần anh đấy, ngài sĩ quan cảnh sát. Đã cho người gọi điện báo thanh tra Thumm và cảnh sát địa phương rồi hả? Phần anh hãy đến chỗ cửa trước và đừng cho ai lên xuống. Hãy canh chỗ cửa đó.”

Họ cùng lấn bước về phía trước, viên cảnh sát mới đến cố gạt các hành khách sang bên để đến sàn phía trước.

Hai tay chống nạnh, viên trung sĩ đứng bên Longstreet, mắt nhìn chăm chăm xuống cái xác của gã. “Được rồi, ai đầu tiên nào?” ông ta cao giọng. “Những ai vừa ngồi chỗ này?” Người thiếu nữ và ông trung niên người Ý liền cất tiếng trả lời cùng lúc. “Từng người một. Cô đây tên gì?”

Cô gái nói giọng run rẩy: “Emily Jewett. Tôi, tôi là nhân viên tốc ký đang về nhà sau giờ làm. Người này, ông ta mới rồi đã ngã vào lòng tôi. Tôi đã đứng dậy nhường chỗ cho ông ấy.”

“Thế còn ngài, Mussolini?”

“Tôi là Antonio Fontana. Tôi, à, không thấy gì. À, người này ông ấy ngã, à, tôi đứng dậy, à, nhường chỗ cho ông ấy,” ông người Ý trả lời.

“Thế ông bị chết đây, ông ta đứng à?”

DeWitt chen ra phía trước, gã tỏ ra thật bình thản. “Đây, thưa ngài trung sĩ, tôi có thể kể ông nghe chính xác chuyện đã xảy ra. Ông đây là Harley Longstreet, bạn cùng làm ăn của tôi. Chúng tôi đang đi cùng cả nhóm.”

“Nhóm à?” Viên trung sĩ nhìn cả bọn bằng ánh mắt soi mói. “Là nhóm, hiểu rồi. Hay ho thân thiện đấy. Tốt nhất là hãy yên lặng, thưa ông. Thanh tra Thumm sẽ làm việc với ông. A, người bán vé và một cảnh sát nữa kia rồi.”

Ông ta hồi hả quay trở lại sàn phía sau. Người bán vé đang đấm cửa thành thịch, nước mưa ướt ròng ròng từ vành mũ lưỡi trai của ông ta, đứng cạnh bên là một viên cảnh sát. Viên trung sĩ tự mình mở cửa đón họ vào, rồi lập tức đóng sập cửa lại.

Viên cảnh sát khẽ chạm tay lên vành mũ. “Morrow có mặt. Đang trực tại đại lộ Thứ Mười.”

“Tốt, tôi Duffy, trung sĩ, Đồn số Mười Tám,” viên trung sĩ nhát gừng. “Gọi trụ sở rồi chứ?”

“Đã, cả đồn cảnh sát khu này nữa. Thanh tra Thumm và cảnh sát sở tại sẽ sớm có mặt. Ngài thanh tra nhắn ngài cho chiếc xe điện này về nhà xe Green Lines tại phố Thứ Bốn Hai và Thứ Mười Hai rồi ông ấy sẽ gặp ngài ở đó, dặn là đừng chạm vào người. Tôi cũng đã gọi xe cứu thương.”

“Ông ta không cần nữa. Ngày Morrow, anh hãy canh chỗ cửa này đừng để ai ra khỏi đây nhé.”

Duffy quay sang người đàn ông cao to gương mặt khắc khổ ở sàn lên xuống phía sau. “Ông bạn, này giờ có ai đòi ra ngoài không hử? Cái cửa này có mở không đấy?”

“Không.” Đám hành khách đồng thanh.

Duffy xông bừa ra phía trước xe. “Này bác tài! Đưa xe đến cuối đường đậu ở nhà xe Green Lines. Hãy vào nhanh đó!”

Người lái xe điện là một thanh niên người Ai Len có gương mặt đỏ ửng, anh ta cất tiếng lầm bầm: “Đó đâu phải nhà để xe của chúng tôi, ngài trung sĩ. Đây là hãng đường sắt đại lộ Thứ Ba. Chúng tôi không phải...”

“Nhanh, nghe chưa?” Trung sĩ Duffy gằn giọng. Ông quay sang viên cảnh sát giao thông trực đại lộ Thứ Chín. “Còn anh, tuýt còi dẹp đường nào, mà anh tên gì nhỉ?”

“Sittenfield, 8638.”

“Tốt, anh cũng chịu trách nhiệm chỗ cửa đó, Sittenfield. Có kẻ nào tìm cách ra ngoài không đấy?”

“Không, thưa trung sĩ.”

“Có kẻ nào xuống xe trước khi Sittenfield đến đấy không, anh lái xe?”

“Không.”

“Tốt, đi thôi.”

Ông ta quay trở lại chỗ cái xác khi chiếc xe nặng nề lăn bánh. Cherry Browne đang thốn thức, Pollux khẽ vỗ về tay ả. DeWitt, vẻ mặt hằn những nét âm đạm, đứng cạnh xác của Longstreet hệt như người canh giữ thi hài.

\*\*\*

Chiếc xe điện sầm sập lao vào bên trong mái nhà không lồ của nhà xe New York Green Lines. Một đám người vận thường phục đứng im lìm nhìn nó chạy vào, bên ngoài trận mưa vẫn ào ào xối xả.

Một người đàn ông cao to có mái tóc hoa râm, quai hàm bạnh và đôi mắt xám sắc sảo - tất cả gói gọn vào một khuôn mặt xấu xí đến độ gần như khoái trá - đến đập vào cánh cửa sau xe. Trong xe, cảnh sát Morrow cất tiếng gọi trung sĩ Duffy. Duffy xuất hiện đưa mắt nhìn, nhận ra vóc người to lớn đặc biệt của thanh tra Thumm, ông liền kéo cần sang bên và hai cánh cửa liền xếp lại. Thanh tra Thumm nhảy lên xe, ra hiệu bảo Duffy đóng cửa, gật đầu với người của ông đang đợi bên ngoài rồi dẫn bước vào trong khoang xe.

“Chào mọi người,” nói rồi ông đưa mắt nhìn người đàn ông đã chết. “Duffy, chuyện sao đây?”

Viên trung sĩ thì thầm vào tai thanh tra Thumm trong khi ông này vẫn tỏ ra lãnh đạm. “Longstreet hả? Nhà môi giới... À, thế ai là Emily Jewett?”

Cô gái bước tới dưới đôi cánh tay chở che của người hộ tống lực lưỡng của mình, kẻ đang nhìn viên thanh tra bằng ánh mắt thù thế.

“Này cô gái, cô bảo là thấy người này khuyu xuống, thế cô có để ý điều gì bất thường trước khi ông ấy ngã không?”

“Vâng, thưa ngài!” Cô gái nói, giọng vẫn bị kích động. “Tôi thấy ông ta cho tay vào túi lấy kính mắt. Có vẻ như ông ấy bị xước tay hay sao ấy, vì ông ấy rút tay ra và tôi thấy nó chảy máu.”

“Túi nào?”

“Túi áo khoác bên trái của ông ấy.”

“Việc xảy ra ở đâu?”

“À, ngay trước khi xe dừng ở đại lộ Thứ Chín.”

“Thế cách đây bao lâu?”

“À,” cô gái nhú mày, “từ lúc xe bắt đầu chạy trở lại đến giờ là năm phút, và tính ra là tầm năm phút từ lúc ông ấy ngã đến lúc xe bắt đầu chạy, à, ắt phải mất vài phút - hai hay ba gì đó - từ lúc tay ông ấy bị xước đến lúc ông ấy ngã nhào.”

“Chưa đến mười lăm phút, hả? Túi bên trái.” Thumm vừa lôi ra một cây đèn pin từ túi quần phía sau vừa quỳ thụp xuống, kéo nắp túi áo nạn nhân, ông mở cái túi rộng ra rồi rọi tia sáng như thanh bút chì của cây đèn pin vào bên trong. Ông lăm bắm gì đó ra vẻ hài lòng. Rồi ông đặt chiếc đèn pin xuống, lấy ra một con dao nhíp loại lớn. Rất cẩn thận, ông tách đường chỉ khâu dọc theo một bên chiếc túi của Longstreet. Dưới tia sáng của ngọn đèn pin có hai vật lập lòe ẩn hiện.

Vẫn để nguyên hiện vật trong túi áo đã cắt, Thumm cẩn thận xem xét. Một thứ là chiếc hộp bằng bạc dùng để đựng kính mắt, ông nhìn lên một thoáng, người chết đang đeo kính, hơi bị lệch một bên trên sống mũi tím bầm của ông ta.

Viên thanh tra chuyển sự chú ý trở lại chiếc túi. Vật thứ hai là một thứ khác thường. Nó là một cái nút bàn\* nhỏ hình cầu, đường kính một in-sơ\*, đâm xuyên qua nó có ít nhất năm mươi cây kim thường, đầu nhọn của

chúng nhô ra bề mặt chung quanh cái nút bần một phần tư in-sơ khiến nó trở thành một thứ vũ khí có tổng đường kính tầm một in-sơ rưỡi. Những đầu kim nhọn này dính một chất có màu nâu hơi đỏ. Thumm dùng mũi dao nhíp khều cái nút bần ra rồi lật lại. Những đầu mũi kim phía bên kia cũng dính thứ tương tự, nó là một chất vừa dính dẻo vừa giống chất cao. Ông cúi xuống khịt mũi. “Mùi như là thuốc lá mốc ấy,” ông khẽ nói với Duffy lúc này đang từ phía sau ghé mắt qua vai. “Có biểu cả năm lương tôi cũng chả sờ.”

Ông đứng dậy, lục tìm các túi lấy ra một cái kẹp nhíp và một gói thuốc lá, đoạn trút hết mấy điếu thuốc vào trong túi. Ông cầm nhíp lựa chiều kẹp vào quả cầu nhỏ có gai, cẩn thận gắp nó ra khỏi túi của Longstreet rồi nhẹ nhàng cho vào bên trong bao thuốc lá rỗng. Ông quay sang nói khẽ với Duffy. Viên trung sĩ lập tức rời đi rồi trở lại ngay, đưa cho Thumm một tờ giấy báo như ông vừa yêu cầu. Viên thanh tra dùng tờ giấy báo gói sáu lớp dày quanh bao thuốc lá rồi trao cho Duffy.

“Cái này là thuốc nổ đấy, trung sĩ,” ông vừa nghiêm giọng vừa đứng dậy. “Hãy cẩn thận giống vậy nhé, ông chịu trách nhiệm về nó đấy.”

Trung sĩ Duffy đứng thẳng lưng, giơ thẳng tay để giữ lấy cái gói.

Thanh tra Thumm đi thẳng ra đầu xe, lờ đi những ánh mắt đầy căng thẳng của nhóm người cùng đi với Longstreet. Ông hỏi người lái xe và những hành khách đứng gần cửa trước vài câu, rồi quay lại đi xuống cuối xe và hỏi người bán vé và hành khách ở sàn lên xuống phía sau vài câu tương tự. Quay trở lại chỗ cũ, ông bảo Duffy: “May mắn đấy trung sĩ, chưa ai rời khỏi chiếc xe này từ lúc nó khởi hành ở đại lộ Thứ Tám. Kể từ lúc con gà này lên xe. Thế này nhé, giờ hãy trả cảnh sát Morrow và Sittenfield về vị trí, ở đây ta đã có nhiều người rồi. Hãy bố trí hàng rào cảnh sát ở bên ngoài, tôi không muốn để ai lại gần chiếc xe này.”

Tay vẫn thẳng đơ cầm lấy cái gói chết chóc, Duffy đi về phía sau và ra khỏi xe, người bán vé đóng sập cửa lại sau lưng ông.

Năm phút sau hai cánh cửa sau xe lại mở ra. cảnh sát và thám tử đã đứng thành hai hàng từ bậc sắt kê chân ngoài xe đến một chiếc cầu thang phía

bên kia sàn nhà đậu xe. Trên xe, những người đi trong nhóm của Longstreet đã được thanh tra Thumm tách riêng, bây giờ họ lặng lẽ tập trung thành hàng một ra khỏi xe và được dẫn giải qua hàng rào cảnh sát đi vào một phòng riêng trên tầng hai tòa nhà. Cửa phòng sau đó khép lại, và một cảnh sát đứng canh bên ngoài. Bên trong, có hai thám tử trông coi nhóm người.

Đám người của Longstreet đi rồi, thanh tra Thumm lại quay sang quan sát từng hành khách còn lại ra khỏi xe. Họ đi hàng một, một hàng người lóng ngóng lộn xộn, cũng đi qua hàng rào cảnh sát ấy rồi đi vào một gian phòng rộng lớn trên tầng hai, ở đó đã có đến nửa tá thám tử canh sẵn.

Giờ thì thanh tra Thumm đứng trơ trọi một mình trong khoang xe trống hoác, trơ trọi cùng với cái xác đang xoắn tay xoắn chân trên ghế ngồi, ông đứng trầm ngâm nhìn đi nhìn lại bộ mặt méo xệch, hai mắt vẫn mở lớn dù có rọi ánh đèn vào, đồng tử giãn rộng kỳ quái. Chợt có tiếng còi hụ của xe cứu thương. Hai thanh niên áo trắng toát hối hả vào nhà đậu xe, liền theo sau là một ông người thấp béo mang đôi kính gọng vàng kiểu cổ, đầu đội chiếc mũ vải màu xám thời xưa trông thật sành điệu, vành mũ sau gáy thì bẻ ngược lên trên còn trước mặt thì kéo sụp xuống dưới.

Thumm đẩy cần gạt cửa sau rồi thò đầu ra ngoài. “Bác sĩ Schilling! Lối này!”

Người đàn ông thấp béo đó là bác sĩ Schilling, bác sĩ pháp y hạt New York, ông ta hỗn hển vào trong khoang xe, theo sau là hai bác sĩ thực tập. Trong khi ông khom người xem xét cái xác, thanh tra Thumm cẩn trọng cho tay vào túi trái của mình lôi ra chiếc hộp đựng kính mắt bằng bạc.

Bác sĩ Schilling đứng dậy. “Tôi có thể mang cái xác này đi đâu đây, ngài thanh tra?”

“Lên lầu.” Thumm nháy mắt vẻ châm chọc. “Đưa hẳn vào phòng riêng với những người cùng hội đang ở trên ấy,” ông lạnh nhạt thêm vào. “Làm vậy sẽ thú vị lắm đấy.”

Nói rồi ông nhảy khỏi xe phó mặc bác sĩ Schilling chỉ huy việc đưa cái xác ra ngoài. Thumm vẫy gọi một viên thám tử. “Trung úy, có việc tôi cần cậu làm ngay. Hãy cho khám kỹ chiếc xe này đến từng chân tơ kẽ tóc, thu

thập tất cả mọi thứ gì tìm được. Sau đó hãy dò lại lần nữa theo lối đoàn người của Longstreet và khách trên xe vừa đi qua dọc hàng rào cảnh sát. Tôi cần tuyệt đối chắc chắn rằng không ai đánh rơi bất cứ vật gì cả. Cậu hiểu chứ! Làm tốt nhé, Peabody.”

Trung úy Peabody toét miệng cười rồi xoay gót. Thanh tra Thumm nói: “Theo tôi nào, trung sĩ,” thế là Duffy, tay vẫn phải nhẹ nhàng giữ lấy thứ vũ khí đang gói trong giấy báo, miệng gặng nặn ra nụ cười méo xệch đi theo viên thanh tra đến chỗ cầu thang dẫn lên tầng hai.

# CẢNH 4

Tại Phòng Dành Riêng

Ở Nhà Đậu Xe Điện.

Thứ Sáu, Ngày 4 Tháng 9

6 Giờ 40 Chiều

Gian phòng dành riêng ở tầng trên của nhà đậu xe điện là một khoảng không rộng rãi, trống trải và buồn thảm. Một băng ghế chạy dài dọc theo bốn bức tường. Nhóm người đi cùng Longstreet giờ đây đang chia nhau ngồi quanh, mỗi người mang một tâm trạng khốn khổ và căng thẳng khác nhau, song ai nấy đều lặng im không hé miệng nửa lời.

Bác sĩ Schilling dẫn theo hai bác sĩ thực tập đang khiêng xác Longstreet bằng một chiếc cáng đi vào phòng ngay sau thanh tra Thumm và trung sĩ Duffy. Ông ta trưng dụng một tấm màn che, rồi cả ba bác sĩ biến vào sau bức màn cùng với chiếc cáng. Cả căn phòng yên lặng như tờ trong suốt thời gian đó, chỉ có sự hào hứng tốt bậc của vị bác sĩ pháp y. Không ai bảo ai, nhóm người của Longstreet đều quay mặt đi khỏi bức màn. Cherry Browne bắt đầu nức nở khóc, tựa vào đôi vai đang run lên của Pollux.

Thanh tra Thumm chấp đôi bàn tay răn chắc ra sau lưng, quan sát nhóm người bằng ánh mắt dò xét gần như dừng dưng và thăm lặng. “Giờ thì ta đều ở đây trong một gian phòng riêng lịch sự,” ông vui vẻ bắt đầu, “ta có thể chuyện trò cởi mở về việc này. Tôi biết mọi người đây đều rất phiền lòng, nhưng không đến nỗi quá phiền để trả lời vài câu hỏi.” Cả đám ngồi như những đứa học trò, chăm chăm nhìn vào ông ta. “Này trung sĩ,” viên



thanh tra nói tiếp, “ngài bảo tôi có người ở đây đã nhận dạng người chết là Harley Longstreet. Vị ấy là ai đây?”

Trung sĩ Duffy chỉ vào dáng người bất động của John DeWitt, lúc ấy đang ngồi bên vợ ông ta trên chiếc ghế dài. DeWitt liền ngồi thẳng dậy.

“Ra thế,” thanh tra Thumm nói. “Giờ thì, thưa ngài, tôi cho là ông sẽ kể cho tôi nghe điều ông đã định kể cho trung sĩ đây ở trên xe. Nhớ ghi lại tất cả đấy nhé, Jonas,” ông nói với một người trong nhóm thám tử đứng ở cửa. Anh này gật đầu, rút bút chì để sẵn trên một cuốn sổ tay. “Giờ thì xin mời cho biết tên, thưa ngài.”

“John O. DeWitt.” Sự quyết tâm và tự tin bỗng xuất hiện trong thái độ và cả trong giọng nói của ông ta. Thanh tra Thumm để ý thấy vẻ ngạc nhiên thoáng hiện trên gương mặt của nhiều người trong nhóm, thái độ đường hoàng của DeWitt chừng như khiến họ an lòng. “Người vừa chết ấy là đối tác làm ăn của tôi. Hãng chúng tôi là DeWitt & Longstreet. Những Nhà môi giới, phố Wall\*.”

“Thế các quý ông và quý bà đây là ai?”

DeWitt điềm tĩnh giới thiệu từng người trong nhóm.

“Được rồi, thế các vị làm gì trên cái xe điện ấy?”

Người đàn ông bé nhỏ nhu nhược thuật lại một cách khô khan và rành mạch từng sự kiện dẫn đến việc mọi người cùng lên chiếc Crosstown ở phố Thứ Bốn Mười Hai, về bữa tiệc đính hôn, những gì diễn ra ở đó, lời mời của Longstreet đến nhà riêng của ông ta buổi tối cuối tuần, việc khởi hành từ khách sạn, trận mưa giông bất ngờ và quyết định lên xe điện để ra bến phà.

Thumm lắng nghe không ừ không hử. Chờ DeWitt nói xong, ông mỉm cười. “Rất mạch lạc, rất rõ ràng. Nay ngài DeWitt, ông đã thấy cái nút bần gắn kim châm kỳ dị tôi lấy ra từ túi của Longstreet lúc trên xe rồi đấy. Đã bao giờ ông thấy qua nó chưa? Hoặc giả có nghe qua về sự tồn tại của một thứ như thế chẳng?” DeWitt lắc đầu. “Thế có ai khác ở đây từng thấy qua hay nghe qua về nó không? Tất cả đều lắc đầu. ”Tốt lắm. Giờ nghe kỹ đây, ngài DeWitt, sự việc diễn ra thế này có đúng không nhé? Trong lúc ông,

Longstreet, cùng những người khác đợi bên dưới mái hiên ở góc phố Thứ Bốn Mười Hai và Thứ Tám, ông đã đưa cho Longstreet xem một lá thư. Ông ấy đã cho tay trái vào túi bên trái, lấy hộp kính ra, lấy kính đeo mắt ra, rồi cho tay vào túi để cất lại hộp kính. Ông thấy có gì xảy ra với bàn tay trái của ông ấy không? Ông ấy có kêu la không? Ông ấy có rút nhanh tay ra khỏi túi không?”

“Không hề,” DeWitt điềm tĩnh đáp lời. “Ngài rõ ràng đang muốn xác định khoảng thời gian chính xác mà thứ vũ khí đó được tuồn vào túi áo ông ấy. Chắc chắn không phải vào lúc ấy đâu, thưa ngài thanh tra.”

Thumm quay sang những người khác. “Thế có ai để ý thấy có gì khác thường không?”

Cherry Browne lí nhí trong nước mắt, “Không có gì cả. Tôi ở ngay bên anh ấy và nếu anh ấy bị đâm chích gì thì tôi phải biết chứ.”

“Tốt. Vậy thế này, ngài DeWitt, lúc Longstreet đọc xong lá thư ông ấy cho tay vào túi lần nữa để lấy chiếc hộp ra, xếp kính vào hộp rồi - lần thứ tư - lại cho tay vào chỗ túi đó, lần cuối cùng này là để cất lại chiếc hộp. Lúc đó ông ấy có kêu la gì không, hay có bất cứ dấu hiệu gì chứng tỏ ông ta bị đâm chích không?”

“Tôi sẵn sàng thề với ông, thưa ngài thanh tra,” DeWitt đáp, “rằng ông ấy chẳng hề kêu la hay tỏ bất cứ vẻ gì.”

Những người khác gật đầu đồng tình.

Thumm lắc lư trên đôi gót chân. “Cô Browne,” quay sang ả diễn viên ông hỏi, “ngài DeWitt bảo là ngay sau khi trả lại lá thư, Longstreet và cô đã lao đến chiếc xe điện, và rằng từ lúc ấy cho đến khi cả hai vào bên trong chiếc xe tránh mưa cô cứ ôm lấy cánh tay trái của vị hôn phu của cô. Đúng thế chứ?”

“Vâng.” Ả hơi run rẩy. “Tôi vừa ép sát mình vào vừa bám lấy cánh tay trái của anh ấy. Anh ấy, bàn tay trái anh ấy vẫn đang trong túi. Chúng tôi giữ như vậy cho đến khi, đến khi chúng tôi lên sàn lên xuống phía sau.”

“Thế cô có nhìn thấy bàn tay ông ấy lúc ở sàn lên xuống không, tay trái ấy?”

“Có, lúc anh ấy rút ra khỏi túi để tìm tiền lẻ trong túi áo comple nhưng không có. Ngay sau khi chúng tôi lên xe.”

“Và tay ông ấy không có gì cả - không vết dâm, không vết máu?”

“Không.”

“Ngài DeWitt, cho tôi xem lá thư ông đã đưa cho ông bạn của mình nào.”

DeWitt lôi từ túi áo ngực phong thư vấy bùn trao cho thanh tra Thumm. Thumm đọc lá thư - là phàn nàn của một khách hàng tên Weber, khiếu nại rằng ông ta đã yêu cầu số cổ phiếu của mình phải được bán ra vào giờ đó ở giá đó, thế nhưng DeWitt & Longstreet đã không theo đúng chỉ thị và hậu quả là ông ta, Weber, đã bị thiệt hại một số tiền lớn. Lá thư yêu cầu một khoản bồi hoàn cho số tiền thiệt hại này, cho rằng sự sơ suất này là do công ty. Thumm im lặng trả lá thư lại cho DeWitt.

“Thế thì, những sự việc này cơ bản đúng cả,” ông nói tiếp. “Nói cách khác...”

“Cái vũ khí ấy,” DeWitt nói tiếp giọng đều đều, “ắt hẳn đã được tuồn vào túi của Longstreet lúc ông ấy ở trên xe.”

Viên thanh tra nhếch mép cười nửa miệng. “Đúng là như thế. Ở góc phố ông ấy đã cho tay vào túi đến bốn lần. Lúc họ băng qua đường để lên xe, chính mắt ông thấy cô Browne ép mình vào bên trái của Longstreet, còn bàn tay của Longstreet thì nằm trong cái túi bên trái hết sức quan trọng đó. Nếu lúc ấy có gì khác thường, hẳn cả ông lẫn cô Browne đây phải thấy ngay, ở trên xe thì cô Browne đã thấy bàn tay của ông ấy, và nó không sao cả. Vậy là cái nút bần có kim ấy không có trong túi ông ấy trước khi ông ấy lên xe.”

Thumm gãi cằm, trầm ngâm suy nghĩ. Thế rồi, vừa lắc đầu ông vừa đi qua đi lại trước nhóm người, hỏi han từng người một rằng họ đã đứng đâu trên xe so với Longstreet. Ông phát hiện mọi người đứng tách rời nhau, họ luôn phải dịch chỗ và đu đưa do sự rung lắc của xe điện và do hành khách khác di chuyển liên tục. Ông bậm môi song cũng không tỏ vẻ gì thất vọng.

“Cô Browne, lúc trên xe Longstreet lấy kính ra làm gì vậy?”

“Tôi nghĩ anh ấy muốn đọc tờ báo anh ấy mang theo,” ả tỏ vẻ mệt mỏi.

DeWitt nói: “Longstreet có thói quen xem thị giá cổ phiếu cuối ngày trên báo buổi chiều trên đường ra bến phà.”

“Và đúng vào lúc lôi kính ra ông ấy đã la lên và nhìn vào tay mình, phải thế không cô Browne?” Thumm gật gù hỏi.

“Đúng thế. Anh ấy có vẻ kinh ngạc, bực bội, chỉ thế thôi. Anh ấy định kiểm tra túi áo như để xem vật gì chích vào, nhưng rồi xe xóc quá nên anh ấy phải nắm lấy sợi đai giữ thăng bằng. Rồi anh ấy bảo tay mình bị xây xát, song tôi thấy có vẻ anh ấy loạng choạng thì phải.”

“Nhưng ông ấy vẫn đeo kính vào rồi đọc trang chứng khoán chứ?”

“Anh ấy bắt đầu mở tờ báo ra, nhưng đã không còn mở được nữa. Anh ấy, anh ấy khụy xuống trước khi tôi kịp hiểu chuyện gì xảy ra.”

Thanh tra Thumm nhíu mày. “Tối nào cũng đọc trang cổ phiếu khi trên xe hả? Này cô Browne, liệu có bất cứ lý do đặc biệt gì mà ông ấy lại cần phải xem báo tối nay không? Suy cho cùng thì đó đâu phải việc lịch thiệp nhất để...”

“Hoàn toàn kỳ quặc,” DeWitt lại ngắt lời, giọng lạnh lùng. “Ông không biết, hoặc đã không biết, rằng Longstreet là kẻ ưa sao làm vậy đấy thôi. Còn có lý do đặc biệt gì, như cách ông vừa nói ấy, mà ông ta có thể có nữa?”

Nhưng Cherry Browne với gương mặt đầy nước mắt, tỏ ra trầm tư suy nghĩ. “Nghĩ xem nào,” ả nói, “hẳn có thể có một lý do đặc biệt, về chuyện đó. Chỉ chiều nay anh ấy gọi một tờ báo - nó không phải tờ chót, tôi không nghĩ thế - để xem một cổ phiếu ra sao. Có thể anh ấy...”

Thumm tặc tặc lưỡi vẻ khuyến khích. “Chính là chỗ đó đấy, cô Browne. Thế cô biết tên cổ phiếu ấy là gì không?”

“Tôi nghĩ... nó là International Metals.” ả liếc trộm về phía Michael Collins lúc ấy đang rầu rĩ nhìn xuống sàn nhà bụi bặm. “và Harley nói, khi anh ấy thấy International Metals sụt giá mạnh, Harley nói là ngài Collins có thể cần giúp đỡ mà không kịp báo trước.”

“Thế đấy. Collins!” Gã người Ai Len thân hình dềnh dàng lau bầu đáp lại. Thumm chăm chăm nhìn gã với vẻ tò mò. “Vậy ra cậu cũng ở trong nhóm này, thế mà tôi ngỡ cậu đang bận rộn với Cục Thuế Thu nhập ấy chứ ... Collins, cậu làm gì trong vụ này thế?”

Collins tỏ vẻ sừng sộ. “Vụ này của tôi đâu dính dáng gì đến ông hử ông Thumm. Nhưng nếu ông muốn biết thì đây, Longstreet khuyên tôi mua vào thật đậm cổ phiếu International Metals, ông ấy theo dõi cổ phiếu ấy cho tôi. Khốn thật, nó vừa sập sàn hôm nay mới chết chứ.”

DeWitt quay sang tự lúc nào và đang kinh ngạc nhìn Collins chăm chăm. Thumm hỏi liền: “Ngài DeWitt, ông có hay biết gì về vụ giao dịch này không?”

“Không hề.” DeWitt quay sang nhìn thẳng vào Thumm. “Tôi cũng bất ngờ khi nghe Longstreet tư vấn mua Metals đây. Tuần rồi tôi đã thấy trước cổ phiếu này sẽ sập nên đã nhất mực tư vấn khách hàng ruột của tôi đừng mua vào cơ mà.”

“Collins, lần đầu anh nghe cổ phiếu Metals sập giá là lúc nào?”

“Khoảng một giờ chiều hôm nay. Mà này, DeWitt, ông bảo không hay biết gì về thông tin của Longstreet là sao? Mà cái hãng chết tiệt các người làm ăn kiểu gì vậy hả? Tôi là...”

“Bình tĩnh nào,” thanh tra Thumm bảo. “Hãng bình tĩnh đã nào, con trai. Thế từ hồi một giờ đến lúc gặp Longstreet ở khách sạn hôm nay cậu có nói chuyện với ông ấy không?”

“Có chứ,” gã trả lời cộc cằn.

“Ở đâu?”

“Chi nhánh của hãng ở Quảng Trường Thời Đại. Đầu buổi chiều.”

Thumm lại đơng đưa trên gót chân. “Không một lời, tôi đoán vậy?”

“Ôi, vì Chúa!” Collins bỗng nhiên lớn tiếng. “Ông chiếu sai người rồi, Thumm! Ông đang cố làm cái quái gì thế hả, bộ ông gán chuyện này vào tôi chắc?”

“Cậu vẫn chưa trả lời.”

“Hừ,... Không.”

Cherry Browne rú lên. Thanh tra Thumm giật bản mình xoay tròn như bị đạn bắn, song chỉ thấy hình dáng thấp béo vui tươi của bác sĩ Schilling từ đằng sau bức màn lộ ra cùng phần tay áo kẻ sọc của ông ấy. Gương mặt chết cứng của Longstreet thoáng hiện ra từ sau bức rèm...

“Ngài thanh tra, cho tôi xem cái gì ấy nhỉ, cái nút bần hay cái gì gì mà mấy cậu bảo tôi dưới lầu ấy,” Bác sĩ Schilling bảo.

Thumm gật đầu ra hiệu cho trung sĩ Duffy, ông này liền đưa ngay cái gói trên tay với vẻ mặt nhẹ nhõm khôn tả. Vị bác sĩ pháp y nhận lấy, ậm ừ rồi lại biến mất sau bức màn.

Cherry Browne giờ đã đứng dậy, ánh mắt ảm long lanh hoang dại còn mặt thì méo mó hết nữ thần tóc rắn Medusa trong cơn mộng dữ. Ắ không còn ngồi yên thõn thức, vì sự xuất hiện thành linh của cái hình hài tím tái của Longstreet đã đẩy lên một sự kích động chừng như cố ý giống như một trò sắp đặt lấu cá. Ắ nhảy lên chỉ tay vào DeWitt, chạy đến chộp lấy ve áo rồi hét vào gương mặt trắng bệch của gã: “Mày đã giết anh ấy! Chính mày đã làm vậy! Mày ghét anh ấy! Mày đã giết chết anh ấy!” Cánh đàn ông tái mặt nhồm dậy, Thumm và Duffy nhảy bổ đến lôi người đàn bà đang gào thét ra. Từ đầu đến cuối DeWitt vẫn đứng như trời trồng. Jeanne DeWitt mặt trắng bệch, đôi môi mím chặt lại, hừng hờ tiến về phía ả diễn viên. Christopher vội bước ra chặn đường rồi bắt đầu nhẹ giọng vỗ về. Cô nàng lại ngồi xuống giường mắt thẳng thốt nhìn cha mình. Imperiale và Ahearn với vẻ mặt nghiêm trọng và điệu bộ như hai anh lính gác danh dự chia nhau mỗi người một bên DeWitt. Collins ngồi hậm hực trong góc của mình. Pollux giờ đứng dậy, hồi hả thì thầm bên tai Cherry Browne. Ắ cũng dần nguôi ngoai, rồi bắt đầu khóc... Duy có bà DeWitt không một mảy may động đậy, bàng quan nhìn cảnh tượng đó bằng đôi mắt mở to ác độc.

Thanh tra Thumm đứng sừng sững trước người đàn bà đang run rẩy. “Cô Browne, do đâu cô cả quyết vậy? Do đâu cô biết ngài DeWitt đã giết người? Cô có thấy ngài DeWitt bỏ cái nút bần đó vào túi Longstreet không?”

“Không, không.” Á rên lên, đầu lắc qua lắc lại. “Ôi, tôi không biết, tôi không biết. Tôi chỉ biết ông ấy ghét Harl, ghét anh ấy như ghét thuốc độc ấy... Harley đã bảo thế với tôi hàng chục lần.”

Thumm khịt mũi, thẳng người dậy và đưa mắt nghiêm nghị ra lệnh cho trung sĩ Duffy. Duffy ra hiệu cho viên thám tử đang cầm sổ ghi chép, người này mở cửa và đồng đội của anh ta bước vào phòng. Đang lúc Pollux cúi xuống an ủi Cherry bằng những lời lẽ màu nhiệm của gã thì thanh tra Thumm cao giọng cắt lời: “Tất cả ở yên ngay đây chờ tôi quay lại.” Nói rồi ông ta đi nhanh ra ngưỡng cửa mở rộng, ngoan ngoãn theo sau là Jonas, viên thám tử cầm sổ ghi chép.

# CẢNH 5

Phòng Khách Lớn Nhà Đậu Xe Điện

Thứ Sáu, Ngày 4 Tháng 9

7 Giờ 30 Tối

Thanh tra Thumm đi thẳng đến phòng khách lớn trong nhà đậu xe. Đập vào mắt ông là một cảnh tượng bát nháo - đàn ông lẫn đàn bà kẻ đứng, người ngồi, lúng túng, xì xào, vẻ mặt ai nấy đầy nôn nao, lo sợ, bất an. Viên thanh tra nhếch mép cười với một thám tử đứng canh rồi giậm mạnh chân thành tiếng để gây sự chú ý. Lập tức, một dàn đồng ca rầm rầm hướng về phía ông, một mớ âm thanh pha trộn giữa tiếng thở hì hục, tiếng xỉ vả, tiếng phản kháng, tiếng chất vấn, rồi tiếng chửi thề...

“Lùi lại!” Thumm phải gằm lên bằng giọng sĩ quan nơi thao trường. “Nghiêm. Không kêu ca, không đề xuất, không cáo lỗi. Các người, càn trật tự càn chóng ra khỏi đây.

“Cô Jewett, tôi muốn cô trước. Cô có thấy bất cứ ai bỏ bất kỳ thứ gì vào túi của cái ông bị giết không - ý tôi là lúc ông ta đang đứng trước mặt cô ấy, cô nhớ chứ?”

“Tôi đang nói chuyện với ông bạn đi cùng tôi đây,” cô gái vừa nói vừa liếm môi, “mà trong xe khá nóng và...”

Thumm gằn giọng: “Trả lời câu hỏi! Có hay không?”

“Không. Không có, thưa ngài.”

“Giả dụ có ai đã tuồn gì đó vào cái túi đó, cô có chú ý thấy không?”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi đang mãi nói chuyện với bạn...”



Thumm quay luôn sang người đàn ông tướng đô con - tóc ngả muối tiêu, có khuôn mặt khắc khổ gần như nham hiểm - là người đã lôi tay Longstreet lúc gã té khuyu trên xe. Người này, theo lời tự giới thiệu là Robert Clarkson, kế toán viên. Không, y không thấy gì cả dù quả thực lúc ấy y đang đứng ngay cạnh Longstreet. Đúng thế, đứng ngay bên trái gã. Bộ mặt nặng trịch của Clarkson bỗng mất sắc thái xấu xa; y đột ngột tái mặt vì e sợ và cái miệng nhiều lời của y mấp máy thật buồn cười.

Ông người Ý trung niên, Antonio Fontana - một người đàn ông da ngăm đen có bộ ria rậm - xưng mình là thợ cắt tóc, vừa xong việc đang trên đường về nhà, không thêm được gì ngoài những điều đã nói rồi. Suốt thời gian trên xe, ông đang mãi đọc một tờ báo Ý, Tờ Il Popolo Romano\*.

Được thăm vấn tiếp theo là người bán vé trên xe điện, xưng tên là Charles Wood, số hiệu 2101, là nhân viên của công ty đường sắt đại lộ Thứ Ba đã được năm năm. Đây là một người đàn ông tóc đỏ, cao lớn lực lưỡng trạc khoảng ngũ tuần. Ông nói mình đã thấy mặt ông khách bị chết và nhớ rằng lúc lên xe, ông khách ấy đi trong nhóm người đón xe ở đại lộ Thứ Tám. Ông kể rằng ông khách này đã trả tiền mua vé cho mười người bằng tờ bạc một đô la.

“Ông có thấy điều gì lạ mắt khi hội này lên xe không hả Wood?”

“Không biết, xe lúc đó đầy khách, phần tôi chỉ lo đóng cửa rồi thu tiền vé, thế thôi.”

“Đã bao giờ ông nhìn thấy ông khách đó đi trên xe ông chưa?”

“Có, ông ấy bắt xe khá thường xuyên tầm giờ ấy trong ngày, là khách quen mấy năm rồi.”

“Biết tên ông ấy chứ?”

“Không biết.”

“Thế có nhận ra ai khác trong nhóm ông ấy cũng là hành khách thường xuyên của ông không?”

“Hình như có một người nữa, một ông nhỏ người vẻ yếu ớt, tóc muối tiêu, kiểu vậy. Tôi từng thấy ông ấy đi khá đều cùng cái ông vừa bị toi mạng ấy.”

“Ông biết tên ông ấy chứ?”

“Không thể nói là biết. Không biết.”

Thumm nhìn lên trần nhà. “Nghĩ kỹ nhé, Wood. Cái này quan trọng đó. Tôi muốn phải tuyệt đối chắc chắn. Ông bảo nhóm người này lên xe ở phố Thứ Tám, ông đã đóng cửa, được rồi, thế sau Phố Thứ Tám có ai lên xuống gì nữa không?”

“Không, thưa sếp. Xe lúc ấy đầy ứ khách nên kể cả ở góc đại lộ Thứ Tám tôi còn không mở cửa nữa là, vậy nên chẳng ai lên mà cũng không ai xuống ở đâu chỗ tôi cả - hiển nhiên thế rồi. Không biết ở đằng trước thì sao, cái đó thì đồng sự của tôi là Guinness mới biết, cậu ấy là người lái xe.”

Thumm gọi anh lái xe có đôi vai rộng người Ai Len bước ra từ đám đông. Guinness, số hiệu 409, bảo anh ta đã làm việc trên tuyến này suốt tám năm. Không, trước nay anh ta chưa hề gặp cái ông đã bị chết đó, anh ta nghĩ vậy. “Nhưng mà,” anh ta lại thêm vào, “bác Charley đây mới là người để ý nhận ra hành khách tốt hơn tôi.”

“Cậu chắc về chuyện đó chứ?”

“À...ờ, nói thế chứ tôi thấy có lẽ mặt ông ấy trông hơi quen quen.”

“Thế từ đại lộ Thứ Tám trở đi có ai ra khỏi xe từ cửa trước không?”

“Thậm chí cửa còn không mở nữa là. Ông biết tuyến này đấy, ngài thanh tra, hầu hết khách bắt xe Crosstown đều đi đến điểm cuối để bắt chuyến phà qua Jersey. Mọi hoạt động làm ăn đều nằm dọc ở đó. Có gì trung sĩ Duffy có thể nói ông biết, ông ấy cũng ngồi đằng trước xe với tôi đấy - hết ca về nhà, phải không trung sĩ? Hên sao lúc ấy có ông trên xe.”

Thumm nhăn mặt, nhưng đó là cái nhăn mặt của sự hân hoan. “Vậy thì như này, từ đại lộ Thứ Tám trở đi các cửa đều không mở, cả cửa sau lẫn cửa trước?”

“Đúng thế,” cả Guinness và Wood đều trả lời.

“Được, hãy ở yên đấy.” Viên thanh tra bắt đầu quay sang hỏi han những hành khách khác. Xem ra không ai thấy bất cứ thứ gì tuồn vào túi của Longstreet hay bất cứ điều gì khác đáng ngờ. Có hai vị khách đưa ra những

trình bày mơ hồ, nhưng những gì họ nói toàn là đoán già đoán non, hiển nhiên đều là hậu quả của sự tưởng tượng nồng nhiệt đến nỗi Thumm thiếu điều chết ngất liền vội lảng đi. Ông ra lệnh cho thám tử Jonas ghi lại tên và địa chỉ của tất cả những người hiện diện.

Đúng lúc này trung úy Peabody hì hục bước vào phòng, vai nặng trĩu một bao vải bố đầy đồ rác thải.

“Có tìm được gì không, trung úy?” Thumm hỏi.

“Chỉ đồ tạp nham thôi, nhìn xem.” Anh ta trút hết những thứ bên trong ra sàn nhà. Nào là giấy vụn, báo bản đã bị xé rách, vỏ bao thuốc lá, phần đuôi bản thiêu của một cây bút chì rỗng ruột, diêm cháy dở, nửa thanh sôcôla bị chèn bẹt, hai tờ thời khóa biểu rách nát - cả một đồng hồ lớn thường ngày, không có dấu hiệu nào về nút bần hoặc kim châm hay bất cứ thứ gì ít nhiều liên quan đến nút bần và kim châm.

“Chúng tôi đã khám kỹ đến từng chân tơ kẽ tóc cả chiếc xe lẫn lối đi dọc hai hàng cảnh sát, ngài thanh tra ạ, hoàn toàn không có gì cả. Nếu nhóm người này có mang thứ gì khi ra khỏi xe thì thứ đó vẫn phải còn trên người họ thôi.”

Đôi mắt xám tro của Thumm lóe lên. Ông là vị thanh tra được nhiều người biết đến nhất ở Sở cảnh sát New York, ông đã phấn đấu vươn lên từ lúc chỉ là một anh lính quèn hoàn toàn nhờ sức bật của cơ bắp theo đúng nghĩa đen, những phản xạ đã phát triển toàn diện, bộ não có khả năng suy xét chắc chắn và giọng nói toát lên quyền uy không thể nhầm lẫn. Ông là một bậc thầy cố chấp về quy trình điều tra, một con người của hành động... “Còn duy nhất một việc cần làm,” ông nói, quai hàm hơi giần giật. “Lục soát từng người một trong gian phòng này.”

“Bộ ông muốn tìm...?”

“Nút bần, kim châm, bất cứ thứ gì lạ lẫm khác thường. Ai kêu la cự nự thì dán mồm kẻ đó lại. Làm đi.”

Trung úy Peabody toét miệng cười bước ra khỏi phòng, thoáng chốc quay lại cùng sáu thám tử và hai nữ cảnh sát. Anh ta nhảy lên một chiếc

ghế dài nói lớn: “Mọi người, xếp thành hàng! Phụ nữ một bên, nam giới một bên! Không nói nhiều! Quý vị càng nhanh càng sớm về nhà!”

Trong suốt mười lăm phút sau đó, Thumm tựa lưng vào tường, vừa phì phèo thuốc lá vừa theo dõi một cảnh tượng đáng ra phải gắt gao, hình sự thì lại nom khá hài hước. Cảnh phụ nữ không ngớt nhieć móc í óe giữa lúc các nữ cảnh sát vô tư sờ soạng khắp mình họ, lật ngược hết các túi áo quần, lục xem các ví tiền, lần tay vào bên trong lớp vải lót nón và cả bên trong gót giày. Cảnh đàn ông thì tỏ thái độ hợp tác hơn, nhưng lại ra điều ngưng ngưng bẽn lẽn. Cứ mỗi người được khám xong cho qua, thám tử Jonas lại ghi tên, địa chỉ làm việc và địa chỉ nhà riêng của người đó. Thỉnh thoảng đôi mắt của thanh tra Thumm lại xoáy vào mặt những người đi qua - dò xét, nghi ngờ. Có một người bị thanh tra Thumm dứt khoát chặn lại sau khi anh này đã xong với Jonas. Người này là một gã nhân viên văn phòng nhỏ thó nhọt nhạt, mặc một chiếc áo choàng bạc màu. Viên thanh tra ra hiệu cho anh này bước sang một bên và cởi áo ra - đó là một chiếc áo măng tô ga-bác-đin màu nâu vàng nhạt. Mũi anh này tím tái đi vì sợ. Thumm lần tìm theo từng đường chỉ của chiếc áo, rồi không nói không rằng trả lại cho chủ của nó, anh chàng nhẹ nhõm như cởi bỏ được tảng đá ngàn cân, vội ba chân bốn cẳng biến nhanh khỏi cửa.

Gian phòng thoáng chốc rộng không.

“Chẳng còn gì làm nữa, ngài thanh tra.” Peabody chán nản.

“Soát phòng.”

Peabody và người của anh ta bắt đầu quét mọi thứ rác bẩn khắp gian phòng khách lớn, sục sạo từng góc ngách và bên dưới các ghế dài. Thumm xếp đống rác ra từ bao bố, quỳ xuống dùng ngón tay khêu ra.

Thế rồi ông nhìn Peabody, nhún vai rồi nhanh chân bỏ ra khỏi phòng.

# CẢNH 6

Lâu Đài Hamlet

Thứ Ba, Ngày 8 Tháng 9

11 Giờ 20 Sáng

“Ngài vui lòng hiểu cho, ngài Lane,” đến đây thì công tố viên Bruno xen vào, “thanh tra Thumm đang cố gắng kể ông nghe thật tường tận mọi chi tiết. Nhiều chi tiết, chẳng hạn như những thông tin về các cuộc trò chuyện trước khi xảy ra vụ án là do chúng tôi khám phá sau này. Thực ra phần lớn những chi tiết này chúng tôi không quan tâm, chúng là những điểm không quan trọng...”

“Ngài Bruno thân mến của tôi,” Drury Lane cắt lời, “không có gì là không quan trọng cả. Nghe thì nhàm nhưng đúng thế đấy! Dù vậy, bản tường thuật từ đầu tới giờ quả là xuất sắc.” Ông vừa trở mình trong chiếc ghế bành vĩ đại của mình vừa duỗi đôi chân dài trước lò sưởi. “Ta dừng lại một lát rồi ông lại kể tiếp nhé, ngài thanh tra.”

Trong ánh lửa bập bùng, và dù Lane đang ngồi chỗ sắp bóng, hai người vẫn thấy ông an nhiên tự tại nhắm mắt lại, đôi bàn tay khép hờ trên bụng, khuôn mặt hiền hòa nhợt nhạt tĩnh lặng. Sự im lặng của quá khứ xa xưa phủ lên những vách tường cao tối, lên cả gian phòng.

Từ góc nhà tranh tối tranh sáng của mình, Quacey bỗng cất tiếng sột soạt hết một tấm giấy da cừu khiến Bruno và Thumm cùng ngẩn cổ nhìn. Lão gù lụm cụm rúc lên cười nho nhỏ.

Họ nhìn nhau, bỗng giật mình vì giọng nói du dương, linh hoạt và cân lường đến từng từ của Drury Lane.

“Này ngài thanh tra Thumm,” ông nói, “đến đoạn này chỉ một điểm tôi chưa được hoàn toàn rõ lắm.”

“Chỗ nào thế, ngài Lane?”

“Theo lời ông thì cơn mưa bắt đầu đổ xuống lúc chiếc xe điện đang ở đoạn từ đại lộ Thứ Bảy đến đại lộ Thứ Tám. Tại thời điểm đám người Longstreet lên xe ở đại lộ Thứ Tám, các ô cửa sổ đã được đóng chặt, tôi tin là ông nói vậy. Phải chăng ý ông nói là tất cả các cửa sổ?”

Khuôn mặt xấu xí của thanh tra Thumm nghệt ra. “Hắn rồi, ngài Lane. Không nghi ngờ gì nữa. Trung sĩ Duffy quả quyết thế.”

“Tuyệt, ngài thanh tra.” Thanh âm đầy đặn lại cất lên. “Và từ lúc đó trở đi mọi cửa sổ vẫn được đóng chặt chứ?”

“Dứt khoát là vậy, ngài Lane. Thực ra thì khi chiếc xe về đến nhà đậu thì mưa còn lớn hơn trước nữa. Mấy cái cửa sổ đó không bao giờ hé ra dù chỉ một phút kể từ sau khi trời đổ mưa.”

“Càng lúc càng hay hơn rồi đấy, ngài thanh tra ạ.” Đôi mắt sâu chột sáng lên dưới hàng lông mày bạc đều. “Xin mời ngài nói tiếp.”

# CẢNH 7

Tại Phòng Dành Riêng  
Ở Nhà Đậu Xe Điện  
Thứ Sáu, Ngày 4 Tháng 9  
8 Giờ 05 Tối

Theo tường thuật của thanh tra Thumm thì các sự kiện sau đó nối tiếp nhau diễn ra nhanh chóng sau khi những hành khách khác trên xe điện được cho về.

Lúc ấy, thanh tra Thumm quay lại gian phòng dành riêng nơi nhóm người đi chung với Longstreet đang khổ sở chờ đợi. Louis Imperiale, ra dáng một quý ông, nhắc thấy Thumm lập tức đứng dậy cúi chào rất chần chu, hai gót chân rập vào nhau theo lối nhà binh trông hết sức lố bịch.

“Ngài thanh tra kính mến,” gã uốn giọng cố sao cho dễ thương nhất, “xin vui lòng thứ lỗi cho sự suy đoán của tôi, nhưng tôi chắc rằng mọi người ở đây đều đang có ít nhiều nhu cầu về thực phẩm, dù chúng tôi có lẽ chẳng thiết gì lắm chuyên ăn uống lúc này. Liệu ông có cho rằng ta nên dự phòng gì đó chăng, ít nhất là cho các quý bà quý cô đây?”\*

Thumm nhìn quanh. Bà DeWitt vẫn cứng đờ như pho tượng trên báng ghế, mắt lim dim. Tiểu thư Jeanne DeWitt đang tựa vào bờ vai rộng của Lord, cả hai đều nhợt nhạt. DeWitt và Ahearn nhỏ giọng chuyện trò rời rạc. Pollux ngồi cúi người về phía trước, tay kẹp giữa gối, đang thì thầm nhỏ to cùng Cherry Browne, vẻ mặt khăng khăng cùng hàm răng nghiến chặt của ả đã hủy hoại sạch sẽ những gì gọi là vết tích của sự xinh xắn. Michael Collins thì úp mặt vào hai bàn tay.

“Được thôi, ngài Imperiale. Dick, chạy xuống lầu kiểm nhanh gì đó cho mọi người đây nhé.”

Một thám tử cầm lấy tờ giấy bạc từ tay Imperiale và rời khỏi phòng. Gã người Thụy Sĩ trở lại băng ghế với vẻ mặt tự đắc của một người đàn ông vừa hoàn thành mỹ mãn sứ mệnh của mình.

“A, bác sĩ, kết luận sao?”

Bác sĩ Schilling đang đứng trước tấm màn che và mặc lại áo khoác vào người, chiếc mũ vải bèo nhều của ông vắt ngang qua chòm đầu nhăn thín trông thật kỳ khôi. Ông khẽ cong đầu ngón tay ra hiệu cho thanh tra Thumm bước đến, và hai người cùng ra phía sau bức màn cạnh cái xác. Ngồi trên băng ghế cạnh đó là một trong hai viên bác sĩ trực xe cứu thương, lúc này anh ta đang cắm cúi điền vào mẫu báo cáo còn người kia thì vừa giũa móng tay vừa huýt sáo khe khẽ.

“Thế đấy, thưa sếp,” bác sĩ Schilling vui vẻ bắt đầu, “quả là một công việc hấp dẫn, rất hấp dẫn. Chết vì liệt cơ hô hấp, nhưng đó là một chi tiết.” Bàn tay trái ông ta vung vẩy, ông đưa bàn tay trái lên còn bàn tay phải bắt đầu đếm: “Thứ nhất, chất độc.” Ông hất đầu về phía chiếc ghế, nơi thứ vũ khí đang nằm chỏng chơ vẻ vô tội gần đôi chân cứng đờ của Longstreet, “số đầu kim gắn trên nút bần tổng cộng là năm mươi ba. Đầu kim và lỗ kim đều được tẩm nicotine, nicotine dạng đậm đặc.”

“Tôi nghĩ mình ngửi thấy mùi thuốc lá”, thanh tra Thumm lẩm bẩm.

“Đúng thế. Sản phẩm lúc ban đầu là một chất lỏng không màu không mùi. Nhưng nếu hòa với nước hoặc để bay hơi nó sẽ chuyển sang màu nâu sẫm và ta có thể ngửi thấy mùi thuốc lá đặc trưng. Không nghi ngờ gì chất độc *verdamt* đã trực tiếp gây ra cái chết của nạn nhân. Tuy nhiên, vẫn cần phải giải phẫu để đảm bảo không còn nguyên nhân nào khác. Chất độc đi vào người nạn nhân bằng phương pháp trực tiếp: hai mươi một nốt kim châm vào bàn tay và ngón tay, chất độc lập tức ngấm vào máu. Theo hiểu biết của tôi, nạn nhân không sống được đến vài phút. Điều này có nghĩa là nạn nhân là một người nghiện thuốc lá nặng. Có khả năng chịu được thuốc lá bất thường”



“Thứ hai, bản thân vũ khí.” Ông bác sĩ lại gập tiếp một ngón tay chuỗi mắt. “Một giải thưởng đặt trong bảo tàng của cảnh sát, ngài thanh tra. Rất tầm thường, rất đơn giản, rất độc đáo và cực độc! sản phẩm của một bộ óc mưu trí tài tình.”

“Thứ ba, nguồn gốc của chất độc”, ông gập ngón thứ ba, “Thumm thân mến, tôi không ghen tị với bạn tí nào đâu. Trừ khi chất độc này được lưu trữ ở những nơi hợp pháp, còn lại thì không thể lần ra được. Nicotine nguyên chất thì khó mua, nếu tôi là kẻ gây án tôi chả mua nó ở nơi bán hóa chất làm gì. Tất nhiên có thể chưng cất nó từ một lượng cực lớn thuốc lá, thông thường có chứa nicotine ở tỉ lệ bốn phần trăm. Nhưng biết tìm đâu ra một cái máy chưng cất nicotine? Cách đơn giản nhất là mua một thùng thuốc trừ sâu.” Bác sĩ Schilling nói tên một loại thuốc trừ sâu dạng lỏng, “và thế là ta có nicotine mà không phiền toái gì lắm. Loại thuốc này chứa đến ba mươi lăm phần trăm nicotine rồi, chỉ cần chờ nó bay hơi, ta sẽ có chất kết dính như chất được tìm thấy ở đầu kim.”

“Tôi cũng sẽ cử người đến những nơi lưu trữ hợp pháp,” Thumm nói, “Chất độc này phát tác sau bao lâu, ông Đốc?”

Bác sĩ Schilling cong môi, “Thông thường chỉ mất vài giây, nếu chất nicotine không đậm đặc, và Longstreet là người nghiện thuốc lá nặng, nên chỉ mất ba phút hoặc hơn một chút.”

“Tôi đoán vậy là do chất nicotine, phải không, còn gì nữa không?”

“Tớ nói thật, tớ cũng không phải loại lá ngọc cành vàng gì đâu, nhưng gã này bốc mùi quá rồi. Phù! Tớ sẽ cho cậu biết sau khi khám nghiệm tử thi vào ngày mai. Không còn gì ở đây nữa, ngài thanh tra; mấy cậu này sẽ đưa gã đi. Xe đang chờ bên ngoài.”

Thanh tra Thumm lại cẩn thận gói cái nút bần gắn kim châm bằng bao thuốc lá và giấy báo và quay sang nhóm của Longstreet. Ông đưa cái gói cho trung sĩ Duffy và đứng tránh sang bên để hai bác sĩ tập sự mang cái cáng phủ chắn đi ra, theo sau là ông đốc Schilling đang hết sức tươi tỉnh.

Không khí lại im phăng phắc khi cái xác được chuyển đi.

Người thám tử cấp dưới có vẻ không khó khăn gì trong việc bổ sung thực phẩm: nhóm người đang mở gói sandwich và chậm chạp nhai, nhấm nháp café đựng trong cốc.

Thumm quay sang DeWitt, “Là bạn hợp doanh của Longstreet, ông hẳn có thể cho tôi biết thói quen của ông ấy, ông DeWitt. Người bán vé thường nhìn thấy ông ấy đi xe điện. Ông thấy điều này thế nào?”

“Về mặt thói quen thì Longstreet đặc biệt có nếp có nang.” DeWitt chua cay, “Ví dụ, thời gian rời văn phòng. Nói thật thì ông ấy không thích làm việc lâu hay làm việc khó; hầu hết các vấn đề hóc búa ông ấy đưa cho tôi. Trụ sở chính của chúng tôi ở phố Wall, nhưng chúng tôi có thói quen sang văn phòng chi nhánh ở Quảng trường Thời Đại sau khi phố Wall đóng cửa, rời từ đó về Tây Englewood. Longstreet thường rời văn phòng vào cùng một giờ, trước sáu giờ một chút. Ông ấy luôn bắt cùng một chuyến tàu bên phía Jersey. Tôi đồn rằng vì chính thói quen này nên ông ấy giục chúng tôi rời khỏi khách sạn hôm nay để bắt chuyến tàu đó. Vì thế chúng tôi lại lên chính cái chuyến xe điện đó.”

“Theo tôi hiểu thì các ông bắt chuyến xe điện này khá thường xuyên.”

“Vâng. Khi tôi ở lại muộn ở văn phòng, tôi thường trở về Tây Englewood cùng Longstreet.”

Thanh tra Thumm thở dài. “Vì sao hai ông không dùng xe riêng trong giờ làm việc?”

DeWitt mỉm cười dứt khoát: “Do giao thông hỗn độn của New York này thôi. Chúng tôi có xe chờ ở ga Englewood.”

“Thế về các mặt khác Longstreet có chuẩn chỉnh như vậy không?”

“Rất nguyên tắc, thưa ngài thanh tra, về các thứ nhỏ nhặt; dù trong đời sống riêng tư ông ấy khá liêu lĩnh và không đáng tin cậy lắm. Nhưng ông ấy luôn đọc cùng một tờ báo, tham khảo báo cáo cổ phiếu trên báo trên đường ra bến phà, như tôi đã nói với ông. Mặc cùng loại quần áo trong ngày làm việc, hút một loại xì gà, một loại thuốc lá, ông ấy nghiện nặng, vâng, trong các chi tiết khác thì ông ấy có thói quen ít thay đổi, kể cả”, DeWitt lạnh lùng nói, “thói quen đến văn phòng vào buổi trưa.”

Thumm thờ ơ nhìn DeWitt, chằm một điều thuốc nữa, rồi hỏi: “Ông ấy phải đeo kính khi đọc à?”

“Phải, chỉ khi đọc gần. Ông ấy ưa làm đóm, nên cho là đôi kính sẽ làm hỏng vẻ bề ngoài, lúc nào bỏ được là bỏ, dù không có kính nhiều lúc cũng khá bất tiện cho ông ấy. Ông ấy bắt buộc phải đeo lúc đọc thôi, kể cả trong nhà hay bên ngoài.”

Thumm thân thiện đặt bàn tay lên đôi vai mảnh của DeWitt. “Chúng ta thẳng thắn với nhau nhé, ngài DeWitt. Ông đã nghe cô Browne buộc tội ông giết Longstreet đấy! Tất nhiên đó là điều vô lý. Nhưng cô ấy nói đi nói lại là ông ghét ông ấy thậm tệ, phải không?”

DeWitt chợt làm một cử chỉ, bàn tay to bè của Thumm đè lên vai người môi giới chứng khoán nhưng không hiểu sao lại rụt về. DeWitt lạnh lùng nói: “Tôi không liên quan gì đến vụ ám sát ông bạn làm ăn của tôi, nếu đó là ý kiến thẳng thắn của ông.”

Thumm điềm đăm nhìn chăm chăm thật lâu vào đôi mắt không gợn chút gì của DeWitt. Rồi ông nhún vai quay sang những người khác trong phòng. Xin mời mọi người đây đúng chín giờ sáng mai vui lòng gặp tôi ở văn phòng DeWitt & Longstreet tại Quảng Trường Thời Đại để tiếp tục thẩm vấn. Không trường hợp nào ngoại lệ, thưa quý ông quý bà.”

Mọi người mệt mỏi đứng dậy lê chân ra phía cửa. “Xin lưu gót,” viên thanh tra nói tiếp. “Cố nhiên tôi lấy làm tiếc, nhưng quý vị ai cũng phải xong thủ tục khám người trước đã. Duffy, hãy mời một nữ cảnh sát cho các quý bà quý cô đây.”

Đám người ai nấy đều há hốc, DeWitt cất giọng giận dữ phản đối. Thumm mỉm cười. “Chắc hẳn không vị nào ở đây có gì giấu giếm đấy chứ?”

Cái thủ tục được tiến hành ở phòng khách lớn cách đây vài phút giờ được lặp lại dưới con mắt quan sát của Thumm. Cảnh đàn ông thì khó chịu, cảnh phụ nữ thì đỏ mặt giận dữ. Phu nhân DeWitt phá tan sự câm lặng của bà suốt mấy giờ liền bằng câu chửi đồng bằng tiếng Tây Ban Nha nhằm

vào bộ ngực vạm vỡ của viên thanh tra. Ông nhướn mày rồi phất tay ra hiệu cho viên nữ cảnh sát dứt khoát vào việc.

“Tên, địa chỉ,” giọng đều đều của Jonas vang lên khi họ bắt đầu nối đuôi nhau ra cửa sau khi khám xét xong.

Duffy trông méo xệch vì thất vọng. “Chả có gì cả sếp ạ. Chả có tí bóng dáng của kim châm, nút bần hay bất cứ thứ gì đáng nghi cả.”

Thumm đứng chôn chân giữa phòng, hết bậm môi lại quay sang nhúu mày, rồi cất giọng gay gắt. “Xét phòng.”

Gian phòng được rà soát kỹ càng.

Khi thanh tra Thumm rời khỏi nhà đậu xe điện cùng đám học việc của mình, cặp chân mày của ông vẫn còn nhăn tít.

# CẢNH 8

Văn Phòng Công Ty DeWitt & Longstreet

Thứ Bảy, Ngày 5 Tháng 9

9 Giờ Sáng

Tình trạng căng thẳng âm ỉ bên trong không mấy may ảnh hưởng đến không khí làm việc ở công ty DeWitt & Longstreet khi thanh tra Thumm băng qua sàn văn phòng chi nhánh vào sáng thứ Bảy. Nhân viên và khách hàng chỉ ngược mắt nhìn ông lướt qua như gió cuốn, họ có giật mình; nhưng rõ ràng công việc vẫn đang diễn ra như mọi khi. Người của Thumm đã có mặt sẵn sàng nhưng không quấy rầy bất cứ ai. Họ chỉ quanh quẩn trong im lặng, tất cả chỉ có thế.

Ở phía sau, trong văn phòng riêng ghi biển *John O. DeWitt*, viên thanh tra tìm thấy nhóm người của Longstreet đêm trước đã tập hợp đầy đủ dưới ánh mắt cảnh giác của trung úy Peabody. Cái lưng màu xanh to ngang của trung sĩ Duffy thì xoay về phía chiếc cửa kính dẫn sang gian văn phòng bên cạnh, có tấm biển *Harley Longstreet*.

Thumm lạnh lùng nhìn họ khắp lượt rồi ậm ừ qua loa vài câu chào. Ông quay sang gạt đầu ra hiệu cho thám tử Jonas và hai người cùng đi vào văn phòng riêng của Longstreet. Tại đây, đang hoang mang ngồi trên mép ghế là một cô gái khá xinh - cô khá cao, da ngăm đen, thân hình đầy đặn, gương mặt dễ coi nhưng không sang.

Thumm ngồi lọt thỏm vào chiếc ghế xoay đặt trước chiếc bàn rộng trong văn phòng. Jonas ngồi xuống một góc phòng, bút chì và sổ ghi cầm sẵn trên tay. “Tôi đoán cô là thư ký của Longstreet?”

“Vâng, thưa ngài. Tôi là Platt. Anna Platt. Tôi là thư ký riêng của ngài Longstreet đã bốn năm rưỡi nay ạ.” Chiếc mũi dọc dừa của Anna Platt đỏ lên ở chòm trông rất lạc mốt, mắt của cô nàng thì ướt nhòe nhoẹt. Cô nàng thấm khước mắt bằng chiếc khăn tay mềm rũ. “Ôi, khủng khiếp quá!”

“Tất nhiên, tất nhiên rồi,” viên thanh tra đỡ lời kèm một cái cười gượng gạo. “Giờ ta cất chuyện khóc lóc đi nhé, cô em, và đi thẳng vào đề thôi nào. Cô trông ra dáng là nữ nhân viên biết khá tường tận công việc của sếp mình thì phải, kể cả những chuyện riêng tư của ông ấy nữa đúng thế không. Nói tôi nghe nào - giữa Longstreet và DeWitt thân thiết ra sao hả?”

“Không hề, họ luôn cãi cọ vặt vãnh thì có.”

“Thường những lần đấu đá như vậy ai thua ai thắng?”

“Ồ, ngài Longstreet ạ! Ngài DeWitt luôn luôn ra sức phản đối khi cho rằng ngài Longstreet sai, nhưng chung cuộc thì bao giờ ông ấy cũng là kẻ chịu lép vế.”

“Vậy thái độ của Longstreet đối với DeWitt thì sao?”

Anna Platt vắn vẹo mấy ngón tay. “Tôi đoán là ông muốn biết sự thực... Ông ấy dọa dẫm, nạt nộ ngài DeWitt suốt. Ông ấy biết ngài DeWitt là nhà doanh nhân giỏi hơn và Ông ấy không thích thế. Nên ông ấy cứ o ép ngài DeWitt và làm theo ý mình dù cho ông ấy biết mười mươi là mình sai và dù việc đó có gây tổn thất cho công ty.”

Thanh tra Thumm nhìn ngăm kỹ cô gái. “Cô Platt, cô khá thông minh đấy, có vẻ ta sẽ làm việc được cùng nhau. DeWitt có ghét Longstreet không?”

Cô nàng đưa mắt nhìn xuống có vẻ e dè. “Có, tôi nghĩ đúng thế ạ. Tôi nghĩ mình cũng biết vì sao nữa. Đó là một vụ bê bối công khai mà ngài Longstreet,” - cô nàng đánh giọng lại - “đã và đang đan dứu cùng bà DeWitt, một chuyện tăng tịu nghiêm trọng đấy ạ... Và tôi chắc ngài DeWitt đã biết chuyện đó dù tôi chưa hề nghe ông ấy nhắc đến điều này với ngài Longstreet hay với ai khác.”

“Longstreet có yêu vợ của DeWitt không? Thế nào mà ông ấy lại hứa hôn cùng cô Browne?”

“Longstreet không yêu ai trừ bản thân ông ấy. Nhưng ông ấy lúc nào cũng có vô khối tình nhân và tôi e bà DeWitt chẳng qua chỉ là một trong số đó. Tôi đoán chắc cũng như những người khác, bà ta ngỡ rằng ông ấy điên lên vì mình chứ không vì ai khác... Nói thế chứ, để tôi kể ông nghe chuyện này,” cô nàng sôi nổi kể tiếp cứ như viên thanh tra là bạn gái thân thiết của nàng. “Ông sẽ thích thú chuyện này đấy, ngài... Thanh tra, phải không ạ? Ngài Longstreet đã có lần cố ‘chim’ tiểu thư Jeanne DeWitt ngay tại văn phòng này. Cái vãi khủng khiếp nổ ra sau đó vì ngài Lord vào phòng bắt được và đã nện ngài Longstreet một quả bổ chửng. Thế rồi ngài DeWitt nhanh chóng xuất hiện và họ đuổi tôi đi nơi khác. Chẳng biết sau đó chuyện gì xảy ra nhưng nghe đồn phải băng bó cả đống. Chuyện xảy ra mới hai tháng trước chứ đâu.”

Viên thanh tra điềm tĩnh đánh giá cô gái, đây là một nhân chứng hợp ý với ông. “Rất tốt, cô Platt, quả là rất tốt, thế cô có cho rằng Longstreet có gì đó khống chế DeWitt không?”

Cô gái ngập ngừng. “Tôi không chắc, nhưng tôi chắc rằng hễ mỗi lần ngài Longstreet vòi những khoản tiền lớn từ ngài DeWitt, mà ông ta thường cười thô bỉ gọi đấy là ‘tiền vay riêng’, lần nào ông ấy cũng lấy được tiền cả. Thực ra thì mới tuần rồi ông ấy đòi vay ngài DeWitt số tiền đến hai mươi lăm ngàn đô la. Ngài DeWitt tức phát điên đến nỗi tôi lo ông ấy bị đột quy không chừng...”

“Tôi cũng chẳng lấy gì làm lạ,” Thumm nhỏ giọng.

”Họ ở trong văn phòng này cãi cọ nặng nề nhưng rồi cuối cùng ông ấy đã chịu nhịn như mọi lần.”

“Có hăm dọa gì không?”

“À, ngài DeWitt bảo: ‘chuyện không thể tiếp tục lâu hơn nữa’, rồi ông ấy bảo hoặc là họ phải làm cho ra ngô ra khoai một lần, hoặc cả hai sẽ cùng sập tiệm.”

“Hai mươi lăm ngàn,” viên thanh tra thốt lên. ”Vì Chúa, Longstreet làm cái quái gì với chừng đó tiền nhỉ? Chỉ riêng cái văn phòng này không thôi ắt cũng mang về cho gã một khoảng thu nhập lớn rồi còn gì.”

Đôi mắt nâu của Anna Platt chợt lóe lên. “Ngài Longstreet là kẻ bán giờ không văn tự, ngài ấy tiêu tiền còn nhanh hơn bất cứ ai ông thấy trên đời ấy chứ,” cô nàng nói giọng hậm hực. “Ông ấy nướng tiền vào cờ bạc, ăn chơi, cá cược đua ngựa, đầu cơ thị trường - ông ấy gần như thua lỗ triền miên. Ông ấy hẳn đã ăn cụt vốn lúc nào chả hay và đến lúc khô xương ông ấy lại mỗ ngài DeWitt để moi bằng được những món ‘tiền vay’ ấy. Vay! ông ấy có bao giờ trả lại xu nào đâu mà bảo là vay. Tôi chắc vậy vì tôi cứ phải đến ngân hàng của ông ấy suốt để giải trình những tờ séc thâu chi. Ông ấy đã bán hết phần trái phiếu và chứng khoán bất động sản của mình từ lâu, tôi dám cá là giờ ông ta chẳng còn lấy một xu lận túi.”

Thumm trầm ngâm gõ nhịp lốc cốc lên mặt bàn lót kính. “Vậy ra DeWitt không bao giờ đòi lại được tiền, còn Longstreet thì lại là một gã chuyên gia bòn rút. Thế đấy, thế đấy!” Ông bất chợt nhìn xoáy vào mặt khiến cô nàng bỗng đứng bối rối sụp mắt xuống. “Cô Platt này,” ông nói tiếp giọng vui vẻ, “chúng ta ai cũng già đời cả rồi, chẳng ai lại tin câu chuyện hay ho kể về con cò cả. Nói nghe nào, có gì giữa cô và Longstreet không đấy? Nhìn cô tôi thấy giống một em thư ký vui tươi dễ tính sao ấy.”

Cô nàng liền đơng đờng lên. “Ý ông là sao!”

“Ngồi xuống, cô em, ngồi xuống đã nào.” Thumm nhăn răng cười chờ cô nàng thả mình rơi phịch trở lại vào lòng ghế. “Biết ngay mà. Nào, cô ở chung với ông ấy bao lâu rồi hả?”

“Tôi không có ở chung với ông ấy!” cô nàng sẵng giọng. “Bọn tôi đi chung với nhau thế thôi, mới khoảng hai năm nay. Mà tôi có phải ngồi đây để nghe chửi chỉ vì ông là cảnh sát không đấy hử? Tôi là con nhà đảng hoàng hẳn hoi nhé, nói ông biết!”

“Tất nhiên, tất nhiên,” viên thanh tra hiền từ. “Thế cô sống với bố mẹ à?”

“Bố mẹ tôi sống ở quê.”

“Tôi đoán thế. Tôi cũng chắc ông ấy cũng hứa là cưới cô, phải không? Tất nhiên rồi, lại một gái ngoan vướng vào vòng tay anh chàng họ Sở. Rồi cho cô ra rìa vì mụ DeWitt, đúng không?”



“Ờ...” Cô gái do dự, cúi đầu rầu rĩ dò xét sàn nhà lát gạch kê ô. “Ờ... vâng.”

“Nhưng nói gì thì cô cũng là một cô gái thông minh,” Thumm lại nhìn từ đầu đến chân cô nàng đầy thán phục. “Thật đấy. Đã vấp phải cuộc tình với một tay như Longstreet, bị hứa hão, và vẫn giữ lấy công việc của cô - thật tài giỏi, em gái.”

Cô nàng không nói gì, nếu cảm thấy ông đang như mình hấn cô nàng đủ thông minh để không cần câu. Thumm ư ử một đoạn nhạc, không nói không rằng chỉ xăm xoi nhìn mái tóc ngắn chải chuốt của cô gái. Ông đổi giọng quay sang chuyện khác, ông moi từ cô ả rằng chiều hôm thứ Sáu, lúc Longstreet sắp sửa rời văn phòng để đến chỗ Cherry Browne ở khách sạn Grant thì Michael Collins xông vào, mặt tím tái đi vì giận dữ, mắng Longstreet chơi trò lá mặt lá trái. Lúc ấy DeWitt đã ra ngoài. Theo lời Anna Platt, sự việc là do Longstreet đã tư vấn Collins lao đầu vào cổ phiếu International Metals. Collins chửi rủa đòi Longstreet phải đền lại năm mươi ngàn đô la mà hấn bị lỗ trắng tay vì cổ phiếu này. Longstreet chừng như bối rối nhưng cũng trấn an gã Ai Len rằng: “Đừng lo, Mike, cứ để tao lo. Tao sẽ đảm bảo là DeWitt sẽ xoay xử cho mày.” Collins khăng khăng đòi thêm là Longstreet nhất định phải giải quyết ổn thỏa chuyện này với DeWitt ngay lập tức; nhưng vì DeWitt lúc ấy không có mặt, Longstreet bảo Collins cứ đến dự bữa tiệc đính hôn, hứa là sẽ nói chuyện với DeWitt ngay khi gặp ông ấy ở đó.

Anna Platt chỉ biết tất cả có thể, thanh tra Thumm cảm ơn, kiếu biệt cô nàng rồi cho gọi DeWitt vào văn phòng Longstreet.

Gương mặt DeWitt tuy trắng bệch nhưng vẫn bình tĩnh. Thumm vào việc luôn: “Tôi lặp lại câu hỏi đêm qua, và ông nhất định phải trả lời. Tại sao ông ghét bạn làm ăn của mình?”

“Tôi khước từ bị hăm dọa, thưa ngài thanh tra Thumm.”

“Thế là ông không trả lời?”

DeWitt mím chặt môi.

“Được lắm, DeWitt,” Thumm nói, “nhưng ông đang mắc phải sai lầm lớn nhất đời rồi đấy... Bà DeWitt và Longstreet quan hệ thế nào - bạn tốt phòng?”

“Đúng.”

“Thế con gái ông cùng Longstreet - giữa họ không có gì phải lấp liếm chứ?”

“Ông đang cư xử xúc phạm.”

“Thế gia đình ông và Longstreet quan hệ hòa thuận cùng nhau?”

“Này!” DeWitt lớn tiếng, thành lỉnh bật dậy. “Ông lái câu chuyện vào cái quỷ gì thế hả?”

Viên thanh tra mỉm cười rồi đá vào ghế của DeWitt bằng cái chân khổng lồ của mình. “Bình tĩnh nào. Ngồi xuống đi... Ông với Longstreet là đối tác góp vốn bình đẳng à?”

DeWitt ngồi phịch xuống, mắt đỏ ngầu. “Phải,” gã cố lấy giọng bình tĩnh.

“Các ông làm ăn chung bao lâu rồi?”

“Mười hai năm.”

“Do đâu hai ông hùn hạp thế?”

“Bọn tôi phát lên ở Nam Mỹ dạo trước Chiến tranh. Kinh doanh khai mỏ. Bọn tôi cùng về nước và tiếp tục liên kết làm ăn trong nghề môi giới.”

“Các ông thành công chứ?”

“Tương đối.”

“Vậy có gì,” viên thanh tra vẫn vui vẻ hỏi tiếp, “cả hai người các ông đều thành công và đều có của để bắt đầu, Longstreet vẫn cứ đều đều vay tiền của ông?”

DeWitt đờ người ra. “Ai bảo ông thế?”

“Tôi đang hỏi ông, DeWitt.”

“Nực cười.” DeWitt cắn một sợi râu xám từ hàm ria rể tre của gã. “Thi thoảng tôi có cho ông ấy vay nhưng đó hoàn toàn là chuyện riêng - chỉ là những khoản nho nhỏ...”

“Ông gọi hai mươi lăm ngàn đô la là khoản nhỏ nhỏ hử?”

Người đàn ông nhỏ thó tội nghiệp ngồi vắn vẹo bên trong chiếc ghế như bị lửa đốt. “Vậy thì sao - cái đó đâu phải cho vay. Đó là chuyện riêng.”

“DeWitt,” thanh tra Thumm nói, “ông nói dối như Cuội ấy. Ông đã và đang phải đưa cho Longstreet rất nhiều tiền, ông chưa hề được trả lại dù một cắc, mà có lẽ ông cũng chẳng bao giờ mong nhận được xu nào. Tôi muốn biết vì sao, và sẽ biết nếu như...”

DeWitt bật dậy la giật giọng, gương mặt méo xệch đi và trắng bợt pha sắc tía. “Ông đang lạm quyền! Chuyện này chẳng dính gì đến cái chết của Longstreet cả, nói ông biết! Tôi...”

“Đừng đóng kịch. Ra đờ bên ngoài.”

Miệng DeWitt vẫn há ra, gã thở hồng hộc. Thế rồi gã co người lại, cơn giận tan biến, gã so vai, rùng mình, rồi ra khỏi phòng. Thumm nhìn theo bối rối, gã này có nhiều thái độ trái ngược hẳn nhau...

Ông cho gọi bà Fern DeWitt.

Cuộc nói chuyện với bà DeWitt diễn ra thật chóng vánh và tẻ nhạt. Người phụ nữ này - héo hon, sần muện, cứng đầu - lập dị không khác gì ông chồng. Có vẻ mẹ đang ấp ủ một cảm xúc sâu xa, lệch lạc nào đó không rõ ràng. Không, mẹ không biết gì, chẳng biết gì cả. Mẹ lạnh lùng chối phăng bất cứ mối quan hệ nào ngoại trừ chỉ là bạn hữu thường tình với Longstreet mà thôi. Mẹ cười mũi vào lời bóng gió cho rằng Longstreet có ý muốn tặng tịu cùng Jeanne DeWitt. “Ông ấy chỉ thích mẫu đàn bà từng trải!” mẹ lạnh lùng nói.

Đối với Cherry Browne, mẹ không biết gì ngoài chuyện ả là “một ả đào hát hèn mọn gian xảo,” rằng Longstreet đã bị tối mắt u mê vì cái mặt xinh đẹp mà thôi. Mẹ có nghi ngờ rằng chồng bà, ngài DeWitt, đang bị tống tiền không? Ồ, không! Nó mới nhảm nhí làm sao...

Thumm rửa thầm trong bụng. Người đàn bà này đích thị là một mẹ đàn ông, huyết quản mẹ này toàn giấm. Ông đã vắn vẹo liên hồi, hết đe nẹt lại quay ra dụ ngọt. Vô ích, ngoài việc chỉ moi được chuyện đương nhiên rằng

mụ và DeWitt lấy nhau đã mười sáu năm, rằng Jeanne DeWitt là con riêng của DeWitt, Thumm chẳng khám phá được gì hơn. Ông đuổi mụ ra ngoài.

Lúc đứng dậy để đi ra, người đàn bà lấy từ sắc ra chiếc hộp đồ trang điểm, mụ ta mở hộp rồi bắt đầu thoa phấn lên gương mặt vốn đã bự phấn của mình. Tay mụ run run khiến tấm gương trong hộp rơi vỡ thành nhiều mảnh trên sàn nhà, vè tự tin bỗng biến mất, mặt mụ ta tái đi sau lớp phấn hồng. Mụ đưa tay lên ngực làm dấu thánh giá, rồi thì thầm với ánh mắt kinh hãi, “Madre de Dios!”\* Tuy nhiên, cùng lúc ấy mụ trấn tĩnh lại ngay, mắt lóe một tia nhìn có lỗi về phía thanh tra Thumm, ưỡn ẹo tránh chỗ gương vỡ rồi bước vội ra ngoài. Thumm phá lên cười, ông nhặt những mảnh gương lên rồi ném chúng lên bàn.

Ông ra cửa gọi Franklin Ahearn.

Ahearn khá cao to, thân hình khá gọn so với tuổi; dáng đi thẳng, vè hóm hình hiện trên khóe miệng. Đôi mắt sáng và hiền lành.

“Ngồi xuống đi, ngài Ahearn. Ông quen ngài DeWitt bao lâu rồi nhỉ?”

“Để xem nào... Từ lúc tôi đến sống ở Tây Englewood. Sáu năm.”

“Ông quen Longstreet đến mức nào?”

“Chả thân thiết gì, thưa ngài thanh tra. Đúng thế, bọn tôi đều sống gần nhau nhưng tôi là kỹ sư về hươu và chả có quan hệ làm ăn gì với cả hai ông. Nhưng DeWitt với tôi thì vừa gặp đã quý nhau ngay - còn Longstreet thì rất tiếc phải nói là tôi chả thích tẹo nào. Một con người xảo trá, thưa ngài thanh tra. Bề ngoài thơn thớt nói cười - ra điều chính nhân quân tử ấy mà, ông biết đấy - mà trong nham hiểm giết người không dao. Tôi thật không biết ai giết ông ấy chứ tôi dám bảo đảm với ông, đó cũng là vì ông ấy đáng bị vậy thôi!”

“Cái đó lại là chuyện khác,” Thumm lạnh nhạt. “Ông nghĩ sao về lời buộc tội của Cherry Browne tối qua?”

“Tào lao hết sức.” Ahearn vắn chân chữ ngũ nhìn thẳng vào mắt Thumm. “Nói vậy mà cũng nghe được sao? Chỉ người đàn bà mất trí mới đưa ra lời buộc tội lỗi bịch như thế. Tôi quen biết ngài John DeWitt đã sáu năm nay, trong người ông ấy đến một khúc xương ti tiện hoặc ác ý còn không có nữa

là, ông ấy hào hiệp đến quá mức, một kẻ hiền lành đúng nghĩa. Đơn giản ông ấy không có khả năng gây án mạng, và tôi dám nói ngoài người thân trong gia đình, không ai biết rõ ông ấy bằng tôi. Chúng tôi cùng chơi cờ vua đến ba hoặc bốn lần một tuần.”

“Cờ vua à?” Thumm tỏ vẻ thú vị. “Nào, cái này được đấy. Chắc ông chơi cờ giỏi lắm hả?”

Ahearn tủm tỉm. “Thương thay danh tiếng tôi! Bộ ông không đọc báo sao, ngài thanh tra? Ông đang nói chuyện với kỳ thủ quán quân vùng này đấy. Nói ông hay, ba tuần trước tôi đã thắng giải vô địch mở rộng vùng Đông duyên hải đấy.”

“Thật tuyệt!” Thumm thốt lên. “Hân hạnh được quen biết nhà vô địch, có lần tôi cũng được bắt tay cùng Jack Dempsey\* rồi đấy nhé. Thế DeWitt chơi thế nào?”

Ahearn ngả người về phía trước, hoạt bát hẳn lên. “Ngài thanh tra Thumm, ông ấy vào hạng cao thủ nghiệp dư chứ không vừa đâu, nhiều năm nay tôi cứ giục ông ấy tính chuyện nghiêm túc với môn này và tham gia đấu giải, nhưng ông ấy tỏ ra nhút nhát, dè dặt - nhạy cảm quá mức, ông biết đấy. Ông ấy rất sáng nước, đánh cờ gần như bằng bản năng, ra nước là rành mạch dứt khoát, ồ, bọn tôi chơi cờ với nhau khá là tâm đắc.”

“Tính khí nhút nhát, hử?”

“Rất nhút nhát, dù thứ gì cũng giỏi, ông ấy thật sự cần nghỉ ngơi. Thật tâm mà nói thì tôi cho là Longstreet lo phải sống mà không có ông ấy, dù cố nhiên chúng tôi không bao giờ đá động gì đến chuyện làm ăn của DeWitt cả. Giờ thì Longstreet đã chết, DeWitt sẽ thành người hoàn toàn mới cho mà xem.”

“Tôi đoán ông ấy sẽ vậy,” Thumm nói. “Thế thôi, ngài Ahearn.”

Ahearn nhanh nhẩu đứng dậy. Gã liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo tay bằng bạc to tướng. “Chúa ơi! Đến giờ phải uống thuốc đau dạ dày rồi.” Gã nhe răng cười với viên thanh tra. “Tôi bị rắc rối với cái dạ dày - tôi giờ là dân ăn chay. Hậu quả của việc ăn toàn thịt bò hộp hồi trẻ khi là kỹ sư đấy. Thôi nhé, tạm biệt, chúc ngài một ngày tốt lành.”

Nhìn gã đồng dục sải bước ra ngoài, Thumm khịt mũi bảo Jonas: “Hắn mà bị đau dạ dày thì tôi đây là Tổng thống Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Có mà mắc bệnh tương.”

Ông bước đến cửa yêu cầu mời Cherry Browne vào.

Lát sau, đối diện viên thanh tra qua chiếc bàn là một cô đào hoàn toàn khác. À xem ra đã lấy lại vẻ tươi tỉnh vốn có của mình; gương mặt à được trang điểm nắn nót, hai mí mắt thoa màu xanh phơn phớt; hôm nay à diện một bộ đồ màu đen rất đúng mốt. À rành rọt trả lời từng câu hỏi. À quen Longstreet tại một buổi khiêu vũ năm tháng trước. Theo lời à thì gã đã ‘dồn dập tấn công’ à nhiều tháng liền, và rồi họ cùng quyết định thông báo lễ đính hôn. Gã hứa đính hôn xong sẽ lập tức ‘thay đổi chúc thư’ để à thụ hưởng - điều này à nói chắc như đinh đóng cột. À còn quả quyết đến độ ngờ nghệch rằng Longstreet là tay triệu phú, gia tài để lại dễ đến hàng triệu đô la chứ chẳng bõn.

Nhác thấy những mảnh gương vỡ trên bàn, à khẽ nhíu mày ngoảnh mặt ra nơi khác.

À thú nhận chuyện đêm qua à buộc tội DeWitt chỉ vì bị rơi vào trạng thái đau thương quá mức. Không, à quả thực không thấy bất cứ điều gì lúc ở trên xe điện, lời à nói lúc ấy là do ‘linh cảm đàn bà’. Thumm cười gằn.

“Nhưng Harley từng rất hay bảo tôi rằng DeWitt ghét anh ấy,” à khẳng định nói bằng giọng điệu cẩn thận uốn éo như hát của mình. Vì sao ư? À nhún vai, kiểu cách rất điệu đà.

Và rồi đang lúc viên thanh tra mở cửa tiễn chân, à tranh thủ biểu ông một ánh nhìn lẳng lơ gợi tình.

Christopher Lord đường hoàng bước vào văn phòng. Thumm đứng trước mặt anh ta, hai người nhìn chăm chăm vào mắt nhau. Đúng thế, Lord đồng dục, anh ta đã đánh Longstreet một trận nên thân và không hề hối tiếc tẹo nào về chuyện này - thằng cha đó là đồ thối thây, bị vậy là đáng đời. Anh ta đã đệ đơn thôi việc lên DeWitt là cấp trên trực tiếp, nhưng DeWitt khuyên nhủ anh ta bớt giận. Lord nói tiếp, anh ta chấp nhận cho qua việc này chẳng qua vì lòng thành thật kính mến DeWitt; và bởi vì, suy cho cùng thì ngộ

nhờ Longstreet lại giở trò chim chuột với Jeanne thì anh ta, Lord, còn có mặt tại chỗ để kịp thời che chở cho nàng.

“Tổ chất Huân tước Fauntleroy\* hả?” Thumm lẩm bẩm. “Được rồi, giờ vậy. DeWitt mắng tôi là kẻ ép người quá đáng. Nhưng việc gì khiến ông ta lo sợ đến mức phải che đậy vụ này, một vụ đụng đến chính con gái ông ấy?”

Lord nhồi nhét đôi bàn tay to tướng vào túi. “Ngài thanh tra,” anh ta nói ngắn gọn, “Tôi biết được là chết liền. Đúng là chẳng giống ông ấy chút nào. Bất cứ việc gì trừ ra những lần đụng đến Longstreet, ông ấy là một người sắc sảo, lanh lợi, độc lập, luôn đề cao nguyên tắc, là một trong những người môi giới tài giỏi nhất Phố Wall, một người cha ra sức bảo vệ hạnh phúc và danh tiết của con gái mình. Tôi ngỡ ông ấy sẽ lôi cổ gã du côn ấy đi rồi đập cho vài phát vì dám cả gan sàm sỡ con gái mình chứ. Thế mà không - ông ấy không làm vậy, ông ấy lẩn tránh. Sao ấy à, tôi mà biết ra chắc điên luôn.”

“Thế thì, phải chăng ý cậu là thái độ của ông ấy với Longstreet từ đầu chí cuối không giống tính cách của ngài DeWitt chút nào cả?”

“Ông ấy rõ ra không phải là mình nữa, thừa ngài thanh tra.”

Lord tiếp, DeWitt và Longstreet đã không ít lần cãi vã trong văn phòng riêng của họ. Vì sao? Anh ta nhún vai. Có phải vì chuyện giữa bà DeWitt và Longstreet? Chàng thanh niên tóc vàng lịch sự đưa mắt chăm chú nhìn khoảng trống. Hay tại Michael Collins? Lord bảo mình làm việc dưới quyền DeWitt nên ít biết về những giao du của Longstreet. Có khả năng chính DeWitt không biết gì về chuyện Longstreet tư vấn riêng Collins? Người như Longstreet thì có thể lắm, Lord bảo.

Thumm ngồi xuống cạnh bàn. “Này chàng trai, thế Longstreet có bao giờ lảng vảng gần Jeanne DeWitt thêm lần nào nữa không hử?”

“Có,” Lord nghiêng rằng. “Lúc ấy không có tôi, nhưng sau này Anna Platt đã kể tôi nghe. Dường như Jeanne đã cự tuyệt Longstreet và bỏ chạy ra khỏi phòng.”

“Thế cậu có xử vụ ấy không?”

“Ông cho tôi là ai hử? Làm đứt đuôi ấy chứ. Tôi đến gặp Longstreet nói chuyện phải quấy với hần.”

“Cãi nhau?”

“Hừ... bọn tôi đã làm một trận khâu chiến ì xèo.”

“Xong rồi,” Thumm đột ngột nói. “Mời cô DeWitt vào đây.”

Tiểu thư Jeanne DeWitt, tuy vậy, đã không thêm được gì mới vào cuốn sổ tay mà thám tử Jonas đang cặm cụi chép kín trang này sang trang khác. Cô nàng bênh bố mình chăm chặp. Thumm buồn bã ngồi nghe một lúc rồi đuổi cô bé trở lại phòng cạnh bên.

“Mời ngài Imperiale!”

Thân hình to lớn dềnh dàng của gã người Thụy Sĩ choán hết cả khung cửa. Hôm nay gã ăn vận tề chỉnh đến đau lòng, bộ râu kiểu Van Dyke mềm mượt của gã chừng như đã gây ấn tượng với Jonas, ít ra là vậy, khiến anh này dành cho gã ánh mắt ngưỡng mộ không giấu giếm.

Đôi mắt tinh nhanh của Imperiale dán vào những mảnh gương vỡ trên bàn, hơi bấu môi lộ vẻ khó chịu rồi quay sang Thumm, gã trịnh trọng cúi chào. Theo lời gã nói, gã là chỗ bè bạn thân tình với DeWitt đã bốn năm nay. Gã quen DeWitt tại châu Âu, ấy là khi DeWitt đang đi tham quan dãy núi Alps tại Thụy Sĩ, và hai người thấy hợp nhau ngay.

“Ngài DeWitt thật là ân cần,” gã nói, lấp ló khoe hàm răng trắng đều tăm tắp. “Từ đó đến nay đã bốn lần tôi sang đây vì công chuyện làm ăn, suốt thời gian lưu lại lần nào tôi cũng làm khách ở nhà ngài DeWitt.”

“Hãng ông tên gì thế?”

“Công ty Dụng cụ Chính xác Thụy Sĩ. Tôi là tổng giám đốc ê-tab-lích-sờ-măng\*”

“Tôi hiểu... mà này thưa ngài Imperiale, ông có lý giải nào về vụ hình sự này không?”

Imperiale xòe đôi bàn tay được chăm chút kỹ lưỡng của gã ra. “Tôi tuyệt chả có gì để gợi ý cả, ngài thanh tra ạ. Tôi biết ngài Longstreet chỉ sơ sơ mà thôi.”



Thumm đuổi Imperiale ra. Chờ gã Thụy Sĩ vừa đi khỏi, Thumm đánh mặt lại quát lớn: “Collins!”

Gã khổng lồ Ai Len khệnh khạng vào phòng, cặp môi dày của hắn xệ xuống đầy bức bối. Gã đáp lại những câu hỏi của viên thanh tra bằng lời lẽ vừa gắt gỏng, vừa rầu rĩ lại vừa miễn cưỡng. Thumm tiến đến, chộp lấy tay gã bằng cú siết thật chặt. “Giờ cậu nghe kỹ đây, thứ con nhà chính khách lọc lừa!” ông nói. “Tôi đợi để bảo cậu việc này lâu lắm rồi. Tôi biết rõ mười mười rằng đêm qua cậu cố giật dây để sáng nay khỏi đến đây cho lời khai. Nhưng đằng nào cậu cũng ở đây rồi, đúng không? Công chức công chức gì cậu, hử! Tối qua cậu bảo lúc xông vào đây tìm Longstreet để bắt gã nói lại cho rõ cái sự tư vấn tào lao của gã, rằng cậu chưa hề thốt lên lời nào cả. Lúc ấy tôi tạm cho qua, nhưng sáng nay thì tôi không chấp nhận lối giải thích ấy nữa đâu nhé. Đầu đuôi ra sao nói hết lại nghe nào, Collins!”

Toàn thân Collins run bần bật vì cố nén cơn phẫn nộ. Hắn thô bạo vùng ra khỏi cú siết tay của Thumm. “Đừng làm ra vẻ biết tuốt, ông cóm!” Hắn hăm hè. “Thế ông cho tôi làm gì nào - ôm hôn gã chắc? Tất nhiên là tôi mắng vào mặt gã thậm tệ rồi - cầu cho cái linh hồn chết đâm chết chém của gã mục ruỗng dưới đáy âm ti! Gã khốn đó đã hủy hoại đời tôi!”

Thumm tươi cười với Jonas. “Ghi vào chưa, Jonas?” Ông lại quay sang ôn tồn với gã Ai Len. “Có lý do tốt để thịt gã, đúng không?”

Collins buông một tiếng cười cay độc. “Càng lúc càng thông minh hơn, hử! Tôi đoán mình đã giấu cái nút bần cầm dây kim ấy, chờ dịp là thả vào? Trở lại chốn nào đó mà trực nhật đi thôi, Thumm ạ, ông quá ngốc không làm được việc này đâu.”

Thumm chớp mắt. Nhưng ông chỉ hỏi: “Làm thế nào mà DeWitt không biết gì chuyện Longstreet tư vấn cho cậu?”

“Cái đó tôi đang muốn biết đây,” Collins cúi kính. “Tiện thể, đây là công ty môi giới chiếm dụng kiểu gì vậy? Mà tôi bảo ông này, Thumm.” Hắn nghiêng người gần hơn, những sợi gân trên cổ hắn xám xanh. “Gã DeWitt này sẽ phải đền bù cho cái sự tư vấn cuội đó hoặc là tôi sẽ biết nguyên do vì sao!”

“Ghi vào, Jonas, ghi vào,” viên thanh tra nhỏ giọng. “Gã này đang tự quàng dây vào cổ hẳn rồi đấy... Collins, bạn tôi ơi, cậu đầu tư vào Metals những năm mươi ngàn đô la, ở đâu ra mà cậu có từng đó xèng để lỗ đến chông gọng thế hử? Cậu đầu thế vung vít năm mươi ngàn đồng trên đồng lương chết đói của mình được chứ?”

“Không phải việc của ông! Thumm, tôi sẽ cho ông một trận vì chuyện này...”

Bàn tay to bè của Thumm túm lấy ngực áo khoác của Collins giật mạnh khiến gã thấy mặt mình đột ngột cách mặt Thumm chỉ một in-sơ. “Còn tôi thì sẽ bẻ gãy cổ nếu cậu không chịu dạy cái mặt mề của mình biết cách ăn nói cho đàng hoàng,” viên thanh tra gầm gừ. “Giờ rút khỏi đây, đồ thối thây.”

Ông lẳng gã đàn ông ra xa và Collins, giận quá đâm ú ớ không ra lời, nện chân thành thịch ra khỏi phòng. Thumm lắc đầu, rửa dăm câu vắn điệu, rồi cất tiếng bảo mời Pollux ria cá chốt.

Gã diễn viên có gương mặt Ý Đại Lợi xương xương trông như mặt sói. Gã tỏ ra hồi hộp, và Thumm ghim luôn vào gã một tia mắt sắc buốt.

“Này ông, nghe kỹ đây!” Thumm rê một ngón tay bấp chuối bên dưới viền cổ áo của gã. “Tôi chả có nhiều thì giờ dành cho ông, và cũng chả ngại bảo hẳn ông thế. Ông biết gì về vụ ám sát Longstreet?”

Pollux, mắt lóe sáng liếc xéo vào những mảnh gương vỡ trên bàn, lầm rầm vài tiếng Italia trong cổ họng. Gã e sợ viên thanh tra, nhưng lại là kẻ thích cà khịa. Gã nói bằng giọng ngang phè như hát kịch: “Tôi nào biết của nheo gì đâu. Ông chả có gì ở tôi đâu, cả Cherry nữa.”

“Ngây thơ, hả? Chỉ là bé em hôi sữa chắc?”

“Nghe này, thưa ngài thanh tra. cái gã thối thây Longstreet này bị thế là đáng. Khéo không hẳn lại chả khiến đời Cherry đến khốn khổ ấy chứ, ai còn lạ gì hẳn là quân hám danh ở Broadway\*. Kẻ hợm mình đều kết cục thế cả, ông ạ.”

“Biết rõ về Cherry chứ?”

“Ai, tôi ấy à? Bọn tôi là chỗ bạn bè.”

“Làm bất cứ điều gì vì ả, đúng không?”

“Ý ông là cái quái gì thế?”

“Là điều tôi vừa bảo đấy. Xéo.”

Pollux ưỡn ẹo bước qua sàn nhà trong dáng vẻ kịch câm nhà nghề. Thumm khịt mũi bước ra cửa cất tiếng gọi: “DeWitt! Dăm phút nữa nào.”

DeWitt đã lấy lại bình tĩnh. Gã ra vẻ như chưa hề có chuyện gì xảy ra, lúc bước qua ngưỡng cửa ánh mắt tinh nhanh của gã dán vào tấm gương vỡ từng mảnh.

“Ai đập vỡ thế?” Gã hỏi giọng sắc sảo.

“Chú ý hết mọi thứ, đúng không? Vợ ông đấy.”

DeWitt ngồi xuống thở dài. “Xui xẻo rồi. Tôi lại phải nghe lái nhải về chuyện này cho xem. Bà ấy sẽ đổ thừa mọi thứ vào cái gương vỡ ấy hết tuần này sang tuần khác.”

“Thế bà ấy mê tín à?”

“Vô cùng mê tín. Bà ấy mang trong mình nửa dòng máu Tây Ban Nha mà, ông biết đấy. Mẹ bà ấy là người Castilla\*, và, dù ông bố theo đạo Tin Lành, bà mẹ lại tìm cách nuôi con gái mình theo Công giáo, dù chính ma-đơ-rê\* là kẻ từ bỏ Nhà thờ. Đôi lúc Fern là cả một rắc rối.”

Thumm búng một mảnh vỡ ra khỏi bàn. “Tôi hiểu ông chả tin gì những chuyện như thế? Nghe bảo ông là một doanh nhân đầu óc khá thiết thực, DeWitt ạ.”

DeWitt nhìn ông bằng vẻ thẳng thắn không úp mở. “Bạn bè tôi nói thế với ông, ra vậy,” gã ôn tồn. “Không đâu, thanh tra Thumm, tôi chả tin ba thứ tầm phào ấy.”

Thumm đột ngột đổi giọng: “Lý do tôi mời ông vào đây, DeWitt ạ, là muốn ông cam kết hợp tác với người của tôi cùng những điều tra viên bên văn phòng Công tố.”

“Xin đừng lo chuyện đó.”

“Ông biết đấy, bọn tôi phải điều tra kỹ công chuyện làm ăn cũng như thư từ riêng tư của Longstreet. Những tài khoản ngân hàng của ông ta, hết thấy

những thứ giao dịch đại thể như vậy. Ông sẽ cung cấp mọi hỗ trợ tốt nhất cho nhân viên chúng tôi phải sang đây chứ?”

“Ông cứ yên tâm, ngài thanh tra.”

“Nhiều đó tốt rồi.”

Thanh tra Thumm cho tất cả những người còn lại trong nhóm đang ngồi chờ ở phòng ngoài ra về, ra vài chỉ thị cho trung úy Peabody và chàng thanh niên mặt mũi cần cù vốn là một trong những phụ tá của công tố viên Bruno, rồi lè bước rời khỏi công ty DeWitt & Longstreet.

Mặt ông buồn rười rượi.

# CẢNH 9

Lâu Đài Hamlet

Thứ Ba, Ngày 8 Tháng 9

12 Giờ 10 Trưa

Quacey ném những súc củi nhỏ vào lò sưởi, ngọn lửa bùng lên. Trong ánh sáng bập bùng, công tố viên Bruno dò xét vẻ mặt ngài Drury Lane lúc này đang phảng phất nụ cười. Giọng kể của thanh tra Thumm nhỏ dần rồi ngừng hẳn, ông nhíu mày.

“Hết rồi sao, ngài thanh tra?”

Thumm âm ừ.

Cứ thế mí mắt Lane sụp xuống, và tức thì, khuôn mặt thư giãn lạ thường như thể ông đã chìm vào giấc ngủ. Viên thanh tra sốt ruột. “Nếu có chỗ nào tôi kể chưa rõ...” Giọng điệu của ông ra ý dù đã có chỗ nào ông nói chưa kỹ thì kết quả cuối cùng cũng thế cả thôi. Thanh tra Thumm vốn ưa mai mỉa.

Bruno tùm tùm cười nhìn thân hình im lìm dài thượt của người diễn viên. “Ông ấy chả nghe được anh nói gì đâu, Thumm ạ. Mắt ông ta nhắm lại thế kia.”

Thumm hơi bất ngờ. Ông vừa gãi chiếc cằm nhô vừa nhích ra mép chiếc ghế cao kiểu Elizabeth.

Drury Lane bất ngờ mở mắt, nhìn nhanh các vị khách, thỉnh linh đến nỗi Bruno giật ngược cả mình về phía sau. Ông xoay người, ánh lửa trong lò sưởi in hình bóng trông nghiêng của ông “Còn nhiều chỗ đấy, ngài thanh

tra. Thế có diễn biến nào đáng chú ý từ biên bản khám nghiệm tử thi của Bác sĩ Schilling không?”

“Không có,” Thumm chán nản. “Kết quả phân tích độc tố nicotine đã được xác nhận trong báo cáo sơ bộ của bác sĩ pháp y. Nhưng chúng tôi chả nhích thêm được chút nào trong việc lần ra dấu vết của chất độc hay nguồn gốc của nó.”

“Với lại,” vị công tố viên xen vào - đầu của Lane theo bản năng xoay về phía ông ta, “cả cái nút bần lẫn những chiếc kim đều không thể lần ra dấu vết. Chỉ ít là bọn tôi chưa lần tìm dấu vết của chúng.”

“Ngài có biên bản pháp y của bác sĩ Schilling đấy không, ngài Bruno?”

Ngài công tố viên lấy ra tờ giấy trông như văn kiện trao cho Lane, ông mang đến gần ngọn lửa lò sưởi nghiêng người bắt đầu đọc. Trong lúc đọc, mắt ông sáng lên khác thường, ông đọc thành tiếng, nhanh và rời rạc. “Chết vì apnoza - chất dịch trong máu và có màu hơi đen đặc trưng. Hừm... Liệt hệ thần kinh trung ương, nhất là khu vực kiểm soát hô hấp, rõ ràng là triệu chứng của tình trạng ngộ độc nicotine cấp tính... Phổi, gan có dấu hiệu bị sung huyết... não có dấu hiệu tụ huyết rõ rệt. Hừm... Tình trạng phổi cho thấy nạn nhân có sức chịu được thuốc lá rõ rệt. Chắc chắn là người hút thuốc thường xuyên. Sự chịu được thuốc lá đã làm thời gian diễn ra cái chết kéo dài lâu hơn so với thời gian chuẩn của liều gây chết, là khoảng thời gian mà nếu là người không nghiện thuốc lá sẽ chết ngay hoặc trong vòng chưa đầy một phút... Dấu hiệu thân thể: vết dập nhẹ ở xương bánh chè bên trái; có thể do té ngã khi chết... Sẹo mổ ruột thừa chín năm tuổi. Đầu *annularis* hay ngón đeo nhẫn của bàn tay phải bị mất, có lẽ đã hai mươi năm hoặc hơn... Nồng độ đường bình thường. Nồng độ cồn trong não bất thường. Cơ thể được xác định là của một người tầm tuổi trung niên sinh hoạt vô độ, trước đây từng có thể lực mạnh khỏe, thể trạng vạm vỡ, sức đề kháng có lẽ tốt... Hừ. Chiều cao sáu bộ một phẩy năm in-sơ, trọng lượng giao nghiệm hai trăm mười một pao\*... Vân vân và vân vân,” Lane lầm bầm, ông trao lại tờ văn bản cho công tố viên Bruno. “Cảm ơn, thưa ngài.”

Ông bước nhanh trở lại chỗ ngọn lửa, tựa người vào mặt lò sưởi khổng lồ bằng gỗ sồi. “Không tìm thấy vật gì trong gian phòng riêng ở nhà đậu xe điện chứ?”

“Không.”

“Tôi đồn rằng nhà riêng của Longstreet tại Tây Englewood đã được khám xét kỹ càng thì phải?”

“Ồ, tất nhiên.” Thumm rất đỗi bồn chồn, ông kín đáo nhìn sang Bruno với ánh mắt buồn chán dở khóc dở cười. “Chả có gì ở đó cả. Bọn tôi đúng là đã tìm thấy nhiều thư từ - những lá thư từ mấy ả nhân tình của Longstreet, hầu hết đề ngày trước tháng Ba. Những hóa đơn đã và chưa thanh toán - đồng tạt nạp thường ngày. Người làm không cho chúng tôi được manh mối gì khác.”

“Tôi hiểu rằng những căn hộ trong khu phố của ông ấy cũng đã được khám xét cả thì phải?”

“Ngài hiểu đúng đó. Chúng tôi không bỏ qua giả thiết đó. Cả những chỗ tình cũ nghĩa xưa của ông ấy chúng tôi cũng ghé mắt xem tất, nhưng tất cả đều không có gì.”

Lane bình thản nhìn ngắm hai vị khách của mình, ánh mắt ông bình thản và tự lự. “Ngài thanh tra Thumm, ngài hài lòng với giả thiết cái nút bần có kim châm ấy đã được tuồn vào túi của Longstreet đang lúc trên xe chứ không phải là từ trước chứ?”

Thumm đáp ngay, “Đó là chuyện bọn tôi đây chắc như đinh đóng cột, không mảy may nghi ngờ gì sắt. Tiện thể, tôi đoán chắc ông cũng muốn ngắm qua cái phao bần ấy nên tôi có mang theo đây.”

“Tuyệt, thưa ngài thanh tra! Ngài hiểu trước ý tôi rồi đấy.” Chết giọng truyền cảm giờ đã chuyển thành háo hức.

Thumm lấy từ túi áo khoác một cái lọ nhỏ bằng thủy tinh, đã được đậy nắp kỹ càng, và trao cho người kịch sĩ. “Tôi khuyên ngài chớ mở nó ra làm gì, Lane ạ. Nó có thể gây nguy hiểm đấy.”

Lane đưa cao chiếc lọ ra trước ánh sáng ngọn lửa rồi sẫm soi thứ đựng bên trong một lúc lâu. Cái nút bần, được xuyên thấu bằng những chiếc kim

khâu để mũi kim lẩn lỏ khuyên nhô ra kín mặt và dính một chất màu đen đen, chừng như chỉ là một thứ đồ vật vô tri giác. Lane mỉm cười trả chiếc lọ lại cho viên thanh tra. “Một thứ vũ khí cây nhà lá vườn, tất nhiên rồi, và như bác sĩ Schilling đã nói rồi đấy - một thứ vũ khí khá tài tình... Thế ngay trước khi các ngài yêu cầu hành khách xuống xe ở bên trong nhà đậu xe điện, ngoài trời vẫn đổ mưa ồ ạt đấy chứ?”

“Đúng thế, như lấy xô mà xối vậy.”

“Này ngài thanh tra, giờ hãy nói tôi biết - trên xe lúc ấy có người lao động nào không?”

Mắt Thumm tròn tròn xoe, trán Bruno thì nhăn tít lại đầy kinh ngạc. “Ý ngài sao... cái gì mà dân lao động?”

“Thì tí như thợ đào mương, thợ xây lấp, thợ trát, thợ xây - các ngài biết rồi đấy.”

Mặt Thumm đỏ ra. “Mà sao, ơ không. Họ đều là dân công sở cả. Tôi chả thấy...”

“Và mọi người ai nấy đều được soát xét từ trong ra ngoài chứ?”

“Đúng thế,” giọng viên thanh tra tỏ ra bức bối.

“Tin tôi đi, ngài thanh tra, tôi không hề nghi ngờ năng lực của những phụ tá của ngài... Chỉ để xác nhận lại một lần nữa thôi, thưa ngài! Tuyệt không tìm thấy gì bất thường trên người của những hành khách đi xe, hoặc trên chính chiếc xe đó, và cả bên trong những gian phòng của nhà đậu xe sau khi mọi người về cả - bất cứ đâu cũng thế?”

“Tôi nghĩ mình đã nói rõ điều ấy rồi, ngài Lane,” Thumm lạnh nhạt.

“Nói thì nói vậy - có điều gì có vẻ như không ổn không, xét về mặt thời tiết, mùa trong năm, loại người liên quan?”

“Tôi không hiểu ý ngài.”

“Ví dụ nhé, ngài có tìm thấy áo choàng, áo dạ tiệc hay găng tay, những thứ đại loại thế.”

“Ô! À, một ông có áo mưa, nhưng đích thân tôi lục xét ông này và mọi thứ chả có gì như đã bảo ngài. Nói khác đi là chả có vật gì thuộc loại ngài



đề cập cả. Tôi có thể đoán chắc điều này.”

Ánh mắt của Drury Lane sáng lên lấp lánh, ông chăm chú nhìn hết vị khách này lại qua vị khách kia, thế rồi ông vươn thẳng người, chiếc bóng của ông in lên vách tường cổ kính đang lè loi một mình lo lắng nhìn ông. “Ngài Bruno này, thế ý kiến bên văn phòng quý ngài thì sao?”

Bruno tủm tỉm cười. “Hẳn nhiên, ngài Lane ạ, bọn tôi chưa có ý tưởng nào đặc biệt rõ ràng cả. Vụ án này có chỗ rối rắm vì có quá thừa động cơ giết người dính dáng đến nhiều người trong cuộc. Này nhé, bà DeWitt không nghi ngờ gì chính là tình nhân của Longstreet, và mẹ ta có lý do căm tức vì hẳn vớt mẹ để theo Cherry Browne. Từ đầu đến cuối cách cư xử của mẹ Fern DeWitt này... sao nhỉ, thật kỳ quặc

Michael Collins, một chính khách tiếng tăm chẳng lấy gì làm lẫy lừng cho lắm, lại là một gã ranh mương vô sỉ thuộc loại nóng tính, dứt khoát tự trong tâm trí hẳn cũng có động cơ. Còn chàng nhóc Lord có thể bắt chước sách truyện đã hành động như kẻ ra điều ta đây hiệp sĩ oán trả ơn đền, đã giết người để bảo vệ danh dự của cô bồ.” Bruno thở dài. “Nhưng chung quy thì, cả Thumm và tôi đều nghiêng về đầu mối DeWitt.”

“DeWitt.” Đôi môi Lane đọc cái tên chậm rãi từng âm một, mắt ông nhìn không chớp vào miệng của viên Công tố. “Vui lòng nói tiếp nào.”

“Rắc rối ở chỗ đã không hề có lấy một chút chứng cứ dù nhỏ nhất trực tiếp ám chỉ DeWitt hay bất cứ ai khác về vấn đề này.” Bruno nhăn trán.

Thumm lau bàu thêm vào: “Bất cứ ai cũng có thể lên cho cái nút bần ấy vào túi Longstreet. Không chỉ kẻ nào đó trong nhóm người cùng đi với gã mà kể cả bất kỳ ai trong số hành khách có mặt trên xe. Tiện thể, bọn tôi đã điều tra từng người bọn họ và tuyệt không tìm thấy mối quan hệ nào giữa Longstreet và ai đó trong số này. Hoàn toàn chả có gì để điều tra sâu hơn.”

“Đấy,” viên Công tố kết luận, “là lý do ngài thanh tra đây cùng tôi tìm đến ngài, Lane ạ. Lỗi phân tích quả thực rất tài ba của ngài ở vụ án Cramer, chỉ ra cái hiển nhiên ngay trước mũi bọn tôi khiến bọn tôi đây cảm giác rằng biết đâu ngài cũng có thể lặp lại kỳ tích đó.”

Lane xua tay. “Vụ Cramer ấy ư - sơ đẳng, thưa ngài Bruno.” Ông trầm ngâm ngắm nhìn hai vị khách. Không khí im lặng như tờ; phần Quacey vẫn ngồi thu lu trong góc tối giương mắt nhìn như hút hồn vào ông chủ của mình. Bruno và Thumm lén đưa mắt nhìn nhau, cả hai dường như tỏ vẻ thất vọng, viên thanh tra thì hơi nhếch mép cười cợt, vẻ nhạo báng lộ hẳn ngoài mặt ra điều nói rằng: ‘Thấy chưa! Đã bảo thế rồi.’ Đôi vai của Bruno thì so lại tuồng như đẩy là một cái nhún vai. Giọng nói như tiếng chuông ngân Lane đột ngột vang lên:

“Nhưng, tất nhiên rồi, thưa các ngài,” ông vừa nói vừa chăm chú nhìn họ bằng sự vui vẻ lịch thiệp, “hẳn là với các ngài thì phương thức hành động đã rõ ràng rồi còn gì.”

Cú ra đòn thâm lặng này gây hiệu ứng sôi nổi tức thì. Quai hàm của Bruno rớt xuống, phần Thumm thì lắc lắc đầu như đang cố phục hồi tri giác sau cơn choáng váng vì quả đấm thối sấm.

Ông nhảy phắt lên. “Rõ ràng!” ông lớn tiếng. “Chúa ơi, này ngài Lane, ông có nhận ra điều ông...”

“Bình tâm nào, Thanh tra Thumm,” Drury Lane nhỏ nhẹ. “Giống hồn ma người cha của Hamlet, ngài bắt đầu ‘như một kẻ tội lỗi trước một trát hầu tòa đáng sợ vậy.’ Đúng thế, này các quý ngài, phương thức là rõ ràng rồi. Nếu những gì thanh tra Thumm thuật lại đều đúng sự thật, thì tôi tin rằng tội ác chỉ có thể từ một hướng.”

“Ha, quý tha ma bắt tôi đi,” viên thanh tra thở hào hển, ông nhìn Lane bằng một ánh mắt nửa tin nửa ngờ.

“Phải chăng ý ngài là,” viên Công tố cất tiếng hỏi yếu ớt, “chỉ từ chuỗi sự kiện do thanh tra Thumm tường thuật ngài đã biết ai đã giết Longstreet?”

Chiếc mũi khoằm rung rung. “Tôi đã nói - tôi tin là tôi biết... bằng sự tín nhiệm ngài sẽ phải nghe tôi, thưa ngài Bruno.”

“Ồ!” Cả hai cùng cất giọng nhẹ nhõm. Họ liền bình tĩnh và nhìn nhau bằng ánh mắt đầy ẩn ý.

“Tôi hiểu mỗi ngờ vực của các ngài, mà quả tình chúng không có cơ sở.” Giọng Lane chuyển sang dễ mến, đầy sức thuyết phục; người kịch sĩ điều khiển giọng nói mềm mại như lưỡi kiếm mỏng. “Vì những lý do cấp thiết nên lúc này tôi chưa muốn hứa hẹn gì thêm về nhân dạng khả dĩ của nghi phạm chưa biết đến của các ngài - giờ đây ta tạm gọi hẳn là X vậy nhé! - và rằng, thưa các ngài, bất chấp thực tế là đối với tôi rõ ràng có sự đồng lõa.”

“Nhưng này ngài Lane,” Bruno bắt đầu bằng một giọng gay gắt hơn, “một sự trì hoãn - xét cho cùng...”

Drury Lane đứng im bất động, trong ánh sáng đỏ nhìn ông như một người Anh-điêng. Miệng và mũi của ông giờ đã mất hẳn sự vui vẻ, gương mặt cứng lại như tạc từ cẩm thạch Páros. Đôi môi gần như không chuyển động, nhưng giọng nói của ông phát ra rành mạch lạ thường. “Một sự trì hoãn? Nguy hiểm, tất nhiên rồi. Nhưng nhất định không nguy hiểm bằng một sự tiết lộ quá sớm, các ngài sẽ phải tin tôi thế.” Thumm lưng bùng đứng im ra chiều ngán ngẫm. Bruno mở miệng. “Xin đừng nài ép tôi lúc này. Thế này, có một việc mong quý ngài giúp cho...” Sự hoài nghi còn lớn vờn trên khuôn mặt của hai vị khách làm giọng Lane trở nên thiếu kiên nhẫn. “Các ngài có thể gửi cho tôi, qua thư hoặc cho người mang đến, một bức hình rõ ràng của người chết nhé? Hình lúc sống, dĩ nhiên rồi.”

“Ồ, được thôi,” Bruno lầm bầm, ông này đổi chân liên tục như một anh học trò mặt sưng mày sía.

“Ngài Bruno, nhờ ngài cũng luôn thông tin đến tôi,” giữ nguyên giọng điệu bình thản Lane nói tiếp, “về những diễn biến phát sinh. Nếu, “ông cố ý ngưng lại, ”các ngài vẫn còn chưa hối tiếc việc đến tham vấn lời khuyên của tôi.” Lane chăm chú nhìn họ giây lát, sự tinh quái lúc đầu giờ len lỏi trở lại trong ánh mắt.

Hai ông khách lấp bấp vài câu chống chế vụng về.

“Quacey sẽ tiếp nhận mọi lời nhắn qua điện thoại dù tôi có mặt hay vắng nhà.” Lane với tay lên phía trên mặt lò sưởi ám khói giật một sợi dây chuông. Lão già bé nhỏ vui tươi bụng phệ trong bộ chế phục thoát hiện ra hết một lão thần đèn. “Thưa quý ngài, tôi lấy làm hân hạnh mời quý ngài,

sẵn dịp dùng bữa cùng tôi nhé?” Các vị khách dứt khoát lắc đầu. “Vậy thì hãy tiễn ngài Bruno đây cùng ngài thanh tra Thumm ra xe nào, Falstaff. Nhớ là các ông đây luôn được chào đón tại Hamlet đấy nhé. Báo tôi biết ngay khi một hoặc cả hai vị ghé thăm... Chúc quý vị một ngày đẹp trời, ngài Bruno,” ông hơi nghiêng mình cúi chào, “ngài thanh tra Thumm.”

Không nói một lời, công tố viên Bruno cùng thanh tra Thumm quàng quả theo gót vị quản gia. Ra đến cửa, như bị một sợi dây giật ngược cả hai ông khựng lại ngoái đầu. Đứng trước lò sưởi cũ kỹ giữa cơ ngơi cổ kính và khó tin của mình, ngài Lane đang lịch thiệp cười tạm biệt.

# MÀN II

# CẢNH 1

Văn Phòng Công Tố Địa Hạt

Thứ Tư, Ngày 9 Tháng 9

9 Giờ 20 Sáng

Buổi sáng hôm sau, công tố viên Bruno và thanh tra Thumm ngồi đối diện nhau qua chiếc bàn làm việc của Bruno. Hai người đang vắt óc suy nghĩ về một vụ bí ẩn hóc búa. Bàn tay của vị công tố viên mân mê chồng thư đã được xếp gọn rồi lại xáo cả ra; cái mũi mềm nhão của Thumm thì sụt sịt do một buổi sáng ngoài trời lạnh lẽo, cộng thêm kết quả điều tra không đâu vào đâu.

“Thế đấy, sếp ạ,” giọng trầm bực dọc của viên thanh tra cất lên, “Tôi bối rối, quả thực vô cùng bối rối. Vụ độc tố, nút bần và kim châm đến sáng nay là đã bó tay. Chất nicotine ấy xem ra không phải mua sẵn mà hoặc là bào chế riêng hay được chưng cất ra từ loại thuốc sâu mà Schilling đã nói. Đến đây ta không nhích thêm được chút nào. Còn với cái ngài Drury Lane này của anh ấy mà - tôi mà không bảo ta đang phí thì giờ vô bổ thì cứ xem là thánh vật tôi đi.”

Bruno tỏ vẻ không mấy đồng tình. “Tôi chả bảo vậy đâu Thumm ạ, đừng cay nghiệt thế chứ.” Ông xòe hai tay. “Tôi nghĩ anh đánh giá chưa hết về ông ấy. Đúng vậy, ông ta quả là kẻ lập dị, sống ở một nơi như thế, vây quanh là mấy lão già cổ hủ, ưa thích đông dài kịch Shakespeare...”

“Chứ sao nữa! Thôi được, để tôi bảo anh tôi nghĩ gì nhé,” viên thanh tra làu bàu. “Tôi nghĩ gã ấy là phường chuyên phét lác, gã đang khiến hai ta

nhảy xà quần. Tôi nghĩ gã chẳng qua chỉ hát kịch khi bảo rằng mình đã biết ai là người giết Longstreet.”

“Ồ, này Thumm! Anh đang bắt công đấy,” vị công tố viên phản đối. “Xét cho cùng, ông ấy phải hiểu không thể phát ngôn thế rồi tính chuyện ca bài tấu mã. Ông ấy hẳn phải chứng minh được những gì mình đã nói chứ. Không đâu, tôi thì cho rằng ông ấy biết mình nói gì - nhất định ông ấy đã tìm ra manh mối đâu đó - nhưng chưa tiện nói ra vì có lý do riêng, thế thôi.”

Thumm dấm bàn. “Bộ tôi khờ à, còn anh ngốc chắc? Ý anh sao nhỉ - gã ấy đã tìm ra manh mối ư? Thánh thần ơi, là loại manh mối gì nào? Thật tình chẳng có gì sất! Thôi thì nhẹ nhàng sau đây bê gã khỏi chuyện này cho rảnh. Mà Chúa ơi, hôm qua anh cũng nghĩ thế thôi.”

“Ừa, tôi đổi ý cũng được chứ, đúng không?” Bruno ngắt lời. Rồi ông lộ vẻ ngượng ngùng. “Ta không được quên ông ấy đã lịch sự chỉ ra điều ta đã sơ suất về cái mớ bong bong Cramer ấy. Và nếu có cơ may dù nhỏ nhất để giúp tháo gỡ cái vụ việc chả ra sao này, tôi vẫn sẽ nhất định không bỏ qua. Vậy nên, tôi không thể lịch sự mời ông ấy ra khỏi cổng sau khi đã mời ông ấy chung tay. Không đâu Thumm, ta phải chấp nhận thế thôi; ông ấy chả thể gây hại gì... Có gì mới không?”

Thumm căn điều thuốc làm đôi. “Collins, hẳn lại gây chuyện. Người của tôi vừa phát hiện từ hôm thứ Bảy tới giờ, Collins đã ghé thăm DeWitt những ba lần. Tất nhiên hẳn cố moi tiền từ DeWitt. Hừ, tôi sẽ để mắt trông chừng hẳn, song đó lại là chuyện của DeWitt...”

Bruno bắt đầu bâng quơ lần mở những lá thư trước mặt. Hai lá đầu ông bỏ thẳng vào rổ tài liệu để lưu lại; đến lá thứ ba bên trong một chiếc phong bì trơn tằm thường thì ông bật dậy ồ lên. Ánh mắt Thumm nheo nheo nhìn Bruno mở to mắt đọc lá thư.

“Chúa ơi, này Thumm!” Bruno la lên. “Chả phải là cơ may ngọt ngào nhất đây sao...! Ha, cái gì đây?” Ông gặt người thư ký của mình.

Viên thư ký trình ra một tờ thiếp, Bruno giật lấy chăm chú đọc. “Hẳn đến, đúng không?” Ông nói thầm bằng giọng khác hẳn. “Thôi được,

Barney, mời ông ấy vào... ở đây nhé, Thumm. Có điều khác thường trong thư này, nhưng trước hết hãy xem con gà Thụy Sĩ này muốn gì đã, là Imperiale ghé thăm.”

Viên thư ký ra mở cửa để gã thương gia Thụy Sĩ thân hình cao lớn to ngang tươi cười bước vào. Như mọi khi, Imperiale tề chỉnh trong bộ lễ phục ban ngày chải chuốt phẳng phiu, một đóa hoa tươi cài trên ve áo, kẹp dưới nách là một cây gậy nhỏ.

“Chào buổi sáng tốt trời, ngài Imperiale. Chúng tôi giúp được gì ngài nào?” Bruno ra dáng khoan thai; nhưng lá thư ông vừa đọc đã biến mất. Ông để hai tay bám vào cạnh bàn. Thumm găm gừ để theo một câu chào chiếu lệ.

“Xin kính chào, thưa ngài. Chào buổi sáng, ngài Thumm.” Imperiale khẽ khàng ngồi vào một chiếc ghế da cạnh bàn Bruno. “Tôi không quấy quá ngài lâu, thưa ngài Bruno. Tôi đây,” gã nhã nhặn, “đã xong công chuyện của mình ở Mỹ, giờ đã sẵn sàng trở về Thụy Sĩ.”

“Thế à.” Bruno đưa mắt nhìn Thumm; Thumm thì trừng trừng nhìn cái lưng to bè của Imperiale.

“Tôi đã đặt chỗ trên chuyến tàu thủy tối nay,” gã Thụy Sĩ hơi cau mày tiếp, “và đã gọi nhân viên hỏa tốc sắp xếp gửi hành lý, thì chả hiểu từ đâu có một vị giảng-đam\* của ngài hiện ra trong nhà ông bạn tôi ngăn cản không cho tôi đi!”

“Rời khỏi nhà ngài DeWitt ấy ạ, ngài Imperiale?”

Imperiale từ tốn lắc đầu. “Ồ, không! Rời khỏi đất nước này ấy,” gã nói. “Ông ấy bảo hành lý của tôi không được phép mang đi. Việc này rất đổi phiền nhiễu, thưa ngài Bruno! Tôi là thương nhân; hãng của tôi đang cần tôi có mặt gấp ở Berne. Lý gì mà tôi bị chậm trễ thế này? Chắc rằng...”

Bruno gõ gõ lên mặt bàn. “Nghe này, ngài Imperiale. Giờ vậy, tôi không biết bên nước ngài người ta xử lý ra sao, nhưng xem ra ngài đang không chịu hiểu mình đã bị dây vào một vụ điều tra án mạng ở Mỹ. Vụ điều tra án mạng đấy.”

“Có, tôi hiểu, nhưng...”



“Không nhưng nhị cả, thưa ngài Imperiale.” Bruno nhồm dậy. “Tôi lấy làm tiếc, thành thật đấy, nhưng ngài sẽ phải lưu lại đất nước này đến chừng nào vụ ám sát Harley Longstreet được giải quyết xong, hoặc chí ít đến khi có một quyết định chính thức nào đó. Tất nhiên, ngài có thể ra khỏi nhà DeWitt rồi đi đâu đó - tôi đây không thể ngăn ngài chuyện ấy, miễn rằng khi gọi là ngài phải có mặt.”

Imperiale nhồm dậy và gượng gạo đứng thẳng người; bộ mặt của gã đã mất đi sự tươi vui giờ trở nên xấu tệ. “Nhưng ngài phải biết chuyện làm ăn của tôi sẽ bị ảnh hưởng!”

Bruno nhún vai.

“Được lắm!” Imperiale chụp mạnh chiếc mũ lên đầu; mặt của gã đỏ au hệt như ngọn lửa trong lò sưởi của ngài Drury Lane. “Tôi sẽ lập tức gọi lãnh sự, ngài Bruno ạ, và yêu cầu làm cho ra lẽ. Ngài hiểu chứ? Tôi là công dân Thụy Sĩ, các ngài không có quyền gì mà câu lưu tôi cả! Tạm biệt!”

Gần như không buồn cúi chào, gã sẵn số đi ra phía cửa. Bruno mỉm cười. “Nói sao thì nói, tôi khuyên ngài nên hủy chuyến đi, ngài Imperiale. Chả việc gì phải phí hoài chỗ tiền ấy...” Nhưng Imperiale đã đi mất rồi.

“Thế đấy!” Bruno nhanh nhẹn, “thầy kệ vậy. Ngồi xuống đây, Thumm, xem cái này này.” Ông rút trong túi ra bức thư ban nãy rồi trải ra trước viên thanh tra. Thumm liếc ngay xuống phần dưới của tờ giấy - chả có chữ ký nào cả. Bức thư được viết bằng thứ mực đen loại tồi trên một tờ giấy kẻ dòng rẻ tiền, nét chữ mộc mạc chân phương. Thư đề gửi đến ngài công tố viên:

\_Tôi là một trong số những người ở trên chiếc xe điện hôm ấy lúc người tên là Longstreet bị ám sát. Tôi đã phát hiện đôi điều về kẻ giết ông ấy. Tôi sẵn sàng cung cấp thông tin này đến quý ngài, thưa ngài công tố viên, nhưng tôi rất lo sợ kẻ giết người biết là tôi biết chuyện này và tôi cho rằng hiện giờ mình đang bị theo dõi.

Tuy vậy nếu ngài sẵn lòng gặp tôi, hoặc cho ai đó tới gặp tôi vào tối thứ Tư lúc mười một giờ đêm, tôi sẽ thuật lại điều tôi biết. Hãy gặp tôi tại phòng chờ bến phà Weehawken vào giờ đó, rồi ngài sẽ biết tôi là ai. Tôi sẽ

tự xuất hiện vào lúc ấy. Vì an toàn của tôi mong ngài giữ kín chuyện này cho, thưa ngài công tố viên. Xin đừng nói với bất cứ người ngoài nào về lá thư này, kẻ sát nhân có thể biết được tôi đã nói ra, và tôi sẽ mất mạng vì thực hiện bốn phận công dân của mình với tiểu bang.

Ngài sẽ bảo vệ tôi, phải không ạ. Khi tôi gặp ngài vào tối thứ Tư này, ngài sẽ hài lòng là tôi đã gặp ngài. ‘Đây là điều quan trọng.’ (gạch chân rất đậm) Tôi sẽ cẩn thận giữ mình đến lúc ấy. Tôi không muốn bị bắt gặp trò chuyện với cảnh sát lúc ban ngày.\_

Thum cẩn thận vuốt lá thư; ông đặt nó lên bàn rồi nhìn đi nhìn lại mặt phong bì. “Đóng dấu bưu điện *Weehawken, N. J.*, đêm qua,” ông nói khẽ. “Đầy cả dấu ngón tay bấn. Một trong những gã Jersey ấy trên xe điện... Này Bruno, giờ tôi cũng chả biết mình phải nghĩ sao nữa, có lẽ chỉ là một lá thư nặc danh mà cũng có thể là không phải. Đây là chỗ quý tha ma bắt của những chuyện này. Thế ý anh sao?”

“Khó nói đấy.” Bruno chăm chú nhìn lên trần nhà. “Nghe chừng có thể là manh mối. Tôi đến đây cũng được thôi. Phòng khi đúng là thế.” Ông lắc lư đứng dậy, bắt đầu đi qua đi lại. “Thumm này, tôi linh cảm đây sẽ là điều tốt. Cái việc con gà này không dám ký tên trong thư xem ra đáng tin cho dù hẳn là ai. Lời lẽ của hẳn nghe rời rạc, cường điệu thái quá sự quan trọng của mình, và trên hết là đang run đến vãi ra vì sợ hậu quả của việc hẳn sẽ làm. Còn nữa, lá thư còn nguyên những dấu vết thông thường - luộm thuộm, lặp từ, lo âu - còn sai chính tả từ ‘*gặp*’ viết là ‘*gap*’ và có vài chữ *t* bị thiếu mất gạch ngang. Ái chà, càng nghĩ về nó tôi lại càng thích nó.”

“Hừ...” Thumm tỏ ra hoài nghi, nhưng rồi vẻ mặt ông lại quay sang tỏ vẻ hả hê. “Đằng nào thì, cái này chắc sẽ quật cho ngài Drury Lane một phát hồng căng đây. Rốt cuộc biết đâu ta lại chả cần đến cái sự tư vấn trời hành của hẳn nữa.”

“Ý tôi là thế, Thumm. Cái chính là ta có thể chóng đưa vụ này ra truy tố.” Bruno xoa tay khoái chí. “Bảo anh này, giờ hãy liên lạc với công tố viên Rennells của hạt Hudson bên kia sông và thu xếp vài việc cần thiết để điều cảnh sát Jersey giám sát nhà ga Weehawken. Quý tha cái mớ lộn xộn

liên miên về thẩm quyền này đi, chẳng nào cũng thế! Không có cảnh sát đồng phục nhé, Thumm - thường phục tất. Mà anh đến đây chứ?”

”Đố ai bảo tôi ở nhà xem,” thanh tra Thumm tỏ ra hùng hổ.

Thumm vừa sập cửa đi khỏi, công tố viên Bruno nhắc một máy điện thoại trên bàn và gọi đến lâu đài Hamlet. Ông kiên nhẫn chờ đợi, gần như hoan hỉ, cho đến lúc chuông máy reo lên. “A lô! Lâu đài Hamlet hử? Ngài Drury Lane... công tố viên Bruno gọi đây... A lô! Ai thế?”

Một giọng run rẩy léo éo trả lời: “Quacey đây, thưa ngài Bruno. Ngài Lane ngay cạnh tôi đây ạ.”

“À, ừ nhỉ, tôi quên - ông ấy không nghe được.” Giọng Bruno trở nên thân mật. “VẬY nè, bảo ngài Lane tôi có tin có ngài ấy.”

Ông nghe thấy giọng nói già nua của Quacey lặp lại từng từ.

“Ngài ấy bảo ‘Thực thế ư!’” giọng Quacey rít lên kót két. ”và ‘thưa ngài?’”

“Hãy bảo là ngài ấy không phải người duy nhất biết ai đã giết Longstreet,” Bruno đặc thẳng.

Ông chăm chú lắng nghe Quacey đọc lại từng từ cho Lane, rồi nghe thấy giọng Lane nhận xét, thành linh thật rõ ràng: “Bảo ngài Bruno đó là tin tức mà thôi, đúng như nghĩa đen của nó. Thế có người thú tội à?”

Bruno thuật lại với Quacey về nội dung của bức thư nặc danh. Đầu dây bên kia nín lặng, thế rồi giọng Lane vang lên, điềm đạm và thông thả.

“Bảo ngài Bruno tôi rất tiếc không thể nói chuyện trực tiếp cùng ngài ấy. Hỏi ngài liệu tôi có thể hiện diện ở cuộc gặp ấy tối nay được chẳng.”

“Ồ, được chứ,” Bruno bảo Quacey. “À này, Quacey, thế ngài Lane có vẻ gì bị ngạc nhiên không đấy?”

Bruno nghe ở đầu dây tiếng cười lạ lùng nhất, giống một tiếng cười khúc khích. Tiếp theo là giọng của Quacey, vẫn còn run chặc vì cười: “Không ạ, thưa ngài, ngài ấy chừng như hài lòng với diễn biến sự kiện. Ngài ấy thường bảo mình luôn mong đợi điều không hề được mong đợi. Ngài ấy...”

Nhưng công tố viên Bruno đã vội gác ống nghe sau hai tiếng “Tạm biệt!”  
cụt lủn.

# CẢNH 2

Bến Phà Weehawken

Thứ Tư, Ngày 9 Tháng 9

11 Giờ 40 Tối

Vào những đêm quang đãng, những ngọn đèn của khu phố trung tâm New York nhu dẹt lên bầu trời những đường chỉ lấp lánh, nhưng tối thứ Tư này chúng chỉ nhạt nhòa sau bức màn sương mờ mịn bao phủ thành phố cả ngày lẫn đêm. Dù đứng ở cầu phà bên phía bờ New Jersey, cũng không thể thấy gì bên kia sông ngoài một chấm mờ lúc ẩn lúc hiện của ánh đèn điện và một bức tường xám xịt của màn sương mờ lững lờ trên mặt nước. Bỗng từ đâu những con phà thành linh xuất hiện, ánh đèn trên boong tầng dưới sáng rực rỡ từ mũi tàu đến tận đuôi tàu; những con tàu nhỏ lúc ẩn lúc hiện dò dẫm xuôi ngược dòng sông. Tiếng còi báo sương mù hú lên tứ bề cảnh báo tàu bè trên sông; song đến cả những âm thanh này cũng bị sương mù bóp nghẹt.

Bên trong phòng chờ có mái che mênh mông gần giống nhà đậu xe điện ở đằng sau bến phà Weehawken, chừng mười người đàn ông đang tụ họp, đa phần ai nấy lặng thinh và chú tâm nghe ngóng. Đứng giữa nhóm người là vóc dáng chắc nịch kiểu Napoléon\* của công tố viên Bruno, cứ mười giây lại liếc đồng hồ một lần, rồi đi tới đi lui trên sàn nhà gạch rộng như muốn phát rồ. Thanh tra Thumm thì tha thẩn quanh gian phòng lớn, ánh mắt sắc sảo quét qua những cánh cửa và rọi vào những hành khách lác đác bước vào. Gian phòng hầu như vắng tanh vắng ngắt.

Ngồi khá lẻ loi một mình cách xa nhóm thám tử là ngài Drury Lane, trong bộ dạng kỳ quặc khiến khách đợi phà lẫn khách đợi tàu không giấu được những cái nhìn tò mò xen lẫn sự thích thú. Ông ngồi im lìm và bình thản, những ngón tay thuôn dài trên đôi bàn tay trắng nhợt nằm quanh đầu cây gậy gỗ mận gai vừa to vừa dữ dằn kẹp giữa hai đầu gối. Ông khoác chiếc áo choàng dài màu đen kiểu Ê-cốt, trùm kín từ hai vai buông xuống, trên mái tóc dày là một chiếc mũ ni đen tròn vành. Thanh tra Thumm, thi thoảng đá mắt nhìn ông, thầm nghĩ trước giờ chưa khi nào mình gặp một thằng cha bề ngoài thì như ông già, từ trang phục cho đến kiểu tóc, nhưng vóc dáng và gương mặt thì lại trẻ trung đến lạ đời. Nét mặt thản nhiên như không ấy, thanh tú và rảnh rỗi, có lẽ là nét mặt của một người đang tuổi ba lăm, vẻ thản nhiên của ông đượm nét thú vị và lôi cuốn; không phải ông phớt lờ sự tò mò của khách qua đường, chẳng qua ông đang trầm lặng không hay biết gì đến việc ấy thôi. Tia mắt sáng ngời của ông gắn chặt vào đôi môi của công tố viên Bruno.

Bruno bước sang nhấp nhồm ngồi xuống. “Muộn hết bốn mươi lăm phút rồi,” ông than thở. “Thế này khác gì bọn tôi mời ngài đi rình vịt giời cơ chứ. Đương nhiên ta vẫn phải theo đến cùng dù mất suốt đêm chẳng nữa. Nói thật, tôi bắt đầu cảm thấy hơi ngốc rồi đây.”

“Ngài có lẽ đang thấy hơi lo lắng thì đúng hơn, ngài Bruno,” Lane cất lời bằng ngữ điệu du dương đặc biệt của ông. “Ngài hẳn phải có lý do nào đó để lo.”

“Thế ngài cho rằng...” Bruno chau mày định nói bỗng ngưng bật, ông ngẩn người, cả thanh tra Thumm bên kia gian phòng cũng thế, vì những tiếng kêu rối loạn, huyên não không rõ chuyện gì vọng vào từ ngoài bến phà.

“Chuyện rắc rối gì vậy, ngài Bruno?” Lane điềm đạm hỏi.

Bruno ngھnh đầu vھnh tai về phía trước. “Tất nhiên ngài đâu nghe được... Ngài Lane, đó là tiếng kêu: ‘Có người rơi xuống nước!’”

Drury bật đứng dậy nhanh như sóc. Thanh tra Thumm bổ nhào đến. “Có chuyện ở bến phà,” ông nói lớn. “Tôi ra ngoài đây!”

Bruno cũng đứng dậy nhưng còn lưỡng lự. “Thumm này, chắc tôi cứ ở đây cùng vài người, ai biết nhờ đó là cái bẫy dụ người gì đó, lúc này người ta cần gặp lại đến thì hỏng.”

Thumm đã sầm sập ra phía cửa. Thật nhanh, Drury Lane nổi bước theo sau, chừng sáu nhân viên thám tử cùng chạy theo họ.

Họ băng qua mặt sàn gỗ vỡ vụn bên ngoài, dừng lại một lát để định hướng phát ra tiếng la. Ở tận đầu mút của cầu tàu có mái che một chiếc phà đã vào bến, vừa cạ vào hàng chân cầu cặp mạn vừa xoay trở cho chiếc gờ cặp bờ bằng sắt uốn cong. Lúc Thumm, Lane và các thám tử ra đến chỗ phà cặp bến thì lác đác vài bóng người đã nhảy qua khoảng không xen giữa, trong khi những người khác đang hồi hải ra khỏi cửa bến. Phía trước buồng hoa tiêu trên boong tầng thượng của chiếc phà có gắn một tấm biển mạ vàng ghi: *Mohawk*. Ở mạn hướng bắc của boong tầng dưới hành khách lui tới chen chân lộn xộn, người nghiêng mình qua lan can dọc mũi tàu, kẻ phóng mắt ra cửa sổ vách khoang mạn phải nhìn xuống khoảng không mù sương đen kịt phía dưới.

Ba nhân viên trực phà len lỏi qua đám đông tìm cách đến nơi mạn tàu. Đang theo chân Thumm, Drury Lane bất chợt nhìn xuống mặt đồng hồ vàng của mình, lúc này kim đồng hồ chỉ 11 giờ 40.

Thanh tra Thumm nhảy phóc lên sàn tàu, chộp lấy cổ áo một người nhân viên trực phà già nua xương xẩu. “Cảnh sát đây!” Ông gầm lên. “Chuyện gì thế hử?”

Người nhân viên trực phà hết hồn. “Có người rơi xuống nước, thưa sếp. Họ bảo ông ấy ngã từ boong tầng thượng đúng ngay lúc *Mohawk* đang trượt vào bên trong cầu cặp mạn.”

“Ông ấy là ai - có ai biết không?”

“Không.”

“Đi thôi, ngài Lane,” viên thanh tra gằn giọng. “Nhân viên bến phà sẽ câu hẩn lên. Ta đi xem hẩn rơi từ đâu nào.”

Họ bắt đầu len chân qua đám đông ở mũi tàu đi về hướng cửa khoang hành khách. Bỗng Thumm dừng lại à lên rồi đưa tay chỉ. Ở mạn phía nam

của boong tầng dưới, một bóng người hơi yếu ớt bước ra về hướng bến tàu.

“Ồ, này, DeWitt! Đợi đã!”

Cái dáng người yếu ớt ấy, thùng thình bên trong chiếc áo choàng, nghe vậy đưa mắt nhìn lên, ngại ngần rồi thoái lui. Vẻ mặt tái nhợt; hơi thở hơi khó khăn, gã miễn cưỡng cất tiếng chào. “Thanh tra Thumm, ông làm gì ở đây thế?”

“À, có chút chuyện,” Thumm dài giọng nhưng mắt thì sáng lên thích thú. “Thế còn ông?”

DeWitt giấu tay vào túi bên trái khẽ rùng mình. “Tôi đang trên đường về nhà,” gã nói. “Chuyện gì ở đây thế?”

“Cũng nên ở lại tìm hiểu nào,” Thumm tỏ ra hòa nhã. “Hãy đi cùng bọn tôi. À, đây là ngài Drury Lane, ông ấy đến để giúp đỡ. Lane là nghệ sĩ diễn kịch, người nổi tiếng đấy. Ngài Lane này, đây là ngài DeWitt, bạn làm ăn của Longstreet.” Drury Lane gật đầu vui vẻ chào; DeWitt trước còn tỏ vẻ thờ ơ giờ bỗng chăm chú nhìn vào gương mặt người kịch sĩ, ánh mắt gã tỏ vẻ nhận ra, có chút kính trọng. “Hân hạnh, thưa ngài.” Thumm cau mày; tốp người theo chân ông kiên nhẫn chờ đợi. Ông ngóng cổ, vừa ra bộ tìm kiếm ai đấy vừa lăm bằm chửi rủa sau hơi thở. Rồi ông nhún vai. “Đi nào,” ông nói ngắn gọn và dùng cơ thể đồ sộ của mình làm thân cây đâm bổ về phía trước.

Bên trong khoang hành khách là cả một khung cảnh ồn ào nháo nhác. Thumm bước thình thịch lên bậc cầu thang mép bịt đồng ở giữa tàu, những người khác lục tục theo sau. Họ lên đến khoang hành khách hình bầu dục ở tầng trên, băng ngang qua khoang này đến một trong những cánh cửa ở phía bắc, rồi ra ngoài boong sân thượng tối đen như mực. Dưới tia rọi sáng quắc của cây đèn pin cầm tay, các thám tử bắt đầu kiểm tra boong tàu. Nằm vào khoảng đâu đó ở giữa tâm tàu đến mũi tàu, cách vài bộ sau khoảng không được rọi sáng ở đỉnh tàu và hoàn toàn ở sau lưng buồng hoa tiêu phía trên, Thumm phát hiện những vết kéo dài, không đều và trông như vết cào. Các thám tử liền chiếu đèn pin vào chỗ đó; những vết cào này chạy từ lan can sắt chéo lùi ngang qua boong đến một ngăn buồng nhỏ, đứng ra là



một hốc lõm vào ở góc ngoài phía tây bắc của khoang hành khách. Vách phía tây và phía nam của hốc này là mặt ngoài của khoang hành khách; vách phía bắc là một tấm ván mỏng; phía đông thì để trống. Ánh sáng đèn pin được soi vào bên trong; những dấu vết trên boong là từ ngăn buồng này mà ra. Tại đây có một tủ đồ công cụ có khóa và cố định vào một vách tường, vài vòng phao cứu sinh, một cây chổi, một cái xô và vài thứ linh tinh khác. Phía không có vách người ta dùng sợi xích để được giảng dạy ở giữa.

“Soát kỹ, đi kiểm chìa khóa mở cái tủ ấy ra, biết đâu có gì trong ấy.” Hai thám tử biến mất. “Jim, phần cậu xuống dưới giữ mọi người ở lại hết trên thuyền.”

Thumm và Lane cùng nhau bước đến lan can, có cả DeWitt lê chân đi cùng. Bên kia lan can sàn boong còn tiếp tục rộng thêm hai bộ rưỡi đến mép mạn tàu. Đèn pin trên tay, Thumm sầm soi cúi nhìn thật kỹ những dấu vết để lại trên boong. Ông ngược nhìn Lane. “Có điều đáng ngờ ở đây đúng không ngài Lane? vết chà của gót chân, một vật thể nặng nề bị kéo lết qua boong. Một cái xác, Chúa ơi, và những vết cào ấy là dấu gót giày. Nghe chừng án mạng cũng nên.”

Drury Lane chăm chú nhìn vào mặt Thumm dưới ánh đèn nhạt nhòa của đèn pin hắt đến; ông gật đầu.

Họ từ người vào lan can, căng mắt nhìn vào quang cảnh rồi beng phía dưới. Thumm kín đáo đưa mắt liếc DeWitt, gã môi giới vóc người nhỏ bé giờ đây tỏ vẻ điềm nhiên, chừng như có phần cam chịu.

Một chiếc xuống cảnh sát neo vào đầu cầu; bóng những người cảnh sát hối hả leo lên bề mặt trơn trượt phía trên hàng chân cầu. Hai ngọn đèn pha cực mạnh đột ngột bật lên rọi xuống bến phà sáng rực, cả cầu tàu bật sáng trong sương mù. Boong tầng thượng của chiếc phà giờ đây cũng được chiếu sáng. Ánh đèn pha quét xuống phía dưới của boong tầng dưới, nhận diện mọi đặc điểm của hiện trường.

Mặt sàn của boong dưới nhô ra phía ngoài đã cạ vào hàng chân cừ lừa thưa nhót nhọt của cầu tàu cạ mạn, không thể thấy được gì bên dưới mặt sàn bằng gỗ này. Nhân viên trực phà và lao công kẻ đứng người quỳ trên

mặt cầu luôn mồm la hét chỉ phương hướng cho buồng hoa tiêu mù mờ ở phía trên cao. Bên trong phà phát ra tiếng lách cách và tiếng kêu rít trèo trẹo, chiếc phà men theo mé bên, dịch khỏi cầu tàu phía bắc xuôi về hướng cầu tàu phía nam. Bên trong buồng lái hoa tiêu và thuyền trưởng đang hùng hục làm việc để đưa phà ra khỏi chỗ nước nơi cái thây người rõ ràng đã nổi lên ở đấy.

“Chắc đã bị nghiền thành cục bột rồi,” Thumm nói như đang thấy tận mắt. “Rơi từ tận đây ngay khi chiếc phà cạ vào hàng cọc cừ làm chân cầu; ắt đã bị chèn bẹp dí ngay giữa mạn tàu và chân cầu rồi còn đâu, rồi khi con phà tiếp tục di chuyển nó trôi xuống bên dưới cái sàn nhô ra. Họ sẽ phải có việc để làm đây... Này! Thấy nước rồi, lạy Chúa!”

Vùng nước đóng váng dầu đen ngòm và dữ tợn lộ ra khi con phà nặng nề dịch sang bên, mặt nước sục lên và đầy bọt. Từ đêm đen một chiếc móc sắt lập tức xuất hiện trên đầu chân cầu; cảnh sát và nhân viên trực phà bắt đầu dò tìm cái xác.

Đứng giữa Thumm và Lane, DeWitt để hết tâm trí vào những diễn biến kinh khủng phía dưới. Một thám tử đến bên Thumm. “Hử?” Thumm gầm gừ.

“Trong tủ đồ nghề chả có gì, thưa sếp. Cả cái hốc ấy cũng thế.”

“Thôi được. Chú ý đừng để ai dẫm lên những dấu gót giày trên boong đây.” Miệng nói vậy nhưng mắt ông lại nhìn ngó băng quơ, rồi tò mò dừng lại chỗ DeWitt. Gã đàn ông bé nhỏ yếu ớt đang bám vào thành lan can ướt lạnh bằng tay trái; tay phải của gã được giữ cứng trước mặt, khuỷu gập lại, kê lên mặt lan can.

“Sao vậy DeWitt? Tay bị thương hử?”

Gã môi giới nhỏ người từ từ quay lại, lơ đãng mỉm cười và nhìn xuống bàn tay phải của mình. Thế rồi gã duỗi thẳng và chìa bàn tay ra để Thumm xem. Lane cúi người sang nhìn. Trên ngón trỏ có một vết sẹo dài một in-sơ rưỡi còn mới, chạy dọc từ khớp xương đầu tiên, miệng vết thương đã đóng một lớp vảy mỏng. “Tôi bị đứt chỗ ngón tay này do dụng cụ ở phòng tập thể dục trong Câu lạc bộ lúc ban chiều, trước bữa ăn tối.”

“Ồ.”

“Bác sĩ Morris ở Câu lạc bộ đã sơ cứu cho tôi, và dặn tôi cẩn thận với nó. Nó có hơi đau một tí.”

Từ bên dưới vọng lên một tiếng hô dài đặc thảng khiến DeWitt và Thumm đều quay người chồm qua lan can. Drury Lane chớp mắt rồi làm theo.

“Chúng tôi tìm được rồi!”

“Cẩn thận đằng kia!”

Một sợi thừng vung vẩy xuống chân cầu khi những đầu móc sắt bắt được một vật chắc nặng bên dưới mặt nước đen ngòm.

Ba phút sau, một cái gói to mềm rũ nhỏ giọt ló ra từ mặt sông. Lập tức từ boong tầng dưới tiếng người đồng thanh ồ lên - một mớ âm thanh tạp nhạp giữa tiếng thì thào vô nghĩa và tiếng la hò khó hiểu.

“Xuống dưới!” Thanh tra Thumm nói lớn. Ba người như một đồng thời quay người chạy về phía cánh cửa. DeWitt hối hả băng qua sàn boong, vừa chụp lấy tay nắm cửa gỗ đã ối lên đau đớn và bực bội. “Chuyện gì?” Thumm vội hỏi. DeWitt nhăn nhó nhìn bàn tay phải. Thumm và Lane để ý miệng vết thương đang ứa máu, vết sẹo đã toạc ra và rách nhiều chỗ.

“Lẽ ra không nên mở cửa bằng tay phải này mới phải,” gã đàn ông nhỏ thó rên rỉ. “Vây là bị hở miệng vết cắt, Morris đã bảo thế nếu tôi bất cẩn mà.”

“Hừm, ông không chết đâu mà lo,” Thumm lau bầu nhưng DeWitt lờ đi. Thumm bước xuống cầu thang, rồi ngoái lại. DeWitt đã lấy một chiếc khăn tay từ túi áo ngực giờ đang bó sơ bàn tay phải. Drury Lane, áo choàng kéo tận cằm, mắt che dưới vành mũ, nói gì đó ra điều khôi hài, và hai người cùng theo Thumm bước sầm sập xuống thang.

Họ len chân qua khoang hành khách tầng dưới phía bên mạn phải ra đến sàn boong phía trước ngoài trời. Tại đây, những người tìm vớt thi thể đã trải sẵn một tấm vải bạt, cái bọc giờ nằm đấy, nhòe nhoẹt trong vũng nước bốc mùi hôi hám. Đây là cái xác biến dạng của một người đàn ông, bị nghiền ép, máu me và sứt sẹo không tài nào nhận ra được nữa. Phần đầu và mặt đã

bị nhào bết; trong tư thế đặt nằm kỳ dị, xương sống xem ra đã bị gãy rời từng đốt; một cánh tay bị dẹp lép và mềm nhũn đến lỗ bịch, xoắn dài ra trông như vừa bị cán lên bởi một chiếc xe lu.

Gương mặt của Lane nhợt nhạt hơn cả màu trắng bột mọi khi; bằng cả một sự cố gắng ông chăm chú nhìn vào cái thi hài khủng khiếp. Ngay cả thanh tra Thumm, vốn quen với những cảnh tượng bạo lực máu me, cũng thở hắt ra vẻ ghê sợ. Về phần DeWitt, gã hơi há hốc rồi lập tức quay đầu đi, mặt gã xanh mét xanh me như tàu lá chuối. Vây quanh bọn họ là nhân viên trực phà, thuyền trưởng, hoa tiêu, thám tử, cảnh sát, ai nấy đều lặng thinh chăm chú nhìn vào cái xác.

Từ mạn tàu phía nam, bên trong khoang hành khách phát ra những tiếng kêu khích động; hành khách bị dồn vào gian phòng dài đã được bố trí trông chừng.

Cái xác đang nằm úp sấp sũng sượng, nửa phần dưới uốn quặt lên trên rồi lệch ngược sang bên thành một tư thế thậm vô lý; cái đầu rùng rợn thì nghiêng về phía boong tàu. Trên nền vải bạt có một chiếc mũ lưỡi trai màu đen ướt sũng.

Thumm quỳ xuống đẩy cái xác bằng một tay, nó trông như một cái túi đựng đồ ăn ướt nhoẹt, mềm nhũn và không nhúc nhích. Ông lật nghiêng cái xác; một thám tử liền giúp một tay và họ nhẹ nhàng tìm cách lật khuôn mặt lên trên. Đó là cái đầu của một người đàn ông cao to vạm vỡ có mái tóc đỏ; mắt môi miệng mũi đã bị ép nghiền và biến dạng hoàn toàn. Thumm kinh ngạc lẩm bẫm một mình: người chết vận chiếc áo khoác màu xanh mực, túi áo chạy viền da màu đen, hai hàng cúc đồng chạy suốt chiều dài mặt trước. Thumm đột ngột quắp lấy cái mũ từ sàn boong - đó là chiếc mũ của một người bán vé trên xe điện. Ở phía trên lưỡi trai gắn một tấm nhãn, dính trên đó là hàng số bằng kim loại ghi 2101 và hàng chữ bằng kim loại ghi: *Đường sắt đại lộ Thứ Ba*.

“Không lẽ nào...?” Viên thanh tra thốt lên rồi im bật. Ông ngược mắt sắc sảo nhìn Drury Lane, lúc này đang cúi mình nhìn chòng chọc vào chiếc mũ.

Thumm thả chiếc mũ xuống, không e dè thọc tay vào túi áo ngực bên trong của chiếc áo khoác người chết đang mặc. Tay ông rút ra một chiếc ví da sũng nước tồi tàn. Ông lục soát khắp lượt, rồi lập tức nhảy cẫng lên, bộ mặt xấu đoảng sáng bừng bừng...

“Là nó!” Ông hét lên. Thật nhanh, ông nhìn quanh.

Thân hình bè bè của công tố viên Bruno bên trong chiếc áo choàng kéo lê phệt đang hồi hả từ nhà ga chạy ra bến phà; một tốp người mặc đồ thường phục cũng sầm sập bám sau lưng ông.

Thumm bảo một thám tử. “Cho canh gác gấp đôi khoang phà đầy khách đó!” Ông rướn cao người, tay vung vẩy cái ví mềm oặt. “Bruno! Nhanh lên! Ta gặp người cần gặp rồi!”

Vị công tố viên vội vã đi như chạy, nhảy lên phà, thu hết quang cảnh người chết, đám đông, Lane, DeWitt, bằng một cái quét mắt thật lẹ.

“Hả?” Ông hỗn hà hỗn hển. “Ý anh bảo ai, tác giả lá thư ấy à?”

“Còn ai vào đây nữa,” Thumm cất giọng khàn khàn, ông dùng chân thọc thọc vào cái xác. “Chỉ là ai đó đã đón tiếp hẳn trước chúng ta mất rồi.”

Bruno trợn mắt thô lỗ nhìn xuống lần nữa và thấy những chiếc cúc đồng của áo khoác, chiếc mũ lưỡi trai trên sàn boong. “Người bán...!” Ông lôi mũ ra khỏi đầu mặc cho gió lạnh và dùng một chiếc khăn tay bằng vải lụa thấm khô mồ hôi. “Anh chắc chứ, Thumm?”

Để trả lời, Thumm khéo léo lấy một tấm thiệp đã mềm nhũn vì nước ra khỏi chiếc ví rồi trao cho vị công tố viên. Drury Lane lặng lẽ bước đến sau lưng Bruno và cẩn thận dò xét qua vai Bruno.

Đó là tấm thẻ nhân viên bo tròn bốn góc của công ty đường sắt đại lộ Thứ Ba, trên thẻ là hàng số đóng dấu 2101 và một chữ ký.

Chữ ký là một dòng nguệch ngoạc nhưng hoàn toàn có thể đọc được. Đó là: *Charles Wood*.

# CẢNH 3

Nhà Ga Weehawken.

Thứ Tư, Ngày 9 Tháng 9

11 Giờ 58 Tối

Phòng chờ của Đường sắt Bờ Tây ở nhà ga Weehawken có kết cấu hai tầng cũ kỹ nhưng thông thoáng, to rộng như một nhà đậu xe điện của xứ sở Brobdingnag\*. Trần nhà phơi bộ khung bằng sắt, những thanh xà bắt chéo qua lại trông khá rối mắt. Phía trên cao và bám chắc vào các vách tường tầng hai là một sàn lửng, có lan can chắn song. Từ sàn lửng này là các hành lang dẫn đến những văn phòng nhỏ. Mọi thứ đều được sơn một màu trắng xám đơn điệu đầy bụi bặm.

Cái xác sũng nước của người nhân viên bán vé xe điện Charles Wood được đưa vào bằng tấm vải bạt, vẫn còn lướn thướt nước sông, đi qua gian phòng chờ bốn bề âm thanh vang vọng, rồi được đưa lên lầu dọc theo sàn lửng đến văn phòng của viên trưởng ga. Bản thân phòng chờ đã được cảnh sát New Jersey trưng dụng và đưa hết khách chờ tàu ra nơi khác, số hành khách từ khoang mạn nam của phà *Mohawk* thì om sòm huyên náo khi bị xua qua hàng rào cảnh sát vào đến phòng chờ. Tại đây, dưới sự canh giữ họ phải chờ đợi công tác thẩm tra của thanh tra Thumm và công tố viên Bruno.

Riêng chiếc phà *Mohawk* đã được Thumm ra lệnh nhân viên bến phà buộc xích lại. Lịch chạy phà nhanh chóng được điều chỉnh sau cuộc thảo luận của nhân viên quản lý bến phà; những chiếc phà đến và đi trong sương mù; dịch vụ đường sắt vẫn được phép tiếp tục bình thường, nhưng người ta cho dựng tạm một phòng vé ngay bên trong mái che tàu hỏa, còn khách đi

tàu thì phải chịu khó lên tàu qua phòng chờ của khách đi phà. Chiếc phà *Mohawk* bị bỏ không, vẫn còn sống động với ánh đèn, giờ đây đen kịt những là cảnh sát và thám tử; ngoại trừ nhân viên quản lý và cảnh sát, không ai được phép bước lên phà. Bên trong phòng trường ga trên lầu một, nhóm người đứng quanh cái xác đặt ở tư thế nằm nghiêng. Công tố viên Bruno thì tất bật bên chiếc máy điện thoại. Cú đầu tiên ông gọi đến nhà riêng của công tố viên Rennells quản hạt Hudson. Ông trình bày vắn tắt qua dây nói rằng người chết vốn là một nhân chứng ở vụ án mạng Harley Longstreet tại New York - là địa bàn thuộc thẩm quyền của ông, Bruno - đồng thời đề nghị được phép tổ chức điều tra sơ bộ về chính bản thân cái chết của Wood, mặc dù trên nguyên tắc thì ông này bị chết trong địa phận của New Jersey. Rennells ưng thuận, lập tức Bruno thông báo về trụ sở cảnh sát New York. Thanh tra Thumm chộp lấy điện thoại ra lệnh tăng cường thêm thám tử từ New York.

Ngài Drury Lane ngồi im lặng trên một chiếc ghế chăm chú nhìn đôi môi của Bruno, ngăm gương mặt trắng bệch của John DeWitt đang mím chặt môi - đang bị bỏ mặc ở một góc phòng - và quan sát cơn cuồng nộ lạnh giá của thanh tra Thumm.

Chờ Thumm cắt máy, Lane lên tiếng: “Ngài Bruno.”

Vị công tố viên, này giờ đã kéo lại cái chân của tử thi và đang trầm tư nhìn xuống cái chiều dài kinh khủng của nó, liền ngoái cổ về phía Lane; mắt lóe lên một tia hy vọng lạ lùng.

“Này ngài Bruno,” Drury Lane nói, “ngài đã xem xét cẩn thận chữ ký của Wood chưa - chữ ký trên tấm thẻ của ông ta ấy?”

“Ý ngài là sao?”

“Tôi trộm nghĩ,” Lane điềm đạm giải thích, “việc chứng minh, một cách dứt khoát rõ ràng, danh tính tác giả nặc danh của lá thư ấy là quan trọng vô cùng. Thanh tra Thumm xem chừng cho đấy là chữ ký của Wood và bút tích trên lá thư cũng giống vậy. Riêng tôi hoàn toàn tôn trọng ý kiến ngài ấy, song thiết nghĩ, sẽ yên tâm chắc chắn hơn nếu một nhà chuyên môn kiểm chứng lại việc này.”



Thumm tươi cười với vẻ xóc xiêm. “Vấn thể thôi, ngài Lane à. Không nên chuốc phiền làm chi cho khổ thế.” Ông quỳ xuống bên cái xác của Wood và chẳng chút xót thương gì hơn so với một hình nộm nhồi bông, ông thọc tay khắp túi áo túi quần của người đã chết. Cuối cùng ông đứng lên cùng hai mảnh giấy nhăn nheo ẩm ướt. Một là báo cáo tai nạn theo mẫu của đường sắt đại lộ Thứ Ba, mô tả cẩn thận một vụ va quệt nhỏ với một phương tiện lưu thông trên đường chiều hôm ấy, bên dưới có chữ ký. Mảnh giấy kia là một phong thư đã niêm phong có dán tem. Thumm xé thư ra, đọc rồi trao cho Bruno, ông này quét mắt đọc tờ giấy rồi chuyển nó sang cho Lane. Đó là một yêu cầu xin bài vở về khóa hàm thụ khoa công trình giao thông vận tải. Lane nghiên cứu chữ viết và chữ ký ở cả hai tờ giấy.

“Ngài Bruno, ngài có tờ thư không chữ ký đấy không?”

Bruno lục lọi sâu trong các ngăn ví moi ra lá thư. Lane trải cả ba tờ giấy lên bàn, chăm chú dò đi dò lại bằng sự tập trung không chớp mắt, lát sau ông mỉm cười trao hết lại cho Bruno.

“Tôi xin lỗi, thưa ngài thanh tra,” ông nói. “Cả ba được viết bởi cùng một người, không nghi ngờ gì nữa. Và vì ta biết Wood viết báo cáo tai nạn và viết thư gửi trường hàm thụ, ông ấy hẳn cũng là tác giả lá thư nặc danh của chúng ta... Tuy nhiên, thiết nghĩ điều quan trọng nên có một nhà chuyên môn chứng thực ngay cả ý kiến hùng hồn của ngài thanh tra Thumm đây.”

Thumm găm gù quỳ thụp xuống lại bên người chết. Công tố viên Bruno đặt lại ba tờ giấy vào ví rồi với tay nhắc điện thoại một lần nữa. “Bác sĩ Schilling... Bác sĩ đấy à? Bruno đây. Ở nhà ga đường sắt Weehawken, phòng trưởng ga. Đúng, sau bến phà... ngay tức khắc... Ồ! À, cứ xong cái đó rồi đi thật nhanh đến đây... Bốn giờ à? Thế thôi vậy. Tôi sẽ cho người đưa đến nhà xác hạt Hudson rồi anh đến đây đón để khám nghiệm... Đúng thế, đúng thế, nhất thiết anh phải đích thân làm việc này. Đó là xác Charles Wood, nhân viên bán vé trên chiếc xe điện của vụ Longstreet... Thế nhé. Chào.”



“Xin phép gợi ý thêm được chứ, ngài Bruno?” Từ chiếc ghế đang ngồi, Drury Lane đề nghị vọng sang. “Liệu chẳng Wood có trò chuyện hay được trông thấy bởi nhân viên trực phà hay đồng nghiệp nào đó của anh ta ngay trước khi lên phà *Mohawk* không nhỉ?”

“Linh cảm tuyệt lắm, ngài Lane. Có thể họ vẫn còn đâu bên đó.” Bruno lại nhắc điện thoại gọi sang phía bên New York của tuyến phà.

“Bruno, công tố viên hạt New York đây, đang gọi từ nhà ga Weehawken. Đã có một vụ án mạng tại đây. - Ô, các ông cũng nghe nói rồi à? - Vậy tôi cần hợp tác lập tức... Tốt. Hãy gửi sang đây bất cứ nhân viên trực phà nào có thể đã trông thấy hay trò chuyện với nhân viên bán vé xe điện Charles Wood, số hiệu 2101, hãng Đường sắt đại lộ Thứ Ba, tuyến Crosstown phố Thứ Bốn Mười Hai, tối nay ấy... Cách đây tầm một giờ, đúng thế... tiện thể, xem thử anh có gọi được một kiểm định viên xe điện nào đó đang ca trực không nhé. Tôi sẽ cho xuống cảnh sát sang bên ấy.”

Bruno gác máy và phái một thám tử mang lệnh đến viên thuyền trưởng của chiếc xuống cảnh sát đang buộc neo bên hàng chân cầu cặp mạn cạnh chiếc *Mohawk*.

“Nào!” Ông xoa tay. “Ngài Lane nè, đang lúc thanh tra Thumm điều tra cái xác, ngài xuống lâu cùng tôi chứ? Có nhiều việc cần làm đấy.”

Lane nhồm dậy, qua khước mắt ông nhìn DeWitt, nãy giờ lẻ loi thu mình ở góc phòng. “Có lẽ ngài DeWitt đây đi cùng ta được chứ ạ?” Lane nói bằng giọng nam trung vui vẻ. “Quang cảnh đây có chẳng chỉ làm ngài ấy phiền não mà thôi, ngài Bruno ạ.”

Mắt Bruno hấp háy sau cặp mắt kính không vành, gương mặt hốc hác của ông cong lại thành nét cười. “Được, tất nhiên rồi. Hãy đi cùng nếu muốn, ngài DeWitt.”

Gã môi giới nhỏ người tóc hoa râm nhìn Lane lụng thụng trong chiếc áo choàng vẻ biết ơn. Gã theo chân hai người ra khỏi gian phòng, họ đi dọc theo sàn lửng rồi theo cầu thang xuống đến phòng chờ.

Vị công tố viên đưa cao tay đột ngột phá tan sự im lặng khi họ đi qua phòng chờ. “Này hoa tiêu phà *Mohawk*, lối này, tôi muốn trò chuyện một

lát với ông, cả thuyền trưởng nữa.”

Hai người đàn ông tách mình ra khỏi nhóm hành khách và lê bước tiến đến.

“Tôi là hoa tiêu, Sam Adams.” Người hoa tiêu là một gã to bè chắc nịch có mái đầu húi cua và vẻ mặt tự tin.

“Đợi tí. Này, Jonas đâu rồi? Jonas!” Viên thám tử thư ký của thanh tra Thumm vội bước đến, sổ ghi cầm sẵn trên tay. “Ghi chép lời khai nào... Thế này Adams, chúng tôi đang tìm cách xác nhận lại nhân dạng của người chết. Cậu đã thấy cái xác lúc đưa lên boong phà chứ?”

“Đúng thế.”

“Hồi nào giờ cậu thấy người này không?”

“Hàng trăm lần rồi.” Gã hoa tiêu kéo kéo chiếc quần của mình một cách ý tứ. “Ông ấy là chỗ quen biết bạn bè với tôi. Tất nhiên đầu ông ấy bị đập nát bét cùng những chỗ khác đại loại như thế, nhưng tôi dám thề có Chúa ông ấy là Charles Wood, người bán vé trên chiếc Crosstown.”

“Cớ gì khiến cậu tin thế?”

Hoa tiêu Adams đỡ chiếc mũ lưỡi trai gãi gãi đầu. “Cớ gì ư, tôi chỉ biết là biết. Cùng vóc ấy, cùng mái tóc đỏ, cùng áo quần ấy - không thể nói chính xác với ngài làm sao tôi biết - tôi chỉ biết là biết, thế thôi. Với lại, hồi tối tôi còn chuyện trò với ông ấy trên phà mà lại.”

“Ô! Vậy ra cậu gặp ông ấy. Ở đâu - buồng hoa tiêu à? Tôi tưởng việc ấy là phạm quy. Kể hết mọi chuyện tôi nghe nào, Adams.”

Adams đặng hăng, vỗ vỗ vào cái ống nhổ gần đó, ném một tia nhìn lúng túng sang gã đàn ông cao lớn, nhợt nhạt, dãi dầm sương gió ngồi bên, đó là viên thuyền trưởng. Rồi anh ta nói: “À, xem nào, tôi quen ông Charley Wood này nhiều năm rồi. Ông ấy qua lại tuyến này gần chín năm còn gì, đúng không Thuyền trưởng?” Viên thuyền trưởng dè dặt gật đầu, ông ta khạc vào cái ống nhổ chính xác đến tuyệt đối. “Charles qua lại sống ở Weehawken đây, tôi đoán vậy, vì ông ấy bao giờ cũng bắt phà qua sông tầm 10 giờ 45 khi hết ca trên xe điện.”

“Khoan đã.” Bruno gật đầu hàm ý với Lane. “Thế ông ấy có bắt chuyến phà 10 giờ 45 tối nay không?”

Gã hoa tiêu chùng như lấy làm phật lòng. “Tôi đang nói thế ấy chứ. Tất nhiên là thế rồi. Ha, dù sao thì, nhiều năm nay ông ấy có thói quen lên boong khách tầng thượng chào hỏi xã giao buổi tối, ông muốn gọi thế cũng được. Ô hô!” Bruno cau mặt, Adams vội nói tiếp. “Dù sao thì, nếu Charley không lên đấy kêu réo chào hỏi buổi tối chắc tôi buồn phiền lắm. Tất nhiên, những đêm ông ấy không có ca làm hoặc ở lại qua đêm bên thành phố thì tôi không gặp ông ta, nhưng nói chung thì hầu như ông ấy luôn bắt phà *Mohawk*.”

“Rất lý thú,” vị công tố viên nhận xét. “Rất, nhưng mà ngắn gọn nhanh nhanh tí, Adams - cái này đâu phải truyện dài kỳ đâu, cậu biết rồi đấy thôi.”

“Ừa, vậy hả?” Gã hoa tiêu lại luống cuống, gã nói tiếp. “Thôi được. Tối nay Charley bắt chuyến 10 giờ 45, boong khách tầng thượng, mạn phải, giống mọi khi, và ông ấy lớn tiếng gọi tôi: ‘À hoi, nè Sam!’ Ông ấy hô ‘À hoi!’ chủ yếu vì tôi là thủy thủ, ông biết đấy. Ấy, chẳng qua là câu đùa của ông ấy. Ô hô!” Bruno nhe nanh khiến Adams lập tức tỉnh lại. “Thôi được, thôi được, tôi đi luôn vào đề,” gã hấp tấp. “Vậy nên tôi hô lại ‘À hoi!’ Rồi tôi nói ‘sương mù tẻ quá, phải không Charley? sền sệt hết như giọng mụ bồ tôi ấy!’ Rồi ông ấy nói chuyện mà như la làng với tôi - mà tôi có thể nhìn thấy ông ấy rõ như đang thấy ngài đây vậy; ông ấy leo lên gần sát buồng hoa tiêu và đèn trong buồng soi sáng mặt ông ấy - ông ấy bảo: ‘Cậu bảo họ chứ, Sam. Tẻ hại quá, đúng không?’ và tôi chào, ‘Cuộc sống vẫn thường chứ, Charley?’ Ông ấy đáp, ‘À, thì cũng thế,’ rồi kể, ‘Va phải một con Chewy hồi chiều. Guinness đang lúc lật đặt’, ông ấy nói thế. ‘Còn mụ lái xe ấy thì ngốc hết biết,’ ông bảo, rồi nói, ‘Bọn họ đúng chả ra làm sao,’ và...”

Adams giật mình kêu oái lên vì chiếc cùi chó nhọn hoắt của viên thuyền trưởng chọc mạnh vào sườn non của gã. “Kể đàng hoàng đi Sam,” viên thuyền trưởng lên tiếng, giọng ông ta vang trầm dội lại khắp nhà. “Bộ mày không thấy lão rõ sẽ gô cổ nếu mày không nói rõ ràng hử?”

Hoa tiêu Adams quay sang sắp của mình. “Ông mà chọc sườn tôi á...”

“Này, này!” Giọng Bruno rít lên. “Yên nào. ông là thuyền trưởng của *Mohawk* đấy phỏng?”

“Chính tôi,” gã đàn ông cao lớn nhợt nhạt cất giọng vang vang. “Thuyền trưởng Sutter. Hai mươi một năm sông nước ”

“Ông có trong buồng hoa tiêu lúc mà cái - à - cuộc nói chuyện này diễn ra không?”

“Đó là cái hang của tôi, thưa ngài, vào phải một đêm sương mờ mịt.”

“Ông trông thấy ông Wood này lúc ông ấy la lối với Adams không?”

“Ông đang hụ còi đấy, thưa ngài.”

“Ông chắc lúc ấy là 10 giờ 45 chứ?”

“Chắc.”

“Ông có gặp lại Wood sau khi ông ấy trò chuyện cùng Adams không?”

“Không. Lần tôi thấy lại là lúc người ta câu ông ấy dưới sông lên.”

“Ông chắc nhân dạng là ông ấy chứ?”

“Tối kể chưa xong mà,” hoa tiêu Adams cất giọng bất mãn xen vào. “Ông ấy còn nói vài chuyện nữa. Ông ấy bảo sẽ không ở lại thêm chuyến nào nữa tối nay - có hẹn, ông bảo, bên kia ở Jersey.”

“Cậu chắc chứ? ông có nghe thế không, thuyền trưởng Sutter?”

“Riêng lần này thì con cá mập lăm lờn ấy nói đúng, thưa ngài. Và đó là Wood - gặp lão dễ hàng trăm lần rồi.”

“Adams, cậu bảo ông ấy định không ở lại ‘thêm’ chuyến nào nữa đêm nay. Ông ấy có thói quen nán lại thêm vài chuyến à?”

“Không hẳn là thói quen, nhưng thi thoảng thấy vui, nhất là mùa hè, ông làm hai vòng phà.”

“Vậ thôi, cả hai người.”

Hai gã vừa quay người thì lập tức khựng lại vì âm điệu ra lệnh cất lên từ giọng của Lane. Bruno xoa xoa lên cằm. “Đợi một lát, thưa ngài Bruno,” Lane thân mật. “Cho phép tôi hỏi các ông đây một câu được chăng?”

“Tất nhiên, ngài Lane. Bất cứ gì và bất cứ khi nào ngài muốn.”

“Cảm ơn. Này ngài Adams, thuyền trưởng Sutter.” Hai gã hải hồ há hốc nhìn ông - cái áo thụng, chiếc mũ đen, cây gậy dừ dảnh. “Có ai trong các ông thấy Wood rời chỗ ấy trên boong tầng thượng không, chỗ ông ấy đứng lúc trò chuyện cùng các ông đấy?”

“Tất nhiên, tôi thấy,” Adams nói ngay. “Có tín hiệu, bắt đầu rời bến. Wood vẫy tay với chúng tôi rồi rời đi, trở lại bên dưới mái che của boong khách tầng thượng.”

“Đúng thế,” Thuyền trưởng Sutter ì ằm để thêm.

“Cụ thể thì từ buồng hoa tiêu nhìn ra, thưa quý ngài, tầm nhìn ra boong thượng được bao nhiêu, kể cả vào lúc sáng đèn?”

Vị thuyền trưởng lại khạc mạnh vào ống nhổ. “Không nhiều. Bọn tôi chỉ thấy được gì bên dưới mái che boong khách hết. Còn về đêm gặp lúc có sương thì mọi thứ ngoài vùng phản chiếu từ buồng hoa tiêu đều tối thui như cái tử của Davy ấy. Buồng hoa tiêu xây hình cái quạt, ông biết đấy.”

“Đoạn từ 10 giờ 45 đến 11 giờ 40 các ông không thấy không nghe gì khác chứng tỏ có người trên boong tầng thượng chứ?”

“Nói sao đây, nghe này,” viên thuyền trưởng cúi kính. “Có bao giờ thử ngồi dò qua sông phải đêm sương tối trời chưa hử? Tin tôi đi, ông à, lo tránh va đụng tàu bè đã ứ hơi rồi còn đâu.”

“Tuyệt.” Drury Lane lúi lại. Bruno, trán nhăn mày nhú, gật đầu tổng tiền hai ông thợ sông nước.

Ông leo lên đứng trên một trong những chiếc ghế băng phòng chờ rồi cất cao giọng: “Chú ý, ai trông thấy cái xác rơi từ boong phà tầng thượng bước lên cả đây!”

Sáu người lưỡng lự nhìn nhau, rồi ngập ngừng bước qua gian phòng đến đứng bối rối dưới ánh mắt dò xét chẳng lấy gì làm thân thiện của Bruno. Tất cả, như có tập dượt từ trước, đều cất lời đồng thanh một lúc.

“Từng người một, từng người một,” Bruno vội cắt lời và nhảy khỏi băng ghế. Ông hướng ánh mắt đến một ông nhỏ người tròn trịa có mái tóc vàng hoe và cái bụng phệ. “Ông đấy, ông tên gì?”

“August Havemeyer, thưa sếp,” gã người nhỏ thó hồi hộp trả lời. Gã đội chiếc mũ tròn trông như dân làm bàn giấy, cổ đeo cà vạt đen sọc mảnh; y phục lù xì và nhem nhuốc. “Tôi là thợ in, đang tan sở về nhà.”

“Thợ in tan sở về nhà.” Bruno lắc lư bằng gót chân. “Được rồi, Havemeyer, anh có thấy một hình người đàn ông rơi từ boong trên khi chiếc phà vào bến không?”

“Có, thưa sếp, có.”

“Lúc ấy anh ở đâu?”

“Tôi đang ngồi trong gian phòng đó của chiếc phà, khoang hành khách ấy, và tôi đang ngồi trên băng ghế nhìn ra cửa sổ,” gã người Đức vừa nói vừa liếm cặp môi bông mỡ. “Ngay khi con tàu bắt đầu đi vào cầu giữa những... những khúc cây bụi ấy.

“Hàng cọc chân cầu à?”

“Đúng thế, hàng cọc chân cầu. Ngay lúc ấy tôi thấy vật bụi bụi đen đen, nó trông như - có vẻ tôi thấy như khuôn mặt gì gì đó nhưng nó mờ mờ không rõ - rơi xuống ngoài cửa sổ đối diện từ đâu đó tầng trên. Nó, nó kêu một cái rộp...” Havemeyer quệt một giọt mồ hôi từ môi trên run run của gã. “Nó diễn ra nhanh quá...”

“Và đó là tất cả những gì anh thấy?”

“Vâng, thưa sếp. Tôi la lên, ‘Có người rơi xuống nước!’ và chừng như những người khác cũng thấy vì ai nấy bắt đầu la lên...”

“Phần anh xong rồi, Havemeyer.” Gã nhỏ người thở phào lù xì lại. “Nào, các vị, mọi người có nhìn thấy giống thế không hử?”

Tất cả đồng thanh la có.

“Có ai thấy gì khác không, thấy qua khuôn mặt lúc nó rơi chẳng hạn?”

Không có tiếng trả lời. Ai nấy nhìn nhau ngờ vực.

“Tốt lắm. Jonas! Lấy tên tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ.” Viên thám tử bước vào giữa thảm vấn từng người trong sáu hành khách còn lại bằng mấy câu hỏi đơn điệu tẻ nhạt.

Havemeyer nói trước, cung cấp địa chỉ, rồi tất tả lẫn vào giữa đám người. Người thứ nhì là một gã người Ý lam lũ nhỏ thó vận bộ đồ vải bóng màu đen, đội chiếc mũ lưỡi trai văn phòng, Guiseppe Salvatore, thợ đánh giày trên phà. Theo lời gã kể lại thì lúc ấy gã đang đánh giày cho một người đàn ông, mặt hướng ra cửa sổ. Kẻ thứ ba là một bà lớn tuổi nhỏ nhắn người Ai Len ăn mặc lôi thôi vá chằng vá đụp, bà Martha Wilson, kể là trên đường xong việc về nhà, là người quét dọn mướn cho một tòa nhà văn phòng ở Quảng trường Thời Đại; bà ngồi kế Havemeyer và đã mục sở thị giống hệt như vậy. Người thứ tư, Henry Nixon, là một gã đàn ông cao lớn bánh bao diện một bộ comple kẻ ô diêm dúa. Theo lời khai, gã làm nghề bán hàng rong các mặt hàng kim hoàn rẻ tiền, đang lúc nhàn tản qua khoang phà thì ngoài cửa sổ cái xác rơi xuống một cái ầm. Cuối cùng là hai cô gái trẻ, May Cohen và Ruth Tobias, nhân viên công sở, về nhà ở New Jersey sau khi xem kịch ở Broadway, ‘một sô diễn sống động cuồng nhiệt’ theo lời các cô; lúc cái xác rơi xuống họ chỉ mới kịp nhóm người khỏi ghế gần Havemeyer và bà Wilson.

Bruno phát hiện, trong suốt chuyến đi, không ai trong sáu hành khách này thấy một người mang đồng phục nhân viên bán vé xe điện, lại là người đàn ông tóc đỏ. Ai nấy đều xác nhận rằng họ bắt chuyến phà 11 giờ 30 từ bờ New York. Mọi người đều bác bỏ chuyện leo lên thăm viếng boong trên, bà Wilson còn xác nhận là mình chưa hề - chuyến phà là quá ngắn - lại nữa, theo lời bà kể, thời tiết thì ‘chẳng ra thể thống gì.’

Bruno cho sáu hành khách tập trung trở về đám đông hành khách phía bên kia, ông theo họ để kiểm tra nhanh những người ở đó. Ông chẳng khám phá được gì. Không hành khách nào trông thấy một người bán vé xe điện có mái tóc đỏ. Không hành khách nào leo lên chơi ở boong trên. Ai nấy nói chắc chỉ lên phà cho một chuyến, rồi bến lúc 11 giờ 30 từ bờ New York.

Lúc Bruno, Lane và DeWitt đều bước lên lầu trở lại phòng trường ga, họ thấy thanh tra Thumm, giữa đám người của mình, đang ngồi trên một chiếc ghế và trừng trừng nhìn xuống cái xác rách bươm từng là Charles Wood. Thấy họ vào Thumm đứng bật dậy, soi mói nhìn vào DeWitt, vừa mở



miệng định nói rồi lại thôi, rồi bắt đầu đi qua đi lại trước cái xác nằm sòng sượt, hai tay chắp sau lưng siết chặt đầy bức bối.

“Này Bruno,” ông hạ giọng, “tôi có chuyện cần nói riêng với anh.” Lỗ mũi của vị công tố viên pháp phòng; ông bước đến bên Thumm và hai người bắt đầu thì thào to nhỏ, chốc chốc Bruno lại ngước mắt dò xét vẻ mặt DeWitt. Cuối cùng ông gật đầu dứt khoát rồi bước đến tựa vào chiếc bàn.

Thumm nện bước chân chắc nịch lên sàn nhà, gương bộ mặt xấu xí của ông một cách dữ tợn rồi tấn công thẳng vào DeWitt. “DeWitt, ban tối ông lên chiếc *Mohawk* lúc mấy giờ? Ông bắt phà đi đâu?”

DeWitt vươn người hết mức chiều cao thiếu thốn của mình; từng sợi từng sợi trong hàm ria chổi xể của gã dựng lên tua tủa. “Trước khi tôi trả lời, thanh tra Thumm, vui lòng nói tôi biết ông có quyền gì hỏi đến chuyện đi lại của tôi?”

“Làm ơn đừng cố tình làm khó bọn tôi, ngài DeWitt,” vị công tố viên cất lời bằng giọng điệu khác thường.

DeWitt chớp mắt; tia nhìn của gã tìm cách đọc ý tứ trên nét mặt của Drury Lane nhưng người diễn viên không hề biểu lộ dấu hiệu gì dù là tán thành hay phản đối. Nhún vai, DeWitt quay lại nhìn Thumm. “Được lắm, tôi bắt chuyến phà 11 giờ 30.”

“11 giờ 30? Thế có chuyện gì mà ông lại về nhà muộn thế?”

“Tôi sinh hoạt buổi tối dưới phố tại câu lạc bộ của tôi, Câu lạc bộ Chứng khoán. Lúc gặp nhau trên phà tôi đã bảo ông vậy rồi.”

“Tất nhiên, tất nhiên ông đã nói thế.” Thumm nhét một điều thuốc lá vào khóe miệng. “Thế ông có lên xuống lúc nào đó ở boong khách tầng trên chiếc *Mohawk* trong thời gian mười phút đi phà qua sông không?”

DeWitt cắn môi. “Lại nghi ngờ nữa sao, thanh tra? Không.”

“Ông có nhìn thấy người bán vé xe điện Charles Wood trên chuyến phà ấy không?”

“Không.”

“Thế nếu thấy thì ông có nhận ra đấy là ông ấy không?”



“Tôi nghĩ vậy. Tôi đã nhiều lần thấy ông ấy trên chiếc Crosstown. Thêm nữa, vụ điều tra Longstreet khiến tôi càng nhớ kỹ ông ấy. Nhưng tôi đoán chắc với ông là tối nay tôi không thấy ông ấy.”

Thumm lôi ra một tép diêm giấy, tước một cọng, đánh lửa và châm thuốc bằng động tác thật cẩn thận. “Vào tất cả những lần ông gặp Wood trên chiếc xe điện của ông ấy, có khi nào ông trò chuyện cùng ông ấy không?”

“Kính thưa ngài thanh tra kính mến.” DeWitt chùng như cười cợt.

“Có hay không?”

“Đương nhiên là không.”

“Vậy là ông chỉ thường thấy ông ấy, chứ chưa hề trò chuyện, cũng không thấy ông ấy lúc tối nay... Thôi được, DeWitt. Giờ vậy, lúc tôi đặt chân lên phà trước đó chưa lâu thì ông vừa định đi. Ông biết thừa trên phà có xảy ra tai nạn, bộ ông chả buồn tò mò nán lại xem xem chuyện gì xảy ra sao?”

Nụ cười nhạt dần rồi mất hẳn trên môi DeWitt, mặt gã đành lại cau có. “Không. Tôi mệt, đang rất muốn về nhà.”

“Mệt và rất muốn về nhà,” Thumm dài giọng. “Lý do hay quá còn gì, có trời mới biết... DeWitt, ông có hút thuốc không?”

DeWitt nhìn sững. “Hút thuốc á?” Gã tức giận lặp lại. Quay sang vị công tố viên, gã cao giọng. “Này ngài Bruno, chuyện ấu trĩ gì đây, tôi phải chịu sự thăm vấn bá vơ thế này ư?”

Bruno nói bằng giọng lạnh nhạt: “Vui lòng trả lời câu hỏi cho.” DeWitt lại đưa mắt nhìn Drury Lane, rồi một lần nữa DeWitt lại nhìn quanh một cách bất lực.

“Có,” gã từ từ nói, đôi mi mắt mỗi mệ của gã gợn lên điều gì đó kinh hoàng, “có.”

“Thuốc lá à?”

“Không. Xì gà.”

“Ông có mang theo đấy chứ?”

DeWitt nín lặng cho tay vào túi ngực áo khoác lấy ra một chiếc hộp đựng xì gà bằng da sang trọng, có chữ cái đầu tên khảm vàng nắn nét. Gã trao

chiếc hộp cho viên thanh tra, Thumm rút nắp hộp, lấy ra một trong ba điếu xì gà bên trong rồi tỉ mỉ xem xét điếu thuốc. Trên điếu thuốc có nhãn tem mạ vàng in hàng chữ *J. O. DeW.* “Nhãn hiệu đặt riêng hử, DeWitt?”

“Phải. Hãng Huengas của Havana sản xuất đặc biệt dành riêng cho tôi.”

“Những cái vòng nhãn tem nữa?”

“Tất nhiên.”

“Nhãn tem cũng do Huengas lồng vào à?” Thumm hỏi gặng.

“Thật dớ dẩn quá,” DeWitt nói từng tiếng. “Mục đích của việc hỏi han các cứ kiếu này là cái gì vậy hử? Suy nghĩ của ông đã sâu, lại tối, và đặc nữa, ngài thanh tra ạ. Vâng, Huengas lồng nhãn tem vào từng điếu xì gà, đóng hộp, gửi hàng cho tôi bằng đường biển, vân vân và vân vân. Cho tôi hỏi nhé: Ông hỏi làm chi vậy?”

Không buồn đáp lời, thanh tra Thumm bỏ điếu xì gà trở lại vào hộp rồi cất biến vào một trong những cái túi không đáy của ông. Gương mặt DeWitt tối sầm lại vì hành động cố tình biến thủ này nhưng vươn thẳng thân hình bé nhỏ một cách bất cần, gã không nói nửa lời.

“Một câu nữa thôi, ngài DeWitt,” viên thanh tra lại bắt đầu bằng điệu bộ ái hữu nhất trên đời. “Đã bao giờ ông mời người nhân viên bán vé Wood điếu xì gà nào như vậy không, trên xe điện hay bất kỳ nơi nào khác ấy?”

“Raaa thế,” DeWitt dài giọng. “Hóa ra là thế.” Không ai nói gì. Trên môi còn vẩy vẻo cọng xì gà đã tàn, Thumm giương ánh mắt hùm beo chòng chọc nhìn vào gã môi giới. “Rốt cục,” DeWitt dẫn lòng nói tiếp, “Rốt cục là tôi bị chiếu tướng đây, phải thế không hử ngài thanh tra? Ông chơi sáng nước đấy. Không, xưa giờ tôi chưa bao giờ mời tay bán vé Wood điếu xì gà nào như vậy cả, trên xe điện cũng như bất cứ đâu khác.”

“Được đấy, DeWitt, giỏi lắm,” Thumm buông tràng cười ha hả. “Vì tôi tìm thấy trong túi áo gilê của người chết một trong những điếu xì gà mang nhãn hiệu đặc biệt của ông, nhãn tem in tên viết tắt của ông!”

DeWitt gật đầu chua chát, như rằng gã đã liệu trước câu nói này. Gã mở miệng, rồi ngậm lại, rồi lại mở miệng cất tiếng rầu rầu: “Vậy là tôi hiểu rằng tôi đây sẽ bị bắt vì đã ám sát người đàn ông ấy?” Nói rồi gã cười, một

tiếng cười khùng khục bối rối, rời rạc của một ông già. “Tôi chắc mình không phải đang mơ? Một điều xì gà của tôi trên người bị ám sát!” Gã thả mình rơi phịch xuống một chiếc ghế gần đó.

Bruno trịnh trọng: “Chưa ai nói gì chuyện bắt bớ cả, ngài DeWitt.”

Đúng lúc này một nhóm người hiện ra ở cửa, dẫn đầu là một người vận đồng phục đại úy cảnh sát. Bruno ngừng nói, ông đưa mắt hỏi viên sĩ quan, ông này gật đầu rồi bỏ đi.

“Các cậu vào đi nào,” Thumm dụ giọng.

Những người mới đến kẻ trước người sau khẽ khàng bước vào. Một người là anh chàng người Ai Len, Patrick Guinness, người lái chiếc xe điện đã xảy ra vụ án mạng Longstreet. Người thứ hai là một ông già gầy guộc, ăn vận xoàng xĩnh đầu đội mũ lưỡi trai, xưng tên mình là Peter Hicks, nhân viên trực phà phía bên bờ New York. Người thứ ba là kiểm định viên xe điện khuôn mặt dạn dày nắng gió. Ông ta cho biết trạm làm việc của mình nằm ở điểm cuối của tuyến Crosstown, ngay bên ngoài bến phà ở cuối phố Thứ Bốn Mười Hai.

Phía sau họ, nhiều thám tử lỗ nhố hiện ra, trong số này có cả trung úy Peabody, lù lù sau lưng Peabody là đôi vai to bè của trung sĩ Duffy. Mọi cặp mắt theo bản năng đều đổ dồn vào cái xác chết nằm trên tấm vải bạt.

Guinness chỉ liếc nhìn một lần vào thi hài của Wood, anh ta cố hết sức chịu đựng rồi quay đi bằng ánh mắt sợ hãi. Anh ta chùng như muốn ói.

“Guinness, cậu có nhận ra được người này không?” Bruno hỏi.

Guinness lăm bẫm: “Chúa ơi, trông đầu ông ta kìa... Đó là Charley Wood, đúng thế.”

“Cậu chắc chứ?”

Guinness đưa ngón tay run rẩy chỉ vào chân trái của tử thi. Sự cọ xát giữa mạn phà và hàng cọc cầu tàu đã làm chiếc quần bị xé toạc, rách bươm, chân trái bị phơi trần ra ngoài chỉ trừ đoạn mang giày và bít tất. Dọc theo bắp chân lộ rõ một phần của vết sẹo kéo dài và biến mất ở đoạn che bít tất. Vết sẹo này vừa cong vừa xoắn - một vết thương cũ thành sẹo, giờ đây thâm tím màu người chết.

“Cái sẹo,” Guinness nói bằng giọng khàn khàn. “Tôi thấy nó suốt. Charley mang nó ra khoe với tôi lần đầu khi ông vào làm cho hãng dịch vụ xe khách, ngay cả trước khi tôi với ông ấy được chuyển sang tuyến Crosstown. Ông ấy bảo tôi vết sẹo này do bị tai nạn cách đây đã rất nhiều năm.”

Thumm tuột chiếc bút tất ra khỏi chân để lộ ra toàn bộ vết sẹo trông thật kinh khủng. Nó chạy dài từ một điểm ngay bên trên mắt cá đến ngay dưới đầu gối, uốn cong nửa đường quanh bắp chân. “Cậu có quả quyết đó đúng là cái sẹo cậu đã thấy không đấy?” Thumm hỏi.

“Đó là vết sẹo ấy, đúng thế,” Guinness trả lời yếu ớt.

“Được rồi, Guinness.” Thumm đứng dậy phúi đầu gối. “Giờ đến lượt ông, Hicks, có gì để nói về hành tung của Wood lúc tối không?”

Ông già nhân viên trực phà gầy guộc gật đầu. “Hẳn rồi, thưa sếp. Tôi biết Charley khá rõ, gần như tối nào cũng bắt phà, thường dừng lại trò chuyện với tôi. Lúc tối khoảng mười giờ rưỡi, Charley vào cửa chờ phà và như thường lệ chúng tôi chào hỏi nhau, ông ấy trông có vẻ hơi lo lắng gì đó, giờ tôi mới nghĩ ra. Bọn tôi chỉ qua loa dăm câu rồi thôi.”

“Ông chắc về thời gian chứ - 10 giờ 30 hả?”

“Có, tôi chắc. Tôi phải theo dõi thời gian mà, phà chạy có giờ cả đấy, thưa sếp.”

“Các ông trò chuyện gì thế?”

“À, ờ,” Hicks chép chép cặp môi dày trịch, “bọn tôi trò chuyện ông ấy mang chiếc túi xách của mình, còn tôi hỏi có phải đêm rồi ông ấy ở lại phố như mọi khi - ngài biết mà, thi thoảng ông ấy ở lại qua đêm trong thành phố và mang theo ít quần áo sạch - nhưng ông ấy bảo không, đấy chỉ là cái túi cũ ông ấy mua lúc nghỉ giữa ca hôm nay; tay cầm của cái cũ bị đứt rồi. Rồi...”

“Túi xách đấy loại gì hả?” Thumm hỏi gấp.

“Xách đấy loại gì ấy à?” Hicks bậm môi. “Ai biết nó có gì đặc biệt đâu mà nói hả sếp. Chỉ là một cái túi đen rề rề giá một đồng ông mua đâu chả có. Vuông, kiểu thế.”

Thumm ra hiệu cho trung úy Peabody. “Xuống lầu xem hành khách dưới phòng chờ ai có túi xách giống cái Hicks vừa tả không, rồi cho triển khai lục xét chiếc *Mohawk* tìm cái túi xách như mô tả. Boong tầng thượng, buồng hoa tiêu, và tất cả. Từ trên xuống dưới; rồi bảo mấy cậu trên xuống cảnh sát tìm ngoài sông xem, biết đâu chừng bị ném xuống sông, hay có thể bị rơi xuống sông cũng nên.”

Peabody từ tốn đi ra. Thumm lại quay sang Hicks, định mở lời thì Drury Lane nhã nhặn cất tiếng: “Xin mạn phép, thưa ngài thanh tra... Hicks, liệu đang lúc nào đó Wood có hút một điếu xì gà trong khi ông trò chuyện chẳng?”

Hicks trở mắt nhìn cái ông thẩm vấn đương không như ma quỷ hiện hình này. Tuy vậy ông gần như đã sẵn câu trả lời. “Có chứ. Thực tình tôi có hỏi Charley xin một điếu, xì gà Cremos ông ấy hút là loại tôi hơi ghiền. Tóm lại, ông ấy lục lọi túi quần túi áo...”

“Cả túi gilê nữa, đúng không Hicks?” Lane nói.

“Đúng đấy, túi gilê và tất tạt, rồi ông ấy bảo: ‘Ôi, không, chắc hết rồi, Pete. Tôi hút đây là điếu cuối mất rồi.’”

“Câu hỏi hay đấy, ngài Lane,” Thumm khen chẳng lấy gì làm thật lòng. “Ông chắc đó là điếu xì gà Cremos chứ, Hicks, ông ấy không dùng loại nào khác đấy chứ?”

Hicks buồn rầu: “Tôi chỉ vừa bảo ngài đây rồi mà sếp.”

DeWitt vẫn cúi gằm; gã ngồi vậy như đã hóa đá. Nhìn vào đôi mắt vừa đầy nước vừa đỏ ngầu của gã không ai nói chắc liệu gã có nghe thấy gì từ những lời hỏi đáp qua lại này giờ chẳng.

“Guinness,” Thumm cất tiếng, “Wood có mang theo chiếc túi xách này lúc ông ấy chạy hết chuyến hồi tối nay không?”

“Có, thưa sếp,” Guinness trả lời giọng yếu ớt. “Như Hicks đã nói. Ông ấy xong ca nghỉ tối lúc mười giờ ba mươi. Ông ấy để chiếc túi xếp gọn trên xe suốt buổi chiều.”

“Biết Wood sống ở đâu không?”

“Ở ngôi nhà cho thuê trọ tại Weehawken đây, đại lộ 2075.”

“Có người thân nào không?”

“Tôi nghĩ là không. Chỉ ít là ông ấy chưa lập gia đình và theo chỗ tôi nhớ thì ông ấy chưa hề nói gì về người thân cả.”

“Còn chuyện nữa, sếp,” gã nhân viên trực phà Hicks chen vào. “Đang lúc Charley cùng tôi trò chuyện, bỗng Charley trở một ông nhỏ người từ taxi bước ra, toàn thân mặc đồ ấm, lẩn nhanh vào phòng vé mua một vé phà, bỏ vé vào hộp, băng ngang qua đi vào phòng chờ để đợi phà như rằng ông ấy không muốn ai trông thấy. Charley vẽ tự tin bảo tôi cái ông nhỏ người ấy là ông môi giới, John DeWitt, người bị dính vào vụ án mạng trên xe điện của Charley.”

“Cái gì!” Thumm rống lên. “Và ông bảo lúc ấy khoảng 10 giờ 30 à?” Viên thanh tra quắc mắt nhìn DeWitt, lúc này đã choàng tỉnh, đang ngồi ngả người về phía trước hai tay bám chặt lấy thành ghế. “Tiếp đi, Hicks, tiếp nào!”

“À,” Hicks dài giọng đến phát bực, “Charley xem chừng lo lắng khi thấy cái ông DeWitt ấy.”

“DeWitt có thấy Wood không?”

“Chắc là không. Ông ấy thu lu mãi ở một góc, lẻ loi một mình.”

“Còn gì nữa không?”

“À, tôi phải đi lo nhiệm vụ của mình ngay khi phà đến lúc 10 giờ 40. Tôi có thấy ông DeWitt đó qua cổng đi vào, Charley cũng chào tạm biệt rồi vào luôn.”

“Ông chắc chắn về thời gian chứ, này nhé - nó là chuyến phà rời bến lúc 10 giờ 45 đúng không?”

“Đúng roài,” Hicks nói giọng đã thật sự chán ngấy. “Tôi nói gần cả trăm lần rồi mà lại.”

“Bước sang bên, Hicks.” Thumm đẩy gã nhân viên trực phà và trừng mắt nhìn gã môi giới lúc này đang bối rối vượt vượt cái áo khoác. “DeWitt! Nhìn tôi đây.” DeWitt từ từ ngẩng đầu; sự khổ não trong ánh mắt của gã

đến cả viên thanh tra cũng giật mình. “Hicks, phải đây là ông mà Wood đã chỉ không?”

Hicks nghiêng cái cổ gầy nhom của ông ta, chăm chú nhìn nét mặt của DeWitt bằng đôi mắt như mắt loài cá. “Phải,” cuối cùng ông nói. “Phải, là cái ông nhỏ người đó. Thề đây sếp.”

“Nhiều đó tốt rồi. Hicks, Guinness, và anh này - kiểm định viên xe điện hử? Giờ chưa cần - mọi người xuống lầu đợi tôi.”

Ba người ngập ngừng rời phòng. Drury Lane bỗng đâu ngồi xuống, tựa người vào đầu gậy và dò xét nét mặt căng thẳng của gã môi giới bằng đôi mắt ưu tư. Tự đâu đó xa xôi, xa trong chiều sâu trong suốt của đôi mắt ấy là một sự bối rối mơ hồ - một sự trì hoãn về phán đoán, một sự nghi ngờ.

“Giờ vậy, thưa ngài John O. DeWitt,” Thumm dẫn giọng, mắt lom lom nhìn vào gã đàn ông bé nhỏ, “tôi cho là ông cần giải thích cho bọn tôi đây, làm thế nào mà họ lại thấy ông lên chuyến phà 10 giờ 45, trong khi mới cách đây chưa lâu ông lại bảo là ông bắt chuyến phà 11 giờ 30.”

Bruno hơi giật mình; gương mặt ông trở nên trầm trọng. “Ngài DeWitt, trước khi trả lời, bốn phận tôi đây cần lưu ý cùng ông rằng bất cứ những gì ông nói ra đều có thể được dùng để chống lại ông. Nhân viên tốc ký đây sẽ ghi lại từng từ. Nếu muốn, ông có quyền im lặng.”

DeWitt cố trấn tĩnh, gã rê ngón tay dưới cổ áo, gượng cười đầy vẻ hối tiếc. “Những hậu quả đáng buồn,” ông vừa lầm rầm vừa đứng dậy, “của việc bõn cọt với sự thật... Vâng, thưa các ngài, tôi đã nói dối. Tôi đã bắt chuyến phà 10 giờ 45.”

“Nghe rõ chưa, Jonas?” Thumm lớn tiếng. “DeWitt, tại sao ông nói dối?”

“Chuyện đó,” DeWitt chậm rãi, “tôi e phải khước từ giải thích. Tôi có cuộc hẹn với một người trên chuyến phà 10 giờ 45, nhưng đây là vấn đề tuyệt đối riêng tư và chẳng dính dáng tí gì đến cái vụ việc tệ hại cùng cực này.”

“Được, ông bảo có cuộc hẹn để gặp ai đó trên chuyến phà 10 giờ 45, vậy thì vì cái lý do ôn dịch gì ông đã ở lại đến tận 11 giờ 40 chứ?”



“Mong ông,” DeWitt nói, “vui lòng tiết chế lời lẽ của mình, thưa ngài thanh tra. Tôi không quen bị người khác nói với mình kiểu này; và nếu ông vẫn cứ vậy, tôi dứt khoát cự tuyệt không nói thêm bất cứ lời nào nữa.”

Nhác thấy cái liếc của Bruno, Thumm kịp nuốt lại câu rủa định tung ra, hít một hơi thật dài rồi hỏi tiếp, lần này bằng giọng điệu bớt hung hãn hơn: “Thôi được. Tại sao?”

“Thế có phải hơn không,” DeWitt nói. “Tại vì người tôi đợi đã không đến vào giờ hẹn. Tôi vẫn ở yên trên chiếc phà ấy qua bốn vòng, bụng nghi ngờ có sự chậm trễ. Đến 11 giờ 40 tôi bỏ cuộc và quyết định về nhà.”

Thumm bật cười. “Bộ ông nghĩ bọn tôi tin vậy chắc? Cái người mà ông đang chờ ấy là ai?”

“Tôi rất tiếc.”

Bruno xua tay về phía DeWitt. “Ngài DeWitt, hãy hiểu cho là ông đang tự đặt mình vào vị thế rất khác thường, ông phải hiểu câu chuyện ông kể ra rất, rất kém thuyết phục, trong hoàn cảnh hiện tại nếu không có thông tin cụ thể, e chúng tôi không chấp nhận được.”

DeWitt mím chặt môi, đôi tay yếu ớt khoanh trước ngực, mắt đăm đăm nhìn vào vách tường.

“Thôi được,” viên thanh tra vắn vẹo, “vậy ông nói xem cuộc hẹn sắp xếp làm sao, lấy gì chứng minh nó, có thư từ hay ai đó chứng kiến cuộc trò chuyện nào không?”

“Chúng tôi hẹn nhau qua điện thoại sáng nay.”

“Ý ông là sáng thứ Tư à?”

“Đúng.”

“Người đó gọi cho ông?”

“Đúng, tại văn phòng của tôi ở Wall Street. Nhân viên tổng đài của tôi không lưu lại những cuộc gọi đến.”

“Ông quen người ấy chứ?”

DeWitt im lặng.



“Và ông nói,” Thumm hỏi tới. “Lý do duy nhất khiến ông linh khỏi phà là do ông mệt vì đợi và quyết định trở về Tây Englewood chứ gì?”

“Tôi e mình không thể mong chờ ông tin thế.” DeWitt nói khẽ.

Những đường huyết quản trên cổ Thumm phồng lên. “Dĩ nhiên là không rồi, quý tha ông đi!”

Ông chộp mạnh tay Bruno rồi lôi ông này đến một góc phòng. Hai người đàn ông thì thảo hội ý thật căng thẳng.

Ngài Drury Lane thở dài nhắm mắt lại.

Đúng lúc này trung úy Peabody từ phòng chờ trở lại dẫn theo sáu người. Các thám tử hối hả vào phòng trưởng ga mang theo những chiếc túi xách đen rẻ tiền, năm chiếc cả thảy.

Thumm nói nhanh với Peabody: “Nào, sao rồi?”

“Đây là vài chiếc túi xách giống chiếc sếp bảo tôi tìm, và,” Peabody cười, “cả những chủ nhân hồi hộp của chúng.”

“Có bất cứ gì trên chiếc *Mohawk* chẳng?”

“Không thấy chiếc túi nào cả, sếp ạ, cả các cậu trên xuồng cảnh sát cũng chẳng may mắn gì khi tìm kiếm ngoài sông.”

Thumm đến cửa gào lên: “Hicks! Guinness! Lên cả đây nào!”

Gã nhân viên phà và anh chàng lái xe điện đâm bổ lên lầu vào phòng, ai nấy mặt mày hốt hoảng.

“Hicks, nhìn thử mấy cái túi này xem, có cái nào là của Wood chẳng?”

Hicks nhìn đi nhìn lại những chiếc túi hành lý trên sàn. “À ha, tôi thấy cái nào cũng thế, không nói chắc được.”

“Còn cậu thì sao, Guinness?”

“Khó nói lắm, cái nào như cũng giống giống cái nào, ngài thanh tra ạ.”

“Thôi được, ra ngoài.” Hai gã đàn ông biến mất.

Thumm quỳ xồm trên đôi móng rắn chắc của mình rồi lôi một chiếc túi mở ra; bà tạp vụ già Martha Wilson liền bật một tiếng rên nhỏ đầy oán giận rồi khụt khịt mũi. Thumm lôi ra một bọc áo quần lao công lem luốc, một hộp đựng đồ ăn trưa và một cuốn truyện bìa mềm. Chán ngấy, ông cầm cái

túi tiếp theo. Henry Nixon, người bán hàng, bắt đầu giận dữ phản ứng; Thumm khóa mồm ông ta bằng một vế mặt bọ chúa rồi kéo dây mở ra. Bên trong là những chiếc khay bằng giấy bồi bọc vải len, trên đó là những thứ đồ kim hoàn dỏm và đồ nữ trang rẻ tiền cùng một tập đơn hàng để trắng có in sẵn tên người bán hàng. Thumm thấy chiếc túi sang bên rồi cầm cái kế tiếp. Trong chiếc túi này là một cái quần cũ bẩn thỉu và vài thứ đồ. Thumm ngược mắt thì thấy Sam Adams, viên hoa tiêu của chiếc *Mohawk*, đang nhìn ông bằng vế mặt lo lắng.

“Của cậu à?”

“Vâng, thưa sếp.”

Thumm mở hai chiếc túi còn lại: chiếc đầu tiên là của một công nhân bến tàu người da đen tên Elias Jones, bên trong chứa một bộ đồ để thay đổi và một hộp đựng đồ ăn trưa; chiếc thứ hai có ba cái tã lót, một bình sữa còn non nửa, một cuốn sách tạp nhạp, một gói ghim băng và một cái chăn trẻ nít. Những thứ này là của một đôi vợ chồng trẻ, ông bà Thomas Corcoran; anh chồng ẵm trên tay một thằng bé vừa ngái ngủ vừa cắn nhả. Thumm cất giọng làu bàu và thằng bé, sau một cái trở mắt đầy lạ lẫm đã quay sang cựa quậy trên tay người bố, dúm mặt vào vai anh ta rồi bắt đầu gào lên. Tiếng kêu la của nó vang dội đình tai cả phòng khiến một anh thám tử khề bụm miệng khúc khích. Thumm nhe răng cười sốt ruột và để sáu vị hành khách ra về cùng những túi đồ của họ. Drury Lane quan sát thích thú rằng ai đó đã ném vùi vài chiếc bao bố rỗng lên trên mình người chết.

Viên thanh tra cũng cho người xuống chỉ thị để anh lái xe Guinness, gã kiểm định viên xe điện và bác nhân viên trực phà Peter Hicks, tất cả đều được ra về.

Một cảnh sát viên vào phòng to nhỏ bên tai Peabody, anh này rên rỉ. “Không có gì ngoài sông cả, sếp à.”

“Hừm, tôi đoán cái túi xách của Wood đã bị ném qua mạn tàu rồi chìm mất tiêu, có lẽ chả còn đâu mà tìm,” Thumm nói thăm.

Trung sĩ Duffy vừa thành thịch lên cầu thang vừa hào hển, trên nắm tay đỏ ửng cầm chặt thếp giấy viết vội. “Tên tuổi và địa chỉ của tất cả những

người dưới lầu đây, thưa ngài thanh tra.”

Bruno vội bước đến, ghé mắt qua vai Thumm đọc bản danh sách những hành khách đi phà. Cả ông lẫn Thumm dường như đang tìm kiếm gì đó, họ lần giở và dò từng trang một. Thế rồi họ trao đổi với nhau những tia mắt chúc mừng, và về mặt vị công tố viên đành lại.

“Ngài DeWitt,” ông bỗng nói, “chắc ông quan tâm muốn biết rằng trong số tất cả những người đi trên chuyến xe điện lúc Longstreet trút hơi thở cuối cùng, duy chỉ mình ông là người có mặt trên chuyến phà tối nay!”

DeWitt chớp mắt, nhìn trống không vào mặt Bruno, và rồi, hơi rùng mình, gã cúi đầu xuống.

“Điều ngài nói, thưa ngài Bruno, có thể là đúng, nhưng tôi lại e ngài sẽ không bao giờ chứng minh được.” Giọng nói điềm tĩnh của Drury Lane vang lên trong sự yên lặng.

“Hả? Cái gì?” Thumm sấn sổ. Bruno cau mày.

“Ngài thanh tra kính mến,” Lane thì thầm, “chắc hẳn ngài để ý rằng một số hành khách đã rời khỏi chiếc *Mohawk* lúc các ngài và tôi tiến gần đến để lên chiếc phà này khi nghe những tiếng kêu la vọng lên. Ngài đã tính đến chỗ đó chưa?”

Thumm thối phì môi trên. “Hừ, ta có thể sẵn lòng họ, đúng không,” ông vênh vang, ”và điều tra hướng đó?”

Drury Lane mỉm cười. “Ngài thanh tra à, liệu ngài sẽ luôn quả quyết đến mức có thể chứng minh được một trường hợp pháp lý? Dựa vào đâu để ngài sẽ luôn biết chắc rằng mình đã tìm thấy được hết bọn họ?”

Bruno rí tai với Thumm; một lần nữa DeWitt lại dăm dăm nhìn Drury Lane bằng sự hàm ơn đến đáng thương. Thumm lắc lư thân hình nặng nề của ông, quát tháo một mệnh lệnh với trung sĩ Duffy, viên trung sĩ lập tức biến mất.

Thumm ngoắc ngón tay ra hiệu với DeWitt. “Hãy xuống lầu cùng tôi nào.”

Gã môi giới lẳng lặng đứng lên đi trước viên thanh tra ra khỏi cửa.

Ba phút sau họ quay lại. “Chả ăn thua gì,” ông thì thầm với Bruno. “Không có lấy một hành khách nào nhớ ra hành tung của DeWitt đủ lâu để nói chắc bất cứ gì về gã. Một người dường như nhớ ra gã chỉ ngồi thu lu một mình trong góc một lúc, nhưng DeWitt có nói gã lách mình vào chỗ khuất vì cú hẹn qua điện thoại ấy của gã đấy thôi. Thật chả ra làm sao!”

“Nhưng đấy là điểm có lợi cho ta, Thumm,” Bruno nói. “Gã không có chứng cứ ngoại phạm cho khoảng thời gian xác của Wood bị ném khỏi boong tầng thượng.”

“Tôi nghĩ giá có gã hành khách nào đó xác thực là đã thấy DeWitt đi xuống những bậc thang đó. Giờ ta làm gì với gã đây?”

Bruno lắc đầu. “Tối nay cứ vậy đã. Gã nào phải những quả bí ngô bé nhỏ, mà ta thì cần tuyệt đối chắc chắn trước khi bắt giữ. Thôi thì cứ cho hai người trông chừng, dù vẫn biết tình hình này gã không linh đi đâu được.”

“Ý anh là ý sếp.” Viên thanh tra bước nhanh qua chỗ DeWitt và nhìn trừng trừng vào mắt gã. “Tối nay vậy là xong, DeWitt, ông có thể tiếp tục về nhà, nhưng vẫn phải giữ liên lạc thường xuyên với Công tố địa hạt đấy.”

Không một lời John DeWitt đứng dậy, vượt lại áo khoác bằng thói quen, sửa lại ngay ngắn chiếc mũ dạ trên mái đầu hoa râm, đưa mắt nhìn quanh, khẽ cất tiếng thở dài rồi lê bước ra khỏi phòng trưởng ga. Thumm lập tức đưa một ngón trỏ thô kệch ra hiệu, hai thám tử liền vội vàng theo đuôi gã môi giới.

Bruno khoác áo choàng vào. Gian phòng vang lên tiếng xì xào trò chuyện của những gã đàn ông hút thuốc lá. Thumm giạng chân trước người chết rồi cúi xuống gỡ những mảnh bao bố ra khỏi cái sọ dừa đã nát bươm. “Sao ông dốt thế,” ông lầm bầm, “nhẽ ra ông phải chua thêm chí ít là tên của gã X giết người ấy vào cái thư rồ dại của ông mới phải chứ...”

Bruno bước qua phòng nắm lấy bắp tay cuồn cuộn của Thumm. “Thôi nào, kìa Thumm, anh sẽ hóa rõ đấy. Đã chụp hình cái boong tầng thượng ấy chưa vậy?”

“Các cậu ấy giờ đang làm. Thế nào Duffy?” Câu hỏi vang lên vừa lúc viên trung sĩ hỗn hà hỗn hển bước vào phòng.

Duffy lắc chiếc đầu nặng nề. “Không một dấu hiệu nào về những hành khách đã đào thoát ấy thưa sếp. Thậm chí còn không tra ra được là bao nhiêu người nữa.”

Không ai nói gì một lúc lâu.

“Hừ, chém cha cái vụ án khốn kiếp này đi!” Thumm hét vào khoảng không im lặng, ông xoay qua xoay lại hết như một con chó đang nổi đóa cố vồ mà vẫn không ngoạm được cái đuôi của nó. “Tôi mang vài người sang chỗ nhà trọ của Wood, Bruno ạ. Anh về nhà hả?”

“Có lẽ tôi cũng đi. Mong là Schilling không bỏ lỡ việc giao nghiệm đó. Tôi sẽ cùng Lane trở lại.” Ông quay người, đội mũ và tìm nơi Lane đã ngồi.

Gương mặt ông bỗng ngớ ra.

Ngài Drury Lane đã biến mất.

## CẢNH 4

Văn Phòng Thanh Tra Thumm.

Thứ Năm, Ngày 10 Tháng 9

10 Giờ 15 Sáng

Anh chàng to lớn ngồi nhấp nha nhấp nhồm trên chiếc ghế trong văn phòng của Thumm ở Trụ sở cảnh sát. Gã vùn vờ tạt chí, cà giữa móng tay, nhai nát điều xì gà, nhìn ra cửa sổ ngắm bầu trời u ám xám xịt, rồi đứng bật dậy khi cánh cửa mở ra.

Gương mặt xấu xí của thanh tra Thumm ủ ê sần muộn hệt như thời tiết ngoài trời. Ông đường bệ bước vào, tung mũ và áo khoác lên cây treo y phục rồi buông mình đánh phịch vào chiếc ghế xoay sau bàn làm việc, miệng không thôi làu bàu một mình. Ông làm bộ không thấy gã to cao đang bồn chồn trước mặt.

Viên thanh tra mở thư xem, gắt dăm câu mệnh lệnh vào máy nội bộ đặt trên bàn, đọc một mạch hai bức thư để một anh thư ký hí hoáy chép lại, rồi mới hạ cổ xoay luồng điện từ đôi mắt khó chịu của ông sang gã đàn ông tay chân thừa thãi cứ mãi đứng đấy.

“A, Mosher, giờ cậu bào chữa sao đây? Trước khi hết ngày có thể cậu lại phải làm một vòng nữa đấy.”

Mosher lắp ba lắp bắp: “Tôi... để tôi giải thích lại toàn bộ sự việc thưa sếp. Tôi thì... tôi thì...”

“Nói nhanh đi Mosher, cậu đang thuyết minh công việc của mình đấy.”

Chàng không lơ hít sâu một hơi. “Tôi bám đuôi DeWitt suốt ngày hôm qua, như lời sếp đã bảo. Tôi lượn lờ quanh Cầu lạc bộ chứng khoán dưới phố suốt cả buổi tối hôm ấy, thấy DeWitt bước ra lúc 10 giờ 10 rồi lần vào bên trong một chiếc taxi, bảo lái xe chở gã ra bến phà. Tôi bắt một chiếc taxi khác và tiếp tục theo đuôi gã. Từ phố Thứ Tám chuẩn bị rẽ sang phố Thứ Bốn Hai thì chiếc taxi của tôi lại gậy va quệt, nó cạ bánh vào một chiếc ô tô khác và mọi chuyện trở nên náo loạn âm ỉ. Tôi vội nhảy ra bắt chiếc taxi khác và vội vã phóng xuống phố Thứ Bốn Hai, nhưng chiếc taxi của DeWitt đã hoàn toàn mất dạng giữa dòng xe cộ. Biết là gã đang trên đường ra bến phà, bọn tôi tiếp tục xuôi theo phố Thứ Bốn Hai và đến nơi cửa bến vừa khi chiếc phà vừa rời bến. Vậy là tôi phải đợi mất vài phút để bắt chuyến phà kế tiếp. Qua đến Weehawken, tôi vội vã phóng đến nhà chờ Bờ Tây, nhưng đã không tài nào tìm ra DeWitt. Tôi xem lịch tàu chạy thì biết được có một chuyến tàu địa phương đi Tây Englewood vừa rời ga, chuyến thứ hai phải đến nửa đêm mới chạy. Tôi chịu chớ biết tính sao giờ? Tôi nghĩ chắc chắn DeWitt đã bắt chuyến tàu Tây Englewood ấy chớ không trật đường nào hết á. Thế là tôi nhảy tót lên một chiếc xe buýt chạy suốt đến Tây Englewood...”

“Hơi đen đui đấy nhỉ,” thanh tra Thumm thừa nhận. Vẻ nặng trịch của ông đã tan biến. “Tiếp đi Mosher.”

Viên thám tử thở hắt ra một hơi dài nhẹ nhõm. “Cứ vậy, tôi theo xe buýt phóng đi. Thế là tôi chờ quanh quẩn cho đến khi tàu vào ga, và quý bắt thế nào DeWitt lại chả có trên chuyến tàu ấy. Tôi không biết phải làm sao nữa, nghĩ có lẽ tôi đã để gã vượt khỏi mắt, hoặc giả đã bị gã cắt đuôi lúc tôi bị mắc kẹt ở chỗ đựng xe. Thế là tôi gọi về trụ sở báo sếp nhưng cậu King dưới lầu lại bảo sếp đã ra ngoài đánh án rồi, dặn tôi ở đâu cứ yên để xem thế nào. Thế là tôi lần đến nhà DeWitt rồi cứ quanh quẩn ở bên ngoài. DeWitt đã không về nhà cho đến quá nửa đêm, cũng phải là 3 giờ sáng hay hơn kém gì đó, gã ngồi trên một chiếc taxi. Và rồi Greenberg và O’Hallam hiện ra, rõ ràng là đang theo đuôi gã, và họ kể tôi nghe về vụ án mạng trên phà, và toàn bộ câu chuyện sau đó.”

“Thôi thôi, được rồi. Đi đi, đến mà thế chỗ cho Greenberg và O’Hallam.”

Vài phút sau khi Mosher ba chân bốn cẳng đi khỏi, công tố viên Bruno chậm chạp bước vào văn phòng Thumm, mặt ông hằn những nếp nhăn vì lo lắng. Ông buông mình xuống một chiếc ghế gỗ. “Thế nào, chuyện đêm qua sao rồi?”

“Rennells bên hạt Hudson đã đến lúc anh vừa rời nhà ga. Chúng tôi cùng đến khu nhà trọ cùng người của ông ấy. Chẳng có manh mối gì, Bruno ạ. Thuộc dạng khu ổ chuột như những nơi khác. Đã tìm thấy thêm vài mẫu chữ ký của ông ấy. Anh đã bảo Frick đối chiếu bút tích trên lá thư nặc danh cùng chữ viết của Wood chưa?”

“Tôi đã gặp anh ta sáng nay. Frick bảo hiển nhiên bức thư nặc danh ấy cùng những lá thư kia đều cùng một bàn tay viết ra không phải thắc mắc. Việc này chứng tỏ là Wood không nghi ngờ gì nữa.”

“A, theo chỗ tôi biết thì những mẫu tôi tìm thấy ở phòng của Wood cũng giống thế. Chúng đây - nếu muốn anh cứ đưa Frick, chỉ là kiểm tra thêm cho chắc. Việc này chắc sẽ khiến gã Lane dờ tỉnh dờ rờ ấy hài lòng đấy.”

Thumm thấy một chiếc phong bì dài qua bàn và Bruno tiếp lấy cho luôn vào ví.

“Chúng tôi còn tìm thấy một lọ mực và ít giấy viết nữa.” Thumm tiếp.

“Không quan trọng lắm vì chữ viết đã ăn khớp cả rồi,” vị công tố viên thờ ơ. “Dù sao tôi cũng đã cho người kiểm tra mẫu mực và giấy viết, tất cả đều là một.”

“Thế tốt rồi.” Thumm đưa móng vuốt lật qua một mớ giấy trên bàn. “Sáng nay có thêm vài báo cáo. Chẳng hạn báo cáo về Mike Collins. Mật thám đã đe hấn đâu ra đấy, bảo hấn là ta đã biết những lần gã đến thăm viếng DeWitt từ sau thứ Bảy. Collins vẫn xấu tính như mọi khi, nhưng hấn thừa nhận có tìm đến DeWitt, hấn thậm chí còn nhận là đã kéo nài lão dịch vật ấy tất toán cho số xèng hấn bị lỗ vì kiểu tư vấn tào lao của Longstreet, nhưng DeWitt đã gạt phắt, theo lời gã nói là vậy, mà quả tình chuyện này tôi chẳng trách cứ gì lão cáo già ấy.”



“Sáng nay nghĩ khác về DeWitt rồi sao?” Bruno thở dài.

“Anh vớ được ý đó ở đâu ra thế!” Thumm nhăn mặt. “Đây, một báo cáo nữa nè. Một thám tử phát hiện ra từ hôm thứ Bảy đến giờ DeWitt đã đi trên chiếc xe điện của Charley Wood đến hai lần. Tay này là Mosher - được cử theo dõi DeWitt đêm qua - chết tiệt mắt mũi cái thằng này, đã để mất dấu do taxi lúc ấy húc vào người khác.”

“Hay đấy, mà cũng tệ quá. Giá mà ku cậu Mosher không rời mắt khỏi DeWitt suốt tối chắc chuyện đã khác. Biết đâu ku cậu chính mắt thấy được vụ giết người cũng nên.”

“À, giờ tôi lại quan tâm hơn đến chỗ báo cáo về việc DeWitt đã đi trên chiếc xe điện độ hai lần kể từ hôm thứ Bảy tới giờ,” Thumm găm gù. “Anh có nghĩ ra được thế nào mà Wood có thể đã phát hiện kẻ giết Longstreet không nhỉ? Chắc chắn gã chưa biết đó là ai lúc xảy ra án mạng, nếu có gã đã nói. Bruno này, cái báo cáo đi xe hai lần này quan trọng đây!”

“Ý anh là,” Bruno trầm ngâm, “phải chăng Wood có thể đã nghe lỏm được gì đấy... Chẳng hạn, Mosher có phát hiện DeWitt đi cùng ai suốt những chuyến đó chẳng?”

“Được thế đã may. Gã chỉ một mình.”

“Thế thì đâu chừng gã đánh rơi gì đấy mà Wood thấy cũng nên. Thumm, cái này đáng tìm hiểu đây.” Mặt Bruno xị xuống. “Giá lúc viết cái thư ấy lão đừng hốt đến thế thì hay biết mấy... Hừ, nói sao cũng chuyện đã rồi, thôi đừng tiếc con gà quạ tha. Còn gì nữa không?”

“Phần tôi chỉ có vậy, thế thư từ giao dịch ở văn phòng Longstreet có gì mới không?”

“Không, nhưng tôi cũng tìm cách khám phá ra được đôi điều hay ho,” vị công tố viên trả lời. “Này Thumm, anh biết không, chẳng có dấu vết gì về chúc thư chúc thiếc của Longstreet cả!”

“Nhưng tôi nghĩ Cherry Browne đã nói...”

“Chắc là trò mật ngọt chết ruồi của Longstreet thôi. Bọn tôi đã lục soát văn phòng, nhà riêng của hã, những căn hộ đẹp đẽ của hã, cả két an toàn của hã ở ngân hàng, ngăn tủ khóa ở Câu lạc bộ, tất tần tật. Hoàn toàn chả

có văn từ di chúc gì cả. Luật sư của Longstreet, cái gã Negri vô lương ấy bảo Longstreet trước giờ chưa hề làm di chúc di chiếc nào qua gã hết. Thế đấy.”

“Chỉ là phỉnh phờ quý bà Cherry thôi nhỉ? Cũng như những quý bà quý cô khác vậy. Thế hẳn chả có người thân gì sao?”

“Chả dấu vết thân bằng quyến thuộc nào cả, Thumm, khi thật, việc phân chia di sản hầu như không hề tồn tại của Longstreet sẽ là một vụ lùm xùm ghê gớm cho xem.” Bruno nhăn mặt. “Hẳn có để lại gia tư điền sản gì đâu, chỉ một đồng nợ to tướng. Tài sản duy nhất hẳn có là phần hùn vốn trong công ty môi giới chứng khoán DeWitt & Longstreet mà thôi. Tất nhiên, nếu DeWitt mua lại cổ phần của Longstreet thì may ra còn thứ hữu hình.

“Vào đi, Đốc-tờ.”

Bác sĩ Schilling đi đều bước vào văn phòng của Thumm, chiếc mũ vải vẫn vắt vẻo trên chòm đầu - vốn dĩ ai cũng nghi nó hói nhưng trước giờ chưa ai dám chứng minh. Mắt ông đỏ quạch và lơ đãng sau cặp kính tròn, và ông đang xia xia vào hàm răng bằng một que tăm ngà trông thật mất vệ sinh.

“Chào các sếp. Các sếp có cho là Đốc-tờ Schilling đã thức trắng đêm không nhỉ? Nein\* các ngài sẽ không bảo thế đâu.” Ông thở dài tự ngời vào một chiếc ghế gỗ của Thumm. “Mãi đến hơn bốn giờ tôi mới ra đến cái nhà xác vui mắt ấy của hạt Hudson.”

“Có biên bản khám nghiệm đấy chứ?”

Bác sĩ Schilling lấy khỏi túi áo ngực một mảnh giấy dài, đập lên bàn trước mặt Thumm, rồi tựa đầu vào lưng ghế và lập tức ngủ khì. Gương mặt hiền hậu của ông giãn ra thành những mọng mỡ mồm mĩm; miệng ông há ra, que tăm vẫn còn lắt lẻo trong miệng; và không cần mào đầu ông cứ vậy bắt đầu kéo gỗ.

Thumm và Bruno liền chúi mũi vào bản báo cáo được viết gọn ghẽ. “Chẳng có gì ở đây cả,” Thumm lầm bầm. “Toàn thứ nhì nhăng. Nè, Đốc-tờ!” Ông gầm lên khiến đôi mắt tròn ti hí của Schilling cố gượng mở ra. “Đây đâu phải quán trọ bình dân, muốn ngáy thì về nhà chứ. Tôi còn lo kết thúc mấy vụ án mạng này chừng hai mươi bốn giờ thôi đấy.”

Schilling uể oải đứng dậy “Ja\*, hiểu rồi,” ông nói rồi lão đảo ra cửa. Bỗng cánh cửa mở bật ra trước mũi khiến ông chựng lại và đứng đấy là ngài Drury Lane đang nhìn ông mỉm cười. Bác sĩ Schilling trở mắt nhìn, mồm lúng búng câu xin lỗi rồi tránh sang một bên. Lane bước vào phòng còn vị bác sĩ pháp y vừa ra ngoài vừa ngáp rõ to.

Cả Thumm và Bruno đều đứng dậy, Bruno cười chua chát. “Vào đây nào, ngài Lane, vào đây. Tôi nghĩ ngài đã hóa khói tối qua rồi ấy chứ. Đương không ngài biến đi đâu thế?”

Lane ngồi vào ghế rồi đặt khế cây gậy mạn gai vào giữa hai đầu gối. “Ngài phải lường trước kịch tính từ một kịch sĩ chứ, thưa ngài Bruno. Nguyên tắc đầu tiên của phương pháp biểu diễn gây ấn tượng mạnh trên sân khấu ấy là sự bước ra đầy ấn tượng. Rủi thay, sự biến mất của tôi lại chả báo trước điều gì hung hiểm. Tôi đã thấy những gì cần thiết, và rồi cũng chẳng còn gì để làm ngoài chuyện quay về nơi ẩn dật là lâu đài Hamlet mà thôi... A, xin chào ngài thanh tra! Thế ngài cảm thấy ra sao vào buổi sáng ảm đạm này?”

“Cũng thường thôi,” Thumm trả lời không lấy gì làm đơn đả, “Làm anh kếp tuồng già mà ngài thức sớm vậy nhỉ? Tôi thì vẫn ngỡ mấy bác diễn viên miệt vườn - bỏ quá cho tôi nhé, ngài Lane - là tôi cứ tưởng kịch sĩ các ngài thì phải ngon giấc đến quá trưa nửa ngày mới đúng chứ.”

“Cay nghiệt, thưa ngài thanh tra.” Drury Lane nháy đôi mắt trong veo tươi tỉnh. “Tôi đây vốn là thành viên của cộng đồng năng động nhất vì lẽ sự đeo đuổi mục tiêu để đời đã trở thành lạc mốt lỗi thời. Tôi ra khỏi giường sáng nay lúc sáu giờ ba mươi, bơi một vòng hai dặm như lệ thường trước khi dùng bữa sáng, an ủi vỗ về cái khẩu vị luôn năng nặc một thứ của mình, xem kỹ bộ tóc giả Quacey mới làm hôm qua, mà với bộ này cụ ấy khá tự hào, hội ý với đạo diễn của tôi là Kropotkin và thiết kế sân khấu của tôi là Fritz Hof, thưởng thức núi thư từ khổng lồ của tôi đây, đào sâu vào một nghiên cứu hấp dẫn về năm 1586 - 1587 liên quan đến Shakespeare, và giờ ở đây là 10 giờ 30. Quả là sự bắt đầu hợp lẽ cho một ngày mới như bao ngày, phải vậy không thưa ngài thanh tra?”

“Tất nhiên, tất nhiên rồi,” Thumm nói, cốt làm sao để giọng nghe vui vẻ. “Nhưng rồi thì dân về hưu như ngài đâu có bị nhức đầu như dân lao động bọn tôi. Ví dụ nhé - kẻ nào đã giết Wood vậy nào? Suy cho cùng thì, ngài Lane ơi, tôi không hỏi lại ngài về gã X ấy của ngài đâu - ngài biết ai đã giết Longstreet rồi còn gì.”

“Ngài thanh tra Thumm!” Vị kịch sĩ thì thầm. “Ngài ép tôi đáp lại bằng lời lẽ của Brutus\* đấy ư? ‘Tôi sẽ nghe thấy, bằng sự nhẫn nại, và tìm một thời điểm cả hai ta gặp nhau để cùng nghe thấy và trả lời những vấn đề quan trọng dường ấy. Cho đến lúc ấy, hỡi người bạn cao quý tôi ơi, hãy nghiên ngẫm việc này đi nhé.’” Lane khúc khích. “Thế ngài có biên bản pháp y về cái bị thịt của Wood không đấy?”

Thumm nhìn Bruno và Bruno nhìn Thumm, rồi hai ông cười ồ, ít nhiều trở lại sự khôi hài vui vẻ. Viên thanh tra bóc tờ biên bản của Bác sĩ Schilling và lẳng lặng trao cho Lane.

Drury Lane đưa cao tờ giấy trước mặt rồi mãi mê nghiên cứu bản báo cáo một cách vô cùng chăm chú. Đó là một văn bản súc tích, được viết bằng bút mực với sự chi li tỉ mỉ và nét chữ bay bướm kiểu Đức. Chốc chốc Lane ngừng lại, nhắm mắt chìm vào sự tập trung không gì làm xao động.

Tờ biên bản ghi rằng, lúc bị ném qua mạn tàu, Wood đang bất tỉnh, chưa chết. Điều này - tờ biên bản viết tiếp - được căn cứ vào những dấu hiệu không thể nhầm lẫn của đòn đánh vào chỗ phần đầu không bị đè nghiêng. Giả thuyết về sự bất tỉnh - Bác sĩ Schilling viết - được chứng minh bằng việc có một lượng nước nhỏ có trong phổi của Wood, là dấu hiệu cho thấy nạn nhân còn sống vài giây sau khi đâm đầu xuống nước, vì vậy - biên bản tiếp tục - kết luận là Wood đã bị vật cùn đánh vào đầu gây choáng thành bất tỉnh, sau đó bị ném qua mạn tàu, đập mình vào nước, vẫn còn sống, và trải qua một khoảng thời gian rất ngắn bị nghiêng đến chết giữa mạn phà *Mohawk* và cọc chân cầu.

Biên bản ghi tiếp rằng những vết nicotine trong phổi là không bất thường, chắc chắn do việc nghiện thuốc lá vừa phải. Răng vết sẹo trên chân

trái ước khoảng ít nhất hai mươi năm tuổi; đó là một vết rách cong queo vừa sâu vừa xấu xí; được chữa trị tương đối kém. Răng dấu vết ít ỏi của lượng đường trong máu không đủ để khiến nạn nhân bị mắc chứng tiểu đường. Răng có bằng chứng rõ rệt về chứng nghiện rượu, có lẽ phát sinh từ sự thèm khát rượu mạnh ở dạng vừa. Răng tử thi là của một người đàn ông trung niên thể tạng vạm vỡ, tóc đỏ; ngón tay thô kệch; móng tay không đều, là các dấu hiệu cho biết là người làm nghề lao động. Răng có bằng chứng về xương cho thấy cổ tay phải đã từng bị gãy, tổn thương đã cũ và liền lại tốt. Răng có một vết nhỏ dạng bột trên hông bên trái; một vết sẹo ruột thừa hai năm tuổi; đồng thời có bằng chứng cho thấy một xương sườn bị nứt ít nhất đã bảy năm tuổi và đã liền lại thỏa đáng. Răng xác cân nặng hai trăm linh hai pao và cao sáu bộ nửa in-sơ.

Drury Lane kết thúc nghiên cứu tờ văn bản. Mỉm cười ông trao tờ giấy lại cho thanh tra Thumm.

“Có moi được gì trong đó không ngài Lane?” Bruno hỏi.

“Bác sĩ Schilling quả là người làm việc chi li chu đáo,” Lane trả lời. “Một biên bản thật đáng tuyên dương hạng nhất. Đặc biệt là một cái xác biến dạng dường ấy ông ta lại có thể thực hiện một cuộc khám nghiệm triệt để như vậy. Thế những nghi ngờ của các ngài về chuyện đi lại của John DeWitt sáng nay ra sao?”

“Quan tâm nhiều lắm sao?” Thumm tránh trở.

“Quan tâm nhiều lắm, ngài thanh tra.”

“Đường đi lối về hôm qua của ông ấy đang được theo dõi.” Bruno nói nhanh như rằng câu hỏi vậy là đã được trả lời.

“Ngài không giấu gì với tôi đấy chứ, ngài Bruno?” Lane nói nhỏ, đứng lên và khoác áo choàng lên vai. “Nói vậy thôi, tôi chắc ngài không đâu... Cảm ơn nhé, ngài thanh tra, rằng ngài đã gửi tôi một bức ảnh rõ ràng về Longstreet. Nó có thể hữu ích trước khi vỡ kịch hạ màn.”

”Ồ, có gì đâu,“ Thumm tức thì đổi sang giọng vui vẻ. ”Ngài Lane này, tôi nghĩ cũng nên báo ngài hay, cả Bruno và tôi đây đều lần theo đầu mối DeWitt đấy.”

“Thật thế sao?” Ánh mắt màu lục xám của Lane hết nhìn Thumm lại quay sang nhìn vị công tố viên. Rồi thì chúng sầm lại, và ông cầm chắc hơn nữa cây gậy của mình. “Tôi không quấy quả công việc các ngài nữa, thưa quý ngài. Tôi còn rất nhiều việc phải làm hôm nay.” Ông băng nhanh qua phòng, ra đến cửa ông quay lại. “Tuy nhiên, hãy để tôi thành thật khuyên các ngài rằng đừng nên hành động cụ thể gì với DeWitt vào lúc này. Chúng ta đang mặt đối mặt với một thời khắc vô cùng then chốt. Tôi nói ‘chúng ta’ là nghĩa đen đấy,” rồi ông cúi chào, “hãy tin tôi, thưa quý ngài.”

Họ lắc đầu tỏ ý nói thêm cũng bằng thừa trong lúc Lane khép nhẹ cánh cửa từ sau lưng.

# CẢNH 5

Lâu Đài Hamlet

Thứ Năm, Ngày 10 Tháng 9

12 Giờ 30 Trưa

Giá như thanh tra Thumm và công tố viên Bruno có mặt tại lâu đài Hamlet lúc mười hai giờ rưỡi trưa thứ Năm, hẳn hai ông sẽ lại nghi ngờ sự tồn tại của giác quan của mình.

Họ hẳn sẽ thấy một Drury Lane vô định hình thù - một Lane mà chỉ là một nửa của Lane, tuy ánh mắt và giọng nói vẫn bình thường như một phần của Lane, song trang phục thì khác biệt kì cục so với áo quần thường ngày của ông ấy, còn gương mặt thì đang trải qua một sự biến hình đổi dạng đến lạ thường dưới đôi tay tài tình của lão già Quacey.

Drury Lane ngồi thẳng người trên một chiếc ghế tựa lưng đứng, phía trước đặt một tấm gương ba mặt soi hình ông thành khuôn mặt chính diện, khuôn mặt ba phần tư, khuôn mặt trông nghiêng và những hướng nhìn phía sau ở nhiều góc độ khác nhau. Một bóng đèn điện trắng xanh sáng rực rọi thẳng vào mặt. Hai ô cửa sổ chạm sàn trong phòng được che lại bằng màn đen phủ tối, ngăn không để bất cứ tia sáng ngoài trời âm u dù nhỏ nhất lọt vào gian buồng của những kỳ quan này. Lão Quacey gù lưng quỳ trên chiếc ghế dài trước mặt chủ nhân, tấm tạp dề bằng da lấm lem những phấn hồng và vương vãi đủ loại thuốc bột. Trên chiếc bàn đặc chắc kê bên phải ông lão là vô số những lọ chất màu, các chất thuốc bột, những bình phấn hồng, những khay trộn màu, những bàn chải lông tinh vi đến vô hình và những

lộn tóc giả đủ màu khác nhau. Nằm trên chiếc bàn là bức hình một đầu người.

Họ cùng ngồi dưới luồng chiếu ánh sáng như những diễn viên trong một lớp kịch sinh động thời Trung cổ. Gian phòng họ đang dùng trông vào chẳng khác gì phòng thí nghiệm của Paracelsus\*. Nó là một nơi rộng rãi, ngổn ngang những chiếc bàn thợ và bừa bãi với những mảnh vụn thừa; những chiếc tủ cổ mòn vẹt trông lạ mắt, cửa để mở toang, bày ra các ngăn đựng những thứ đồ vật cổ quái; sàn nhà vương vãi đầy những búi tóc và lẫn lộn những bả ma-tít đủ màu, bị mài dính vào mặt gỗ bởi gót chân của ông lão già nua. Đứng ở góc phòng là một cái máy kỳ quái, bức tranh biếm họa của một chiếc máy khâu chạy điện. Một sợi kẽm lớn treo dọc theo một mặt tường, trên dây mắc ít nhất năm mươi bộ tóc giả theo kích cỡ, hình dạng và màu sắc khác nhau. Ở một chỗ hõm của mặt tường khác là hàng chục đầu người đúc thạch cao, mỗi cái đặt trong một ô riêng, kích thước theo người thật - da đen, Mông Cổ, da trắng - có đầu đội tóc, có đầu để trọc, có cái mang vể mặt chìm vào sự bình yên thanh thản, có cái mang đường nét nhào nặn thành biểu hiện của sợ hãi, hân hoan, kinh ngạc, bi sầu, đau đớn, giễu cợt, giận dữ, yêu thương, cương quyết, nhẫn nhục, gian tà.

Gian phòng thí nghiệm được chiếu sáng duy nhất bằng ánh đèn khổng lồ phía trên đầu Drury Lane. Rải rác khắp phòng là những cây đèn tiện lợi đủ kiểu đủ cỡ nhưng hết thảy lúc này đều để tắt; và những chiếc bóng kỳ dị do cái bóng đèn vĩ đại kia in ra chừng như đang kể một câu chuyện thần bí dị thường. Dáng Lane ngồi im lìm bất động; bóng của ông, to lớn bất cân xứng, không mấy may lay động trên nền tường. Ở chiều ngược lại, vóc dáng thu ngắn lom khom bé nhỏ của Quacey thì lóc phóc loanh quanh hết một con bọ chết, bóng ông lão dính vào rồi tách khỏi bóng Lane trên tường mừng rỡ như sự va đập nhịp nhàng của chất lỏng tối màu.

Toàn bộ khung cảnh toát lên vẻ lạ lùng, bí hiểm và kịch tính. Nơi góc phòng, những miệng thùng để mở hơi nghi ngút trông ra như ảo ảnh; khói lạng lờ quyện lại trên mặt tường chừng như trôi từ những chiếc vạc dầu của Ba mụ phù thủy\* - vừa ghê khiếp như cảnh tuồng Macbeth vừa gần với



cảnh giả siêu nhiên. Từ câu chuyện của những chiếc bóng, cái hình nghiêng nghiêng cố định có lẽ là của một kẻ đã bị làm xuất thần; còn chiếc bóng di chuyển mau lẹ kia là của một Svengali\* gù lưng, một Mesmer\* thấp bé, một Merlin\* không có áo choàng.

Thực ra, đấy là lão già Quacey nhỏ thó đang biểu diễn nhiệm vụ thường ngày của mình bằng những động tác thuần thục nhất - thay hình đổi dạng cho chủ nhân của lão bằng xảo thuật thuốc màu và bột phấn, kết hợp cả tài nghệ thủ công.

Lane đăm đăm nhìn vào hình chiếu của mình trong tấm gương ba mặt - ông đang mặc bộ y phục đạo phổ thông thường, được cắt may xoàng xĩnh và có vẻ đã sờn cũ.

Quacey lùi lại, quệt tay vào tạp dề. Lão nheo ngấm nghĩa tác phẩm thủ công của mình bằng vẻ xét nét.

“Cặp chân mày là quá nặng, một minim\* quá nặng xét về mặt duy thực, Quacey ạ,” cuối cùng Lane cất tiếng, ông đưa những ngón tay thon dài đập đập vào hai bên mày.

Quacey nhăn tít bộ mặt thần lùn giữ kho có nước da màu nâu của lão, khễ nghiêng đầu rồi nheo lại một mắt theo cách một anh họa sĩ vẽ chân dung đang đứng xa đo mẫu. “Có lẽ thế. Có lẽ thế,” lão rít lên cọt két. “Đường cong của chân mày trái cũng thế, nó không rủ xuống lắm.”

Lão lấy một chiếc kéo nhỏ đang mắc vào thắt lưng bằng một sợi dây và bắt đầu tỉa tót hàng lông mày của Lane một cách từ tốn, cẩn thận. “Đấy, tốt hơn rồi, lão thấy vậy.”

Lane gật đầu. Quacey lại quay sang bận rộn với một vốc bả màu da thịt, xoa xoa đập đập vào đường viền hàm dưới của chủ nhân lão...

Năm phút sau gã lùi lại, bỏ kéo xuống rồi chống đôi bàn tay yếu ớt lên hai bên hông. “Được đấy, tạm thế. Sao, ngài Drury?”

Người diễn viên ngấm kỹ mặt mình. “Này lão Caliban\* xấu xí, ta không được sa vào lầm lỗi nếu không công việc đặc biệt này sẽ biến thành giả tạo đấy.” Quacey nhe răng cất tiếng cười của loài yêu tinh. Ngài Drury Lane đang hài lòng, ở chừng mực nhất định thì điều này tự nó đã rõ; chỉ khi nào

đặc biệt đánh giá cao công việc của Quacey, ông mới gọi lão bằng cái tên Caliban. “Nhưng, nó sẽ vậy thôi. Tóc giả nào.”

Quacey lùi về bên kia phòng, bật một ngọn đèn và bắt đầu chăm chú nhìn những bộ tóc giả mắc trên dây kẽm. Lane buông lỏng thân mình trong chiếc ghế của ông.

“Này Caliban,” ông thăm thì lý luận, “tôi e ta sẽ không bao giờ đồng ý với nhau về những điều căn bản.”

“Hả?” Quacey hỏi mà vẫn không ngoái đầu lại.

“Chức năng thực của đồ hóa trang. Dù là lão mắc lỗi ở bất cứ đâu khi thao tác kỳ bí với những dụng cụ của mình, nó vẫn theo hướng của sự hoàn hảo quá mức.”

Quacey chọn ra một đầu tóc xám vừa dày vừa bờm xờm, nhấn tắt đèn và quay lại chỗ chủ nhân. Lão ngồi xồm trên chiếc ghế dài trước mặt Lane, lấy ra chiếc lược có hình thù kỳ dị và bắt đầu chải chuốt bộ tóc giả.

“Không thể có bộ mặt hóa trang nào hoàn hảo quá mức như thế cả, ngài Drury ạ,” Quacey nói. “Thế giới này đầy những tay thợ tồi như chính nó vậy thôi.”

“Ồ, không, tôi đây không có ý chê trách gì tài năng lão, Quacey ạ.” Lane dõi theo đôi tay để móng dài của ông lão đang chuyển động thoăn thoắt. “Nhưng tôi nói lại, rằng xét theo vài khía cạnh nhất định, thì những thứ đập lên gương mặt hóa trang là những thứ ít quan trọng nhất. Chúng, nói theo cách nào đấy, chỉ là đạo cụ.”

Quacey khịt mũi. “Hay lắm. Ngài không xét đến cái bản năng toàn cảnh của mắt người bình thường. Kẻ quan sát trung bình thì thường ấn tượng với tổng thể hơn là chi tiết. Nhưng,” Quacey rít lên sôi nổi, “vấn đề chính là ở điểm này! Vì nếu một trong những chi tiết ấy không ổn - lão phải nói sao nhỉ? - cái chi tiết đặc trưng nhất, vậy sẽ gây khó chịu cho con mắt vừa có ấn tượng tổng thể, và con mắt ấy sẽ đi tìm ra cái chi tiết không ổn gây khó chịu ấy. Ý lão là - hãy hoàn thiện từng chi tiết!”

“Xuất sắc, Caliban, xuất sắc.” Giọng Lane ấm áp và trìu mến. “Lão bào chữa cho mình một cách hay ho. Mà sự tinh vi của lý lẽ thì lẫn tránh lão.

Tôi chưa hề nói những chi tiết của một gương mặt hóa trang nên nhòe nhoẹt đến mức gọi sự chú ý vào chính chúng. Đúng thế, những chi tiết đều nên hoàn hảo. Tuy nhiên, mọi chi tiết đều không cần thiết! Lão hiểu ý tôi chứ? Sự chính xác đến chi li của một khuôn mặt hóa trang... nó như đang xem một bức tranh biển mà mỗi con sóng đều vẽ như thật, hay ngắm một cái cây mà mỗi chiếc lá đều có hình dáng sắc nét. Mỗi một con sóng, mỗi một chiếc lá, mỗi một nếp nhăn trên diện mạo con người đều đem lại nghệ thuật tồi tệ.”

“À, cũng có thể,” Quacey nói ra chiều miễn cưỡng. Lão đưa bộ tóc giả đến gần ánh sáng đèn hơn nữa, xem đi xem lại, lắc đầu rồi bắt đầu cái nghi thức nhip nhàng với bàn tay cầm chiếc lược.

“VẬY là ta đi đến kết luận rằng những thuốc màu, những bột phấn và những đồ công cụ đánh lừa khác đều cốt sao tạo ra vẻ bề ngoài của một gương mặt hóa trang, chứ không phải bản thân sự hóa trang. Lão biết rằng vài chi tiết trên khuôn mặt có thể được làm đậm hơn những chi tiết khác: ví dụ nếu lão có ý muốn hóa trang tôi thành Abraham Lincoln, lão hẳn sẽ thiên về nhấn mạnh nốt ruồi, bộ râu và đôi môi, rồi làm mờ nhạt đi những yếu tố còn lại. Không, với chủ nghĩa hiện thực mà nói, chính sự sống, cử chỉ và điệu bộ mới là những thứ mang lại sự mô tả tính cách hoàn chỉnh. Chẳng hạn, một người nộm bằng sáp dù có trung thành đến chi tiết cuối cùng về đặc điểm và màu sắc thì vẫn là một vật thể vô tri vô hồn một cách hiển nhiên mà thôi. Tuy nhiên nếu người nộm ấy có thể đưa tay một cách nhuần nhuyễn, nói về sắc màu bằng đôi môi sáp của nó và làm những điều tự nhiên bằng đôi mắt thủy tinh của nó - lão hiểu ý tôi muốn nói gì rồi.”

“Giờ thì được rồi,” Quacey nhẹ nhàng nói. Lão lại đưa đầu tóc giả lên gần với ánh đèn sáng rực rỡ.

Mắt Drury Lane nhắm lại. “Đấy là điều đã khiến tôi luôn bị cuốn hút trong nghệ thuật diễn kịch - sáng tạo bằng động tác, giọng nói, cử chỉ, vẻ bề ngoài của đời thật, ảo giác về một nhân cách thực. Belasco\* có sự am hiểu sâu sắc đến lạ thường về nghệ thuật tái hiện lại cuộc sống ngoài đời trên sân khấu, kể cả sân khấu không diễn viên. Có một vở kịch mà ở một cảnh

dựng ông cố làm sao cho nó cảm giác ấm êm như thật, ông không tin tưởng vào cái lò sưởi bập bùng, sự bình yên và tĩnh lặng của cảnh vật tự nhiên, ông không thỏa mãn với những sản phẩm như thế do người thiết kế cảnh vật của ông làm ra. Mỗi lần trước khi vào giờ diễn, ông mang một con mèo ra trói gô lại đến mức cái sinh vật nhỏ bé ấy không thể cựa quậy gì được; ngay trước giờ kéo màn con mèo được tháo dây buộc và khi màn vén lên bày ra một khung cảnh về không gian riêng tư, chú mèo vươn mình đứng dậy trên sân khấu, ngáp dài và duỗi những thớ cơ mỗi nhừ trước lò sưởi... vậy là, không cần một lời thoại nào cất lên mà chỉ bằng động tác giản dị mộc mạc này, vốn ai nấy đều đã quá quen thuộc, khán giả lập tức cảm thụ rằng đây là một gian phòng êm ái ấm áp. Mọi dụng cụ nghệ thuật mà nhà thiết kế của Belasco đưa ra đều không thể tạo được ấn tượng tốt như thế.”

“Một giai thoại thú vị đấy ngài Drury ạ.” Quacey ép sát bộ tóc giả lên đầu Lane rồi nhẹ nhàng điều chỉnh ngay ngắn trên mái đầu cân đối của chủ nhân lão.

“Nhưng ông ấy là một người vĩ đại, Quacey ạ,” Lane thì thầm. “Công việc thổi luồng sinh khí vào trong kịch dàn dựng, suy cho cùng, suốt nhiều thập niên nghệ thuật diễn kịch thời Elizabeth người ta chỉ trông cậy vào lời thoại của vở diễn và bộ điệu của diễn viên để tạo ra ảo ảnh của đời thật. Mọi vở diễn đều thực hiện trên sân khấu trống trải - một kếp phụ trườn dọc mặt sàn tay cầm bụi cây nhỏ đưa lên trời, đủ để minh họa cho khán giả hiểu rằng rừng Birnam\* đang tiến về Dunsinane. Và hàng thập kỷ liền chỗ dàn nhạc và lô ngòi được hiểu ngầm. Đôi khi tôi nghĩ nghệ thuật dàn dựng hiện đại đã thất bại vì đi quá xa, rằng kịch đã bị...”

“Xong rồi, ngài Drury.” Quacey thúc vào hai cẳng chân của người kịch sĩ. Lane mở mắt. “Xong rồi, ngài Drury ạ.”

“Thế đấy. Tránh khỏi gương nào, lão tiểu quý.”

Năm phút sau, ngài Drury Lane đứng dậy, giờ đã không còn là ngài Drury Lane cả về trang phục, phong thái, dáng dấp lẫn khí sắc. Ông giờ đã là một người khác từ đầu đến chân. Ông giậm chân bước thình thịch qua phòng và bật ngọn đèn chính lên. Ông đang vận một chiếc áo choàng nhẹ,

đội chiếc mũ phớt mềm trên mái tóc hoa râm đã chải chuốt khác trước. Môi dưới của ông trề ra.

Quacey rút một tràng, hai tay chống nạnh tỏ sự hân hoan vui thích.

“Hãy bảo Dromio tôi đã sẵn sàng. Phần lão cũng sẵn sàng đi thôi.”

Ngay cả giọng điệu của ông cũng đã thay đổi.

# CẢNH 6

Weehawken, New Jersey

Thứ Năm, Ngày 10 Tháng 9

2 Giờ Chiều

Thanh tra Thumm bước ra khỏi chuyến phà cập bến ở Weehawken, ông nhìn quanh quất, gật đầu cộc lốc với một anh cảnh sát New Jersey đang tha thần canh gác gần lối vào con phà *Mohawk* bỏ trống, nhác thấy ông đã rập người thẳng đơ ở tư thế nghiêm chào. Ông rảo bước ngang qua chỗ phòng đợi phà rồi ra đến bên ngoài.

Ông băng qua lối vào bến rải sỏi và bắt đầu leo lên con đồi dốc dẫn từ bến tàu và cầu tàu lên tận đỉnh của kè đá. Dọc đường hí hục leo lên, ô tô ngược chiều ngang qua mặt chạy chậm chậm theo đường dốc xuống; ông ngoái lại và ngắm nhìn phía dưới chỗ mình đang đứng, cả một quang cảnh rộng rãi bao quát cả dòng sông và thành phố với những chóp nhà lô nhô như những ngọn tháp canh bên kia bờ. Thế rồi ông lại leo tiếp.

Lên đến đầu dốc ông tìm đến một anh cảnh sát giao thông và bằng chất giọng nam trung cộc cằn đến lạc nốt của mình ông hỏi thăm đường ra đại lộ. Ông tiếp tục cuộc bộ băng qua lối xe chạy rộng rãi rồi men theo những con phố rợp bóng cổ thụ, cũ buồn, vắng lặng cho đến khi ông ra đến một giao lộ tấp nập chứng tỏ đã là con đường cái lớn ông muốn tìm. Ông rẽ về hướng bắc.

Cuối cùng ông tìm thấy căn nhà nơi ông cần đến, nhà số 2075. Đó là một ngôi nhà khung gỗ nằm khuất giữa một cửa hàng bơ sữa và cửa hàng phụ tùng ô tô. Căn nhà sơn phết bạc màu, rệu rã, ọp ẹp xác xơ qua bao mùa mưa

năng. Trước nhà là một hàng hiên xập xệ kê ba chiếc ghế tựa bập bênh và một chiếc ghế dài lưng lay sập gãy; nơi bậc cửa là tấm thảm lót chân có hàng chữ chào khách đã nhạt nhòa; tấm biển hiệu gắn bên trên một cột hiên ghi dòng chữ nhìn vào phát thương: *Phòng trọ dành cho quý ông*.

Thanh tra Thumm nhìn ngược nhìn xuôi con phố, xoắn thẳng áo ngoài, kéo mũ ôm khít hơn vào đầu rồi đặt chân lên những bậc cấp kẽo kẹt. Ông nhấn vào nút chuông có dán nhãn *Chủ nhà trọ*. Một tiếng reo yếu ớt vọng ra đâu đó từ những chỗ lõm vào của cái tổ ong xác xơ nơi ông đang đứng, theo đó là tiếng dép lê lẹp kẹp vang lên. Cánh cửa khẽ mở vào và từ khe hở thò ra một cái mũi lấm tấm mụn nhọt. “Muốn cái gì?” một giọng phụ nữ câu bản hỏi. Liền theo đó có tiếng người há miệng hít mạnh vào, một tiếng cười rúc lên và cánh cửa bật mở, hiện ra một mụn sồn sồn béo tốt trong bộ đồ mặc nhà bèo xèo nhếch nhác, một quý bà nhan sắc cũng tàn tạ hết như cái cơ ngơi xiêu vẹo của mụn. “Ôi ông cảnh sát! Mời vào, ngài Thumm, vào đi nào! Thật ngại quá, tôi không biết là...” Mụn vừa sung sướng lấp bắp vừa cố nặn bằng được một cái cười duyên, nhưng rốt cục chỉ thành công ở một điệu cười nhe nanh méo xệch. Tránh mình sang bên, khẽ nhún đầu gối cúi chào, miệng vẫn không thôi líu ríu, mụn nhường lối để ngài thanh tra bước vào khu lảng mộ của mình.

“Ôi, thật là ghê nhất đi thôi!” Mụn tán. “Đây nhà báo với mấy ông vác camera sục khắp nhà cả buổi sáng! Tội tôi...”

“Có ai trên ấy không hở bà chủ?” Thumm hỏi.

“Còn ông ấy, ông thanh tra ạ! Ông ấy còn đó, vẩy tàn thuốc lá lung tung lên mấy tấm thảm của tôi,” mụn đàn bà rít lên. “Sáng nay tôi để người ta chụp hình bốn lần... Còn ông có phải đang muốn xem phòng cái ông tội nghiệp ấy không hở sếp?”

“Đưa tôi lên lầu,” Thumm gằn giọng.

“Vâng, thưa sếp!” Mụn đàn bà thô kệch lại nhe nanh làm duyên, dùng hai ngón tay mòn vẹt nhón chiếc váy lê thê cẩu bẩn của mụn rồi bước lạch phạch lên những bậc cầu thang lót thảm mỏng dính. Thumm gằm gừ cất bước

theo sau. Một gã đàn ông tướng như con chó bull đứng ở đầu cầu thang nhìn họ.

“Ai thế, bà Murphy?” Gã vừa hỏi vừa lom lom nhìn xuống chỗ tranh tối tranh sáng.

“Được rồi, đừng ồn thế, là tôi đây,” viên thanh tra gắt. Gã đàn ông tươi lên; gã nhe răng cười. “Hóa ra là ngài. Mừng là đã đến, ngài thanh tra. Ở đây buồn quá.”

“Tối qua giờ có động tĩnh gì không?”

“Chả có gì.”

Gã dẫn trước dọc theo hành lang lâu một đến một gian phòng ở phía sau, mục chủ nhà Murphy lê dép theo sau. Thumm dừng lại trước cánh cửa mở sẵn.

Gian phòng bé nhỏ và nghèo nàn. Trên trần nhà ngả màu đã lộ ra nhiều vết nứt, bốn mặt vách tường thì lấm bần theo thời gian, phủ trên mặt sàn là một tấm thảm đã mòn xơ cả chỉ, đồ đạc cái nào cũng như cái ấy đều sứt sọ tồi tàn, đường ống nước bắt vào giá rửa mặt đã hết sức cũ kỹ, còn tấm rèm chim cò của khung cửa sổ duy nhất trong phòng thì đã qua đi những ngày lòe loẹt vàng son. Thế nhưng khắp phòng lại phảng phất mùi sạch sẽ và xem ra có tay người chăm sóc đàng hoàng. Đồ đạc có một cái giường khung sắt kiểu cổ, một chiếc tủ com một bên cao bên thấp, một chiếc bàn nhỏ mặt đá nặng nề, một cái ghế khung lưới sắt và một tủ tường treo y phục và những thứ mặc phụ của đàn ông.

Viên thanh tra bước vào bên trong và không chần chừ đi ngay đến chỗ chiếc tủ tường rồi mở hai cánh cửa tủ ra. Treo cẩn thận bên trong có ba bộ veston nam đã quá cũ; trên sàn tủ đặt hai đôi giày, một đôi còn khá mới còn đôi kia đã há mõm; ở ngăn trên cùng có một chiếc mũ rơm để bên trong một túi giấy và một chiếc mũ dạ mà vành lụa lót trong đóng ván mồ hôi đã khô. Thumm nhanh nhẹn lục qua các túi của mấy bộ đồ, kiểm tra mấy đôi giày và mấy chiếc mũ, song dường như chẳng tìm thấy gì đáng chú ý. Đôi mày rậm của ông cau lại thành hai chấm đen, chừng như ông thất vọng với sự lục soát của mình, thế rồi ông đóng cửa tủ lại.



“Cậu chắc là tối qua giờ không ai đụng đến thứ gì trong này chứ?” Ông nói khẽ với viên thám tử lúc này đứng bên mộ Murphy ở ngưỡng cửa đang giương mắt nhìn ông.

Viên thám tử lắc đầu, “Khi tôi gát là tôi gát nghiêm túc, thưa ngài thanh tra. Lúc ngài đi sao thì giờ vậy.”

Trên mặt thảm cạnh tủ tường có một chiếc túi xách màu nâu rẻ tiền, một đầu quai bị sút ra rơi thõng xuống. Viên thanh tra mở chiếc túi ra; bên trong rỗng không.

Ông đến chỗ cái tủ com mốt và lục qua các ngăn kéo vừa cứng vừa nặng. Trong tủ để vài bộ đồ lót tuy cũ nhưng sạch sẽ, một chồng khăn tay giặt, rồi chùng nửa tá áo sơ mi kẻ sọc cổ mềm, vài chiếc cà vạt nhàu nát và những chiếc bút tất sạch được cuộn tròn thành búi.

Thumm quay lưng khỏi cái tủ; không khí trong phòng ngột ngạt oi bức dù bên ngoài trời lạnh, ông cầm chiếc khăn tay lụa nhẹ nhàng chấm chấm lên gương mặt đỏ bừng như củ cải đường của mình. Ông đứng ở giữa phòng, dặng chân và cau có nhìn quanh. Rồi ông đến chỗ chiếc bàn mặt đá. Ông lờ đi lọ mực, cây bút đã ráo khô và một tập giấy kẻ dòng, nhưng lại cầm lên hộp xì gà Royal Bengal bằng giấy bồi và tò mò xem xét bên trong. Trong hộp chỉ còn lại một điếu xì gà nhũn nhão giữa hai ngón tay của ông. Vết nhăn giữa hai mắt Thumm đã sâu giờ càng sâu hơn, ông đặt hộp thuốc xuống rồi lại kiểm tra gian phòng.

Phía trên giá rửa mặt kê ở góc phòng có một cái kệ, trên đó có nhiều thứ đồ vật vãn. Viên thanh tra rảo bước qua phòng và nhìn vào cái kệ. Đó là một chiếc đồng hồ báo thức móp méo đã hết giầy và đứng hẳn; một bình cách nhiệt cá nhân còn non một phần tư rượu whisky lúa mạch kèm một cái cốc - Thumm bật mở cái nút bần ra hít mạnh một hơi; một bàn chải răng; một hộp đồ cạo râu bằng sắt đã mờ xỉn và vài thứ đồ vệ sinh thông thường khác; có một lọ nhỏ đựng thuốc aspirin; một gạt tàn bằng đồng đã cũ... Viên thanh tra nhặt từ gạt tàn ra một mẫu vụn xì gà hút rồi, kiểm tra miếng nhãn tem nham nhở lẫn giữa đám tàn thuốc. Đó là nhãn của xì gà Cremos. Thumm trầm ngâm đi qua đi lại.

Đôi mắt ti hí gian tà của mẹ Murphy nhìn theo Thumm đầy chăm chú đến mê mẩn. Bỗng mẹ cất giọng nghệt mũi nói. “Thông cảm phòng ốc bừa bộn nhé, ông thanh tra. Cái ông đây không chịu để tôi thu dọn gì cả.”

“Được rồi, được rồi,” Thumm nói. Ông chợt dừng lại đưa ánh mắt thoáng chút quan tâm nhìn bà chủ nhà, “À này bà Murphy, Wood có bao giờ có đàn bà con gái nào ghé đây tìm ông ấy không thế?”

Mẹ Murphy khịt mũi vênh chiếc cằm ngổn ngang mụn nhọt lên. “Ông thanh tra, ông mà không phải cảnh sát tôi đã bộp cho một phát rồi đấy, nói ông biết! Đây là nhà trọ đứng đắn ai cũng biết nhá. Khách đến trọ là tôi bảo ngay. ‘Không bõ không bịch gì nhá’, tôi bảo thế, nhẹ nhàng mà nghiêm. Nhà bà Murphy là không có chuyện tào lao hay trò nỡm gì sắt!”

“À há.” Thumm ngồi xuống chiếc ghế độc nhất trong phòng. “VẬY là không có đàn bà đến đây... Hà, thế người thân? Có chị hay em gái gì đó có thể từng ghé đây không?”

“Á à,” mẹ Murphy trả lời điệu đà, “đàn ông có chị có em thì được, đúng không. Có vài người thuê trọ đây có chị em đến thăm, còn có cả cô dì hay chị em họ nữa ấy chứ, nhưng ông Wood đây thì chắc là không. Ông không biết chứ, ông Wood đây là khách trọ hàng sao của tôi đấy. Ở trọ nhà tôi đã năm năm mà chưa hề gây ồn một tiếng. Rất ít lời, rất lịch sự, thật là quý ông chính cống! Chả hề có ai qua lại, ít ra là tôi thấy thế. Nhưng mà tôi ít khi gặp ông; ông ấy đi làm trên xe điện ở New York từ chiều đến tận khuya. Dĩ nhiên ở đây tôi không kinh doanh nhà trọ ăn uống tại chỗ, khách trọ của tôi phải ăn ngoài, nên tôi chả biết chuyện ông ấy ăn uống ra sao. Nhưng mà nói có trời, ông ấy trả tiền tôi đều đều, không làm rộn, không say xỉn, có khi còn không biết ông đang ở trong phòng hay không nữa, gần đến mức vậy đó. Tôi...”

Nhưng thanh tra Thumm đã đứng lên quay lưng lại. Mẹ ngừng bật dờ chừng, hàng mi ếch của mẹ hấp háy liên hồi, mẹ lừ mắt, khịt mũi rồi quày quả qua mặt viên thám tử ra khỏi phòng.

“Con mẹ mèo cái này mới thật là,” gã thám tử tựa thanh cửa nhận xét. “Ai còn lạ gì mấy cái nhà trọ có em, chị, dì, cô lui tới chớ.” Gã vừa nói vừa

cười hèn hếch.

Nhưng Thumm không để ý. Ông đang đo sà bằng bước chân, chậm chậm, dùng một chân dò dẫm dọc theo tấm thảm xơ xác. Mặt sà hơi bị nâng lên ở một chỗ gần đường viền tấm thảm dường như khiến ông chú ý; ông liền lật ngược tấm thảm, chỉ là một mảng ván gỗ bị cong vênh. Đến chỗ chiếc giường thì ông hơi lưỡng lự; nhưng rồi cũng nặng nề quỳ thụp xuống bò vào bên trong; hai tay mò mẫm quờ quạng như một anh mù. Viên thám tử cất tiếng: “Đây sếp, để tôi giúp cho,” nhưng Thumm không trả lời; ông giật giật tấm thảm. Viên thám tử toài mình nằm xuống dùng đèn pin bỏ túi rơi dưới giường. Thumm nói khẽ bằng giọng đặc thẳng: “Đây rồi?” Viên thám tử lật tấm thảm và Thumm vồ lên một cuốn sổ mỏng có bìa màu vàng. Hai gã đàn ông từ dưới giường lồm ngồm chui ra ngoài, ai nấy mặt mày phờ phạc, hơi thở khò khè và phủ bụi bám đầy quần áo.

“Số tiết kiệm hử sếp?”

Viên thanh tra không trả lời, ông còn đang lật nhanh qua từng trang. Cuốn sổ sao kê rất nhiều khoản tiền nhỏ lẻ gửi vào một tài khoản tiết kiệm đã nhiều năm; không hề có khoản tiền nào rút ra; không có khoản tiền gửi vào nào nhiều quá mười đô la; đa số là năm đô la; lần cuối mục tiền gửi vào cho thấy số dư là chín trăm bốn mươi lăm đô la và sáu mươi ba xen. Kẹp ở giữa bên trong cuốn sổ là tờ bạc năm đô la được xếp gọn gàng, rõ ràng là khoản tiền Charles Wood chưa kịp gửi vào thì đã chết.

Thumm nhét cuốn sổ vào túi rồi quay sang viên thám tử. “Chứng nào cậu hết trực?”

“Tám tiếng chuông, ấy là lúc được xả hơi.”

“Nghe đây.” Thumm nghiêm giọng. “Ngày mai khoảng hai giờ ba mươi gọi tôi tại trụ sở. Nhắc là tôi có việc đặc biệt để cậu làm ở đây. Rõ chưa?”

“Rõ rồi sếp. Gọi điện 2 giờ 30 để nhận lệnh.”

Thanh tra Thumm rảo bước ra khỏi gian phòng, bước xuống chiếc cầu thang mà cứ một bậc dẫm lên là kêu eng éc như mấy con lợn thịt bị chọc tiết, rồi ra khỏi nhà. Mụ Murphy đang hùng hục quét hiên. Mụ lẳng mình

tránh đường cho ông với chiếc mũi mụn nhọt khịt khịt đầy cảm phần trong đám bụi mù.

Đứng trên vỉa hè Thumm đọc tờ bìa của cuốn sổ tiết kiệm, đưa mắt nhìn quanh rồi băng qua đại lộ đi về hướng nam. Qua ba dãy phố thì ông thấy tòa nhà mình cần tìm - một ngân hàng thương mại nhỏ bên ngoài ốp đá đầy vẻ khoa trương. Viên thanh tra bước vào và đến bên lồng sắt quầy thu ngân được đánh dấu S đến Z. Viên thu ngân là một gã luống tuổi đưa mắt nhìn lên.

“Ông là người thường trực ở ô này à?” Thumm hỏi.

“Đúng đấy thưa ngài, tôi có thể giúp gì không nào?”

“Chắc ông có đọc tin về vụ án mạng của một người tên Charles Wood, làm nghề bán vé trên xe điện, người sống ở vùng này?” Viên thu ngân gật đầu ngay. “Là vậy, tôi là thanh tra Thumm ở Đội Hình sự bên kia sông, phụ trách vụ án này.”

“Ô!” Viên thu ngân ra điều ngưỡng mộ. “Wood là khách gửi tiền ở đây thưa ngài thanh tra. Ông định hỏi thế đúng không, tôi thấy hình ông ấy trên báo sáng nay.”

Thumm lấy từ trong túi cuốn sổ tiết kiệm của Wood. “Thế này nhé, ngài... ” ông liếc tấm bảng tên bằng sắt trong khung cửa sổ bịt lưới, “ngài Ashley, ông ngồi quầy này bao lâu rồi?”

“Tám năm.

“Wood là khách quen thường xuyên?”

“Đúng, thưa ông.”

“Tôi nhìn sổ tiết kiệm này thấy ông ấy gửi tiền mỗi tuần một lần, ngày gửi trong tuần không cố định, nhưng chắc ông có thể kể tôi những gì mình nhớ về chuyện giao dịch ngân hàng của ông ấy ở đây chứ?”

“Chả có gì nhiều để nói đâu thưa ngài thanh tra. Như ông vừa bảo đấy, ông Wood đến đây đều đặn mỗi tuần một lần không sót tuần nào, tôi nhớ vậy. Ông ấy gần như đến vào cùng giờ, tầm một rưỡi hoặc hai giờ chiều, đọc bài trên báo tôi đoán đấy là lúc ông ấy vừa từ bên New York hết ca về nhà.”

Thanh tra Thumm nhíu mày. “Ông nhớ thử xem, có phải ông ấy luôn đích thân gửi tiền cho mình? Tôi rất chú ý chỗ này. Ông ấy luôn một mình hả?”

“Tôi không thể nhớ ra có bao giờ ông ấy đi cùng ai chưa.”

“Cảm ơn.”

Thumm rời ngân hàng và lần bước dọc theo đại lộ trở lại chỗ có ngôi nhà cho thuê trọ của mục Murphy. Cách tiệm bơ sữa ba căn có một cửa hiệu văn phòng phẩm, Thumm bước vào.

Chủ hiệu là một ông cụ già ngái ngủ lừ đừ bước ra.

“Bác có biết ông Charles Wood sống ở nhà mục Murphy trên kia và đã bị sát hại tối qua trên phà không?”

Ông già nhanh nhẩu chớp mắt. “Ồ, có, có! Ông ấy là khách hàng của tôi. Ông ấy mua xì gà và giấy ở đây.”

“Ông ấy mua xì gà gì thế?”

“Cremos. Royal Bengals. Chủ yếu hai thứ đó.”

“Thế bao lâu ông ấy đến đây một lần?”

“Gần như hàng ngày sau giờ trưa, trước khi đi làm.”

“Hầu như hàng ngày hả? Có khi nào thấy ông ấy đi cùng ai chẳng?”

“À không! Ông ấy luôn một mình.”

“Thế ông ấy cũng mua bút mực ở đây chứ?”

“Đúng, lâu lâu một lần, ít giấy với mực.”

Thumm bắt đầu cài cúc áo khoác, “Ông ấy lui tới đây bao lâu rồi?”

Lão chủ hiệu gãi gãi cái đầu bạc đã lâu không gội của mình. “Bốn hay năm năm gì đó. Mà này, bộ ông là nhà báo hả?”

Nhưng Thumm chỉ lẳng lặng bước ra. Ông dừng lại một lát trên vỉa hè, nhắc thấy một cửa hàng bán đồ lót nam cách chừng vài cánh cửa đi, ông đi nhanh đến và bước vào. Điều ông tìm hiểu được chỉ là Wood lâu thật lâu mới ghé đây một lần mua vài thứ đồ lót. Không, bao giờ Wood cũng đến một mình.

Viên thanh tra bước ra, nếp nhăn trên mặt càng lúc càng sâu hơn bao giờ hết. Ông lần lượt tìm đến một cơ sở dịch vụ làm sạch và nhuộm thảm, một quầy sửa giày, một hiệu giày, một quán ăn và một hiệu thuốc trong vùng. Người đứng quầy ai nấy đều bảo ông ta đã nhiều năm nay là khách hàng mua ít nhưng đều, nhưng chưa hề đi chung với ai, đến cả ở quán ăn cũng thế.

Tại hiệu thuốc Thumm đã hỏi thêm vài điều: người bán thuốc trả lời không nhớ đã bao giờ bán thuốc theo toa cho Wood lần nào chưa, nói thêm rằng nếu đau ốm hay được thầy thuốc kê toa chắc Wood đã mua luôn bên New York. Theo yêu cầu của Thumm, người bán thuốc đã viết hẳn ra một bản danh sách mười một phòng mạch trong vùng và cả ba phòng nha nữa, tất cả chỉ quanh quẩn trong vòng năm dặm phố trở lại. Viên thanh tra lần lượt đến từng nơi. Ở mỗi phòng mạch bác sĩ ông đều xưng cùng mục đích và hỏi cùng câu hỏi. “Chắc ông đọc tin rằng một người tên là Charles Wood, người bán vé trên xe Crosstown phố Thứ Bốn Mười Hai, đã bị ám sát đêm qua tại phà Weehawken. Ông ấy sống ở khu này. Còn tôi đây là thanh tra Thumm, tôi đang điều tra nhân thân của ông ấy, đang cố tìm ai đó biết đôi điều về cuộc sống riêng của ông ta, có bạn bè, khách khứa gì lui tới không. Wood có bao giờ đến chỗ ông khám chữa bệnh gì không, hoặc giả có khi nào ông được mời đến thăm bệnh tại chỗ nhà trọ khi ông ấy ốm hay không?”

Bốn vị thầy thuốc chưa đọc gì về tin án mạng mà cũng không quen biết gì người đàn ông này, đến cả cái tên cũng chưa từng nghe qua. Bảy vị khác thì có đọc báo nhưng chưa hề chữa gì cho Wood mà cũng chẳng biết gì về ông ta.

Nghiến răng nghiến lợi, viên thanh tra đáng kính lại làm một vòng mới với ba nha sĩ trong danh sách của ông. Ở trường hợp đầu tiên, trong nỗi bức dọc càng lúc càng tăng, ông bị buộc phải đợi đến ba mươi lăm phút mới có thể gặp được vị bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình răng; và đến khi Thumm rốt cuộc cũng dồn được gã nha sĩ khốn kiếp này vào thế cực chẳng đã bên trong phòng răng của mình, gã lại nhất định từ chối trả lời câu hỏi trừ phi

ông khách viếng trình giấy chứng nhận cho gã xem trước. Ánh sáng hy vọng le lói trong mắt, Thumm nghiêm người gầm lên buộc gã phải tuân lời. Ánh sáng hy vọng lại tắt phụt khi toàn bộ những gì gã đàn ông rút cuộc miễn cưỡng phun ra lại cho thấy gã hoàn toàn không quen biết gì Charles Wood.

Không ai trong hai vị nha sĩ còn lại nghe thấy thậm chí đến cả cái tên của người đã chết.

Thở dài, thanh tra Thumm lê gót trở lại lối xe chạy rộng rãi ở đỉnh đồi, men xuống theo con dốc quanh co xuôi về bến, rồi lên phà trở lại New York bên kia bờ.

## NEW YORK

Vào đến trung tâm thành phố, thanh tra Thumm đi ngay đến khu văn phòng hành chính của Hệ thống đường sắt đại lộ Thứ Ba. Ông lầm lũi chen chân qua dòng xe cộ ngược xuôi với vẻ lơ đãng xuất thần in rõ trên bộ mặt xấu xí của mình.

Bên trong tòa nhà bề thế là nơi đặt Phòng nhân sự, ông hỏi thăm chỗ Giám đốc nhân sự và được dẫn đến một văn phòng lớn. Giám đốc nhân sự là một gã trông vẻ khắc khổ, gương mặt hằn vào sâu hoắm những nếp nhăn âu lo sầu não. Gã vừa hồi hải bước tới vừa chìa thẳng tay ra. “Thanh tra Thumm ạ?” gã hỏi bằng giọng mau mắn. Thumm gầm gừ. “Ngồi xuống đã nào, ngài thanh tra.” Viên giám đốc đẩy tới một chiếc ghế bành kín bụi và lịch sự ấn Thumm ngồi xuống. “Tôi đoán ngài đến về vụ Charley Wood đúng không? Tồi tệ quá. Ôi, tồi tệ quá.” Gã ngồi xuống phía sau bàn làm việc rồi xén đầu một điếu xì gà.

Thumm lạnh lùng nhìn gã dò xét. “Đang điều tra về người chết,” Thumm càu nhàu.

“Được, được. Kinh khủng quá. Không hiểu nổi - Charley Wood là một trong số nhân viên tốt nhất của tôi đấy: ít lời, đứng đắn, đáng tin - một nhân viên hoàn hảo.”



“Thế ông ấy không bao giờ làm gì rắc rối, hả ngài Klopff?”

Viên giám đốc ngã người về phía trước tỏ vẻ nghiêm trang. “Để tôi kể ngài biết, ngài thanh tra. Người đàn ông này là một hòn ngọc quý. Không bao giờ say xỉn đang lúc làm việc, văn phòng đây mọi người đều quý ông ấy - báo cáo thì chín chu rõ ràng, là một người đáng trân trọng ở đây - thực ra ông ấy xứng đáng ở vị trí cao hơn kia. Chức danh kiểm định viên cho năm năm phục vụ xuất sắc. Đúng thế, thưa ngài!”

“Tiểu Huân tước Fauntleroy đáng mến, phải thế không, ngài Klopff?”

“Tôi không nói thế, không phải thế, thanh tra Thumm,” Klopff vội đỡ lời. “Mà ý tôi đây là, chúng tôi có thể tin cậy ông ấy. Ngài cần một tờ chứng chỉ hạnh kiểm chứ gì? Từ hồi nhận việc đến giờ ông bạn tội nghiệp này đi làm từng ngày một. Ông ấy lo mình không hoàn thành nhiệm vụ, để tôi kể ngài hay! Phần chúng tôi cũng tạo mọi điều kiện cho ông ấy. Đây cũng là phương châm công ty chúng tôi, thưa ngài thanh tra. Khi một nhân viên thể hiện mình muốn tấn tới, chúng tôi sẽ thúc đẩy ông ấy tấn tới.”

Thumm gặm gừ.

“Để tôi kể ngài hay, ngài thanh tra. Ông ấy không bao giờ nghỉ ngơi khi làm việc, không bao giờ nghỉ phép, luôn thích làm việc cả vào thời gian nghỉ phép và hưởng gấp đôi. Biết sao không, ở đây cứ nhân viên lái xe và nhân viên bán vé hễ gặp chúng tôi là xin tạm ứng. Nhưng Charley Wood ấy à? Không đời nào, ngài thanh tra ạ, không đời nào! Chỉ để dành tiền thôi, có lần ông ấy khoe với tôi cuốn sổ tiết kiệm của ông ấy.”

“Ông ấy làm việc cho công ty đây bao lâu rồi?”

“Năm năm. Đây, để tôi xem lại.” Klopff nhảy lên chạy ra cửa, gã thò đầu ra ngoài gào toáng lên: “Nè John! Mang cho tôi cái tờ hồ sơ của Charley Wood coi!”

Thoáng chốc gã quay lại bàn làm việc, trên tay là một tờ giấy dài thượt. Thumm nghiêng người chống khuỷu tay xuống bàn rồi đọc tờ giấy. “Ngài thấy đấy,” Klopff vừa nói vừa chỉ trỏ, “ông ấy bắt đầu làm với chúng tôi cách đây hơn năm năm một tí, bắt đầu với tuyến đại lộ Thứ Ba bên Bờ Đông, đã được chuyển sang tuyến Crosstown cùng với Pat Guinness, nhân



viên lái xe cách đây ba năm rưỡi theo nguyện vọng của chính ông ấy, do sống bên Weehawken và muốn làm trên một tuyến thuận tiện hơn. Thấy chứ? Không bị một vết đen nào!”

Thumm ra chiều tư lự. “Này nhé, Klopff, thế cuộc sống riêng tư của ông ấy thế nào? Ông có biết gì việc đó chẳng? Bạn bè, người thân, chiến hữu chẳng hạn?”

Klopff lắc đầu: “À, chắc là tôi không biết gì nhiều chuyện đó, nhưng về những điều tôi nghe thì tôi không nghĩ vậy. Ông ấy hòa nhã với đồng nghiệp nhưng không hề giao du chề chén gì với ai, là theo chỗ tôi biết vậy. Tôi đoán cái thứ gần nhất với khái niệm gọi là bạn mà ông ấy có chắc là Pat Guinness. Đây, chờ tí.” Gã lật tờ hồ sơ. “Thấy chỗ đó chứ? Thông tin lúc xin vào làm việc của ông ấy: Người thân không có. Tôi đoán chỗ này có thể trả lời cho câu hỏi, thưa ngài thanh tra.”

“Giá mà tôi có thể chắc được,” Thumm nói khẽ.

“Biết đâu Guinness...”

“Không sao, nếu cần tự tôi sẽ tìm gặp Guinness.” Thumm cầm chiếc mũ phớt của mình lên. “Thế nhé, tôi đoán chuyện đến đây thế thôi. Cảm ơn ông bạn.”

Viên quản lý nhân sự bắt tay Thumm đẩy về thân tình, theo tiễn ông ra văn phòng đến tận bên ngoài tòa nhà, luôn mồm hứa hẹn sẵn sàng hợp tác này nọ. Thumm đột ngột cắt lời gã, gật đầu tạm biệt rồi rẽ ở góc đường.

Ông đứng đấy như đợi một người nào đó, chốc chốc lại đưa mắt nhìn đồng hồ. Mười phút sau một chiếc Limousine Lincoln màu đen dài ngoằng có màn che cửa sổ tấp vào lề chỗ ông đứng. Ngồi ở tay lái là một thanh niên gầy gò trong bộ chế phục có vẻ mặt tươi cười. Anh ta đạp phanh thắng gấp, nhảy khỏi xe, mở cửa sau rồi đứng tránh sang bên, miệng vẫn không thôi tươi cười vui vẻ. Thanh tra Thumm liếc mắt nhìn ngược nhìn xuôi con phố thật nhanh rồi leo vào xe. Thu lu ở một góc, trông giống lão thần lùn giữ của hơn bao giờ hết, là lão già Quacey đang ngủ gà ngủ gật hiền từ.

Người tài xế đóng sập cửa, tót vào chỗ của mình và chiếc xe thông thả hòa mình vào dòng xe xuôi ngược. Quacey mở mắt, bất chợt tỉnh giấc. Lão

thấy thanh tra Thumm, một thanh tra Thumm trầm tư mặc tưởng, ngồi lặng lẽ im lìm cạnh lão. Bộ mặt hết như đầu pho tượng máng xối của Quacey bỗng cất tiếng cười, rồi lão khom xuống mở một ngăn chứa gắn chìm dưới sàn xe. Lão ngồi thẳng người, hơi đỏ mặt, hai tay ôm một chiếc hộp sắt lớn, mặt trong của nắp hộp là một tấm gương soi.

Thanh tra Thumm lắc đôi vai rộng. “Một ngày làm việc tốt đẹp, Quacey ạ, hết mọi thứ đều được xem xét,” ông nói.

Rồi ông tháo mũ, cho tay vào hộp, khoảng tìm rồi lôi ra vật gì đấy. Ông bắt đầu hăm hờ trát lên mặt một lớp kem sền sệt. Quacey tay giữ tấm gương soi trước mặt ông, tay kia đưa ra một tấm khăn mềm. Viên thanh tra dùng chiếc khăn kỳ cọ gương mặt sáng bóng của mình; và lạ kìa! Khi chiếc khăn hạ xuống thì thanh tra Thumm cũng biến mất, gần như biến mất vì những mảnh vụn lấm tấm của một thứ trông như bả trít vẫn còn bám trên mặt, song lớp hóa trang đã được tẩy xóa đủ để lộ ra diện mạo trơn mượt, thanh tú và tươi cười của ngài Drury Lane.

# CẢNH 7

Tư Gia Dewitt Ở Tây Englewood

Thứ Sáu, Ngày 11 Tháng 9

10 Giờ Sáng

Sáng thứ Sáu mặt trời mới hạ cố ló ra, và chiếc Limousine Lincoln đen dài đều đều lăn bánh trên con đường trong khu dân cư vắng lặng, hai bên đường là hàng dương với những chiếc lá đang hân hoan vươn mình đón những tia nắng vàng tươi.

Ngài Drury Lane quan sát khu Tây Englewood qua cửa sổ xe, rồi bảo Quacey rằng, ít ra là những khu khá giả đã không mắc sai lầm về mặt kiến trúc xây dựng như mẫu hình quy hoạch. Mỗi ngôi nhà đều tọa lạc trên khu đất thoáng đãng, kết cấu mỗi nhà đều có nét riêng. Quacey thờ ơ nhận xét rằng lão vẫn thích điền trang Hamlet hơn nhiều.

Xe dừng lại trước một dinh cơ nhỏ được chăm sóc gọn gàng đẹp mắt, vườn cỏ rộng bao quanh ngôi nhà sơn trắng kiểu Colonial\* với mái dốc và nhiều cổng vòm. Trong chiếc áo choàng thụng và chiếc mũ đen quen thuộc, trên tay cầm cây gậy mạn gai, Lane bước xuống xe và gật đầu ra hiệu cho Quacey.

“Lão ấy ạ?” Quacey hơi ngỡ ngàng, thậm chí hoảng lên. Chiếc tạp dề da quen thuộc của lão đã bị tịch thu khiến lão như bị tước mất đi vẻ điềm tĩnh thường ngày. Lão đội một chiếc mũ quả dưa, mình khoác chiếc áo choàng đen nhỏ bé cổ bằng vải nhung, chân mang đôi giày mới tinh sáng loáng và khít khao đến độ muốn nghiền cả vào ngón chân của lão, bằng chứng là lúc

nhảy lên vĩa hè lão đã phải nhăn mặt lại. Vừa rên rỉ, lão vừa nôi gót theo Lane đi lên chiếc cổng xây.

Một lão già cao lớn mặc chế phục ra tiếp đón rồi dẫn họ đi qua những hành lang sáng sủa dẫn đến một phòng khách rộng bài trí theo phong cách Colonial cực kỳ tinh tế và đúng điệu.

Lane ngồi xuống, Quacey đứng sau lưng ông và đưa mắt nhìn quanh với vẻ khen ngợi. “Tôi là Drury Lane,” ông xưng tên với người quản gia. “Cho hỏi có ai ở nhà không nhỉ?”

“Không, không ai cả thưa ngài. Ngài DeWitt đang trong thành phố, tiểu thư DeWitt đang ra ngoài mua sắm còn phu nhân DeWitt thì đang bận...” lão ho lên, “thoa bùn đắp mặt, tôi tin là người ta gọi thế, thưa ngài. Vậy nên...”

“Tôi lấy làm hân hạnh.” Drury Lane rộng miệng cười. “Thế bác đây là...?”

“Jorgens, thưa ngài. Người nô bộc già nhất của ngài DeWitt.”

Lane ngả người vào chiếc ghế thấp bằng gỗ song thưa. “Đúng người rồi, Jorgens. Tôi nợ bác một lời giải thích đấy.”

“Tôi sao, thưa ngài?”

“Ngài Bruno là công tố viên phụ trách vụ án Longstreet, vụ này bác biết rồi, đã tử tế cho phép tôi hành động theo tư cách một nhà điều tra độc lập. Tôi...”

Lão không còn vẻ gượng gạo. “Xin thứ lỗi, thưa ngài. Ngài không cần phải giải thích với tôi. Nếu tôi có thể nói thế, ngài Drury Lane là...”

“Vâng, vâng,” Lane thoáng tỏ vẻ sốt ruột. “Cảm ơn sự nhiệt tình của bác, Jorgens. Nào, xin có vài câu hỏi, và mong được bác trả lời chính xác. Ngài DeWitt...”

Jorgens đờ người ra, mặt đanh lại hết cả nhiệt tình. “Nếu là bất cứ điều gì không phải với ngài DeWitt, thưa ngài...”

“Khá lắm, Jorgens. Khá lắm.” Lane chăm chú nhìn ông lão bằng ánh mắt sắc sảo. “Và một lần nữa, hoan hô. Lòng trung của bác quả đáng khen. Lẽ

ra tôi nên nói để bác yên tâm rằng chính vì lợi ích tốt nhất của ngài DeWitt mà tôi đến đây.” Jorgens cho phép đôi môi hơi thâm của mình nở một nụ cười nhẹ nhõm. “Tiếp tục nhé. Ngài DeWitt bị dây vào vụ án mạng đáng tiếc của ngài Longstreet do mối quan hệ gần gũi giữa ngài ấy với người đã khuất. Tôi linh tính rằng nếu khai thác mối quan hệ này có thể mang đến những thông tin có ích cho việc tìm ra kẻ đã gây án mạng, tôi xin hỏi Longstreet có thường xuyên ghé đây không nhỉ?”

“Không, thưa ngài. Rất hiếm khi, thưa ngài.”

“Thế vì sao vậy hở Jorgens?”

“Thật tình tôi không rõ, thưa ngài. Song tiểu thư DeWitt không thích ngài Longstreet, và ngài DeWitt - à thì, thưa ngài, ngài DeWitt chừng như không thoải mái với sự hiện diện của ngài Longstreet ngài hiểu ý tôi muốn...”

“Ồ, hoàn toàn. Thế còn phu nhân DeWitt?”

Vị quản gia ngập ngừng. “À, thưa ngài...”

“Ngài có điều không tiện nói?”

“Tôi có điều không tiện nói, thưa ngài.”

“Lần thứ tư - xin hoan hô... Quacey, ngồi xuống nào. Lão sẽ mệt đấy, ông bạn già ạ.” Quacey ngồi xuống bên cạnh chủ nhân. “Nào, Jorgens. Bác giúp việc cho ngài DeWitt đã bao lâu rồi nhỉ?”

“Hơn mười một năm nay rồi, thưa ngài.”

“Thế bác có nghĩ rằng ngài DeWitt là mẫu người dễ làm bạn chẳng - là người dễ kết giao ấy?”

“À... không, thưa ngài. Tôi cho rằng người bạn thực sự duy nhất của ngài ấy là ngài Ahearn mà thôi. Ngài ấy sống gần đây. Dù ngài DeWitt là một người thực sự rất dễ chịu, thưa ngài, khi ngài biết rõ về ngài ấy.”

“Thế *ménage\** này ít khi lưu khách ở lại nhỉ?”

“Không thường xuyên lắm, thưa ngài. Dĩ nhiên đang có ngài Imperiale ở đây nhưng ngài ấy cũng thuộc hàng bằng hữu đặc biệt; ngài ấy nhiều năm

nay đã ghé đến đây ở lại ba hay bốn lần gì rồi. Ngoài ra thì ngài DeWitt giao du với rất ít khách khứa.”

“Bác bảo là ‘rất ít’ sao, thế mà tôi nghe nói có vài người thi thoảng lưu lại đây, họ là khách hàng, có lẽ vậy - là bạn làm ăn à?”

“Vâng, thưa ngài. Nhưng số đó cũng không nhiều và chỉ năm thì mười họa mà thôi, thưa ngài. Chẳng hạn vừa rồi có một quý ông là doanh nhân đến từ Nam Mỹ ở lại đây.”

Drury Lane lộ vẻ trầm ngâm. “Vừa rồi là bao lâu?”

“Ông ấy ở đây chừng một tháng, thưa ngài, và đã ra đi cách đây khoảng một tháng.”

“Trước đó có bao giờ ông ấy ghé đây không nhỉ?”

“Theo trí nhớ của tôi thì không, thưa ngài.”

“Bác bảo Nam Mỹ à, là vùng nào ở Nam Mỹ thế?”

“Tôi không rõ, thưa ngài,”

“Chính xác thì ông ấy ra đi lúc nào vậy?”

“Tôi nhớ là vào ngày mười bốn tháng tám, thưa ngài.”

Lane im lặng giây lát. Khi cất lời lại ông nói chậm rãi, bằng giọng điệu đầy quan tâm chú ý. “Bác thử nhớ xem liệu ngài Longstreet có lui tới vào thời gian vị khách Nam Mỹ ấy đang lưu lại đây không?”

Jorgens đáp ngay: “Có chứ, thưa ngài. Thường xuyên hơn mọi khi rất nhiều đấy ạ. Có một tối ngay sau hôm ngài Maquinchao đến đây - Felipe Maquinchao là tên của vị khách ấy, thưa ngài - ngài DeWitt, ngài Longstreet với ngài Maquinchao đã ở riêng cùng nhau trong phòng đọc sách mãi đến quá nửa đêm.”

“Dĩ nhiên bác đâu biết họ trò chuyện những gì với nhau đúng không?”

Jorgens lộ vẻ hốt hoảng, “Ồ, không hề, thưa ngài!”

“Cố nhiên là không rồi. Tôi hỏi ngớ ngẩn thế thôi,” Drury Lane hạ giọng. “Felipe Maquinchao, cái tên hơi lạ tai, ông ấy thế nào nhỉ, Jorgens, bác thử mô tả ông ấy xem?”

Viên quân gia hăng giọng bằng cái cổ già nua của mình. “Ông ấy là người ngoại quốc, thưa ngài, trông như người Tây Ban Nha thì phải, dáng người to cao và ngăm đen, để ria con kiến đen nhánh như kiểu nhà binh. Nước da của ông ấy rất đậm màu, tôi thấy thế - gần như là một người da màu hoặc người Anh-điêng vậy. Ông ấy cũng là mẫu quý ông khác thường nữa. Ông ta không hay nói mà cũng không ở nhà nhiều. Chỉ thi thoảng ông ấy mới dùng cơm với gia đình chủ, và không có vẻ gì dễ gần, có thể nói vậy. Có hôm mãi tận bốn hoặc năm giờ sáng mới thấy ông ấy trở về, thậm chí có hôm chả thấy.”

Lane mỉm cười. “Thế ngài DeWitt có tỏ ý thế nào về sinh hoạt khác thường của vị khách khác thường này chẳng, Jorgens?”

Jorgens chùng như lúng túng. “Sao ạ, ngài DeWitt xem chuyện đi về của ngài Maquinchao như chuyện tất nhiên, thưa ngài.”

“Thế bác còn biết gì khác về ông ấy không?”

“À, thưa ngài, ông ấy nói tiếng Anh bằng giọng Tây Ban Nha và ông ấy mang theo rất ít hành lý, chỉ một chiếc vali lớn thế thôi. Ông ấy thường xuyên kín đáo bàn bạc gì đó với ngài DeWitt, thi thoảng với cả ngài DeWitt và ngài Longstreet vào buổi tối. Đôi lúc nếu có khách khứa nào khác ghé chơi buổi tối thì ngài DeWitt cũng chỉ giới thiệu ông ấy ở mức - à - xã giao cần thiết mà thôi. Đây là những gì lão biết, thưa ngài.”

“Thế ngài Ahearn có vẻ biết đến ông ấy chẳng?”

“Ô, không, thưa ngài.”

“Còn ngài Imperiale?”

“Thời gian ấy ngài Imperiale không có đây. Sau khi ngài Maquinchao ra đi ít lâu ngài ấy mới đến.”

“Thế sau khi rời khỏi đây bác biết vị khách Nam Mỹ ấy đi đâu chẳng?”

“Không, thưa ngài. Ông ấy tự mang lấy hành lý của mình, thưa ngài. Trừ ngài DeWitt tôi nghĩ chả ai trong nhà này biết về ông ấy bằng tôi đâu, thưa ngài. Kể cả tiểu thư DeWitt hay phu nhân DeWitt cũng vậy.”

“À này, Jorgens, làm sao bác biết ông ấy là người Nam Mỹ thế?”

Jorgens đưa bàn tay nhăn nheo như tấm giấy che miệng ho húng hắng. “Phu nhân DeWitt có lần hỏi ngài DeWitt gặp lúc tôi đang quanh đây, thưa ngài, và ngài DeWitt bảo vậy.”

Drury Lane gật đầu rồi nhắm mắt lại. Thế rồi ông mở mắt và hỏi rành mạch: “Bác nhớ lại xem mấy năm gần đây còn có vị khách nào từ Nam Mỹ đến không?”

“Không, thưa ngài. Ngài Maquinchao là quý ông Tây Ban Nha duy nhất chúng tôi từng tiếp đón ở đây.”

“Tốt lắm, Jorgens. Tôi thực sự lấy làm hài lòng với bác. Giờ nhờ bác gọi điện thoại cho ngài DeWitt, nói rằng ngài Drury Lane ở đây khẩn thiết đề nghị một cuộc hẹn ăn trưa vào hôm nay nhé.”

“Vâng, thưa ngài.” Jorgens đến bên một chiếc đôn, thông thả quay số rồi, sau một lát, xin gặp nhà môi giới. “Ngài DeWitt ạ? Là Jorgens, thưa ngài... vâng, thưa ngài. Ngài Drury Lane đang ở đây, thưa ngài, và đề nghị hẹn ăn trưa với ngài hôm nay. Rất khẩn thiết ạ, thưa ngài... Vâng, thưa ngài. Ngài Drury Lane... Ngài ấy bảo tôi phải báo ngài đây là việc gấp, thưa ngài.

Jorgens bịt ống nói lại. “Tại Câu lạc bộ Chứng khoán trưa nay có tiện chăng, ngài Lane?”

Mắt Lane sáng lên. “Câu lạc bộ Chứng khoán trưa nay là rất tốt, Jorgens.”

Khi họ đã vào bên trong chiếc Limousine đậu bên ngoài, Lane bảo với Quacey lúc này đang khố sở giật giật chiếc cổ áo, “Quacey này, tôi chợt nghĩ tài năng quan sát của lão đã bị phí hoài nhiều năm nay. Lão nghĩ sao nếu tạm biến thành thám tử hả?”

Xe nổ máy và Quacey đã lột được chiếc cổ áo toạc khỏi cái cổ nhăn nheo của lão. “Ngài nói sao cũng được, ngài Drury. Ngay bây giờ cái cổ áo này mới là...”

Lane cười khùng khục sâu trong cổ họng. “Nhiệm vụ của lão chỉ là việc này, tôi đành lấy làm xin lỗi đã giao cho lão một việc nhỏ thôi vậy, xét rằng lão là người mới tập tành nhập cuộc... Chiều nay, đang lúc tôi còn mải bận với những vấn đề cần làm ngay, lão hãy tìm đến tất cả văn phòng lãnh sự



Nam Mỹ tại thành phố New York. Lão hãy cố gắng lân la tìm một quý ngài lãnh sự nào đấy có thể đã từng tiếp xúc với một người tên Felipe Maquinchao, là một người Nam Mỹ, cao, ngăm đen, để ria, có lẽ mang chút Anh-điêng hoặc da đen trong dòng máu của ông ấy. Một Othello\* thực sự đấy, Quacey ạ... Bác phải tùy cơ ứng biến nhé, Quacey. Tôi e mình không thích để thanh tra Thumm hoặc công tố viên Bruno khám phá được hướng đi tôi đang tìm kiếm. *Comprendre\**?”

“Maquinchao,” Quacey rít lên cau có, những ngón tay nâu già cỗi của lão cứ xoắn xít lấy mấy sợi râu. “Nhân danh Ba mụ phù thủy, cái tên này đánh vần thế nào hả trời?”

“Vì,” ngài Drury Lane trầm ngâm nói tiếp, “thanh tra Thumm lẫn công tố viên Bruno đều không nghĩ ra việc thẩm vấn người quản gia của John DeWitt, nên họ không được thông tin gì là đáng lắm.”

“Lão ấy nói quá nhiều,” Quacey gay gắt, theo cách của một người gần như suốt đời chỉ lắng nghe.

“Ngược lại, này lão quý,” ngài Drury Lane lầm bầm, “lão ấy nói quá ít.”

# CẢNH 8

Câu Lạc Bộ Chứng Khoán

Thứ Sáu, Ngày 11 Tháng 9

Buổi Trưa

Ngài Drury Lane bước vào lối cửa chính, điệu bộ tự nhiên như đi dạo. Đây đơn thuần chỉ là việc bước vào bầu không khí bức bí của Câu lạc bộ Chứng khoán trên phố Wall và, *hữu xạ tự nhiên hương\**, không khí chợt trở nên náo nhiệt. Ba người đàn ông ngồi trên ghế dài đang tranh luận sôi nổi về môn đánh golf, chợt chú ý đến dáng điệu của ông, và phần đàm luận về trò chơi xứ Scotland lập tức nhường chỗ cho tiếng xì xào to nhỏ. Đôi mắt một người phục vụ da màu thì tròn xoe lạ lẫm trước hình ảnh chiếc áo choàng không tay. Một nhân viên ngồi sau bàn làm việc lộ vẻ bối rối đến độ đánh rơi cả bút. Tin tức nhanh chóng lan xa trong sự mau lẹ thường thấy ở những lời đồn đại rằng cổ phiếu đang đi vào giai đoạn đầu cơ giá lên.

Người này người kia bắt đầu dạo qua dạo lại, vờ ra vẻ không quan tâm nhưng tò mò lén nhìn qua khe mắt hình dáng đặc biệt của Lane.

Lane thờ dãi chọn một chiếc ghế bành ở phòng ngoài rồi ngồi xuống. Một ông tóc bạc vội bước đến cúi chào thấp hết mức chu vi vòng bụng ông ta cho phép.

“Chúc một ngày tốt lành, ngài Lane, xin chúc một ngày tốt lành.” Lane hơi nhếch mép. “Quả là sự hân hạnh, thưa ngài, tôi là quản lý phục vụ ở đây. Dám hỏi ngài cần gì không, thưa ngài? Có lẽ thử qua một điều xì gà nhé?”

Lane đưa ngón tay làm cử chỉ từ chối. “Không, cảm ơn rất nhiều, ngài quản lý. Cái cổ của tôi, ngài biết đấy.” Chừng như kiểu cách này ông chẳng lạ gì, vì những lời lẽ ấy, dù đơn đả, đều hoàn toàn theo khuôn rập sẵn. “Tôi đợi ngài DeWitt. Ngài ấy đến đây chưa?”

“Ngài DeWitt ư? Tôi không tin ngài ấy đã đến, thưa ngài Lane. Tôi không tin ngài ấy đã.” Giọng điệu viên quản lý ra ý rằng ngài DeWitt đáng bị trách móc nặng nề vì đã để ngài Lane phải chờ đợi. “Trong lúc này tôi sẵn sàng phục vụ mọi yêu cầu, thưa ngài.”

“Cảm ơn sự ân cần của ngài.” Lane ngả người nhắm mắt lại ra ý muốn ở yên một mình. Viên quản lý, trông vẻ rất hãnh diện, lùi lại và đưa tay nắn sửa cà vạt.

Đúng lúc này hình dáng hơi yếu ớt của John DeWitt hấp tấp đi vào phòng ngoài. Gã môi giới trông nhợt nhạt; dáng điệu chừng e sợ, toát lên một sự căng thẳng, áp lực càng lúc càng tăng. Gã giữ vẻ mặt ấy theo sau viên quản lý vẫn đang hớn hờ bước nhanh qua phòng ngoài về phía Lane, bám theo sau là những cái nhìn ghen tị.

“Ngài DeWitt đây, thưa ngài,” Viên quản lý cất tiếng, rồi chừng như hơi sượng sùng vì chả thấy Lane hồi đáp gì. Mãi đến khi DeWitt ra hiệu cho ông ta đi nơi khác, rồi khẽ đụng vào bờ vai rắn chắc của Lane, lúc ấy người diễn viên kịch mới chịu mở mắt. “A, ngài DeWitt đấy ư!” Ông tỏ ra vui mừng rồi bật dậy.

“Ngài Lane, xin lỗi đã để ngài đợi lâu,” DeWitt bối rối cất lời. “Tôi vướng một cuộc hẹn khác, dờ chừng phải hủy bỏ, nên tôi bị chậm trễ ...”

“Không cần nói thêm,” Lane nói rồi cởi chiếc áo choàng. Một người da đen vận đồng phục vội bước đến đón lấy áo choàng, mũ, gậy của Lane và cả áo khoác, mũ của DeWitt bằng động tác thật gọn gàng khéo léo hết một ông thần có phép thuật. Hai người nối gót viên quản lý đi qua phòng ngoài vào phòng ăn của Câu lạc bộ. Người tổ trưởng đội phục vụ bàn chọt tươi tỉnh khác hẳn vẻ lãnh đạm cố hữu thường ngày, vồn vã nở nụ cười và đưa họ đến một góc khuất của phòng ăn theo yêu cầu của DeWitt.

Suốt bữa ăn, DeWitt chỉ nhẩn nha món bít tết phi lê của gã trong lúc Drury Lane chén sảng khoái một khoanh dày thịt bò nướng chín - Lane cố tình tránh không nói đến những vấn đề nghiêm túc. Còn DeWitt nhiều lần cố tìm hiểu mục đích cuộc gặp thì Lane thoái thác: “Bàn luận khi ăn không có lợi cho hệ tiêu hóa,” nói rồi ông kiểm cố lờ đi. DeWitt đành gượng cười và Lane tiếp tục trò chuyện một cách thoải mái, nhẹ nhàng, như rằng lúc này trong trí óc ông không gì quan trọng bằng phương pháp nhai thịt bò Anh sao cho phải cách. Ông thuật lại nhiều kỷ niệm khó quên về những ngày đầu đặt chân lên sàn diễn, câu chuyện của ông thi thoảng chen vào những cái tên lừng danh trong giới kịch sĩ như Otis Skinner, William Faversham, Booth, phu nhân Fiske, Ethel Barrymore; vừa dùng bữa vừa nghe chuyện, vẻ cứng nhắc của DeWitt mềm dần trước lối nói chuyện lưu loát giàu ý tứ của người kịch sĩ già, và gã chợt nhận thấy mình đang lắng nghe thật sự hào hứng. Gã dần thấy bớt căng thẳng, và Lane vẫn cứ thao thao như không hề hay biết gì.

Sang lúc dùng cà phê, và sau khi DeWitt điềm đạm chấp nhận lời từ chối của Lane khi được mời một miếng xì gà, Lane nói: “Tôi có thể thấy, ngài DeWitt ạ, về bản chất rõ ràng ông không phải loại người ủ ê hay yếu ớt.” DeWitt giật mình, nhưng vẫn bập bập xì gà mà không nói gì. “Không cần thiết phải vận dụng đến thành tựu của khoa tâm thần học mới nhận thấy trên nét mặt và trong hành vi gần đây của ông có một nỗi buồn - chứng trầm cảm về tinh thần, có lẽ đã là mãn tính, nhưng khác lạ với cá tính của ông.”

“Xét về mặt nào đó thì cuộc đời tôi không mấy suôn sẻ, ngài Lane ạ.” DeWitt nói nhỏ.

“VẬY là tôi đã đúng.” Giọng Lane trở nên đầy sức thuyết phục; đôi bàn tay dài của ông đặt trên tấm khăn trải bàn, nằm yên bất động. Mắt của DeWitt dán chặt vào chúng như nhìn vào một tâm điểm chú ý. “Này ngài DeWitt, lý do chính hôm nay tôi dành ra một giờ trò chuyện cùng ông không có gì ngoài sự thân thiện. Tôi cảm thấy mình nên hiểu rõ hơn về ông. Tôi cảm thấy, có lẽ theo cách vụng về của riêng tôi, rằng tôi có thể giúp

được ông vài việc. Thực tế thì, tôi cho rằng về phía ông cũng đang cần có sự giúp đỡ.”

“Cảm ơn sự tử tế của ngài,” DeWitt nói vẻ buồn rầu, mắt vẫn nhìn xuống. “Tôi hiểu rõ mình đang trong tình thế nguy hiểm. Cả ngài công tố viên lẫn thanh tra Thumm đều không che mắt được tôi điều gì dù nhỏ nhất. Tôi đang bị theo dõi sát sao. Tôi có cảm tưởng rằng đến cả thư từ của tôi cũng đang bị lục lọi. Ngay như ngài, ngài Lane ạ, cũng đã thăm vấn gia nhân của tôi...”

“Chỉ người quản gia của ông thôi, ngài DeWitt, và hoàn toàn vì lợi ích của ông.”

“... và Thumm cũng thế. Nên ngài thấy đấy! Tôi biết mình đang ở tình trạng nào. Mặt khác thì, tôi linh cảm rằng ngài có đôi chút khác với phía cảnh sát - phải chăng là có tình người hơn, liệu nói thế đúng không nhỉ?” Gã nhún vai. “Ngài có thể ngạc nhiên, nhưng tôi đã suy nghĩ nhiều về ngài kể từ cái đêm thứ Tư ấy. Ngài nhiều lần đỡ lời cho tôi, gặp những lúc tôi không thể nói được.”

Lane nghiêm trang. “Thế nếu ông không phiền, liệu tôi có thể hỏi ông đôi câu được chẳng? Mỗi quan tâm của tôi đối với cuộc điều tra này là không chính thống. Đây hoàn toàn là động cơ cá nhân, và chỉ vì mục đích cốt sao lý giải được sự thật. Có một số điều tôi phải biết nếu tôi tiến hành những bước tiếp theo.”

DeWitt lập tức ngược mắt. “Bước tiếp theo? Phải chăng ngài đã đạt được một vài kết luận nào đấy rồi, hờ ngài Lane?”

“Hai kết luận căn bản, ngài DeWitt ạ.” Drury Lane gật đầu ra hiệu, một người phục vụ bàn nhanh nhẹn chạy đến. Ông gọi thêm một bình cà phê nữa. Điều xì gà đã tàn và gục xuống trên ngón tay của DeWitt trong khi gã quên bẵng vì mãi nhìn chăm chăm vào Lane. Lane thoáng mỉm cười. “Tôi ắt đã phạm phải một sai lầm và khác hẳn với một bà xinh đẹp chứ gì, suy đoán sai rồi, ngài DeWitt! Quý bà xứ Sévigné\* cũng có thể đã tiên tri tính phù du của Shakespeare bất tử giống như của cà phê bất tử.” Ông tiếp tục

bằng giọng ôn tồn. “Tôi biết ai đã giết chết Longstreet và Wood, nếu ông muốn hiểu ý của từ ‘bước tiếp theo’ ấy.”

DeWitt tái mặt, tưởng chừng như Lane vừa đâm vào mặt gã. Điều xì gà kẹp giữa hai ngón tay gã gãy rời. Gã chớp mắt dưới cái nhìn chăm chặp bình thản của Lane, nuốt nghẹn vì sững sốt, và cố gượng giữ lấy vẻ bình tĩnh. “Ngài biết kẻ đã giết Longstreet và Wood!” gã nói như nghẹt thở. “Mà, chúa ơi, ngài Lane, nếu ngài biết thế chả nhẽ ngài không định làm gì đó về điều này sao?”

Lane nói nhẹ nhàng: “Tôi đang làm gì đó về điều này đấy chứ, ngài DeWitt.” DeWitt ngồi yên không động đậy. “Tiếc là chúng ta đang làm việc với nền tư pháp hết sức sơ đẳng; nền tư pháp này yêu cầu việc kết tội phải có bằng chứng hữu hình. Ông sẽ giúp tôi chứ?”

DeWitt không trả lời một lúc lâu. Gương mặt gã nhăn nhó; đôi mắt gã vật vã tìm mọi cách đâm xuyên lớp mặt nạ vô cảm của *viên công tố* khác thường kia, như muốn chọc dò và khám phá xem ông ta đã biết được đến đâu, chính xác ông ta biết những gì. Rồi gã cất lời, vẫn bằng giọng như nghẹt thở: “Giá như tôi có thể, giá như tôi...”

“Dám, đúng thế không, ngài DeWitt?”

Câu chuyện đến đây dường như quá thống thiết, có vẻ như không thật. Tự sâu xa trong lòng người kịch sĩ gợn lên sự ác cảm.

DeWitt vẫn nín lặng. Gã lại nhìn sâu vào đôi mắt của Lane, tuồng như cố gắng tìm kiếm trong đó cái tên của kẻ sát nhân. Cuối cùng bằng những ngón tay run rẩy, gã quẹt một que diêm và châm lửa vào đầu thuốc xì gà đã tắt ngấm. “Tôi sẽ nói với ngài những gì tôi có thể. Nhưng... biết nói sao nhỉ? Tôi, hừm - đã bị trói tay... tóm lại có một điều ngài không được hỏi tôi - đó là nhân dạng kẻ mà tôi có hẹn với hãn vào tối thứ Tư ấy.”

Lane lắc đầu vui vẻ. “Ông khư khư giữ im lặng về điểm đáng chú ý nhất của vụ án khiến sự việc càng khó khăn gấp bội, ngài DeWitt ạ. Nhưng thôi, ta sẽ tạm thôi việc ấy vào lúc này,” ông dừng lại rồi tiếp, “này ngài DeWitt, tôi hiểu cả ông và Longstreet đều phát lên ở Nam Mỹ nhờ kinh doanh khai khoáng gì đấy, rằng các ông cùng đến Mỹ và thiết lập một doanh nghiệp

môi giới đòi hỏi vốn lớn. Tôi cũng hiểu rằng mỏ khoáng sản của các ông là cả một túi quặng khá phong phú. Đây là chuyện từ trước Chiến tranh, tôi tin thế đúng không?”

“Đúng.”

“Thế mỏ khoáng sản của các ông là ở nước nào thuộc Nam Mỹ?”

“Uruguay.”

“Uruguay. Hẳn rồi.” Lane nheo mắt. “Thế ngài Maquinchao là người Uruguay à?”

DeWitt há hốc miệng; mắt gã sầm lại vì nghi ngờ. “Làm thế nào ngài biết về Maquinchao?” gã gặng hỏi. “Jorgens, tất nhiên rồi, là lão già ngốc đáng rửa ấy. Lẽ ra tôi nên bảo trước lão ấy mới phải.”

Lane ngắt lời: “Thái độ hoàn toàn sai, ngài DeWitt. Jorgens, một người đáng mến và là một gia nhân trung thành, chỉ sẵn sàng cung cấp thông tin cho tôi khi ông ấy tin rằng, yêu cầu của tôi đây chính là vì lợi ích của ông. Ông nên làm giống hoặc hơn ông ấy mới phải, trừ phi ông nghi ngờ mục đích của tôi.”

“Không phải, không phải. Tôi xin lỗi. Đúng thế, Maquinchao là người Uruguay.” DeWitt tỏ vẻ khốn khổ, mắt gã không ngừng láo liên, trong ánh mắt ấy lại hiện lên sự hoang mang như trước. “Nhưng mà này ngài Lane, làm ơn đừng vặn hỏi tôi về Maquinchao nữa.”

“Nhưng tôi phải vặn hỏi ông, ngài DeWitt.” Tia nhìn của Lane giờ rỗng không. “Maquinchao là ai? Ông ấy làm nghề gì? Hành tung khác thường của ông ấy trong lúc làm khách nhà ông là thế nào? Tôi nhất quyết, thưa ông, phải có bằng được các câu trả lời cho những câu hỏi này.”

DeWitt vừa lấy cái thìa vẽ theo một mẫu họa tiết in trên tấm khăn trải bàn, vừa nói bằng giọng như có người bịt mũi. “Nếu ngài nhất định vậy... Hoàn toàn chả có gì bất thường. Đơn thuần chỉ là một chuyến thăm làm ăn, ngài Lane ạ. Maquinchao là người thăm dò những địa điểm dịch vụ công ích nhất định ở Nam Mỹ. Ông ấy muốn văn phòng chúng tôi phụ trách một đợt phát hành trái phiếu... ngài thấy đấy, một hoạt động kinh doanh hoàn toàn hợp pháp. Tôi...”

“Thế ông có quyết định cùng Longstreet giúp phát hành trái phiếu đấy không, ngài DeWitt?” Lane thản nhiên hỏi.

“À - chúng tôi đang - lúc ấy chúng tôi đang cân nhắc vấn đề ấy.” Chiếc thìa trong tay DeWitt xoay xoay, bện vẽ lại mấy họa tiết trên tấm khăn trải bàn: những góc, vòng cung, hình chữ nhật, hình thoi.

“Các ông đang cân nhắc vấn đề ấy,” Lane khô khan lặp lại. “Tại sao ông ấy lưu lại lâu đến vậy?”

“À, chắc chắn... tôi chắc là mình không biết, có thể ông ấy tìm đến những cơ quan tài chính khác chẳng hạn...”

“Ông cho tôi địa chỉ ông ấy được chứ?”

“Vì sao - tôi e mình không biết chính xác. Ông ấy đi đây đi đó thường xuyên; ông ấy không bao giờ ở lâu một nơi.”

Lane bỗng bật cười. “Ông nói dối tẻ lắm, DeWitt ạ. Và tôi thấy nếu kéo dài cuộc nói chuyện này lâu hơn cũng chả ích gì, thôi thì ta hãy dừng tại đây trước khi ông trở nên quá bối rối vì lời nói dối của mình, đến mức làm cả tôi lẫn ông đều xấu hổ. Chúc một ngày tốt lành nhé, ngài DeWitt, và hãy tin tôi khi tôi nói rằng, thái độ của ông là một lời bình phẩm khiếm nhã về khả năng xét đoán bản chất con người đã được tán tụng của tôi.”

Lane đứng dậy - một người phục vụ nhảy tới như bật lò xo và giữ lấy chiếc ghế. Lane đưa mắt nhìn anh ta mỉm cười; ông quay sang nhìn cái đầu cúi thấp của DeWitt, và nói vẫn với giọng điệu hòa nhã: “Dẫu là vậy, ông vẫn luôn được hoan nghênh đến với lâu đài Hamlet, nơi ở của tôi bên bờ sông Hudson, bất cứ lúc nào ông đổi ý. Tạm biệt nhé, thưa ông.”

Ông rời đi, để lại DeWitt với vẻ suy sụp của một người khi nghe án tử với mình đã quyết.

Đang lúc theo gót người tổ trưởng phục vụ len lỏi đi qua những chiếc bàn, Lane bỗng dừng chân thoáng chốc, mỉm cười một mình, rồi lại nhịp bước ra khỏi phòng ăn. Cách không xa chiếc bàn nơi DeWitt vẫn còn ngồi đấy, có một người đàn ông đang vờ ăn uống. Gã này có gương mặt đỏ, trông ra vẻ bồn chồn. Suốt cuộc trò chuyện giữa Lane và DeWitt, gã cứ căng người ra trước, tai vểnh lên, dáng cố tình nghe lỏm thật trơ trẽn.



Ra đến phòng ngoài Lane vỗ vai người bồi bàn. “Cái ông mặt đỏ ngồi gần bàn của tôi và ngài DeWitt ấy mà - ông ấy là hội viên ở đây à?”

Người tổ trưởng phục vụ lộ vẻ lúng túng, “Ồ, không, thưa ngài. Đây là ông thám tử. Ông ấy dùng chiếc phù hiệu của mình để cần vào nơi này.”

Lane lại mỉm cười, giúi vào tay người đàn ông một tờ giấy bạc rồi thông thả nhịp bước đến chiếc bàn giấy. Người nhân viên bàn giấy vội đứng lên.

“Làm ơn chỉ giúp tôi trước hết đến chỗ ngài Morris, Bác sĩ của Câu lạc bộ, sau đó là đến chỗ Thư ký Câu lạc bộ.” ngài Drury Lane nói.

# CẢNH 9

Văn Phòng Công Tố Địa Hạt

Thứ Sáu, Ngày 11 Tháng 9

2 Giờ 15 Chiều

2 giờ 15 chiều thứ Sáu, Drury Lane đang rảo bước trên phố Trung tâm, dọc theo một bên phố là những vách tường cao của Trụ sở Cảnh sát, còn dọc phía bên kia là nơi sinh sống của dân cư tứ xứ đa ngôn ngữ\* của vùng hạ lưu New York. Đến tòa nhà mười tầng, số 137, là nơi hạt New York thấy hợp để đặt nơi làm việc cho ngài giám đốc văn phòng công tố địa hạt của mình, ông rẽ vào, băng qua một hành lang, rồi vào một thang máy để lên tầng cao.

Như bao lần, nét mặt ông luôn điềm nhiên bất động và hoàn toàn không biểu lộ cảm xúc nào. Một đời tôi rèn trên sân khấu đã cho ông năng lực kiểm soát đường cơ tạo nên vẻ mặt, giống như khả năng mà một diễn viên nhào lộn dùng để kiểm soát tứ chi. Thế nhưng, nếu để ý người ta vẫn thấy được ẩn hiện trong mắt ông một ánh lửa mang đầy ý nghĩa. Nó là sự bừng sáng của tâm trạng phấn chấn, của sự tiên đoán - nó là ngọn lửa trong đôi mắt của một người thợ săn khi anh ta khom mình giương súng sau lùm cây - là thứ ánh sáng và niềm vui của việc sống nhạy bén và suy nghĩ sắc sảo. Nhìn vào đôi mắt ấy, không ai có thể hình dung con người đằng sau chúng đang sống trong cơ thể không toàn vẹn... Có một thứ gì đó đã tiếp nhựa sống vào bản ngã của ông, nạp vào thể chất của ông tràn trề năng lượng mới, hướng con suối sức sống chảy vào dòng sông của lòng tự tin, sức sống bền bỉ và phản ứng tinh nhanh.

Song lúc ông mở cánh cửa vào văn phòng bên ngoài của công tố viên Bruno, ánh lửa ấy tắt đi và ông chỉ là một người khá trẻ trong bộ y phục dành cho kẻ đã khá già.

Người nhân viên khề khàng nói vào một máy điện đàm nội bộ. “Vâng, thưa ngài Bruno.” Anh ta quay người lại. “Xin mời ngài, thưa ngài. Ngài Bruno rất lấy làm xin lỗi vì ngài ấy đang bận họp với ngài cảnh sát trưởng. Ngài hãy đợi nhé?”

Lane xã giao đáp lời rồi ngồi xuống. Ông tựa cằm lên quả nậm của cây gậy mang theo.

Mười phút sau, đang lúc Lane bình thần nhắm mắt dưỡng thần thì cửa phòng Bruno xịch mở. Vị công tố viên xuất hiện, theo sau là vóc dáng đầy đà cao lớn của ngài cảnh sát trưởng phụ trách địa hạt. Người nhân viên đứng dậy, anh ta tỏ ra bối rối vì Lane vẫn ngồi yên dưỡng đang lim dim ngủ. Bruno mỉm cười và đập nhẹ vai Lane. Mí mắt liền mở ra, đôi mắt xám điềm đậm ngược lên dò hỏi, rồi Lane bật lên khỏi ghế.

“Chào ngài Bruno.”

“Xin chào, ngài Lane.” Bruno quay sang ngài cảnh sát trưởng, lúc này đang ngắm Lane bằng ánh mắt tò mò. “Ngài Lane, đây là ngài cảnh sát trưởng Burbage.”

“Hân hạnh gặp mặt, ngài Lane,” vị cảnh sát trưởng cất tiếng sang sảng, rồi ông ta bắt lấy tay Lane. “Tôi đã xem ngài diễn ở...”

“Tôi như đang sống trong bóng mát của quá khứ bình yên, thưa ngài Burbage,” Lane nói với nụ cười chân thành.

“Không sao, không sao! Tôi biết ngài vẫn giỏi như trước nay. Ngài Bruno đây vừa kể tôi về thiên hướng mới có của ngài, ngài Lane ạ, và về những phát hiện do ngài gợi ý mà đến giờ vẫn là những bí ẩn đối với ngài ấy.” Vị cảnh sát trưởng khề lắc chiếc đầu khổng lồ của ông ta. “Với tất cả chúng tôi thì đúng hơn, tôi nghĩ vậy. Thumm cũng đã kể mọi chuyện cho tôi.”

“Đặc tính của một kẻ đang già đi, ngài Burbage ạ. Ngài Bruno quả thật là kiên nhẫn.” Lane nheo mắt. “Ngài cùng họ với một cái tên trứ danh, thưa

ngài Burbage. Richard Burbage\*, nhà kịch sĩ xuất chúng lúc sinh thời, là một trong ba người bạn thân giao của Will Shakespeare đấy.” Vị cảnh sát trưởng nghe thế cũng thấy đôi phần hãnh diện.

Họ trò chuyện thêm chừng vài phút rồi cảnh sát trưởng Burbage cáo từ, phần Bruno dẫn Lane vào văn phòng riêng của mình. Thanh tra Thumm đang chúi mũi vào chiếc máy điện thoại, gương mặt ông lộ rõ sự chăm chú với vẻ nửa tin nửa ngờ. Tai vẫn dán chặt vào ống nghe, ông nhướng một bên chân mày rậm thay cho lời chào. Lane ngồi xuống đối diện Thumm.

Tiếng người bên kia đầu dây nói đến đâu, gương mặt ông càng lúc càng bầm ra đến đấy, cho đến lúc tưởng chừng có thể vỡ tung ra vì cơn tức uất vì bất lực. “Nghe đây,” viên thanh tra nói. “Cậu đang gán cho tôi cái quỷ quái gì thế hở? Tôi chả hiểu đầu cua tai nheo thế nào cả... Câm mồm, nghe chưa hả? Cậu nói tôi bảo cậu gọi tôi vào hai rưỡi chiều nay để nhắc tôi giao cậu việc gì làm à? Đầu cậu chập mạch không đấy, anh bạn! Hay là nát rượu quá rồi!... Cái gì? Đích thân tôi bảo cậu à? Khoan, đợi tí.” Thumm quay ra, nhìn chăm chặp vào Bruno. “Gã đàn này, nhân viên của tôi, gã vừa mới hóa điên, nói anh biết vậy. Gã... Alô, alô!” Ông giật giọng quát vào ống nghe. “Cậu đã giúp tôi lật tấm thảm lên à? Mà thảm gì, hở cái đồ con lừa thói thầy ôn dịch kia? Ôi, chúa ơi. Đợi một lát.” Ông lại quay sang Bruno. “Vụ án này giờ hóa thành chuyện điên cả rồi. Nhân viên mật thám bảo là hôm qua tôi sang mò mẫm loanh quanh căn phòng của Wood bên Weehawken. Mà chúa ơi, chuyện này có lẽ lại là thật mới điên chứ! Có lẽ... đây, còn đây!” Ông điên tiết rống lên. “Chừng như ai đó...” và rồi ông bất chợt nhìn vào Drury Lane, lúc này đang ngắm ông với vẻ tinh quái đầy hảo ý. Quai hàm ông thông xuống và trí thông minh từ từ trở lại đôi mắt bồn chồn của ông. Vẻ mặt ông căng ra một nụ cười cau có, thế rồi ông gắt vào điện thoại: “Thôi được. Tôi đổi ý rồi. Cứ quanh quẩn ở cái phòng đó cho tôi.” Ông gác máy rồi quay sang Lane, hai khuỷu tay thả đánh bịch xuống mặt bàn. Bruno ngơ ngác hết nhìn người này lại ngó người kia. “Hừ, ngài Lane, đi chơi rồi bắt tôi chịu, hả?”

Nét mặt Lane vẫn phẳng lì như mới ủi. “Ngày ngài thanh tra,” ông nghiêm trang, “nếu tôi có bao giờ ấp ủ những mối ngờ vực liên quan đến khiếu nại hươc của ngài, thì giờ những mối ngờ đó đã bị xua tan vĩnh viễn rồi.”

“Chuyện tầm phào này thực ra là cái quái gì thế?” Bruno gặng hỏi.

Thumm nhét một điều thuốc lá mềm oặt vào giữa cặp môi dày. “Nó là vậy. Đây là mấy việc tôi làm hôm qua. Tôi sang Weehawken, thăm vấn mục Murphy, lục soát phòng Wood, tìm thấy một cuốn sổ tiết kiệm bên dưới tấm thảm của Wood, nói anh biết, mấy chuyện này còn được tiếp tay bởi một gã đã làm việc cho tôi sáu năm nay, và rồi tôi về. Chuyện nghe cứ như là có phép ấy, anh nghĩ mà xem. Bởi lẽ đang khi tôi ở Weehawken, tôi cũng đang ngồi ở văn phòng mình nói chuyện con cà con kê với anh, ngay ở cái phố Trung tâm này!”

Bruno chăm chăm nhìn Lane rồi phá ra cười. “Cái này hơi bất công đấy ngài Lane, lại có phần nguy hiểm nữa.”

“Không hề. Tuyệt không hề nguy hiểm,” Lane ôn tồn. “Bạn thân của tôi là chuyên gia hóa trang hàng đầu thế giới, ngài Bruno ạ... Tôi thật lòng xin ngài bỏ lỗi, thưa ngài thanh tra, lý do tôi vào vai ngài hôm qua là nghiêm túc và cấp thiết. Có lẽ chỉ thị của tôi với đặc vụ của ngài có chút tinh nghịch, nhưng tôi làm vậy cũng là mong muốn để báo cho ngài, hẳn là không giống cách thường tình, về sự vào vai vĩ đại này.”

“Lần sau ngài để tôi xem tôi trông thế nào,” Thumm càu nhàu. “Một... chả ra sao” hàm dưới của ông trề ra. “Nói thực, tôi không... Thôi, cứ vậy đi. Đưa cuốn sổ tiết kiệm chúng tôi xem nào.”

Lane chìa ra cuốn sổ tiết kiệm từ bên dưới áo choàng của mình; Thumm đón lấy và bắt đầu mãi mê đọc nội dung bên trong. “Ngài thanh tra ạ, hoàn toàn có thể là, một lúc nào đó trong tương lai gần, tôi sẽ triển lãm một nhân vật nào đấy khiến ngài còn kinh ngạc nhiều hơn nữa.”

Thum tay mân mê tờ giấy bạc năm đô la kẹp trong cuốn sổ tiết kiệm rồi nhe răng cười “A, ít ra ngài cũng có chút thật thà đấy nhỉ.” Ông thả cuốn sổ sang Bruno, vị này lật qua lật lại, nghiêng nghiêng ngó ngó rồi cho luôn vào một cái ngăn kéo.

“Tôi viếng thăm bữa nay,” Lane nói giọng đồng dục, “còn có lý do khác bên cạnh ước muốn thấy ngài thanh tra quý mến của chúng ta nổi cáu. Tôi có hai yêu cầu, thứ nhất là bản sao danh sách đầy đủ hành khách trên chuyến phà hôm đó. Quý ngài có bản nào tôi có thể mang đi chẳng?”

Bruno lục lọi ngăn kéo trên cùng của bàn làm việc rồi trao Lane một tập giấy mỏng. Lane xếp lại cẩn thận rồi nhét vào túi. “Tôi cũng mong nhận được các báo cáo đầy đủ về tất cả những cá nhân bị mất tích trong nhiều tháng qua, và cả báo cáo cập nhật hàng ngày từ nay trở đi. Liệu việc này có thể thu xếp được không nhỉ?”

Thumm và Bruno nhìn nhau; Bruno nhún vai, còn Thumm uể oải chỉ thị qua điện thoại đến Cục điều tra mất tích. “Ngài sẽ nhận được các báo cáo đầy đủ, ngài Lane. Nhân viên sẽ mang đến tận lâu đài Hamlet cho ngài.”

“Xin cảm ơn lòng tốt của ngài, ngài thanh tra.”

Bruno khẽ hắng giọng ra chiều lưỡng lự. Lane đưa mắt nhìn ông với ánh mắt tò mò thân mật. “Nhớ có hôm,” vị công tố viên bắt đầu, “ngài nói là mong được thông báo trước khi chúng tôi có hành động cụ thể...”

“Lưỡi rìu sắp rơi đây,” Lane nói khẽ. “Cụ thể là sao vậy?”

“Việc bắt giữ John DeWitt vì can tội cố sát Charles Wood. Thumm và tôi đã được chấp thuận rằng chúng tôi đã nắm được chứng cứ trong tay. Lúc ngài cảnh sát trưởng đã nghe báo cáo và yêu cầu tôi tiến hành ngay. Việc lập bản cáo trạng thì chẳng khó gì.”

Vẻ mặt Lane trở nên nghiêm trọng; làn da trơn mượt căng chặt trên đôi gò má. “Vậy tôi hiểu rằng ngài cùng thanh tra Thumm đều tin rằng DeWitt đã giết Longstreet đúng không?”

“Cố nhiên rồi,” Thumm nói. “Cái ngài X này của ngài là kẻ đứng sau toàn bộ chuyện này. Không nghi ngờ gì nữa, hai vụ này đều do một bàn tay gây nên. Với những động cơ rõ ràng rành rành.”

“Một cụm từ rành mạch,” Lane nói. “Rất rành mạch, thưa ngài thanh tra. Khi nào quý ngài định thực hiện việc này, thưa ngài Bruno?”

“Thực ra chẳng cần phải vội,” Bruno bảo. “DeWitt không thể bỏ chạy đi đâu, nhưng có lẽ chúng tôi sẽ bắt giữ ông ấy nội trong ngày mai. Nếu...”

ông lấp lửng nói thêm, “từ đây đến đó không xảy ra điều gì khiến chúng tôi phải đổi ý.”

“Một trường hợp bất khả kháng sao, ngài Bruno?”

“Khó đấy.” Bruno mỉm cười khích bác. “Này ngài Lane, lúc ngài thanh tra đây cùng tôi lược thuật vụ án Longstreet với ngài ở lâu đài Hamlet ấy mà, ngài có bảo là mình đã đi đến một giải pháp gì gì ấy. Thế cái việc bắt giữ DeWitt này có trùng hợp với cái giải pháp ấy của ngài chẳng?”

“Hơi đáng tiếc,” người nghệ sĩ diễn kịch nói giọng dăm chiêu. “Thật sự còn quá sớm... Các ngài bảo là có chứng cứ. Thế chứng cứ ấy rõ ràng đến đâu?”

“Rõ ràng đến mức đủ để biểu không các vị luật sư của DeWitt vài đêm mất ngủ,” ngài Công tố địa hạt phản pháo. “Lý do khởi tố của tiểu bang đối với DeWitt sẽ dựa vào luận cứ đại để thế này: Theo những gì có thể xác định được, ông ta là hành khách duy nhất lên chiếc *Mohawk* cùng lúc với Wood và vẫn lưu lại trên chiếc phà ấy bốn chuyến sau đó. Một chứng cứ thuyết phục nhé. Ông ta thừa nhận đã cố rời khỏi con phà ngay sau khi có án mạng xảy ra. Lời biện giải của ông ta về sự hiện diện của mình suốt bốn chuyến liên (mà ban đầu ông ấy chối bay chối biến, như chúng tôi sẽ nhấn mạnh) là không thuyết phục và không có cơ sở. Việc ông ấy từ chối giải trình rõ hơn về câu chuyện rằng ông ấy sắp có một cuộc hẹn cũng được xem là bằng chứng kết tội; chúng tôi khẳng định đấy chẳng qua là cái cơ bịa đặt dựa vào hai điều thực tế: ‘người gọi’ không hề hiện diện, và cuộc điện thoại hẹn gặp ấy không thể lần ra được, vì vậy, việc này cho thấy câu chuyện của DeWitt về cuộc gọi và người gọi rõ ràng là sản phẩm từ trí tưởng tượng của ông ta. Đến đây cảm nghĩ ngài sao đây, ngài Lane?”

“Mạch lạc rõ ràng như ngài vừa nói, nhưng hầu như chưa phải là chứng cứ tuyệt đối. Mời nói tiếp.”

Vẻ mặt hùng hồn của Bruno cau lại, rồi ông nhìn lên trần nhà và tiếp tục: “Boong tầng thượng xảy ra án mạng là nơi DeWitt - hoặc bất cứ ai trên phà đều có thể đến được, điều này đúng thế - và không nhân chứng nào xác nhận thấy DeWitt thường xuyên sau 10 giờ 55 tối. Điều xì gà mà DeWitt

nhận là của ông ta, và nhãn hiệu cũng như nhãn tem trên đó chứng tỏ chỉ có thể là của ông ta, đã được tìm thấy trong mình người chết. Ông ấy nói rằng ông ấy chưa hề mời Wood điếu xì gà ở bất cứ nơi nào cả - một sự bao biện, nhưng thực ra chúng tôi sẽ phân tích nó theo cách phù hợp với lý lẽ của chúng tôi, vì nó loại bỏ khả năng DeWitt mời Wood điếu xì gà ở đâu đó trước khi án mạng xảy ra, để biện giải cho sự việc điếu thuốc hiện diện trên xác chết.”

Lane vỗ hai tay vào nhau lẳng lặng tán thưởng.

“Hơn nữa, điếu thuốc lá xì gà ấy không có trong người Wood lúc lên phà, vậy nghĩa là nó được trao ông ấy khi đang ở trên phà.”

“Được trao sao, ngài Bruno?”

Bruno cắn môi. “Ít ra thì đó là giải thích thỏa đáng,” ông nói. “Nói về điếu thuốc lá xì gà, tôi đặt giả thiết là DeWitt đã gặp Wood trên phà và nói chuyện với ông ấy - một giả thiết lý giải cho việc ở lại liên bốn chuyến mà DeWitt đã thừa nhận và thời gian một giờ từ lúc cả Wood và DeWitt lên phà cho đến lúc xảy ra vụ án mạng của Wood. Thế thì hoặc là ông ấy đã mời Wood dùng một điếu xì gà, hoặc Wood đã hỏi xin một điếu khi hai người đang nói chuyện với nhau.”

“Hượm đã nào, ngài Bruno,” Lane nhã nhặn. “Thế nên ngài tin rằng, DeWitt đã mời Wood một điếu xì gà - hoặc giả Wood hỏi xin điếu thuốc đó - rằng sau đó DeWitt đã giết Wood mà quên bém đi rằng trên xác Wood có một vật chứng khốn kiếp trực tiếp ám chỉ đến chính gã?”

Bruno cười khẩy. “Nghe này ngài Lane, con người ta thường làm đủ chuyện ngốc nghếch khi họ gây tội cố sát. Dĩ nhiên DeWitt đã quên. Gã hẳn đã bị kích động cao độ, ngài biết đấy.”

Lane phẩy tay.

“Nào,” Bruno tiếp. “Giờ thì ta sang phần động cơ. Dĩ nhiên, để nói rằng DeWitt đã giết Wood ta phải liên hệ DeWitt với vụ án mạng Longstreet. Ở đây ta không có chứng cứ xác đáng, nhưng sự gắn kết động cơ là dứt khoát rõ ràng. Wood đã viết thư cho cảnh sát báo rằng ông ấy biết kẻ sát nhân trong vụ Longstreet. Trên đường thực hiện khai báo này thì ông ta bị giết -



rõ ràng án mạng là để ngăn cản việc khai báo. Chỉ duy nhất một người hết sức lo lắng muốn bịt miệng ông ấy lại - kẻ đã giết Longstreet. Thưa quý ngài hội thẩm, điều này có nghĩa rằng,” Bruno nói tiếp giọng giễu cợt, “nếu DeWitt đã giết Wood, thì hẳn cũng đã giết Longstreet. Sự thể là như vậy.”\*

Thumm ngắt lời: “Ôi dào, ngài ấy chả tin lời nào của anh nói đâu, Bruno. Thật là phí cả...”

“Này thanh tra Thumm!” Lane nhẹ nhàng tỏ ý bất bình. “Làm ơn đừng hiểu sai thái độ của tôi thế. Ngài Bruno chỉ ra điều dường như đối với ngài ấy là một kết luận hết sức hiển nhiên. Tôi hoàn toàn đồng ý với ngài ấy. Kẻ sát nhân vụ Charles Wood, không nghi ngờ gì nữa, cũng là kẻ đã giết Harley Longstreet. Tuy nhiên, quá trình logic mà ngài Bruno sử dụng để đưa ra kết luận này lại là vấn đề hoàn toàn khác.”

“Ý ngài là,” Bruno la lên, “ngài cũng nghĩ DeWitt...”

“Làm ơn, ngài Bruno, xin vui lòng tiếp tục nào.”

Bruno hơi cau có, phần Thumm thì ngả lộn thồm trở lại vào ghế rồi nhìn trừng trừng vào gương mặt trông nghiêng trứ danh của Lane. “Động cơ của DeWitt chống lại Longstreet đã khá rõ,” vị công tố viên cất lời sau một lát im lặng khó chịu. “Giữa hai người này có mối hiềm khích tệ hại vì vụ bê bối mang tên Fern DeWitt, vì sự ve vãn mất nết của Longstreet với Jeanne DeWitt, và quan trọng hơn cả, vì Longstreet rõ ràng đã tống tiền DeWitt suốt thời gian dài, nguyên nhân vì sao chưa ai rõ. Bên cạnh đó, ngoài động cơ đã nêu là sự thực rành rành, DeWitt biết rõ hơn ai hết rằng Longstreet có thói quen đọc trang chứng khoán trên xe điện và phải rút kính mắt để đọc nó, vậy nên ông ta có thể trừ tính khoảnh khắc Longstreet sẽ bị đâm vì nút bần có kim châm, vân vân và vân vân. Còn việc Wood đã sơ ý để lộ manh mối chỉ ra tội lỗi của DeWitt trong vụ án mạng Longstreet, chúng tôi biết rằng DeWitt đã dùng xe điện của Wood ít nhất hai lần trong thời gian từ lần phạm tội đầu tiên đến lần phạm tội thứ hai.”

“Thế bản chất cụ thể của cái ‘manh mối’ này là gì vậy, ngài Bruno?” Lane hỏi.

“Về điểm ấy chúng tôi không thể chắc,” Bruno nhú mày. “Tất nhiên là, cả hai vụ đều do một tay DeWitt. Nhưng tôi không cho rằng mình phải chỉ ra do đâu Wood trở thành người biết chuyện này, việc ông ấy cho rằng mình biết là đã đủ cho mạch lập luận của tôi... Nói tóm lại, một yếu tố thực sự thuyết phục đủ để khởi tố sẽ là như vậy: Theo tất cả những gì chúng tôi biết, DeWitt là người duy nhất không chỉ có mặt trên xe điện khi xảy ra án mạng Longstreet mà cả trên phà lúc xảy ra án mạng của Wood!”

“Và,” Thumm căn nhắc để thêm, “đấy là một lý do tố tụng vững chắc.”

“Đấy là điểm đáng chú ý xét từ lập trường pháp lý,” vị công tố viên đảm chiêu. “Vật chứng điều xì gà là một chứng cứ có trọng lượng, những điều suy ra khác và hoàn cảnh vụ việc xảy ra đều nhằm vào DeWitt nên đảm bảo bồi thẩm đoàn sẽ đưa ra một cáo trạng, và, trừ phi tôi mắc lỗi quá nhiều, sau khi bồi thẩm đoàn tuyên cáo trạng thì ngài DeWitt sẽ không quanh co gì được nữa.”

“Gặp một luật sư biện hộ thông minh hoàn toàn có thể xác lập luận cứ hợp lý theo cách khác,” Lane ôn tồn nhận xét.

“Phải chăng,” Bruno nói nhanh, “ý ngài cho rằng không có chứng cứ xác đáng về việc DeWitt đã giết Longstreet? Rằng DeWitt đã bị giảng bẫy khi lên phà *Mohawk* bởi một người mà nhân dạng của người này ông ta lại không thể tiết lộ vì lý do cá nhân. Rằng điều xì gà là do có kẻ lén bỏ vào xác của Wood - nói cách khác, rằng DeWitt đã bị dàn xếp vào vụ án mạng của Wood?” Bruno mỉm cười. “Tất nhiên, đó sẽ là lý lẽ biện hộ, ngài Lane ạ, nhưng thực tế ông ấy hết hy vọng rồi, trừ phi luật sư biện hộ trưng ra được tác giả của cuộc điện thoại đó là ai. Không, tôi e là lý lẽ ấy sẽ không đứng vững cho lắm. Đừng quên cách DeWitt đã im lặng và miễn cưỡng khi khai báo, tất cả sẽ cực lực chống lại ông ấy trừ phi ông ấy hoàn toàn thay đổi thái độ. Cả phương diện tâm lý cũng đã về phía chúng tôi rồi đấy.”

“Nghe đây,” Thumm nóng nảy, “thế này thì ta cũng chẳng đến đâu. Nay ngài Lane, ngài đã nghe chuyện từ phía chúng tôi rồi đấy, phần ngài thì sao đây?” Ông nói với giọng sấn sỏ của một người vững tin vào lý lẽ của mình và thách thức đối thủ tấn công.

Lane khẽ cười rồi nhắm mắt lại. Khi mở ra, đôi mắt ông trở nên sáng rực. “Thưa các ngài,” ông vừa nói vừa xoay người qua lại trên ghế của mình để đối diện cả hai người, ”tôi nhận ra các ngài đã mắc phải sai lầm về thái độ đối với tội ác và sự trừng phạt, kiểu sai lầm mà nhiều nhà sản xuất đã mắc phải đối với kịch và nghệ thuật diễn xuất của kịch.”

Thumm bật cười thành tiếng, Bruno thì cau mày ngả người tựa vào ghế.

“Cái sai chủ yếu nằm ở ý này,” hai tay đặt lên đầu gậy, Lane thân tình nói tiếp, “rằng các ngài tiếp cận vấn đề của mình cũng giống như cách mà những người bạn đồng hành thuở thiếu thời của các ngài đã làm khi cố sao để vào được rạp xiếc - đó là vào lều bằng cách đi giật lùi. Có lẽ nói thế còn chưa rõ, thôi thì để tôi làm một phép loại suy lấy ví dụ từ kịch nghệ vậy.

“Mỗi khi nhà sản xuất nào đó ra thông cáo rằng ông ta sẽ lại đưa Hamlet lên sàn diễn, những kẻ gọi là giới nghệ sĩ sân khấu chúng tôi lại được dịp nhớ đến danh tiếng để đời của thi hào kịch nghệ bất tử có một không hai. Nhà sản xuất ấy, dù thâm tâm mang ý tốt nhưng đường lối bị sai lầm, việc trước tiên ông ấy làm là gì? Đấy là vội vàng hội ý luật sư rồi thảo ra những giấy tờ pháp lý ấn tượng, tất cả đều sắp xếp chi li với ý đồ công khai là cốt sao đúng lúc để mời bằng được ngài Barrymore tài ba hay ngài Hampden lỗi lạc về thủ vai chính cho vở kịch ấy, tuy kinh điển nhưng đã bị cắt xén quá nửa. Mọi chú trọng đều dồn vào ngài Barrymore, hoặc ngài Hampden. Sức hấp dẫn là ở ngài Barrymore, hoặc ngài Hampden. Công chúng cũng hưởng ứng theo cùng kiểu - họ đến chỉ là để xem nỗ lực biểu diễn của ngài Barrymore hoặc ngài Hampden, mà hoàn toàn bỏ qua chỗ tinh hoa bị tráng thực ra lại chính là ở bản thân vở kịch.”

“Ngài Geddes, với ý định sửa chữa điều tai hại của sự đề cao ngôi sao quá mức, đã đưa một diễn viên trẻ tài năng là ngài Massey vào vai diễn cho vở kịch cùng tên. Thế nhưng, đến cả sự mạo hiểm này cũng là tai ương khinh suất vì vở kịch cũng bị cắt xén theo cách khác. Việc ngài Massey trước nay chưa từng thủ vai Hamlet quả là một niềm cảm hứng cho vai diễn, nhưng là vai diễn của ngài Geddes nặn thành, mặc dù một phần nào đó trong ý đồ gốc của tác giả vở kịch đã được lấy lại - đó là một Hamlet

thực sự Hamlet, không phụ thuộc vào tiếng tăm của người diễn viên. Sự nhào nặn ở đây - sự cắt xén lời thoại và chỉ đạo diễn xuất của ngài Massey khiến Hamlet trở thành một chàng thanh niên non nớt mang dáng dấp vô biên hơn là một triết gia - là câu chuyện khác với chuyện đã viết ban đầu.

“Nhưng chính sự chú trọng vào ngôi sao mới là điều tàn nhẫn với nhà viết kịch vĩ đại có một không hai qua mọi thời đại. Trong điện ảnh cũng vậy. Ngài George Arliss diễn vai trong phiên bản điện ảnh của một câu chuyện chuyển thể về một nhân vật lịch sử. Phải chăng công chúng kéo nhau đến để xem Disraeli, là nhân vật đó, được tái hiện một cách diệu kỳ trong giọng nói và bằng cơ thể? Hay là xem Alexander Hamilton? Không hề. Họ lũ lượt đến là để xem sự diễn xuất hay ho của ngài George Arliss, nhưng là cho một nhân vật đã hoàn toàn khác trước.

“Các ngài thấy đấy, sự chú ý đã bị đặt sai chỗ, cách tiếp cận đã bị làm méo mó. Hệ thống hiện đại của quý ngài về nhận diện tội phạm cũng bị mất thăng bằng, bị thiên lệch sâu sắc, giống như hệ thống hiện đại đã đề cao ngài Arliss hoặc phân vai diễn Hamlet cho ngài Barrymore. Nhà sản xuất đã nhào nặn Hamlet, đẽo gọt, đổi thay kích thước, và thiết kế lại nhân vật này cho vừa với ngài Barrymore, thay vì xem xét Barrymore và so sánh với đặc điểm trong nguyên tác, mà Shakespeare đã cân lường để đặt vào trong đó. Quý ngài thanh tra Thumm và công tố viên Bruno, đang phạm phải sai lầm giống vậy khi quý ngài nhào nặn tội ác, đẽo gọt nó, đổi thay kích thước của nó và thiết kế lại để nó vừa với John DeWitt, thay vì đo xem liệu John DeWitt có khớp với những chi tiết cố định của tội ác đó hay là không. Những kết luận lỏng lẻo, những điểm vụn vặt, những mảnh ghép vụng về của những tình tiết không giải thích được của quý ngài, đều là kết quả của cái phương pháp đặt giả thuyết quá nóng vội này. Vấn đề bao giờ cũng cần được giải quyết từ chính bản thân tội ác, được cấu thành từ một loạt những tình tiết không thể thay đổi; và nếu còn giả thuyết nào mâu thuẫn hoặc đối nghịch với nó, thì có nghĩa giả thuyết ấy đã sai. Các ngài hiểu tôi nói gì đấy chứ, thưa quý ngài?”

“Này ngài Lane thân mến của tôi.” Bruno nhăn trán, ông đột ngột đổi sang thái độ khác hẳn. “Đây quả là một phép loại suy sáng suốt và tôi tin chắc về căn bản nó đúng hoàn toàn. Nhưng mà, lạy Chúa, chúng tôi đây có thể dùng phương pháp này thường xuyên đến đâu? Chúng tôi cần hành động. Chúng tôi đang chịu áp lực từ cấp trên, từ báo chí, từ công chúng. Nếu có chẳng chỉ vài điều không được sáng tỏ, đó nào phải vì chúng tôi sai, đó là vì chúng không được giải thích ấy chứ, có lẽ là vì không liên quan, và chỉ là những chi tiết vụn vặt.”

“Một câu hỏi có thể thảo luận... thực ra thì, ngài Bruno ạ,” Lane đột ngột đáp lời - gương mặt ông trở lại vẻ bình lặng và bí ẩn, “để kết thúc cuộc thảo luận thân mật này, tôi đồng ý với ngài rằng luật pháp nên hành động theo cách của nó. Hãy bắt giữ ngài DeWitt về tội cố sát đối với Charles Wood, thế thôi.”

Ông đứng dậy, mỉm cười, nghiêng mình chào và nhanh chóng rời khỏi gian phòng.

Tiền khách ra tận buồng thang máy ngoài hành lang xong xuôi, Bruno trở vào với vẻ mặt băn khoăn lo lắng. Ngồi trong chiếc ghế của mình Thumm đưa mắt chăm chú nhìn ông, vẻ hung hăng thành nết cũng tan biến tự bao giờ.

“Thế nào Thumm, anh nghĩ sao?”

“Quý tha nó chứ,” Thumm nói, “giá mà tôi biết mình nghĩ sao. Lúc đầu tôi cho thẳng cha đó chẳng qua chỉ là gã hát tuồng ba hoa khoác lác, nào dè ...” Ông đứng dậy bắt đầu dùng chân đo thăm. “Cái bài thuyết giáo mới rồi đó của gã quả chẳng hề vớ vẩn chút nào. Tôi chẳng biết nữa ... Mà này, biết chuyện này anh thú vị cho xem. Hôm nay Lane đã ăn trưa cùng DeWitt. Mosher vừa báo cáo tôi.”

“Ăn trưa với DeWitt à? Vậy mà ông ta chẳng thờ ra lấy một chữ về chuyện đó,” ngài công tố viên nói khẽ. “Tôi ngờ ông ấy hẳn có chuyện gì giấu riêng về DeWitt đây.”

“À, ông ấy chả xào nấu chuyện gì với DeWitt cả đâu,” Thumm nhăn mặt, “do Mosher bảo lúc Lane bỏ đi thì nhìn bộ tướng DeWitt hệt con chó vừa bị

đập một phát như tử.”

“Có thể,” Bruno thở dài ngả người vào chiếc ghế xoay của mình, “có thể tốt cục ông ấy vẫn đứng về phía chúng ta. Còn nếu có cơ may dù rất nhỏ rằng ông ấy sẽ khám phá ra điều gì đấy, chúng ta đành bám vào ông ấy rồi ngậm bồ hòn mà thôi... Mà,” ông nói thêm sau cái nhăn mặt cuối cùng, “nó có ngọt ngào gì cho cam!”

# CẢNH 10

Lâu Đài Hamlet

Thứ Sáu, Ngày 11 Tháng 9

7 Giờ Tối

Ngài Drury Lane bước vào tiền sảnh nhà hát riêng của ông tại lâu đài Hamlet, đi cùng là một người trong chiếc áo choàng *Kozakú\** - một gã đàn ông xương xẩu, xương hàm va lạch cạch theo mỗi bước chân. Nhà hát bắt đầu bằng một hành lang song song với sảnh chính rộng thênh thang, có cửa là một vách kính lộng lẫy. Gian tiền sảnh không hào nhoáng như phần bên ngoài của ngôi nhà hát quy mô trung bình này, chủ yếu được trang trí bằng đồng thiếc và cẩm thạch. Ngay chính giữa là một pho tượng điêu khắc đặc biệt, đó là bản sao bằng đồng của công trình điêu khắc nổi tiếng của Huân tước Gower\* - tượng đài Shakespeare ngồi trên một chiếc bệ cao; bốn phía bên dưới là các pho tượng của Phu nhân Macbeth, Hamlet, Hoàng tử Hal và Falstaff. Bên kia tiền sảnh sừng sững một cánh cửa lớn bằng đồng.

Vẫn chăm chú theo dõi đôi môi của người đi cùng đang vừa nói vừa vung tay làm cử chỉ - cố gắng thu nhỏ vóc người vừa cao lại gầy của ông ta - Lane mở cánh cửa đó và hai người cùng bước vào bên trong nhà hát. Không có ghế lô, không có những hoa văn trang trí kiểu rococo\*, không có đèn chùm pha lê đẹp mắt từ trần cao - không ban công, tranh tường cũng không có.

Trên sân khấu, một thanh niên hói đầu khoác chiếc áo bờ-lu lem luốc đang đứng trên một chiếc thang, anh ta đang vung cọ thành những nét vuốt thẳng tay trên nền một bức phong màn, giữa một phong cảnh thuộc trường

phái ẩn tượng - một con hẻm nhỏ hai bên là những dãy nhà méo mó kỳ quặc.

“Hoan hô, Fritz! Lane vừa cất tiếng rành mạch vừa dừng lại một lát ở phía cuối nhà hát để quan sát công trình thủ công của chàng thanh niên. ”Tôi hài lòng đấy.” Tiếng của Lane không gây chút vang vọng nào dù nhà hát hoàn toàn trống rỗng.

“Nào,” Lane ngồi gọn vào hàng ghế phía sau, “hãy chú ý đây, Anton Kropotkin. Anh có chiều hướng xem thường tiềm năng về tác phẩm của đồng hương mình. Ẩn giấu bên dưới vẻ quê mùa của nó là cả bầu nhiệt huyết Nga thực sự. Nếu biên dịch vở kịch sang tiếng Anh, vẻ đam mê đậm chất Xla-vơ kia sẽ không còn như trước, còn nếu dựa vào bối cảnh Anglo Saxon để viết lại, như gợi ý thật táo bạo của anh, vở kịch sẽ...”

Cánh cửa đồng mở toang vào bên trong và dáng dấp bé nhỏ với cái lưng gù của Quacey lếch thếch đi vào nhà hát. Kropotkin quay cả thân hình cao lớn, và Lane nhìn theo hướng ánh mắt của gã người Nga. “Kìa Quacey. Lão xâm chiếm vào nơi bất khả xâm phạm của kịch đấy ư?” Lane hỏi một cách trù mến, rồi nheo mắt lại. “Lão trông mệt lắm thì phải, Quasimodo xấu xí tội nghiệp. Chuyện rắc rối gì thế?”

Quacey chậm chạp lê đến chỗ ngồi bên cạnh, làu bàu chào hỏi gã Kropotkin khống lồ. Lão dẫn dỗi nói: “Quả đúng là một ngày - mà chỉ có Chúa lòng lành trên cao mới có những ngày như thế. Mệt mỏi ư? Hừ, lão đây bị xé vụn thành từng mảnh thì có!”

Lane vỗ về bàn tay lão, như thế lão gù nhả nheo là một đứa trẻ. “Thế lão có thành công không đấy, hờ ông thần lùn giữ của?”

Hai hàm răng vụt lóe lên trên gương mặt nhả như tấm da của Quacey. “Mà lão làm sao có thể cơ chứ? Phải đấy là cách mấy tay lãnh sự Nam Mỹ này phục vụ tổ quốc không nhỉ? Thật là xấu hổ. Ai nấy đều đi vắng. Ai nấy đều nghỉ phép... Cứ thế, lão đã phí mất ba giờ vào những cú gọi vô ích và...”

“Quacey, này Quacey,” Lane nói, “hãy giữ sự kiên nhẫn của người mới vào nghề. Thế lão thử gọi lãnh sự quán Uruguay chưa?”



“Uruguay? Uruguay?” lão già rít lên. “Thử rồi chứ sao. Uruguay? Phải nó là một nước ở Nam Mỹ không đấy?”

“Phải. Tôi tin lão sẽ may mắn hơn ở đó.”

Quacey nhăn nhó gương mặt, một gương mặt quả thật rất ư xấu xí, thụi vào cạnh sườn gã người Nga một quả đấm ác ý, rồi lộp độp rảo bước ra khỏi nhà hát.

“Con chuột thối ấy!” Kropotkin càu nhàu. “Lão khiến sườn tôi đau chết đây.”

Mười phút sau, đang lúc Kropotkin, Hof và Lane ngồi quanh thảo luận về một vở kịch mới, lão già lụ khụ vừa cười khì khì vừa lê chân vào nhà hát lần nữa. “À, có một gợi ý cao nhã, ngài Drury. Viên lãnh sự Uruguay phải đến thứ Bảy, ngày 10 tháng Mười mới trở về.”

Kropotkin đứng bật dậy sấn sổ chạy dọc lối đi giữa hai hàng ghế. Lane nhăn mày. “Thật là không may,” ông nói thăm. “Thế ông ấy cũng đi nghỉ à?”

“Đúng thế. Ông ta trở lại Uruguay và không ai ở văn phòng lãnh sự của ông ta có thể - hoặc sẵn sàng - giải thích gì thêm. Tên của viên lãnh sự là Juan Ajos, A-j-o-s.”

“Nói ngài hay,” Hof trầm ngâm, “tôi muốn làm một thử nghiệm với vở nhạc kịch này, ngài Lane ạ.”

“Ajos...” Quacey vừa bắt đầu vừa chớp mắt.

“Sao hả Fritz?” Lane hỏi.

“Đặt vách ngăn một bên sân khấu thì sao nhỉ? Xét về cơ học thì vấn đề không quá khó.”

“Lão vừa có một cú điện thoại...” Quacey tuyệt vọng mở lời, nhưng Lane lại đang nhìn chăm chú vào Hof.

“Tôi sẽ suy nghĩ thêm điều ấy, Fritz,” người kịch sĩ nói. “Cậu...”

Quacey giật giật vào tay Lane khiến ông quay lại. “Ồ, Quacey! Còn chuyện gì khác nữa sao?”

“Lão đang cố bảo ngài đây,” Quacey ngắt lời. “Thanh tra Thumm gọi đến báo rằng ông ấy vừa bắt giữ John DeWitt.”

Lane phẩy tay dừng dừng. “Ngu ngốc, nhưng có ích. Thế còn gì thêm không?”

Lão gù dùm lòng bàn tay xoa bóng mái đầu hói của mình. “Ngài thanh tra bảo ông ấy sẽ sớm lấy cáo trạng, nhưng việc xét xử sẽ đợi chừng một tháng vì Tòa địa hạt ít nhất phải đến tháng Mười mới triệu tập hoặc đại loại như thế, ông ấy bảo vậy.”

“Trong trường hợp này,” Lane nói, “ta sẽ cho phép ngài Juan Ajos nghỉ phép trong bình yên. Lão nên nghỉ ngơi thôi, Caliban. Hãy đi đi!... Còn bây giờ, Fritz, ta cùng mổ xẻ cái cảm hứng của cậu xem nào.”

# CẢNH 11

Văn Phòng Công Ty Lyman, Brooks & Sheldon

Thứ Ba, Ngày 29 Tháng 9

10 Giờ Sáng

Phu nhân Fern DeWitt đi đi lại lại quanh phòng lễ tân y như một con báo cái đang quật qua quật lại cái đuôi của mình. Mụ mặc bộ y phục in hình da báo, đầu đội mũ turban mang màu da báo, đôi giày kỳ dị cũng được làm theo màu da báo hoa. Cả đôi mắt đen của mụ cũng sáng lóe lên sự hung ác của loài báo cái. Khuôn mặt luống tuối của mụ được tô trát thành nhiều lớp dày trịch như một chiếc mặt nạ đang che giấu hàng thế kỷ của sự hiểm ác. Và, bộ mặt giả tạo ấy lại che đậy lên một nỗi sợ hãi ghê gớm.

Khi nhân viên lễ tân mở cửa thông báo ngài Brooks mời vào gặp, thì mụ lại đang ngồi khá im lìm trên một chiếc ghế. Bộ điệu này là mụ tự sáng tác để kêu gọi sự chú ý, ấy là mụ nghĩ thế. Khẽ mỉm cười, mụ cầm chiếc ví cũng in họa tiết lông báo hoa của mình lên rồi theo chân người nhân viên đi qua một hành lang hai bên tường chất kín sách luật, đến một cánh cửa có tấm biển ghi: *Văn phòng Ngài Brooks*.

Lionel Brooks - người sao tên vậy - có dáng dấp của một con sư tử\*. Thân hình ông cao lớn, với mái tóc vàng bù xù oai vệ đã ngả bạc. Ông ăn vận nhã nhặn, đôi mắt hiện đầy vẻ âu lo.

“Mời ngồi, phu nhân DeWitt. Xin lỗi để bà phải đợi.” Mụ lắng nghe một cách gượng gạo và từ chối lời mời một điều thuốc. Brooks ngồi ghé lên mép bàn, đưa mắt nhìn vào khoảng không rồi chột nói.

“Có lẽ bà thắc mắc tại sao tôi mời bà đến đây. Vấn đề này, tôi e có những liên quan rất mật thiết và quả thật rất khó khăn cho tôi khi thông báo với bà. Mong bà hiểu tôi chỉ là người trung gian mà thôi, bà DeWitt ạ.”

“Tôi hiểu.” Mụ nói mà không hề mấp máy đôi môi sơn đỏ choét của mình.

Brooks khẽ cúi đầu. “Ngày nào tôi cũng đến thăm ngài DeWitt tại nơi giam giữ. Tất nhiên, ông ấy bị buộc tội cố sát cấp độ một vậy nên luật pháp không cho phép tại ngoại hầu tra. Ông ấy chấp nhận bị giam giữ - nói sao nhỉ, một cách bình thản. Nhưng đây không phải là điều cơ bản tôi muốn bàn ở đây. Thưa bà DeWitt, phu quân của bà hôm qua ủy quyền cho tôi nhắn lại với bà rằng, nếu được xử trắng án tội giết người, ngay sau đó ông ấy muốn tiến hành luôn thủ tục ly hôn với bà.”

Ánh mắt của người đàn bà không mấy may xao động; không hề có vẻ gì giống sự co rút lại như để tránh né một quả đấm bất ngờ. Tự sâu thẳm trong ánh mắt to tròn mang dòng máu Tây Ban Nha của mụ có thứ gì đó bắt đầu sôi trào lên khiến Brooks vội lo nói tiếp.

“Ông ấy ủy quyền cho tôi đề nghị bà chấp nhận một khoản dàn xếp là hai mươi ngàn đô la mỗi năm, bà DeWitt ạ, cho suốt phần đời còn lại sống cảnh đơn thân của bà, với điều kiện bà chấp nhận ly hôn đồng thuận và hợp tác để hoàn tất thủ tục này sao cho thật vừa kín đáo lại vừa êm thấm. Bà DeWitt ạ, theo tôi trong hoàn cảnh hiện thời...” Brooks đứng lên và quay người đi quanh bàn, “trong hoàn cảnh hiện thời, ngài DeWitt đang đưa ra lời đề nghị rất hào phóng đấy.”

Mụ DeWitt nói bằng một giọng gay gắt: “Còn nếu tôi tranh chấp vụ kiện?”

“Ông ấy bảo sẽ không chi cho bà lấy một xu.”

Người đàn bà mỉm một nụ cười khủng khiếp, vì chỉ có đôi môi của mụ cong lên còn ánh lửa trong mắt thì không hề tắt đi. “Ngài Brooks ạ, tôi thấy dường như cả ông lẫn ngài DeWitt đều lạc quan quá đáng thì phải. Có một thứ gọi là tiền chu cấp ly hôn vậy, ông biết chứ.”

Brooks ngồi xuống và từ tốn châm một điếu thuốc lá. “Nhưng sẽ không có khoản tiền chu cấp nào cả, bà DeWitt ạ.”

“Thật là một lời lẽ lạ đời phát ra từ miệng một vị luật sư, thưa ngài Brooks.” Lớp phấn hồng trên đôi má của mẹ bừng bừng lên như ngọn lửa. “Dứt khoát một bà vợ bị vứt bỏ phải được bù đắp chứ!”

Brooks nhìn mặt trước giọng lưỡi đánh đá của mẹ; mẹ nói như một cái máy lạnh lùng vô tri. “Bà không phải là người vợ bị vứt bỏ, thưa bà DeWitt. Nếu bà tranh chấp vụ kiện này và buộc chúng tôi phải đưa ra tòa tranh tụng, bà có thể tin tôi rằng, Tòa án sẽ đứng về phía chồng bà chứ không phải bà, bà DeWitt ạ.”

“Làm ơn nói toẹt ra đi.”

Brooks nhún vai. “Được thôi, nếu bà khẳng khái thế! Bà DeWitt, chỉ một lời buộc tội duy nhất mà nguyên đơn của một vụ kiện ly hôn có thể khởi kiện tại tòa tiểu bang New York. Ngài DeWitt đang nắm bằng chứng trong tay - tôi lấy làm tiếc phải nói ra điều đó, thưa bà DeWitt - bằng chứng mà cũng không cần phải ngụy tạo ra về sự lỗi đạo chung thủy của bà!”

Lần này mẹ điềm tĩnh hoàn toàn; một bên mí mắt hơi rủ xuống tí chút và chỉ có thế. “Bằng chứng gì?”

“Một lời khai đã ký của nhân chứng. Người này cam đoan bằng chữ ký pháp lý rằng bà và Harley Longstreet đã ở chung cùng nhau tại căn hộ của Longstreet vào sáng sớm ngày mùng 8 tháng Hai vừa rồi, vào lúc bà được cho đang rời khỏi thành phố để nghỉ cuối tuần. Bà bị trông thấy - bản khai nói rõ - là đang trong chiếc váy ngủ mỏng manh lúc tám giờ sáng, còn ngài Longstreet thì vận đồ pajama, và tại thời điểm nhân chứng thấy cả hai người thì bà đang trong tình trạng quan hệ âu yếm không thể nhầm lẫn. Tôi có nên nói cụ thể hơn chẳng, thưa bà DeWitt? Vì lời khai có tuyên thệ đó đi vào chi tiết thực đau lòng.”

“Thế là quá đủ. Quá đủ rồi,” mẹ lí nhí. Ánh lửa trong mắt mẹ sáng bập bùng; mẹ trở về trạng thái thả lỏng và lại là con người bình thường, đang run lên như một cô gái non nớt. Rồi mẹ hất hàm. “Kẻ nhân chứng hèn hạ này của ông là ai thế - một ả đàn bà phồng?”

“Tôi không được quyền nói ra,” Brooks ngắt lời. “Tôi hiểu bà đang nghĩ gì. Rằng đây là một trò phỉnh phờ, hoặc là một việc sắp đặt sẵn.” Về mặt ông đành lại, giọng điệu trở nên lạnh lùng dửng dưng. “Tôi đoán chắc với bà rằng chúng tôi đang giữ văn kiện ấy trong tay, và chúng tôi có nhân chứng, một nhân chứng hoàn toàn đáng tin cậy, xác nhận cho văn kiện ấy. Tôi cũng đoán chắc với bà, chúng tôi có thể chứng minh được rằng, sự việc này giữa các người trong căn hộ của Longstreet không phải là lần đầu, mặc dù có thể đây là lần cuối cùng. Vậy nên tôi nói lại, thưa bà DeWitt, rằng đang khi ngài DeWitt còn tỏ ý hào hiệp và bằng kinh nghiệm của mình về những chuyện loại này, tôi thành thật khuyên bà nên chấp nhận lời đề nghị ấy đi thôi - hai mươi ngàn đô la mỗi năm cho đoạn đời không hôn nhân còn lại của bà, với điều kiện bà giữ im lặng và giúp chúng tôi giải quyết êm xuôi chuyện ly hôn mà không dấy lên bất kỳ tai tiếng gì. Hãy nghĩ cho thật kỹ, thưa bà.”

Ông đứng dậy tỏ ý kết thúc cuộc nói chuyện và đưa mắt nhìn xuống mộ. Hai tay chấp trước bụng, mộ ngồi yên đưa mắt chăm chăm nhìn xuống thăm thẳm sàn. Thế rồi, không nói lời nào, mộ nhóm người khỏi ghế và đi ra cửa. Brooks đưa tay mở cửa, tiễn chân mộ ra phòng lễ tân, nhấn nút gọi thang máy và họ đứng đợi trong im lặng. Khi thang máy đến, ông cất tiếng chậm rãi: “Tôi mong nhận được câu trả lời của bà trong một hoặc hai hôm tới, thưa bà DeWitt, hoặc từ luật sư của bà, nếu bà quyết định thuê luật sư.”

Không lí gì đến sự tồn tại của ông, mộ chen người qua mặt, bước thẳng vào thang máy. Chàng thanh niên trực thang máy toét miệng cười còn Brooks khẽ lắc đầu, đứng đấy một mình trầm tư mặc tưởng.

Roger Sheldon, đồng nghiệp cấp dưới, thò mái tóc xoắn của anh ta vào phòng lễ tân. Anh ta nhăn mặt. “Đi rồi sao Lionel? Bà ta chịu đựng việc này ra sao?”

“Tôi phải khá khen cho bà ta. Bà ấy chịu đựng việc này cứ như một kẻ bề trên. Bà ấy quả chẳng phải tay vừa.”

“Ha, hy vọng việc này sẽ khiến DeWitt hài lòng. Ấy là nếu bà ta đừng la lối gì. Anh có cho là bà ta sẽ khước từ vụ này không đấy?”

“Khó nói đấy. Dù vậy tôi linh cảm bà ấy biết Anna Platt là nhân chứng của chúng ta, vì cái cô tên Platt này bảo sáng hôm ấy, lúc nhìn trộm vào phòng ngủ có vẻ như ả đã bị bà DeWitt bắt gặp. Quý tha mấy con mụ này đi!” Ông chột ngừng lại. “Roger này,” ông nói khẽ, “chuyện này làm tôi không yên tâm. Tốt nhất anh nên cử ai đó theo dõi cả Anna Platt nữa nhé. Tôi đây cũng không chắc lắm với lập trường trung thực của ả đó. Sẽ chẳng lấy gì làm lạ nếu bà DeWitt cố mua ả, và rồi ra trước tòa ả lại bác bỏ bản khai.”

Họ đi dọc theo hành lang dẫn đến văn phòng của Brooks. Sheldon nói: “Tôi sẽ giao Ben Callum lo vụ này. Hắn là người giỏi làm mấy việc đó. Thế Lyman theo đuổi vụ DeWitt ra sao rồi?”

Brooks lắc đầu. “Gay đấy, Roger ạ, gay go đấy. Fred có một công việc phải xử lý rồi đây. Lạy thánh Christopher, giá bà DeWitt biết khả năng DeWitt thoát được vụ này mỏng manh đến mức nào, chắc bà ấy chẳng lo lắng vụ kiện làm gì. Nhiều cơ may trở thành bà quả phụ hơn là một bà vợ bị ly dị!”

# CẢNH 12

Lâu Đài Hamlet

Chủ Nhật, Ngày 4 Tháng 10

3 Giờ 45 Chiều

Drury Lane thông thả dạo bước qua khu vườn kiểu Anh quốc của mình, tay chấp hờ sau lưng, tận hưởng bầu không khí đượm hương hoa cỏ. Thoải mái sát bên ông là hàm răng màu nâu đang nghiêng qua nghiêng lại trên bộ mặt màu nâu của Quacey, một Quacey trầm lặng theo đúng kiểu Quacey, vì tâm trạng của lão phụ thuộc vào chủ nhân, mà chủ nhân thì dù tâm trạng thất thường đến mấy cũng được lão phục vụ bằng lòng tận tụy của một con chó săn già.

“Này lão khi, nếu tôi có vẻ đang phàn nàn,” Lane thì thầm mà không hề nhìn xuống mái đầu lờm chờm của Quacey, “thì hãy thông cảm vì đôi khi tôi trở nên thiếu kiên nhẫn. Những bậc vĩ nhân của chúng ta đã nói rồi, không thể vội vàng với vị thần mang tên Thời gian. Chẳng hạn,” ông tiếp tục bằng âm điệu hùng hồn, “‘Thời gian là vị quan tòa từng trải sẽ xét xử tội lỗi con người gây ra, hãy để Thời gian phán quyết.’ Và nàng Rosalind\* xinh đẹp chưa bao giờ nói lời nào đúng hơn. ‘Thời gian sẽ bày ra mọi đối lừa được khéo léo che đậy; dù ai giấu kín tội của mình, sớm muộn gì cũng tui hổ mà thôi.’ Vụng về, cho một sự thay đổi, nhưng không phải là không sâu sắc. Còn đây nữa, lão khi: ‘Thời gian xoay đi rồi xoay lại, sẽ mang sự báo thù về cho kẻ đã gieo rắc nó.’ Thế nên lão thấy đấy.”

Họ đến một cây cổ thụ kỳ dị có hai thân ghép đôi, xương xẩu và xám xịt, từ trên cao tán cây chụp xuống đầu họ như một mái vòm hình thù lạ mắt.



Giữa hai thân ấy người ta khoét thành một mặt ghế dài, Lane ngồi xuống và ra hiệu cho Quacey cùng ngồi bên cạnh.

“Cây Quacey,” Lane thì thầm. “Lão thấy không, hồi cụ già đáng kính, chúng tôi hiến tặng hẳn một công trình kỷ niệm cho sự hom hem của lão...” Ông nheo mắt lại còn Quacey thì bắn khoăn khom người ngồi vào chỗ.

“Ngài đang lo âu thì phải,” Quacey làu bàu rồi lại xoắn ngay lấy râu như thể lão vừa thốt ra lời bất cần.

“Lão nghĩ vậy sao?” Drury Lane hỏi bằng cái liếc xéo tinh quái. “Xem ra lão hiểu tôi còn rõ hơn cả tôi hiểu chính mình... Nhưng mà Quacey này, cái *Thời gian chờ đợi* này không êm dịu với thần kinh chút nào. Chúng ta đang lâm vào hoàn cảnh bế tắc. Đã không có gì xảy ra ở một tính khí dễ biến đổi, và tôi đang tự hỏi tâm tính ấy có thay đổi nữa không. Chúng ta đang theo dõi sự chuyển biến của một con Nhân sư đội lốt người. John DeWitt, từ kẻ day dứt vì một nỗi sợ thầm kín đã trở thành người được tiếp sức bằng một liều thuốc bí mật. Đố ai biết loại thuốc gì đã tôi luyện tâm hồn ông ấy? Tôi gặp ông ấy hôm qua và trông ông như người luyện Yoga đang thăng hoa - đứng vững, im lìm, bình thản, dường như chờ đợi cái chết bằng sự thanh thản của người ẩn sĩ đông phương huyền bí. Lạ lùng.”

“Biết đâu,” Quacey chót chét, “ông ấy sẽ được trắng án.”

“Có lẽ thế,” người kịch sĩ nói tiếp, “cái mà tôi cho là sự cam chịu có lẽ chính là sức chịu đựng của người La Mã. Người này mang những tế bào bằng thép tự trong tâm. Một nhân vật thú vị... Những phần còn lại chẳng là gì. Tôi đang bất lực, và giờ tôi bị giáng xuống vai diễn của kẻ đạo đầu thụ động... Cục điều tra mật tích đã lịch thiệp với tôi, song hồ sơ của họ thì trống rỗng chả khác gì thi sĩ đạo thơ\* của Pope\*. Thanh tra Thumm, một quý ông chất phác luôn làm việc nghiêm túc - vừa báo với tôi rằng ông ta đã điều tra cuộc sống riêng tư của tất cả hành khách đi trên chuyến đò Charon\* ấy, và rằng địa chỉ, nhân thân và lai lịch của họ dường như đều rõ ràng. Lại bí lối... xét cho cùng, việc này cũng thật vô nghĩa! Quá nhiều người đã ra khỏi hiện trường và không tính được, không thể nào tính

được... Gã Michael Collins tiếp tục đến thăm John DeWitt trong ngôi mộ pháp lý với sự thành tâm của một kẻ sám hối đang bò đến hang của Pahjnutius\* - và không thuốc nào cứu được linh hồn của gã, Quacey ạ... Ngài Công tồ địa hạt Bruno, người bị phiền não nhất, báo qua Luật sư Lionel Brooks để tôi biết rằng phu nhân DeWitt đã rứt vào sào huyết của mục ấy - chừng như là, đang cố tình hoãn binh vào lúc này, không chấp nhận cũng chả khước từ sự đề nghị của phu quân mục ta. Quả đúng là người đàn bà gian ngoan và hiểm ác, Quacey... Còn người đồng nghiệp không chính thống của tôi, cô Cherry Browne, suốt ngày đến ám ngài Công tồ, đòi hỗ trợ cho việc tố tụng chống lại DeWitt, chẳng có gì nhiều để trình ngài Công tồ ngoài tính lạng loàn của ả - một tài sản hữu hình trên ghế nhân chứng, không nghi ngờ gì nữa, khi nó được làm nổi bật bằng đôi chân mỹ miều và đôi gò bồng đảo lấp ló...”

“Nếu nó là vào khoảng tháng Tư, ngài Drury,” Quacey đánh liều cất tiếng sau một hồi nín lặng sợ hãi, “lão đoán chắc ngài sẽ dượt lại một bài độc thoại từ Hamlet.”

“Còn gã Charles Wood tội nghiệp,” Drury Lane thở dài nói tiếp, “thì đã vĩnh viễn bỏ lại di sản của mình tại tiểu bang New Jersey tự trị, vì sẽ không ai đứng ra khiếu nại tài sản đó - chín trăm bốn mươi lăm đô la và sáu mươi ba xu. Tờ bạc năm đô la trong cuốn sổ, vẫn còn đó chưa gửi vào ngân hàng, có lẽ sẽ mục ruỗng trong văn khố mà thôi... A, Quacey, ta sống vào thời của những điều mới kỳ lạ làm sao!”

# CẢNH 13

Nơi Ở Của Frederick Lyman.

Thứ Năm, Ngày 8 Tháng 10

8 Giờ Tối

Chiếc Limousine của ngài Drury Lane đỗ trước một tòa nhà cao tầng trên đại lộ West End, người gác cửa cúi gập người chào người kịch sĩ từ lúc xuống xe cho đến khi vào đến tiền sảnh.

“Ngài Lyman ạ.”

Người gác cửa khéo léo nói vào một cái ống nói. Rồi Drury Lane được dẫn đến thang máy, đưa thẳng lên trên và dừng lại ở tầng mười sáu. Một anh chàng người Nhật đã đợi sẵn nở nụ cười chào hỏi thật tươi, rồi đích thân đưa ông đi vào một căn hộ hai tầng\*. Đến đây có một người đàn ông khá điển trai, vận bộ comple dạ tiệc bước tới chào đón. Ông có vóc người tầm thước, gương mặt đầy đặn, có một vết sẹo trắng dưới cằm, mái tóc thưa trên vầng trán rộng và cao. Anh chàng người Nhật đón lấy áo choàng, mũ và gậy của Lane; hai người đàn ông, một khách một chủ bắt tay nhau.

“Tôi đã nghe nói về danh tiếng của ngài, thưa ngài Lane,” Lyman mở lời và đưa Lane đến một chiếc ghế bành trong phòng đọc sách. “Tôi phải nói rằng tôi thật sự rất vui mừng và vinh hạnh được đón tiếp ngài. Ngài Lionel Brooks đã nói với tôi rằng ngài có quan tâm đến vụ án của DeWitt.”

Ông đi quanh chiếc bàn rộng bày kín sách luật và tài liệu rồi ngồi xuống.

“Ngài Lyman, nếu tôi không nhầm thì ngài đang gặp khó khăn trong việc biện hộ ở vụ án này thì phải?”

Vị luật sư tựa hẳn người sang một bên ghế, rồi bắt đầu bôi rồi đưa ngón tay sờ vào vết sẹo dưới cằm. “Khó khăn ư?” Ông dăm chiêu đưa mắt nhìn đồng giấy tờ trên bàn làm việc của mình. “Vụ này gần như vô vọng ngài Lane ạ, dù tôi đang cố hết sức. Tôi đã nhiều lần bảo thẳng DeWitt rằng, ông ấy chắc chắn sẽ gặp rắc rối lớn nếu không thay đổi thái độ. Ấy thế mà ông ấy vẫn im như nhóc. Việc xét xử diễn ra mấy ngày nay mà tôi vẫn chưa thể moi được điều gì từ ông ta, tình hình có vẻ thật đen tối.”

Lane thở phào. “Này, ngài Lyman, ngài dự liệu một phán quyết bất lợi sẽ được đưa ra chăng?”

Lyman lộ vẻ rầu rĩ. “Điều này xem ra không tránh khỏi.” Ông ngửa tay. “Bruno đang chiếm thế thượng phong - ông ấy quả là một tay luật sư tranh tụng già đời quỷ quyệt - và ông ta đã trưng ra trước bồi thẩm đoàn một chứng cứ gián tiếp rất có trọng lượng. Tôi đã theo dõi cái bồi thẩm đoàn với mười hai thành viên khả tín, không nghi ngờ gì nữa, bọn họ đã bị gây ấn tượng. Ôi, những gã khờ, cả một đám người ấy.”

Lane chăm chú nhìn đôi mọng mắt trĩu xuống đầy u ám của vị luật sư. “Ngài Lyman, liệu ngài có cho rằng, vì sợ hãi nên DeWitt từ chối tiết lộ nhân thân của kẻ thực hiện cuộc gọi bí ẩn kia không?”

“Thánh thần ơi, tôi nào có biết.” Lyman nhấn một cái nút và anh chàng người Nhật bưng khay khế khàng bước vào. “Ngài uống gì nhé, ngài Lane? Một chút *crème de cocoa*? Hay là *Anisette*?”

“À không, cảm ơn. Cho tôi cà phê đen vậy.”

Chàng người Nhật biến mất.

“Ngài Lane ạ, thú thật là,” Lyman vừa nói tiếp vừa lôi một tờ giấy trước mặt, “DeWitt đã làm khó tôi ngay từ lúc đầu. Thực tình tôi chả biết liệu ông ấy hoàn toàn buông xuôi hay che giấu uẩn khúc gì đấy. Nếu đó quả thực là sự buông xuôi, thì kể như ông ấy đã tự an bài số phận của mình. Tôi đã cố hết mình rồi. Ngài biết đấy, tôi cho là Bruno đã xong phần trình bày chứng cứ của ông ấy tại tòa tiểu bang hồi chiều nay, còn tôi sẽ bắt đầu phần biện hộ của mình vào sáng mai. Tôi đã gặp Grimm tại phòng thẩm phán của lão sau khi thực hiện các thủ tục trong ngày, và lão già ấy tỏ ra kín đáo hơn mọi

khi. Còn đối với Bruno, hoặc ông ấy cay cú ăn thua còn không thì ông ấy đang khá tự tin, vì một nhân viên của tôi nghe được ông ấy nói rằng vụ án này ông ấy đã cầm chắc trong tay... Thế nhưng từ những điều tai nghe mắt thấy trong nghề pháp lý này, tôi vẫn luôn nhủ rằng: *Bei so grosser Gefahr kommt die leichteste Hoffnung in Anschlag\**.”

“Câu nói của người Đức xứng đáng sánh vai cùng Shakespeare,” Lane lẩm bẩm. “Ngài đã dự định gì cho phần biện hộ chưa?”

“Những gì tôi có thể làm là vạch ra kẽ hở trong luận cứ của Bruno - đấy là, vụ tố tụng đã bị áp đặt. Tất nhiên,” Lyman nói, “tôi đã cố tìm cách phản vấn để làm suy yếu luận cứ của Bruno ở một chi tiết cáo trạng, dẫn dụ ông ấy để lộ trước bồi thẩm đoàn rằng, ông ta không thể lý giải bằng cách nào Wood biết được DeWitt là kẻ phạm tội, kể cả lý lẽ rằng sau án mạng xảy ra DeWitt vẫn bắt xe điện của Wood đến hai lần chẳng nữa. Suy cho cùng, ông ta có thói quen đón chiếc xe điện đó thì đã sao, và tôi đã làm bồi thẩm đoàn hiểu được tường tận điều này. Thế nhưng cái được cho là điểm yếu ấy của Bruno lại không bác bỏ được chứng cứ nặng cân về điều xì gà trong người Wood, tôi e vậy. Đấy mới là chỗ nan giải.”

Lane tiếp lấy tách cà phê từ tay anh chàng người Nhật rồi trầm ngâm nhấm nháp, phần Lyman thì mân mê ly rượu của mình.

“Mà chuyện này chỉ có vậy,” Lyman nhún vai nói tiếp. “Bản thân DeWitt mới là kẻ thù tệ hại nhất của chính ông ấy. Giá mà ông ấy đừng bảo cảnh sát là trước giờ chưa hề mời Wood điều xì gà nào ở bất cứ đâu! Ất tôi còn có thể phịa ra một dòng biện hộ nào đấy khả dĩ còn nghe được. Lại còn cái cách ông ấy nói dối vào đêm đó nữa chứ... tôi thật ngán quá!” Ông dốc cạn ly rượu bé xíu. “Ban đầu ông ấy bảo mình chỉ ở trên chiếc phà ấy một chuyến, rồi lại thừa nhận là đã ngồi trên ấy đến bốn chuyến - đã thế lại còn úp mở về cái gã gọi điện thoại nào đấy nữa - nói thật ngài nhé, tôi chả trách gì Bruno đã lôi chuyện này ra chấm biếm thậm tệ tại tòa. Giá tôi là kẻ nào đó chẳng quen chẳng biết gì DeWitt tôi cũng chả đời nào tin nổi chuyện đó.”

“Nhưng ngài đâu thể trông đợi bởi thăm đoán tin vào đánh giá của riêng ngài về DeWitt thay vì tin vào chứng cứ, đúng không?” Lane từ tốn, “Đúng thế rồi... Nay ngài Lyman, theo cách ngài nói thì rõ ràng ngài đang tính đến điều tệ nhất. Có lẽ...” ông mỉm cười và đặt tách cà phê xuống, “có lẽ ta vận dụng được cái ‘hy vọng nhỏ nhất’ ấy của Goethe\* bằng nỗ lực chung...”

Lyman lắc đầu. “Tôi chẳng biết nếu thế thì bằng cách nào, mặc dù tôi lấy làm cảm kích về đề nghị trợ giúp của ngài, về pháp lý mà nói, tôi chỉ còn nước ném thật nhiều dấu chấm hỏi vào chứng cứ suy diễn của Bruno, với hy vọng bởi thăm đoán sẽ đi đến một phán quyết vô tội do nghi vấn hợp lý. Dấu là một ván bài cầu may, nhưng đây là cách tấn công tốt nhất của tôi hiện giờ. Trong tình trạng DeWitt cứ khẳng khẳng ngậm hột thị, thì mọi cố gắng nhằm chứng minh ông ấy vô tội quả là hết sức hao hơi.”

Lane nhắm mắt lại còn Lyman thì nín lặng và tò mò ngắm cái đầu to lớn khác thường của người đối diện. Người kịch sĩ lại mở mắt và Lyman nhận ra vẻ sững sốt thành thật ẩn sâu trong đôi mắt màu xám ấy. “Lyman, ngài biết không,” ông thì thầm, “tôi hoàn toàn lấy làm lạ rằng, trong từng ấy bộ óc sắc bén đang điều tra vụ án này, mà không có ai chịu bỏ qua những chuyện không đâu, để nhìn thấy sự thật rành rành đằng sau chúng.”

Gương mặt của Lyman bỗng sáng hẳn lên - một tia hy vọng, một mong ước khắc khoải. “Phải chăng,” ông vội hỏi, “ý ngài nói mình đang có trong tay một tình tiết trực tiếp có liên quan mà tất cả chúng tôi đều không biết đến? Một điều gì đấy sẽ chứng minh được sự vô tội của DeWitt?”

Lane khoanh tay lại. “Nói tôi nghe nào ngài Lyman, ngài thực lòng tin DeWitt không giết Wood à?”

Vị luật sư hạ giọng: “Đấy không phải là một câu hỏi thỏa đáng.”

Lane khẽ lắc đầu mỉm cười. “Thôi được, cứ tạm vậy... Còn về cái sự thật rành rành mà tôi vừa nói đến, và ngài lập tức kết luận rằng tôi đã khám phá ra điều gì mới mẻ... Ngài Lyman này, tôi chỉ biết những điều mà thanh tra Thumm, công tố viên Bruno cũng như chính ngài đã biết từ công tác điều tra về những tình tiết và hoàn cảnh liên quan đến cái đêm xảy ra án mạng ấy. Tôi có cảm giác rằng DeWitt, vốn là kẻ có bộ óc sắc sảo, đã thấy

sự thật dưới những điều kiện khác nhau, có lẽ ở nơi ông ấy không phải là chính mình với tư cách nhân vật trung tâm.”

Lyman sốt ruột nhảy ra khỏi ghế. “Chúa ơi, này ngài Lane,” ông gào lên, “Nó là cái gì vậy? Tôi... ôi lạy chúa tôi, tôi thấy mình lại thực sự hy vọng rồi đây!”

“Ngồi xuống nào, ngài Lyman,” Lane ôn tồn nói. “Hãy nghe kỹ đây, hãy ghi lại nếu ngài định...”

“Đợi đã nào, thưa ngài, xin đợi đã nào!” Lyman chạy vội đến bên một cái tủ rồi hồi hả quay lại với một món đồ lạ mắt. “Đây là chiếc máy ghi giọng đọc, hãy nói tùy thích những gì cần nói, thưa ngài Lane. Tôi sẽ nghiên ngẫm nó suốt đêm rồi dùng bằng hết vào buổi sáng!”

Lyman lấy từ ngăn kéo bàn làm việc một cái ống hình trụ bằng nhựa màu đen, gắn nó ngay ngắn vào chiếc máy rồi đưa cho Lane cái ống nói. Lane từ tốn nói vào chiếc máy ghi âm... Lúc chín giờ ba mươi, Lane chia tay một Lyman sung sướng rạng rỡ, mọi dấu vết của sự rã rời mệt nhọc tan biến hết trong đôi mắt sáng ngời của ông ta, tay ông cầm sẵn chiếc máy điện thoại.

# CẢNH 14

Tòa Hình Sự

Thứ Sáu, Ngày 9 Tháng 10

9 Giờ 30 Sáng

Thẩm phán Grimm, một ông già đạo mạo nhỏ người trong chiếc áo thụng màu đen, nghiêm trang bước vào; một nhân viên tòa án gõ gõ cây búa gỗ theo nghi thức, tiếng người xì xào và rì rầm, và ngày thứ năm của phiên tòa xét xử John O. DeWitt về tội cố sát Charles Wood bắt đầu giữa sự yên lặng lan dần ra những hành lang bên ngoài phòng xử án.

Gian phòng chật kín những người đến theo dõi phiên xét xử. Bên trong khu vực có rào chắn - trước mặt ghế quan tòa và mé bên bàn thư ký tòa - là hai chiếc bàn: một dành cho công tố viên Bruno, Thanh tra Thumm và tổ nhân viên phụ tá pháp lý; bàn kia dành cho Frederick Lyman, John DeWitt, Lionel Brooks, Roger Sheldon cùng vài nhân viên khác.

Bên ngoài khu vực có rào chắn là những gương mặt quen thuộc lẫn trong một biển đầu người. Ở một góc không xa khu bồi thẩm đoàn là ngài Drury Lane; ngồi cạnh ông là thân hình khô đét của Quacey. Ngồi tập trung thành nhóm phía bên kia gian phòng là Franklin Ahearn, Jeanne DeWitt, Christopher Lord, Louis Imperiale, và Jorgens - người quản gia của DeWitt. Gần ngay đó là Cherry Browne diện bộ đồ đen vô cùng quyến rũ đang ngồi cùng gã Pollux có bộ mặt nhìn đến thảm nảo. Michael Collins, đang cắn môi, ngồi tách riêng một mình; Anna Platt, thư ký của Longstreet cũng ngồi riêng một góc. Khuất xa về phía sau, dưới tấm mạng che mặt là phu nhân Fern DeWitt, trong dáng vẻ im lìm khó hiểu.



Kết thúc phần thủ tục mào đầu, một Lyman đã trẻ lại đồng dục đứng dậy từ phía sau chiếc bàn cất bước tiến ra. Ông đưa ánh mắt vui vẻ về phía bồi thẩm đoàn, quay sang cười tươi với ngài công tố viên rồi cất giọng sang sảng với quan tòa: “Thưa quý tòa, để làm nhân chứng đầu tiên cho phần bào chữa, tôi mời bị cáo John O. DeWitt lên bục!”

Bruno nhồm người chòng chọc trố mắt nhìn, thanh tra Thumm thì lắc đầu ngơ ngác giữa những tiếng rì rào kinh ngạc quét qua gian phòng xử án. Gương mặt của ngài công tố viên mới đây thôi còn tự tin bình thản giờ bỗng lơ mờ lộ vẻ băn khoăn. Ông nghiêng người sang Thumm che miệng hỏi nhỏ: “Lyman giấu con bài quái quỷ gì thế nhỉ? Mời bị cáo làm nhân chứng một phiên xét xử tội cố sát! Thế này là thế nào...” Thumm nhún vai, Bruno ngả người về chỗ cũ lẩm bẩm một mình: “Thật chả hiểu ra làm sao.”

John O. DeWitt, sau khi được làm lễ tuyên thệ đầy đủ, đọc lời thề, tên và địa chỉ bằng giọng nhỏ nhẹ xen lẫn căng thẳng; gã ngồi xuống ghế nhân chứng, khoanh tay và chờ đợi. Sự im lặng căng thẳng bao trùm cả gian phòng xử án; DeWitt trong dáng người yếu ớt cùng thái độ bình thản gần như đứng đưng xa cách của gã đang toát ra vẻ bí ẩn khó lường. Bồi thẩm đoàn ai nấy đều thấp thỏm chờ đợi.

Lyman nhẹ nhàng hỏi: “Ông bao nhiêu tuổi?”

“Năm mươi mốt.”

“Nghề nghiệp?”

“Môi giới chứng khoán. Trước khi xảy ra cái chết của ngài Longstreet, tôi là quản lý cấp cao trong hãng DeWitt & Longstreet.”

“Ngài DeWitt, xin mời thuật lại trước tòa và bồi thẩm đoàn những hoạt động của ông vào buổi chiều tối thứ Tư, ngày 9 tháng Chín, từ lúc ông rời văn phòng cho đến khi ông đến bến phà Weehawken.”

DeWitt nói như người đang kể chuyện: “Tôi rời văn phòng chi nhánh của mình ở khu Quảng Trường Thời Đại lúc năm giờ ba mươi và lên tàu điện ngầm vào trung tâm để đến Câu lạc bộ Chứng khoán ở phố Wall. Tôi đến phòng thể dục định vận động một lát trước khi ăn tối, định bụng sẽ bơi vài vòng. Tại phòng tập tôi bị đứt tay vì một món dụng cụ - một vết cắt vừa sâu

vừa dài trông đáng sợ khiến máu chảy khá nhiều. Thầy thuốc của Câu lạc bộ là Bác sĩ Morris lập tức xử lý vết thương, cầm máu và khử trùng cho tôi. Morris muốn băng ngón tay lại nhưng tôi không cho là cần thiết, và...”

“Chờ đã, ngài DeWitt,” Lyman ôn tồn ngắt lời. “Ông nói là ông xét thấy không cần phải băng lại ngón tay. Chẳng phải đúng hơn là ông nhạy cảm về bề ngoài của mình và...”

Bruno vụt đứng dậy, phản đối câu hỏi là mang tính chất mớm ý. Thẩm phán Grimm chấp thuận phản đối. Mỉm cười, Lyman hỏi lại: “Có lý do nào khác về việc ông từ chối không để băng bó ngón tay chẳng?”

“Có. Tôi dự định ở lại Câu lạc bộ gần như cả buổi tối, và do vết thương đã cầm máu nhờ sự chăm sóc của bác sĩ Morris nên tôi muốn để vậy thay vì phải băng bó rầy rà gây bất tiện. Làm vậy tôi cũng né bớt việc phải trả lời những câu hỏi xã giao về sự cố, mà tôi thì khá nhạy cảm về những chuyện này.”

Bruno lại bật dậy. Cãi cọ, găm thét, la lối... thẩm phán Grimm yêu cầu ngài công tố viên trật tự rồi ra hiệu Lyman tiếp tục.

“Hãy thuật tiếp câu chuyện, ngài DeWitt.”

“Bác sĩ Morris dặn tôi phải thận trọng với ngón tay ấy vì một cú vặn vẹo hoặc va chạm sẽ làm rách miệng vết thương và lại chảy máu. Tôi khó khăn mặc lại đồ để tránh va phải ngón tay, bỏ ý định đi bơi, rồi đến nhà hàng Câu lạc bộ với ông bạn Franklin Ahearn là người tôi đã hẹn cùng ăn tối. Chúng tôi ăn uống và sinh hoạt buổi tối tại Câu lạc bộ cùng những người quen biết khác. Tôi được mời chơi bài bridge nhưng đành từ chối vì bàn tay. Lúc 10 giờ 10 tôi rời Câu lạc bộ và bắt taxi về bến phà ở cuối phố Thứ Bốn Mười Hai...”

Bruno lại đứng lên, phản kháng dữ dội rằng lời chứng là “vô giá trị, không liên quan và vụn vặt,” yêu cầu bỏ ra ngoài biên bản toàn bộ lời chứng của bị cáo.

Lyman nói: “Thưa quý tòa, lời chứng bị cáo vừa trình bày là thích đáng và có liên quan, và quan trọng để thành lập lời biện hộ chứng minh ông ấy vô tội đối với tội ác bị cáo buộc.”

Thêm vài phút thảo luận, thẩm phán Grimm bác bỏ lời phản đối của ngài công tố viên và ra hiệu cho Lyman tiếp tục, nhưng Lyman lại quay sang Bruno nói giọng khiêm nhường: “Tôi đã hỏi xong, mời ngài Bruno.”

Bruno lưỡng lự, cau có, rồi đứng lên và công kích DeWitt dữ dội. Suốt mười lăm phút cả gian phòng xử án ồn ào náo động khi Bruno tìm cách khiến DeWitt bị rối trí, bắt bẻ, vặn vẹo câu chuyện của gã, hòng lộ ra những tình tiết liên quan đến Longstreet. Nhưng lần như vậy Lyman phản đối thẳng thừng không nao núng và mọi phản đối đều được chấp thuận. Rốt cuộc, sau lời trách cứ nghiêm khắc từ thẩm phán Grimm, ngài công tố viên phẩy tay ngồi xuống lau mồ hôi trán.

DeWitt rời khỏi ghế nhân chứng, nhợt nhạt hơn bình thường, quay trở về chỗ của mình ở bàn bào chữa.

“Tôi mời nhân chứng thứ hai cho phần bào chữa,” Lyman loan báo, “ngài Franklin Ahearn.”

Người bạn của DeWitt, mặt mũi nghệt cả ra, đứng lên từ chỗ nhóm người đang cùng ngồi rồi bước dọc theo lối đi giữa hai hàng ghế, qua cánh cửa rào chắn đến chiếc ghế nhân chứng. Gã được tiến hành tuyên thệ, xưng tên họ là Benjamin Franklin Ahearn và địa chỉ ở Tây Englewood. Hai tay cho vào túi, Lyman ôn tồn hỏi: “Ông đang làm công việc hay nghề nghiệp gì không, ngài Ahearn?”

“Tôi là kỹ sư đã về hưu.”

“Ông có quen biết gì bị cáo không?”

Ahearn đưa mắt nhìn DeWitt rồi mỉm cười. “Có, thưa ngài, đã sáu năm nay rồi. Chúng tôi là láng giềng và ông ấy là bạn thân nhất của tôi.”

Lyman nghiêm giọng: “Vui lòng chỉ trả lời điều được hỏi... Nào, ngài Ahearn, ông có gặp gỡ bị cáo đây tại Câu lạc bộ Chứng khoán vào tối thứ Tư ngày 9 tháng Chín không?”

“Có, mọi việc ngài DeWitt nói đều đúng thế cả.”

Lyman lại nghiêm giọng: “Vui lòng chỉ trả lời những gì được hỏi.”

Bruno tay bám thành ghế, miệng mím chặt, ngả người ngồi yên và dán mắt vào bản mặt của Ahearn cứ như thể ông chưa hề thấy qua gã này bao giờ.

“Tôi đúng là đã gặp gỡ ngài DeWitt tại Câu lạc bộ Chứng khoán vào buổi tối vừa nói.”

“Tối hôm ấy ông gặp ông ấy lần đầu lúc mấy giờ, ở đâu?”

“Lúc bảy giờ kém. Chúng tôi gặp nhau tại tiền sảnh phòng ăn và đi vào ăn tối ngay.”

“Ông có tiếp tục sinh hoạt cùng bị cáo từ lúc đó cho đến 10 giờ 10 không?”

“Có, thưa ngài.”

“Ông ấy có chia tay ông và rời Câu lạc bộ lúc 10 giờ 10 như lời ông ấy đã khai trước tòa không?”

“Có, thưa ngài.”

“Ngài Ahearn, với tư cách là bạn thân của ngài DeWitt, ông có cho rằng ông ấy nhạy cảm về bề ngoài của mình hay không?”

“Tôi cho là - tôi khẳng định là - ông ấy nhạy cảm về bề ngoài của ông ấy.”

“Thế ông có cho rằng quyết định không chịu để băng bó bàn tay là do cá tính ông ấy vốn vậy hay không?”

Câu trả lời bật ra cùng lúc với vẻ mặt hớn hở của Ahearn, “Không nghi ngờ gì cả!”

Bruno phản đối câu hỏi lẫn câu trả lời. Tòa chấp thuận phản đối, cả hai đều bị loại khỏi biên bản.

“Ông có để ý thấy ngón tay bị thương của ngài DeWitt suốt bữa ăn tối đêm ấy không?”

“Có. Tôi để ý thấy nó ngay cả trước khi chúng tôi đi vào phòng ăn, và tôi đã hỏi thăm về nó. Ngài DeWitt thuật lại câu chuyện về sự cố trong phòng tập thể dục và để tôi xem xét ngón tay.”

“Vậy là ông đã thấy ngón tay. Tình trạng vết thương lúc ông kiểm tra là thế nào?”

“Nó là vết rách chảy máu nhìn rất ghê, một vết đứt sâu và dài khoảng một in-sơ rưỡi ở mặt dưới của ngón tay. Nó đã cầm máu, trên miệng cắt máu đã khô lại thành lớp vảy.”

“Tại bàn ăn hay sau đó có điều gì xảy ra liên quan đến chi tiết này không, ngài Ahearn?”

Ahearn ngồi trầm tư giữa bầu không khí nín lặng, tay xoa xoa lên cằm. Gã ngược mắt nhìn lên. “Có. Tôi để ý thấy suốt buổi tối ngài DeWitt giữ bàn tay phải khá bất động, còn lúc ăn uống tại bàn ăn thì chỉ dùng mỗi tay trái, khiến người phục vụ phải cắt món sườn giúp ông ấy.”

“Tôi đã hỏi xong, mời ngài Bruno.”

Bruno bước qua bước lại trước ghế nhân chứng. Ahearn nín lặng chờ đợi.

Bruno hất hàm, ánh mắt chiếu vào Ahearn đầy ác cảm. “Ngài Ahearn, ông vừa đưa lời chứng mình là bạn thân nhất của bị cáo, bạn thân nhất của ông ấy. Ông không tự mắc tội man khai trước tòa vì bạn thân nhất của mình đấy chứ, ngài Ahearn?”

Lyman mỉm cười đứng dậy phản đối, cùng lúc ai đó trên ghế bồi thẩm đoàn cất tiếng khúc khích. Thẩm phán Grimm chấp thuận phản đối có hiệu lực.

Bruno liếc sang bồi thẩm đoàn như muốn nói, “Thì đã sao, chí ít các ngài cũng lưu ý điểm ấy.” Ông lại quay sang nhìn Ahearn chăm chăm. “Ông biết bị cáo đi đâu sau khi chia tay ông lúc 10 giờ 10 tối hôm ấy không?”

“Không.”

“Do đâu ông lại không đi cùng bị cáo?”

“Ngài DeWitt bảo có hẹn.”

“Với ai?”

“Ông ấy không nói, tất nhiên tôi chả hỏi.”

“Ông làm gì sau khi bị cáo rời Câu lạc bộ?”

Lyman đứng dậy tiếp tục phản đối bằng điệu cười chán ngán. Thâm phán Grimm lại chấp thuận phản đối và Bruno tỏ cử chỉ bất mãn kết thúc phần thâm vấn nhân chứng của mình.

Lyman đồng dục bước ra. “Nhân chứng thứ ba của tôi,” ông cố tình dài giọng rồi liếc nhìn bàn công tố, “xin mời thanh tra Thumm!”

Thanh tra Thumm giật bản người, vẻ mặt bỗng dưng giống như mắc lỗi hết một thằng bé bị bắt quả tang ăn trộm táo. Ông nhìn Bruno, Bruno lắc đầu. Viên thanh tra nặng nề đứng lên, trừng mắt nhìn Lyman, nhận lễ tuyên thệ, buông mình đánh ụch vào chiếc ghế nhân chứng và ngồi đấy hăm hăm chờ đợi.

Lyman dường như khoái trá với chính mình; ông liếc nhìn bồi thẩm đoàn bằng bộ điệu thân tình ý chừng muốn nói: “Mấy ngài thấy chưa! Tôi còn không ngán gọi cả ngài Thumm vĩ đại bào chữa cho thân chủ tôi nữa ấy chứ.” Ông đưa tay ngoắc qua ngoắc lại trêu tức thanh tra Thumm.

“Thanh tra Thumm, ông phụ trách công tác điều tra của cảnh sát trên con phà *Mohawk* lúc người ta khám phá Charles Wood bị ám sát đúng không?”

”Là tôi!”

“Ông đứng đâu ngay trước khi cái xác được câu lên từ dưới sông?”

“Trên boong khách tầng thượng, mạn bắc con phà, chỗ lan can.”

“Ông đứng một mình à?”

“Không!” Thumm cắn câu, môi thít chặt.

“Ai đứng với ông?”

“Bị cáo và một người tên Drury Lane. Vài nhân viên của tôi cũng trên boong lúc ấy, song chỉ DeWitt và Lane là ở chỗ lan can với tôi.”

“Lúc ấy ông có để ý ngón tay ngài DeWitt bị đứt không?”

“Có!”

“Do đâu ông để ý thấy nó?”

“Ông ấy đang tựa vào lan can, tay phải giữ chắc lên phía trên, khuỷu đặt trên lan can. Tôi hỏi ông ấy chuyện gì xảy ra và ông ấy bảo bị đứt tay ở Cầu lặc bộ tối hôm ấy.”

“Ông có quan sát kỹ vết cắt không?”

“Ông nói ‘kỹ’ là sao? Tôi thấy nó - tôi vừa bảo ông đấy.”

“Nào, nào, ngài thanh tra, đừng nổi nóng. Ông tả lại bề ngoài vết thương đã thấy lúc ấy được chứ?”

Thumm bắn một tia nhìn bối rối về phía ngài công tố viên đang ngồi bên dưới nhưng Bruno lại đang mài bện ngả đầu vào giữa hai bàn tay, hai tai thì dỏng lên nghe ngóng. Thumm nhún vai rồi nói: “Hừ, ngón tay hơi sưng, vết cắt trông có phần xây xát. Toàn chiều dài vết cắt đã đóng thành một lớp vảy bằng máu khô.”

“Toàn chiều dài vết cắt sao, ngài thanh tra? Lớp vảy ấy là tuyệt đối liền mạch chứ, không đứt đoạn ở đâu chứ?”

Vẻ ngơ ngẩn xuất hiện trên gương mặt quạu cọ của Thumm và giai điệu cộc cằn trong giọng nói của ông bỗng biến mất. “Ừ, Nó trông rất cứng.”

“Thế ông cho rằng miệng vết cắt đã khá liền lại rồi phải không, ngài thanh tra?”

“Đúng.”

“Thế nó không phải một vết cắt mới nguyên mà ông thấy chứ? Nghĩa là, ông cho rằng lớp da chưa bị toạc ngay trước khi ông thấy nó ở chỗ lan can chứ?”

“Tôi không hiểu chính xác ý ông nói gì. Tôi đâu phải bác sĩ.”

Lyman chum môi mỉm cười. “Thôi được, ngài thanh tra. Để tôi đặt lại câu hỏi bằng cách khác nhé. Cái vết cắt mà ông thấy có phải là một vết cắt mới không, vừa có tức thời ấy?”

Thumm luống cuống. “Hỏi gì lạ vậy. Làm sao mà nó lại là vết cắt mới khi miệng đã đóng vảy hử?”

Lyman cười thật tươi. “Đúng là thế đấy, ngài thanh tra... Bây giờ, thanh tra Thumm, mời ngài thuật lại với Tòa và bồi thẩm đoàn những gì xảy ra sau khi ngài để ý thấy vết thương của ngài DeWitt nào.”

“Lúc ấy cái xác được câu lên, và chúng tôi lao đến cầu thang dẫn xuống boong tầng dưới.”

“Có chuyện gì xảy ra với vết thương của ngài DeWitt khi các ông làm vậy không?”

Thumm ủ rũ: “Có. Bị cáo đến cửa trước tiên và nắm lấy quả nắm mở cửa cho ngài Lane và tôi. Ông ấy gần như la lên và chúng tôi thấy vết cắt trên ngón tay toạc ra. Nó chảy máu.”

Lyman cúi người về phía trước gõ nhẹ vào đầu gối đầy đặn của Thumm, nhấn mạnh từng từ một. “Lớp vảy toạc ra và vết thương bắt đầu chảy máu hoàn toàn do bị cáo nắm vào quả nắm cửa đúng không?”

Bruno lắc đầu tuyệt vọng giữa lúc Thumm ú a ú ớ. Ánh mắt của Bruno lộ vẻ thật thảm thương.

Thumm lầm bầm: “Đúng.”

Lyman hỏi luôn. “Ông có nhìn thấy rõ vết thương sau khi nó bắt đầu chảy máu không?”

“Có. DeWitt đưa bàn tay lên một lát trong lúc tay kia lần tìm khăn tay, chúng tôi thấy lớp vảy đã bị toạc ra nhiều chỗ và từ những chỗ đó máu rỉ ra. Thế rồi ông ấy dùng khăn tay quấn lấy bàn tay và chúng tôi tiếp tục xuống bên dưới.”

“Ngài thanh tra, ngài có sẵn sàng thề rằng vết cắt chảy máu mà ngài thấy tại cánh cửa cũng chính là vết cắt lúc lành miệng mà ngài vừa thấy trước đó tại chỗ lan can không?”

Thumm nói một cách nhẫn nhục: “Có. Có.”

Nhưng Lyman vẫn lì lợm. “Không có vết cắt nào mới chứ, cả vết xây xát mới cũng không chứ?”

“Không.”

“Tôi hỏi xong rồi, ngài thanh tra. Tôi đã hỏi xong, thưa ngài Bruno,” Lyman nói sau một nụ cười nhiều ngụ ý với bồi thẩm đoàn, rồi ông lùi ra.

Bruno lắc đầu sốt ruột và Thumm rời bực nhân chứng bước xuống, gương mặt ông gượng gạo với nhiều cảm xúc lẫn lộn - khó chịu, sững sờ, thông tỏ. Giữa lúc Lyman bước ra lại, người theo dõi phiên tòa tỏ ra xông xáo phấn khích, gian phòng rộn lên tiếng xì xào to nhỏ, cánh nhà báo hí



hoáy ghi chép, các nhân viên tòa án kêu la yêu cầu trật tự, công tố viên Bruno chậm chạp quay đầu đưa mắt nhìn khắp phòng xử án như tìm kiếm một gương mặt nào đó.

Lyman, điềm tĩnh, tự tin, mời bác sĩ Morris lên bục nhân chứng. Vị thầy thuốc của Câu lạc bộ Chứng khoán, một người đàn ông trung niên có gương mặt khổ hạnh, bước ra từ hàng ghế khán giả, nhận lễ tuyên thệ, xưng tên Hugh Morris, đọc địa chỉ, rồi ngồi vào ghế nhân chứng.

“Ông là bác sĩ y tế?”

“Đúng.”

“Nơi làm việc?”

“Thầy thuốc chính thức tại Câu lạc bộ Chứng khoán. Là bác sĩ khách mời của Bệnh viện Bellevue.”

“Kinh nghiệm với tư cách thầy thuốc có bằng cấp, thưa Bác sĩ?”

“Tôi đã và đang hành nghề với bằng Y tại New York được hai mươi một năm nay.”

“Ông có quen biết gì bị cáo không?”

“Có. Tôi quen biết ông ấy đã mười năm, đây là khoảng thời gian ông ấy gia nhập thành viên Câu lạc bộ Chứng khoán.”

“Ông đã nghe các nhân chứng nói vừa rồi liên quan đến một vết cắt mà ngài DeWitt bị ở ngón trỏ tay phải, tại phòng tập Câu lạc bộ tối ngày 9 tháng Chín. Bằng sự am tường và hiểu biết của mình, ông có cho rằng mọi chi tiết lời chứng đưa ra đến nay về những gì xảy ra tại phòng tập thể dục là đúng cả hay không?”

“Đúng.”

“Tại sao ông cảnh báo bị cáo phải cẩn thận với ngón tay của ông ấy sau khi ông ấy từ chối bằng bó?”

“Vì đây là loại vết thương mà bất kỳ co thắt đột ngột khiến gồng cơ ngón tay đều có thể gây rách miệng trở lại. Vết cắt này kéo dài qua hai móng trên của ngón trỏ. Chẳng hạn, việc nắm bàn tay lại vào bất cứ lúc nào vào tối

thứ Tư hôm ấy đều có thể gây sưng miệng vết thương và làm đứt đoạn lớp vảy do máu khô mà thành.”

“Và đây là lý do chuyên môn mà ông muốn băng bó vết thương lại?”

“Đúng. Vì nếu vết thương bị mở miệng, cũng như khả năng có thể nhiễm trùng tại đó, lớp băng bó đắp thuốc sẽ có tác dụng bảo vệ sát trùng.”

“Rất tốt, bác sĩ Morris,” Lyman nói nhanh. “Như vậy, ông vừa nghe lời chứng của nhân chứng mới đây, nói về tình trạng vết thương và lớp vảy khi ông ấy thấy nó ở lan can trên phà. Liệu vết thương - như thanh tra Thumm mô tả với tư cách nhân chứng - có thể đã bị hở miệng, chẳng hạn, cách mười lăm phút trước khi ông ta thấy nó không, bác sĩ Morris?”

“Ý ông là phải chăng vết thương ban đầu có thể đã hở miệng vào khoảng mười lăm phút trước khi thanh tra Thumm lần đầu thấy nó, rồi có vẻ ngoài như thanh tra Thumm đã mô tả chứ gì?”

“Đúng.”

Vị thầy thuốc nhấn giọng: “Đứt khoát là không.”

“Tại sao?”

“Nếu nó bị hở miệng dù cách đó cả giờ chẳng nữa, nó không thể nào có được tình trạng như thanh tra Thumm mô tả - đóng vảy, không bị rách đoạn, là một mảng liên tục, và tất cả đều cứng và khô.”

“Vậy thì, theo những gì Thanh tra Thumm diễn tả, phải chăng ông muốn nói rằng vết thương đã không bị mở miệng từ lúc ông điều trị nó tại Câu lạc bộ cho đến tận lúc bị cáo nắm lấy quả nã cửa trên phà?”

Bruno vất vả phản đối vào đúng lúc bác sĩ Morris điềm tĩnh trả lời: “Có.” Đang lúc tranh cãi dữ dội nổ ra, Lyman không ngừng đưa ánh mắt đầy ngụ ý nhìn vào bồi thẩm đoàn giờ đây chụm đầu sôi nổi thì thào. Lyman mỉm cười bình thản trong cảm giác hả hê thỏa mãn.

“Bác sĩ Morris, liệu bị cáo có thể tóm lấy và nhắc bổng một vật nặng hai trăm pao cách vài phút trước khi thanh tra Thumm tại lan can phà thấy vết thương của ông ấy ở tình trạng như đã mô tả, rồi xô hoặc ném vật thể đó

qua lan can ra bên ngoài cả bờ bao lớn hai bộ rưỡi mà không bị toạc miệng vết thương ấy không?”

Bruno lại nhảy dựng lên, mồ hôi túa cả ra vì thịnh nộ, trút hết cả gân sức gào lên phản đối. Thẩm phán Grimm thẳng thừng bác bỏ, cho rằng việc trưng cầu ý kiến chuyên môn là hoàn toàn liên quan đến lập luận bào chữa.

Bác sĩ Morris đáp: “Tuyệt đối không., ông ấy không có lý nào làm được điều ông vừa diễn tả mà không làm mở miệng vết thương.”

Không che giấu nụ cười đắc thắng, Lyman cất tiếng: “Ngài có thể phản vấn, thưa ngài Bruno.”

Bầu không khí náo động lại dấy lên, Bruno bặm môi dưới và quắc mắt nhìn viên thầy thuốc. Ông đan chân đi tới đi lui trước bục nhân chứng như một con thú bị giam trong cũi sắt.

“Bác sĩ Morris!” thẩm phán Grimm gõ búa yêu cầu trật tự, Bruno ngừng lại chờ cho đến khi gian phòng yên lặng trở lại. “Bác sĩ Morris. Bằng tuyên thệ, và theo kiến thức cùng kinh nghiệm chuyên môn, ông vừa đưa lời chứng rằng với tình trạng liền miệng vết thương của bị cáo như nhân chứng trước vừa tả là bị cáo không thể nào dùng được bàn tay phải của mình để ném một vật nặng hai trăm pao qua thành lan can mà không làm mở miệng vết cắt.”

Lyman lạnh lùng cất tiếng: “Phản đối, thưa quý tòa. Đó không phải là câu hỏi mà nhân chứng đã quả quyết trả lời. Câu hỏi của tôi ngoài lan can còn bao gồm cả bờ bao lớn hai bộ rưỡi chạy dọc các cạnh boong tầng thượng của con phà *Mohawk*.”

“Ngài công tố viên, hãy đặt lại chính xác câu hỏi,” thẩm phán Grimm nói.

Bruno đặt lại câu hỏi.

Bác sĩ Morris điềm đạm trả lời: “Đó là điều tôi vừa trả lời ‘đúng thế’, và tôi dám cược cả uy tín của tôi cho ý kiến này.”

Lyman, lúc này đã quay trở về bàn bào chữa, quay sang nói nhỏ với Brooks: “Đáng thương cho Bruno, hồi nào giờ tôi mới thấy ông ấy xoắn

đến vậy. Cứ tưởng tượng nhấn đi nhấn lại điểm đó với bời thắm đoàn mà xem!”

Nhưng Bruno hỏi chưa xong. Ông hăm hè cất lời: “Ông đang nói đến bàn tay nào, hờ Bác sĩ?”

“Đến bàn tay có ngón bị cắt, bàn tay phải, tất nhiên rồi.”

“Nhưng bị cáo có thể dùng bàn tay trái để thực hiện hành động đã đề cập mà không làm mở miệng vết thương trên bàn tay phải chớ?”

”Cố nhiên, nếu ông ấy không dùng tay phải thì sẽ không gây mở miệng vết cắt trên tay phải.”

Bruno lom lom nhìn bời thắm đoàn như muốn nói: “Các ngài thấy chưa, đủ thứ hăm bà lẳng nãy giờ có nghĩa gì đâu. Chẳng xác đáng gì cả, DeWitt cũng có thể gây chuyện này bằng tay trái chớ.” Ông trở về chỗ ngồi cùng nụ cười không lấy gì làm chắc. Bác sĩ Morris vừa định xuống bục thì Lyman đã cất tiếng yêu cầu quyền gọi lại nhân chứng. Vị bác sĩ lại ngồi xuống, trong ánh mắt ông ta lộ ra vẻ tươi cười hóm hỉnh.

“Bác sĩ Morris, ông vừa nghe ngài công tố viên xa xôi rằng bị cáo đầu chùng cũng có thể chỉ dùng bàn tay trái để tống khứ cái xác người đã chết. Theo ý kiến của ông, liệu rằng bị cáo - chỉ bằng một tay trái và trong tình trạng tay phải bị thương - có thể nhấc bổng cái xác bất tỉnh nặng hai trăm pao của Charles Wood rồi xô hoặc ném qua lan can, ra ngoài cả bờ bao lớn rơi hẳn khỏi phà hay không?”

“Không.”

“Tại sao?”

“Trên phương diện nghề nghiệp tôi biết ngài DeWitt đã nhiều năm nay. Thứ nhất, tôi biết ông ấy thuận tay phải và tay trái là tay yếu trong hai tay cũng như bao người thuận tay phải khác. Tôi biết ông ấy là người có thể chất yếu ớt do nhỏ người, yếu đuối, cân nặng chỉ một trăm mười lăm pao. Từ những tình tiết này tôi cho rằng, hoàn toàn không có chuyện một người đàn ông nặng một trăm mười lăm pao chỉ dùng một tay, mà lại là tay yếu hơn, lại có thể làm chuyện mà các ngài vừa mô tả với một cái xác chết có trọng lượng đến hai trăm pao!”

Tiếng người thi nhau ồn ào náo động, nhiều nhà báo chạy ra khỏi phòng xử án, thành viên bồi thẩm đoàn sôi nổi, kẻ thảo luận người gật gù. Bruno tím mặt bật dậy la lối nhưng không ai còn chú ý gì đến ông, trong khi các nhân viên tòa án thì cố lấy giọng sang sảng để vẫn hồi trật tự. Chờ sự náo nhiệt lắng xuống, Bruno tiếng được tiếng mất yêu cầu đình hoãn phiên tòa hai giờ để củng cố thêm ý kiến y học.

Thẩm phán Grimm gằn giọng: “Nếu còn tái diễn cảnh tượng hổ thẹn như thế này trong phần còn lại của phiên xét xử tôi sẽ cho mời tất cả ra khỏi phòng xử án và đóng cửa lại! Kiến nghị đình tòa có hiệu lực. Tòa trở lại vào hai giờ chiều nay.”

Ai đó gõ một tiếng búa; mọi người đứng dậy chờ đến khi thẩm phán Grimm lết phết ra khỏi phòng xử án về buồng thẩm phán của ông ta. Thế rồi tình trạng huyên náo lại vỡ òa cả ra với tiếng chân bước ồn ào và tiếng nói tranh cãi qua lại, rồi cả bồi thẩm đoàn đều lui về. DeWitt ngồi thõ hào hển trên ghế của gã, dáng vẻ trầm mặc đã biến mất, gương mặt trắng bệch của gã hiện vẻ nhẹ nhõm như không tin những gì vừa diễn ra. Brooks bắt chặt tay Lyman chúc mừng. “Nhiều năm rồi tôi mới nghe phiên bào chữa bất ngờ vậy đó, Fred!”

Giữa sự huyên náo bủa vây chung quanh, công tố viên Bruno và thanh tra Thumm ngồi ở bàn công tố chòng chọc nhìn nhau trong cơn bực dọc dờ khóc dờ cười. Cánh nhà báo giờ đây bâu quanh lấy bàn bào chữa và một nhân viên tòa án đang vất vả tách DeWitt ra khỏi sự đeo bám của báo giới.

Thumm nghiêng người về phía trước. “Ngài Bruno hậu đậu,” ông càu nhàu. “Sao đây con ngựa già, anh bị quả hổ rồi còn gì.”

“Chúng ta chứ, Thumm, là chúng ta,” Bruno ngắt lời. “Anh cũng là con lừa kém gì tôi. Suy cho cùng chính bên anh thu thập chứng cứ còn bên tôi mang trình nó ra.”

“Hừ, tôi đâu chối chuyện ấy,” Thumm cộc cằn.

“Anh lẫn tôi giờ là hai gã ngu đặc của xứ New York này còn gì,” Bruno rên rỉ vứt giấy tờ vào cặp. “Anh bao giờ cũng sẵn tình tiết trong tay và không bao giờ điều tra đến nơi đến chốn lấy một lần.”

“Đừng kêu ca vậy chứ,” Thumm gầm gừ. “Tôi là loại vú em nào đấy thực. Nhưng rất cục thì,” ông nói giọng yếu ớt, “anh rõ ràng đã thấy bàn tay DeWitt quấn trong khăn tay đêm ấy, và anh có hề nghĩ đến chuyện hỏi han gì nó đâu.”

Bruno đột ngột thả cặp xuống; mặt ông sừng lên. “Tôi muốn xem Fred Lyman huênh hoang chuyện này thế nào! Quý sứ thật, điều tôi trần trở là chỗ này đây. Để tôi nghe hăn mở mồm thử! Vì sao hã, nó đơn giản như cái mũi trên bộ mặt xấu quynh của anh rằng...”

“Chắc chắn là thế,” ngài thanh tra gằn giọng. “Lane, tất nhiên rồi. Gã ôn dịch ấy!” Ông kêu lên. “Hăn đã bịp chúng ta, Chúa ơi, đáng đời hai ta vì đã nghi ngờ hăn.”

Họ vịn vịn trên ghế và nhìn khắp gian phòng xử án trống rỗng; chẳng thấy Lane đâu cả. “Chắc là đã phẫn mất tiêu rồi còn đâu,” Bruno tỏ ra phiền muộn. “Vừa nãy tôi còn thấy ông ấy... Bỏ đi, Thumm, cũng là lỗi của ta, từ đầu ông ấy đã cảnh báo ta đừng tiến hành chuyện này đấy thôi.” Ông giật mình rồi nhỏ giọng. “Nghĩ mà xem, sau đó ông ấy lại tỏ ra sẵn sàng để ta truy tố DeWitt, rồi ông ấy giấu kỹ chuyện bào chữa này suốt bấy nay. Tôi thắc mắc tại sao...”

“Tôi cũng vậy.”

“Tôi chưa hiểu vì sao ông ấy thích mạo hiểm với mạng của DeWitt như vậy.”

“Gã ấy đâu phải thế,” Thumm khô khan. “Với cách bào chữa đó gã thừa biết dễ dàng lôi DeWitt ra ngoài. Dù vậy, tôi muốn nói anh điều này.” ông đứng lên vừa giang đôi tay dài như đười ươi vừa lắc mình như con chó ngao lông xù. “Này ông bạn, từ nay trở đi Thumm nhỏ bé sẽ kính cẩn nghe lời Drury Lane! Đặc biệt khi gã đó nói về chủ đề ngài X!”

# MÀN III

# CẢNH 1

Tại Một Phòng Hạng Sang Ở Khách Sạn Ritz

Thứ Sáu, Ngày 9 Tháng 10

9 Giờ Tối

Ngài Drury Lane một mình âm thầm quan sát gương mặt chủ nhân buổi tiệc. DeWitt đứng giữa nhóm bạn của gã, vừa tươi cười chuyện vãn vừa đối đáp giòn giã những lời chế giễu thân tình. Và ngài Drury Lane hân hoan trong cảm giác thỏa mãn thăm lặng và phấn khích của nhà khoa học đã dùng chiếc que thăm để chọc đi chọc lại rồi tìm thấy được thứ ông đang cần tìm. Vì rằng John DeWitt là một bằng chứng minh họa cho sự liên quan giữa vẻ bề ngoài và tính cách bên trong. Trong chưa đầy sáu tiếng qua, gã đã đổi thay từ kẻ ẩn mình trong lớp vỏ khăng khăng lì lợm thành con người vô lo - hoạt bát, nhanh nhẹn, một người ưa bông đùa, một người bạn trí tuệ, một chủ tiệc đáng mến. Kể từ cái khoảnh khắc ngài chủ tịch bồi thẩm đoàn, một ông già hào hển hết hơi, lắc lư chiếc cằm nhọn nặn ra được hai từ *tha bổng* - chiếc chìa khóa thần kỳ mang tên 'Vô Tội' phá tung mọi cánh cửa giam cầm - DeWitt chỉ một cú ưỡn mạnh bộ ngực gầy đét của gã đã cởi tung bộ giáp sắt câm lặng của mình.

Một gã kiếm lời ư? Tối nay thì không! Vì tối nay phải có cảnh ăn mừng, tiếng cười, tiếng chạm cốc, bữa đại yến cho lời phán quyết công khai...

Bữa tiệc được tổ chức trong một phòng hạng sang được dành riêng ở khách sạn Ritz. Bên trong phòng là một chiếc bàn dài đã bày biện sẵn hoa tươi, bát đĩa sành sứ, ly rượu chân cao. Ở đấy có Jeanne DeWitt, long lanh và rạng rỡ; Christopher Lord và Franklin Ahearn, đang che khuất thân hình



yếu ớt của ông bạn thân thiết; Louis Imperiale, gã thương gia chải chuốt; Lyman và Brooks và, cả ông nữa, Drury Lane.

DeWitt khẽ nói câu cáo lỗi rồi nhẹ nhàng tách ra khỏi nhóm người đang cười nói. Ở góc phòng, hai người đàn ông đối mặt với nhau; DeWitt tỏ ra khiêm nhường dè dặt, Lane thì thoải mái và khó đoán.

“Ngài Lane này, tôi chưa có cơ hội... Tôi không biết nói sao để tỏ lời... lời cảm ơn sâu sắc của mình.”

Lane tủm tỉm cười. “Tôi thấy ra ngay cả những luật sư dày dạn như Lyman cũng có lúc sốt sắng để lộ thông tin.”

“Mời ngài ngồi xuống đã... Vâng, Frederick Lyman đã bảo tôi, ngài Lane ạ. Ông ấy bảo mình không thể tiếp nhận lời chúc mừng thực ra là thuộc về ngài. Đây là... đây là một cách xâu chuỗi các sự kiện rất ấn tượng, thưa ngài Lane. Đặc biệt ấn tượng.” Ánh mắt sắc sảo của DeWitt hấp háy.

“Ấy thế mà hiển nhiên một cách hoàn hảo.”

“Không hiển nhiên thế đâu, thưa ngài.” DeWitt thở dài vui vẻ. “Giá ngài biết được tôi vinh hạnh thế nào với sự hiện diện của ngài. Tôi biết ngài chẳng quan tâm là bao với sinh hoạt loại này, và ngài cũng ít khi xuất hiện trước nhiều người.”

“Đúng thế,” Lane mỉm cười, “nhưng xét cho cùng việc ấy không quan trọng, ngài DeWitt ạ. Ông thấy đấy, tôi ở đây... Dù sao thì, tôi e sự hiện diện của tôi ở đây không hoàn toàn vì lý do góp mặt chung vui hay vì thịnh tình mời mọc của ông.” Chút gì đó tăm tối thoáng lướt qua gương mặt DeWitt. “Tôi chợt có ý rằng có lẽ ông có điều gì đó,” giọng của Lane nhỏ nhẹ khác thường, “có điều gì đó muốn nói cùng tôi thì phải.”

DeWitt không trả lời ngay. Gã nhìn quanh, nhấp rượu giữa những âm thanh hân hoan vui vẻ, quan sát nét đẹp mềm mại của con gái gã, lắng nghe tiếng cười cố nén của Ahearn bên kia gian phòng. Một người phục vụ trong trang phục dạ yến đang mở cánh cửa trượt của phòng đại tiệc.

DeWitt quay lại, khẽ tay ấn mi mắt xuống, vẫn giữ một thái độ trầm tư, suy tính. “Tôi... à, thưa ngài, ngài thật là kỳ lạ.” Gã mở mắt nhìn thẳng vào gương mặt nghiêm nghị của nhà kịch sĩ. “Tôi đã quyết định đặt lòng tin vào

ngài, thưa ngài Lane. Đúng thế. Đây là cách duy nhất.” Giọng của gã cất lên dứt khoát. “Tôi, đúng thế, có điều muốn nói với ngài.”

“Vâng?”

“Nhưng tôi không thể nói được bất cứ điều gì lúc này.” Gã môi giới lắc đầu dứt khoát. “Không phải bây giờ. Đây là một câu chuyện dài đáng tỏm và tôi không muốn làm hỏng buổi tối của ngài - hoặc là của chính tôi.” Đôi tay hơi xám của gã giật giật. “Tối nay, vâng, đây là một tối đặc biệt với tôi. Tôi đã thoát khỏi một việc tồi tệ. Jeanne, con gái tôi...” và Lane chậm chậm gật đầu. Sâu trong đôi mắt phiến muộn của DeWitt ẩn chứa một cái nhìn, ông chắc vậy, không phải về Jeanne DeWitt mà là về Fern DeWitt.

Nuôi tiếc, có lẽ vậy: bà vợ của DeWitt đã không hiện diện, và qua những gì đã biết, Lane cảm thấy chắc chắn rằng sau dáng vẻ nhẫn nhục thâm lặng, DeWitt vẫn còn yêu người đàn bà đã phản bội gã.

DeWitt chậm chậm đứng dậy. “Ngài sẽ cùng tham gia hết phần còn lại buổi tiệc tối nay chứ, thưa ngài? Mọi người sẽ cùng đến chỗ của tôi tại Tây Englewood - tôi đã sắp đặt sẵn một tiệc mừng nho nhỏ ở đấy - nếu ngài không ngại ở lại nghỉ cuối tuần tôi sẽ thu xếp mọi việc tùy theo yêu cầu của ngài. Một đêm hăn sẽ không... Brooks cũng sẽ đến, và chúng tôi có thể chuẩn bị chỗ nghỉ cho ngài cũng như cho ông ấy...” Gã thêm vào bằng giọng điệu khác hẳn: “Sáng mai chúng ta có thể nói chuyện riêng, đến lúc ấy tôi sẽ nói với ngài - điều mà bằng vào tính chất diệu kỳ nào đấy của linh cảm ngài đã cho rằng tôi sẽ kể ngài biết tối nay.”

Lane đứng dậy và khẽ đặt tay lên vai gã đàn ông nhỏ người. “Tôi hoàn toàn hiểu. Hãy quên hết mọi thứ đi thôi - cho đến sáng ngày mai.”

“Luôn luôn có một sáng ngày mai, đúng không?” DeWitt khẽ nói. Họ bước về phía trước để tham gia cùng những người khác. Một cảm giác hơi nôn nao thốn vào dạ dày của Lane. Những câu nói lặp đi lặp lại... Ông chợt thấy lòng mình buồn bực. Ông mỉm cười với mọi người, và trong khi người phục vụ vận y phục trang trọng bước ra mời mọi người vào gian phòng tiệc, một chấm sáng lóe lên trong tâm trí và ông phát hiện mình mang ý nghĩ: “Ngày mai, ngày mai, lại ngày mai...tận cuối đời...” Dòng suy nghĩ lung

linh và tỏ rạng, rung động rõ rệt trong đầu ông. “... về cõi chết.”\* Ông thờ dài, nhận ra Lyman đang khoác tay mình, ông mỉm cười rồi đi theo những người khác vào nhập tiệc.

Bữa tiệc diễn ra vui vẻ. Điệu bộ có lỗi, Ahearn gọi một món rau củ chế biến thật đặc biệt; nhưng gã đã ngấm men rượu vang Tokay và đang thuật lại chi tiết một ván cờ hấp dẫn với Imperiale, kẻ rõ ràng không hứng thú chi cả, mà chỉ muốn thì thầm dăm câu dí dỏm thanh tao với Jeanne DeWitt ngồi ở bên kia bàn. Mái đầu vàng hoe của Lionel Brooks đang lắc lư theo giai điệu nhẹ nhàng của bản nhạc đang được biểu diễn bởi một ban nhạc dây nấp đằng sau những cành cọ ở một góc phòng. Christopher Lord thảo luận về tiền đồ của Harvard mười một\*, nhưng một mắt vẫn nghiêng sang nàng Jeanne bên mình. DeWitt ngồi yên lặng, tận hưởng âm thanh rì rào từ những câu chuyện, khúc hợp tấu của những cây đàn violon, gian phòng, chiếc bàn, thức ăn, sự ấm cúng; còn Drury Lane thì ngấm nghĩa, theo dõi gã và thi thoảng chiếu lệ vài câu khi Lyman, mặt đỏ au vì rượu, nài nỉ ông tham gia trò chuyện.

Bên tách cà phê và những điều thuốc lá, Lyman bỗng đứng dậy vỗ tay thu hút sự chú ý rồi nâng ly.

“Thông thường,” ông nói, “tôi không xem trọng lắm thông lệ nâng ly, một thói quen cổ hủ từ thời của bao cô đào hát và khách đa tình. Thế nhưng, riêng tối nay thì ta có một lý do chính đáng để nâng ly - cùng uống mừng một người vừa thoát cơn nguy khốn.” Ông tươi cười nhìn xuống DeWitt. “Chúc sức khỏe, chúc may mắn, John DeWitt.”

Họ cùng cạn ly. DeWitt ngại ngần đứng lên. “Tôi...” giọng ông nghẹn lại. Drury Lane mỉm cười, nhưng cảm giác nôn nao lại thốn sâu vào bụng của ông. “Giống Fred đây, tôi là kẻ dè dặt.” Bỗng dưng họ đồng cất tiếng cười. “Nhưng tôi muốn được giới thiệu cùng các vị một người, hàng thập kỷ nay là thần tượng của bao triệu trí thức, người đã đứng trước vô vàn khán thính giả, ấy thế mà, theo thiện ý của tôi, lại là người dè dặt nhất trong tất cả chúng ta đây. Xin giới thiệu ngài Drury Lane!”

Họ lại nâng ly, và Lane lại mỉm cười nhưng bụng thầm ước giá mình biến khỏi đây thật xa. Ông vẫn ngồi vậy cất giọng nam trung âm vang của mình: “Tôi mang sự ngưỡng mộ sâu sắc nhất dành cho những người có thể xử lý những điều này một cách dễ dàng. Trên sân khấu người ta học cách bình thản không xao động; nhưng tôi chưa bao giờ tinh thâm môn nghệ thuật giữ vững trạng thái tĩnh tâm hoàn toàn trong những hoàn cảnh như thế này...”

“Nói chúng tôi nghe nào, ngài Lane!” Ahearn kêu lên.

“VẬY là tôi phải nói.” Ông đứng dậy và tia mắt lấp lánh rũ bỏ nỗi buồn chán. “Tôi cho rằng mình sẽ có một bài diễn thuyết, nhưng điều tôi nói ra đây không phải là giáo lý của linh mục giáo khu tiếng Pháp mà lại là lời thoại của kịch sĩ, vậy nên bài nói chuyện của tôi nhất thiết phải được biểu đạt bằng ngôn ngữ kịch.” Quay sang nhìn thẳng vào DeWitt lúc này đang ngồi lặng im cảnh giác bên cạnh, ông nói: “Này DeWitt, ngài vừa kinh qua một trong những trải nghiệm có thể là đáng sợ nhất đối với một người xúc cảm. Ngồi trước tòa, chờ đợi qua những năm dài vô tận để nghe lời phán quyết sinh tử, một phán quyết có thể sai lầm hết sức cho con người, quả là sự trừng phạt tinh vi nhất của xã hội. Chịu đựng thời gian vô tận như thế với thái độ bình thản như không, ngài quả xứng đáng với lời khen tặng hay nhất. Câu chuyện khiến tôi nhớ đến lời nhận xét nửa bi nửa hài của nhà chính khách người Pháp Sieyès\*, khi người ta hỏi ông đã làm gì trong Triều đại Kinh hoàng\*. Ông ấy chỉ đáp: ‘*J’ai vécu*’ - Tôi sống sót, một ứng đối không ai nói được trừ một người can đảm và triết lý.” Người kịch sĩ thở sâu và chăm chú nhìn đám khách khứa bằng vẻ mặt không mấy may động đậy. “Không có đức tính nào lớn lao hơn đức tính can đảm, được biểu đạt bằng sự kiên gan. Tính lặt đi lặt lại của tư tưởng chính là đảm bảo của nó về sự thật.” Mọi người hoàn toàn nín lặng nhưng chính DeWitt mới là kẻ đờ người như tượng; gã dường như cảm thấy dòng ngôn từ thao thao bất tuyệt kia đi vào cơ thể và trở thành một phần của gã; gã dường như cảm thấy những lời lẽ ấy được nhắm một cách hoàn toàn, hàm ý và xoa dịu cho riêng mình gã mà thôi.

Drury Lane ngẩng đầu nói tiếp: “Nếu tôi dựa vào lối ám chỉ quen thuộc của mình đối với tất cả những gì sáng suốt từng được thốt ra để mang đến cuộc vui này một bài nói chuyện gây buồn tẻ, mong quý vị vì đã nhất mực muốn nghe những lời vô nghĩa này mà dành chút kiên nhẫn.” Giọng ông cất lên trầm bổng, càng lúc càng mạnh hơn. “Ở một trong những vở kịch của Shakespeare chưa được người đời nhận diện đầy đủ chân giá trị, vở Đức Vua Richard Đệ Tam, có lời bình phẩm về mặt tốt hơn của một linh hồn đen tối. Với tôi lời bình này dường như đang gây bối rối ngay bên trong sự thấu suốt của mình.” Ông từ từ đưa mắt liếc nhìn chiếc đầu cúi xuống của DeWitt. “Ngài DeWitt,” ông nói, “trải nghiệm của ngài trong những tuần qua đã may mắn cởi bỏ sự tình nghi cố sát ra khỏi tên mình. Thế nhưng việc này không làm rõ một vấn đề lớn lao hơn, vì đâu đó quanh chúng ta, ẩn khuất trong sương mù, là một kẻ sát nhân đã đưa hai mạng người về địa ngục hoặc, cầu Chúa cứu lấy họ, lên thiên đàng. Trong chúng ta đây bao nhiêu người suy ngẫm về tính cách của tên giết người này, về cách vận hành của tâm hồn hắn? Vì hắn có một tâm hồn - dù quan sát này là nhàm chán - và nếu chúng ta sẵn sàng tin những dẫn dắt tâm hồn của chúng ta, thì đó là một tâm hồn bất tử. Quá nhiều người trong chúng ta nghĩ về một kẻ sát nhân như một con quái vật tàn ác, mà quên đi rằng sâu thẳm trong lòng của chính mình là những vết cảm xúc nguyên thô, chỉ một đụng chạm nhẹ nhất cũng dễ khiến chúng biến đổi thành những mối ác tâm đến mức có thể thúc đẩy một người mang lấy tội ngộ sát...”

Bầu không khí lặng yên như đặc lại như có thể mang ra cân được. Lane tiếp tục đều đều: “Và rồi chúng ta quay lại với những bình phẩm của Shakespeare về một trong những nhân vật kịch thú vị nhất của ông - Vua Richard dị dạng, khát máu, một quái vật dạng người nếu đời này có con quái vật như thế. Tuy vậy con mắt thấu suốt vạn vật đã quan sát những gì? Theo lời lẽ cay đắng của chính Richard.”

Và bỗng nhiên ông biến thành một người khác, dáng điệu của ông, nét mặt của ông và cả giọng nói của ông. Sự biến đổi này quá tài tình, quá bất ngờ đến nỗi ai nấy nhìn ông bằng ánh mắt hầu như kinh hoàng. Sự man trá,

sự cay độc, sự tàn ác hủy hoại, sự chán ngán tội cùng và già nua đã che lấp hoàn toàn gương mặt vui vẻ bằng những đường nét và những biểu hiện sa sầm hung ác. Ngài Drury Lane đã hoàn toàn bị nuốt chửng vào bên trong một tính cách lạ lẫm và khủng khiếp. Miệng ông găm gù và từ cửa miệng bằng vàng ấy những âm thanh nghèn nghẹt cất lên. “‘Hãy cho ta ngựa khác! Hãy bó vết thương ta! Jesus, hãy rủ lòng thương xót!’” Tiếng nói đưa lên thành tiếng rên đáng thương như xé ra từ cổ họng đau đớn thống khổ, rồi hạ xuống dứt khoát, không cảm xúc, không tuyệt vọng, gần như vô thanh. “‘Khoan nào! Chỉ là mộng mà thôi..,’” Đám người như bị thôi miên, ai nấy xuất thần trong trạng thái say sưa thích thú. Tiếng nói vẫn tiếp tục, tuy thì thầm nhưng rất rõ ràng. “‘Ôi lương tâm hèn nhát, người độc ác thế sao! Nến cháy xanh mờ tỏ. Giờ đang lúc canh tàn. Mồ hôi ướt đầm dề, ta run vì sợ hãi. Ta sợ gì? Sợ ta? Quanh ta đâu ai khác; Richard yêu Richard; chỉ mình ta với ta. Kẻ sát nhân có đây? Không... Có, là ta đây. Vậy thì hãy trốn đi... Cái gì, trốn ta ư? Lý do thật to tát, nhưng tại sao phải vậy: Để tránh sự báo thù. Ta báo thù chính ta? Than ôi, ta thương mình. Vì sao? Liệu ta đã làm gì được cho ta? Ôi, không, ta hận ta! Vì hành động xấu xa, chính ta đã phạm phải! Ta là kẻ hung tàn; nhưng ta đã dối trá: rằng ta đây không phải! Này hỡi tên ngu muội, hãy ca tụng về mình! Này hỡi kẻ ngu si, đừng xu phụ chính mình.’”

Giọng nói run rẩy định bật ra điều gì đó tồi tệ, cố nén lại, rồi tuôn trào thành một lời tán tụng về sự hành xác bi thương. “‘Lương tâm ta ngàn lưỡi, mỗi lưỡi là một lời, mỗi lời một tiếng kêu, ta là người tàn ác. Dối trá, đồ dối trá! Không gì xấu xa hơn. Mỗi tội lỗi phạm phải, mỗi mức độ khác nhau, đám đông xô nhau đến, chốn pháp đình kêu gào: ”Tội ác! Là tội ác!“ Thật tuyệt vọng làm sao... Ai kẻ xót thương ta; và nếu như ta chết, linh hồn nào trặc ắn; việc gì họ phải thế? Vì đến chính ta đây, cũng thấy rõ lòng mình, chẳng thể thương nổi chính mình?’”

Ai đó buông tiếng thở dài.

## CẢNH 2

Nhà Ga Đường Sắt Weehawken

Thứ Sáu, Ngày 9 Tháng 10

11 Giờ 55 Khuya

Lúc mười hai giờ kém vài phút khuya, nhóm người của DeWitt đi vào phòng chờ ga đường sắt Bờ Tây ở Weehawken - tòa nhà màu xám trông tựa như nhà đậu xe điện, khung xà nhà là những kèo sắt đan chéo qua lại, sàn lừng men theo vách tường chạy quanh nhà. Dăm hành khách đi lại quanh quần; ở góc gần cửa mở ra sân ga, người nhân viên ngồi quầy Phòng Hành lý đang lim dim gà gật; một gã đàn ông che miệng ngáp phía sau hàng tạp chí; những hàng ghế tựa dài trống không.

Họ đi vào mang theo tiếng nói cười, nhóm người vẫn nguyên vẹn trừ Frederick Lyman, ông đã cáo lỗi tại khách sạn và quay trở về căn hộ của mình. Jeanne DeWitt và Lord chạy đến quầy tạp chí, Imperiale mỉm cười nổi gót họ. Lord mua một hộp kẹo lớn tướng rồi làm bộ dâng tặng tiểu thư Jeanne. Không muốn bị thua về khoản nịnh đầm, Imperiale mua hẳn một ôm tạp chí rồi chân rập gót nghiêm người tặng cho cô gái; mặt ửng hồng, người quần áo choàng lông, mắt vui tươi sáng ngời, cô nàng cười to rồi, tay trong tay với mỗi người một bên, dẫn họ đến một băng ghế dài. Họ cùng ngồi xuống, trò chuyện và nhấm nháp những thanh kẹo sôcôla.

Bốn người còn lại thông thả đi đến cửa bán vé. DeWitt ngược nhìn chiếc đồng hồ lớn phía trên quầy tạp chí: kim đồng hồ chỉ 12 giờ 04.

“A,” gã cất tiếng vui vẻ, “chuyến tàu của ta còn mãi đến mười hai giờ mười ba phút - ta vẫn còn sớm được ít phút. Cho phép tôi.”



Mọi người dừng lại trước ô cửa bán vé; Lane và Brooks lùi lại một bước, còn Ahearn thì nắm lấy tay DeWitt. “Đây John, để tôi.” DeWitt mỉm cười giật khỏi tay Ahearn rồi nói với người nhân viên: “Cho sáu vé một chiều đến Tây Englewood.”

“Ta có đến bảy người mà John,” Ahearn phản đối.

“Tôi biết, nhưng riêng tôi đã có số vé năm mươi chuyến đi thường xuyên rồi.” Nét mặt gã sa sầm khi người bán vé đẩy sáu mảnh giấy bìa cứng qua cửa sổ. Thế rồi gã mỉm cười cất giọng thản nhiên: “Chắc tôi sẽ kiện Tiểu Bang về giá trị cuốn sổ vé của mình thôi. Nó đã hết hạn đang lúc tôi...” Gã chợt ngừng lại rồi nói: “Bán cho tôi một cuốn sổ vé năm mươi chuyến nữa nhé.”

“Tên gì, thưa ngài?”

“John O. DeWitt, Tây Englewood.”

“Vâng, thưa ngài DeWitt.” Người bán vé cố không nghẹn cổ tò mò và làm ra vẻ đang rất bận rộn. Vài giây sau, anh ta đẩy qua ô cửa lưới một tập giấy đã đóng dấu ngày tháng. Đang lúc DeWitt móc ví lấy ra tờ bạc năm mươi đô la, giọng nói trong trẻo của Jeanne vang lên: “Bố ơi, tàu vào kia rồi!”

Người bán vé hối hả trả lại tiền và DeWitt nhét vội những tờ bạc và tiền xu lẻ vào túi quần. Trên tay cầm cuốn sổ vé và sáu tấm vé rời, gã quay lại với ba ông bạn đồng hành của mình.

“Ta có phải chạy vội ra không đấy?” Lionel Brooks hỏi. Bốn người đàn ông đưa mắt nhìn nhau.

“Không đâu, ta còn đủ thời gian,” DeWitt miệng trả lời tay nhét mấy tấm vé và cuốn sổ mới vào túi phía trên bên trái của chiếc áo gilê, rồi bắt đầu cài lại nút áo khoác.

Họ đi qua phòng chờ, theo chân Jeanne cùng Lord và Imperiale rồi bước ra sân ga có mái che trong bầu không khí lạnh lẽo. Đoàn tàu tuyến địa phương chuyển 12 giờ 13 đã vào ga, họ đi qua chiếc cổng lưới mắt cáo rồi xuôi theo sân ga nền bê tông chạy dài. Theo sau họ dăm ba hành khách



khác đi lộn xộn dọc sân ga. Toa tàu cuối tối đen như mực, họ đi đầu đoàn hành khách, rồi bước lên toa thứ nhì áp chót.

Một số người lạ mặt cũng bước lên ngồi cùng toa.

# CẢNH 3

Chuyến Tàu Tuyến Địa Phương Weehawken - Newburgh

Thứ Bảy, Ngày 10 Tháng 10

12 Giờ 20 Sáng

Họ tách ra thành hai nhóm: Jeanne, Lord và gã Imperiale hào hoa ngồi phía trước toa, đang cùng nhau chuyện trò vui vẻ; DeWitt, Lane, Brooks và Ahearn chọn chỗ gần giữa toa, nơi ghế ngồi đối diện với nhau.

Tàu vẫn chưa rời ga Weehawken. Vị luật sư đang chăm chú nhìn DeWitt bằng ánh mắt thẳng thắn giờ quay sang Drury Lane ngồi phía đối diện, ông chột cất tiếng: “Ngài Lane à, điều ngài nói tối nay ấy mà, ngài biết đấy, đã khiến tôi quan tâm rất nhiều... Ngài nói về ‘những năm dài vô tận’ được gói gọn chỉ trong giây phút - giây phút một kẻ ngồi trước tòa chờ đợi lời phán quyết hoặc sẽ trao ông ta án tử hoặc đưa ông ta ra khỏi phòng xử án với cuộc đời hoàn toàn mới mẻ. Những năm dài vô tận! Cụm từ tuyệt diệu đấy, ngài Lane...”

“Một cụm từ chính xác,” DeWitt tiếp lời,

“Ngài nghĩ thế sao?” Brooks đảo mắt nhìn về mặt điềm tĩnh của DeWitt. “Nó làm tôi nhớ đến cái thời gian nói trong một câu chuyện tôi đọc ở đâu đó - tôi nghĩ là của Ambrose Bierce\* thì phải. Quả thực là một câu chuyện rất lạ, nó kể về một người sắp bị treo cổ. Trong... à, trong khoảnh khắc ngắn ngủi trước khi gậy cổ người này bỗng thấy lại từng chi tiết đời mình tái hiện trong não. Ngài Lane ạ, ý tưởng ‘những năm dài vô tận’ của ngài xuất hiện cả trong văn chương; và tôi tin chắc nhiều văn sĩ khác cũng đề cập đến ý này.”

“Tôi nghĩ mình biết câu chuyện này,” Lane đáp lời. Ngồi cạnh Brooks, DeWitt gật đầu. “Toàn bộ vấn đề về thời gian nói ở đây là tương đối, theo như các nhà khoa học đề cập vài năm gần đây. Những giấc mơ, chẳng hạn, xét về nhận thức thì dường như đã choán lấy não bộ trong suốt thời gian tĩnh lặng của ban đêm, song trên thực tế theo một số nhà tâm lý học thì giấc mơ chỉ chiếm lĩnh vào khoảnh khắc cuối cùng, khoảnh khắc ranh giới giữa tiềm thức trong giấc ngủ và ý thức khi vừa tỉnh mà thôi.”

“Tôi cũng có nghe về điều đó,” Ahearn nói. Gã đang ngồi đối diện với DeWitt và Brooks, ghé ngồi hướng mặt ra phía trước.

“Điều tôi thực sự đang muốn hỏi ở đây,” Brooks nói - ông lại nhìn DeWitt - “Là cách hiện tượng tinh thần đặc biệt này ứng vào ông, John ạ. Tôi không khỏi thắc mắc - mà tôi đoán nhiều người chúng ta ở đây cũng thế - rằng chính xác thì ông đã nghĩ gì vào cái khoảnh khắc ngay trước lúc lời phán quyết được đưa ra hôm nay.”

“Có lẽ,” Drury Lane nhẹ nhàng, “có lẽ ngài DeWitt không nói thì hơn.”

“Ngược lại.” Mắt gã môi giới sáng ngời; gương mặt gã trở nên hoạt bát. “Giây phút ấy với tôi là một trong những trải nghiệm lạ lùng nhất trong đời. Một trải nghiệm mà theo tôi, đã xác nhận cả nguyên tắc của Bierce lẫn lý thuyết giấc mơ mà ngài Lane đây vừa đề cập.”

“Anh không có ý nói là toàn bộ đời mình vụt lóe lên trong trí óc vào thời khắc ấy chứ?” Ahearn chùng như vô cùng hoài nghi.

“Ồ, không. Điều gì đó hết sức hiếm hoi, hết sức kỳ lạ...” DeWitt ngả người vào lưng ghế nệm màu lục rồi nói nhanh. “Một trường hợp về nhân dạng. Cách đây khoảng chín năm, tôi được mời tham gia nhiệm vụ bồi thẩm đoàn ở một phiên tòa xét xử tội cố sát tại New York này. Bị cáo là một gã đàn ông tàn phế đã già có thân hình to lớn nặng nề, bị kết tội đâm chết một người phụ nữ trong một ngôi nhà trọ rẻ tiền. Đây là vụ án cố sát cấp một - công tố viên đã chứng minh một cách thuyết phục rằng vụ cố sát đã được tính toán từ trước một cách có chủ ý - và gã này đã phạm tội rành rành. Suốt phiên tòa xử ngăn ngủi và cả lúc ở phòng bồi thẩm đoàn sau đó khi chúng tôi tranh cãi về số phận ông ta, tôi luôn bị ám ảnh với cảm giác

rằng tôi đã gặp qua người bị cáo này đâu đó trước đây. Như bao người khác thường làm ở hoàn cảnh như thế, tôi lục lọi trí nhớ hòng tìm cách nhớ ra nhân dạng của gã cho đến khi cảm thấy mệt lử, nhưng đã không tài nào nhớ ra được gã là ai hoặc tôi đã từng gặp gã ở đâu và khi nào.”

Sau tiếng xì hơi, tiếng rít ken két kéo căng mỗi nổi và tiếng lăn bánh xành xạch, đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh, DeWitt nói to thêm một chút. “Nói tóm lại, tôi đồng tình theo ý kiến chung rằng gã này đã phạm tội trên cơ sở các chứng cứ đưa ra và bỏ phiếu kết tội, chúng tôi đưa lời phán quyết ra trước tòa, người đàn ông bị kết án và xử tử. Sau đó tôi hoàn toàn quên bẵng đi sự kiện này.”

Đoàn tàu nghiêng trên đường ray lăn bánh khỏi nhà ga. Không ai nói gì đang lúc DeWitt ngừng lại và liếm môi. “Giờ mới là phần kỳ lạ của câu chuyện. Theo hồi ức, chắc chắn suốt chín năm sau đó tôi chưa từng một lần nghĩ lại về gã đàn ông hoặc phiên tòa hôm ấy. Nhưng hôm nay, khi tòa yêu cầu chủ tịch bồi thẩm đoàn ra phán quyết - cái phán quyết sống còn - vào cái khoảng thời gian vô cùng nhỏ nằm giữa âm tiết cuối của câu hỏi chính thức và từ đầu tiên của câu trả lời chính thức của vị chủ tịch bồi thẩm đoàn - bỗng đâu khuôn mặt gã đàn ông bị xử tử ấy đội đất trời lên rồi đu đưa trước con mắt nội tâm trong tôi; cùng lúc ấy tôi cũng thành linh giải đáp được bài toán gã là ai và mình đã gặp gã ở đâu - quý vị lưu ý là đã chín năm sau, kể từ lần cuối tôi bận tâm về chuyện này đấy.”

“Thế gã là ai?” Brooks tò mò hỏi.

DeWitt mỉm cười. “Tôi bảo là nó rất kỳ lạ đúng không... Cách đây hai mươi năm hoặc gần như thế, khi ấy tôi còn mãi lang thang đây đó ở Nam Mỹ, tình cờ tôi ở vào một nơi gọi là Barinas thuộc miền quê Zamora của Venezuela. Đêm nọ, lúc đang trên đường về chỗ trọ ngang qua một con hẻm tối tăm, tôi nghe thấy có tiếng ầu ả dữ dội vọng ra. Thời ấy tôi còn trẻ và liều lĩnh hơn tôi bây giờ, tôi dám nói vậy. Có súng ngắn mang theo trong người, tôi rút súng chạy vào hẻm thì thấy hai gã du côn rách rưới đang tấn công một người da trắng, một gã đang vung một thanh dao rựa lên đầu nạn nhân. Tôi nổ súng, phát đạn bắn chỉ thiên nhưng cũng khiến hai gã cướp

đường cảnh giác, là tôi đoán thế, và bỏ chạy, bỏ lại trên mặt đất người đàn ông da trắng khắp người đã có đến vài nhát dao. Đang lúc tôi tiến về phía ông ta, bụng thăm nghĩ người này đã bị thương nặng, thì ông ta vùng đứng dậy, phúi lấy chiếc quần vải bông lấm bụi và bê bết máu, miệng lầm bầm câu cảm ơn, rồi lê chân khập khiễng vào đêm tối. Tôi thoáng nhìn thấy được gương mặt của ông ta. Và người này, cuộc sống do tôi ra tay cứu lấy cách đây hai mươi năm, chính là người mà hơn mười năm sau cũng là tôi góp tay đưa lên ghế điện, số mệnh sao thật khéo an bài?”

“Đáng là một nơi trong văn hóa dân gian bất hủ.” Ngài Drury Lane cất tiếng sau một hồi im lặng.

Đoàn tàu đi vào màn đêm tối mịt, đây đó lấm chấm ánh đèn điện của vùng ngoại ô Weehawken.

“Nhưng phần kỳ lạ của câu chuyện,” DeWitt tiếp, “là ở chỗ bỗng dưng tôi lại giải đáp điều bí ẩn trên người này giữa lúc mạng sống của chính tôi đang lâm nguy! Lưu ý là tôi chỉ thấy qua gương mặt người đàn ông này duy nhất một lần mà thôi, mà lại là cách đây rất nhiều năm.”

“Một trong những câu chuyện lạ lùng nhất tôi từng nghe qua đấy,” Brooks nói.

“Trí nhớ con người vào khoảnh khắc trước khi chết có khả năng làm nên những điều còn kỳ lạ hơn nữa,” Lane nói. “Cách đây tám tháng tôi đọc trên báo một mẩu tin từ thành phố Vienne thuật lại tường tận một vụ án mạng ở đây. Là như thế này: Người ta phát hiện một người bị bắn chết tại một phòng khách sạn, cảnh sát thành Vienne dễ dàng nhận ra người không mấy quan trọng hoạt động trong thế giới ngầm, trước đây cũng từng làm chỉ điểm cho cảnh sát. Động cơ phạm tội rõ ràng là báo thù, có lẽ do một tên tội phạm nào đấy từng bị gã này mật báo ra pháp luật khiến hắn phải khốn đốn. Bài báo tường thuật rằng nạn nhân sống trong khách sạn ấy nhiều tháng liền và hiếm khi chường mặt ra khỏi phòng, kể cả bữa ăn cũng được mang đến tận nơi, rõ ràng gã đang trốn tránh kẻ nào đó. Tại lúc phát hiện gã bị giết, người ta thấy đồ ăn thức uống từ bữa ăn cuối cùng của gã vung vãi đầy bàn. Gã bị bắn lúc đang đứng cách bàn chừng bảy bộ; đây là một

phát súng chí mạng nhưng không làm nạn nhân chết ngay, cảnh sát quá quyết điều này nhờ quan sát vết máu kéo từ đây qua tấm thảm rồi đến chân bàn nơi gã được tìm thấy nằm chết ở tư thế sòng soài. Có một tình huống rất khác thường, đó là bát đựng đường trên bàn bị lật úp, đường cát đổ tung tóe đầy mặt khăn trải bàn, và có cả một nắm đường còn trong lòng bàn tay nắm chặt của người chết.”

“Hay nhỉ,” DeWitt lẩm bẫm.

“Giải thích đường như khá đơn giản, hãn bị bắn ở nơi cách chiếc bàn bảy bộ, cố lết đến chỗ chiếc bàn rồi bằng nghị lực phi thường đã gượng đứng dậy đủ để vốc lấy một nắm đường trước khi ngã khụy xuống sàn chết hãn. Nhưng tại sao? Vốc đường có ý nghĩa gì? Lý giải thế nào về hành vi tuyệt vọng cuối cùng này của một kẻ đang hấp hối? Cảnh sát thành Vienne bị bó tay, mẩu tin kết luận như vậy.” Ngài Drury Lane mỉm cười với những người chăm chú lắng nghe. “Lời giải cho những câu hỏi kích thích sự tò mò này lóe lên trong tâm trí và tôi liền viết thư gửi cho thành Vienne. Vài tuần sau tôi nhận được phúc đáp từ ngài Giám đốc cảnh sát ở đó nói rằng, trước khi thư của tôi đến tay họ thì thủ phạm gây án cũng đã bị bắt giữ, nhưng họ nói thêm rằng giải pháp của tôi ghi trong thư đã làm rõ tình tiết giữa người chết và vốc đường - chi tiết mà đến cả sau khi bắt được kẻ sát nhân rồi cảnh sát vẫn không thể lý giải được.”

“Vậy lời giải của ngài là gì?” Ahearn hỏi. “Dựa vào những chi tiết ít ỏi như thế riêng tôi không tài nào nghĩ ra một lý giải khả dĩ nào cả.”

“Tôi cũng thế,” Brooks nói.

Miệng của DeWitt mím lại thành một hình thù khác thường; nét mặt gã cau lại.

“Thế ông thì sao, ngài DeWitt?” Lane lại mỉm cười hỏi.

“Tôi e mình không thấy được ý nghĩa riêng ở chỗ vốc đường,” gã môi giới trầm ngâm. “Song có một điều chừng như hoàn toàn rõ ràng. Đây là, người đàn ông hấp hối ấy đang để lại một manh mối về nhân dạng kẻ giết ông ấy.”

“Tuyệt vời!” Lane reo lên. “Chính xác là điểm này, ngài DeWitt. Quan sát rất khá. Phải chăng đường, chất đường, là manh mối? Đây là, giả thử ta đưa vấn đề đến tận hàm ý khôi hài nhất của nó, phải chăng nạn nhân có ý nói rằng kẻ giết ông ta là người hảo ngọt? Mặt khác, liệu nó ám chỉ rằng tên sát nhân là người mắc chứng tiểu đường? Cường điệu, tất nhiên. Tôi đã không tin điều này; vì manh mối rõ ràng được lưu lại để gợi ý cho cảnh sát, và dường như rằng kẻ hấp hối muốn để lại một manh mối mà dựa vào đó cảnh sát có thể điều tra dễ dàng hơn. Mặt khác, đường còn có thể mang nghĩa gì nữa - về tự nhiên thì đường cát nhìn tựa thứ gì? À, đó là một chất kết tinh màu trắng... Vì thế tôi viết cho ngài giám đốc cảnh sát thành Vienne rằng đường chưa hẳn ám chỉ kẻ sát nhân là người mắc chứng tiểu đường, lý giải khả dĩ hơn đây là tên sát nhân là kẻ nghiện cocaine.”

Mọi đôi mắt đều đổ dồn vào Lane. DeWitt mỉm cười, tay nhẹ vỗ đùi. “Cocaine, tất nhiên rồi! Một chất bột kết tinh màu trắng!”

“Người bị bắt,” Lane tiếp, “là kẻ nghiện cocaine, đây là những gì tin tức lá cải của chúng ta phấn khởi thông báo. Người liên lạc thư từ với tôi đã viết như vậy kèm theo nhiều lời bay bướm bày tỏ sự thán phục, tuy nhiên với tôi thì giải đáp này chừng như chỉ là một lý giải sơ đẳng. Điều khiến tôi chú ý đây là tâm lý của nạn nhân, theo lý thì vào giây phút ấy gã không thể còn giữ được một trí tuệ thông thường. Đâu đó bên trong não bộ gã đã lóe lên một sự nhanh trí, gã đã lưu lại manh mối duy nhất về nhân dạng của kẻ sát nhân mà gã nghĩ ra vào đúng khoảnh khắc ngăn ngui trước khi chết. Các ngài thấy đấy - vào khoảnh khắc duy nhất, như thần ấy trước khi lìa đời, không có giới hạn nào về tầm tư duy mà trí óc con người không thể vươn đến.”

“Hoàn toàn đúng vậy, không có giới hạn nào cả,” DeWitt nói. “Đây là một câu chuyện lý thú, ngài Lane ạ. Dù ngài cho rằng sự suy luận chỉ là sơ đẳng, tôi thì lại thấy toàn bộ việc này là bằng chứng về tài năng nhận diện bản chất bên dưới sự vật một cách khác thường của ngài.”

“Nếu có mặt tại Vienne, ắt ngài ấy đã giúp cảnh sát ở đó tránh bớt khá nhiều rắc rối,” Ahearn xen vào.

Ga Bắc Bergen đã lụi sâu vào đêm tối.

Lane thở dài. “Tôi vốn thường nghĩ rằng toàn bộ vấn đề tội ác và trừng phạt sẽ trở nên đơn giản, nếu con người đứng trước kẻ cố sát tiềm tàng đều có thể để lại một dấu hiệu, dù mơ hồ đến thế nào chẳng nữa, về nhân dạng của kẻ thủ ác.”

“Dù mơ hồ đến thế nào chẳng nữa sao?” Brooks hỏi.

“Tất nhiên rồi, ngài Brooks, thà có dấu hiệu vẫn hơn, chẳng phải thế sao?”

Một gã cao lớn lực lưỡng, mũ kéo sụp tận mắt, mặt mày xanh xao trắng bệch, bước vào từ phía đầu toa. Hắn khệnh khạng đến chỗ bốn người đang trò chuyện rồi nặng nề tựa lưng vào chiếc ghế bọc vải kẻ ô màu xanh, người đu đưa theo nhịp lắc lư của con tàu, trừng mắt nhìn thẳng vào John DeWitt.

Lane ngừng nói, ngược mắt nhìn hắn về bực mình, nhưng DeWitt đã cất lời bằng giọng khó chịu: “Collins,” nghe vậy người kịch sĩ liền chăm chú nhìn vào gã đàn ông. Brooks tiếp lời: “Ông say rồi đấy, Collins. ông muốn gì?”

“Không thèm nói chuyện với ông, quân vô lương,” Collins lè nhè, đôi mắt của hắn ngầu đỏ và điên dại; chúng chòng chọc một cách khó khăn vào DeWitt. “DeWitt,” hắn cố làm ra vẻ lịch sự, “tôi muốn nói chuyện riêng với ông.” Nói rồi hắn đẩy mũ lên, gắng xoay xở cho ra một nụ cười xởi lởi nhưng cái hắn làm được chỉ là một vẻ cười giả tạo đến buồn nôn. DeWitt nhìn hắn bằng ánh mắt nửa thương hại nửa chán ghét.

Đôi mắt xám của Drury Lane dõi theo câu chuyện của hai người, đảo qua đảo lại liên tục từ bộ mặt nặng trịch của Collins sang vẻ nhăn nhó tế nhị của DeWitt.

“Nghe này Collins,” DeWitt nói bằng giọng từ tốn hơn. “Tôi đã bảo đi bảo lại với anh rằng tôi không thể làm được bất cứ điều gì cho anh về vấn đề ấy. Anh thừa biết lý do mà, và anh trở nên vô lối quá rồi đấy. Chẳng lẽ anh không thấy mình đang chen giữa hội tôi sao? Hãy cư xử phải phép và đi khỏi đây.”



Khóe miệng Collins xệ xuống, đôi mắt đỏ kè của hắn đờ ra và ngân ngấn nước. “Hãy nghe tôi, DeWitt,” hắn hạ giọng, “anh nhất định phải để tôi nói chuyện với anh. Anh không biết điều này có nghĩa thế nào với tôi đâu. Nó là... nó là vấn đề sống hoặc chết.” DeWitt lưỡng lự; những người còn lại vờ nhìn đi nơi khác. Hình ảnh gã đàn ông này cùng bộ dạng hèn mọn không che đậy của gã khiến ai nấy không khỏi bối rối. Collins hối hả, chộp lấy tia hy vọng mong manh hứa hẹn bởi cử chỉ ngập ngừng của DeWitt. “Tôi xin hứa, tôi thề sẽ không làm phiền anh nữa nếu anh để tôi nói chuyện riêng cùng anh - chỉ lần này mà thôi. Làm ơn đi, DeWitt, hãy làm ơn!”

DeWitt đưa mắt ra điều lãnh đạm nhìn hắn. “Anh nói đúng thế chứ, Collins? Anh sẽ không quấy rầy tôi nữa đấy chứ? Sẽ không đeo bám tôi kiểu này nữa chứ?”

“Đúng vậy! Anh hãy tin lời tôi!” Niềm hy vọng cháy bùng trong đôi mắt đỏ ngầu ấy thật rùng rợn. DeWitt buông tiếng thở dài, nói lời cáo lỗi rồi cùng gã bước dọc lối đi về phía đuôi toa tàu. DeWitt đầu cúi xuống, Collins nói liên hồi, dồn dập, khoa tay múa chân, van lơn khẩn khoản, mắt nhìn chăm chú vào gương mặt ngoảnh ra hướng khác của DeWitt. Bỗng nhiên DeWitt bỏ Collins đứng giữa lối đi, rồi quay lại chỗ ba người bạn đồng hành của mình.

Gã môi giới cho tay vào túi áo gilê ở ngực trái lấy ra những chiếc vé rời gã đã mua tại nhà ga, để lại trong túi cuốn sổ vé mới. Gã đưa những chiếc vé này cho Ahearn. “Frank, anh cầm chút nữa đưa cho người soát vé,” gã nói. “Tôi không chắc mình sẽ mất bao thời gian với gã phiền toái này, phần tôi họ sẽ thu sau.”

Ahearn gật đầu và DeWitt bước trở về phía đuôi toa tàu nơi Collins đang đứng chờ trong dáng vẻ ủ rũ. Hắn cố làm ra bộ tươi tỉnh khi DeWitt tiến đến gần, rồi hắn lại bắt đầu van nài. Họ bước qua ngưỡng cửa ra sàn lên xuống phía sau, vẫn còn loáng thoáng thấy bóng họ trong chốc lát, rồi ba người lại thấy Collins và DeWitt đã sang đến sàn lên xuống phía trước của toa chót tối tăm, rồi khuất tầm nhìn.

Brooks nói: “Có một gã nghịch lửa khiến ngón tay bị bỏng nặng. Gã này đã hết thời rồi. DeWitt phải là kẻ khờ mới giúp gã.”

“Vẫn còn muốn DeWitt bù đắp cho sự cố vấn tai hại của Longstreet, tôi nghĩ thế,” Ahearn nhận xét. “Tôi cũng chả lấy làm ngạc nhiên nếu John hạ giọng, các ngài biết đấy? Anh ấy đang lúc phẫn chấn và rất có thể đền bù cho sự ngu xuẩn của Longstreet hoàn toàn chỉ vì niềm vui của cuộc sống.”

Drury Lane không nói gì; ông quay đầu nhìn về phía sàn lên xuống cuối toa nhưng hai người đã khuất tầm mắt.

Lúc này người soát vé bước vào từ cửa đầu toa bắt đầu thu vé để bấm lỗ, và mọi người quay lại, giây phút căng thẳng đã qua đi. Khi người soát vé đến nhóm của Lord, anh chỉ về phía nhóm ba người đang ngồi giữa toa tỏ ý họ đang cầm giúp vé. Anh nhìn quanh dường như ngạc nhiên vì sự vắng mặt của DeWitt. Người soát vé bước đến, Ahearn đưa anh ta sáu tấm vé rời, giải thích là còn một người nữa vừa ra ngoài một lát và sẽ sớm trở lại.

“Được thôi,” người soát vé vừa nói vừa bấm lỗ các chiếc vé rồi nhét chúng vào một trong những chiếc hộp đựng vé trên đầu ghế Ahearn đang ngồi, rồi ông ta tiếp tục đi dọc theo toa xe.

Ba người trao đổi vài ba câu chuyện rời rạc. Lát sau, cuộc nói chuyện nhạt dần, Ahearn cáo lỗi rồi đứng dậy, tay rút túi bắt đầu đi đi lại lại dọc lối đi. Lane và Brooks quay sang thảo luận về những lá chúc thư. Lane kể lại một vụ kỳ lạ ông tình cờ gặp phải cách đây nhiều năm nhân chuyến lưu diễn kịch Shakespeare vòng quanh Lục địa; Brooks cũng kể ra nhiều trường hợp chúc thư viết lập lờ đa nghĩa làm phát sinh nhiều vấn đề phức tạp về pháp lý.

Đoàn tàu tiếp tục xinh xịch lăn bánh. Đã hai lần Lane ngoái đầu nhìn kỹ ra phía sau; nhưng đều không thấy cả DeWitt lẫn Collins đâu. Giữa hai chân mày người kịch sĩ xuất hiện một vết nhăn rất nhỏ. Ông tỏ vẻ trầm ngâm sau khi dứt câu chuyện cùng Brooks; rồi ông mỉm cười, khẽ lắc đầu như xua đi điều gì đó dờ dẩn trong ý nghĩ, rồi quay sang tiếp tục cuộc thảo luận.

Đoàn tàu chạy chậm dần rồi đỗ ở ga Bogota, một vùng ngoại ô của Hackensack. Lane đưa mắt nhìn ra cửa sổ. Tàu lại bắt đầu chuyển bánh, rãnh nhãn giữa hai mắt của ông lại xuất hiện, lần này sâu hơn. Ông nhìn đồng hồ đeo tay, kim chỉ 12 giờ 36 phút, Brooks chăm chú nhìn ông với vẻ mặt bối rối.

Bỗng Lane đứng bật dậy, đột ngột đến nỗi Brooks thốt lên một tiếng kinh ngạc. “Thứ lỗi cho tôi, ngài Brooks,” ông nói nhanh. “Có lẽ tinh thần của tôi không được tốt, song tôi không sao dứt khỏi được cảm giác khó chịu lạ thường về sự vắng mặt của ngài DeWitt. Tôi cần đến đó xem sao.”

“Ngài cho là có gì không ổn sao?” Brooks tỏ vẻ lo sợ, ông cũng đứng dậy, rảo bước dọc lối đi cùng Lane.

“Tôi đang rất mong là không phải vậy.” Họ bước ngang qua Ahearn lúc này cũng đang nhịp bước một cách bồn chồn.

“Có gì không ổn sao, các ngài?” Gã hỏi.

“Ngài Lane cho là có gì đấy khác lạ về sự vắng mặt của DeWitt,” người luật sư ngắt lời. “Đi thôi, Ahearn.”

Lane dẫn đầu, họ đi qua cửa sau của toa xe và đột ngột dừng lại. Không có ai ở sàn lên xuống. Họ bước qua khuỷu nối hai đầu toa; cũng không có ai ở sàn lên xuống của toa chót nằm ở phía bên kia.

Họ đưa mắt nhìn nhau, “Ừa, họ có thể biến đi quái quỷ đâu mới được chứ?” Ahearn thốt lên. “Tôi có thấy ai trong hai người bọn họ quay trở lại đâu, ngài thấy chứ?”

“Tôi không chú ý lắm,” Brooks đáp, “nhưng tôi không cho là họ có quay lại.”

Lane chẳng hề mảy may để ý đến hai người, ông bước đến chỗ ô kính trên một cánh cửa ghé mắt nhìn ra miền đồng quê tối đen đang lao hối hả. Rồi ông quay trở lại và kiểm tra cánh cửa của toa tàu phía sau vừa mù mờ vừa gần như không thể phân biệt. Qua ô kính ông đưa mắt chăm chú nhìn vào bên trong; đây hẳn là một toa phụ đưa về ga cuối tuyến, Newburgh, để sẵn sàng khởi hành ngược lại Weehawken vào giờ cao điểm sáng sớm hôm sau. Ông mím môi rồi cất tiếng rõ mồn một: “Tôi vào bên trong một lát.

Ngài Brooks, làm ơn giữ hộ cánh cửa mở ra nhé, trong này rất thiếu ánh sáng.”

Ông nắm lấy quả đấm cửa ấn vào, cánh cửa chuyển động khá dễ dàng, cửa không khóa. Trong một chốc ba người đứng đấy nheo mắt để quen với không gian tối đen như mực, họ gần như hoàn toàn không thấy gì. Lane đột ngột quay đầu, hít mạnh một hơi...

Bên trái của cánh cửa là một ô có vách ba bên - một bên là vách mặt trước của toa tàu, đối diện là bức vách nơi băng ghế đầu tiên phía ngoài tựa lưng vào; mặt hướng ra bên ngoài là cửa sổ toa tàu, mặt hướng vào bên trong nơi Lane đứng là không gian trống. Bên trong ngăn buồng có hai băng ghế đôi đối diện nhau giống như các ô ghế ngồi khác trong toa. Trên chiếc ghế hướng về phía đầu tàu có một người đang ngồi sát cửa sổ, đầu cúi gục xuống ngực. Đây là hình dáng của John DeWitt.

Lane nheo mắt lại để nhìn rõ hơn trong đêm tối; gã môi giới dường như đang ngủ. Brooks và Ahearn chen vào từ phía sau, Lane lách vào chỗ trống giữa hai băng ghế rồi khẽ chạm vào vai DeWitt. Không có tiếng trả lời. “DeWitt!” ông vừa nói bằng giọng nghe lạnh buốt vừa lắc lắc thân hình im lặng, vẫn không có tiếng trả lời. Nhưng lần này chiếc đầu của DeWitt hơi lảo đảo để lộ đôi mắt, rồi lại lảo đảo về trạng thái bất động...

Đôi mắt, ngay cả trong bóng tối mờ mờ, là đôi mắt trống rỗng của một xác chết.

Lane khom xuống đưa tay sờ soạng lên ngực người đàn ông.

Ông đứng thẳng người, xoa các ngón tay vào nhau rồi quay ra lối đi. Ahearn vừa lật bật như cây sậy vừa chăm chăm nhìn vào thân hình lờ mờ bất động. Brooks cất giọng run rẩy: “Ông ấy... ông ấy chết rồi.”

“Có máu dính vào tay tôi,” Lane nói. “Ngài Brooks, làm ơn giữ hộ cánh cửa đừng để đóng lại; ta cần ánh sáng ít ra cho đến lúc có thể gọi ai đó mở đúng công tắc đèn.” Ông bước qua Ahearn và Brooks ra đến chỗ sàn lên xuống rồi quay lại nghiêm giọng: “Cả hai người, làm ơn đừng chạm vào ông ta nhé.” Không ai trả lời; họ đứng sát vào nhau theo bản năng; ánh mắt kinh hoàng vẫn như bị thôi miên vào người chết.

Ngược nhìn lên chỗ cao quá đầu, Lane thấy được vị trí cái cần tìm - dây phát tín hiệu khẩn cấp. Ông đưa cánh tay dài với lên giật liên hồi, sau tiếng va nhau và tiếng phanh rít lên ken két, đoàn tàu trượt, giật, rùng, rồi dừng hẳn. Ahearn và Brooks bám vào nhau để khỏi bị ngã.

Lane bước qua khuỷu nổi mở cánh cửa vào toa có ánh sáng đèn là nơi họ đã ngồi. Ông đứng yên lặng trong chốc lát. Lúc này Imperiale đang ngồi lơ mơ gà gật một mình, Lord và Jeanne ngồi sát đến mức hai mái đầu gần như chạm hẳn vào nhau. Trong toa còn có nhiều hành khách khác, đa phần đều đang chớp mắt hoặc đọc sách. Cánh cửa ở đầu bên kia toa xe bật mở và hai nhân viên tàu chạy ngược theo lối đi về phía Lane. Ngay lập tức, đám hành khách người tỉnh giấc kẻ buông tờ tạp chí đọc dở trên tay, ai nấy dự cảm có điều gì đấy không ổn. Jeanne và Lord giật mình ngược mắt nhìn; Imperiale đứng dậy gương mặt tỏ vẻ thắc mắc.

Hai nhân viên tàu hối hả chạy đến. “Người nào giật dây khẩn cấp thế hở?” Người đầu tiên la lên, đó là một lão già quạu cọ. “Mà có chuyện gì thế?”

Lane nhỏ giọng: “Này bác nhân viên, đã có một vụ tai nạn nghiêm trọng. Hãy trở lại chỗ này cùng tôi.” Jeanne, Lord và Imperiale chạy về phía họ; những hành khách khác vây quanh, bắt đầu hỏi những câu ngờ ngác. “Không, làm ơn, tiểu thư DeWitt, tốt hơn cô đừng theo chúng tôi làm gì. Ngài Lord, hãy đưa tiểu thư DeWitt trở về chỗ ngồi. Ngài Imperiale, có lẽ ngài cũng nên ở lại đây.” Ông đưa ánh mắt ngụ ý với Lord; chàng thanh niên tái mặt, anh ta quay sang khoác lấy tay cô gái ngờ ngác rồi kéo cô đi qua đám người trở lại chỗ ngồi. Người soát vé thứ hai, một người đàn ông cao lớn nặng nề, bắt đầu chen lấn qua đám hành khách đang tụ tập. “Làm ơn trở về chỗ ngồi đi nào. Không hỏi. Quay về chỗ ngay...”

Lane, cùng hai nhân viên tàu đi kèm, quay trở lại toa tàu phía sau. Brooks và Ahearn vẫn đứng ngậy ra như hóa đá, họ vẫn đang chăm chăm nhìn vào xác DeWitt. Một trong hai nhân viên tàu nhấn một nút công tắc trên vách và toa tàu đang mờ tối bỗng trở nên sáng sủa rõ ràng nhờ ánh đèn

bật lên. Cả ba người vào bên trong toa xe, đẩy Brooks và Ahearn về phía trước rồi người soát vé cao lớn khép cửa lại.

Người nhân viên nhỏ con hơn và già hơn lách vào gian buồng cúi xuống, chiếc đồng hồ vàng nặng trĩu đưa qua đưa lại từ sợi xích mắc trên áo gilê của lão ta. Ngón tay già nua của lão chỉ vào ngực trái của người chết. “Lỗ đạn bắn!” Lão thốt lên. “Án mạng...”

Lão thẳng người lên chăm chăm nhìn Lane. Lane nhỏ giọng: “Này bác, tôi khuyến cáo bác đừng nên chạm vào bất cứ thứ gì.” Ông lấy từ trong ví một tấm thiệp chìa cho người nhân viên. “Tôi đang hành động với tư cách cố vấn điều tra ở một số vụ án mạng thời gian qua,” ông nói. “Tôi cho rằng mình có thẩm quyền ở vấn đề này.”

Người nhân viên già ngờ vực nhìn đi nhìn lại tấm thiệp. Lão giở mũ, gỡ gãi mái tóc bạc, rồi trả lời. “Hừ, tôi chả biết,” lão nói giọng pha chút bực tức. “Làm sao tôi biết đây không phải mẹo câu giờ? Tôi là trưởng tàu chính ở đây, và theo luật thì tôi chịu trách nhiệm về đoàn tàu này vào mọi lúc và ở bất cứ trường hợp khẩn cấp nào...”

“Hãy nghe đây,” Brooks xen vào, “đây là ngài Drury Lane, và ông ấy đang hỗ trợ về các vụ án mạng Longstreet và Wood. Bác đọc báo chắc cũng đã biết những vụ này.”

”Ô!” lão già gãi gãi chiếc cằm.

“Thế bác biết người chết này là ai không?” Brooks nói tiếp, giọng ông vang lên rành mạch. “Đó là John DeWitt, đối tác của Longstreet!”

“Ông nói sao,” viên trưởng tàu thốt lên, lão nhìn gương mặt tranh tối tranh sáng của DeWitt vẻ nửa tin nửa ngờ. Thế rồi mắt lão sáng lên. “Nhớ ra rồi, hèn nào tôi cứ thấy ông ấy trông quen quen. Đã đi trên đoàn tàu này lâu rồi. Tốt rồi, ngài Lane, tôi đoán ngài là sếp ở đây. Ngài muốn chúng tôi làm gì nào?”

Suốt cuộc nói chuyện Lane đứng lặng yên không nói gì, nhưng vẻ sốt ruột thì ánh lên trong đôi mắt. Ông liền nói luôn: “Đóng hết tất cả cửa đi, cửa sổ và canh giữ, ngay lập tức. Chỉ thị lái tàu đưa đoàn tàu này đến ga gần nhất...”

“Đó là Teaneck, ga đỗ tiếp theo của tuyến,” người nhân viên cao lớn xen vào.

“Bất kể là ga gì,” Lane nói tiếp, “Hãy cho tàu chạy nhanh nhất có thể. Hãy tìm cách gọi ngay cảnh sát New York - thanh tra Thumm, hoặc tại trụ sở hoặc tại nhà - cả công tố viên Bruno của hạt New York, nếu được.”

“Sẽ bảo trưởng ga làm vậy,” viên trưởng tàu đảm chiêu.

“Đúng thế. Và hãy xin lệnh, bất cứ lệnh nào cần thiết, để đưa đoàn tàu này ra khỏi đường ray chính đi vào một đường tránh tàu tại Teaneck. Này bác trưởng tàu, bác tên gì?”

“Người ta gọi tôi là Pop Bottomley,” lão già nghiêm trang. “Rõ rồi, ngài Lane.”

“Nếu đã hiểu cả rồi, Bottomley,” Lane nói. “Vậy làm ơn thu xếp những việc này ngay tức khắc.”

Hai người ra đến cửa, Bottomley bảo cấp dưới của mình: “Giờ tôi đi xuống bảo lái tàu, phần cậu sẽ lo mấy cánh cửa. Hiểu chứ, Ed?”

“Hẳn rồi.”

Họ chạy ra khỏi toa, len lỏi qua đám đông hành khách ở các toa khác đang bâu lại quanh những cánh cửa.

Họ đi rồi, bên trong giờ im lặng như tờ. Ahearn đột nhiên mất cả hơi sức phải tựa vào cánh cửa buồng toilet ở phía bên kia lối đi. Brooks thì tựa lưng vào cửa toa tàu. Lane rầu rĩ nhìn đi nhìn lại xác chết của John DeWitt.

Ông nói mà không quay đầu lại. “Ahearn, với tư cách bạn thân nhất của DeWitt, nhiệm vụ khó khăn của anh bây giờ là mang tin đến cho con gái ông ấy.”

Ahearn chờ người, liếm môi, nhưng không một lời lẳng lẳng ra khỏi toa.

Brooks lại tựa người vào cửa, Lane thì đứng như một anh lính canh bên cạnh người chết. Không ai nói một lời, không ai buồn cử động. Từ những toa phía trước vọng lại tiếng kêu thét yếu ớt.

Họ vẫn đứng im lìm trong tư thế ấy được vài phút thì đoàn tàu rùng lên suốt chiều dài thân tàu bằng thép nặng nề của nó, rồi bắt đầu nhúc nhích.



Ngoài trời vẫn tối đen như mực.

## MỘT ĐOẠN ĐƯỜNG TRÁNH TÀU Ở GA TEANECK

Lát sau

Cả đoàn tàu, đèn bật sáng, nằm như một con sâu bất lực trong bóng tối của đoạn đường tránh rỉ sét gần ga Teaneck. Riêng nhà ga thì rộn ràng với những bóng người hối hả. Một chiếc ô tô gầm rú lao ra từ đêm tối, đột ngột dừng lại bên đường tàu sau cú phanh gấp, những hình người to lớn dềnh dàng lập tức phóng ra và đâm bổ về phía đoàn tàu đang nằm bất động.

Những người mới đến này là Thumm, Bruno, bác sĩ Schilling và một tổ nhân viên thám tử.

Họ vội vàng vừa đi qua một tốp người - kỹ thuật viên, người lái tàu, nhân viên nhà ga - vừa nhỏ to bàn bạc bên ngoài đoàn tàu đang chong đèn sáng rực. Một người đưa cao chiếc đèn bão và thanh tra Thumm cùng những người khác thì hối hả đi đến cửa sau đang đóng kín của toa sau cùng. Thumm nện mạnh lên cửa bằng nắm tay cứng như sắt của mình; có tiếng kêu nho nhỏ: “Họ đây rồi!” phát ra đâu đó từ bên trong và trưởng tàu Bottomley kéo ngược cánh cửa, sập mạnh vào cái chốt giữ trên vách. Lão đỡ tấm bưng sàn lên xuống để lộ ra một cầu thang nhỏ bằng sắt.

“Cảnh sát?”

“Cái xác đâu?” Họ nổi gót viên thanh tra leo lên bậc cấp.

“Lối này. Toa đằng sau.”

Họ ùa vào toa sau. Lane vẫn ở nguyên chỗ cũ. Ánh mắt của mọi người lập tức đổ dồn vào người chết. Đứng gần đó là một viên cảnh sát sở tại, viên trưởng ga Teaneck và một nhân viên tàu.

“Án mạng à?” Thumm nhìn Lane. “Chuyện này đã xảy ra thế quái nào vậy hở ngài Lane?”

Lane hơi cử động. “Tôi sẽ không bao giờ tha thứ chính mình, ngài thanh tra ạ... Một tội ác táo tợn. Một tội ác táo tợn.” Nét mặt như tạc tượng của ông già hằn đi.



Bác sĩ Schilling, chiếc mũ vải hất ngược về phía sau, áo choàng mở ra, quỳ thụp xuống bên cạnh cái xác.

“Chạm vào ông ấy rồi sao?” Ông vừa lầm bầm vừa đưa mấy ngón tay kiểm tra người chết.

“Lane. Này, ngài Lane,” Bruno nói giọng ngờ vực. “Bác sĩ Schilling đang nói với ông đấy.”

Lane đáp máy móc: “Tôi lắc ông ấy. Đầu ông ấy lăn sang một bên, rồi lại trở về tư thế cũ. Tôi cúi xuống sờ vào chỗ tim, máu đã vấy vào bàn tay tôi. Ngoài ra thì chưa có ngón tay nào khác động vào ông ấy.”

Thế rồi họ im lặng, chăm chú nhìn bác sĩ Schilling. Viên bác sĩ pháp y hít người lỗ đạn bắn, nắm lấy áo ngoài giật mạnh. Viên đạn xuyên áo ngoài, qua túi để khăn tay ở ngực trái đi thẳng vào tim. Chiếc áo ngoài mở phanh ra sau một âm thanh rách dính nho nhỏ. “Xuyên gọn lỏn qua áo ngoài, áo gilê, áo sơmi, áo lót và tim. Vết thương gọn ghẽ, thế đấy.” Bác sĩ Schilling tuyên bố. Có ít máu vương trên y phục; lỗ thủng trên từng mảnh vải áo đều có vòng tròn màu đỏ loang ướm át bao quanh. “Chết được chừng một giờ, tôi cho là vậy,” viên bác sĩ pháp y nói tiếp. Ông nhìn vào đồng hồ đeo tay, rồi ông sờ vào cơ tay và cơ chân của người chết, cố sức bẻ gập khớp đầu gối một cách kỳ cục. “Đúng thế, chết vào khoảng 12 giờ 30, có lẽ sớm hơn vài phút, không thể nói chính xác.”

Họ nhìn chòng chọc vào gương mặt đông cứng của DeWitt, một vẻ mặt kinh khủng và dị dạng làm rúm rỏ và vắn vẹo đến từng đường nét. Vẻ mặt này không khó để lý giải - nó là sự khiếp sợ tột cùng, nỗi kinh hãi đến độ vắn ngược hai mắt trợn trừng, kéo căng những thớ thịt nổi lên dọc quai hàm, tiêm vào từng đường cơ một loại độc tố xua tan dũng khí...

Bác sĩ Schilling kêu lên một tiếng nhỏ. Ai nấy dứt tia mắt ra khỏi gương mặt đã chết trong khiếp đảm và hướng về bàn tay trái của tử thi, lúc này được vị bác sĩ cầm lấy đưa lên để họ xem. “Hãy nhìn mấy ngón tay ấy,” bác sĩ Schilling nói. Họ chú mục nhìn vào. Ngón giữa của bàn tay móc treo vào ngón trở thành một dấu hiệu kỳ quái, còn ngón cái và hai ngón còn lại thì quặp vào bên trong nắm chết cứng.

“Cái quái...” Thumm gầm gừ. Bruno cúi thấp hơn, mắt ông trở lên như muốn lồi hẳn ra ngoài. “Chúa ơi!” Ông la lên, “mình có điên không đây, hay có nhìn thấy không đây, hay là cái gì đây? Tại sao...” ông phá ra cười, “không thể nào. Không thể. Đây đâu phải châu Âu thời Trung cổ... Đây là dấu làm phép chống lại mắt của loài quỷ dữ!”

Mọi người nín lặng. Thumm khẽ nói: “Quý sứ thật, cứ như truyện trinh thám không bằng. Tôi dám cá mười ăn một có con ma Ba Tàu nanh dài đang nấp trong toa lét ấy.” Chẳng ai cười cả. Bác sĩ Schilling nói: “Gì thì gì, nó bị cố định mất rồi.” Ông nắm lấy hai ngón tay xếp chồng rắng sức banh ra đến đỏ mặt tía tai rồi nhún vai. “Tình trạng chết cứng. Đơ như gỗ ấy. Có lẽ DeWitt chớm bị tiểu đường nhưng ông ấy không biết. Dù sao thì, nó lý giải sự nhanh chóng bắt đầu của trạng thái cứng đờ...” Ông ngược nhìn, hai mắt hấp háy. “Thumm, giả thử ông tréo ngón vào nhau như vậy xem.”

Giống hệt đám người máy, ai nấy chòng chọc nhìn vào viên thanh tra. Không nói lời nào, ông đưa bàn tay phải lên rắng vắn vẹo móc ngón giữa vào ngón trỏ.

“Ép mạnh xuống, Thumm,” Bác sĩ Schilling nói. “Giữ chặt vào, kiểu như bàn tay của DeWitt ấy. Nào, cứ giữ thế vài giây xem...” Viên thanh tra dùng sức ép xuống, mặt ông hơi đỏ lên. “Hơi đau, đúng không Thumm?” Vị bác sĩ pháp y tình bơ. “Một trong những trò vui nhất tôi từng thí nghiệm đấy. Mấy ngón tay chết này kết chặt đến nỗi chúng hết rời ra kể cả sau khi chết.”

“Tôi không chấp nhận được cái lý giải con mắt quỷ dữ ấy,” Thumm vừa buông giọng lạnh lùng vừa tháo mấy ngón tay. “Nghe như chuyện sách vở, nhằm nhí quá thể. Sao hả... họ cười cho đấy!”

“Vậy thì lý giải kiểu khác xem,” Bruno nói.

“Hừm,” Thumm gầm gừ, “thôi được. Có lẽ cái gã gây ra việc này đã tự mình cố định ngón tay của DeWitt.”

“Dớ dẩn,” Bruno nạt. “Nói thế nghe còn tệ hơn cả lý vừa rồi nữa. Hà có gì tên giết người làm thế?”

“Hừ, để rồi xem,” Thumm nói. “Để rồi xem... Ngài nghĩ sao, ngài Lane?”

“Có cần phải tìm kiếm một *jettatore\** không đây?” Lane giật mình. “Tôi cho rằng,” ông tỏ ra chán chường vô hạn, “John DeWitt đã quá xem trọng một nhận xét bất cần của tôi hồi tối này.”

Thumm bắt đầu nằng nặc đòi nói rõ thì im bặt khi thấy bác sĩ Schilling gượng đứng dậy.

“Thế đấy, tôi chỉ làm được có vậy,” viên bác sĩ nói. “Một điều chắc chắn là ông ấy đã chết ngay tức thì.”

Lane như choàng tỉnh, ông chộp lấy cánh tay của viên bác sĩ pháp y. “Bác sĩ, ông chắc chứ - chết ngay tức thì sao?”

“*Ja*. Chắc như đinh đóng cột. Viên đạn có lẽ từ cỡ nòng 38 đã xuyên thủng tâm thất phải. Bằng việc khám nghiệm bên ngoài, ngẫu nhiên phát hiện đây cũng là vết thương duy nhất.”

“Đầu ông ấy không sao chứ? Không có dấu hiệu bạo lực nào khác chứ - không có vết bầm ở đâu chứ?”

“Không hề. Ông ấy bị giết bằng một viên đạn đi vào ngăn bơm máu, chỉ có thế. Tin tôi đi! Nhiều đấy đã nhiều lắm rồi. Lâu lắm rồi tôi mới thấy cái lỗ tròn trĩnh đến vậy đấy.”

“Bác sĩ Schilling, nói khác đi là không thể có chuyện DeWitt đang lúc giãy chết đã xoắn ngón tay vào nhau như thế đấy chứ?”

“Nghe này,” giọng Bác sĩ Schilling hơi khó chịu. “Tôi vừa bảo ông ấy đã chết ngay tức thì, đúng không? Mơ thế nào lại có chuyện giãy chết ở đây? Viên đạn xuyên tâm thất rồi - *pít!* Chết. Như tắt đèn. Thế thôi. Người chứ phải chuột đâu, hả. Không hề.”

Lane không cười, ông quay sang thanh tra Thumm. “Ngài thanh tra, tôi hiểu rằng ý kiến của vị bác sĩ bản tính của chúng ta ở đây đã giải tỏa một vấn đề hết sức đáng chú ý.”

“Thì đã sao? Cứ cho là ông ấy chết ngay tại chỗ không một tiếng rên đi? Tôi đã thấy hàng trăm cái xác của người chết ngay rồi. Có gì mới đâu.”

“Ở đây có điều mới đây, ngài thanh tra ạ,” Lane nói. Bruno liếc nhìn ra ý hỏi, nhưng Lane không nói gì thêm.

Thumm lắc đầu. Ông lẩn qua bác sĩ Schilling, khom xuống người chết rồi bắt đầu thong thả lục soát y phục. Lane đổi vị trí để có thể thấy được cả mặt Thumm lẫn thi hài người chết. “Cái gì đây?” Thumm khẽ nói, ông vừa tìm thấy ở túi ngực bên trong của chiếc áo khoác DeWitt đang mặc vài lá thư cũ, một cuốn sổ séc, một cây bút máy, một bảng thời khóa biểu và hai cuốn sổ vé tàu lửa.

Lane lạnh lùng: “Đó là cuốn sổ vé năm mươi chuyến đã hết hạn đang lúc ông ấy bị giam giữ, và một cuốn sổ mới ông ấy đã mua hồi tối nay trước khi chúng tôi cùng lên tàu.”

Viên thanh tra lau bầu lật qua những trang bầm lỗ của cuốn sổ vé cũ, trang nào trang ấy đều đã cuốn góc. Trên mặt bìa và bên trong có vô số nét nguệch ngoạc không đâu; một số vẽ theo hình dấu bầm lỗ; số khác vẽ theo những chữ in - chỗ nào cũng có những hình vuông hình tròn, một biểu thị chính xác về trạng thái tâm lý của DeWitt. Phần lớn các tấm vé đã được xé đi. Ông lại quay sang kiểm tra cuốn sổ vé mới, cuốn sổ còn nguyên vẹn, chưa bầm lỗ, như Lane đã nói là DeWitt vừa mua ở ga.

“Ai là trưởng tàu ở đây?” Thumm hỏi.

Lão già trong bộ đồng phục trưởng tàu màu xanh mực trả lời: “Là tôi đây. Tên Pop Bottomley, là trưởng tàu chính của tuyến này. Ngài muốn biết gì nào?”

“Có nhận ra người này không?”

“À...” Bottomley dài giọng, “trước khi ngài đến tôi có bảo ngài Lane đây rằng mặt ông ấy trông hơi quen, giờ thì tôi nhớ ra ông ấy thi thoảng đi tàu này đã mấy năm nay, dường như là vậy. Tây Englewood, đúng không nhỉ?”

“Bác có thấy ông ấy trên tàu tối nay không?”

“Không thấy, ông ấy không ngồi ở đầu tôi soát vé. Cậu thấy ông ấy chứ, Ed?”

“Tôi nay thì không, tôi không thấy,” gã nhân viên tàu dáng người to khỏe rụt rè trả lời. Tôi biết ông ấy, vậy đó, nhưng tôi nay thì tôi không thấy. Lúc tôi vào toa từ trên xuống có một nhóm người ở đấy, rồi một người, dáng cao lớn, trao tôi sáu tấm vé cho cả đoàn, bảo rằng còn một người ra ngoài một lát. Sau đó không hề thấy ông ấy đâu nữa.”

“Anh không tìm ông ấy hả?”

“Ồ, tôi làm gì biết ông ấy ở đâu, đoán là ông ấy đi vệ sinh thế thôi, đâu nghĩ gì đến cái toa tối này, chả ai vào đây làm gì cả.”

“Anh bảo anh biết DeWitt à?”

“Đây là tên ông ấy sao? À, ông ấy đi tàu này khá thường, có quen mặt ông ấy, thế đấy.”

“Thường là thường thế nào?”

Ed nhắc chiếc mũ lưỡi trai rồi vỗ vỗ lên cái đầu hói ra điều cố nhớ. “Tôi không biết, sếp à. Không nhớ bao nhiêu lần, chắc là lúc có lúc không vậy thôi.”

Pop Bottomley chen cái thân hình nhỏ thó lạnh lẽo của lão ra đằng trước. “Tôi đoán mình có thể trả lời việc này, thưa ngài. Ngài thấy đấy, anh bạn đây cùng tôi phụ trách tuyến tàu khuya này hàng đêm, nên bọn tôi nói được ông này đi trên tàu đây bao nhiêu lần. Nào, đưa tôi mượn cuốn sổ vé cũ ấy một lát.” Lão chộp lấy cuốn sổ quăn góc từ hai ngón tay của Thumm, mở ra rồi chìa trước mặt Thumm. Những người khác xúm lại ghé mắt qua vai viên thanh tra. “Đây, thấy chưa,” Bottomley nói với vẻ nhiệt tình thái quá vừa chỉ vào những đường răng cưa đã xé vé, “cứ mỗi chuyến chúng tôi đều xé vé rồi bấm lỗ cả vé lẫn cuốn vé cho chắc ăn. Ngài chỉ việc cộng mấy cái dấu khoanh tròn lại - dấu đó là lỗ của tôi; thấy chưa? - rồi cộng mấy cái dấu gạch chéo lại - đó là của cậu Ed Thompson đây - là ngài biết ông ấy đã đi tàu này bao nhiêu chuyến, vì tuyến này chỉ có bọn tôi đây mà thôi. Thấy chưa?”

Thumm ngắm nghía cuốn sổ cũ. “Nhìn xinh nhỉ, bốn mươi lỗ cả thảy. Bốn mươi lỗ mà hết nửa là đi New York - lỗ khác nhau, hả?”

“Đúng rồi,” lão Bottomley đáp. “Là những chuyến tàu sáng - soát vé khác khác, mỗi người một kiểu lỗ khác nhau.”

“Rõ rồi,” Thumm tiếp, “trừ ra còn hai mươi chuyến trở về Tây Englewood ban đêm. Trong hai mươi...” ông đếm nhanh, “xem nào, mười ba lỗ là bác và ông bạn cùng làm với bác băm. Vậy là mười ba lần. Nghĩa là ông ấy đi tàu này thường xuyên hơn chuyến tàu về thường ngày vào khoảng sáu giờ...”

“Thám tử đại tài, là tôi đây,” lão già nhe răng cười. “Vậy là ngài hiểu rồi nhé. Lỗ băm không biết nói dối!” Nói rồi lão híp mắt.

Bruno cau mày. “Tôi dám cá là tên sát nhân biết DeWitt có thói quen đi trên chuyến muện này thường xuyên hơn là chuyến tàu về giờ tan tầm.”

“Có lẽ thế.” Thanh tra Thumm xoay đôi vai to bè ra phía sau. “Giờ thì, có vài điều ta làm rõ xem nào. Ngài Lane, chính xác chuyện gì xảy ra hồi đêm nay thế? Thế nào mà DeWitt lại vào toa này?”

Drury Lane lắc đầu. “Chuyện gì thực sự xảy ra thì tôi không biết. Có điều sau khi tàu rời Weehawken không lâu thì Michael Collins...”

“Collins á!” Thumm la lên. Bruno nghiêng người tới. “Chúa ơi, Collins có dính chuyện này sao? Sao này giờ ông không nói?”

“Làm ơn đi ngài thanh tra. Bình tĩnh tí nào... Collins hoặc đã chuồn hoặc vẫn còn đâu đây. Ngay khi chúng tôi phát hiện xác của DeWitt, bác trưởng tàu và nhân viên đã lo đảm bảo không ai rời được đoàn tàu, mà dù gã có đi khỏi đây từ trước khi cái xác bị phát hiện thì gã cũng không thoát.”

Thumm găm gù, và Lane bằng giọng đều đều kể lại chuyện đã xảy ra trong toa khi Collins van nài DeWitt để được nói chuyện riêng lần chót.

“Rồi họ vào bên trong toa này à?” Thumm gặng hỏi.

“Tôi không nói gì đại loại thế, ngài thanh tra,” Lane đốp chát. “Ngài đang cho là thế đấy. Có thể đúng vậy, nhưng chúng tôi chỉ thấy hai người bước qua sàn lên xuống phía sau rồi đứng ở sàn lên xuống phía trước của toa này.”

“Hừm, ta sẽ sớm biết ngay thôi.” Thumm ra lệnh cho một số thám tử tản đi tìm kiếm gã đàn ông đã biến mất.

“Anh muốn để cái xác ở đây sao, Thumm?” Bác sĩ Schilling hỏi.

“Để ông ấy vậy đi,” Thumm làu bàu. “Ta ra đằng trước hỏi vài câu xem nào.”

Họ kéo nhau ra khỏi toa tàu chết chóc, để lại một thám tử canh giữ cạnh người chết.

Jeanne DeWitt thu mình trên một chiếc ghế đang nứt nở trên vai Lord. Ahearn, Imperiale, Brooks dờ cả ra, ai nấy đều ngơ ngác bàng hoàng.

Mọi hành khách khác đã được hộ tống ra khỏi toa tàu, họ được dồn sang toa phía trước.

Bác sĩ Schilling lặng lẽ bước dọc lối đi, ông đưa mắt nhìn xuống cô gái đang khóc than yếu ớt. Không nói lời nào, ông mở chiếc túi y tế bên mình, lấy ra một cái lọ nhỏ, bảo Lord đi lấy một tách nước, rồi kề miệng lọ vào lỗ mũi run run của cô gái. Cô há miệng, nheo mắt, run rẩy, khi Lord mang nước đến, nàng như một đứa trẻ đang cơn khát vội vàng uống lấy uống để. Viên bác sĩ vỗ về lên đầu cô gái rồi ép nàng uống vào thứ gì đấy. Lát sau, cô gái bình tâm lại, nhắm nghiền mắt rồi lả đi, đầu kê vào lòng của Lord.

Thumm ngồi phịch vào một trong những chiếc ghế bọc vải nhung màu xanh lục rồi xoa chân. Bruno im lặng đưa mắt nhìn, thế rồi ông gật đầu ra hiệu với Brooks và Ahearn, hai người này mệt mỏi đứng dậy, vẻ mặt cả hai đều tỏ ra nhợt nhạt và căng thẳng. Trả lời những câu hỏi của vị công tố viên, Brooks tóm tắt thuật lại buổi tiệc mừng tại khách sạn, trên đường đi đến Weehawken, chờ đợi tại nhà ga, lên tàu, sự xuất hiện của Collins.

“DeWitt thì thế nào?” Bruno hỏi. “Có vui vẻ gì không?”

“Vui hơn bao giờ hết.”

“Trước giờ chưa hề thấy ông ấy vui đến thế,” Ahearn nhỏ giọng xen vào. “Phiên tòa, sự hồi hộp - và rồi lời phán quyết... Vừa khi tôi nghĩ rằng ông ấy đã được cứu thoát khỏi ghế điện ...” Nói đến đây gã rùng mình.



Vẻ giận dữ thoáng hiện lên mặt vị luật sư. “Hắn là bằng chứng tai hại nhất về sự vô tội của DeWitt đấy, ngài Bruno. Giá ông đừng bắt giữ ông ấy vì sự buộc tội lỗi bịch thì có lẽ hôm nay ông ấy vẫn còn sống đấy!”

Bruno nín lặng. Thế rồi... “Bà DeWitt đâu?”

“Bà ấy không dự tiệc,” Ahearn đáp cộc lốc.

“Đây là tin tốt cho bà ấy đây,” Brooks nói.

“Ý ông là sao?”

“Bà ấy hết ly dị được rồi,” Brooks trả lời khô khan.

Vị công tố viên và Thumm đưa mắt nhìn nhau. “Nghĩa là bà ấy không đi trên chuyến tàu này?” Bruno hỏi.

“Theo tôi biết thì không.” Brooks ngoảnh mặt đi. Ahearn lắc đầu, Bruno đưa mắt hỏi Lane, ông nhún vai.

Ngay lúc này một thám tử xuất hiện báo không tìm ra Collins ở bất cứ đâu.

“Này! Quý tha mấy anh nhân viên tàu đâu cả rồi?” Thumm vẫy những người vận đồng phục màu xanh mực về phía mình. “Bottomley, bác có thấy một gã người Ai Len cao lớn mặt đỏ không - nhớ xem có soát vé gã tối nay không?”

“Gã ấy,” Lane lặng lẽ xen vào, “đội chiếc mũ dạ sụp tẹt mắt bằng vé ngang tàng, áo bành tô vải tuyết, tướng hơi say xỉn.”

Lão Bottomley lắc đầu. “Nhớ là tôi không soát vé người đó. Cậu thì sao, Ed?”

Người nhân viên lắc đầu.

Thumm bật dậy. Ông sấn số bước đến toa phía trước và bắt đầu đội câu hỏi vào vai người hành khách đã ngồi cùng toa với nhóm của DeWitt. Không ai nhớ ra Collins hay bất cứ gì về hành tung của gã. Thumm quay về rồi lại ngồi xuống. “Ai đó nhớ xem, Collins có trở lại qua toa này không?”

Lane nói: “Tôi chắc chắn là không, ngài thanh tra, rất có thể hắn chuồn khỏi đây từ một trong hai sàn lên xuống ở đằng sau toa này, không khó gì để mở một cánh cửa ở đó rồi nhảy ra ngoài. Tôi chắc rằng, từ lúc DeWitt và



Collins biến mất đến lúc tấn bi kịch này được phát hiện, đoàn tàu đã dừng đầu đó.”

Thumm bảo người trưởng tàu già đưa xem bảng kế hoạch giờ tàu. So sánh giữa các mục thời gian biểu, ông kết luận có khả năng Collins đã linh đi nhân lúc đoàn tàu dừng lại ở ga Little Ferry, hoặc Ridgefield Park, hoặc Westview hay thậm chí là Bogota.

“Được rồi,” ông vừa nói vừa quay sang một phụ tá của mình. “Mang theo hai nhân viên lẫn ngược trở lại tuyến đường đi qua các ga này, hãy tìm kiếm dấu vết của Collins, hẳn nhất định đã thoát ra từ một trong những ga đó và bỏ lại sau lưng dấu hiệu gì đó, gọi điện thoại về ga Teaneck báo cho tôi.”

“Rõ”

“Còn nữa, khó có chuyện hẳn có thể bắt tàu khác trở về New York vào giờ đó, vậy nên đừng quên hỏi han những lái xe taxi quanh các ga đó xem sao.”

Viên thám tử rời đi.

“Còn các ông,” Thumm quay lại hai người nhân viên trên tàu, “ráng nhớ xem. Có hành khách nào xuống tàu ở các ga Little Ferry, Ridgefield Park, Westview, hay Bogota không?”

Hai người lập tức trả lời ga nào cũng có khách xuống tàu, nhưng không ai nhớ được bao nhiêu người hoặc nhân dạng ra sao.

“Nếu bọn tôi thấy họ,” Pop Bottomley dài giọng, “đâu chừng cũng nhận ra được vài người, nhưng sẽ không biết tên tuổi dù đó là hành khách thường xuyên chẳng nữa.”

“Cũng sẽ không biết thêm gì khác,” Thompson nói thêm.

Bruno nói: “Thumm này, tên sát nhân cũng như Collins vẫn có thể xuống tàu ở ga nào đó mà không bị ai thấy. Hẳn chỉ việc đợi tàu đỗ lại ở nhà ga, mở cánh cửa xoay về phía đường tàu, nhảy ra rồi khép lại sau lưng từ bên dưới, ai cũng làm được thế cả. Xét cho cùng cả đoàn tàu này chỉ có hai nhân viên và họ đâu thể theo dõi hết từng người đi ra.”

“Tất nhiên. Ai cũng làm được thế cả.” Thumm càu nhàu, “Giá mà tôi bắt gặp một vụ án mạng mà kẻ thủ ác bị phát hiện là đang đứng bên cái xác với khẩu súng đang còn trên tay nhỉ... Mà khẩu súng quái quỷ đó thì ở đâu chứ? Duffy! Có tìm thấy khẩu súng ngắn nào ở toa đằng sau không?”

Viên trung sĩ lắc đầu.

“Lục soát tất tậ xem. Biết đâu tên sát nhân đã vứt lại khẩu súng đâu đó trên tàu.”

“Ngài thanh tra,” Lane nói, “thiết nghĩ ngài nên cho người tìm kiếm dọc tuyến đường tàu vừa đi qua xem, cũng có thể tên giết người đã ném súng ra khỏi tàu và rơi đâu đó dọc đường ray cũng nên.”

“Cũng phải. Này Duffy, cả việc ấy nữa nhé.”

Viên trung sĩ nện gót bước đi.

“Giờ,” Thumm tiếp, tay mệt mỏi đưa lên vuốt trán, “giờ là công việc chả sung sướng gì.” Ông trừng trừng nhìn vào sáu người trong nhóm DeWitt. “Imperiale! Mời ông bước lên đây nào?”

Gã người Thụy Sĩ đứng dậy lê bước tiến đến. Nét mệt mỏi đậm vết thâm quầng lên hai mắt của gã, cả hàm râu kiểu Van Dyke của gã cũng bèo xà bèo xèo.

“Vấn đề hình thức,” Thumm nói đầy vẻ châm chọc. “Ông đang làm gì với chuyến đi này thế? Ông đang ngồi đâu thế?”

“Tôi ngồi với tiểu thư DeWitt và ngài Lord một lúc; thế rồi, thấy rằng họ không muốn bị quấy rầy, tôi cáo từ rồi ra nơi khác. Có lẽ tôi đã thiếp đi. Chuyện kể tiếp tôi nhớ là, ngài Lane đang đứng ở ngưỡng cửa và hai người trực tàu chạy ngang qua chỗ tôi.”

“Thiếp đi à?”

Imperiale nhướng mày. “Vâng,” gã rần giọng. “Ông ngờ vực lời tôi sao? Qua phà và ngồi tàu khiến tôi nhức đầu.”

“Ồ, tất nhiên rồi,” Thumm cười cợt. “Vậy nên ông đâu thể nói chúng tôi biết những người khác lúc ấy làm gì, đúng không?”

“Rất tiếc. Lúc ấy tôi ngủ mất rồi.”

Thumm bỏ gã người Thụy Sĩ bước đến chỗ chiếc ghế nơi Lord đang ôm lấy Jeanne trong tay. Ông nghiêng người vỗ vào vai cô gái. Lord ngược mắt giận dữ; Jeanne ngẩng gương mặt đầm đìa nước mắt lên.

“Xin lỗi làm phiền cô, tiểu thư DeWitt,” Thumm thản nhiên, “nhưng sẽ giúp ích cho tôi nếu cô trả lời cho một hoặc hai câu.”

“Này ông điên à?” Lord giật giọng. “Bộ ông không thấy cô ấy đã hết hơi sức rồi sao?”

Thumm đưa mắt chăm chăm khiến anh chàng nín bật. Jeanne thì thào: “Bất cứ gì. Bất cứ gì, thưa ngài thanh tra. Miễn là tìm ra... tìm ra ai...”

“Cứ để việc đấy chúng tôi lo, tiểu thư DeWitt ạ. Cô có nhớ mình và ngài Lord đây làm gì sau khi tàu rời Weehawken không?”

Cô giương đôi mắt trống rỗng nhìn ông nửa như không hiểu. “Chúng tôi... chúng tôi gần như bên nhau phần lớn thời gian. Lúc đầu ngài Imperiale cùng ngồi với chúng tôi, rồi ngài ấy bỏ đi đâu đó. Chúng tôi nói chuyện. Và suốt thời gian...” Cô cắn môi; nước mắt chực trào ra.

“Vâng, tiểu thư DeWitt?”

”Kit rời tôi chỉ một lần. Tôi ngồi một mình chừng vài phút...”

“Rời cô sao? Được thôi, thế cậu ấy đi đâu?” Thumm kín đáo liếc nhìn chàng thanh niên lúc này ngồi im bật.

“Ồ, chỉ ra ngoài chút thôi.” Cô chỉ mơ hồ ra cánh cửa trước hướng về đầu tàu. “Không bảo anh ấy đi đâu. Hay anh có bảo hờ Kit?”

“Không có, em ạ.”

“Cô có thấy ngài Imperiale sau khi ông ấy rời chỗ cô và Lord không?”

“Một lần, lúc Kit đi khỏi. Tôi nhìn quanh và thấy ngài ấy đang ngồi ngủ gật cách đấy vài ghế. Tôi cũng thấy ngài Ahearn đi đi lại lại. Thế rồi Kit trở lại.”

“Lúc ấy là khi nào?”

Cô thở dài. “Tôi không nhớ rõ.”

Thumm đứng thẳng người lên. “Tôi muốn được nói chuyện riêng với cậu, Lord... Này, Imperiale! Hay Đốc-tờ Schilling cũng được. Ông làm ơn

ngồi cùng tiểu thư DeWitt đây một lát nhá?”

Lord lưỡng lự đứng lên, và viên bác sĩ pháp y ngũ đoản liền sà vào thế chỗ. Ông ta lập tức gọi chuyện với cô gái bằng giọng điệu tâm tình.

Phần hai người đàn ông cùng đi ngược lên đầu lối đi. “Nào Lord, ” Thumm nói, “nói nghe. Cậu đã đi đâu hả?”

“Chuyện hơi dài, thưa ngài thanh tra,” chàng thanh niên điềm tĩnh trả lời. “Đang lúc qua phà tôi tình cờ thấy một điều... lạ lùng. Tôi nhắc thấy Cherry Browne và cái gã bạn trai tuềnh toàng của ả, Pollux, cũng đang đi trên chuyến phà ấy.”

“Vậy sao!” Thumm nhè nhẹ gật đầu. ”Này Bruno, qua đây một lát.“ Ngài công tố viên làm theo. ”Lord bảo là thấy Cherry Browne và Pollux ngồi trên phà sang bên đây hồi tối nay.” Bruno huýt sáo.

“Chưa hết,” Lord tiếp. “Tôi cũng thấy họ ở nhà ga bến phà. Gần cầu tàu. Họ đang cãi cọ về chuyện gì đấy. Sau lúc ấy tôi bắt đầu để ý vì... à, tôi trông nó có vẻ khả nghi thế nào ấy. Tôi không thấy họ trong phòng chờ hành khách, và tôi cũng để ý theo dõi khi chúng tôi lên tàu, dù tôi không nhớ là có thấy họ lên hay không. Dù sao thì, khi tàu chuyển bánh tôi trở nên bồn chồn bất an.”

“Tại sao?”

Lord cúi kính. “Con mụ Browne ấy là một kẻ gớm ghiếc. Tôi không biết mụ ấy định mưu tính chuyện gì, vụ Longstreet mụ ta cáo buộc ông DeWitt một cách dữ tợn đến thế. Dù sao thì, tôi bảo Jeanne ngồi đấy đợi tôi; tôi muốn hoàn toàn chắc chắn rằng họ không đi trên tàu. Tôi nhìn quanh, không thấy họ đâu cả. Vậy là tôi trở lại, bụng thấy yên tâm hơn.”

“Cậu có nhìn ở toa cuối không?”

“Chúa ơi, không! Làm sao tôi có thể nghĩ ra họ đã ở đó?”

“Lúc ấy gần ga nào?”

Lord nhún vai. “Tôi quả thực không biết. Tôi không để ý.”

“Cậu có nhớ mọi người đang làm gì lúc cậu trở lại không?”

“À, tôi dường như nhớ lại Ahearn đi lên đi xuống hai lần, và tôi nhớ là đã thấy ngài Lane và Brooks đang nói chuyện.”

“Cậu có để ý Imperiale khi họ trở lại không?”

“Không nhớ.”

“Thôi được, hãy trở lại với tiêu thư DeWitt đi, tôi nghĩ cô ấy cần cậu đấy.”

Lord hấp tấp rời đi, bỏ lại Bruno và Thumm rì rầm bàn bạc cùng nhau thêm một lúc. Thumm lại vẫy tay ra hiệu một thám tử đang đứng canh ở cửa trước. “Bảo Duffy tìm xem có Cherry Browne và Pollux ngồi trên tàu không - ông ấy biết mặt họ đấy.” Viên thám tử bỏ đi. Lát sau hình dáng đồ sộ của trung sĩ Duffy lách qua cửa toa tàu. “Không có, thưa ngài thanh tra. Họ không có đây, và dựa vào mô tả cũng chả ai nhớ là đã thấy hai người này hay không.”

“Được rồi, Duffy, có việc cho anh đây, hãy gọi người thực hiện ngay nhé. Dù vậy, đích thân anh làm sẽ tốt hơn. Lập tức trở lại thành phố xem liệu anh có thể dò ra dấu vết của họ chẳng. Á đó ngụ tại Khách sạn Grant, nếu bọn họ không có đó thì đảo qua vài chỗ hộp đêm xem, những nơi Pollux thường xuyên lui tới ấy. Bọn họ có thể ở đâu đấy, có manh mối hãy gọi cho tôi, và canh chừng chỗ ấy suốt đêm nếu cần.”

Trung sĩ Duffy nhe răng cười bỏ đi.

“Nào, giờ đến lượt Brooks.” Thumm và vị công tố viên theo lối đi ngược trở lại. Brooks và Lane đang ngồi cùng nhau, Brooks thì đưa mắt qua cửa sổ nhìn xuống bãi đường ray, Lane tựa đầu vào lưng ghế, hai mắt đang nhắm lại bỗng mở ra và lóe sáng khi Thumm ngồi xuống ghế đối diện. Bruno ngáp ngừng rồi lùi lại phía cửa, đi ra toa phía trước.

“Anh sao rồi, Brooks?” Thumm nặng nề hỏi. “Chúa ơi, tôi mệt quá rồi. Cái chuyện quỷ quái này làm tôi hết ngủ... Nào?”

“Nào cái gì?”

“Anh đã làm gì trong lúc tàu chạy?”

“Tôi không rời chiếc ghế này cho đến khi ngài Lane đứng dậy kiểm tra sự vắng mặt quá lâu của DeWitt và Collins.”

Thumm nhìn Lane, và Lane gật đầu. “Với ngài thì chả sao.” Ông ngoái đầu. “Ahearn!” Người đàn ông luống tuổi lê bước đi đến. “Suốt thời gian sau khi tàu khởi hành ông làm gì?”

Ahearn cười bằng ánh mắt lạnh lùng, “vẫn trò chơi ú tim cũ mèm hờ, ngài thanh tra? Chả có gì cả. Ngài Lane, ngài Brooks và tôi đây ngồi trò chuyện chung chung một lát. Tôi cảm thấy muốn giãn gân giãn cốt tí chút nên đứng dậy đi quanh rồi lên xuống dọc lối đi. Thế thôi.”

“Có để ý gì không? Ông có thấy ai đi qua cửa sau của toa xe chẳng?”

“Nói thật tôi chẳng nhìn gì cả, tôi chả thấy gì đáng ngờ nếu đây là ý ngài muốn hỏi.”

“Ông có thấy bất cứ gì chẳng?” Thumm lên giọng khó chịu.

“Chả có gì theo hướng đó, ngài thanh tra. Chả có bất cứ gì khác, về vấn đề ấy. Thực ra lúc ấy tôi đang nghiên ngẫm một chiến thuật thí quân.”

“Một cái gì?”

“Một chiến thuật thí quân. Một thế cờ liên hoàn ấy, ngài thanh tra.”

“Ồ, ông là tay cờ vua thuộc hạng cá mập mà, vậy thôi, Ahearn.” Thumm quay đầu thì thấy ánh mắt Lane chăm chú nhìn ông bằng vẻ tò mò.

“Và tất nhiên rồi, ngài thanh tra,” Lane nói, “ngài cũng phải thẩm vấn cả tôi nữa.”

Thumm khịt mũi. “Nếu ngài thấy gì trong toa này, ngài đã bảo bọn tôi. Không, ngài đã bị nhầm ở đấy rồi, ngài Lane.”

“Quả thực,” Lane hạ giọng, “tôi chưa bao giờ cảm thấy bẽ mặt, nhục nhã đến thế trong đời, để điều tồi tệ này xảy ra gần như trước mũi...” Ông trầm ngâm ngẫm nghĩ đôi bàn tay. “Quá gần...” Ông ngược lên. “Rủi thay, tôi đã quá đắm mình vào cuộc trò chuyện vui vẻ cùng ngài Brooks mà không để ý gì. Tuy nhiên, càng lúc tôi càng thấy lo lắng, và chính sự lo lắng này buộc tôi đứng dậy và ra kiểm tra cái toa tàu tắm tối ấy.”

“Ngài đã không để ý quan sát mọi thứ trong toa này, đúng không?”

“Trong nỗi xấu hổ vĩnh viễn của mình, ngài thanh tra ạ, tôi đã không.”

Thumm đứng dậy. Ngài công tố viên bước vào toa, tựa người vào chiếc ghế bên kia lối đi.

“Tôi vừa thẩm tra những hành khách khác,” ông nói. “Không ai trong toa này nhớ bất cứ điều gì, hoặc nhớ lại bất cứ ai đi qua lối đi và ai không đi qua. Tôi chưa bao giờ gặp một đám người thờ ơ vô ý đến thế. Còn với những hành khách ở toa khác thì kể như vô vọng. Quý sứ thật!”

“Hừ, thôi thì vẫn phải cứ ghi tên họ lại thôi.” Thumm rời đi và bắt đầu ra chỉ thị. Những người còn lại trong nhóm vẫn nín lặng cho đến lúc ông quay lại; Lane vẫn đang ngồi với thái độ ngưng thần cố hữu, hai mắt nhắm nghiền.

Một người chạy về phía viên thanh tra. “Có manh mối, thưa sếp!” Anh ta kêu lớn. “Vừa nhận được điện thoại từ một trong các nhân viên rằng đã lần ra dấu vết Collins!”

Bầu không khí nặng nề đột ngột nóng lên như bắt lửa. “Khá lắm,” Thumm reo lên. “Ở đâu?”

“Có người thấy ông ấy ở Ridgfield Park. Ông ấy bắt taxi và chạy thẳng về hướng New York. Một nhân viên của ta đã gọi từ thành phố, vì anh ta đoán Collins trở về nhà, và quả nhiên Collins đã vào nhà vài phút trước đó. Có vẻ như chiếc taxi đã chở thẳng ông ấy về nhà. Nhân viên của ta sẽ tiếp cận lái xe sau - ông ta vẫn chưa trở về. Mọi người đang theo dõi bên ngoài căn hộ của Collins. Đang chờ lệnh.”

“Tất nhiên, tất nhiên. Cậu ấy còn trên máy chứ?”

“Một trong số họ.”

“Bảo cậu ấy cứ canh chừng Collins trừ phi hẳn tìm cách chuồn đi. Tôi sẽ đích thân đến đó chừng một giờ nữa. Nhưng hãy bảo cậu ta cứ việc lộ mặt nếu cái tên Ai Len côn đồ ấy bỏ trốn!”

Viên thám tử hồi hả ra khỏi đoàn tàu. Thumm hớn hờ nện đôi chân khổng lồ thành thạch xuống sàn. Một thám tử khác bước vào, Thumm ngược mắt chờ đợi.

“Sao?”

Gã đàn ông lắc đầu. “Mấy cậu ấy chưa tìm ra khẩu súng, không thấy bất cứ dấu trên tàu cả. Chúng tôi lục soát cả trên người hành khách, chẳng có gì sất. Chưa nghe nói gì từ các cậu tìm kiếm dọc đường ray. Họ đang cố nhưng trời tối như hũ nút ấy.”

“Cứ tiếp tục đi... Duffy!” Mặt Thumm lộ vẻ sững sốt khi vóc người to bè của trung sĩ Duffy thay vì đang trên đường về New York thì lại khệnh khạng bước vào toa. “Duffy! Anh làm cái quái gì ở đây thế?”

Duffy tháo chiếc mũ lưỡi trai lau văng trán nhễ nhại mồ hôi; nhưng vẻ mặt thì tươi cười hể hả. “Đích thân làm chút việc thám tử mà sếp. Tôi tính để xem quý cô Browne này quanh quẩn ra sao ở khách sạn Grant, tôi gọi quây lể tân hỏi thử ả có đấy không rồi sẽ đi ngay. Biết là sếp sẽ sớm rời khỏi đây, tôi muốn thu thập ít thông tin nếu được trước khi sếp lên đường trở về.”

“Ha, rồi sao?”

“Ả về đấy, sếp à!” Duffy gào to. “Ả có ở đấy, và tôi dám cá nếu cái gã Pollux ấy mà không vào cùng là tôi biến thành thứ bò đẽ ba sừng lập tức!”

“Lúc nào?”

“Nhân viên trực bàn bảo bọn họ đến vài phút thì tôi gọi, cả hai đều lên thẳng phòng của ả.”

“Chưa ai nhìn thấy họ đi ra chứ?”

“Chưa.”

“Khá lắm. Trên đường đến ỗ của Collins bọn tôi sẽ tạt vào, phần cậu hãy lập tức đến Grant giám sát kỹ. Bắt taxi cho nhanh.”

Vừa nện bước ra khỏi toa tàu, trung sĩ Duffy đụng phải một toán người lạ lẫm, những người này ùa vào bên trong toa, dẫn đầu là một người có vóc dáng tầm thước và mái tóc màu vàng nhạt. “Này! Các ông đi đâu thế?” Duffy sảng giọng.

“Tránh ra, ngài cảnh sát. Tôi là công tố viên ở địa hạt này.” Duffy làu bàu rồi nhảy ra khỏi đoàn tàu, phần Bruno hồi hả bước tới và người đàn



ông có mái tóc vàng chào hỏi bằng một cái bắt tay chiếu lệ. Ông giới thiệu mình là công tố viên Kohl của hạt Bergen, phàn nàn là đã bị lôi khỏi giường ngủ vì nhận được lời nhắn từ Bruno. Bruno đưa Kohl ra trở lại toa tàu phía sau, tại đây Kohl xem xét cái xác giờ đã phanh trần của DeWitt. Hai người lịch sự tranh cãi nhau về thẩm quyền pháp lý để thụ lý vụ việc. Bruno cho rằng mặc dù DeWitt bị giết trên địa phận hạt Bergen, án mạng của ông rõ ràng dính líu đến cái chết của Wood ở hạt Hudson và của Longstreet tại hạt New York. Hai người gườm gườm nhìn nhau.

Kohl khoát tay. “Vụ kế tiếp tôi đoán là sẽ xảy ra ở Frisco. Thôi được, Bruno, vụ này là của anh, chắc thế. Phần tôi sẽ hỗ trợ hết khả năng có thể.”

Họ cùng quay lại chỗ cũ. Đoàn tàu lúc này bỗng dừng trở thành một trung tâm, xoay quanh là những hoạt động cấp tập. Hai nhân viên y tế nhảy xuống từ chiếc xe cứu thương bệnh viện New Jersey, và khiêng thi hài của DeWitt ra khỏi đoàn tàu dưới sự giám sát của bác sĩ Schilling. Viên bác sĩ pháp y mệt mỏi vẫy tay tạm biệt rồi biến mất hút cùng chiếc xe.

Trên tàu, toàn bộ hành khách được gom lại để thường thức màn lục vấn gắt gao của thanh tra Thumm, tên tuổi và địa chỉ của từng người đều được kiểm tra ghi lại; rồi sau đó mọi người đều được thả ra. Một đoàn tàu đặc biệt được nhân viên đường sắt đưa vào ga để đón hết số hành khách này rồi ra khỏi Teaneck sau hồi còi inh ỏi.

“Anh chớ quên là phải truy lại số hành khách đã xuống tàu trước khi vụ án mạng được phát hiện đấy nhé?” Bruno nhắc lại giữa lúc đang cùng Kohl đứng ở toa tàu phía trước.

“Tôi sẽ cố hết mình,” Kohl nhả mặt, “nhưng thật tâm thì tôi e chả có kết quả gì đâu. Những kẻ vô tội sẽ trình diện và nếu tên thủ ác có trong số đó thì hẳn đã tránh xa. Thế đấy.”

“Một việc nữa, Kohl. Người của Thumm đang ngược tuyến đường lòng sục chung quanh, dọc theo các đường ray và cả nền đường, để tìm khẩu súng ngắn có thể được ném ra từ đoàn tàu. Anh cho quân Jersey đến thay họ và tiếp tục cuộc dò tìm nhé? Trời cũng sắp sáng rồi và họ có thể quan sát

tốt hơn. Dĩ nhiên bọn tôi đã cho lục soát cả nhóm người của DeWitt cũng như số hành khách còn lại trên tàu, nhưng vẫn chưa tìm ra khẩu súng.”

Kohl gật đầu và rời khỏi đoàn tàu.

Toán người tập hợp lại ở toa tàu phía trước. Thumm vặn vẹo xỏ tay vào áo khoác. “Sao, ngài Lane,” ông nói, “ngài nghĩ sao về tội ác này? Nó có kiểm chứng cho những ý tưởng khác của ngài chăng?”

“Ngài vẫn cho rằng mình biết ai giết Longstreet và Wood đấy à?” Bruno xen vào.

Lane nở nụ cười đầu tiên kể từ lúc phát hiện cái xác của DeWitt. “Tôi không chỉ biết ai giết Longstreet và Wood, mà còn biết cả ai đã giết DeWitt.”

Cả hai chăm chú nhìn ông không thốt nên lời. Lần thứ hai kể từ lúc quen biết Lane, Thumm lại lắc đầu hết một gã đấu thủ bị choáng vì một cú thoi trời giáng. “Chúa ơi!” Ông kêu lên. “Tôi chịu rồi đấy.”

“Nhưng ngài Lane à,” Bruno phản đối, “hãy làm gì đi chứ. Nếu ông biết thì bảo chúng tôi để mà tóm cổ hắn chứ. Chuyện này không thể cứ như vậy mãi. Là ai?”

Gương mặt Lane bỗng hiện đầy những nếp nhăn mệt mỏi. Khi ông cất lời, giọng ông nghe chừng có vẻ hơi khó khăn. “Tôi rất tiếc, thưa các ngài. Các ngài phải - thật kỳ quặc, đúng không? - có niềm tin ở tôi. Hãy tin ở tôi khi tôi bảo mọi sự sẽ vô cùng bất lợi nếu ta lật mặt nạ ngài X của chúng ta bây giờ. Các ngài phải kiên nhẫn. Tôi đang chơi một trò nguy hiểm, nhưng hấp tấp sẽ thành ra tai hại.”

Bruno rên lên. Ông hướng ánh mắt cầu cứu vô vọng về phía Thumm, lúc này đang dăm chiêu mút ngón tay. Thumm nhìn thẳng vào đôi mắt trong veo của Lane với quyết định đột ngột. “Được thôi, ngài Lane. Ngài nói sao giờ tôi nghe vậy. Tôi sẽ thuyết phục bằng được bên phía tôi, và tôi tin Bruno cũng sẽ làm vậy phía ngài ấy. Nếu tôi nhìn nhầm người thì tôi cũng đành mặt dày mà chịu vậy. Vì tôi - cái này là giữa ngài với tôi thôi đấy - giờ hoàn toàn bó tay mất rồi.”

Lane đỏ mặt - dấu hiệu cảm xúc đầu tiên hiện lên trên gương mặt của ông.

“Nếu ta để gã giết người điên rồ này tự do chạy quanh quần thì e lại xảy ra án mạng nữa,” Bruno nói bằng nhát đâm tuyệt vọng cuối cùng.

“Ngài có thể tin tôi hoàn toàn về chuyện này, ngài Bruno ạ.” Giọng của Lane đơan chắc một cách quả quyết. “Sẽ không có vụ án mạng nào nữa. X đã xong việc rồi.”

# CẢNH 4

Trên Đường Về New York  
Thứ Bảy, Ngày 10 Tháng 10  
3 Giờ 15 Sáng

Công tố viên Bruno, thanh tra Thumm và toán nhân viên leo lên máy chiếc ô tô cảnh sát nổ máy rời ga Teaneck hướng về New York.

Suốt một lúc lâu, hai người ngồi im không nói một lời, đắm chìm trong những suy nghĩ hỗn độn quay cuồng của riêng mình. Vùng đồng quê Jersey tối mịt vùn vụt lướt qua mắt họ.

Bruno mở lời trước nhưng tiếng được tiếng mất trong tiếng ồn của máy. Thấy vậy Thumm hỏi lớn: “Hả?” rồi hai người bọn họ chụm đầu vào nhau.

Bruno hét vào tai viên thanh tra: “Anh nghĩ sao chuyện Lane biết kẻ nào giết DeWitt?”

Thumm lớn giọng trả lời: “Tôi nghĩ cũng giống việc lão ấy nói mình biết ai giết Longstreet và Wood vậy!”

“Nếu ông ấy biết.”

“Ồ, nhất định là lão ấy biết, cái gã chết chém này gây được niềm tin thế nào đấy, chính tôi không thể luận ra... Không khó để hiểu ông ấy suy tính thế nào. Rất có thể ông ấy cho rằng ngay từ đầu Longstreet và DeWitt đã là mục tiêu, cả hai người bọn họ. Vì lý do này mà xảy ra chuyện Wood bị giết - để ngăn ông này tiết lộ. Điều này nghĩa là...”

Bruno từ từ gật đầu. “Nghĩa là động cơ của những tội ác này rơi trở về im lặng, có thể vậy.”

“Có vẻ là như thế rồi.” Thumm văng một câu chửi thề khi tài xế cho xe nhảy tưng tưng qua gờ giảm tốc. “VẬY NÊN Lane mới nói là sẽ không còn vụ án mạng nào nữa - đúng không? Longstreet lẫn DeWitt đều chết cả rồi, và chuyện giết người vậy là chấm dứt.”

“Thấy tiếc cho lão già đáng thương ấy,” Bruno tự lẩm bẩm. Cả hai đều chung một ý nghĩ - DeWitt, cho đến giờ vẫn chưa rõ vì lẽ gì bị đem ra làm vật tế thần... họ ngồi trong sự đồng cảm im lặng giữa lúc chiếc xe hối hả lao đi.

Sau một lúc lâu, Thumm cười mũ rồi đập trán bình bịch. Bruno trở mắt nhìn.

“Chuyện gì thế, ốm à?”

“Đang cố nghĩ cho ra cái dấu hiệu ngón tay chết tiết DeWitt để lại.”

“Ồ.”

“Nó dở hơi thế nào ấy, Bruno ạ, rất dở hơi, chả hiểu được ra làm sao.”

“Làm thế nào anh biết là Dewitt để lại nó?” Vị công tố viên gắng hỏi. “Có thể nó chả có nghĩa gì cả, chỉ trùng hợp mà thôi.”

“Anh không tin thế thật đấy chứ. Trùng hợp, thật vô lý! Anh thấy tôi cố bẻ ngón của mình giống vậy không? Phải cố lắm mới giữ được chúng ngoắc lên nhau dù chỉ ba mươi giây thôi đấy. Bruno này, tôi cá là không thể có chuyện những ngón tay co thắt vào nhau như thế. Schilling cũng nghĩ giống vậy, bằng không lão ấy chả việc gì phải mang tôi ra làm thí nghiệm... Mà này!” Viên thanh tra xoay người trên chiếc ghế da để nhìn thẳng vào vị công tố viên một cách ngờ vực. “Tôi nghĩ anh có phần ấn tượng với câu chuyện mắt quỷ nhắm nhí đấy chứ!”

Bruno mỉm cười bối rối. “À... càng nghĩ tôi càng không cho là vậy. Đơn giản là không thể, quá sức hoang đường, chả thực tế tí nào cả, lạ Chúa.”

“Khó hiểu, đúng thế.”

“Thế thì ai có thể giải thích? Hãy giả dụ - mà Thumm này, tôi không nói là tôi tin thế đâu nhé.”

“Tôi hiểu, tôi hiểu.”

“Hừm, hãy giả dụ những hai ngón tay ngoắc chéo lên nhau ấy quả thực có nghĩa là dấu hiệu phòng ngừa mắt quý dữ xem. Cũng nên xem xét mọi khả năng có thể xảy ra chứ. Thế này nhé, DeWitt chết ngay khi bị bắn; vậy thì có một điều chắc chắn là, dấu hiệu đó hẳn phải do DeWitt cố tình xếp thành trước khi gã bị bắn.”

“Biết đâu chừng tên sát nhân mới là kẻ xếp mấy ngón tay của DeWitt thành như vậy sau khi gã chết,” Thumm cãi. “Như tôi bảo lúc ấy đấy.”

“Vớ vẩn!” Bruno gào lên. “Tên giết người đâu để lại dấu hiệu ấy ở hai vụn trước, vậy thì mắc mớ gì hẳn làm ở vụn này?”

“Được thôi, theo ý anh vậy,” Thumm gân cổ. “Tôi chỉ giả thiết thế thôi, phải xem xét hết mọi khả năng có thể xảy ra chứ, kể cả những điều vụn vặt như thế.”

Bruno chẳng buồn chú ý. “Nếu DeWitt cố tình để lại dấu hiệu đó - Ha, gã biết kẻ giết mình, đúng không, và muốn để lại manh mối về nhân dạng của tên này.”

“Không tệ lắm,” Thumm reo lên. “Sơ đẳng, Bruno thân mến ạ!”

“Im nào. Mặt khác,” ngài công tố viên tiếp tục, “về cái vụn mắt quý này, DeWitt đâu phải kẻ mê tín. Chính gã từng bảo vậy với anh đấy thôi... Hiểu chứ, Thumm!”

“Rõ rồi, rõ rồi,” viên thanh tra chột ngồi thẳng dậy và kêu lên. “Ý anh là DeWitt để lại dấu hiệu cho biết thủ phạm giết gã là người mê tín! Chúa ơi, giờ bắt đầu có chút lý lẽ rồi đây! Nó cũng hợp với DeWitt nữa. Một kẻ lạnh trí trong tích tặc, đó chính là con người gã. Một thương gia sắc sảo, một người nhanh như cắt.”

“Anh có cho là Lane đã xét đến điểm này không đấy?” Bruno đăm chiêu hỏi.

“Lane ấy à?” Niềm phấn khởi của ngài thanh tra bỗng xẹp xuống như bị dội nước đá lạnh, ông đưa mấy ngón tay bấp chuối lên bóp cầm. “Ừ nhỉ, có thể xét cho cùng thì ý tưởng này cũng không lấy gì làm sốt dẻo cho lắm. Cái chuyện mê tín chả ra làm sao này.

Bruno thở dài.

Năm phút sau Thumm thình lình hỏi: “*Jettatore* là cái quái gì thế?”

“Kẻ sở hữu con mắt quý dữ, từ này của xứ Naples, tôi nghĩ vậy.”

Họ buông mình vào sự im lặng rầu rĩ trong khi chiếc xe vẫn vun vút lao đi.

# CẢNH 5

Tư Gia Dewitt Ở Tây Englewood

Thứ Bảy, Ngày 10 Tháng 10

3 Giờ 40 Sáng

Tây Englewood đang ngon giấc dưới bóng trăng mờ khi chiếc ô tô cảnh sát cỡ lớn đi xuyên qua ngôi làng rồi rẽ vào một đường nhánh có hàng cây khô mục. Hai bên sườn xe là hai cảnh sát cười mô tô hộ tống và phía sau là một chiếc ô tô khác nhỏ hơn đầy những thám tử.

Đoàn xe dừng lại trước lối ra vào xuyên qua sân cỏ đến tư gia DeWitt. Từ chiếc ô tô lớn có mái che, Jeanne DeWitt cùng Kit Lord, Franklin Ahearn, Louis Imperiale, Lionel Brooks, rồi Drury Lane lần lượt bước xuống. Tất cả đều im lặng.

Hai cảnh sát đi mô tô tắt máy, dựng xe rồi ngồi lại trên yên, cùng nhau đốt thuốc lá. Các thám tử thì leo ra khỏi chiếc ô tô nhỏ rồi đứng bao quanh nhóm người.

“Mời tất cả quý vị vào nhà,” một người lên tiếng bằng thái độ hách dịch. “Lệnh của công tố viên Kohl là giám sát quý vị cùng với nhau.”

Ahearn phản đối; gã bảo mình sống gần đây và chẳng thấy có lý do gì phải ở lại hết đêm tại tư gia DeWitt cả. Lane tụt lại phía sau trong khi những người khác lục tục đi về phía cổng. Viên thám tử có điệu bộ hách dịch khẽ hất đầu; một người bước đến kèm bên Ahearn. Ahearn nhún vai rồi theo chân những người khác; phần Lane uể oải mỉm cười rồi nới gót Ahearn dọc lối đi mờ tối. Toán thám tử cũng lập tức theo sau.



Đón tiếp họ là Jorgens, áo quần lôi thôi vì khoác vội, mắt lão ngơ ngác nhìn hết người này sang người kia song chả ai buồn hạ cố một lời giải thích. Nhóm người, cùng toán thám tử lẳng nhặng theo đuôi, đi vào gian phòng khách kiểu Colonial rộng lớn. Ai nấy buông mình rơi phịch vào ghế, mặt mày mệt mỏi ủ dột mỗi người một kiểu. Jorgens tay cài cúc tay bật đèn. Drury Lane ngồi xuống sau tiếng thở phào nhẹ nhõm, vừa ôm chiếc gậy của ông vừa dõng vào những người khác bằng đôi mắt sáng rực.

Jorgens lớn vồn gần Jeanne DeWitt, cô gái lúc này đang ngồi trên một chiếc sofa trong vòng tay của Lord. Người quản gia rụt rè lên tiếng: “Xin lỗi, tiểu thư Jeanne...”

“Hờ?” Nàng lầm bầm bằng một giọng kỳ lạ đến nỗi ông già lùi lại một bước.

Nhưng lão vẫn hỏi: “Chuyện gì xảy ra sao? Những người này... xin lỗi, nhưng ngài DeWitt đâu rồi?”

Lord cộc cằn: “Ồ, đi nơi khác đi, Jorgens.”

Cô gái nói rõ ràng: “Ông ấy mất rồi, Jorgens. Đã mất rồi.”

Gương mặt của Jorgens trở nên tái mét; lão vẫn đứng nguyên vậy trong bộ dạng khúm núm như một người bị mê hoặc. Thế rồi lão ngấp ngừng đưa mắt nhìn quanh như muốn xác thực lại cái tin kinh khủng này, đáp lại là những gương mặt ngoảnh đi hoặc những ánh mắt ráo hoảnh mà mọi cảm xúc đã cạn kiệt vì những sự việc phũ phàng trong đêm. Không nói một lời, lão quay gót bước đi.

Viên thám tử chỉ huy chặn lão lại. “Phu nhân DeWitt đâu?”

Người quản gia già nua giương đôi mắt mờ đục, ướt nhòa, trống rỗng nhìn gã. “Phu nhân DeWitt? Phu nhân DeWitt?”

“Đúng vậy, thôi đi nào - bà ấy đâu rồi?”

Jorgens chờ người. “Đang ngủ trên lầu, lão đoán vậy, thưa ngài.”

“Bà ấy có ở đây suốt buổi tối chứ?”

“Không, thưa ngài. Không, thưa ngài, lão không nghĩ thế.”

“Bà ấy đã đi đâu?”

“Lão e là mình không biết, thưa ngài.”

“Bà ấy về lúc nào?”

“Bà ấy về lúc lão đang ngủ, thưa ngài. Bà ấy hẳn đã quên mang chìa khóa vì bà ấy bấm chuông mãi cho đến khi lão chạy xuống.”

“À, há?”

“Bà ấy về cách đây chừng một tiếng rưỡi, lão phỏng chừng vậy, thưa ngài.”

“Bộ bác không biết chính xác sao?”

“Không, thưa ngài.”

“Đợi một tí.” Viên thám tử quay sang Jeanne DeWitt, giữa cuộc nói chuyện này giờ đã ngồi dậy tự lúc nào và đang chăm chú lắng nghe. Viên thám tử chừng như hiếu kì về biểu lộ lạ kỳ trên nét mặt cô gái. Cố ra vẻ nhã nhặn đến vụng về, gã cất lời: “Tôi đoán là... Cô có muốn báo với phu nhân DeWitt chuyện xảy ra không thưa tiểu thư? Bà ấy cần phải biết, với lại tôi muốn nói chuyện cùng bà ấy. Đây là lệnh của ngài công tố viên Kohl.”

“Tôi báo cho bà ta ư?” Jeanne ngửa đầu cười như điên dại. “Tôi báo cho bà ta?” Lord vừa nhẹ nhàng vỗ về vừa thì thầm vào tai nàng, vẻ hoang dại dần biến mất trong đôi mắt cô và cô rùng mình. Cô nói gần như thì thầm: “Jorgens, gọi phu nhân DeWitt xuống đây.”

Viên thám tử vội nói: “Không sao. Tự tôi sẽ gặp bà ấy. Này bác, hãy chỉ cho tôi phòng bà ấy.”

Jorgens lê bước ra khỏi phòng, viên thám tử nối gót theo sau. Không ai nói lời nào. Ahearn đứng dậy bắt đầu đi đi lại lại. Imperiale, vẫn còn đang mặc áo khoác, kéo chiếc áo sát hơn vào người.

“Tôi nghĩ,” Drury Lane cất lời nhã nhặn, “sẽ tốt hơn nếu ta nhóm lửa lò sưởi.”

Ahearn khựng lại, đưa mắt nhìn quanh phòng. Gã chột rùng mình như vừa cảm thấy hơi lạnh trong không khí. Gã liếc nhìn chung quanh vẻ bất lực, lưỡng lự rồi đi đến chỗ lò sưởi. Gã quỳ xuống, đôi tay run run nhóm lửa; lát sau, đồng củi nhỏ nổ lép lép, ánh lửa bập bùng hắt lên các bức

tường. Chờ ngọn lửa cháy đều, Ahearn đứng dậy, phúi gối rồi tiếp tục đi qua đi lại. Imperiale cởi áo khoác. Brooks nãy giờ ngồi sâu trong một chiếc ghế bành giờ đẩy chiếc ghế lại gần lò sưởi.

Bỗng nhiên tất cả bọn họ đều nghén đầu. Có tiếng người nói chuyện vọng qua cửa, len vào bầu không khí ấm áp trong phòng. Họ ngồi nguyên vị, cứng đờ và kỳ quặc - như những pho tượng xếp rời rạc, họ dõi mắt và chờ đợi điều gì đó xảy ra. Phu nhân DeWitt lướt vào phòng khách, theo sau là viên thám tử cùng lão Jorgens do dự và chưa hết vẻ bàng hoàng.

Dáng đi bèn bồng của bà ta, vừa kì lạ giống như dáng điệu của họ bây giờ, vừa hư ảo như tiết tấu của một cơn mơ, ấy thế mà lại giúp họ ra khỏi trạng thái mê muội của đêm tối kinh hoàng và tội tệt. Họ thở phào; Imperiale đứng dậy và cúi chào hơi trịnh trọng; Ahearn vừa lau bầu vừa hất đầu; cánh tay của Lord siết chặt hơn vào vai Jeanne; phần Brooks thì đi đến lò sưởi. Duy chỉ Drury Lane vẫn nguyên tư thế cũ, vì bệnh điếc nên phải dùng mắt thay tai, đầu nghiêng sang bên đây cảnh giác còn ánh mắt sắc sảo thì không để lọt chuyển động nào có thể phát ra âm thanh dù khẽ nhất.

Fern DeWitt vận một chiếc áo choàng rất đẹp bên ngoài chiếc váy ngủ; mái tóc bà ta, vẫn còn đen óng ả, phủ dài xuống hai vai. Trông bà ta đẹp hơn so với lúc ban ngày: khuôn mặt không dày son phấn, và ánh lửa lò sưởi làm dịu đi những dấu hiệu tuổi già. Bà ngấp ngừng chừng lại rồi đưa mắt nhìn quanh, ánh mắt của bà lúc này rất giống với mắt của Jorgens. Khi đôi mắt ấy nhìn vào Jeanne, chúng thu nhỏ lại một cách khác thường và bà bước đến cúi xuống cơ thể rũ rượi của cô gái. “Jeanne, Jeanne,” bà thì thầm. “Dì rất... rất...”

Cô gái trả lời bằng một giọng nói như pha lê mà không hề ngẩng đầu hay nhìn vào bà mẹ kế của mình. “Làm ơn đi nơi khác.”

Fern DeWitt rụt người lại như bị một cái tát của Jeanne; không nói lời nào bà quay người rời khỏi phòng. Viên thám tử, nãy giờ đang đứng sát sau lưng, liền chặn bà lại. “Xin trả lời một vài câu hỏi đã, phu nhân DeWitt.”

Bà dừng lại, vẻ bất lực. Imperiale hồi hả mang đến một chiếc ghế, bà buông mình xuống, mắt nhìn chăm chăm vào ngọn lửa lò sưởi.

Viên thám tử hăng giọng trong sự im lặng nặng nề tưởng như có thể sờ được. “Hồi tối nay bà về đến nhà lúc mấy giờ?”

Bà hít mạnh một hơi. “Sao? Sao hả? Ông không...”

“Hãy trả lời câu hỏi.”

“Hai giờ... vài phút.”

“Nghĩa là, cách đây chừng hai tiếng à?”

“Phải.”

“Bà đã đi đâu?”

“Chạy xe, thế thôi.”

“Chạy xe.” Giọng điệu viên thám tử lộ rõ sự nghi ngờ. “Có ai cùng bà chẳng?”

“Tôi chỉ đi một mình.”

“Bà rời nhà lúc mấy giờ?”

“Một lúc lâu sau bữa ăn tối. Khoảng bảy giờ ba mươi. Tôi dùng xe riêng rồi cứ thế mà chạy, rồi chạy...” Giọng bà nhỏ dần và viên thám tử kiên nhẫn chờ đợi. Bà liếm đôi môi khô khốc và bắt đầu lại. “Tôi lái xe vào thành phố. Sau một lúc tôi thấy mình ở Nhà thờ... Thánh John Thiên chúa.”

“Trên đại lộ Amsterdam và phố Thứ Một Trăm Mười?”

“Phải. Rồi đỗ xe rồi đi vào. Chỉ ngồi đó một lúc lâu, và suy nghĩ...”

“Tại sao bà làm thế, phu nhân DeWitt?” Viên thám tử dấm dăng gặng hỏi. “Ý bà bảo tôi rằng bà chạy lên tận phố trên New York chỉ để vào một cái nhà thờ rồi ngồi vậy đến hai tiếng à? Bà rời Thánh đường lúc nào?”

“A, có gì khác nhau hả?” Bà trở giọng tru tréo âm lên. “Thực ra có gì khác nhau hả? Ông nghĩ tôi giết ông ấy chắc? Ông nghĩ thế, rõ ràng ông nghĩ thế, tất cả các người, ngồi cái kiểu như thế, chăm hăm vào tôi, phán xét tôi...”

Bà bắt đầu khóc lóc, tuyệt vọng, đôi bờ vai thanh tú của bà giật liên hồi.

“Bà rời Thánh đường lúc mấy giờ?”

Bà nhỏ tiếng thồn thức, cổ nuốt lệ rồi nói đứt quãng: “Mười rưỡi hay mười một giờ gì đấy, tôi không nhớ.”

“Thế rồi bà làm gì?”

“Chỉ lái xe rồi lái xe rồi lái xe.”

“Bà về Jersey đường nào?”

“Qua phà phố Thứ Bốn Mười Hai.”

Viên thám tử vừa huýt gió vừa chăm chú nhìn. “Lại chạy luôn cả đoạn đường xuống phố dưới giữa dòng xe cộ New York như mắc cửi? Vì sao? Sao bà không qua phà ở phố Thứ Một Trăm Hai Mười Lăm?”

Bà không nói gì.

“Thôi đi,” gã đàn ông cốc cằn. “Bà giải thích cho rõ ràng xem nào.”

“Giải thích ư?” Mắt bà tối sầm. “Tôi có gì mà giải thích. Tôi không biết vì sao mình xuống phố dưới. Tôi chỉ lái xe, suy nghĩ...”

“A, suy nghĩ.” Gã nhìn trừng trừng, “về chuyện gì?”

Bà vừa đứng dậy vừa cuốn áo choàng quanh người. “Tôi thấy ông đi hơi quá xa rồi đấy. Tôi nghĩ gì phải nói ông sao? Làm ơn tránh ra, tôi còn phải về phòng.”

Viên thám tử bước ra trước mặt khiến bà chựng lại, sắc hồng trên má của bà tái đi. “Không, bà không...” gã định nói thì Drury Lane cất giọng vui vẻ: “Đúng thế, tôi nghĩ phu nhân DeWitt hoàn toàn đúng. Bà ấy đang căng thẳng và sẽ là phải phép hơn khi tiếp tục hỏi bà ấy vào buổi sáng - nếu đây là cần thiết.”

Viên thám tử nhìn xoáy vào Lane, ho lên rồi bước sang bên. “Được thôi,” gã lau bà, rồi miễn cưỡng nói thêm: “Xin thứ lỗi, thưa bà.”

Fern DeWitt biến mất, nhóm người lại dần dần rơi vào trạng thái vô cảm xúc.

Lúc bốn giờ mười lăm, không ai để ý ngài Drury Lane đang làm một việc lạ lùng, khó hiểu.

Ông ở một mình trong thư phòng của nhà DeWitt, chiếc áo choàng thụng vắt qua một chiếc ghế. Vóc dáng cao lớn khỏe mạnh của ông đi qua đi lại

khắp phòng, ánh mắt quét ngang quét dọc khắp nơi, tay không ngớt lục lọi. Chính giữa phòng có một chiếc bàn giấy lớn bằng gỗ óc chó, chạm trổ và cũ kỹ. Lane mở từng ngăn kéo, sàng lọc giấy tờ, xem kỹ các hồ sơ và các tài liệu. Chừng như không thỏa mãn; ông bỏ chiếc bàn và lần thứ ba quay sang một chiếc két sắt đặt trong tường. Ông lại thử quả nạm; chiếc két đã bị khóa. Ông quay đi rồi từ từ, thận trọng dò qua từng hàng sách, xem giữa các giá sách và giữa các bộ sách, mở hủ họa một vài cuốn sách.

Sau khi kiểm tra xong những cuốn sách đó, ông đứng đấy trầm ngâm suy nghĩ. Đôi mắt sáng của ông lại chăm chú nhìn vào chiếc két sắt.

Ông bước ra cửa thư phòng, mở cửa rồi đưa mắt nhìn quanh. Một trong những viên thám tử đang thơ thẩn ngoài hành lang, anh ta vội vàng đưa mắt nhìn.

“Người quản gia còn dưới lầu không đấy?”

“Để tôi xem thử.” Viên thám tử bước đi rồi quay lại với lão Jorgens đang tỏ ra bồn chồn.

“Thưa, ngài bảo gì ạ?”

Drury Lane tựa vào khung cửa thư phòng. “Jorgens này, bác biết mật mã của két sắt phòng đọc sách không?”

Jorgens hoảng hốt. “Tôi ấy ạ? Không, thưa ngài.”

“Thế bà DeWitt hoặc tiểu thư DeWitt biết không?”

“Tôi không nghĩ vậy, thưa ngài.”

“Lạ nhỉ,” Lane thân mật. Viên thám tử uể oải đi xuôi theo hành lang. “Mà sao lại thế hả Jorgens?”

“Ồ, ngài DeWitt... Hà.” Người quản gia ra điều bối rối. “Đúng là lạ thật đấy, thưa ngài, song đã nhiều năm nay ngài DeWitt giữ chiếc két ấy cho riêng mình mà thôi. Trên lầu còn có một chiếc két đặt ở phòng ngủ để phu nhân và tiểu thư DeWitt cất giữ đồ trang sức của họ. Thế nhưng riêng cái này trong phòng đọc sách... tôi nghĩ chỉ ông chủ và Brooks là luật sư của ngài ấy mới biết số mã.”

“Brooks?” Lane nghĩ ngợi. “Phiền bác đưa ông ấy đến đây.”

Jorgens rời đi rồi quay lại cùng Lionel Brooks, mái tóc vàng điểm bạc rồi bù, ánh mắt đỏ kè và mất ngủ.

“Ngài Lane, hỏi tôi à?”

“Vâng, tôi hiểu chỉ có ngài và DeWitt biết mật mã của kết sắt trong thư phòng, ngài Brooks.” Về cảnh giác hiện ra trong mắt Brooks. “Có thể cho tôi biết mật mã ấy được chăng?”

Viên luật sư xoa cằm. “Yêu cầu này hơi khác thường đấy ngài Lane à. Xét về đạo đức nghề nghiệp tôi không chắc mình có quyền cho ngài số mã ấy không. Còn về pháp lý mà nói thì... Việc này đặt tôi vào vị trí thật khó xử. Ngài biết đấy, số mã này ngài DeWitt trao cho tôi cách đây đã lâu. Ông ấy bảo tôi rằng ông ấy không muốn điều này được đưa vào hồ sơ, và nhờ có chuyện gì xảy ra với ông ấy, thì ông ấy muốn cái kết sắt chỉ được tiếp cận qua những kênh chính thức...”

“Ngài làm tôi kinh ngạc quá đỗi, ngài Brooks ạ,” Lane nhỏ nhẹ. “Nếu vậy tôi lại càng nhất định muốn mở chiếc kết sắt ấy hơn bao giờ hết. Ngài tất nhiên biết thừa tôi có thẩm quyền cần thiết. Thế ngài chuyển số mã ấy sang công tố viên nhé?” Ông mỉm cười, nhưng mắt thì dán chặt vào những đường cơ co thắt trên miệng người luật sư.

“Nếu đây là ý chí ngài muốn thấy,” Brooks yếu ớt, “thì đó thực sự là vấn đề chính thức hoàn toàn.”

“Nhưng đây không phải là ý chí, ngài Brooks ạ. Mà này, chắc ngài biết thứ đựng trong kết sắt đấy chứ? Hẳn là vật gì đấy quý giá nên mới bí ẩn đến vậy.”

“Ồ, không, không! Tôi luôn ngờ bên trong có gì đấy đặc biệt song tất nhiên tôi chả đời nào có ý dò hỏi DeWitt.”

“Ngài Brooks à,” Lane bỗng đổi giọng, “tôi nghĩ tốt hơn ngài nên cho tôi cái số mã ấy đi thôi.”

Brooks lưỡng lự, mắt nhìn tránh ra nơi khác... Thế rồi sau một cái nhún vai ông rì rầm một chuỗi ký hiệu số. Lane chăm chú nhìn vào đôi môi đang mấp má. Ông gật gù, rồi không một lời lúi bước trở vào thư phòng và khép cửa lại trước mặt Brooks.

Người kịch sĩ già hồi hả bằng ngang thư phòng đến bên chiếc két sắt. Ông xoay tới xoay lui mặt số một lúc. Khi cánh cửa nhỏ nặng nề bung ra, ông dừng lại bằng vẻ hy vọng và đưa mắt kiểm tra bên trong mà không đụng đến bất cứ thứ gì...

Mười lăm phút sau, ngài Drury Lane sập mạnh cửa két sắt, xoay tròn mặt số rồi trở lại bàn giấy. Trong tay ông là một chiếc phong bì nhỏ.

Lane ngồi vào chiếc ghế sau bàn giấy rồi xem kỹ mặt phong bì. Dòng chữ viết thường trên phong bì đề gửi John DeWitt, được đóng dấu bưu điện Nhà ga Lớn Trung tâm, thành phố New York, và gửi qua bưu điện trung tâm vào ngày 3 tháng Sáu năm đó. Lane lật qua mặt sau của phong bì, không thấy ghi địa chỉ hoàn lại thư trong trường hợp không người nhận.

Một cách cẩn thận, ông lách ngón tay vào đầu đã rọc của chiếc phong bì lấy ra một tờ giấy viết thông thường. Giống như phong bì, lá thư được viết bằng chữ viết tay, nét mực màu xanh, phía trên cùng của lá thư ghi ngày 2 tháng Sáu. Lá thư mở đầu bằng câu chào gọn lỏn: *Jack!*

Nội dung văn tắt như sau:

\_Ngày 2 tháng Sáu.

Jack!

Đây là lần cuối anh nghe về tôi qua thư.

Ai rồi cũng có ngày. Tôi cũng thế, chóng thôi.

Chuẩn bị trả đi. Anh có thể là kẻ đầu tiên.\_

Không có lời chào kết thư, chỉ vền vện cái tên: *Martin Stopes.*



# CẢNH 6

Một Phòng Hạng Sang Ở Khách Sạn Grant

Thứ Bảy, Ngày 10 Tháng 10

4 Giờ 05 Sáng

Trung sĩ Duffy đứng dựa tấm lưng to bè lên cánh cửa dẫn vào căn phòng hạng sang của Cherry Browne. Ông đang trò chuyện dè dặt với một gã khổng lồ mang vẻ mặt âu lo thì thanh tra Thumm, công tố viên Bruno cùng toán người của họ xuôi hành lang của tầng mười hai Khách sạn Grant rảo bước tiến đến.

Duffy giới thiệu gã có bộ mặt lo lắng ấy là thám tử của khách sạn; ánh sáng lấp lóe trong mắt của Thumm khiến gã thám tử khách sạn này lại càng tỏ vẻ lo lắng tợn.

“Có gì không?” Thumm hỏi bằng giọng báo điềm hung hiểm.

“Im như tờ,” viên thám tử khách sạn nhỏ giọng. “Im như tờ. Không có gì rắc rối cả phải không, ngài thanh tra?”

“Bọn họ chả động tĩnh gì cả,” viên trung sĩ nói. “Tôi đoán họ đã ngủ mất rồi.”

Gã thám tử khách sạn lộ vẻ hoảng hốt. “Bọn tôi không cho phép những chuyện như thế.”

Thumm gằn giọng: “Căn hộ này có lối thoát nào không?”

“Cái cửa ấy.” Duffy khoát cánh tay bò mòng chỉ. “Và dĩ nhiên còn có lối thoát hiểm nhưng đường ấy đã bị chặn dưới lầu rồi. Trên mái cũng cắt người canh giữ, đề phòng vậy thôi.”

“Tôi thấy dường như hơi thừa,” Bruno phản đối, ông chùng như khó chịu. “Bọn họ chả tìm cách bỏ đi đâu.”

“Hừ, nào ai biết được,” viên thanh tra lạnh lùng. “Sẵn sàng cả rồi chứ, các cậu?” Ông nhìn lên nhìn xuống hành lang, không có bóng người nào quanh đó trừ người của ông và gã thám tử khách sạn; hai người đã thông thả đến bên cánh cửa phòng kế cận. Không mào đầu gì thêm Thumm đấm nhẹ lên ô ván cánh cửa.

Không có động tĩnh gì từ bên trong căn phòng. Thumm áp tai lắng nghe một lúc, rồi đập cửa ầm ầm. Gã thám tử khách sạn mở miệng định phản đối nhưng lại ngậm miệng, bắt đầu lo lắng đi đi lại lại trên mặt sàn trải thảm.

Cánh cửa vẫn im lìm, nhưng lần này có tiếng rì rầm nho nhỏ lọt vào tai viên thanh tra. Ông mỉm cười với vẻ dữ tợn và chờ đợi. Thế rồi có tiếng ‘cách’ của công tắc đèn vang ra đâu đó từ bên trong, tiếng chân bước lẹp kẹp rồi những âm thanh va nhau của chiếc then cửa được kéo ra. Thumm đưa mắt cảnh báo người của mình. Cánh cửa hé ra một khoảng trống hai in-sơ.

“Ai thế? Các ông muốn gì?” Đó là tiếng của Cherry Browne, một giọng âu lo với lời lẽ ngập ngừng.

Thumm chèn chiếc giày to tướng của mình vào khe cửa mở hé đoạn dùng cánh tay chắc khỏe đẩy mạnh, cánh cửa miễn cưỡng mở ra. Dưới ánh sáng đèn của gian phòng, Cherry thật xinh đẹp và hoảng hốt đang đứng đó, mình quấn trong bộ đầm ngủ bằng lụa mỏng thêu ren, đôi bàn chân trần nhỏ nhắn của ả xỏ dép lười bằng vải sa tanh.

Ả vừa há hốc mồm như thể gặp ma trước bộ mặt của Thumm vừa lùi lại theo bản năng, “Ừa, thanh tra Thumm!” Ả nói bằng giọng yếu ớt, cứ như sự hiện diện rành rành của Thumm không phải là chuyện thực vậy. “Chuyện... chuyện gì thế?”

“Đâu có chuyện gì, không chuyện gì cả,” Thumm nói vẻ thân mật nhưng mắt thì đảo qua đảo lại nhìn khắp nơi. Ông đang đứng trong một gian phòng khách thuộc dãy phòng hạng sang của ả diễn viên; mọi thứ chung quanh khá bừa bộn; trên chiếc tủ ly là một chai gin rỗng và một chai

whisky hầu như cạn sạch; đầu thuốc lá hút dở vút bừa bãi, một chiếc túi xách nam cườm của phụ nữ nằm trên bàn; những chiếc ly chưa rửa, một chiếc ghế nằm chổng gọng... Đôi mắt của ả quét từ gương mặt viên thanh tra ra đến ngưỡng cửa, mắt ả chột mở to khi thấy Bruno và nhóm đàn ông đứng ở hành lang bên ngoài.

Cánh cửa dẫn vào phòng ngủ vẫn đóng chặt.

Thumm mỉm cười. “Vào đi nào, ngài công tố viên, người của ngài hãy đợi bên ngoài,” thế là vị công tố viên bước vào phòng rồi khép cửa lại sau lưng.

Vẻ bình tĩnh tự nhiên của người đàn bà được lấy lại phần nào; sắc hồng đã trở lại trên hai má của ả, và một tay ả đưa lên vuốt tóc.

”A!“ ả cất lời. ”Các ngài thật khéo chọn lúc để quấy rầy một phụ nữ. Ngài thanh tra có ý tưởng gì vậy?“

”Im nào, em gái,“ Thumm cất giọng vui vẻ. ”Cô ở một mình à?“

”Có liên quan đến ông không?“

”Tôi hỏi, cô ở một mình hả?“

”Chả việc quái gì đến ông cả.“

Nhe răng cười xòa, trong khi Bruno vẫn tựa vào tường, Thumm bước đến cánh cửa bên kia phòng. ả diễn viên thốt lên tiếng kêu nhỏ đầy lo lắng rồi đuổi theo chặn ông lại, ả đứng chặn ngang cánh cửa phòng ngủ. ả tỏ ra tức giận; đôi mắt Tây Ban Nha long lanh của ả sáng bừng lên. “Ông điên à!” ả la lên. “Lệnh khám xét đâu? Ai cho ông...?”

Thumm đặt bàn tay to lớn lên vai gạt ả tránh ra... Bỗng cánh cửa bật mở trước mặt ông và Pollux vừa bước ra vừa nheo mắt vì ánh sáng.

”Được rồi, được rồi,“ Pollux nói bằng giọng khàn khàn. “Chả việc gì phải âm lên. Chuyện quý gì thế hả?“

Gã gói mình trong bộ pajama lụa bó sát người; lớp vỏ ngoài chải chuốt lúc ban ngày của gã đã biến mất, mái tóc thưa của gã đứng sừng trên đầu như bôi mỡ; hàm ria nhọn như hai mũi kim vênh ngược giờ đây cụp xuống

âu sâu; nhô ra bên dưới cặp mắt ốc nhồi của gã có hai cái túi thịt thâm sì, bệnh hoạn.

Cherry Browne hất đầu, mót một miếng thuốc từ đồng vương vãi trên bàn, đánh một que diêm, rít một hơi dài sặc sụa rồi ngồi xuống, hai chân đưa qua đưa lại. Pollux chỉ đứng đấy; gã chừng như ý thức được cái bộ dạng khốn khổ của gã mang lúc này, nhấp nhồm hết chân nọ rồi lại chân kia.

Thumm thản nhiên đánh giá gã, ông đưa mắt từ người này sang người khác. Không ai nói lời nào.

Viên thanh tra cất lời trong bầu không khí im lặng ngọt ngào: “Giờ hai kẻ tình nhân các người nói tôi nghe xem hồi đêm các người ở đâu.”

Cherry khịt mũi. “Ai mới là người cần nói hả? Chính ông mới phải giải thích tại sao tự nhiên ông đến quấy rối chúng tôi.”

Thumm ghé bộ mặt đỏ bừng của mình sát vào mặt ả. “Nghe đây, quý cô,” ông cất giọng lạnh lẽo, “cô và tôi sẽ nói chuyện tử tế - tử tế, cô hiểu chứ? Nếu cô đừng diễn tuồng. Bằng không chuyện sẽ căng lên và tôi sẽ bẻ từng khúc xương trong cái cơ thể mỹ miều ấy của cô, nhé. Trả lời nhanh, và dẹp cái kiểu vớ vẩn ấy đi!”

Đôi mắt của ông như hai viên mã não xoáy thẳng vào mặt ả. ả hơi khúc khích. “A... sau buổi diễn hồi tối Pollux đón tôi và chúng tôi... chúng tôi về đây.”

“Nhảm nhí,” Thumm nói. Bruno quan sát Pollux đang cau mày, gã tìm cách ra hiệu với ả đàn bà qua vai Thumm. “Cô về đến đây khoảng 2 giờ 30. Cô đã ghé những đâu?”

“Ồ, ông câu chuyện gì thế? Hẳn nhiên bọn tôi về đây. Tôi đâu muốn nói bọn tôi đi thẳng từ nhà hát về khách sạn. Ý tôi là... tôi không có ý nói thế. Bọn tôi đến một quán rượu lậu ở phố Thứ Bốn Lăm. Rồi bọn tôi về đây.”

“Hai người không đến bến phà Weehawken hồi đêm nay đấy chứ? Lúc mười hai giờ kém ấy?” Pollux rên lên. “Cả ông nữa!” Thumm nạt. “Ông có ở đấy, có người thấy cả hai người ở bến phà bên phía bờ Jersey.”

Cherry và Pollux có phần tuyệt vọng nhìn nhau. ả đàn bà chậm rãi: “Thế thì đã sao? Có gì là không ổn chứ?”

“Rất chi là không ổn,” viên thanh tra gằn giọng. “Hai người đã đi đâu?”

“Ô, thì cười phà thế thôi.”

Thumm xì mũi khinh bỉ. “Chúa ơi,” ông nói, “bộ hai người bị loạn não hay sao hả? Cho là tôi tin thế hả?” Ông giậm một chân. “Tôi phát ốm và quá mệt với cái kiểu quanh co lập lờ này rồi đấy, Sarah\*. Các người ở trên chiếc phà ấy, và các người xuống phà bên bờ Jersey vì các người đi theo nhóm người của DeWitt!”

Pollux nói khê: “Thôi thì cứ bảo quách họ đi, Cherry. Đây là cách duy nhất.”

Ả trừng trừng vào gã đây khinh bỉ. “Rõ ra cái thứ đồ éo lá khốn khổ. Trông cái bản mặt anh kìa, cứ chực phun cả ra như thẳng trẻ ranh thế kia. Ta làm gì sai hả? Họ làm gì được ta hả? Thế thì anh sửa lỗi những cái gì?”

“Nhưng Cherry...” Pollux nhăn mặt; gã giang hai tay ra.

Thumm để họ lờ qua tiếng lại. Trong một thoáng ông nhìn chăm chặp vào cái xác nạm hạt cườm trên bàn. Chợt ông lôi cái xác về phía mình, nâng lên rồi đặt xuống, rồi lại nhắc lên... Tiếng cãi vã liền im bật như có phép màu. Cherry nhìn theo bàn tay nặng nề đưa lên rồi để xuống, lên rồi xuống... “Đưa cái ấy cho tôi,” ả cất giọng khàn đặc.

“Đồ đựng trong cái túi này khá nặng nhỉ?” Thumm nhăn nhở cười. “Nặng gần cả tấn ấy. Xem nào...”

Ả bật tiếng gầm gừ nho nhỏ nhìn ông dùng những ngón tay dùi đục khéo léo búng cái xác mở ra rồi sục vào bên trong. Pollux tái mặt, gã dợm chân nửa như bước đến nửa lại thôi. Bruno lạng lẽ rời khỏi bức tường đến bên Thumm.

Mấy ngón tay của viên thanh tra kéo ra một khẩu ru-lô bé xíu có tay cầm nạm ngọc trai và nòng súng cỡ nhỏ. Ông tháo chốt ổ xoay rồi săm soi vào bên trong, có ba lỗ còn đạn. Thumm dùng khăn tay bọc quanh một đầu bút chì rồi thọc vào nòng súng; chiếc khăn lôi ra vẫn sạch sẽ. Ông lại kê súng vào mũi khịt khịt người. Thế rồi ông lắc đầu quẳng khẩu súng lên bàn.

“Tôi có giấy phép giữ súng,” ả diễn viên liếm môi nói.

“Đưa xem.”

Ả đến bên chiếc tủ ly mở một ngăn kéo rồi trở lại bàn. Thumm liếc qua tờ giấy phép rồi trả lại ả. Ả lại ngồi xuống.

“Giờ đến lượt ông,” Thumm quay sang Pollux, “nói đi, ông theo đuôi nhóm người của DeWitt để làm gì?”

“Tôi... tôi chả hiểu ông nói gì.”

Thumm đưa mắt sang khẩu ru-lô. “Ông biết khẩu súng này khiến quạ anh đào bé nhỏ đây trông thật tẻ đúng không?”

Cherry thở dốc. “Ý ông là sao?” Miệng Pollux xệ xuống.

“John DeWitt đã bị bắn chết trên tàu tuyến địa phương của đường sắt Bờ Tây hồi tối nay,” công tố viên Bruno giờ mới lên tiếng. “Bị ám sát.”

Môi của hai người máy móc lặp lại từng lời; rồi họ nhìn nhau trong vẻ bàng hoàng và sợ sệt.

“Ai giết?” Ả đàn bà thì thào.

“Cô không biết sao?”

Đôi môi căng mọng của Cherry bắt đầu run rẩy. Pollux chột cả quyết bước về phía bàn trước khi Thumm kịp di chuyển, gã chộp lấy khẩu súng. Bruno né nhanh sang một bên; tay của Thumm thọc vào chiếc túi bên hông; ả diễn viên thét lên. Nhưng Pollux không cố làm gì kịch tính; gã cầm vào chỗ nòng súng rồi rón rén đưa lên, tay của Thumm khựng lại trong túi.

“Xem đi!” Pollux nói nhanh. Tay gã run run chìa bóng súng về phía viên thanh tra. “Ngài thanh tra, xem kỹ mấy viên đạn bên trong ấy, chúng đâu nhồi thuốc, chúng là đạn rỗng!”

Thumm giật lấy khẩu súng. “Đạn rỗng ruột,” ông nói khẽ. Bruno đưa mắt quan sát Cherry đang trợn mắt nhìn Pollux chòng chọc như thể hỏi nào giờ ả chưa hề quen biết gì gã.

Pollux lập cập câu trước đá vội câu sau. “Tự tôi đã thay tuần trước, Cherry không biết, giờ mới biết. Tôi... tôi không ưa chuyện cô ấy ôm súng có đạn chạy nhảy tung tăng chỗ nọ chỗ kia. Chuyện... chuyện đó đàn bà dễ bất cần lắm.”

“Mà sao chỉ ba lỗ có đạn, hả Pollux?” Bruno hỏi. “Ai mà biết liệu những lỗ trống kia vốn đã có một viên đạn thật thì sao.”

“Nhưng tôi bảo ông là không có!” Pollux la lên. “Tôi chả biết tai sao mình lại không nhét cho hết từng ấy lỗ. Bọn tôi đâu có đi trên chuyến tàu ấy hồi tối nay. Bọn tôi chỉ ra đến cầu cập mạn rồi quay lại bắt phà khác về New York thôi, đúng không Cherry?”

Ả thìn thít gật đầu.

Thumm lại khoảng tay lục lọi cái xách. “Ông có mua vé không?”

“Không, bọn tôi còn không lại gần quầy vé hoặc đoàn tàu nữa là.”

“Nhưng các người có theo đuôi nhóm người của DeWitt?”

Đầu dây thần kinh mí mắt trái của Pollux bắt đầu giần giật trông thật buồn cười, nó giật càng lúc càng nhanh dần, thế nhưng Pollux vẫn mím miệng kín khít hết như miệng rùa. Ả đàn bà thì cụp mắt xuống chăm chú nhìn vào tấm thảm.

Thumm đi vào gian phòng ngủ tối đen, rồi lại tay không quay ra xông xộc lục lọi phòng khách, chả ai nói lời nào. Cuối cùng ông quay lưng về phía họ và nện gót thành thịch đi ra cửa. Bruno nói: “Bất cứ lúc nào triệu tập phải lập tức có mặt. Cấm giờ trò, cả hai người.” Nói rồi ông theo chân Thumm ra khỏi phòng đi vào hành lang.

Nhóm người đứng ngoài giương mắt chờ đợi khi thấy Thumm và Bruno xuất hiện. Nhưng viên thanh tra chỉ lắc đầu rồi lăm lũi đi đến cầu thang máy, Bruno mệt mỏi lê bước theo sau.

“Sao anh không thu lấy khẩu súng?” Bruno hỏi.

Thumm đưa ngón trỏ như mũi sừng chọc vào nút bấm thang máy. “Để làm gì?” Ông cộc cằn. Gã thám tử của khách sạn đi sát theo sau, vẻ lo âu trên mặt gã lại càng hiện rõ hơn bao giờ hết. Trung sĩ Duffy hích gã sang một bên. “Chả lợi lộc gì cả. Đốc-tờ Schilling bảo vết thương đó là do đạn cỡ 38. Khẩu súng này chỉ là 22.”

# CẢNH 7

Căn Hộ Của Michael Collins

Thứ bảy, Ngày 10 Tháng 10

4 Giờ 45 Sáng

New York vẫn chìm trong quầng sáng tối tăm của thời khắc trước lúc bình minh. Chiếc ô tô cảnh sát băng băng lao qua những con phố tối đen và hoang vắng hết như những con đường mòn xuyên núi. Tứ bề vắng lặng ngoại trừ đâu đó một chiếc taxi đèn pha sáng quắc đang chạy chậm tìm khách.

Michael Collins sống trong một tòa nhà kiên cố ở phố Thứ Bảy Tám Hướng Tây. Chiếc ô tô cảnh sát vừa đỗ lại bên đường thì một người đàn ông từ trong bóng tối của ngôi nhà chạy đến. Thumm nhảy ra khỏi xe, theo sau là Bruno và toán thám tử. Người đàn ông nói: “Gã vẫn còn trên ấy, thưa sếp. Từ lúc vào nhà đến giờ gã chưa hề lộ mặt trở ra.”

Thumm gật gù. Họ nối đuôi nhau đi vào tiền sảnh, một lão già vận đồng phục ngồi sau chiếc bàn trở mắt nhìn. Họ đến lắc vai đánh thức gã thanh niên gác thang máy, anh chàng liền hối hả mở thang đưa họ lên trên.

Họ đáp thang máy ở tầng thứ tám; lại có thêm một thám tử xuất hiện và chỉ tay ra hiệu về phía một cánh cửa. Mọi người tập trung lại, ai nấy đều im lặng. Bruno thở dài hồi hộp liếc mắt nhìn đồng hồ. “Mọi thứ sẵn sàng rồi chứ?” Thumm hỏi giọng thản nhiên. “Hẳn rất có thể gây chuyện đấy.”

Ông bước đến cửa rồi nhấn chuông, một tiếng rung từ xa vọng vào tai họ. Tức thì họ nghe thấy tiếng bước chân rậm rịch và giọng khàn đục của một người đàn ông hỏi lớn: “Ai đấy? Là ai hả?”



Thumm trầm giọng quát: “Cảnh sát đây! Mở cửa!”

Yên lặng chốc lát, rồi tiếng hét nghèn nghẹt vang lên: “Các người sẽ không để tôi sống mà, quý bắt các người đi!” lại tiếng chân rầm rập, rồi danh và chắc như tiếng gậy đánh tách của cành cây đóng băng, một phát súng ngân vang lên. Tiếp theo là âm thanh của vật nặng đổ xuống.

Cả nhóm cùng xông tới cánh cửa. Thumm lùi lại một bước, hít một hơi dài rồi lấy hết sức tông mình vào cửa. Cánh cửa đặc cứng, không lay chuyển. Trung sĩ Duffy với một gã cơ bắp rắn chắc, cùng Thumm lùi lại và cả ba cùng lao vào cánh cửa bằng sức mạnh của súc gỗ công thành. Cánh cửa rùng lên, nhưng vẫn y nguyên. “Một lần nữa!” Viên thanh tra hét lên... Dưới sức công phá lần thứ tư cánh cửa bật vào đánh rầm, cả bọn ngã dúm dúm vào một hành lang tối và dài, cuối hành lang là ô cửa dẫn vào một căn phòng đèn chiếu sáng choang.

Trên ngưỡng cửa, nằm giữa hành lang và căn phòng, là dáng người của Michael Collins trong bộ pajama. Cạnh tay phải của gã là khẩu ru-lô đen sì còn bốc khói.

Thumm lao về phía trước, đôi giày nặng nề đập trên mặt sàn lát gỗ. Ông quỳ đánh thịch xuống bên Collins rồi áp tai vào ngực gã đàn ông.

“Hắn còn sống!” Ông kêu lên. “Mang hắn vào phòng kia!”

Họ nhắc cái thân hình nặng ì lên, khênh vào căn phòng sáng đèn, đấy là một gian phòng khách, rồi thả đánh huých lên một chiếc đi-văng. Gương mặt Collins trông thật thảm: hai mắt nhắm nghiền, môi bạnh ra thành tiếng gầm gừ như chó sói, gã thở ồ ồ. Bên phải đầu gã tóc bết dính và máu chảy ướt cả một bên mặt, máu tung tóe xuống cả vai phải, ướt đẫm trên tấm áo pajama. Thumm sờ vào vết thương, mấy ngón tay của ông lập tức đầy máu. “Còn chưa thủng qua cái sọ dừa của hắn,” ông lau bầu. “Chỉ mới sướt da đầu. Chắc là ngất vì sốc đây, nhìn tệ quá. Ai đó gọi bác sĩ xem nào... Ha, Bruno, có vẻ chuyện kết thúc rồi đấy.”

Một người chạy đi. Thumm sai ba bước băng qua phòng nhạt khẩu súng lên. “Là khẩu 38, tốt,” ông hài lòng kêu lên, thế rồi mặt ông lại xỉ xuống.

“Nhưng chỉ mới bắn một viên, phát vừa rồi hẳn cố tự sát. Mà viên đạn bay đâu nhỉ?”

“Ghim vào chỗ tường đây,” một thám tử nói, gã chỉ vào vết lõm trên tường nơi vừa văng tung tóe.

Đang lúc Thumm chọc vào dò tìm đầu viên đạn, Bruno nói: “Hẳn chạy từ hành lang về phòng khách và nổ súng trong lúc chạy. Viên đạn bay thẳng qua phòng còn hẳn thì ngã sấp ở ngay cửa lúc bắn trượt.” Thumm cau có nhìn mũi đạn chì bẹp dí giữa mấy ngón tay. Ông cho vào túi, lấy khăn tay bọc khẩu súng cẩn thận rồi trao cho một thám tử. Có tiếng ồn ào vọng vào từ hành lang bên ngoài; họ quay lại thì thấy một đám vài người mỏng manh áo ngủ đang ngó lom lom vào căn hộ bằng ánh mắt sợ hãi.

Hai gã nhân viên đi ra ngoài. Trong cảnh lộn xộn diễn ra sau đó, viên thám tử vừa được phái đi gọi thầy thuốc giờ thẳng tay xô vệt đám đông để mở đường, theo sau là một ông vẻ mặt đáng kính, mình mặc pajama và áo choàng bên ngoài, tay ôm một cái túi xách màu đen.

“Ông là bác sĩ à?” Thumm hỏi.

“Đúng. Tôi sống trong tòa nhà này. Dường như có chuyện gì thế?”

Ông vẫn chưa thấy hình dáng nằm bất động trên chiếc đi-văng cho đến khi các thám tử bước tránh sang bên. Không nói lời nào viên thầy thuốc quỳ xuống. “Nước,” rồi ông vẩy tay nói tiếp, “Ấm nhé.” Một người vào phòng tắm rồi quay ra với một cái chậu đầy nước.

Sau năm phút xử lý vết thương, viên thầy thuốc đứng dậy. “Chỉ là vết xước nặng thế thôi,” ông nói. “Ông ấy sẽ tỉnh lại ngay.” Ông dùng gạc lau vết thương, sát trùng rồi cạo gần hết tóc phía bên phải đầu. Bằng thao tác thành thạo, ông làm sạch lần hai rồi ông khâu miệng vết thương và băng cái đầu lại. “Ông ấy cần sớm được chăm sóc thêm, nhưng tạm thời như vậy được rồi; sẽ nhức đầu ghê gớm và khá đau. Ông ấy tỉnh lại kìa.”

Sau một tiếng rên ồn ào, khàn đặc, Collins rùng mình; hai con mắt của gã mở ra đảo qua đảo lại, đến khi khả năng nhận thức chậm chậm phục hồi thì chúng lại bắt đầu ràn rụa nước mắt đến khó tin. “Ông ấy sẽ ổn thôi,” viên thầy thuốc vừa cất giọng lãnh đạm vừa đóng túi xách lại.

Vị thầy thuốc bỏ đi. Một viên thám tử xốc nách Collins đỡ gã nửa nằm nửa ngồi và chèn một cái gối vào dưới cổ gã. Collins lại rên lên, gã đưa bàn tay không dính máu sờ lên đầu, đụng phải lớp băng bàn tay ấy lại tuyệt vọng thả xuống đi-văng nghe đánh phịch.

“Collins,” viên thanh tra cất tiếng và ngồi xuống cạnh gã đàn ông bị thương, “tại sao cậu tự vẫn vậy hả?”

Collins thè đầu lưỡi khô khốc ra liếm môi; mọi ánh mắt đều đổ dồn vào gương mặt sợ sệt và lỗ bịch của gã. Phần bên phải mặt thì lem luốc vệt máu khô. “Nước,” gã lẩm bẩm.

Thumm đưa mắt, một viên thám tử mang đến một cốc nước rồi thận trọng đỡ chiếc đầu của Collins lên giữa lúc gã người Ai Len vừa nốc vừa sặc vì chất lỏng mát lạnh. “Sao đây, Collins?”

Collins hỗn hển: “Ông bắt tôi phải không? Ông bắt tôi phải không? Đẳng nào tôi cũng phá sản rồi.”

“Vậy là cậu thừa nhận?”

Collins định nói gì đấy, rồi dừng lại, đầu gật gật, lộ vẻ giật mình, bất chợt gã trợn mắt với vẻ hung hăng cố hữu. “Thừa nhận cái gì?”

Thumm cười gằn. “Thôi đi, Collins. Đừng diễn vai nạn nhân vô tội nữa. Cậu biết quá rõ cái gì rồi. Cậu đã giết chết John DeWitt, là cái đấy đấy!”

“Tôi... giết...” Collins đực mặt ra; gã vắn vẹo gượng ngồi dậy; bị sức ép của tay Thumm đè lên ngực, gã lại ngã bật ngửa ra và hét loạn cả lên: “Ông đang nói cái đếch gì vậy hả? Tôi giết DeWitt á? Ai giết ông ấy chứ? Tôi còn không biết ông ấy đã chết nữa là! Ông điên à? Hay ông tính đổ tội cho tôi?”

Thumm tỏ vẻ bối rối. Bruno giật mình khi Collins đảo mắt nhìn sang, ông dụ giọng: “Nghe tôi bảo đây, lẩn tránh cũng chả giúp gì được cho cậu đâu, Collins. Rõ ràng khi nghe cảnh sát đến tìm, cậu đã hét lên: ‘Các người đâu để cho tôi sống,’ rồi cố tình tự vẫn còn gì. Đó mà lại là lời cuối cùng của một gã đàn ông vô tội chắc. Mới rồi cậu còn nói: ‘Ông bắt tôi phải không?’ Vậy chẳng phải là thừa nhận có tội sao? Nói dối chả ăn thua gì đâu cậu ơi. Cậu vừa hành động như kẻ có tội rồi.”

“Nhưng tôi không giết DeWitt, ông nghe chưa!”

“VẬY sao cậu cư xử như biết là cảnh sát sớm muộn sẽ đến? Tại sao cậu cố tình tự vẫn?” Thumm tức tối gằn giọng.

“VÌ...” Collins cắn chặt môi dưới vào giữa hàm răng chắc khỏe rồi nhìn chòng chọc vào Bruno. “Đó là chuyện của tôi,” gã sừng sĩa. “Tôi chả biết chuyện giết giọt gì sất. Lần cuối tôi gặp DeWitt ông ấy còn sống sờ sờ ra đây.” Gã rên lên vì một cơn đau quét qua bộ mặt nặng nề của gã; hai tay của gã đưa lên ôm lấy đầu.

“VẬY là cậu thừa nhận có gặp DeWitt hồi khuya nay?”

“Tất nhiên tôi đã gặp ông ấy. Có cả mớ nhân chứng ở đấy. Tôi gặp ông ấy trên tàu hỏa hồi khuya nay, đó là nơi ông ấy bị giết à?”

“Hãy thôi tránh trở trì hoãn đi,” Thumm hăm hè. “Thế nào cậu bỗng dưng lại có trên chuyến tàu địa phương Newburgh hả?”

“Tôi đi theo DeWitt, tôi đâu có chối. Tôi theo ông ấy suốt buổi tối. Lúc ông ấy cùng đám bạn rời khách sạn Ritz tôi lần theo họ đến nhà ga. Tôi cố tìm cách gặp ông ấy lâu rồi, cả hồi ông ấy ở sau song sắt lặn. Tôi mua vé rồi lên cùng chuyến tàu, tàu vừa chạy là tôi đến ngay chỗ DeWitt - ông ấy đang ngồi với gã luật sư Brooks của ông ấy với hai người nữa, trong đó có Ahearn - thế rồi tôi van nài năn nỉ ông ấy.”

“Biết rồi, biết rồi, cái đó biết rồi,” viên thanh tra nói. “Sau khi cậu rời khỏi toa tàu nhảy đi ra sàn lên xuống, chuyện gì xảy ra?”

Đôi mắt đỏ ngầu của Collins long lên. “Tôi đòi ông ấy bồi thường cho lời mách nước hạng bét của Longstreet về cổ phiếu ngoài thị trường. Longstreet đã làm tôi phá sản, mà đó là hãng của DeWitt, ông ấy phải chịu trách nhiệm. Tôi... tôi cần số tiền đó. DeWitt không chịu nghe. Ông ấy một mực nói không, rằng ông ấy... Ôi, thánh thần ơi, ông ấy như đinh đóng cột ấy.” Cơn tức uất nghẹn ngào len lén bò vào giọng của gã. “Tôi thiếu điều quỳ xuống trước mặt ông ấy. Nhưng vô ích.”

“Lúc ấy cậu đứng chỗ nào?”

“Chúng tôi bước qua sàn lên xuống phía bên kia, sàn lên xuống của toa tàu tối ấy... Thế rồi tôi quyết định xuống tàu; tôi chả còn gì để nán lại đây.

Chúng tôi vào đến một nơi gọi là Ridgefield Park. Tàu đỗ lại, tôi mở cửa bên phía đường ray nhảy xuống. Tôi lại với tay lên đóng cửa rồi băng qua đường ray. Tôi hỏi thăm biết được tàu trở về thành phố trong đêm đã hết nên tôi phải đón taxi về ngay sau đó. Xin Chúa hãy giúp con.”

Gã ngả đầu ra gối thở hào hển. “Thế lúc cậu nhảy khỏi tàu, DeWitt vẫn còn trên sàn lên xuống phía sau đấy à?” Thumm hỏi

“Đúng thế. Ông ấy nhìn tôi, cái lão chết tiệt ấy...” Collins cắn môi. “Tôi... tôi rất căm tức ông ấy,” gã ấp úng. “Nhưng đâu tức đến nỗi để phạm tội giết người. Ôi, Chúa ơi, không...”

“Cậu cho là bọn tôi nuốt nỗi câu chuyện của cậu chắc?”

“Tôi bảo ông là tôi không giết ông ấy!” Giọng Collins rít lên thành một tiếng hét. “Lúc tôi đã ở trên đường ray và đang kéo cửa thì tôi thấy ông ấy lau trán bằng một chiếc khăn tay, bỏ khăn tay vào túi rồi mở cánh cửa của toa tàu tối. Ông ấy vào bên trong. Tại sao ư, họa có Chúa mới biết. Tôi đã thấy ông ấy, nói ông biết!”

“Cậu có thấy ông ấy ngồi xuống không?”

“Không. Lúc ấy tôi đã ra khỏi tàu, tôi bảo ông rồi.”

“Sao cậu không đi qua toa sáng đèn rồi xuống tàu theo cánh cửa do trưởng tàu mở, ở phía trước ấy?”

“Tôi không có thời gian. Tàu đã dừng ở ga rồi.”

“Vậy là cậu tức giận ông ấy, hả?” Viên thanh tra hỏi. “Cãi nhau à?”

Collins gào lên: “Ông đang cố gán chuyện này vào tôi đấy phỏng? Tôi đang nói thật mà Thumm. Tôi đã bảo ông rằng bọn tôi có lời qua tiếng lại vài câu, hẳn nhiên tôi tỏ ra tức tối, ai lại không thế chứ? DeWitt cũng thế thôi. Ông ấy bước vào toa tàu tăm tối ấy để trấn tĩnh lại, có lẽ thế. Ông ấy khá kích động rồi còn gì.”

“Cậu có mang theo súng bên mình không, Collins?”

“Không.”

“Cậu đâu có vào bên trong cái toa tàu tối ấy, phải không hở tên du côn?” Thumm hỏi.

“Chúa ơi, không!” Gã người Ai Len gào tướng lên.

“Cậu bảo có mua một vé ở nhà ga. Đâu, đưa xem.”

“Bỏ trong áo ngoài của tôi để ở tủ tường phòng ngoài ấy.” Trung sĩ Duffy đi đến tủ áo quần trong hành lang, lục lọi rồi quay lại với một mảnh nhỏ giấy bồi.

Thumm và Bruno cầm xem. Đây là tấm vé một chiều của đường sắt Bờ Tây, chưa bấm lỗ, vé cho chuyến địa phương từ Weehawken đến Tây Englewood.

“Thế nào mà nó không bị soát vé thu vậy hở tên du côn?” Thumm gặng hỏi.

“Lúc tôi rời tàu, ông ấy chưa đến chỗ chúng tôi.”

“Thế đấy.” Thumm đứng dậy, vươn vai ngáp dài. Collins ngồi dậy; một phần sức lực của gã đã hồi phục; gã cho tay vào túi áo pajama lục tìm một điều thuốc lá. “Thôi được, Collins, việc đến giờ xem như sắp xong. Cậu cảm thấy sao rồi?”

Collins làu bàu: “Hơi đỡ hơn một tí. Đầu đau như búa bổ ấy.”

“À, tôi mừng là cậu thấy đỡ hơn đấy,” Thumm vui vẻ.

“Nghĩa là bọn tôi không phải gọi xe cứu thương làm gì nữa.”

“Cứu thương á?”

“Đúng thế. Đứng dậy thay quần áo nhanh, cậu cùng về trụ sở với bọn tôi.”

Điều thuốc lá rút khỏi mồm Collins. “Ông... ông gán tôi vào vụ giết người đó hả? Tôi không làm chuyện ấy, tôi bảo ông thế! Tôi đã kể sự thực với ông rồi mà, ngài thanh tra, thề có Chúa...”

“Dớ dẩn. Ai lại đi bắt cậu vì chuyện cãi cọ với DeWitt chứ.” Thumm nháy mắt với Bruno. “Chúng tôi chỉ muốn giữ cậu làm nhân chứng quan trọng thế thôi.”

## CẢNH 8

Lãnh Sự Quán Uruguay.

Thứ Bảy, Ngày 10 Tháng 10

10 Giờ 45 Sáng

Ngài Drury Lane thong thả dạo gót qua công viên Battery, sau lưng ông tấm vải áo choàng thụng phất phơ như một đám mây màu đen. Ông vừa đi vừa gõ đầu gậy thành nhịp dọc lối đi bộ và mũi phập phồng hít thở bầu không khí đượm mùi muối mặn. Gió thoang thoang mang theo hương vị của biển bao quanh và nắng ban mai mơn man sưởi ấm gương mặt của ông. Ông dừng lại bên theo bờ tường, lặng ngắm bầy hải âu sà xuống mặt biển dập dềnh sóng nước và mỗ vào những chiếc vỏ cam trôi nổi bênh bồng. Ngoài khơi xa một chiếc tàu chầm chậm rẽ nước. Một con thuyền du lịch trên sông Hudson bất ngờ cất lên một hồi còi. Làn gió tươi mát thổi vào, và cánh mũi của Drury Lane lại phập phồng. Ông khẽ kéo vạt áo choàng ôm lấy người cho ấm.

Thở dài, ông đưa mắt nhìn đồng hồ rồi quay gót. Ông băng qua công viên đi về phía đại lộ Battery Place.

Mười phút sau ông được mời ngồi trong một gian phòng bài trí giản dị, mỉm cười với một người đàn ông La tinh có nước da ngăm ngăm, vóc người nhỏ gọn trong chiếc áo đuôi tôm đang ngồi đối diện qua chiếc bàn làm việc. Một cánh hoa tươi hơi lóng lánh trên ve áo của ông ta, Juan Ajos là mẫu người ưa màu mè có hàm răng sáng bóng nổi bật trên gương mặt rám nắng, đôi mắt đen lạnh lợi và một hàng ria thanh mảnh.

“Quả là niềm vinh hạnh hiếm hoi đối với Lãnh sự quán bé nhỏ chúng tôi, thưa ngài Lane.” Ông nói bằng thứ tiếng Anh hoàn hảo. “Khi còn là tùy viên trẻ tôi nhớ ngài đã...”

“Cảm ơn lòng tốt của ngài, *Senor*\* Ajos,” Lane trả lời. “Tôi hiểu ngài vừa nghỉ phép về và rõ ràng không có nhiều thời gian. Tôi đến đây với tư cách đặc biệt. Không biết trong thời gian ở Uruguay liệu ngài có nghe qua một chuỗi án mạng ở thành phố này và những chuyện quanh nó chưa nhỉ?”

“Án mạng sao, ngài Lane?”

“Vâng. Thời gian qua đã xảy ra ba vụ khá đặc biệt, có thể nói vậy. Tôi đang trợ giúp không chính thức cho cuộc điều tra của ngài công tố viên và những nghiên cứu của riêng tôi đã hé lộ ít nhiều manh mối liên quan trực tiếp. Vậy nên tôi có lý do tin rằng ngài có thể giúp tôi.”

Ajos mỉm cười. “Bất cứ việc gì trong phạm vi quyền hạn của tôi, ngài Lane ạ.”

“Ngài đã có bao giờ nghe đến cái tên Felipe Maquinchao, người Uruguay?”

Ánh mắt của viên lãnh sự nhỏ người lanh lợi hiện rõ một tia sáng tinh anh khác thường. “Quả là vừa ra ngõ đã gặp người quen,” ông cất giọng vui vẻ. “Thế đấy, ngài Lane, ngài hỏi thăm về Maquinchao. *Sí*\*. Tôi đã từng gặp gỡ và trò chuyện cùng *senor* đáng kính ấy. Ngài muốn biết gì về ông ấy?”

“Ngài quen ông ấy ra sao và có điểm nào ở ông ấy mà ngài thấy lý thú không?”

Ajos giang tay. “Tôi sẽ kể mọi chuyện cho ngài rõ, thưa ngài Lane, và tùy ý ngài cân nhắc liệu nó có liên quan gì đến những điều tra của ngài... Felipe Maquinchao là đại diện của Bộ Tư pháp Uruguay, một người rất đáng tin và trọng vọng.”

Lane nhướng mày.

“Cách đây vài tháng, Maquinchao đã từ đất nước chúng tôi sang New York, ông ấy được cảnh sát Uruguay cử sang truy tìm dấu vết một tù nhân



vượt ngục từ nhà tù Montevideo. Tù nhân ấy là một người đàn ông tên là Martin Stopes.”

Ngài Drury Lane ngồi yên bất động. “Martin Stopes... ngài khiến tôi càng lúc càng tò mò hơn, *Senor Ajos* ạ. Làm thế nào mà một người mang cái tên Anh quốc lại bị giam giữ ở một nhà tù ở Uruguay?”

“Bản thân tôi,” Ajos vừa đáp vừa khẽ mỉm cười nhẹ cánh hoa trên ve áo, “chỉ biết rõ vụ án này nhờ ngài Maquinchao là người đặc trách vụ này thông tin lại. Ông ấy mang theo bên mình các tài liệu ghi chép đầy đủ về hồ sơ vụ án cùng với sự am hiểu cá nhân sâu rộng.”

“Hãy tiếp đi, thưa ngài.”

“Chuyện kể rằng vào năm 1912, có một nhà thăm dò khoáng sản trẻ tuổi, một người có đào tạo về địa chất và học vấn kỹ thuật rất cao, đã bị tòa Uruguay tuyên án tù chung thân vì đã cố sát người vợ trẻ của mình, một cô gái người Brazil bản địa. Gã bị kết án dựa vào bằng chứng áp đảo của ba người bạn cùng công ty thăm dò khoáng sản của gã. Bọn họ có mỏ khoáng sản sâu trong đất liền, từ Montevideo nếu muốn đến đó người ta phải đi một quãng đường thủy khá xa xuyên qua rừng. Những kẻ này khai trước tòa họ tận mắt nhìn thấy vụ cố sát và nên buộc phải đánh, trói Stopes để bỏ gã lên thuyền xuyên rừng về đến tòa công lý. Họ mang theo cả xác người đàn bà bị cố sát, lúc ấy đã ở bốc mùi vì nền nhiệt của không khí. Họ mang theo cả một đứa bé hai tuổi, con gái của Stopes. Hung khí cũng được trình ra, đó là một con dao rựa. Trước tòa, gã nhất thời loạn trí, đờ đẫn, mất năng lực biện bạch cho chính mình. Gã đã bị kết án đầy đủ và tống vào nhà lao. Đứa bé thì được Tòa gửi vào một nhà tu kín ở Montevideo. Stopes đã tỏ ra là một người tù gương mẫu. Gã dần dần hồi phục khỏi trạng thái thần kinh mất thăng bằng, chừng như chấp nhận án tù giam trong sự cam phận, không gây chuyện phiền toái với cai ngục mà cũng chẳng kết bè kết cánh gì với những bạn tù khác.”

Lane nhẹ nhàng hỏi: “Động cơ phạm tội có được bày ra rõ ràng trước tòa không?”

“Điều khá lạ lùng là không. Sự phỏng đoán duy nhất đối với động cơ phạm tội mà những người hợp tác với gã có thể đưa ra đó là Stopes đã giết vợ trong một cuộc cãi vã; ba gã đó khai trước tòa rằng, trước lúc án mạng xảy ra họ không có mặt trong lán, rằng họ nghe thấy tiếng kêu la liền chạy vào vừa kịp lúc thấy gã đàn ông bừa sọ người đàn bà bằng con dao rựa. Dường như rằng gã là một kẻ tính khí vũ phu.”

“Hãy vui lòng tiếp đi nào.”

Ajos thở dài. “Năm thụ án tù thứ mười hai Stopes đã khiến cho những kẻ giam cầm gã bị té ngựa bằng một màn trình diễn vượt ngục vô tiền khoáng hậu. Cú vượt ngục rõ ràng cho thấy nó đã được mưu tính kỹ lưỡng qua nhiều năm cho đến tận những chi tiết vụn vặt nhất. Ngài có quan tâm muốn nghe những chi tiết này không ạ?”

“Không nhất thiết lắm, *Senor*.”

“Gã biến mất cứ như bị mặt đất nuốt chửng. Người ta thiếu điều bằm nát cả lục địa Nam Mỹ nhưng hoàn toàn không thấy dấu vết gã đâu. Phần đông người ta cho rằng gã đã tìm đường lặn vào vùng đất sâu, nơi rừng già âm u khủng khiếp và có lẽ đã rục xương ở đấy. Thế là hết đối với Martin Stopes... Một tách cà phê Brazil nhé, ngài Lane?”

“Không, cảm ơn.”

“Hay để tôi pha cho ngài thứ đặc sản đồ uống ngon tuyệt xứ Uruguay chúng tôi vậy, chè xanh *yerba maté* nhé?”

“Không, cảm ơn ngài. Thế câu chuyện của Maquinchao còn gì thêm không nhỉ?”

“Sí. Cùng thời gian ấy ba người đồng thăm dò mỏ, theo như hồ sơ chính thống ghi lại, đã bán mỏ khai khoáng của họ giữa lúc xảy ra Cuộc chiến vĩ đại\*. Đây là một khu mỏ giàu có, dường như khu mỏ này sản xuất quặng mangan chất lượng hảo hạng, và mangan đã trở thành vô cùng quý giá trong chiến tranh vì đây là nguyên liệu sản xuất đạn dược. Việc bán lại khu mỏ đã biến họ thành những người giàu có, và họ trở về Hoa Kỳ.”

“Trở về sao, *Senor Ajos*?” Lane đổi giọng khác thường. “Họ là người Mỹ sao?”

“Thật tệ làm sao, tôi đã quên kể ngài tên của những gã cùng hợp tác làm ăn đấy. Bọn họ là Harry Longstreet, Jack DeWitt, và... xem nào - *Sí!* William Crockett.

“Đợi một lát, thưa ngài.” Mắt Lane sáng lên. “Ngài biết rằng hai trong số những người bị án mạng vừa rồi ở vùng này là hai người hùn vốn của hãng DeWitt & Longstreet chứ?”

Ajos trợn tròn đôi mắt đen. “*Dios\**” Ông kêu lên. “Quả là tin sốt dẻo. Thế thì những lời cảnh báo trước của họ đã...”

“Ý ngài là sao?” Lane hỏi ngay.

Viên lãnh sự ngửa hai bàn tay. “Vào tháng Bảy vừa rồi, cảnh sát Uruguay nhận được một lá thư nặc danh, được đóng dấu bưu điện New York. Mãi sau này DeWitt mới thừa nhận là người đã gửi lá thư đó. Trong thư nói rằng, tên tù vượt ngục Stopes hiện đang ở New York và đề nghị Uruguay tiến hành điều tra. Lẽ cố nhiên sau khi đối chiếu lại hồ sơ cũ, phía chúng tôi đã hành động tức thì, cho dù chính phủ bấy giờ đã thay đổi, và Maquinchao được giao phụ trách vụ án này. Phối hợp cùng với tôi, và suy đoán rằng chỉ có mấy tay cùng làm ăn cũ mới biết mà gửi những thông tin như thế đến Uruguay, Maquinchao tìm kiếm hành tung của họ và khám phá được Longstreet và DeWitt quả thực sống ở thành phố này, và đang là những người có địa vị. Ông ấy tìm cách dò la tin tức của William Crockett là gã thứ ba trong cái liên minh khai khoáng cũ ấy nhưng không thành công. Crockett đã tách ra khỏi nhóm ba người khi họ trở về Bắc Mỹ, hoặc do bất hòa hoặc vì gã muốn tự do chi dùng tài sản giàu có của mình thì tôi không biết chắc. Mà có lẽ cả hai lý do này đều không đúng. Tất nhiên mọi chuyện chỉ là phỏng đoán mà thôi.”

“Vậy là Maquinchao tiếp cận DeWitt và Longstreet,” Lane từ tốn gợi chuyện.

“Đúng thế. Ông ấy đã tìm đến DeWitt, tiết lộ thông tin về mình và đưa lá thư ấy ra, thế rồi sau một hồi lưỡng lự, DeWitt đã thú nhận rằng ông ta chính là tác giả lá thư ấy. Ông ta mời Maquinchao ở nhà của mình trong thời gian lưu lại đây, và xem đây như một kiểu trụ sở để thực hiện công

việc. Cố nhiên việc đầu tiên Maquinchao muốn làm là tìm hiểu xem làm thế nào DeWitt lại biết Stopes đang có mặt ở New York. DeWitt đã cho ngài đặc vụ xem một lá thư, ký tên bởi Stopes, đe dọa mạng sống của DeWitt...”

“Chờ một lát.” Drury Lane rút chiếc ví dài của mình lấy ra lá thư mà ông đã tìm thấy trong két sắt ở thư viện nhà DeWitt. Ông trao cho Ajos. “Phải lá thư này không?”

Viên lãnh sự gật đầu xác nhận. “Đúng vậy, vì Maquinchao đã đưa nó cho tôi xem trong một báo cáo sau đó, rồi hoàn trả lại DeWitt sau khi đã chụp hình lưu lại.”

“DeWitt, Longstreet và ngài đặc vụ của chúng tôi đã có nhiều cuộc thảo luận tại Tây Englewood. Lẽ đương nhiên Maquinchao đã có ý định lập tức gọi sự phối hợp của cảnh sát Mỹ vì một mình ông ấy gần như chẳng làm được gì. Thế nhưng cả hai người đối tác cũ ấy đã thuyết phục ông ấy không để cảnh sát sờ tay biết đến câu chuyện này, biện lẽ rằng việc này sẽ đến tai báo chí, chuyện cũ về thuở đầu hàn vi của họ và vụ xét xử án mạng tồi tệ sẽ bị phơi bày ra... Những chuyện bê bối thường tình họ không muốn ai biết. Maquinchao không biết tính sao nên hội ý cùng tôi, và chúng tôi quyết định ngầm ưng thuận thỉnh cầu của hai người này do địa vị hiện nay của họ. Theo lời cả hai người này cho biết, chừng năm năm nay thi thoảng họ lại nhận những lá thư tương tự, tất cả đều gửi từ New York. Họ đều xé bỏ những thư đó, song DeWitt đã tỏ ra rất e sợ đối với lá thư cuối cùng, vì khẩu khí đe dọa hơn hẳn so với những thư trước, và đã lưu giữ nó. Tóm lại, ngài Lane ạ, Maquinchao đã mất một tháng tìm kiếm toi công, ông ấy tưởng thuật sự thất bại với tôi và với mấy gã đồng bạn làm ăn ấy, phải tay từ bỏ vụ việc và quay trở về Uruguay.”

Lane trầm ngâm. “Và ngài bảo là không thể tìm ra dấu vết nào của gã Crockett ấy?”

“Maquinchao nghe DeWitt bảo rằng sau khi rời Uruguay, Crockett đã tách ra khỏi nhóm mà không lời giải thích. Họ bảo là thi thoảng có nghe từ

gã, chủ yếu từ Canada, dù cả hai một mực nói họ không liên lạc gì với gã suốt sáu năm nay.”

“Tất nhiên rồi,” Lane lẩm bẩm, “chúng ta chỉ có được lời của hai người đã chết đối với những thông tin này mà thôi. Ngài Ajos này, trong hồ sơ lưu lại có nói gì về số phận của đứa con gái nhỏ của Stopes chẳng?”

Ajos lắc đầu. “Chỉ ở một điểm mà thôi. Được biết rằng kể từ sau khi cô bé rời tu viện Montevideo vào năm lên sáu, không rõ là bỏ đi hay được mang đi, không ai còn nghe nói gì đến cô bé ấy nữa.”

Ngài Drury Lane thở dài đứng dậy rồi nghiêng mình trước mặt vị lãnh sự ngồi sau bàn làm việc. “Hôm nay ngài đã tận tình giúp đỡ vì sự nghiệp công lý, *Senor*.”

Ajos cười khoe hàm răng trắng đều. “Tôi rất sẵn lòng, ngài Lane ạ.”

“Nếu muốn,” Lane vừa nói tiếp vừa sửa lại áo choàng, “ngài còn giúp được cho sự nghiệp công lý nhiều hơn nữa. Nếu xét thấy có thể, mong ngài đánh dây thép về chính phủ của ngài yêu cầu ảnh chụp dấu vân tay của Stopes, kèm theo ảnh chụp khuôn mặt của người này, nếu những thứ này có lưu trong hồ sơ, kèm theo mô tả đầy đủ nữa nhé. Tôi cũng quan tâm đến cả William Crockett, liệu ngài có thể thu thập những thông tin như thế cho cả quý ông này luôn thể...”

“Những việc này sẽ được làm ngay.”

“Tôi hiểu rằng quốc gia nhỏ bé năng động của quý ngài cũng có cả các phương tiện khoa học hiện đại này đấy chứ?” Lane mỉm cười. Họ cùng đi ra cửa.

Ajos ngấn người. “Cố nhiên rồi! Các bức ảnh đều được truyền gửi bằng thiết bị chất lượng cao như bất cứ nơi nào khác.”

“Vậy thì không gì mỹ mãn hơn thế nữa.” Lane cúi chào, ông bước ra đường nhắm hướng công viên Battery. “Không gì mỹ mãn hơn thế nữa,” ông lặp lại với thanh âm nho nhỏ đầy phần chấn.

# CẢNH 9

Lâu Đài Hamlet

Thứ Hai, Ngày 12 Tháng 10

1 Giờ 30 Chiều

Thanh tra Thumm được Quacey dẫn đường qua những hành lang ngoằn ngoèo đến một buồng thang máy lắp chìm. Ở đây họ được nâng vút lên như hỏa tiễn phi nguyệt cầu đi qua lòng tháp chính của lâu đài Hamlet đến một chiếu nghỉ nhỏ nằm ở trên cao. Theo chân Quacey, Thumm đến một cầu thang bộ bằng đá trông cổ lỗ chẳng khác gì tòa tháp Luân Đôn, và lần theo các bậc thang uốn lượn vòng quanh dẫn đến một cánh cửa bằng gỗ sồi đóng then sắt. Quacey chật vật với cái yếm khóa và những chiếc then cửa nặng nề, cuối cùng cũng lôi được chúng ra rồi đẩy cánh cửa trong tiếng hào hển của hơi thở già nua. Họ bước ra mặt sân mái bằng đá đặc có tường chắn khoét lỗ châu mai của tòa tháp.

Ngài Drury Lane, hầu như không áo quần, đang nằm trên một tấm da gấu, tay che mắt để khỏi chói vì ánh mặt trời trên cao.

Thanh tra Thumm khựng lại còn Quacey thì nhe răng cười trở gót mất dạng. Viên thanh tra không giấu được sự kinh ngạc trước vóc dáng tràn đầy sức sống, đỏ au màu đồng của Lane, một hình ảnh của sự trẻ trung và vạm vỡ rần rỏi. Cơ thể duỗi thẳng không mỡ thừa của ông, chỉ trừ một vạt lông vàng ánh kim mờ nhạt xuôi về phía dưới, sạm nắng, săn chắc và nhẵn nhụi, rõ ràng là của người đang vào thời kỳ sung mãn nhất trong đời. Nếu nhìn toàn chiều dài thân hình tráng kiện thì sẽ thấy mái tóc bạc rối bung trên đầu ông quá ư là khập khiễng so với cơ thể. Dấu hiệu nhượng bộ duy nhất đối

với sự lịch duyệt lúc này là một cái khố màu trắng vắt ngang hông. Đôi bàn chân rám nắng của ông để trần, nhưng đôi giày da đánh thì để sẵn bên tấm chăn nhỏ. Sát một bên là chiếc ghế xếp bằng vải độn bông.

Thumm lắc đầu buồn bã rồi kéo áo choàng kín người hơn chút nữa. Trời tháng Mười cảm cảm giá buốt; một cơn gió mạnh tạt quanh đầu tháp. Ông rảo bước về phía trước, đến gần hơn cái vóc dáng nằm nghiêng; da dẻ hoàn toàn trơn láng không mảy may nổi gai ốc vì lạnh.

Linh cảm cảnh giác nào đó khiến Lane choàng mở mắt; hoặc đó là do bóng của Thumm khi viên thanh tra đứng bên mình ông. “A, ngài thanh tra!” Ông ngồi dậy, lập tức tỉnh hẳn, ôm lấy đôi chân gọn ghẽ rắn chắc của mình. “Thật ngạc nhiên làm sao. Hãy bỏ lỗi cho sự thoải mái trong bộ dạng của tôi hiện thời nhé. Mời ngài kéo chiếc ghế xếp kia. Tất nhiên,” ông mỉm cười tinh quái, “trừ phi ngài có hứng thú cời bỏ y phục để tham gia cùng tôi trên tấm da gấu đây...”

“Thôi, cảm ơn,” Thumm hấp tấp ngồi vào ghế. “Đang lúc gió máy thế này á? Xin kiểu thôi.” Ông há miệng cười. “Hỏi ra có điều hơi đường đột, nhưng năm nay niên kỷ ngài bao nhiêu rồi hở ngài Lane?”

Đôi mắt Lane nheo nheo dưới nắng. “Sáu mươi.”

Thumm lắc đầu. “Còn tôi năm mươi tư. Thú thật với ngài, tôi sẽ hổ thẹn lắm nếu cời bỏ mớ giẻ trên người để lộ cho ngài thấy cơ thể của mình. Vì sao ư, so với ngài hóa ra tôi lại là một lão già nhều nhão!”

“Có lẽ ngài không có thời gian để chăm sóc cơ thể mình đấy thôi, ngài thanh tra ạ,” Lane uể oải. “Phần tôi thì lại có cả thời giờ lẫn cơ hội. Đây...” ông khoát tay vào khung cảnh bên dưới, nhìn tinh tế như những đồ chơi bé xíu, “ở đây tôi có thể làm những gì mình muốn. Cái lý do duy nhất mà tôi phải trang trí phần thắt lưng của mình theo hình dạng của Mahatma Gandhi\* là vì Quacey ít nhiều hay có tính cả thẹn và sẽ hốt hoảng không thốt nên lời nếu tôi không che đậy, à, những phần người hơn trong sự trần trụi của chính mình. Tội nghiệp Quacey! Đã hai mươi năm nay tôi vẫn cố thuyết phục lão tham gia cùng tôi vào những bữa yến thái dương như thế này. Ngài sẽ có dịp trông thấy lão ấy trên người không có lấy mảnh áo!



Nhưng lão ấy già quá rồi, đến nỗi tôi không dám tin liệu lão có còn tự biết được chính xác mình đã được bao nhiêu tuổi hay không.”

“Ngài rõ ra là người khác thường nhất tôi từng gặp đấy,” Thumm nói. “Sáu mươi...” ông thở dài. “À này, thưa ngài, chuyện đang trở nên tốt hơn rồi. Tôi đến đây để cập nhật diễn biến mới - đặc biệt là một diễn biến mới đây.”

“Collins, phải không?”

“Vâng, tôi đoán Bruno đã kể ngài chuyện xảy ra khi chúng tôi đột nhập căn hộ của Collins rạng sáng hôm thứ Bảy thì phải?”

“Đúng thế. Gã đàn ấy đã cố tự sát. Vậy ra ngài đang giam gã sao, ngài thanh tra?”

“Giam khẩn cấp.” Thumm nghiêm mặt. “Nói theo cách nào đấy,” ông tỏ ra bối rối, “tôi thấy mình như một gã tân binh ngờ nghệch ấy. Tôi đây, kể với ngài điều gì đấy trong lúc chúng tôi đang mò mẫm trong bóng tối; còn ngài thì biết toàn bộ sự việc, tôi hiểu vậy.”

“Ngài thanh tra thân mến, suốt một thời gian dài ngài không mấy thân thiện về tôi. Ngài cảm thấy tôi đang giả vờ biết điều tôi chẳng biết gì. Điều này chẳng lấy gì làm lạ. Ngài vẫn không biết liệu sự im lặng của tôi có phải là do buộc phải làm vậy hay chỉ là sự lừa gạt, và rồi ngài hành xử với một niềm tin mới. Một sự khiêm nhường mang tầm vóc lớn lao, ngài thanh tra ạ. Chúng ta đều cùng lâm vào cái mớ bòng bong tệ hại này, lúc này và cho đến khi nó được tháo gỡ hoàn toàn.”

“Giá nó sẽ được như vậy,” Thumm rầu rĩ. “Thôi được, về Collins ấy mà, chuyện là thế này. Chúng tôi đào bới quá khứ của hắn và khám phá chính xác lý do hắn xoắn lên tìm cách thu hồi lại số tiền hắn bị thua lỗ vì cổ phiếu. Hóa ra hắn đã lợi dụng công việc ở Cục thuế Thu nhập để tham ô công quỹ của tiểu bang!”

“Thật thế sao?”

“Chính xác là vậy. Tính đến nay hắn đã đút túi một trăm ngàn hoặc hơn thế, không ai biết chính xác là bao nhiêu. Số tiền không nhỏ chút nào, ngài Lane. Xem ra hắn đang ‘vay’ tiền tiểu bang để chơi cổ phiếu. Hừ, hắn bị lỗ,



càng lúc càng lỗ nặng, và hẳn ôm cú chót đến năm mươi ngàn vào thời điểm Longstreet gà hẳn đâm đầu vào cổ phiếu International Metals. Đây là cú liều mạng của hẳn - Cố làm sao để gỡ lại số tiền bị thua trắng và lấp liếm những khoản hẳn đã ăn cắp. Chừng như sự việc đã lộ dấu hiệu gây nghi ngờ và một cuộc điều tra âm thầm đã bắt đầu để kiểm tra sổ sách của Cục thuế Thu nhập.”

“Collins chặn trước cuộc điều tra trực tiếp sao, ngài thanh tra? Làm sao gã làm được chuyện đấy?”

Thumm bậm môi. “Chả khó gì với hẳn. Hẳn làm giả sổ sách, ém nhem sự việc nhiều tháng liền. Thế rồi hẳn cũng xoay sở được nhiều ảnh hưởng chính trị gian lận rẻ tiền. Nhưng giờ hẳn đã lâm vào đường cùng, hẳn khó còn có thể tránh trở lâu hơn nữa.”

“Một khía cạnh khác thường rơi vào tính cách con người,” Lane lẩm bẩm. “Gã đàn ông này, cộc cằn, ương bướng, tính khí lỗ mãng, cuộc đời gã có lẽ là cả một chuỗi những sự thôi thúc cuồng bạo, sự nghiệp của gã vương vãi đầy những thầy ma chính trị của kẻ thù... kẻ này, theo lời Bruno kể với tôi, đã hạ gối van xin trước một gã môi giới chứng khoán, ngài thanh tra ạ. Đạo đức hoàn toàn lụn bại, gã vốn đang chuộc lại tội ác của mình với xã hội đấy thôi.”

Thumm xem ra không mấy ấn tượng. “Có lẽ vậy. Gì thì gì, chúng tôi có bằng cứ khá vững chống lại hẳn trước tòa - lại cũng là bằng cứ gián tiếp, nhưng mà quý nó chứ. Động cơ ư? Quá rõ ràng với cả Longstreet cũng như DeWitt. Để trả thù cái mà hẳn cho đấy là trò lá mặt lá trái của Longstreet, hẳn giết Longstreet. Đến lúc tuyệt vọng, phá sản, lâm vào cảnh chẳng còn gì để mất, hẳn lại nghe DeWitt chối từ đền bù cho sự xúi bẩy hạng bét của Longstreet, hẳn giết luôn DeWitt. Xét về hoàn cảnh, người ta có khuynh hướng xem Collins là kẻ phạm tội trong việc cố sát cả hai người hợp doanh đó, và không loại trừ khả năng hẳn đã giết cả Wood. Hẳn vẫn có thể dễ dàng là một trong những hành khách đi phà đã kịp thoát thân khi chiếc *Mohawk* cập mạn. Chúng tôi đã xác minh hành tung của hẳn đêm ấy, và Collins không thể đưa ra được chứng cứ ngoại phạm nào... Hơn nữa, trước

tòa Bruno có thể trưng bằng chứng về cách ứng xử chứng tỏ có tội của Collins khi chúng tôi phá cửa vào nhà hăn - hăn kêu la, tự sát...”

“Tại tòa,” Lane vừa duỗi đôi tay răn chắc vừa mỉm cười nhận xét, “dưới sức hấp dẫn ở tài hùng biện của ngài công tố viên thì tôi không nghi ngờ gì chuyện Collins sẽ trở thành kẻ có tội. Nhưng ngài thanh tra này, liệu ngài đã xét đến khả năng khi Collins nghe tiếng cảnh sát đập cửa, lúc mới năm giờ buổi sáng sớm, trí óc điên loạn của gã đã vội nhảy vào kết luận rằng chuyện gã đục khoét công quỹ tiểu bang đã bại lộ, và rằng gã sẽ bị gô cổ vì tội biến thủ hoặc ăn cắp số tiền quá lớn? Đứng vào trạng thái tâm thần của gã mà xét, điều này sẽ lý giải cho hành động cố tình tự sát của gã và sự kêu la của gã rằng ngài không hề muốn ‘để’ gã sống.”

Thumm gật đầu. “Đó chính là những gì Collins nói ra khi chúng tôi công kích hăn sáng nay về cái tội tham ô đó. Làm thế nào ngài biết vậy?”

“Ôi dào, ngài thanh tra, cái đó rành rành e trẻ con còn biết nữa là.”

“Dường như tôi thấy,” Thumm nghiêm trang, “ngài cho rằng Collins nói thật về điểm này thì phải. Ngài không tin hăn là thủ phạm đúng không? Thực ra thì chính Bruno bảo tôi đến đây để ngầm hỏi ý kiến của ngài. Ngài thấy đấy, chúng tôi muốn truy tố hăn về tội giết người. Nhưng Bruno bị bỏng tay một lần rồi nên ngài ấy không muốn lặp lại trải nghiệm ấy thêm lần nữa.”

“Ngài thanh tra Thumm,” Drury Lane vừa nói vừa chân trần đứng dậy và ưỡn bộ ngực rám nắng của ông, “Bruno sẽ không bao giờ khép Collins vào tội cố sát DeWitt cả.”

“Tôi đã đoán thế nào ngài cũng nói thế.” Thumm nắm tay lại rồi đưa mắt nhìn chán ngán. “Nhưng ngài đứng vị trí bọn tôi mà xem. Ngài đọc báo chưa nhỉ? Thấy sự chê cười chúng tôi đang hứng chịu vì đã công toi trong vụ buộc tội DeWitt? Họ bươi móc chuyện ấy rồi liên hệ đến vụ án mạng DeWitt, mà bọn tôi thì chả dám chường mặt trước lũ ký giả ấy. Nói riêng giữa ngài và tôi nhé, vở này không khéo tôi mất luôn cả việc chứ chả chơi. Chưa gì sáng nay ngài cảnh sát trưởng đã muốn cho tôi lên bàn mổ rồi.”

Lane phóng mắt nhìn dòng sông xa xa. “Giả như,” ông cất giọng nhẹ nhàng, “tôi cảm thấy rằng, điều này là tốt cho ngài và ngài Bruno, ngài có nghĩ rằng tôi nên nói ra những gì tôi biết bây giờ chẳng? Nhưng trò chơi sắp kết thúc rồi, ngài thanh tra ạ; chúng ta đang gần đích lắm rồi. Còn đối với công việc của ngài thì... tôi cho là khó có chuyện ngài cảnh sát trưởng đòi lột lon khi ngài trao cho ông ấy kẻ sát nhân đã bó tay chịu trói.”

“Khi tôi...”

“Đúng vậy, ngài thanh tra.” Lane tựa tấm lưng trần của ông vào mặt đá gồ ghề của một vách tường chắn mái. “Nào hãy kể tôi nghe còn gì khác mới mẻ nào?”

Thumm không trả lời ngay. Khi ông mở lời, đó gần như là vẻ e dè. “Tôi quả tình không có ý thúc ép, ngài Lane ạ, nhưng tính từ khi bắt đầu biết nhau, đây là lần thứ ba ngài lại đưa ra khẳng định chắc chắn về những vụ án mạng này. Thế nào ngài lại đoán chắc rằng Collins không phải là thủ phạm?”

“Đấy,” Lane từ tốn, “lại là một câu chuyện dài, ngài thanh tra. Mặt khác, chúng ta đã đạt đến điểm mà đến lúc để tôi chứng minh cũng như đặt câu hỏi. Tôi nghĩ mình có thể lắng nghe lý do khởi tố chống lại Collins của ngài ngay chiều nay.”

Thumm cười ha hả. “Giờ ngài đang nói đấy nhé, ngài Lane! Tôi cảm thấy khá hơn rồi... Các diễn biến sự việc ấy à? Nhiều lắm. Đốc-tờ Schilling đã phát hành cái biên bản pháp y quý giá của ông ấy về DeWitt và đã gặp được đầu đạn ra. Nó là từ một khẩu cỡ nòng 38 như ông ấy đã nói lúc đầu. Diễn biến thứ nhì thì có phần khá thất vọng. Vị công tố viên hạt Bergen là ngài Kohl đã không thể dò ra dấu vết số hành khách xuống tàu trước khi cái xác được phát hiện, và cả người của ông ấy lẫn người của chúng tôi đều không tìm ra được khẩu ru-lô ở bất cứ đâu dọc theo đường ray hoặc nền đường. Lẽ tất nhiên theo ý Bruno thì khẩu súng của Collins chính là tác giả của viên đạn đó; chúng tôi đã cho thực hiện một điều tra vi ảnh trên viên đạn lấy từ xác DeWitt để so sánh với viên đạn nằm trong khẩu ru-lô của Collins. Dù chúng có khác nhau chẳng nữa thì điều này cũng không chứng

minh được Collins vô tội, vì hẳn biết đâu đã dùng một khẩu khác để nã vào DeWitt. Ít nhất thì đấy là lý lẽ của Bruno, ngài ấy đặt giả thuyết, nếu quả đúng Collins dùng súng khác để bắn thì rất có thể hẳn vẫn còn mang theo khẩu súng ấy khi bắt taxi trong đêm và đã ném xuống sông lúc xe qua phà về New York.”

“Một trùng hợp lý thú,” Lane lẩm bẩm. “Hãy tiếp đi nào, ngài Thanh tra.”

“À, chúng tôi dò lại đường cũ với người lái chiếc taxi đưa Collins về New York hôm ấy, để xem liệu ông ta có qua phà và liệu Collins có ra bên ngoài lúc xe đậu trên phà. Người lái xe không biết Collins có ra ngoài xe hay không, song ông ấy xác nhận Collins đã đón xe ông ấy ngay khi chuyển tàu địa phương đang rời ga Ridgefield Park. Thế thôi. Diễn biến thứ ba thật ra cũng chẳng phải là diễn biến gì. Chúng tôi chưa phát hiện điểm nào quan trọng trong quá trình xác minh sổ sách kinh doanh lẫn tài liệu đời tư của Longstreet. Tuy vậy, diễn biến thứ tư mới thật là lý thú vì khi kiểm tra sổ sách giấy tờ của DeWitt tại văn phòng ông ấy chúng tôi khám phá một việc đáng chú ý. Đã tìm thấy nhiều biên lai chi phiếu đã chi trả - hai chi phiếu mỗi năm trong suốt mười bốn năm qua - lập cho một người tên là William Crockett.”

Lane không động đậy, đôi mắt màu xám tro của ông gần như đổi sang màu nâu lục nhạt khi chúng dán vào môi của Thumm. “Hừm... này ngài thanh tra, ngài quả đã mang đến bao tin tức dồi dào. Vậy những tờ séc ấy chi những số tiền bao nhiêu, và chi trả qua ngân hàng nào?”

“À, mặc dù số tiền mỗi tờ mỗi khác nhưng tờ nào cũng không dưới mười lăm ngàn đô la. Chúng đều được trả tiền mặt tại cùng một ngân hàng - Ngân hàng Colonial Trust ở Montreal, Canada.”

“Canada sao? Càng lúc càng thú vị đây, ngài thanh tra. Thế những tờ séc ấy được ký ra sao - bằng chữ ký cá nhân DeWitt hay đấy là chi phiếu công ty?”

“Không phải, dường như chúng đều là chi phiếu công ty cả; chúng đều được ký bởi cả DeWitt và Longstreet. Chúng tôi cũng đã lưu ý điểm này,

nghe rằng biết đâu số giấy tờ này lại là trò tống tiền nào đấy chống lại DeWitt. Mà dù vậy chẳng nữa, cả hai gã hợp doanh kí tên trong đấy. Trong văn phòng, không có hồ sơ nào giải trình lý do về số chi phiếu phát hành bán niên đó; chúng đều được tính vào tài khoản riêng của hai người theo tỉ lệ năm mươi - năm mươi. Hồ sơ thuế má cũng không có gì, chúng tôi kiểm tra rồi.”

“Thế ngài đã điều tra gã Crockett này chưa?”

“Ngài Lane à!” Thumm tỏ vẻ hồ thẹn. “Người bên Canada ắt đã cho chúng tôi là những gã điên. Liên tục từ khi khám phá ra những biên lai chi phiếu đó chúng tôi cứ quấy rầy họ không thôi. Đã có chuyện lạ ở đấy, điều tra qua Montreal hé lộ rằng một gã tên William Crockett - tất nhiên, tờ chi phiếu nào cũng do hắn xác nhận...”

“Không có ủy quyền chứ? Mỗi lần xác nhận đều cùng một nét chữ chứ?”

“Hoàn toàn đúng thế. Như vừa nói, chúng tôi phát hiện gã Crockett ấy ký thác những chi phiếu này qua thư từ ở nhiều nơi khác nhau tại Canada, rồi rút những khoản tiền gửi đó bằng chi phiếu. Rõ ràng hắn chi tiền ra gần như ngay khi hắn vừa có. Ngân hàng không mô tả được nhân dạng của Crockett và cũng không có chỗ ở hiện tại của hắn, ngoại trừ những sao kê và biên lai được yêu cầu gửi bằng thư đến một hòm thư bưu điện trung tâm tại Montreal. Thế là, chúng tôi lập tức lao theo hướng đó. Chúng tôi điều tra cái hòm thư bưu điện ấy nhưng không tìm ra dù chỉ một điều gì đó có giá trị. Không ai nhớ đã bao lâu rồi có ai đến mở hòm thư ấy, mặc dù lúc chúng tôi nhờ người lục xem thì cái hòm thư hoàn toàn trống rỗng. Chúng tôi đâm bố trở về lục soát ở văn phòng DeWitt & Longstreet thì phát hiện chính những tờ chi phiếu này trước sau đều gửi qua thư đến cùng địa chỉ bưu điện trung tâm nói trên. Không người nào ở văn phòng biết William Crockett là ai, mặt mũi hắn trông thế nào, hay tại sao hắn nhận chi phiếu. Còn về phần cái hòm thư bưu điện ấy thì nó được thanh toán theo năm và luôn được trả trước một năm - cũng bằng thư.”

“Bực bội nhỉ,” Lane lẩm bẩm. “Tôi có thể hình dung ngài và Bruno ắt đã phải lộn tiết đến mức nào.”

“Bọn tôi vẫn đang thế đấy chứ,” viên thanh tra làu bàu. “Càng đào sâu vào tìm hiểu sự việc càng trở nên bí ẩn. Kẻ ngốc cũng nhận ra cái gã Crockett này đang giữ kín sự việc trong bóng tối.”

“Như ngài nói thì có lẽ hẳn đang giữ kín sự việc trong bóng tối theo sự xếp đặt của DeWitt & Longstreet hơn là chính bản thân hẳn muốn vậy.”

“Có thể nói, đấy là một ý!” Thumm thốt lên. “Tôi chưa nghĩ đến việc này. Dù sao thì, tất cả câu chuyện Crockett này nghĩa là gì thì vẫn còn là một trò sắp ngửa. Có thể nó chẳng liên quan tí gì đến những vụ án mạng vừa rồi - đấy là điều Bruno nghĩ, và ngài ấy hẳn có khá nhiều tiền lệ để vin vào đấy làm cơ sở cho ý kiến của mình. Trước giờ tôi chưa hề gặp vụ án sát nhân nào mà ở đó vấn đề chính lại không bị rối beng cả lên vì những dấu vết giả hoặc không quan trọng cả. Nhưng mặt khác thì, nó cũng có thể thực sự có ý nghĩa gì đấy... Nếu Crockett quả là đang tổng tiền hai gã này, vậy thì ta có được một lý do về án mạng.”

“Ngài thanh tra,” Lane cười, “thế ngài định làm thế nào để ý nghĩa ấy đừng trái với câu chuyện chú ngỗng đẻ trứng vàng đây hở?”

Thumm cau có. “Tôi sẽ thừa nhận cái giả thuyết tổng tiền này là buồn cười. Thứ nhất, tờ biên lai chi phiếu gần đây nhất được ghi ngày chỉ mới vào tháng Sáu vừa qua, như vậy rõ ràng Crockett đã nhận số tiền nửa năm một lần của hẳn một cách đều đặn thường xuyên. Vậy thì mắc mớ gì hẳn lại đi giết con ngỗng đang đẻ trứng vàng cho hẳn, như ngài nói? Đặc biệt là khi tờ chi phiếu gần đây nhất ấy lại được ghi số tiền lớn nhất từ trước đến nay.”

“Mặt khác, ngài thanh tra ạ, cứ theo cái giả thuyết tổng tiền của ngài nhé, Crockett có thể chả còn con ngỗng nào để mà giết nữa. Ngài có nghĩ rằng tờ chi phiếu tháng Sáu ấy đã là tờ chót được gửi? Ngài có giả định rằng DeWitt và Longstreet bảo với Crockett rằng từ nay trở đi sẽ chẳng có thêm chi phiếu nào cho hẳn nữa?”

“Có gì đấy ở điểm này... Tất nhiên chúng tôi cũng đã tìm xem thư từ giao dịch với kẻ tên Crockett đó nhưng không thấy bất cứ tờ thư nào, song

điều này cũng chẳng chứng tỏ được gì vì lý đương nhiên họ có thể liên lạc với gã mà không để lại dấu vết.”

Lane nhè nhẹ lắc đầu. “Không hiểu sao tôi không tán thành được giả thuyết tổng tiền hoàn toàn chỉ dựa trên tình tiết ngài đã đưa, ngài thanh tra ạ. Vì nếu vậy tại sao số tiền lại biến đổi khác nhau? Thông thường tổng tiền bao giờ cũng theo hình thức những số tiền ấn định bằng nhau.”

Thumm nói khẽ: “Và điều ấy cũng có lý. Quả thực là tờ chi phiếu tháng Sáu ghi số tiền mười bảy ngàn tám trăm sáu mươi bốn đô la. Sao lại không phải là một số tròn?”

Lane mỉm cười. Ông lặng ngắm khát khao lần cuối dòng sông Hudson như sợi chỉ mảnh lóng lánh qua những ngọn cây bên dưới, thổi phào rồi xỏ chân vào đôi giày da đen. “Ta xuống dưới thôi, ngài thanh tra. Chúng ta đã đến điểm mà tôi phải ‘đội chiếc vương miện hành động lên ý nghĩ.’ Vậy thì... ‘hãy cứ nghĩ là làm ngay đi thôi!’”

Họ đi về phía cầu thang bộ bên trong lòng tháp. Thumm nhìn bộ ngực trần của vị chủ nhà rồi cất tiếng cười sáng khoái. “Nói có Chúa chứ!” Ông nói, “đến cả tôi ngài cũng khơi được cảm hứng đấy, ngài Lane. Không ngờ tôi lại tâm đắc với mấy câu trích đoạn vậy đó. Chẳng cha Shakespeare này cũng có kiến văn thực tiễn ấy chứ? Tôi cá lời ẩn ý ấy là của Hamlet chẳng sai.”

“Mời đi trước nào, ngài thanh tra.” Họ bước vào lòng tháp tranh tối tranh sáng rồi bắt đầu đi xuống theo bậc đá uốn cong. Lane tủm tỉm cười sau tấm lưng to bè của Thumm. “Tôi cho rằng đấy là một suy đoán đúng cảm dựa vào thói quen đáng sợ của tôi là ưa trích dẫn lời vàng của vị Hoàng tử xứ Đan Mạch\*. Nhưng ngài hồ to rồi, ngài thanh tra thân mến, lời ấy là của Macbeth.”

Mười phút sau hai người đã yên vị bên trong thư phòng của Lane. Bên trong chiếc áo choàng xám mặc nhà quấn quanh cơ thể để trần, Lane đang chăm chú nhìn vào một tờ bản đồ New Jersey rộng lớn trong khi Thanh tra Thumm dõi theo bằng nét mặt hiện rõ vẻ hoang mang. Dáng người béo lùn và phúng phính như cái bánh pudding thịt bò nướng của viên quản gia của



Lane, kẻ được gán cho một biệt danh mỹ miều là Falstaff, thì đang mất dạng qua một ô cửa tò vò viền quanh toàn sách là sách.

Sau nhiều phút dành tập trung nghiên cứu tấm bản đồ, Lane đẩy nó sang bên rồi quay sang nhìn Thumm bằng nụ cười hài lòng mỹ mãn. “Đã đến lúc phải thực hiện một chuyến đi thôi, ngài thanh tra. Một chuyến đi ít nhiều quan trọng.”

“Cuối cùng chúng ta lên đường à?”

“Ồ, không, chưa phải chuyến cuối đâu, ngài thanh tra,” Lane thì thầm. “Có lẽ mới chỉ là chuyến đi áp chót. Một lần nữa, ngài cần phải đặt niềm tin vào tôi, ngài thanh tra. Tôi sợ mình bắt đầu nghi vấn tài năng của mình kể từ vụ án mạng DeWitt mà, dù lẽ ra tôi đã có thể thấy trước điều ấy, tôi lại không thể ngăn ngừa bằng bất cứ phương pháp trực tiếp nào... Ngài thấy đấy, tôi đang bào chữa cho chính mình. Cái chết của DeWitt...” Ông nín lặng, và Thumm chòng chọc nhìn ông bằng ánh mắt lạ lẫm. Thế rồi ông nhún vai. “Ta tiếp tục thôi! Bản năng ưa kịch hóa của tôi sẽ không để tôi phá hỏng một cao trào hoàn hảo dành cho ngài. Hãy làm theo lời tôi đề nghị và, miễn là số mệnh đứng về phía chúng ta, tôi có thể cung cấp bằng chứng tuyệt diệu làm phá sản lý do khởi tố Collins của ngài cố nhiên việc này sẽ làm phật ý người bạn tốt của chúng ta ấy là ngài công tố viên, nhưng ta phải bảo vệ người sống. Ngài thanh tra, hãy lập tức dùng điện thoại tại đây gọi đến những người có thẩm quyền, yêu cầu bố trí ngay một toán người chờ gặp ta chiều nay tại Weehawken. Trong số họ nhất thiết phải có người mang theo dụng cụ câu móc.”

“Dụng cụ câu móc à?” Thumm hoài nghi. “Câu móc... cho chỗ nước sâu sao? Một cái xác à?”

“Tôi nên nói rằng người của ngài phải sẵn sàng cho mọi bất ngờ mới phải. À, Quacey!”

Lão già chuyên hóa trang nhỏ thó, chiếc tạp dề da quần quanh cái hông bé xíu, tay cầm một phong bì đựng hồ sơ cỡ lớn đã lê bước vào thư phòng từ lúc nào. Lane đưa những ngón tay háo hức chộp lấy chiếc phong bì trước



vẻ mặt bất bình của lão - vì thấy Lane để mình trần trụi bên dưới chiếc áo choàng mặc ở nhà. Chiếc phong bì mang một con dấu của tòa lãnh sự.

“Tài liệu từ Uruguay,” ông hớn hờ nói với Thumm, lúc này ngẩn người không hiểu đầu đuôi đang xảy ra chuyện gì. Ông xé phong bì lấy ra những tờ ảnh bìa cứng và một lá thư dài. Đọc thư xong ông vứt lại lên bàn.

Thumm không tài nào giấu được sự tò mò. “Đấy có phải bức hình chụp dấu vân tay không vậy hờ ngài Lane, hay là tôi nhìn nhầm?”

“Những cái này, ngài thanh tra ạ,” Lane vừa đáp vừa vung vẩy những bức hình lên trời, “là những ảnh phóng lớn dấu tay của một quý ông thú vị nhất có tên là Martin Stopes.”

“Cái gì, ngài bảo gì,” Thumm nói ngay. “Thế mà tôi nghĩ nó có dính dáng gì đến vụ án ấy chứ.”

“Ngài thanh tra thân mến ơi, những thứ này chính là vụ án đấy!”

Thumm nhìn Lane bằng vẻ mặt bị thôi miên của một con thỏ bị lóa mắt vì ánh sáng. Ông liếm môi. “Nhưng... nhưng,” ông lắp bắp, “những thứ đó là vụ án nào? Những vụ án mạng chúng ta đang điều tra hả? Chúa ơi, ngài Lane, nhân danh đấng hào quang, Martin Stopes là gã nào vậy?”

Lane làm một động tác bốc đồng, ông dùng một tay ôm lấy vai Thumm. “Tôi có lợi thế hơn ngài ở đây, ngài thanh tra ạ. Lẽ ra tôi không nên cười mới phải, ấy là một điều thô lỗ không nên làm... Martin Stopes chính là ngài X chúng ta đang tìm - kẻ chịu trách nhiệm về việc đã đưa Harley Longstreet, Charles Wood và John O. DeWitt ra khỏi thế gian tốt đẹp này.”

Thumm há mồm, chớp mắt và lắc lắc đầu trong dáng vẻ bị choáng thường gặp của ông. “Martin Stopes... Martin Stopes, kẻ cố sát Longstreet, Wood, DeWitt...” Ông đọc cái tên đến lú cả lưỡi. “Tại sao, ôi lạy Chúa tôi!” Ông bật luôn một tràng, “tôi có bao giờ nghe đến cái tên này của hãn dâu! Tên hãn thậm chí còn chưa hề xuất hiện trong vụ án nữa là!”

“Tên gọi nào nói lên điều gì, hờ ngài thanh tra?” Lane đặt những bức hình trở vào chiếc túi hồ sơ. Thumm nhìn chăm chặp tuồng như đó là những tài liệu vô vàn quý giá; mấy ngón tay của ông tự dưng cong lại thành

hình những cái móc. “Tên gọi nào nói lên điều gì? Ngài thanh tra thân mến, ngài vốn hẳn hạnh gặp Martin Stopes nhiều, nhiều lần lắm rồi!”

# CẢNH 10

Gần Bogota

Thứ Hai, Ngày 12 Tháng 10

6 Giờ 05 Chiều

Hàng giờ liền tìm kiếm khiến thanh tra Thumm lộ vẻ chán nản cùng cực. Bao niềm tin ông dồn hết vào tài năng tiên đoán hoặc suy luận logic của ngài Drury Lane khiến ông chùng như khó có thể chịu đựng được vài cú sốc đột ngột. Toán người tháp tùng họ được trang bị những dụng cụ kỳ quặc trông chẳng khác gì những thánh tích của Tòa dị giáo Tây Ban Nha, suốt buổi chiều không ngừng khuấy động chiều sâu yên tĩnh của những con suối chảy ngang qua tuyến đường đi của Đường sắt Bờ Tây. Sau những cố gắng liên tiếp với dụng cụ nạo vét không kết quả, mặt thanh tra Thumm càng lúc càng dài ra. Lane vẫn không nói gì; ông vừa chỉ đạo cuộc tìm kiếm vừa miễn cưỡng chấp nhận những gợi ý về những vùng nước có khả năng cho thứ ông đang cố công lần tìm.

Đến lúc toán người ướm dẫm và mệt lử đến một con suối gần thị trấn Bogota thì trời đã nhá nhem tối. Ai nấy lại bắt tay vào nhiệm vụ; bằng phép màu của quyền hành trong tay, Thumm đã mang thêm đến những dụng cụ bổ sung. Những ngọn đèn pha công suất lớn được cho lắp gần các đường tàu và rọi vào mặt nước yên tĩnh. Một vật thể bằng sắt trông giống như chiếc gàu xúc, được dùng thường xuyên cả buổi chiều, giờ lại được đưa vào sử dụng. Lane cùng một ngài Thumm mặt mũi như đưa đám đứng cạnh nhau dõi theo hoạt động của toán thợ.

“Thật chẳng khác gì mò kim đáy bể,” viên thanh tra rên rỉ. “Tuyệt chẳng có lấy một tẹo cơ may nào tìm ra nó cả, ngài Lane à.”

Chừng như lời than thở của Thumm đã gọi được lòng trắc ẩn của những vị thần may mắn, lúc này bỗng vang lên một tiếng kêu từ một trong những người đang điều khiển chiếc thuyền có mái chèo cách nền đường ray chừng hai mươi bộ. Tiếng kêu cắt ngang câu trả lời của Lane, lại thêm một luồng đèn pha rọi thẳng vào chiếc thuyền. Chiếc gàu xúc xuất hiện với đủ thứ chất nhớt, thực bì, đá cuội và bùn, nhưng lần này dưới những tia đèn pha cực mạnh còn có cả thứ gì đó lấp lánh và chiếu sáng.

Cùng tiếng kêu đặc thẳng, Thumm hồi hả trượt bừa xuống triền dốc, bám theo sau là Lane có phần điềm tĩnh hơn.

“Thế hả... Gì thế hả?” Viên thanh tra gào lên.

Chiếc thuyền có mái chèo men theo bờ tiến về phía ông, bàn tay lấm bùn của người chèo thuyền đưa lên một vật sáng lấp lánh. Bằng vẻ mặt kính nể, Thumm ngược mắt nhìn Lane, lúc này đã xuống đến bên ông. Thế rồi ông lắc đầu và bắt đầu xem xét vật tìm được.

“Một khẩu 38, đúng chứ?” Lane hỏi giọng ôn tồn.

“Ờn Chúa, chính là nó!” Thumm reo lên. “A ha, may mắn đã mỉm cười với chúng ta hôm nay! Ổ đạn mới chỉ hết một viên, tôi dám cá chắc ăn là nếu ta bắn tiếp phát nữa thì vết đạn sẽ hoàn toàn khớp với viên đạn đã lấy ra từ DeWitt!”

Ông cẩn thận đón lấy hung khí ướt đẫm, bọc quanh nó bằng một chiếc khăn tay rồi cho vào túi áo khoác của mình.

“Này các cậu!” Ông reo gọi toán người khốn khổ. “Ta tìm được nó rồi! Hãy gói ghém các thứ lại rồi về thôi!”

Ông cùng Lane rảo bước trở lại theo đường ray về phía những chiếc xe cảnh sát đã đưa họ chạy lòng vòng cả buổi chiều.

“Nào, thưa ngài,” Thumm nói, “để tôi hiểu rõ ràng sự việc nhé. Ở nơi này ta tìm thấy khẩu súng cùng cỡ với viên đạn dùng để bắn DeWitt, tại vùng nước bên dưới đoạn đường đoàn tàu đi qua tối hôm ấy. Từ địa điểm

tìm ra khẩu súng, không khó để thấy rằng khẩu súng sau khi gậy án đã được vút thẳng xuống nước giữa lúc tàu đang chạy. Bởi chính kẻ sát nhân.”

“Còn một khả năng nữa,” Lane nói. “Đó là tên giết người đã đào tẩu trước khi tàu đến Bogota, hoặc đã xuống tàu ngay tại Bogota, rồi tùy theo đó mà hấn tiếp tục đi bộ đến hoặc đi ngược trở lại chỗ con suối này rồi vút súng vào lòng suối. Tôi chỉ là nêu lên điều có thể xảy ra mà thôi,” ông tiếp. “Rằng khẩu súng bị vút ra từ đoàn tàu vẫn là giả thuyết có nhiều khả năng hơn.”

“Ngài lường hết tất cả mọi thứ, đúng không? Hừ, tôi đồng ý với ngài rằng...”

Họ đã đến nơi chiếc xe cảnh sát và khoan khoái tựa vào cánh cửa màu đen. Lane nhận xét: “Dù trường hợp nào chẳng nữa, việc tìm ra khẩu ru-lô tại vị trí ta đứng vừa rồi hoàn toàn xóa bỏ mọi cơ sở để kết án Collins.”

“Ý ngài cho rằng Collins giờ đã có lối thoát hoàn hảo?”

“Cách diễn đạt mới thật trọng làm sao, ngài thanh tra. Chuyển tàu tuyến địa phương ấy ghé vào ga Ridgefield Park lúc 12 giờ 30. Collins đã lên một chiếc taxi trước khi đoàn tàu đi khỏi - điểm quan trọng là ở đây. Từ điểm đó trở đi chứng cứ ngoại phạm của gã đã được ấn định bởi tài xế taxi, người lúc ấy đưa gã đi về hướng ngược lại với đoàn tàu - về hướng New York. Khẩu súng lục không thể nào được ném từ trên tàu xuống lòng suối trước 12 giờ 35, vì đến giờ ấy tàu mới đi qua suối. Giả thử súng là do một kẻ đi bộ ném xuống chẳng nữa, hấn ta cũng không thể đến chỗ con suối ấy trước đoàn tàu, cố nhiên là vậy. Mà Collins thì không thể có khả năng đi bộ hoặc đi xe đến chỗ con suối, vút cái hung khí đấy, rồi quay trở lại ga Ridgefield Park trước khi tàu chạy khuất! Khoảng cách từ Ridgefield Park đến con suối là một dặm, cả đi lẫn về là hai dặm. Đúng thế, có thể giả sử rằng - chẳng hạn - sau khi án mạng xảy ra một lúc lâu súng mới được ném xuống suối; rằng dưới hoàn cảnh thông thường không hấn là không có khả năng Collins có thể đã quay trở lại nhiều giờ sau đấy và làm việc ấy. Nhưng đây lại là hoàn cảnh đặc biệt, vì chiếc taxi chở Collins chạy thẳng về căn hộ

của gã tại New York, và từ giây phút ấy trở đi nhất cử nhất động của gã đều được giám sát kỹ. Thế thì... Ngài Collins vô can ở vụ này.”

Thumm cao giọng đắc thắng. “Tôi biết ngài đã bỏ sót gì đấy rồi, ngài Lane ơi! Cái lý lẽ ấy của ngài rõ chả hề sai - đích thân Collins làm sao mà ném con heo nóng ấy xuống lòng suối được chứ. Nhưng nếu là kẻ tòng phạm nào đấy thì sao? Giả sử Collins giết DeWitt, giúi súng vào tay một kẻ đồng lõa, rồi phẫn khởi tàu, không quên dặn tên đồng lõa ấy chờ hẵn chuồn khỏi tàu chừng năm phút rồi hăng liệng súng đi. Đấy chẳng phải là sự xếp đặt tinh khôn sao, hử ngài Lane!”

“Nào, nào, ngài thanh tra, hãy khoan mừng vội,” Lane mỉm cười. “Từ đầu đến giờ ta toàn nói đến khía cạnh pháp lý của vụ Collins. Tôi chưa hề bỏ qua khả năng có một kẻ đồng lõa. Không hề. Tôi chỉ hỏi ngài thế này - kẻ đồng lõa ấy là ai? Ngài có trưng được hẵn ra trước Tòa chẳng? Ngài có gì trong tay ngoài một giả thuyết hào nhoáng để khoe với bồi thẩm đoàn? Không, trước bằng chứng mới này tôi e rằng ngài Collins không thể nào bị kết tội cố sát DeWitt.”

“Đúng thế,” mặt Thumm lại xiù xuống. “Cả Bruno lẫn tôi đều không may may biết được ai lại có thể là gã tòng phạm ấy.”

“Đấy là nếu là có một gã tòng phạm, ngài thanh tra ạ,” Lane thản nhiên.

Toán người đã lục tục lên đến nơi. Thumm leo vào xe, Lane nối gót theo sau. Chiếc xe kia cũng đã đầy người, đoàn xe trực chỉ trở lại Weehawken, theo sau là một rơ-móc đồ dụng cụ.

Thumm ngồi thần ra, nhìn về mặt rõ ràng ông đang chìm sâu vào sự quay cuồng của bao ý nghĩ buồn bực. Drury Lane thả lỏng toàn thân, ngồi duỗi thẳng hai chân. “Ngài biết đấy,” ông tiếp, “kể cả từ góc độ tâm lý lập luận về một tòng phạm cũng không vững.”

Thumm rên lên.

“Ta hãy bàn tiếp, giả thuyết rằng Collins giết DeWitt, có một kẻ tòng phạm, gã trao hung khí cho kẻ tòng phạm ấy và chỉ thị hẵn chờ mình xuống tàu tại Ridgefield Park sau năm phút rồi hẵn vứt ra khỏi tàu. Đến đoạn này nhìn chung là tốt. Giả thuyết này hoàn toàn dựa vào suy đoán cho rằng

Collins đang muốn tạo cho mình một chứng cứ ngoại phạm chặt chẽ; nói cách khác, khẩu ru-lô phải được tìm thấy dọc đường tàu đi chừng năm phút cách nơi Collins được biết là đã xuống tàu quay về hướng ngược lại.”

“Nhưng nếu khẩu ru-lô không được tìm thấy tại điểm cách nơi gã xuống tàu sau năm phút thì Collins chả có chứng cứ ngoại phạm nào cả. Vậy thì, giả sử Collins quả tình đã trù liệu tất cả việc này, gã phải nhất thiết đảm bảo là khẩu súng được tìm thấy. Thế nhưng chỗ ta tìm ra khẩu súng là trong lòng một con suối, nơi mà nhờ ơn Chúa nó lẽ ra đã nằm đấy vĩnh viễn. Làm sao mà ta có thể lý giải hợp lý giữa giả thuyết về chứng cứ ngoại phạm Collins muốn tạo ra và mọi nỗ lực rõ ràng là để vớt khẩu súng vào nơi không ai tìm thấy? Tôi cho ngài sẽ nói là..” - của đáng tội, về mặt Thumm lúc này cho thấy ông chả còn muốn nói gì cả - “việc khẩu súng rơi xuống suối có thể là sự cố ngoài ý muốn, rằng kẻ tòng phạm ấy chỉ cốt ý quăng qua cửa sổ với ý định để nó rơi xuống dọc nền đường ray đá dăm mà thôi. Nhưng nếu hãn quả thực cố tình ném súng cốt sao cho nó được tìm thấy để mà củng cố bằng chứng ngoại phạm cho Collins, hãn có cần phải ném ra khỏi tàu đến hai mươi bộ không. Vì đấy là nơi ta tìm thấy nó - tại một điểm trong lòng suối cách đường ray hai mươi bộ. Không, tên tòng phạm đó chỉ cần thả khẩu súng ra ngoài cửa sổ là xong, cho nó rơi xuống bất cứ đâu dọc đường tàu, để sau đó người ta sẽ tìm thấy nó.”

“Nói cách khác,” Thumm nói khẽ, “ngài chứng minh tách bạch rằng tên giết người không có ý để người ta tìm ra khẩu súng. Điều này đã loại trừ Collins, được thôi.”

“Đúng là thế đấy, ngài thanh tra ạ,” Lane hạ giọng.

“Hừ,” Thumm nhận xét bằng cái khịt mũi tuyệt vọng, “Tôi thừa nhận mình đã tính sai. Hễ mỗi lần Bruno và tôi chọc tay vào ai chúng tôi cho là X, ngài lại phá hỏng cả bữa tiệc của bọn tôi. Chuyện này thề có Chúa, đã hóa thành thói quen rồi thì phải. Giờ thì vụ án đã trở nên phức tạp hơn bao giờ hết, theo tôi thấy là vậy.”

“Ngược lại,” ngài Drury Lane nói, “ta đẩy nó đến gần hồi kết lắm rồi.”

# CẢNH 11

Lâu Đài Hamlet

Thứ Ba, Ngày 13 Tháng 10

10 Giờ 30 Sáng

Quacey đứng bên chỗ đặt máy điện thoại đặt trong xưởng chế tạo tóc giả của lão ở lâu đài Hamlet. Ngài Drury Lane thì ngả người thoải mái trên một chiếc ghế gần bên. Những tấm màn tối ở các cửa sổ đã được vén lên để những tia nắng yếu ớt len lỏi rọi vào.

Lão già lụ khụ đang nói chuyện bằng thanh âm kót két của mình. “Nhưng thưa ngài Bruno, đấy là những gì ngài Lane dặn. Vâng, thưa ngài... Vâng, đêm nay, vào lúc mười một giờ, ngài sẽ đón ngài Lane tại đây, có thanh tra Thumm và một toán cảnh sát theo cùng nữa nhé... Làm ơn đợi lát nào.” Quacey áp ống nói vào bộ ngực teo thắt xương xẩu của lão. “Ngài Drury này, ngài Bruno hỏi là người theo cùng có phải mang thường phục hay không, và để làm gì thế, là ngài ấy hỏi vậy đấy.”

“Lão hãy bảo cùng ngài công tố viên,” Lane dài giọng. “Rằng nhân viên theo cùng đừng mang đồng phục, và mục đích đây là một cuộc dạo chơi vào khu New Jersey. Hãy bảo ngài ấy ta sẽ bắt tàu Bờ Tây đi Tây Englewood cho một công việc quan trọng nhất gắn liền đến vụ án.”

Quacey chớp mắt rồi làm theo lệnh.

11 giờ đêm.

Giữa toán cảnh sát tập trung tại thư phòng của lâu đài Hamlet, thanh tra Thumm, có lẽ do bởi thói quen biết giờ đã sâu sắc hơn của mình, đang là người duy nhất tỏ ra hoàn toàn thoải mái. Ngài Drury Lane vẫn chưa thấy



đâu, còn ngài công tố viên Bruno thì ngồi lọt thỏm trong một chiếc ghế cổ với dáng vẻ bồn chồn, cúi kính.

Thân hình nhỏ bé tròn trịa của Falstaff cúi xuống chào rồi tự di chuyển đến đánh thức sự chú ý của Bruno. “Gì thế?”

“Ngài Drury Lane cáo lỗi, thưa ngài. Ngài ấy nhắn bảo các ngài đợi một lát thôi ạ.”

Bruno gật đầu chẳng lấy gì làm nhiệt tình, riêng Thumm thì tùm tùm cười một mình.

Đang khi chờ đợi, ánh mắt mọi người tò mò dạo quanh gian phòng rộng thênh thang. Trần nhà nhìn cao ngất, và hết ba mặt tường đều ốp giá sách chạy dài từ sàn lên đến trần, tất cả đều xếp kín để đến hàng ngàn bộ sách. Đây đó là những chiếc thang thư viện đứng kẹp vào những ngăn giá sách ở trên cao. Chạy quanh hết phòng có một ban công kiểu cổ trông thật lạ mắt, ở hai đầu là hai nhịp thang uốn lượn với những bậc thang bằng sắt dẫn lên ban công, khám chìm vào đấy có những tấm biển đồng phân mục sách. Chiếc bàn hình bán nguyệt được kê ở một góc phòng hẳn là nơi bất khả xâm phạm của vị thủ thư đặc biệt nào đấy, mặc dù chỗ ngồi nơi chiếc bàn lúc này đang để trống. Bày biện trên vách tường thứ tư có vài thứ khiến người xem phải tò mò; Bruno sốt ruột nhồm người ra khỏi ghế rồi bắt đầu cất bước dạo quanh. Ông nhìn ra một tấm bản đồ cổ đánh véc-ni cứng cáp mặt ốp kính nằm chính giữa vách tường thứ tư; dòng ghi chú đóng khung hoa trang trí ở góc dưới bên trái cho biết đấy là bản đồ thế giới năm 1501. Một bộ sưu tập trang phục thời Elizabeth, mỗi thứ đặt vào một chiếc hộp riêng, xếp thành hàng áp vào tường...

Ai nấy đều quay đầu lại khi cánh cửa thư phòng đột ngột mở ra và cái hình dáng nhẵn nheo khô đét của Quacey lách vào. Lão đứng giữ cánh cửa rộng mở, bộ mặt già nua héo hắt của lão đang toe toét cười chùng như thú lằm.

Rảo bước qua ô cửa tò vò là một gã đàn ông vóc người cao lớn vạm vỡ, gương mặt đỏ lừ đang giương mắt nhìn họ vẻ kênh kiệu. Gã có một chiếc cầm oai phong, nhưng hai bên má đã hơi xệ và quanh đôi mắt là những dấu

hiệu một thời truy hoan phóng đảng không thể lẫn vào đâu. Gã mặc bộ comple bằng vải tuýt - là bộ đồ vải tuýt sợi thô với chiếc quần rộng bành bao và chiếc áo khoác ngắn. Tay gã thọc vào đôi túi không nắp, mắt quắc lên nhìn họ trừng trừng.

Vẻ bề ngoài của gã gây ấn tượng mạnh mẽ ngay tức khắc. Công tố viên Bruno đứng như chôn chân xuống sàn, ông chớp mắt lia lịa chừng như không thể tin được vào cái thông tin mà những đầu dây thần kinh lấp lóa truyền về bộ não. Thế nhưng nếu như Bruno tỏ ra giật mình thì thanh tra Thumm lại bị tác động theo cách tinh tế hơn và sâu sắc hơn. Bộ hàm cứng cáp của ông run run như mồm của một đứa bé; nó thông xuống và hơi rung lên. Đôi mắt của ông, thường khi cứng rắn và lạnh lùng, giờ ánh lên sự kinh hoàng như phát sốt. Ông cứ hết nhắm vào lại mở ra liên hồi, sắc hồng trên gương mặt hầu như biến thành màu tái nhợt.

“Lạy Đức mẹ Chúa trời,” ông khàn khàn thốt lên. “Har... Har... Harley Longstreet!”

Những người khác không dám động đậy cả tay chân. Cái bóng ma ở khung cửa phá vỡ sự im lặng bằng một chuỗi cười khe khẽ đủ để tặng mỗi người một luồng ớn lạnh dọc sống lưng.

“Ôi, ai tin được sự độc ác lọc lừa lại nấp kín trong hình hài đẹp đẽ dường kia!” Harley Longstreet cất lời bằng chất giọng trầm ấm tuyệt vời của ngài Drury Lane.

# CẢNH 12

Chuyến Tàu Địa Phương  
Tuyến Weehawken - Newburgh  
Thứ Tư, Ngày 14 Tháng 10  
12 Giờ 18 Phút sáng

Một chuyến đi lạ lùng... Lịch sử, viên ngọc thiếu vắng sự tưởng tượng, tự mình đã lặp lại. Cùng không gian như nhau, cùng đêm đen tối trời, cùng giống khoảng thời gian, và cũng với những tiếng lách cách lộc cộc đơn điệu buồn tẻ của những chiếc bánh xe bằng sắt.

12 giờ 18 phút nửa đêm người ta nhìn thấy toán cảnh sát tập hợp theo yêu cầu của ngài Drury Lane đang ngồi bên trong một toa phía sau đuôi của đoàn tàu địa phương tuyến Weehawken - Newburgh, lúc này đang đều đều lăn bánh trên đoạn đường từ nhà ga trung tâm Weehawken đến nhà ga Bắc Bergen. Trong toa, ngoài Lane, Thumm, Bruno và đội nhân viên đi cùng còn có thêm vài hành khách nữa.

Lane ngồi quẩn mình ấm áp bên trong một chiếc áo bành tô, đầu đội chiếc mũ dạ rộng vành kéo sụp để che khuất gương mặt. Ông ngồi sát cửa sổ bên cạnh thanh tra Thumm, mặt hướng ra tấm kính cửa, không trò chuyện cùng ai và rõ ràng đang chợp mắt hoặc đắm chìm vào một vấn đề cân não nào đấy. Cả ngài công tố viên lúc này đang ngồi đối diện lẫn viên thanh tra không ai nói lời nào, cả hai đều tỏ vẻ bứt rứt không yên. Bầu không khí căng thẳng ấy cũng lan ra cả các nhân viên thám tử ngồi chung quanh; họ rất ít lời và ngồi thẳng đơ hết những khúc gỗ\*. Chừng như ai nấy

đều đang chờ đợi một diễn biến quan trọng mà chính họ cũng chưa biết là gì.

Thumm bồn chồn nhấp nhồm, ông liếc nhìn mái đầu đang ngoảnh về hướng khác của Lane, thở dài rồi đứng dậy, ông nặng nề cất bước ra khỏi toa. Ông quay lại tức thì với bằng gương mặt đỏ bừng lên vì kích động, ông ngồi xuống, cúi người về phía trước rỉ tai Bruno. “Có chuyện lạ... vừa nhắc thấy Ahearn và Imperiale ở toa đằng trước. Có nên bảo Lane biết không nhỉ?”

Bruno dò xét cái đầu sụp mũ kín mít của Lane, ông nhún vai. “Tôi đoán tốt nhất mình cứ để ông ấy xử lý mọi việc. Ông ấy xem ra biết mình đang làm gì.”

Đoàn tàu giật lên rồi dừng lại. Bruno phóng mắt nhìn ra cửa sổ; nơi tàu đến, ông thấy là nhà ga Bắc Bergen. Thumm liếc nhìn đồng hồ - lúc này đúng 12 giờ 20. Dưới ánh đèn mờ sương của sân ga vài hành khách đang hối hả lên tàu. Những chiếc đèn báo khua lên, những cánh cửa sập lại, đoàn tàu lại nặng nề chuyển bánh.

Giây lát sau người soát vé xuất hiện ở đầu toa phía trước và bắt đầu thu vé bấm lỗ. Đến ngang chỗ toán cảnh sát, gã nở rộng miệng cười tỏ vẻ đã nhận ra người quen; Thumm cau có gật đầu rồi rút tiền mặt trả cho cả toán người. Gã soát vé lấy từ túi áo ngực bên ngoài những tờ vé hai mảnh ghép răng cưa dùng để bán thu tiền tại chỗ, xếp chúng ngay ngắn lại với nhau, bấm lỗ lên cả hai nửa trên mặt vé, tách những tờ vé ra làm đôi, trao cho Thumm một bộ, bộ cuống vé lưu lại gã cho vào bên trong một chiếc túi khác...

Ngài Drury Lane, vị hành khách ngủ gà ngủ gật, hoặc đang chìm đắm trong suy tưởng, chọn ngay thời khắc này giật mình choàng tỉnh. Ông đứng hẳn dậy, lột chiếc mũ trùm hụp và cởi phăng áo choàng, rồi quay sang nhìn thẳng vào gương mặt người soát vé. Gã đàn ông trở mắt ngơ ngẩn. Lane thọc tay vào một trong những chiếc túi may đấp nổi của áo comple, lấy ra chiếc hộp bằng bạc, bật nắp lôi ra cặp kính mắt. Ông không đeo vào, ông chỉ chăm chú nhìn người soát vé bằng vẻ trầm ngâm lạ lẫm, xuất thần.

Gương mặt mạnh mẽ, túi mắt xế xuống, từng trái phóng đăng - chừng như đã khiến gã bị hồn phi phách tán.

Gương mặt ấy làm gã chấn động một cách kỳ lạ. Bàn tay của gã ngừng lại giữa chừng trong khoảng không, trên tay vẫn nắm chặt chiếc kim bấm lỗ. Gã nhìn sững vào từng chi tiết của nhân vật lạnh lùng trước mặt mình, ban đầu tỏ ra như không hiểu, rồi sau đó là cả một nhận thức kinh hoàng dồn dập. Miệng gã há ra, vóc người cao to vạm vỡ của gã chực đổ xuống, sắc đỏ như màu rượu trên gương mặt của gã hoàn toàn bị nhấn chìm trong cơn lũ của màu trắng chết. Từ miệng gã bật ra một âm thanh nghẹn ngào, chỉ một từ gọn lỏn: “Longstreet...” Và trong khi gã đứng đấy, toàn thân chết sững, khả năng vận động thần kinh hầu như tê liệt, đôi môi nhân tạo của Harley Longstreet chột mím cười và bàn tay phải của ông, thả chiếc hộp bằng bạc cùng cặp kính xuống, bằng động tác nhẹ nhàng cho vào túi một lần nữa, rồi lại rút ra, trong tay nắm chặt một vật vừa mờ vừa giống như kim loại... Một cú vồ chụp về phía trước, một tiếng kêu nhỏ nghe đánh cách, và gã soát vé rời mắt khỏi khuôn mặt cười ấy nửa tin nửa ngờ nhìn xuống chiếc còng trên hai cổ tay của mình.

Rồi cứ thế, ngài Drury Lane lại mím cười, lần này là cười với thanh tra Thumm và công tố viên Bruno đang bần thần hoài nghi, hai người không còn sức để cử động sau khi theo dõi vở hoạt cảnh chóng vánh trong sự im lặng nghẹt thở. Trên vầng trán cả hai người hiện lên những nếp nhăn rất mảnh; họ hết nhìn Lane lại quay sang nhìn gã soát vé, lúc này đang trở nên rúm ró, run run thè đầu lưỡi liếm môi, người tựa vào lưng ghế - suy sụp, túi hồ, khổ sở không thể tin vào đôi khóa còng cổ tay đang bày ra rành rành trước mắt mình.

Thế rồi ngài Drury Lane điềm tĩnh bảo thanh tra Thumm: “Ngài có mang theo hộp mực vân tay như lời tôi dặn đấy chứ, ngài thanh tra?”

Thumm lẳng lẳng lôi từ túi ra một hộp mực bọc thiếc cùng một xấp giấy trắng.

“Hãy lấy dấu tay người này đi, ngài thanh tra.”

Thumm gượng đứng lên. vẫn còn vẻ hoài nghi, ông lẳng lặng làm theo... Lane đứng bên cạnh gã soát vé đã không còn sức lực, lúc này đang tựa lưng ghế giống ông; và trong lúc Thumm chộp lấy bàn tay không cảm giác của gã đưa lên ấn vào hộp mực, Lane cầm lấy chiếc áo bành tô ông vừa vớt trên ghế, lục tìm ở một trong các túi áo rồi lôi ra chiếc phong bì đựng hồ sơ ông đã nhận được hôm Thứ Hai. Giữa lúc Thumm ấn những ngón tay mềm nhũn của gã trưởng tàu lên tờ giấy, Lane rút từ túi hồ sơ những bức ảnh dấu tay gửi từ Uruguay rồi mỉm cười xem xét.

“Xong rồi chứ, ngài thanh tra?”

Thumm trao cho Lane bản in dấu tay ướt của gã trưởng tàu. Lane vừa giữ tờ giấy kề sát vào bức ảnh vân tay vừa nghiêng đầu chăm chú nhìn vào những nét xoắn ốc. Thế rồi ông trao lại bản in dấu tay cho viên thanh tra, cùng với bức ảnh.

“Ngài nói sao đây, ngài thanh tra? Ngài từng so sánh hàng ngàn tờ thể này rồi đúng không?”

Thumm dò cẩn thận. “Theo mắt nhìn của tôi thì chúng trông giống nhau,” ông nói khẽ.

“Giống hệt, tất nhiên rồi.”

Bruno đứng dậy lúng búng. “Ngài Lane, ai... cái gì...?”

Lane cầm chặt lấy cánh tay của gã đàn ông bị còng bằng điệu bộ xem chừng thân thiện. “Ngài Bruno, thanh tra Thumm, để tôi giới thiệu các ngài một trong những đứa con không may nhất của Chúa, ngài Martin Stopes...”

“Nhưng...”

“...cũng chính là,” Lane tiếp, “Người soát vé Edward Thompson của đường sắt Bờ Tây.

“Nhưng...”

“...cũng chính là một quý ngài bí ẩn trên con phà ấy...”

“Nhưng tôi không thấy...”

“...cũng chính là,” Lane kết luận một cách nhã nhặn, “nhân viên bán vé trên xe điện Charles Wood.”

“Charles Wood!” Thumm lẫn Bruno đồng thanh líu lưỡi. Họ quay sang chăm chặp nhìn vào dáng người co rúm của người bị bắt. Bruno thì thầm: “Nhưng Charles Wood chết rồi kia mà!”

“Chết rồi với ngài thôi, ngài Bruno ạ, và chết rồi cả với ngài nữa, thanh tra Thumm. Nhưng với tôi,” ngài Drury Lane tiếp, “vẫn sống sờ sờ.”

# HẬU TRƯỜNG



# Giải Thích Sự Việc

Lâu Đài Hamlet

Thứ Tư, Ngày 14 Tháng 10

4 Giờ Chiều

Và vẫn khung cảnh ngày nào, dòng Hudson xa xa bên dưới, một cánh buồm trắng lướt trên sông, con tàu hơi nước thản nhiên bì bạch. Cũng giống năm tuần trước, giờ đây ngược theo con dốc một chiếc ô tô nhấn ga đều đều tăng tốc, công trên lưng thanh tra Thumm và công tố viên Bruno tiến về người đẹp ngủ trong rừng: lâu đài Hamlet, năm sau cánh rừng giờ sang thu lá đang thay sắc.

Năm tuần!

Xa xa phía trước, những ngọn tháp canh in trên nền trời mây, những thành lũy bằng đá, bức tường chắn mái có lỗ châu mai khoét theo hình răng cưa, đỉnh nhọn như mũi kim của chóp nhà thờ... Rồi cây cầu nhỏ kiểu cổ và túp lều tranh hiện ra, cùng một lão già nhỏ nhắn lẳng lặng chỉ vào tấm bảng hiệu bằng gỗ treo đu đưa của lão... Chiếc cổng cũ kỹ kêu cọt két, cây cầu bắt ngang, con đường rải sỏi quanh co ngược đầu dốc, khu rừng sồi nay đã ngả sang màu nâu đỏ, bức tường đá nằm quanh chân lâu đài...

Họ đi qua chiếc cầu rút và được Falstaff đón sẵn nơi hai cánh cửa bằng gỗ sồi, vào bên trong một đại sảnh đường của thời rất xa xưa, dưới những thanh rầm rền nhà cũ kỹ khô cứng, bên hàng giáp trụ của các hiệp sĩ và những món đồ ghép mộng đồ sộ của nước Anh thời Elizabeth. Đang ngồi dưới hai chiếc mặt nạ đặc biệt và cái chân nển chòm khổng lồ là lão Quacey với cái đầu hói cùng bộ mặt râu ria thậm thợt...

Trong không khí ấm áp thân tình ở dãy phòng riêng của ngài Drury Lane, hai vị khách ngồi thư thái, đầu ngón chân khoan khoái hướng về phía lò sưởi. Lane khoác chiếc áo comple bằng vải nhung, nhìn ông thật thanh tú và trẻ trung trong ánh phản chiếu của ngọn lửa bập bùng. Quacey rít lên những tràng cót két khó hiểu vào một dụng cụ thu tiếng nho nhỏ gắn trên tường và chỉ thoáng chốc Falstaff hiện ra trong dáng dấp hồng hào béo tốt, mặt tươi cười rạng rỡ, trên chiếc khay là những chiếc ly rót đầy rượu mùi được pha chế thơm ngát; còn có cả những chiếc bánh canapé nhỏ nhắn vừa hiện ra đã biến mất chỉ sau vài lần tấn công chớp nhoáng không phải giữ ý của thanh tra Thumm.

Khi mọi người, sáng khoái và no nê, cùng nhau quây quần trước lò sưởi, phần Falstaff đã lui về khu hang động bếp núc của lão, ngài Drury Lane nhận xét: “Tôi cho rằng các ngài đây muốn được làm sáng tỏ về những lời khoa ngôn lộng ngữ, mà tôi đã có phần tùy tiện nói ra bằng sự vô tư của mình vào những tuần vừa qua. Vì ngay lúc này đây chúng ta chưa phải bận tâm về vụ án mạng nào khác nữa!”

Bruno nhã nhặn: “Chắc là không, nhưng ngài có thể chắc chắn, xét những gì tôi đã thấy trong ba mươi sáu giờ qua, tôi sẽ không ngần ngại mà hỏi ngay ý kiến của ngài nếu xét thấy cần thiết. Có một chút phức tạp, nhưng ngài hiểu ý tôi muốn nói gì. Ngài Lane này, cả ngài thanh tra đây cùng tôi đều mãi mãi hàm ơn về... ôi quý bắt tôi đi nếu tôi biết mình nên diễn đạt sao cho phải.”

“Nói cách khác,” Thumm nói bằng một điệu cười càu nhàu, “ngài đã cứu lấy công việc của bọn tôi.”

“Khách sáo, cường điệu và quá lời.” Lane khẽ xoa tay lái chủ đề. “Báo chí đăng tin Stopes đã thú tội. Không biết vì sao bọn họ biết được tôi đã tham gia vào vụ việc, vậy là tôi bị vây hãm suốt ngày bởi đám ký giả không bao giờ chịu thỏa mãn ấy... Thế có điểm gì lý thú từ lời thú tội của Stopes chẳng?”

“Với chúng tôi thì lý thú,” Bruno nói, “nhưng tôi cho rằng... hừ, lại không biết nói thế nào đây - tôi cho rằng ngài đã nắm được đại ý của lời thú

tội rồi còn gì?”

“Ngược lại.” Lane mỉm cười. “Có một số chi tiết liên quan đến Martin Stopes tôi đây vẫn hoàn toàn mơ hồ.”

Hai vị khách đều tỏ vẻ nửa tin nửa ngờ. Lane không giải thích gì; ông chỉ giục Bruno thuật lại câu chuyện mà người tù đã kể. Khi Bruno bắt đầu từ đầu - từ thời y là nhà địa chất học trẻ tuổi tràn đầy nhiệt huyết và chưa hề có lấy chút tiếng tăm nào tại Uruguay vào năm 1912 - Lane không bình luận gì. Tuy vậy, ông chừng như tò mò về những chi tiết nhất định, và bằng cách đặt câu hỏi khéo léo, đã làm sáng tỏ những thông tin còn thiếu từ cuộc nói chuyện lần trước giữa ông cùng viên lãnh sự Uruguay là Juan Ajos.

Ông được biết vào năm 1912, Martin Stopes chính là người đã tìm ra được mỏ mangan giữa lúc y cùng đối tác là Crockett lang thang đây đó ở vùng nội địa hoang dã để thăm dò khoáng sản. Do hai người lúc bấy giờ không ai còn xu nào mà lại đang lúc cần vốn để khai thác mỏ, họ đã gọi thêm hai kẻ thăm dò vào hun hạp với phần trăm ăn chia nhỏ hơn - đấy là Longstreet và DeWitt, do Crockett giới thiệu với chàng trai trẻ Stopes. Trong lời thú tội của mình, Stopes đau đớn nói rằng tội lỗi mà y bị gán ghép và khép tội - giết vợ bằng con dao rựa - là do chính Crockett gây ra. Vào một đêm trong cơn say điên cuồng, chính Crockett đã nổi cơn thú tính và tấn công người vợ của Stopes trong khi Stopes đang ở khu mỏ gần đấy; bị kháng cự, hấn ra tay giết chết cô. Longstreet, kẻ đầu sỏ khốn nạn, đã chớp lấy cơ hội này và bày ra một kế hoạch theo đó cả ba tên cùng vu cáo Stopes tội giết người; và, do khu mỏ bấy giờ chưa đăng ký và không ai biết rằng nó thuộc về Stopes, chúng sẽ chiếm luôn khu mỏ thành tài sản của mình. Crockett khi ấy bảo sao nghe vậy; hấn quá hoảng vì tội lỗi mình gây ra và hối hả bầu vú vào âm mưu đó. DeWitt, theo lời Stopes, là kẻ tính tình ôn hòa hơn; nhưng hấn bị Longstreet lấn át và bị ép buộc bằng những lời đe dọa phải dự phần vào âm mưu đó.

Sốc vì cái chết của người vợ, lĩnh trọn sự gian hiểm tàn độc của những kẻ đang cùng chung sức làm ăn với mình, nhà địa chất trẻ bị rơi vào tình trạng bấn loạn tâm thần. Mãi đến khi đã bị kết án và bị tống giam vào nhà

lao, Y mới bình tâm tỉnh trí mà dần hồi phục lại; và rồi nhận ra rằng mình đã ở vào hoàn cảnh hoàn toàn tuyệt vọng. Thế là, từ giây phút ấy trở đi, mọi suy nghĩ của y, bao thôi thúc về hoài bão và khát vọng của y, đã biến thành một nỗi niềm khao khát đặng cay là phải báo thù. Y, theo lời thú tội, quyết chí dành hết phần đời còn lại của mình làm sao thực hiện bằng được mưu toan vượt ngục và giết bằng được ba tên côn đồ vô lại ấy. Đến lúc đào thoát được khỏi nhà tù, y đã là một kẻ khá luống tuổi, chịu bao khắc nghiệt trong nhà lao đã phá hoại nét mặt của y, dù cơ thể y vẫn giữ được sức mạnh ngày nào. Bằng lý trí, y chắc rằng đến lúc thích hợp để báo thù thì những nạn nhân sẽ chẳng còn nhận ra y là ai nữa.

“Tuy vậy, những chuyện đấy,” Bruno kết luận, “ngài Lane ạ, giờ đã gần như chẳng còn nhiều ý nghĩa với chúng tôi - ít ra là với tôi - bằng cái cách gần như siêu phàm mà ngài đã giải quyết vụ án. Chính xác thì, quả thực làm thế nào mà ngài lại đi đến một đáp án lạ thường như thế chứ?”

“Siêu phàm ư?” Lane lắc đầu. “Tôi đâu tin vào những điều huyền diệu, và hẳn nhiên tôi chưa hề thi thố bất cứ điều gì gọi là huyền diệu ở đây. Nói theo cách nào đấy, những thành công mà tôi có thể đạt được trong cuộc điều tra hấp dẫn này đều hoàn toàn dựa vào lối tư duy theo quan sát trực tiếp mà ra. Có lẽ tôi nên bắt đầu bằng một cách khái quát thế này. Chẳng hạn, ở ba vụ án mạng chúng ta phải đương đầu vừa rồi, vụ đơn giản nhất chính là vụ đầu tiên. Các ngài lấy làm lạ đúng không? Nhưng chính các chi tiết chung quanh cái chết khó hiểu của Longstreet lại cho ra một logic mạch lạc không ngờ. Có lẽ các ngài còn nhớ rằng, tôi được biết đến những chi tiết ấy rất thụ động - ấy là nghe theo lời kể lại. Vì không có mặt tại hiện trường án mạng, tôi đành phải cân nhắc sự việc trong thế bất lợi của người không được quan sát trực tiếp. Ấy vậy mà,” - nói đến đây ông lịch sự nghiêng mình về phía viên thanh tra - “tường thuật của ngài Thumm đây đã rõ ràng và chi tiết đến mức tôi hoàn toàn có thể hình dung ra những yếu tố cấu thành vở kịch rành rành như đích thân tôi đã có mặt ở đấy.”

Đôi mắt của Drury Lane sáng bừng lên. “Ở vụ án mạng trên xe điện, có một tình tiết suy luận thật hiển nhiên không thể tranh cãi; nó đã gây sự chú

ý tức thì, và cho đến lúc này đây tôi vẫn chưa hiểu được vì có gì sự việc rõ ràng đến vậy lại thoát khỏi sự am tường của cả hai quý ngài. Nói hẳn ra, chính bản chất của cái thứ hung khí ấy tự nó đã cho thấy thật rõ ràng rằng không ai có thể cầm nắm được nó bằng tay trần mà không bị những đầu gai nhọn tẩm độc của nó đâm thủng tay dẫn đến thương tích gây chết người. Chính ngài, ngài Thanh tra, đã thận trọng không để tay mình chạm vào cái nút bần có gai ấy - kỹ đến mức ngài phải dùng đến một cái nhíp để gắp nó ra, rồi sau này ngài đã dùng một cái lọ thủy tinh để đựng nó. Ngài đã mang cái hung khí ấy ra cho tôi xem, và tôi thấy ngay rằng, tên sát nhân chắc hẳn phải dùng đến sự bảo vệ nào đấy cho bàn tay và ngón tay của hẳn, cả lúc đưa cái hung khí ấy lên xe và lúc tìm cách làm sao đấy để thả nó vào trong túi của Longstreet. Tôi nói là tôi đã thấy ra điều này ngay tức thì; thực sự là vậy, ví dầu tôi có không thấy cái nút bần ấy chẳng nữa, thì ngài cũng đã mô tả nó chính xác từng li, đến nỗi tôi khó có thể bỏ sót điểm rõ ràng ấy.

“Vậy thì nó tất sẽ nảy sinh câu hỏi: Hình thức thông thường của vật bao bọc bảo vệ cho bàn tay ấy là cái gì? Và câu trả lời tất sẽ là: Một chiếc găng tay, hẳn rồi. Thế điều này đã thỏa mãn yêu cầu của tên sát nhân ra sao? A, một chiếc găng tay ắt là cơ bản phù hợp cho mục đích của hẳn - nó có kết cấu bề mặt bền chắc, đủ khả năng bảo vệ hoàn toàn, đặc biệt nếu nó được làm bằng da; và, vốn là một thứ đồ trang bị phổ dụng, nó lại càng ít gây chú ý hơn một thứ đồ dùng bao bọc bàn tay khác thường nào đấy. Ở một tội ác đã được tính toán kỹ, người ta hoàn toàn có lý do để tin rằng, tên sát nhân chẳng việc gì phải làm ra một thứ bao bọc bảo vệ khác lạ khi mà một chiếc găng tay thông thường đã thỏa mãn nhu cầu của hẳn, thậm chí còn tốt hơn; và, hơn thế nữa, lỡ ra có bị ai đó thấy hoặc phát hiện, thì nó vẫn ít gây chú ý và không bị ngờ vực gì. Thứ đồ duy nhất mang công dụng như một chiếc găng tay mà không cần phải làm ra hoặc gây nghi ngờ, sẽ là một chiếc khăn tay; nhưng lấy một chiếc khăn tay để bọc quanh một bàn tay thì thật vướng víu, dễ gây chú ý và, quan trọng hơn, không đủ để bảo vệ ở một mức độ nhất định trước những mũi kim tẩm độc ấy. Tôi cũng nảy ra ý cho rằng, tên sát nhân đâu chùng cũng có thể dùng đến cách giống như thanh tra Thumm

đã làm - đấy là, dùng nhíp gấp để di chuyển cái nút bần có gai ấy. Nhưng nghĩ lại thì tôi thấy cách ấy, dù giúp được tên sát nhân tránh không bị những đầu kim tẩm độc ấy đâm vào da, thì xét về phương diện khác nó vừa đòi hỏi phải có sự khéo léo trong thao tác di chuyển lại vừa rất không chắc chắn vào hoàn cảnh lúc bấy giờ - một khoang xe chật kín khách, rất ít khoảng trống dành cho các thao tác bằng tay, và thời gian ra tay thì nhất định là vô cùng ngắn ngủi. Thế là, tôi tin chắc rằng lúc tên sát nhân lén bỏ cái nút bần có gai ấy vào túi Longstreet, hẳn chắc hẳn đã mang một chiếc găng tay.”

Thumm và Bruno nhìn nhau; Lane nhắm mắt và tiếp tục bằng thanh điệu trầm đều. “Ta biết rằng cái nút bần ấy được thả vào túi sau khi Longstreet lên xe. Điều này đã xác định được bằng cách dựa vào lời khai. Ta cũng biết rằng từ lúc Longstreet đặt chân lên xe, các cửa đi và cửa sổ xe vẫn luôn ở tình trạng đóng kín, trừ hai trường hợp ngoại lệ mà tôi sẽ đề cập ngay đây. Có một điều cũng rõ ràng không thể tranh cãi ấy là, tên sát nhân hẳn là kẻ nằm trong số những người có mặt trên xe mà sau đó đã được ngài thanh tra khám xét; vì từ lúc Longstreet và nhóm người của gã lên xe, không ai rời khỏi xe ngoại trừ một người duy nhất, và người này ra khỏi xe bằng chính mệnh lệnh của trung sĩ Duffy rồi sau đó đã quay trở lại.

“Ta cũng biết từ việc lục soát kỹ lưỡng toàn bộ những người đi xe, kể cả nhân viên lái xe và nhân biên bán vé, đều không tìm thấy có chiếc găng nào trong người họ dù là trên xe hoặc ở các gian phòng nơi những người này sau đó được thẩm vấn ở nhà đậu xe; và các ngài hẳn còn nhớ rằng suốt đoạn đường từ chỗ ra khỏi xe đến những gian phòng đó họ đều phải đi giữa hai hàng rào cảnh sát và thám tử, và những nhân viên này sau đó đã lục xét đoạn đường này mà vẫn không thấy gì. Ngài thanh tra, có lẽ ngài vẫn còn nhớ rằng sau khi nghe ngài tường thuật xong sự việc tôi đã hỏi ngài cụ thể là liệu có tìm ra chiếc găng nào giữa những thứ khác hay không; và câu trả lời của ngài là không.

“Nói cách khác: Mặc dù tên sát nhân vẫn còn trên xe điện, đã có chuyện bất thường xảy ra với một đồ vật, mà chắc hẳn đã được dùng để thực hiện

tội ác, nhưng lại không bị tìm thấy sau khi thực hiện tội ác đó. Nó không thể nào bị ném qua cửa sổ; không cửa sổ nào được mở ra ngay cả trước khi nhóm người Longstreet lên xe. Không thể nào nó bị ném qua cửa đi, vì sau khi án mạng xảy ra Duffy đã đích thân mở, đóng các cửa đi khi sử dụng chúng và đã chú ý không thấy xảy ra chuyện gì đại loại như thế, bằng không ông ấy hẳn đã đề cập đến rồi. Chiếc găng cũng không thể bị tiêu hủy hoặc cắt vụn, vì nếu vậy đã sót lại vài tàn tích nào đấy. Cho dù nó có được chuyển sang một kẻ đồng lõa chẳng nữa, hoặc bí mật nhét vào túi một người vô can chẳng hạn, thì nó ắt đã được tìm thấy rồi; vì kẻ đồng lõa cũng chẳng có lối nào thủ tiêu nó tốt hơn tên sát nhân, hoặc ở trường hợp nó nằm trong mình một người vô can thì cũng đã bị phát hiện trong quá trình khám xét diễn ra sau đấy.”

“Vậy thì cái găng tay ma quái ấy biến đi đường nào?” Drury Lane khoan khoái nhấp một ngụm cà phê từ chiếc cốc tỏa hơi nghi ngút, vừa được Falstaff mang ra phục vụ chủ nhân cùng các vị khách. “Thật tình mà nói trí tò mò của tôi lúc ấy đã bị kích thích thật sự. Nói đến sự huyền diệu, ngài Bruno ạ, vậy thì đây quả là điều huyền diệu với tôi; nhưng vốn là kẻ có phần hoài nghi, tôi tiếp tục lý giải sự biến mất tăm này là do có người làm bằng cách thức nào đấy. Vì tôi đã loại trừ tất cả, chỉ còn một cách thức thủ tiêu duy nhất; theo quy luật logic thông thường, cái cách thức còn lại cuối cùng này vì thế phải là biến mất bằng trung gian. Nếu chiếc găng ấy không thể nào bị ném ra khỏi xe điện, ấy thế mà nó đã ra khỏi chiếc xe điện ấy, vậy thì nó chỉ có thể nằm trên người kẻ nào đấy đã ra khỏi chiếc xe điện ấy. Mà lúc ấy chỉ có một người rời khỏi xe mà thôi. Đó là gã nhân viên bán vé, Charles Wood, được trung sĩ Duffy phái đi gọi cảnh sát Morrow và thông báo cho trụ sở cảnh sát về tấn bi kịch. Khi Cảnh sát Sittenfield từ vị trí trực giao thông đại lộ Thứ Chín chạy đến, đích thân Duffy mở cửa cho anh ta, và anh ta đã ở yên trong xe. Cảnh sát Morrow cũng vậy, khi anh ta cuối cùng đã có mặt theo thông báo khẩn cấp của nhân viên bán vé Wood. Nói khác đi, trong khi hai yếu tố con người, đều là cảnh sát, lên xe sau khi án mạng xảy ra, không còn ai khác ngoài Charles Wood xuống xe sau khi án



mạng xảy ra. Tất nhiên, việc gã quay trở lại thì không liên quan gì đến quá trình lập luận này.

“Vậy nên tôi buộc phải đi đến kết luận: Nghe ra vừa vô lý, vừa điên rồ lại vừa nóng vội, chính Charles Wood, gã nhân viên bán vé trên xe điện, đã mang chiếc găng ấy ra khỏi hiện trường tội ác và thủ tiêu nó. Cố nhiên lúc đầu tôi đã cho đây là một ý nghĩ kỳ quặc; nhưng mạch lý lẽ càng lúc càng vững chắc và quả quyết đến mức tôi buộc phải chấp nhận kết luận này.”

“Thật vô cùng tuyệt diệu,” ngài công tố viên thốt lên.

Lane cười nói tiếp. “Thế thì Charles Wood, người mang chiếc găng tay ra khỏi xe điện và thủ tiêu nó, hoặc là thủ phạm sát nhân, hoặc là kẻ đồng lõa của tên sát nhân đang lẩn khuất trong đám đông hành khách, và đã nhận lấy chiếc găng từ tên này để thủ tiêu.

“Có lẽ các ngài còn nhớ rằng lúc kết luận câu chuyện của thanh tra Thumm, tôi có nói rằng phương thức hành động thì đã rõ ràng, nhưng lại tránh không nói rõ. Lý do là bấy giờ tôi không thể biết chắc liệu Wood có đúng là tên sát nhân hay không; bao giờ cũng tồn tại khả năng gã là kẻ đồng lõa. Nhưng dù là theo khả năng nào chẳng nữa, tôi vẫn tin chắc về sự phạm tội của gã, vì giả như Wood bị tên sát nhân lén bỏ chiếc găng tay vào túi mà gã không hề hay biết - nghĩa là, nếu Wood quả thực vô can với tội thông đồng cố ý - thì lúc khám xét người ta lẽ ra đã tìm thấy chiếc găng tay ấy trên người gã, hoặc Wood lẽ ra đã tự mình phát hiện và báo với cảnh sát rồi. Nói khác đi: Vì chiếc găng tay không hề được gã nói ra hoặc tìm thấy trên người gã, vậy nghĩa là gã đã cố tình thủ tiêu nó lúc rời xe điện đi gọi cảnh sát Morrow. Đây là sự phạm tội, dù là gã thủ tiêu chiếc găng ấy cho chính mình hay cho kẻ nào khác.”

“Rất - rất rõ ràng.” Thumm khẽ nói.

Lane từ tốn nói tiếp, “Có một kiểm tra về khía cạnh tâm lý cần thực hiện đối với biểu hiện phạm tội của Wood xét về mặt logic. cố nhiên là gã không thể nào dự liệu trước việc mình được biểu không một cơ hội để rời khỏi chiếc xe điện và thủ tiêu chiếc găng. Không, gã chắc hẳn đã đặt lên bàn cân những cơ may của mình và chấp nhận khả năng người ta có thể tìm thấy



chiếc găng trên người gã nếu như có một cuộc khám xét diễn ra, và rằng gã chẳng có cơ hội để ném nó đi. Nhưng đây là một trong những yếu tố quý quý nhất trong ý đồ của tên sát nhân! Vì cho dù chiếc găng có được tìm thấy trên người Wood chẳng nữa, hoặc ngay như trường hợp chẳng có chiếc găng nào khác được tìm thấy trên xe, như thực tế điều này đã diễn ra, gã vẫn hoàn toàn yên tâm chẳng sợ nghi ngờ gì; lý do là, người ta xem chuyện một nhân viên bán vé trên xe điện dùng đến găng tay để thực hiện nhiệm vụ của mình là điều bình thường, kể cả đang lúc mùa hè nóng nực, khi những người bình thường khác không ai lại mang găng hoặc mang găng theo bên mình. Ở vị trí là người bán vé, suốt ngày phải cầm tiền, gã có lợi thế tâm lý vì biết rằng việc gã có một chiếc găng trên người là lẽ đương nhiên. Mạch lập luận củng cố thêm này cũng giúp tôi tin rằng, ý kiến ban đầu của mình về chiếc găng tay là tuyệt đối chắc chắn; vì nếu Wood đã không thể liệu trước cơ hội để thủ tiêu vật bao bọc bàn tay, gã hẳn là sẽ dùng đến thứ bình thường nhất, một chiếc găng tay. Nếu dùng khăn tay thì sẽ bị phát hiện có chất độc dính vào.

“Một điểm nữa, Wood không lý gì lại sắp đặt tội ác của gã phải lúc trời mưa, một điều kiện thời tiết mà sẽ buộc gã phải đóng hết cả cửa sổ lẫn cửa lên xuống xe; thay vào đó gã hẳn phải lập kế hoạch ra tay lúc trời tạnh ráo. Thời tiết khô ráo sẽ cho phép gã có thừa cơ hội để thủ tiêu chiếc găng tay chỉ bằng cách ném qua một ô cửa sổ hay cửa lên xuống đang mở, và cảnh sát chắc chắn sẽ lập luận - gã có thể yên chí điều này - rằng chiếc găng tay có thể là do ai đó trên xe ném xuống. Thời tiết khô ráo cũng là điều kiện mà hành khách sẽ lên xe và có lẽ xuống xe dọc đường thường xuyên, vì vậy cảnh sát sẽ phải xét đến khả năng tên sát nhân đã thoát đi từ trước. Vậy thì, có gì gã lại chọn lúc trời mưa để giết Longstreet, khi mà thời tiết khô ráo sẽ giúp hành động của gã diễn ra suôn sẻ hơn? Điều này nhất thời khiến tôi bối rối; nhưng sau một chút tập trung, tôi đã thấy cái buổi tối đặc biệt hôm ấy dù mưa hay không, thì cũng đã ban tặng cho tên sát nhân một cơ hội gần như có một không hai; đấy chính là việc cùng đi với Longstreet còn có cả đám đông bạn bè, nghĩa là bất cứ ai trong số họ cũng đều có thể bị trực tiếp

nghe ngờ. Có lẽ cái vận may khó tin của hoàn cảnh này trong một thoáng đã khiến hẳn quên tính đến những rắc rối mà thời tiết khắc nghiệt sẽ mang đến.

“Là người bán vé, hẳn nhiên gã có đến hai lợi thế mà một tên sát nhân nào khác hẳn là không có. Thứ nhất, như ai nấy đều biết, chiếc áo mặc ngoài của nhân viên bán vé có những chiếc túi lót da để chứa tiền lẻ; và một trong những chiếc túi ấy là đủ để vừa đảm bảo an toàn tuyệt đối cho chính gã vừa cất giữ cái món hung khí ấy thật tiện lợi cho đến khi gã sẵn sàng dùng đến. Có lẽ dễ đến hàng tuần liền, gã đã cất giữ cái nút bần có gai tằm độc ấy thường xuyên trong túi. Thứ nhì, là người bán vé trên xe điện nên gã có thể chắc chắn sớm muộn gì cũng có dịp thả cái món hung khí ấy vào túi nạn nhân, vì đối với những xe điện thuộc loại xe chạy tuyến Crosstown phố Thứ Bốn Mười Hai, người nào lên xe đều cũng phải đi ngang qua nhân viên bán vé trên xe cả. Việc này thậm chí càng thuận lợi hơn vào giờ cao điểm khi có rất đông hành khách chen lấn nhau ở sàn lên xuống phía sau. Khi xem xét về sự phạm tội của Wood, xem ra với tôi còn có thêm hai điều củng cố bổ sung thêm xét về bản chất tâm lý...”

“Thật phi thường,” ở điểm này Bruno thốt lên. “Hoàn toàn phi thường, ngài Lane ạ. Vì lời thú nhận của Stopes giống hệt với lý giải của ngài đến từng chi tiết, và tôi biết chắc ngài chẳng hề có lấy một cuộc đàm luận với y. Cụ thể là ở chỗ, Stopes cho biết y đã tự mình chế ra cái nút bần có gai ấy, rồi mua độc tố đúng như cách mà bác sĩ Schilling đã giả định hết sức thông minh trong biên bản pháp Y của ông ấy - nghĩa là từ một loại thuốc trừ sâu bày bán phổ biến ngoài thị trường rồi làm bay hơi cho đến khi chỉ còn lại một khối kết dính chứa tinh chất nicotine đậm đặc; lúc ấy y chỉ việc nhúng những đầu mũi kim vào cái chất kết dính ấy và thế là y đã có thứ mình cần. Y bỏ cái thứ hung khí ấy vào túi Longstreet đang lúc Longstreet bị kẹt ở sàn lên xuống phía sau, chờ trả tiền vé cho nhóm của gã và nhận tiền thối lại. Y cũng nói để xác nhận thêm rằng, thực ra y có ý giết người này vào một buổi tối thời tiết tốt đẹp nào đấy, nhưng khi thấy Longstreet xuất hiện cùng với cả nhóm với nhau như vậy, y không thể cưỡng lại sự ham muốn

lôi kéo những bạn bè lẫn kẻ địch của Longstreet thành nghi can, bất chấp lúc ấy trời đang mưa.”

“Sự chiến thắng của ý thức quyết định vật chất, theo cách giáo sư người ta nói vậy.” Thumm xen vào.

Lane mỉm cười. “Quả là lời khen tặng phong nhã từ một người vốn nhận mình đứng về vật chất, thưa ngài thanh tra...Ta tiếp nhé. Vậy nên, các ngài thấy đấy, rằng kết thúc câu chuyện các ngài thuật lại với tôi, tôi đã chắc chắn về tội a tòng của Wood, nhưng nếu hỏi liệu gã có phải là tên sát nhân hay chỉ là một kẻ đồng lõa mà thôi, hay là một công cụ cho kẻ thứ hai vô danh nào đấy thì tôi không biết. Tất nhiên, đấy là chuyện trước khi xuất hiện lá thư nặc danh.

“Nói đến lá thư, điều không may là không ai trong chúng ta biết được Wood là tác giả lá thư ấy, và đến khi nhờ so sánh nét chữ mà chúng ta thực sự khám phá ra việc này thì lúc ấy đã là quá muộn để ngăn ngừa tấn bi kịch thứ nhì. Lúc nhận được lá thư, nó có vẻ như đấy là sự thông tin của một nhân chứng vô can, người đã tình cờ biết được sự việc dù quan trọng nhưng nguy hiểm ấy và có ý định báo cảnh sát bất chấp rủi ro đối với mạng sống của mình. Khi sau này tôi thấy rằng chính Wood, người mà tôi biết không phải là một nhân chứng vô can, đã viết lá thư ấy, việc đưa lá thư ra phân tích chỉ có thể mang ý nghĩa: Một, nếu gã chính là tên sát nhân, gã đang cung cấp cho cảnh sát một dấu vết giả để đánh lạc hướng khỏi chính gã bằng cách ngụ ý mình là người vô can; hai, nếu chỉ là kẻ đồng lõa, thì hoặc là Wood có ý khai báo tên sát nhân thực sự, hoặc là gã làm theo sự xúi bẩy của tên sát nhân thực sự ấy, với ý đồ đổ tội cho một người vô can nào đấy.”

“Thế nhưng có điều không ổn ở đây. Chính Wood đã bị giết.” Lane chạm những đầu ngón tay vào nhau rồi lại nhắm mắt. “Vì sự đảo lộn này, tôi đành phải xóa bỏ những gì đã suy luận và phân tích lại từ đầu hai lý giải vừa nêu về lá thư. Rắc rối lớn nhất ở đây là: Nếu Wood là tên sát nhân giết Longstreet (không phải là kẻ đồng lõa), vậy thì có gì chính gã cũng bị giết chết trên con phà *Mohawk* ấy, và ai là người đã giết gã?” Lane mỉm cười nhớ lại. “Vấn đề này đã làm nảy sinh nhiều suy nghĩ thú vị. Vì tôi thấy

ngay có ba khả năng: Một, Wood là tên sát nhân, nhưng gã cũng có tông phạm và kẻ tông phạm ấy đã giết gã - ở trường hợp này, kẻ tông phạm ấy sợ Wood hoặc là có ý định đổ cho hắn tội giết chết Longstreet, hoặc tiết lộ ra hắn chính là kẻ chủ mưu dù không trực tiếp giết người. Hai, Wood hành động một mình không có tông phạm, gã đang có ý định đổ lỗi cho một người vô can, và bị người vô can này giết chết. Ba, Wood bị một kẻ vô danh giết chết vì những lý do không dính dáng gì đến vụ án mạng Longstreet.”

Lane lại tiếp. “Tôi đặt từng khả năng ra phân tích hết mọi lẽ. Trường hợp đầu tiên - khó thể xảy ra. Vì nếu kẻ tông phạm ấy sợ Wood có ý đồ tội cho hắn là đã giết Longstreet, hay sợ Wood tiết lộ hắn là kẻ chủ mưu của tội ác đó, việc để Wood sống vẫn có lợi hơn cho hắn; vì ở đây tôi đang giả định Wood chính là kẻ ra tay giết người. Giả sử có bị âm mưu đồ tội, kẻ tông phạm vẫn có thể đá ngược sự phạm tội trở lại cho Wood; xét rằng, nếu hắn giết Wood, vô hình chung hắn đang biến chính mình thành tên sát nhân, ngoài việc đang là kẻ tông phạm vào vụ giết người ban đầu, và trong trường hợp này sẽ vừa ít có cơ may hơn cho việc thoát khỏi trừng phạt vừa không còn dịp nào để biện lời khai trước tòa hòng được giảm án hoặc thoát tội.

“Trường hợp thứ hai - tượng tự, khó có thể xảy ra. Vì trước hết, đương sự vô can có lẽ không làm sao biết trước chuyện Wood có ý định đồ tội cho ông ta bằng thủ đoạn báo cảnh sát rằng đương sự vô can là kẻ giết Longstreet; và thứ hai, dẫu có biết chẳng nữa, ông ta không lý nào giết người để bảo vệ mình không bị vu khống tội giết người.

“Trường hợp thứ ba, rằng Wood bị một kẻ vô danh giết vì những lý do không được biết, là có thể xảy ra. Thế nhưng đây là một trường hợp khác biệt, vì nó sẽ kéo theo một sự trùng hợp lạ lùng - sự kề cận nhau giữa những động cơ chẳng liên quan gì đến nhau.”

“Ở đây đã xảy ra một sự việc khác thường, thưa các ngài.” Lane nhìn vào lò sưởi một lát, rồi lại nhắm mắt. “Từ sự phân tích này, và do tôi đang đeo đuổi công việc điều tra theo đường lối logic tuyệt đối, tôi buộc phải kết

luận rằng lý giải này là sai - rằng Wood bản thân không phải là tên sát nhân giết Longstreet. Ba khả năng mà tôi đã xem xét đều là khó có thể xảy ra - hầu hết đều không thỏa đáng.

“Vậy là tôi cho phép mình quay lại chiều hướng lập luận ban đầu của mình. Tôi kiểm tra sự giải thích khả dĩ thứ nhì - rằng Wood không phải là tên sát nhân đã giết Longstreet mà là kẻ đồng lõa của tên sát nhân, rằng bằng vào lá thư ấy gã có ý định khai báo tên sát nhân thực sự. Theo phỏng đoán này thì sự việc Wood bị mưu sát sau đó là có thể hiểu được. Nó lý giải rằng tên sát nhân thực sự ấy đã phát hiện ý định phản thù của Wood, và giết Wood để bịt miệng không cho gã hé lộ nhân dạng của hắn. Một suy luận logic hoàn hảo, và không có điểm nào cho thấy tôi bị mắc lỗi ở đây.

“Thế nhưng tôi vẫn chưa thoát khỏi cái mớ bùng nhùng giữa những lý lẽ; quả tình tôi đang trở nên ngày càng bị sa vào vũng lầy của sự lập luận. Vì, nếu giả thiết này là đúng, tôi sẽ phải tự đặt ra câu hỏi khác: Tại sao Wood, một kẻ đồng lõa và vì vậy có tiếp tay vào án mạng Longstreet, lại tìm đến cảnh sát với câu chuyện phản bội của gã? Nếu tiết lộ nhân dạng tên sát nhân, gã cũng không mong gì che giấu được phần tham gia của chính mình trong vụ việc; hoặc là gã buộc phải khai ra việc này khi cảnh sát thẩm vấn, hoặc tự tên sát nhân do bị bắt sẽ khai ra để trả thù. Vậy thì tại sao, vì lý do gì, bất chấp nguy hiểm nhất định đối với chính mình, Wood lại chọn tiết lộ nhân dạng tên sát nhân? Câu trả lời duy nhất - dù hợp lý nhưng không thỏa đáng về mặt nào đấy - là, do hối hận hoặc e sợ hậu quả của tội đồng lõa của mình trong vụ án mạng Longstreet mà gã có ý định tự bảo vệ mình bằng cách khai báo với hy vọng sẽ được giảm hoặc xóa tội.

“Tại điểm này của sự theo đuổi dòng lập luận, đã không có vấn đề gì về sự chọn lựa giữa các khả năng có thể xảy ra. Giải thích hợp lý nhất đối với vụ án mạng của Wood, bất chấp lá thư của gã gửi đến cảnh sát và sự phạm tội của chính gã liên quan đến vụ án mạng Longstreet, đấy là gã bị tên sát nhân thực sự giết chết vì đã có ý định trở mặt phản bội.”

Lane thở dài rồi duỗi chân gần hơn đến vỉ lò. “Ở trường hợp nào chẳng nữa, phương thức hành động của tôi vậy là đã rõ, thực ra cũng chẳng còn

cách nào khác; tôi phải điều tra về cuộc sống và lai lịch của Wood mong tìm ra một manh mối nào đấy về nhân dạng của kẻ mà gã đã làm đồng lõa cho hắn - kẻ mà bản thân hắn chính là tên sát nhân, nếu như ở đây có hai tên tội phạm tham gia vào chứ không phải một.

“Cuộc điều tra này đã mang đến một bước ngoặt cho vấn đề khúc mắc của tôi. Rõ ràng đầu tiên là không có kết quả, gần như tình cờ một lĩnh vực mới đã mở ra, và tôi kinh ngạc với những gì... Nhưng thôi, để tôi bắt đầu câu chuyện theo đúng trình tự của nó. Ngài thanh tra, chắc ngài còn nhớ rằng tôi đã mạo phép làm một điều đáng trách là đóng giả ngài đi đến ngôi nhà ở trọ của Wood tại Weehawken. Tôi không có ý làm Machiavelli; chỉ là khoác lên mình thân phận và thẩm quyền của ngài, tôi có thể theo đuổi đường lối điều tra mà không bị ngăn trở bởi sự cần thiết phải đưa ra lời giải thích. Tôi đã không biết thực sự mình cần phải tìm kiếm cái gì và tìm ở đâu, tôi khám xét kỹ lưỡng gian phòng, mọi thứ tôi tìm thấy đều hợp lý đến độ hoàn hảo, từ những điều thuốc lá xì gà, mực và giấy viết, cuốn sổ tiết kiệm. À, thưa các ngài, quả là đã có điểm tinh quái của Wood! Gã thực sự để lại một cuốn sổ tiết kiệm và hy sinh cái chắc hẳn với gã là một món tiền đáng kể, chỉ cốt sao góp phần vào sự tráo đổi của gã. Tôi đến ngân hàng; số tiền là có ở đấy, chưa hề đụng gì đến, mức gửi tiền là đều đặn như nhau và hoàn toàn không bộc lộ bất cứ điều gì đáng ngờ. Tôi hỏi thăm những người bán hàng trong vùng, cố gắng tìm ra điều gì đấy, bất cứ gì mà có thể tiết lộ chỉ ít là manh mối về một sự bí mật có thể có liên quan đến cuộc sống của gã đàn ông này, hay về ai đó mà có thể đã thấy gã. Không có gì, hoàn toàn không có gì. Tôi tìm đến những bác sĩ và nha sĩ trong vùng, và điểm này đã khiến tôi chú ý. Rõ ràng gã đàn ông này chưa bao giờ đến khám bệnh ở bất cứ ông thầy thuốc nào. Tôi tự hỏi tại sao, rồi nhớ rằng gã có thể khám bệnh đâu đó bên New York - một chủ hiệu thuốc đã gợi ý khả năng này - tôi tạm thời gạt bỏ sự hoài nghi thoáng qua ấy.

“Khi tôi đến gặp viên giám đốc nhân sự của công ty xe điện, vẫn là truy tìm dấu vết của điều mà tôi không biết là cái gì, thì hoàn toàn tình cờ tôi phát hiện ra một sự việc kỳ lạ, không thể nào tin được, nhưng lại là một sự



việc gây tò mò ngày càng nhiều hơn. Các ngài chắc còn nhớ trong biên bản pháp y về thi thể của người đàn ông bị giết trên phà *Mohawk*, kẻ được nhận dạng là Wood, có đề cập đến chi tiết là một vết sẹo ruột thừa hai năm tuổi. Thế nhưng, lúc kiểm tra hồ sơ công ty về quá trình làm việc của Wood và nói chuyện với viên giám đốc, tôi phát hiện rằng Wood làm việc vào tất cả những ngày làm việc trong suốt năm năm qua cho đến lúc bị án mạng, mà không hề có lấy một dịp nghỉ nào cả.”

Giọng của Lane rung lên dồn dập; Bruno và Thumm ngả người về phía trước, bị cuốn hút vào sự hân hoan hiện trên nét mặt của người kịch sĩ. “Mà nhân danh những vị thánh bảo hộ sân khấu kịch, làm thế nào có thể có chuyện Wood được phẫu thuật ruột thừa đã hai năm tính đến thời điểm cái chết của gã mà lại đi làm đều đặn hàng ngày vào tất cả những ngày làm việc suốt năm năm qua trước khi chết? Ai cũng biết rằng một ca phẫu thuật ruột thừa đòi hỏi bệnh nhân phải nằm viện ít nhất mười ngày - mà thực tế thông thường bao giờ cũng lâu hơn thế, hầu hết người bệnh đều phải nghỉ ngơi trong thời gian từ hai đến sáu tuần.

“Câu trả lời cũng cương quyết chẳng khác gì tham vọng của phu nhân Macbeth - một sự trái ngược mà chứng minh hai năm rõ mười rằng cái xác mà người ta tìm thấy và cho là xác của Wood - cái xác có vết sẹo mổ ruột thừa hai năm tuổi hoàn toàn không phải là của Wood. Nhưng điều này có nghĩa - và mắt tôi đã trở lên đến mức nào trước sự tình vừa khám phá ra ấy - rằng Wood không bị giết, rằng một nỗ lực có tính toán đã được thực hiện để làm nó có vẻ như gã đã bị giết; nói cách khác, rằng Wood vẫn còn sống.”

Giữa sự im lặng như tờ tiếp theo, Thumm thở phào với vẻ phấn khởi giả tạo đến kỳ quặc; và Lane mỉm cười tiếp tục trong sự đeo đuổi dòng suy tưởng. “Ngay lập tức, toàn bộ những yếu tố của vụ án mạng thứ nhì đã tự chúng sắp xếp lại thành hàng trật tự. Sự việc không thể chối cãi rằng Wood vẫn còn sống cho thấy, lá thư mà gã gửi đi bằng bút tích của mình là một trò che mắt; rằng ý đồ của nó là để chuẩn bị trước cho cảnh sát về vụ án mạng rành rành của Wood; rằng ngay từ đầu nó không hề có ý định tiết lộ

nhân dạng của bất cứ ai với tư cách là tên sát nhân đã giết Longstreet; rằng cảnh sát, tìm thấy Wood đã chết sau khi gã hứa tiết lộ nhân dạng tên giết người, chỉ có thể tin rằng tên sát nhân này đã giết Wood để vĩnh viễn bịt miệng gã; vậy là theo cách này Wood tự xóa mình ra khỏi hiện trường tội ác, làm cho mình trông như một kẻ vô can bị giết bởi một tên sát nhân cho đến giờ vẫn không biết là ai. Lá thư và sự lừa gạt về nhân dạng của xác chết ở dưới nước vì thế là cách thông minh để khiến cho cảnh sát hoàn toàn bị mất dấu kẻ tội phạm thực sự, chính là Wood.

“Vậy thì điều luận ra vô cùng quan trọng này đã mở ra những kênh nào khác cho sự suy đoán! Lý do gì Wood tự xóa mình ở vụ án mạng thứ hai, đây là: gã phải biến mất. Điều này sẽ trở nên rõ ràng khi chúng ta tiến đến vụ án mạng thứ ba, ở đó gã tiên liệu khả năng mình được gọi làm nhân chứng trong vai Edward Thompson. Đồng thời ở vụ án mạng thứ nhất gã cũng được gọi làm nhân chứng cùng với nhiều người khác với tư cách là Charles Wood - vậy thì thế nào gã lại có thể khoác hai thân phận cùng một lúc và ở cùng một nơi? Một điểm khác: Kế hoạch tự xóa mình của Wood thực ra là một phát trúng hai đích - gã không chỉ tự giết mình trong vai Charles Wood, gã còn giết cả một kẻ vô danh nào đấy - người mà xác của hắn ta được tìm thấy ở bến phà trong y phục của Wood.

“Tiếp tục theo mạch cuối cùng này. Cái cơ thể được cho là của Wood có vết sẹo khác thường ở một bên bắp chân, và có mái tóc đỏ; những nét đặc biệt khác thì đã bị cắt vụn và dập nát đến mức không còn nhận diện được nữa. Chúng ta biết rằng Wood có mái tóc đỏ và, theo lời của nhân viên lái xe điện Guinness, Wood có một vết sẹo như thế trên chân của gã. Nhưng cái xác được tìm thấy không phải là của Wood. Mái tóc đỏ còn có thể là một sự trùng hợp, song những vết sẹo về lý là không thể. Vết sẹo của Wood vì vậy chắc hẳn là sẹo giả - và đã được làm giả như thế suốt thời gian ít nhất đến năm năm, là khoảng thời gian mà gã làm việc cho công ty xe điện, vì ngay sau khi gã đi làm trên xe điện gã đã khoe vết sẹo ấy với Guinness. Nghĩa là gã sắp đặt cho mình giống hệt vẻ bề ngoài của người mà gã sẽ giết chết trên con phà *Mohawk*, ít nhất là ở hai đặc điểm - mái tóc và vết sẹo - để khi cái



xác được tìm thấy, nó xem ra là xác của Wood mà không bị thối rữa gì. Nghĩa là kế hoạch của tội ác trên con phà chắc hẳn đã được trù liệu cách đó ít nhất là năm năm. Nhưng vì tội ác trên con phà là kết quả từ vụ án mạng Longstreet, vậy nghĩa là vụ án mạng của Longstreet chắc hẳn cũng đã được mưu tính trước đó năm năm hoặc lâu hơn.

“Một kết luận khác: Vì Wood lên phà có người thấy và, như suy luận, không phải là kẻ bị giết, gã chắc hẳn đã thoát khỏi phà bằng cách hóa trang. Gã đâu chừng có thể là một trong những người đã xuống phà trước khi Thumm ra lệnh phong tỏa hành khách, hoặc...”

“Trên thực tế,” Bruno ngắt lời, “giả thiết tương ứng của ngài đã đúng. Thực ra thì y nằm trong số những người đã được giữ lại trên phà. Stopes bảo y chính là Henry Nixon, người bán đồ kim hoàn.”

“Nixon à?” Lane nói khẽ. “Rất thông minh. Người này lẽ ra phải là một nghệ sĩ diễn kịch mới phải - gã quả có một năng khiếu bẩm sinh về việc giả dạng thành thân phận của người khác. Tôi vốn không hề biết sau khi gây án mạng Wood có còn trên phà hay không, nhưng giờ đây ngài cho biết gã sắm vai Nixon người bán hàng, các tình tiết bỗng ráp nối vào nhau thật rõ ràng. Trong vai Nixon người bán hàng gã mang khỏi phà chiếc túi xách rẻ tiền mà gã đã mang lên phà với tư cách là Wood nhân viên bán vé xe điện. Gã cần chiếc túi xách ấy vì cần phải mang theo đồ hóa trang làm người bán hàng, một vật cùn để đánh nạn nhân bất tỉnh, những hòn chặn để nhấn chìm quần áo của nạn nhân xuống lòng sông.... Quả thực rất thông minh. Là người bán hàng lưu động, nhờ có bị điều tra sơ lược, việc gã không có địa chỉ cố định và chuyện gã vắng mặt vào những giờ giấc bất thường sẽ được chấp nhận vì đây là chuyện thường tình ở nghề nghiệp như gã. Hơn nữa, bằng cách giữ lại cái túi xách, bên trong cũng đã đựng sẵn đồ nữ trang rẻ tiền - phần gã thì mặc y phục người bán hàng, sau khi đã ném đi áo quần của nạn nhân cùng những hòn chặn và cả vật cùn dùng để đánh người - gã đã làm vai diễn của mình thật tự nhiên và đầy sức thuyết phục. Gã thậm chí đã đi xa đến mức, theo tôi nhớ lại, có cả những đơn hàng để trắng in sẵn cái tên ngụ tạo của gã, và chuẩn bị sẵn một chỗ trọ, nơi gã được biết đã thi

thoảng dừng chân trong quá khứ. Thân phận Nixon của gã cũng lý giải chuyện Wood vừa mua một cái túi xách mới, vì dưới cái lốt người bán hàng gã không thể mang khỏi phà cái túi xách cũ, mà khi nhìn vào tất có người dễ dàng nhận ra đấy vốn là túi xách của Wood. Gã thậm chí còn tinh vi đến độ làm cái túi xách cũ thành sắt quai để mẹo lừa trở nên hoàn hảo. Xét cho cùng, phải nói rằng đây quả là một cách thức kỹ lưỡng tài tình, mà gã chuẩn bị cho trường hợp không thể thoát ra khỏi con phà trước khi cảnh sát phong tỏa mọi người; vì tất nhiên gã không thể thấy trước cơ hội chuồn đi trước khi sự việc được tri hô, hoặc không muốn mạo hiểm việc này trong kế hoạch của mình.”

“Ngài Lane à,” Thumm nói khẽ. “Hồi nào giờ tôi mà nghe được chuyện gì đại loại như vậy thì cứ bảo tôi đừng là tôi nữa. Thú thật với ngài, ban đầu tôi cho rằng ngài chẳng qua chỉ là lão già hết thời đang tự huyễn hoặc lấy mình. Nhưng thế này thì... Lạy chúa tôi, đây quả không phải là người thường!”

Bruno liếm cặp môi mỏng. “Tôi đồng tình với anh, Thumm ạ, vì như tôi giờ đã biết toàn bộ câu chuyện, mà tôi vẫn chưa hình dung được làm thế nào ngài Lane lại đến được thành công với vụ án mạng thứ ba ấy.”

Lane đưa một bàn tay trắng ngà lên trời; ông cất tiếng cười thật sáng khoái. “Làm ơn đi, các ngài làm tôi bối rối đấy. Về vụ án mạng thứ ba - tôi vẫn còn chưa xong với vụ thứ nhì! Vì đến điểm này tôi tự hỏi: Phải chăng Wood vẫn chỉ là một kẻ đồng lõa, hay y đích thị là tên sát nhân? Trước khi khám phá ra cái thi thể ở bến phà không phải là của Wood, các dấu hiệu đều chỉ về đầu. Giờ thì con lắc lại đánh ngược sang về sau.

“Về phương diện tâm lý, có ba lý do rõ rệt giải thích cho giả định cũ bây giờ được xét lại, rằng chính Wood là người đã giết Longstreet.

“Thứ nhất: Suốt năm năm trời Wood đã làm cho mình mang những đặc điểm nhất định của một kẻ vô danh nào đó để chuẩn bị cho việc gây án mạng với người này - rõ ràng đây là hành động của một tên sát nhân trực tiếp, không phải một công cụ đơn thuần.

“Thứ nhì: Việc gửi lá thư cảnh báo và sự lừa gạt cố ý về nhân dạng dẫn đến việc tự xóa bỏ mình của Wood càng cho thấy đây là những dấu hiệu về âm mưu của một tên sát nhân hơn là của một quân tốt thí.

“Thứ ba: Hết thảy mọi sự kiện, hoàn cảnh, mảnh khoe đánh lừa đều được sắp đặt rõ ràng là để đảm bảo sự an toàn của Wood - một lần nữa hiển nhiên đều là những hành động có chủ ý của một nhân vật trung tâm hơn là của một kẻ tiếp tay.

“Trong bất cứ trường hợp nào, hoàn cảnh lúc kết thúc vụ án mạng thứ nhì là như sau: Wood, kẻ đã giết Longstreet và một người vô danh nào đấy, đã tự xóa mình biến mất bằng cách sắp đặt như chính gã bị giết chết, nhưng thực ra thì vẫn còn sống sau khi cố ý để cho DeWitt bị dây dưa vào vụ án này.”

Drury Lane đứng lên kéo sợi dây chuông bên cạnh mặt lò sưởi. Falstaff hiện ra giữa phòng và được lệnh mang thêm một bình cà phê nóng. Lane lại ngồi xuống. “Rõ ràng, câu hỏi kế tiếp là: Tại sao Wood lẽ ra đã gài tội DeWitt với điều xì gà sau khi như gã này lên phà? Vì theo lý thì do Wood là kẻ thủ mưu, bằng cách nào đấy thông qua phương tiện của gã mà DeWitt đã bị lừa lên con phà ấy. Hoặc, vì động cơ mạnh mẽ của DeWitt đối với Longstreet khiến trong mắt cảnh sát gã trở thành nghi can hiển nhiên nhất, hoặc - và đây là điều quan trọng - vì động cơ của Wood đối với Longstreet cũng là động cơ đối với DeWitt.

“Ở trường hợp sau, nếu sự đổ tội thành công và DeWitt bị bắt, xét xử nhưng trắng án, tên sát nhân nhiều khả năng sẽ cố hoàn thành âm mưu đặt ra từ đầu của hắn, đấy là tấn công DeWitt.” Lane vừa đón lấy cốc cà phê mới từ bàn tay mồm mỉm của Falstaff, vừa ra hiệu về phía các vị khách, “Đây là lý do vì sao tôi sẵn lòng để DeWitt bị đưa ra tòa xét xử, dù tôi biết gã vô tội. Chừng nào DeWitt còn nằm trong nguy cơ kết án bởi cách thức pháp lý, gã vẫn sẽ an toàn không sợ gặp phải một cú tấn công nào đó từ Wood. Dễ thấy rằng lúc ấy các ngài đã bối rối vì thái độ kỳ quặc của tôi; đây quả là nghịch lý, đẩy DeWitt vào một nguy hiểm để tạm thời tránh cho gã khỏi một nguy hiểm khác và hiển nhiên hơn. Đồng thời, tôi muốn dành

cho mình lợi thế về một sự tạm nghỉ, một khoảng thời gian yên tĩnh để tôi có thể nghiền ngẫm những suy nghĩ của mình, hòng tìm ra được bằng chứng dẫn đến việc tóm cổ tên sát nhân. Đừng quên tôi chưa hề may mắn biết được Wood đang khoác lên mình hình dạng gì.... Còn có một lợi thế nữa; tôi hy vọng rằng tính chất nghiêm trọng của hoàn cảnh DeWitt đang lâm vào - việc bị đưa sinh mệnh ra trước tòa xét xử - sẽ buộc gã tiết lộ những sự việc mà tôi biết gã đang giấu kỹ, những sự việc mà rõ ràng có liên quan đến gã đàn ông tự gọi mình là Wood ấy, và liên quan đến cả cái động cơ bị che giấu, cái động cơ vẫn còn tăm tối mơ hồ đứng đằng sau tất cả những chuyện này.

“Tuy nhiên, thấy rằng vụ tố tụng đang diễn ra đối với DeWitt đang đẩy sinh mệnh gã vào chỗ hiểm nghèo, tôi buộc lòng phải xen vào và bày ra lý lẽ liên quan đến ngón tay bị thương của DeWitt, dù lúc ấy tôi vẫn chưa tiến triển được gì xa hơn so với trước đó. Thiết nghĩ ở đây cần nói rõ, nếu không có trong tay những tình tiết liên quan đến vết thương của DeWitt, hẳn tôi sẽ không đời nào để ngài truy tố gã; còn nếu ngài khăng khăng cố chấp, ngài Bruno ạ, tôi đành phải nói hết những gì tôi biết mà thôi.”

“Được tuyên trắng án, mối đe dọa đến DeWitt trở thành điều trước mắt cần phải tính đến.” Gương mặt Lane bỗng u ám và giọng nói của ông trở nên bồn chồn. “Từ cái đêm ấy, tôi đã nhiều lần cố tự nhủ rằng mình không có lỗi về cái chết của DeWitt, rõ ràng là tôi đã cẩn thận với mọi chi tiết. Tôi đã sốt sắng nhận lời tháp tùng về tư gia của gã ở Tây Englewood, thậm chí còn dự tính nghỉ lại đêm ở đấy; tôi đã không thể lường trước mình lại có thể hoàn toàn bị qua mắt như thế nào. Để bản thân phần nào nhẹ nhõm, tôi phải thú nhận mình đã không ngờ trước là Wood sẽ tấn công DeWitt vào ngay cái đêm gã đàn ông đáng thương ấy vừa mới được tha bổng trong ngày. Suy cho cùng, vì bấy giờ không biết cái nhân dạng mới mà Wood đang khoác vào, hoặc gã đang ở đâu, tôi cho rằng gã còn phải đợi hàng tuần hoặc thậm chí hàng tháng để có dịp ra tay với DeWitt. Nhưng Wood hóa ra lại là một kẻ cơ hội hơn nhiều so với những gì tôi biết. Gã đã phát hiện dịp may để ra tay vào ngay đêm đầu tiên DeWitt được trắng án, và gã nắm

ngay lấy nó. Bằng dịp may này Wood đã lanh trí hơn tôi, và làm một việc hoàn toàn bất ngờ. Lúc Collins tiếp cận DeWitt tôi không thấy ra được điều gì bất ổn, vì tôi biết Collins không phải là Wood. Nói sao mặc lòng...” - một chút biểu hiện tự trách hiện lên trong đôi mắt sáng của ông - “tôi dứt khoát không thể tự cho là mình đã chiến thắng trong vụ này. Tôi đã không đủ nhạy bén, không hoàn toàn đủ nhận thức trước những hành động tiềm tàng của tên sát nhân. Tôi e rằng mình vẫn là gã săn người nghiệp dư. Nếu tôi còn có cơ hội để điều tra thêm vụ khác ...” Ông buông tiếng thở dài rồi lại tiếp. “Một lý do khác nữa mà tôi ưng thuận lời mời của DeWitt đêm ấy, là vì gã hứa sẽ kể ra những thông tin quan trọng với tôi vào sáng hôm sau. Lúc ấy tôi ngờ - và giờ thì tôi chắc chắn - rằng gã cuối cùng đã có ý muốn kể ra câu chuyện thực về lai lịch của mình, câu chuyện mà Stopes đã kể cho các ngài trong lời thú tội của y, câu chuyện mà, bằng cách lần theo dấu vết của vị khách người Nam Mỹ của DeWitt - tôi cực kỳ là ngài thanh tra chưa hề nghe đến người này - đăng nào thì tôi cũng tìm hiểu. Dấu vết ấy đến lượt nó đã dẫn đến Ajos, viên lãnh sự Uruguay ...”

Bruno và Thumm trở mắt nhìn ông kinh ngạc. “Vị khách người Nam Mỹ? Viên lãnh sự Uruguay?” Thumm lắp bắp. “Lạ thật, tôi thậm chí còn chưa hề nghe đến họ nữa là!”

“Hãy khoan thảo luận việc ấy lúc này, ngài thanh tra ạ,” Lane nói. “Thực ra thì kết quả quan trọng từ việc tôi khám phá rằng, Wood đã biểu diễn sự đánh tráo nhân dạng và vẫn còn sống đấy là, nó vừa thay đổi về những khả năng có thể xảy ra, từ việc Wood chỉ là một kẻ đồng lõa chuyển sang chính gã thực ra lại là tên sát nhân, vừa xoay chuyển những phân đoạn phức tạp về một chuỗi án mạng đã được mưu tính từ nhiều năm trước theo cách giàu tưởng tượng, táo tợn và gần như không chút sơ hở. Mặt khác, tuy đã tin chắc về điều này tôi lại không có lấy ý niệm nhỏ nhất là phải tìm kiếm gã ở đâu. Charles Wood, ở nhân dạng của Charles Wood tôi biết chắc là đã bị xóa ra khỏi bề mặt thế gian này; kế tiếp hẳn sẽ xuất hiện ở thân phận nào thì tôi chỉ có thể đoán mò một cách tuyệt vọng. Nhưng có điều tôi chắc

rằng hắn sẽ xuất hiện, và đấy chính là điều tôi đang chờ đợi. Là điều đã đưa chúng ta đến vụ án mạng thứ ba.”

Lane tự giải lao bằng chiếc cốc tỏa hơi nghi ngút. “Chính sự chóng vánh của vụ án mạng DeWitt, kết hợp cùng những yếu tố nhất định khác, đã chỉ ra rõ rệt rằng đây cũng là tội ác đã được trù liệu kỹ lưỡng từ trước - rất có thể đã được trù liệu cùng lúc với hai tội ác trước đó.

“Đáp án của tôi về vụ án mạng của DeWitt gần như hoàn toàn xoay quanh tình tiết rằng, DeWitt đã mua một cuốn sổ vé năm mươi chuyến mới trước sự có mặt của Ahearn, Brooks và cả tôi trong khi mọi người đang ở bên trong phòng chờ của đường sắt Bờ Tây để chờ chuyến tàu của đêm ấy. Giả sử DeWitt không làm như vậy, không nói được liệu vụ án có bao giờ được đưa đến một kết cục thỏa đáng hay không. Vì, cho dù tôi biết được nhân dạng tên sát nhân giết Longstreet chẳng nữa, tôi cũng không bao giờ biết Stopes sẽ mang cái lối nào để ra tay giết DeWitt.”

“Điểm cơ bản là vị trí của cuốn sổ vé này trên người của DeWitt. Ở nhà ga gã để nó vào túi trên bên trái của áo gilê, cùng với những chiếc vé rời gã mua cho những người khác trong nhóm, Khi gã cùng Collins sau đó đi ra toa xe phía đằng sau, gã lấy ra từ cùng túi trên bên trái ấy của áo gilê những tấm vé rời trao cho Ahearn; và tôi thấy gã không rút cuốn sổ vé mới ra khỏi túi áo gilê ấy. Nhưng khi xác của DeWitt được ngài thanh tra của chúng ta đây lục soát, tôi kinh ngạc để ý rằng, cuốn sổ vé mới ấy không còn ở túi trên bên trái của áo gilê nữa, mà lại nằm ở túi ngực phía trong của áo khoác ngoài.” Lane nhăn nhó mỉm cười. “DeWitt đã bị bắn qua tim. Mũi đạn đâm xuyên qua áo ngoài bên trái, túi trên bên trái áo gilê, áo sơmi và áo lót. Kết luận là sơ đẳng: Tại lúc gã bị bắn cuốn sổ không có ở túi trên bên trái của áo gilê, vì nếu có ở đấy, nó đã có ngay một lỗ đạn bắn, trái lại khi chúng ta tìm thấy thì cuốn sổ vé không bị xuyên lỗ, và quả thực không bị bất cứ dấu vết gì.

“Lập tức tôi đã thắc mắc: Làm thế nào lý giải sự thực rõ ràng rằng cuốn sổ vé đã bị di chuyển từ túi nọ sang túi kia trước khi DeWitt bị bắn?

“Hãy nhớ lại tình trạng của cái xác nhé. Bàn tay trái của DeWitt làm thành một dấu hiệu nào đấy bằng cách ngoắc ngón giữa lên ngón trỏ của gã. Bằng vào sự quả quyết của bác sĩ Schilling rằng DeWitt đã chết tức thì, những ngón tay xếp chồng ấy chỉ ra ba kết luận vô cùng quan trọng: Thứ nhất, DeWitt đã làm dấu hiệu ấy trước khi bị bắn - vì đã không có sự quằn quại giãy chết. Thứ hai, vì gã thuận tay phải mà dấu hiệu ấy lại làm trên tay trái, vậy nghĩa là tay phải của gã đã bận làm gì đấy vào lúc mà gã muốn làm dấu hiệu ấy. Thứ ba, vì dấu hiệu ấy trên tay gã muốn làm được phải dùng sức có sự chú ý, ắt hẳn nó được làm với mục đích rõ ràng có liên quan như thế nào đấy với tên sát nhân.

“Giờ hãy xét kỹ điểm thứ ba. Nếu DeWitt là người mê tín, những ngón tay ấy có lẽ là dấu làm phép để chống lại mắt quỷ dữ, nó có thể ám chỉ một nhận thức rằng gã sẽ bị giết chết, và đấy cũng là một cử chỉ mê tín mang tính bản năng để ngăn ngừa ‘quỷ dữ’. Nhưng con người DeWitt không hề có lấy một tí gì gọi là mê tín. Cái dấu hiệu này, vì thế, được làm ra bằng sự cố ý hẳn hoi, và chắc hẳn không liên quan đến bản thân của gã mà là tên sát nhân đã giết gã. Việc này rõ ràng là hậu quả từ cuộc trò chuyện giữa DeWitt, Brooks, Ahearn và tôi đã xảy ra chỉ vài khắc trước khi DeWitt rời đi cùng Collins. Cuộc đàm luận xoay quanh những ý nghĩ cuối cùng của người sắp chết, và tôi liên hệ đến câu chuyện về một người bị sát hại, trước khi chết đã để lại một dấu hiệu về nhân dạng kẻ sát nhân. Vì thế, tôi cảm giác chắc chắn rằng DeWitt, gã nạn nhân đáng thương, đã chớp lấy hồi ức vừa mới có này và để lại một dấu hiệu cho tôi - ý tôi là cho chúng ta - để ám chỉ nhân dạng tên sát nhân đã giết gã.”

Bruno tỏ vẻ đắc thắng. Thanh tra Thumm nói giọng hồ hởi: “Quả đúng với những gì Bruno và tôi đã hình dung!” Thế rồi gương mặt ông xịu xuống. “Thế nhưng,” ông tiếp, “dù là vậy chẳng nữa... thế quái nào cái đó lại trở vào Wood? Gã là kẻ mê tín à?”

“Ngài Thanh tra, cái dấu hiệu ấy của DeWitt không chỉ vào Wood, hay Stopes, theo ý nghĩa mê tín,” Lane trả lời. “Đúng ra tôi nên bảo các ngài rằng tôi chưa bao giờ tán thành sự giải thích cái dấu hiệu ấy theo ý nghĩa dị



đoan vì nó hoàn toàn vượt quá sự hoang đường. Nó nghĩa là gì thì lúc ấy tôi không nghĩ ra. Thực ra thì điều cần thiết ở đây là tôi phải giải quyết xong vụ án trước khi làm rõ mối quan hệ giữa tên sát nhân và cái dấu hiệu của DeWitt - mối quan hệ mà tôi muốn mặt thừa nhận đã ở ngay trước mắt tôi...

“Dù thế nào chẳng nữa, lý giải hợp lý duy nhất về những ngón tay chồng chéo là chúng ám chỉ thế nào đấy về nhân dạng tên sát nhân. Nhưng hãy nghĩ mà xem! Việc để lại một manh mối về nhân dạng tên sát nhân chứng tỏ DeWitt biết kẻ đó là ai, và biết đến sự tấn công của hắn đủ đến mức để lưu lại một ký hiệu mô tả đích thị về cá nhân này.

“Về mối quan hệ này có một suy luận thậm chí càng mang sức thuyết phục hơn. Vì cho dù bản thân cái dấu hiệu ấy mang ý nghĩa gì chẳng nữa, việc nó xuất hiện trên tay trái chứng tỏ bàn tay phải mà gã thường dùng làm mọi việc, như tôi vừa nói, đã bận việc khác ngay trước khi án mạng. Thế thì việc ấy là việc gì? Hiện trường không có dấu hiệu về một trận ẩu đả; gã có thể dùng tay phải để ngăn đỡ tên sát nhân, nhưng khả năng này khó xảy ra khi gã vừa làm vậ bằng tay phải lại đồng thời làm một dấu hiệu trên tay trái - một dấu hiệu đòi hỏi phải dùng sức có sự chú ý. Vậy thì còn giải thích nào tốt hơn? Tôi đã tự hỏi mình như vậy. Liệu trên cơ thể có bất cứ gì khác mà tự nó gợi lên một giải thích về sự bận rộn của tay phải? Quả là có! - Vì tôi biết rằng cuốn sổ vé đã được di chuyển từ túi này sang túi kia.

“Tôi nhanh chóng xem xét các khả năng có thể xảy ra. Chẳng hạn, ta có thể hiểu rằng chính tay DeWitt di chuyển cuốn sổ lúc nào đấy trước khi án mạng - nghĩa là, sự di chuyển cuốn sổ vé từ túi này sang túi kia không liên quan gì đến bản thân vụ án mạng. Nhưng nếu vậy thì vẫn không lý giải được bàn tay phải của gã đã bận vào việc gì giữa lúc án mạng diễn ra. Tuy nhiên, nếu dùng giả định rằng cuốn sổ vé đã được di chuyển tại lúc án mạng, tôi đã lý giải tất cả trong một, trực tiếp làm rõ lý do vì sao tay phải đã bị sử dụng vào việc khác, và tại sao tay trái được dùng để làm cái dấu hiệu mà thông thường nó lẽ ra phải làm bằng tay phải. Đây dường như là một giả định giàu ý niệm; nó đã thực sự bao trùm mọi sự việc. Để có kết quả, giả định này đòi hỏi sự xem xét kỹ lưỡng; vậy thì nó dẫn đến đâu?



“Vì một lẽ, nó dẫn đến sự suy đoán như sau: Tại sao cuốn sổ vé lại nằm trong tay của DeWitt vào lúc gã bị sát hại? Chỉ một lý giải khả dĩ biện minh được - gã đang định dùng nó. Chúng ta giờ đều biết rằng cho đến lúc Collins rời khỏi DeWitt, người soát vé hay viên trưởng tàu vẫn chưa đến chỗ họ để thu vé bám lỗ, bằng chứng là Collins vẫn còn giữ chiếc vé chưa bám lỗ của gã khi bị các ngài bắt giữ tại nhà riêng vào tối hôm ấy. Nếu nhân viên tàu đã đến chỗ họ thì chiếc vé của Collins đã được lấy đi rồi. Vậy thì khi DeWitt đi vào toa tàu tối nhân viên tàu vẫn chưa tiếp cận gã để xem vé. Tất nhiên, ngài thanh tra ạ, lúc ở trên tàu tối hôm ấy tôi không biết chuyện này; mãi đến lúc ngài bắt Collins thì chuyện gã còn giữ chiếc vé mới tòi ra. Khi ấy chỉ là theo lập luận mà tôi cân nhắc sự việc này như một phỏng đoán mà thôi.

“Dựa vào giả thuyết mà sau này đã thành sự thực ấy, rằng lúc DeWitt vào toa tàu tối nhân viên tàu chưa tiếp cận đến chỗ gã, vậy thì phải giải thích sao cho hợp lẽ với giả định rằng ngay lúc trước khi chết gã đã lôi cuốn sổ vé ra giữ trên tay phải? Câu trả lời là đơn giản: vì đó chính là lúc nhân viên tàu đã tiếp cận đến nơi. Thế nhưng cả hai người nhân viên đều khẳng định rằng họ chưa hề đến chỗ có DeWitt. Vậy chẳng lẽ lý thuyết của tôi đã sai? Không nhất thiết. Bởi vì, nếu một trong hai người nhân viên ấy chính là tên sát nhân, và đã đến chỗ DeWitt, nhưng nói dối là chưa đến vì gã là tên sát nhân.”

Cả Bruno lẫn Thumm đều đang ngả hẳn người về phía trước, hoàn toàn bị hấp dẫn bởi lối phân tích khác thường mà Lane đang bình thản dẫn dắt, lại có phần phong phú bởi giọng nói ngân nga uyển chuyển của ông.

“Giả định này có đề cập giải quyết hợp lý tất cả những sự việc đã biết không? Rõ ràng là có.

“Vì, thứ nhất, nó lý giải tại sao cái dấu hiệu ấy được làm bằng tay trái.

“Thứ hai, nó lý giải tại sao bàn tay phải đã bị dùng vào việc khác và đấy là việc gì.

“Thứ ba, nó lý giải vì sao trang vé không bị bám lỗ. Vì giả sử một nhân viên tàu là tên sát nhân và sau khi giết DeWitt đã phát hiện cuốn sổ vé nằm

trong tay DeWitt, gã không thể bấm lỗ được; dấu bấm lỗ sẽ là bằng chứng trực tiếp rằng gã có lẽ là người cuối cùng thấy DeWitt còn sống và vì vậy chỉ ra sự phạm tội của gã, hay chí ít đặt gã vào hoàn cảnh bị điều tra về vụ án mạng - một hoàn cảnh không mong muốn đối với bất kỳ tên sát nhân có chủ ý nào, hẳn nhiên là vậy.

“Bốn, nó lý giải tại sao cuốn sổ vé được phát hiện nằm ở túi ngực bên trong của áo khoác ngoài. Nếu một nhân viên là tên sát nhân, gã cố nhiên không thể để cảnh sát phát hiện cuốn sổ vé vẫn còn nằm trên tay DeWitt, lý do cũng hệt như việc gã không thể bấm lỗ lên trang vé - sự hiện diện của nó tại thời điểm của cái chết tức khắc sẽ chỉ ra chính cái điều gã muốn tránh - rằng DeWitt biết đây là người soát vé đang tiến đến và đã bị giết chết liền ngay đó. Mặt khác, người soát vé cũng không muốn thủ tiêu cuốn sổ vé đi nơi khác, vì tính chất còn mới của nó được thể hiện bằng ngày bấm lỗ trên bìa đã hàm ý khả năng có thể xảy ra đó là, ai đó đã nhìn thấy nó được mua vào chính đêm ấy, và sẽ phát hiện ra là nó đã mất; và nếu như nó bị phát hiện là đã mất thì không khó để cảnh sát liên tưởng một cách nguy hiểm về ‘vé - soát vé’. Không, cách giải quyết tốt nhất của gã đây là phải làm cho chính mình và mọi nghi ngờ về mình không hề tồn tại ở vụ án mạng này.

“Vậy thì, gã nhân viên sẽ làm gì về việc bỏ lại cuốn sổ vé trên người DeWitt, vì phương thức an toàn nhất của gã là không mang nó đi? Gã sẽ bỏ nó trở vào một trong những chiếc túi của DeWitt - hợp lý, đúng không? Túi nào? À, hoặc gã biết chỗ DeWitt thường cất cuốn sổ vé, hoặc gã sẽ xem xét các túi để biết ra DeWitt thường cất nó ở túi nào. Tìm thấy cuốn sổ vé cũ, hết hạn ở túi ngực bên trong, còn gì tất nhiên hơn là gã nên bỏ cuốn mới vào cùng với cuốn cũ. Cứ giả như gã biết rằng DeWitt đã cất cuốn sổ mới này ở túi áo gilê chẳng nữa, gã không thể cho nó trở lại vào cái túi ấy vì chiếc túi áo gilê là nằm trên tuyến trực tiếp với đường đi của viên đạn trong xác của DeWitt, và việc bỏ cuốn sổ vé không thủng lỗ đạn vào trở lại túi áo gilê sẽ chỉ rành rành ra rằng cuốn sổ đã được bỏ vào sau án mạng, lại là một kết luận của cảnh sát mà gã nhân viên muốn tránh.

“Thứ năm, dựa vào điểm thứ tư - giả định này cũng lý giải lý do cuốn số vé không bị lỗ đạn bắn. Gã trưởng tàu không thể nã thêm phát nữa vào cuốn số với mong muốn là nó ghim đúng vào cái điểm mà cuốn số lẽ ra đã bị thủng lỗ nếu nó vẫn còn nằm yên chỗ túi ấy lúc bắn ra phát đạn đầu. Ngoài ra, còn có nguy hiểm là khi bắn lần thứ hai phát đạn có thể bị nghe thấy. Và nếu bắn phát thứ hai trong toa xe viên đạn sẽ nằm đâu đó mà có thể bị tìm thấy sau này. Và, kết cục là, cách làm như thế chỉ tổ nhiều khê, phức tạp, mất thì giờ và nhìn chung bề ngoài là ngu ngốc. Không, xét mọi lẽ, gã theo phương thức tự nhiên nhất và điều dưỡng như là an toàn nhất.”

“Đến đây,” Drury Lane tiếp tục, “giả định này đã được xem xét mọi khía cạnh. Liệu có lý lẽ nào củng cố thêm rằng tên sát nhân là một gã nhân viên nào đó trên đoàn hỏa xa ấy không? Một sự củng cố lý lẽ về mặt tâm lý rất rõ ràng. Vì nhân viên tàu trên một đoàn hỏa xa là hầu như vô hình; nghĩa là, việc ông ta có mặt khắp nơi trên một đoàn tàu được xem như là chuyện hoàn toàn đương nhiên; và không ai việc gì phải chú ý hay ghi nhớ gì đến chuyện đi lại và hiện diện của ông ta. Trong khi sự đi lại và hiện diện của những thành phần khác phụ trách đoàn tàu thì có khả năng, và ở vài trường hợp là chắc chắn, bị quan sát - người soát vé lại có thể đi qua lại giữa các toa khách và đi vào toa tối, như gã này đã thực tế làm vậy, mà không gọi lại một ký ức hay lưu lại dấu vết gì. Trên thực tế, chính tôi đây đã không quan sát gì đến gã, trong khi tôi có thể nói là đang trong trạng thái cảnh giác. Gã chắc hẳn đã đi ngang qua tôi vào toa tàu tối ấy sau khi Collins đã rời đi; ấy vậy mà cả lúc này đây tôi cũng không có hồi ức gì về việc đó.

“Một điều củng cố khác. Sự biến mất và cuối cùng tìm lại được của hung khí. Khẩu súng lục đã không được tìm thấy trên tàu - nó được tìm thấy ở một con suối mà đoàn tàu đã chạy qua chừng năm phút sau khi án mạng xảy ra. Phải chăng đây chỉ là tình cờ mà năm phút sau án mạng khẩu súng mới bị vứt đi - đến nỗi nó gần như vô tình rơi xuống một con suối dọc tuyến đường tàu chạy, liệu có phải đây hoàn toàn là chuyện ngẫu nhiên? Lẽ ra sẽ là an toàn hơn nếu tên sát nhân ném khẩu ru-lô ấy ra khỏi tàu ngay sau khi gây án. Thế nhưng gã đã đợi - tại sao?”

“Cái giả định rằng gã biết, dù trong đêm trời tối như mực, vị trí chính xác của con suối - nơi che giấu tốt nhất cho vật hung khí ném đi từ đoàn tàu - cho thấy người ném - đã chờ sau năm phút và đã biết về vị trí của con suối, chắc hẳn là vô cùng quen thuộc với địa hình nơi đây. Mà trong số những người ở trên tàu, ai mới là người phù hợp để có sự quen thuộc đến vậy? Chắc hẳn phải là một nhân viên làm việc trên tàu, người đêm nào cũng theo đoàn tàu đi qua cùng một tuyến đường vào cùng một khoảng thời gian. Kỹ sư, người gác phanh, trưởng tàu... Một nhân viên tàu, tất nhiên rồi! Điều này càng củng cố hơn về giả định người soát vé, dù đây hoàn toàn là giả định về khía cạnh tâm lý.

“Vấn còn có một lý lẽ củng cố khác, lý lẽ thuyết phục nhất, lý lẽ mà dứt khoát chỉ ra kẻ phạm tội. Nhưng điểm này tôi sẽ sớm đề cập sau.

“Dĩ nhiên tại thời điểm tội ác, tôi suy nghĩ lập luận về hung khí theo hướng đảo ngược lại. Tôi đặt cho mình câu hỏi: Ở vào vị trí tên sát nhân - người soát vé, tôi sẽ thủ tiêu khẩu ru-lô thế nào? Theo cách sao cho khả năng nó bị tìm thấy là nhỏ nhất? Tôi sẽ loại trừ những nơi rõ ràng hiển nhiên - bên đường ray dọc theo nền đường, hoặc ngay trên mặt nền đường - vì đây là những nơi cảnh sát sẽ tìm kiếm trước tiên. Nhưng, tôi sẽ nói rằng, tuyến đường này có nơi che khuất tự nhiên, nó không chỉ thủ tiêu hung khí, nó còn khuất hẳn tầm mắt mà tôi không phải tốn thêm công sức gì. Con suối... Tôi kiểm tra bản đồ hệ thống đường tàu, xác định ra những con sông dòng suối trong phạm vi khu vực có thể dùng làm nơi thủ tiêu, và dẫn đến sự tìm kiếm thành công hung khí.”

Giọng của Lane đổi sang cao độ mới. “Vậy thì, ai trong hai người nhân viên tàu đã phạm tội - Thompson hay Bottomley? Biết rằng thực tế phần toa này của đoàn tàu là thuộc về phận sự của Thompson, nhưng hoàn toàn không có bằng chứng trực tiếp nghiêng về bất cứ ai giữa hai người.

“À, nhưng hãy khoan! Vì tôi vốn đã suy diễn rằng tên sát nhân ở tội ác thứ ba này là một nhân viên tàu, mà tên sát nhân ở tội ác thứ nhất cũng là một nhân viên bán vé trên xe điện. Phải chăng cả hai người cùng làm nhiệm vụ kiểm soát, bán vé này là giống nhau và chỉ là một - đó là Wood? Đúng

thế, một khả năng rất dễ xảy ra. Vì những vụ án mạng đối với Longstreet, kẻ vô danh ở bến phà và DeWitt rõ ràng đều là tác phẩm của cùng một bàn tay.

“Nhưng đặc điểm cơ thể con người Wood là những gì? Bỏ qua mái tóc đỏ và vết sẹo, mái tóc làm giả chẳng khó gì, vết sẹo thì rõ ràng cũng như vậy - ít ra tôi cũng biết rằng Wood là người cao lớn và lực lưỡng. Viên trưởng tàu già Bottomley, thì nhỏ con và yếu ớt. Thompson thì to con và vạm vỡ. Vậy thì, Thompson là người ta cần tìm.

“Tại điểm này tôi đến được kết luận: DeWitt đã bị cố sát bởi Thompson, người mà tôi có mọi lý do để tin là Charles Wood. Nhưng cái gã Wood-Thompson này thực ra là ai? Rành rành cả ba vụ án mạng đều bị thúc đẩy bởi cùng động cơ và động cơ ấy được nuôi dưỡng ít nhất đã năm năm thậm chí còn lâu hơn. Bước kế tiếp vì vậy dễ hiểu - kiểm tra quá khứ trước đây của DeWitt và Longstreet để cố gắng tìm hiểu xem ai là kẻ có đủ lý do để ước muốn hai người này phải chết và đã sắp đặt kế hoạch nhiều năm trời cho kết cục đó.

“Giờ thì các ngài đã biết Stopes là ai, nhưng hãy nhớ rằng tại lúc ấy tôi đã không biết được chút gì về quá khứ trước đây. Tôi quả biết được từ việc hỏi han quản gia của DeWitt là Jorgens, rằng cách đây không lâu có một vị khách bí ẩn từ Nam Mỹ đến nghỉ tại nhà DeWitt - có một manh mối, ngài thanh tra ạ, ở đó ngài phải thú nhận là đã bị qua mắt... Đó dường như là một dấu vết hữu ích, và tôi lặng lẽ tìm kiếm trong số những viên lãnh sự Nam Mỹ, cuối cùng khám phá ra câu chuyện từ Juan Ajos, lãnh sự Uruguay tại New York. Câu chuyện ấy giờ thì các ngài đã biết cả, nhưng vào lần đầu tiên ấy với tôi nó đã kết nối Longstreet và DeWitt vào hai người khác, đây là Martin Stopes, người tù vượt ngục, và William Crockett, người hóa ra là đối tác thứ ba thầm lặng của liên doanh DeWitt & Longstreet. Trong hai người này, Stopes hẳn phải là Wood-Thompson. Động cơ của hắn không lấy gì làm khó hiểu - trả thù, và được thôi thúc như nhau với cả ba người kia. Vậy là, tôi kết luận, Stopes chính là người soát vé; và Crockett là người đàn ông bị giết ở bến phà - kẻ mà Stopes đã chuẩn

bị cho việc giết hại từ suốt năm năm qua bằng cách giả trang mái tóc đỏ và vết sẹo nơi bắp chân của gã để mà, khi xác Crockett được tìm thấy, mọi dấu hiệu nhận dạng nào khác đều không còn do tình trạng bị nghiền nát của cái xác và người ta sẽ cho đấy là xác của Wood.

“Lý do hồi ấy tôi yêu cầu các báo cáo từ Cục điều tra mất tích - sau khi tôi luận ra cái xác ấy không phải là của Wood và một thời gian dài trước khi tôi nghe được câu chuyện Ajos kể - đấy là Wood đã giết một kẻ chưa biết là ai, và những báo cáo này có thể sẽ cho manh mối gì đấy về nhân dạng kẻ vô danh đó. Tuy nhiên, sau khi đã nghe chuyện kể của Ajos thì tôi biết người đó là Crockett. Kẻ vô danh này ắt không thể chỉ là một công cụ con người đơn thuần không liên quan gì đến những vụ án mạng kia và đơn giản chỉ dùng để tráo xác cho Wood, vì suốt năm năm qua gã ít nhất đã chuẩn bị bằng cách giả trang vết sẹo và mái tóc của người đàn ông đó. Nhưng bằng cách nào Stopes dẫn dụ được Crockett đến vị trí đã được sắp đặt để giết chết thì tôi không biết và đến giờ vẫn chưa biết. Stopes có giải thích không hờ ngài Bruno?”

“Có,” ngài công tố viên khàn khàn cất tiếng. “Stopes không hề gửi cho Crockett bất cứ lá thư đe dọa nào vì lý do rất rõ là y vừa muốn để Crockett không biết gì về bút tích của mình, vừa giữ cho mình không bị nghi ngờ; và y giả danh là một kế toán viên bị sa thải của DeWitt & Longstreet để liên lạc với Crockett, viết thư nói rằng mặc dù gã nhận đều đặn mỗi năm hai lần những tờ séc giá trị lớn từ hai người kia, thực chất gã vẫn bị lừa một số tiền lớn từ khoản chia một phần ba lãi ròng của công ty mà gã có quyền được hưởng. Phần vì Crockett, ngay từ khi cả ba chân ướm chân ráo về Mỹ, đã khăng khăng đòi chung phần vào bất cứ thành công nào hai gã kia đạt được; phần vì muốn bịt miệng không để thứ người liều mạng, thô bỉ, vô trách nhiệm như Crockett xì ra âm mưu hại người ở Uruguay, Longstreet và DeWitt đã nhất trí để gã đầu tư một phần ba vốn mở công ty và ăn chia một phần ba lợi nhuận. Tôi hiểu rằng nhiều năm nay chỉ DeWitt là kiên quyết ngăn không để Longstreet nuốt lời. Dù gì đi nữa, lá thư tiếp tục nói rằng y, kế toán viên, đang nắm bằng chứng về sự lừa đảo này và sẵn sàng bán bằng

chứng này cho Crockett nếu gã chịu đến New York. Y úp mở rằng có chuyện kinh khủng sắp xảy ra - rõ ràng để Crockett tin rằng hai gã đồng bạn đang trù tính phản bội gã về tội giết người trong quá khứ. Y bảo Crockett khi đến nơi thì xem trên cột rao vặt nhả tin đăng trên tờ Thời Báo. Crockett đã bị cắn câu, gã đến New York tâm trạng vừa giận lại vừa sợ, tìm thấy lời nhả để lại trên tờ Thời Báo - nội dung bảo gã âm thầm trả phòng khách sạn và gặp tác giả lá thư ở chuyến phà sang Weehawken lúc 10 giờ 40, boong tầng thượng, mạn bắc, lưu ý nắp kín vào chỗ. Vụ án mạng tất nhiên đã xảy ra ở đó.”

“Không chỉ vậy,” thanh tra Thumm xen vào, “Stopes, con quỷ man trá, còn kể chúng tôi cách y lừa DeWitt. Vì Stopes là người gọi điện thoại cho DeWitt vào sáng thứ Tư hôm ấy, mạo xưng là Crockett, và buộc DeWitt phải có mặt tại boong tầng dưới của chuyến phà 10 giờ 40 tối với lý do có chuyện gấp, kèm theo đó là những lời đe dọa. Y cảnh báo DeWitt phải ‘cẩn thận’ không để ai trông thấy - mục đích tránh khỏi nguy cơ DeWitt và Crockett chạm mặt nhau, do y cũng đã dặn dò Crockett điều tương tự.”

“Quả là thú vị,” Lane hạ giọng, “vì điều này làm sáng tỏ vì sao DeWitt không chịu nói ra gã có cuộc hẹn với ai; gã phải câm lặng về Crockett vì sợ rằng, Crockett trong cơn hốt hoảng sẽ làm lộ ra những chi tiết xấu xa của cái quá khứ ở Uruguay; và Stopes biết rõ điều này - một chi tiết khôn ngoan đối với hàm ý của y về DeWitt.”

“Thành thực mà nói,” Lane trầm ngâm nói tiếp, “tôi luôn phải giật mình vì sự đa tài và táo bạo tột cùng của người tên Stopes này. Nên nhớ rằng đây không phải *crimes passionels*, là những vụ phạm tội thực hiện một cách vội vàng và hoàn toàn bị chi phối vì cảm xúc; chúng là những hành động phạm tội lạnh lùng và có tính toán, được thúc đẩy bằng một động cơ đã hun đúc qua nhiều năm vất vả.

“Người đàn ông này sở hữu những khả năng to lớn. Hãy xem xét y đã phải làm gì trong hành động phạm tội thứ nhì ấy. Y phải gặp Crockett trên boong tầng thượng dưới cái lốt là Wood; lừa gã đến gần ngăn buồng ấy, quật gã bằng vật cùn trong túi xách; đối y phục bằng cách lấy áo quần trên



người mặc cho Crockett, rồi lấy từ túi xách áo quần mới - của Nixon - để mặc vào; thủ tiêu y phục của Crockett xuống sông bằng vật nặng mang theo; chờ đến khi chiếc *Mohawk* vào bến Weehawken mới lẳng cái thây bất tỉnh của Crockett qua mạn tàu, để nó bị chà và nghiêng vào hàng chân cầu cặp mạn; hởi hạ xuống boong tầng dưới, âm thầm không ai biết, dưới lốt là Nixon, rồi nhập vào đám người nháo nhác kêu la ‘Có người rơi xuống nước!’; tất cả những hành động này đều là tác phẩm của một kẻ can đảm, người biết suy nghĩ theo thứ lớp và là kẻ trù liệu khôn ngoan. Tất nhiên, công việc thay đổi y trang đầy mong manh rủi ro ấy đã được y đơn giản hóa bằng cách ở liền bốn chuyến phà, đi qua rồi đi lại ở trên sông; để phạm tội, có lẽ y dùng ba chuyến đầu cho việc đánh Crockett bất tỉnh, thay y phục, quăng thây Crockett, vân vân; kết hợp hoàn cảnh đó là vào đêm khuya tăm tối và mù sương; cùng thực tế rằng trên con phà phố Thứ Bốn Mười Hai - Weehawken ấy, hành khách hiếm khi leo lên boong tầng thượng vì chỉ là chuyến phà qua sông ngắn ngủi, cùng thực tế rằng y có thể hành động chậm bao nhiêu tùy ý, vì nếu cần y có thể ở qua tám chuyến phà, mà cảnh sát thì vẫn cứ đang chờ đợi ở bờ bên phía Weehawken.”

Lane sờ lên cổ mình một cách giễu cợt. “Tôi tự thấy mình lỗi thời quá đỗi; có một thời gian tôi có thể trình diễn hùng biện liên tục trong nhiều giờ mà không cảm thấy ấn tượng... Để tiếp tục lại với việc lập luận.” Một cách vắn tắt, Lane kể về những điều đã phát hiện ở Tây Englewood, vào cái đêm xảy ra vụ án mạng của DeWitt, một trong những lá thư đe dọa Stopes đã gửi DeWitt trước đó vài tháng. Lane lấy ra lá thư trao cho các vị khách.

“Dĩ nhiên,” ông nói, “tôi đã giải quyết vụ án trước khi tìm thấy lá thư này; nếu không tìm thấy nó tôi vẫn tìm ra đáp án cho mình, vì tôi vốn đã biết Wood và Thompson chỉ là một. Nhưng xét từ một quan điểm pháp lý nào đấy thì lá thư này là vật quan trọng. Chỉ nhìn qua là đủ để thấy rằng nét chữ của Stopes là giống hệt của Wood, mà tôi nhớ đã xem từ nội dung và chữ ký của Wood viết trên tấm thẻ nhân viên xe điện của gã. Ở đây tôi cần nhắc lại việc chữ viết trùng nhau không hẳn là nhất thiết về mặt giải pháp suy luận; nó chỉ là sự củng cố về mặt pháp lý mà thôi.



“Nhưng giờ thì tôi phải thỏa mãn khía cạnh của công tố viên đối với đáp án của mình, vì biết Wood, Stopes và Thompson đều cùng là một người là một chuyện, nhưng chứng minh điều này thì lại là chuyện khác. Vì vậy tôi đã yêu cầu Juan Ajos đánh điện tín về chính phủ ông ấy yêu cầu gửi ảnh phóng lớn dấu tay của Stopes. Lúc Thompson bị bắt, việc đầu tiên tôi bảo ngài Thanh tra là lấy ngay dấu tay của gã. Ngài đã làm vậy, và dấu tay của Thompson khớp một cách chính xác với dấu tay Stopes trên ảnh phóng lớn. Vậy là tôi có bằng chứng pháp lý rằng Thompson là Stopes, và căn cứ vào chữ viết giống nhau, Wood cũng là Stopes. Như vậy, bằng kết luận mang tính đại số sơ đẳng, Thompson cũng là Wood. Vụ án kết thúc.”

Ông lại hào hứng nói tiếp. “Tuy nhiên, vẫn còn lại một số vấn đề chưa sáng tỏ. Stopes đã sắp đặt ba thân phận Wood, Nixon và Thompson của mình ra sao để y có thể khiến chúng hoàn toàn biệt lập lẫn nhau? Thú thực ở mức độ nào đấy tôi vẫn mơ hồ về điểm này.”

“Stopes cũng đã làm sáng tỏ điểm ấy,” vị công tố viên nói. “Thật ra, nó không khó như vẻ bề ngoài của nó. Là Wood, y làm việc từ 2 giờ 30 chiều đến 10 giờ 30 tối, và là Thompson thì từ 12 giờ khuya đến 1 giờ 40 sáng theo ca làm việc đường sắt tuyến ngắn, một công việc đặc biệt. Trong vai Wood y sống ở Weehawken để tiện thay đổi y trang và biến thành Thompson trước khi vào ca trên tàu hỏa; trong vai Thompson y sống ở Tây Haverstraw, là điểm dừng cuối cùng của tuyến tàu chạy. Hết ca trực y về ngủ lại ở đấy rồi lại biến thành Wood trở về Weehawken bằng chuyến tàu cuối buổi sáng. Thân phận Nixon thì linh hoạt, và y hiếm khi dùng đến vai này. Về cái đêm của vụ án mạng trên phà, Stopes chọn đúng thời gian ấy vì đó là đêm y được nghỉ trực trong thân phận Thompson! Chỉ đơn giản có thế... Thêm vào đó, cái công việc hóa trang này cũng không quá phức tạp gì cho lắm. Y bị hói, ngài cũng biết rồi. Khi là Wood thì y đội tóc giả màu đỏ. Khi là Thompson thì y trở về chính là y. Thân phận Wood thì đây đó có thêm sơ vài chi tiết hoàn thiện... Nhưng tự ngài biết nó dễ mức nào rồi. Khi khoác áo quần giả trang Nixon, y có thêm nhiều thời gian và có thể làm

điều y muốn. Như tôi vừa nói, chỉ khi nào thật cần thiết y mới dùng đến thân phận Nixon của y.”

“Thế Stopes có giải thích,” Lane tò mò, “làm thế nào y lại xoay xử có được điều xì gà mà y lén bỏ vào xác của Crockett để đổ tội cho DeWitt vậy?”

“Gã đó,” Thumm càu nhàu, “đã giải thích tất cả. Không kể cách ngài đã giải quyết những vụ phạm tội quái quỷ thế này, đến giờ tôi vẫn khó có thể tin được. Y nói không lâu trước cái chết của Longstreet, DeWitt có cho y - ở thân phận là Thompson, trưởng tàu soát vé trên tàu lửa - một điều xì gà. Cái cách mà những kẻ lăm tiền này hay làm ấy mà. Đâu nghĩa lý gì với bọn họ - họ chỉ tiện tay đưa ra, điều xì gà một đô cũng thế thôi. Thế là Stopes đã mang về để dành.”

“Tất nhiên là,” Bruno nói thêm, “có nhiều điều Stopes không lý giải được. Chẳng hạn, nguyên do những cãi vã triền miên giữa Longstreet và DeWitt.”

“Tôi thiết nghĩ,” Lane nói, “lý giải xác đáng về việc này thì không khó gì. DeWitt là một nhân vật khá tăm tiếng nhưng trên bộ giáp đạo đức của gã lại dính phải một tỳ vết. Thời trai trẻ gã có lẽ đã bị Longstreet chi phối, và trở nên hối tiếc về sự thông đồng hãm hại Stopes mà gã bị ép buộc tham gia vào. Tôi đoán DeWitt nhất quyết tìm mọi cách tuyệt giao với Longstreet, kể cả trong làm ăn lẫn quan hệ xã giao; và rằng Longstreet - có lẽ vì thói xấu xa của kẻ vốn mang tâm độc hiểm, và bởi vì DeWitt là nguồn thu nhập đáng tin cậy - đã không chịu như vậy, và thường xuyên trưng cái âm mưu thông đồng đáng buồn ấy ra trước mặt DeWitt. Tôi không lấy làm lạ nếu Longstreet tỏ ý đe dọa tiết lộ chuyện cũ ấy với Jeanne, cô con gái được cha rất mực cưng chiều. Dẫu sao thì điều này rõ ràng lý giải về sự bất hòa giữa hai gã này, về việc DeWitt phải bỏ tiền cho sự chơi bời tiêu pha của Longstreet, và về việc DeWitt phải im lặng những lúc bị Longstreet mạ lỵ ra mặt.”

“Đúng vậy,” Bruno thừa nhận.

“Đối với Crockett,” Lane tiếp tục, “những khác biệt tinh tế về sự sắp đặt của Stopes tự nó đã rõ ràng. Crockett hẳn là kẻ đã giết chết vợ của Stopes; vì với Crockett, Stopes đã dành cho gã một cái chết khủng khiếp nhất trong ba cái chết mặc dù quả thực điều cần thiết với Stopes là sắp đặt cho gương mặt của Crockett bị nghiền nát để làm ra vẻ rằng, cái xác là của chính y, hay nói khác đi là của Wood.”

“Ngài Lane này,” Bruno trầm ngâm, “còn nhớ lúc mấy tấm ảnh phóng lớn gửi đến lâu đài Hamlet chứ? Đây là lần đầu tiên tôi nghe đến cái tên Martin Stopes, và tôi hỏi ngài là gã đàn ông ấy từ chỗ quái nào chui ra vậy. Ngài bảo Martin Stopes là kẻ chịu trách nhiệm về việc đã loại bỏ Longstreet, Wood và DeWitt, hoặc cái gì đấy đại loại thế. Nào, chẳng phải lúc ấy ngài đã đánh lạc hướng tôi khi ngài cũng bao gồm cả Wood vào đấy sao? Thế quái nào mà Stopes lại có thể giết Wood khi mà chính y là Wood?”

Lane khúc khích cười. “Ngài thanh tra thân mến, tôi đâu có nói Stopes đã giết Wood. Tôi nói y là kẻ chịu trách nhiệm về việc đã đưa Wood ra khỏi thế gian này, mà quả đúng thế rồi còn gì. Bằng việc giết Crockett và khoác lên gã bộ áo quần của Wood, y đã vĩnh viễn tự tống khứ cái thân phận Wood ra khỏi chính mình và thế giới này đấy thôi.”

Ba người cùng ngồi trong yên lặng, ai nấy đuổi theo những ý nghĩ riêng của mình. Ngọn lửa cháy cao hơn và Bruno thấy đôi mắt Lane nhắm lại thanh thản. Bất chợt bàn tay to lớn của Thumm vỗ đùi đánh đét khiến Bruno giật mình. “Chúa ơi!” Viên thanh tra kêu lên. Ông nghiêng người sang đập vào vai Lane; Lane mở mắt. “Tôi biết ngài đã bỏ sót gì đấy, ngài Lane à. Đúng thế! Có một việc tôi vẫn không thông và ngài chưa lý giải chỗ này, cái trò quỷ thuật trên mấy ngón tay của DeWitt ấy. Ngài vừa bảo mình không bao giờ tin chuyện những ngón tay bắt tréo vào nhau ấy dính dấp gì đến trò mê tín. Hừ, thế chúng nghĩa là cái gì?”

“Tôi mới thật bất cần làm sao,” Lane khẽ nói. “Nói chí lý, ngài thanh tra ạ, và tôi mừng là được ngài nhắc chuyện này. Quả là chí lý. Nói gì thì nói, đây là yếu tố gây tò mò nhất của toàn bộ vụ việc.” Gương mặt trông

ngiên cân đối của ông toát lên vẻ tinh nhanh, và giọng của ông trở nên sôi nổi. “Mãi đến lúc tôi luận ra rằng Thompson đã cố sát DeWitt, tôi tuyệt không có lý giải riêng nào về những ngón tay bắt chéo lên nhau ấy, ngoại trừ một điều tôi chắc chắn: rằng DeWitt, nhớ đến câu chuyện của tôi về cái khoảnh khắc lóe sáng cuối cùng trong đời, đã chú ý lưu lại dấu hiệu để làm manh mối về nhân dạng của tên sát nhân đã giết gã. Vì vậy cái dấu hiệu ấy chắc hẳn là điều gì đấy liên quan đến Thompson, bằng không thì cái cấu trúc logic bé nhỏ hay hay ấy của tôi xem như phá sản. Và lại cũng không đợi đến lúc tự thỏa mãn chính mình bằng cách tìm ra ý nghĩa thực của dấu hiệu ấy tôi mới sắp xếp chuyện bắt giữ Thompson.”

Ông đứng lên khỏi ghế bành bằng động tác đặc trưng của mình - nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, không lộ vẻ vận sức rõ rệt về đường cơ thớ thịt. Hai vị khách ngược mắt nhìn ông. “Nhưng trước khi giải thích, tôi muốn được biết liệu Stopes có kể lại cụ thể những gì xảy ra giữa y với DeWitt trước khi y nổ phát súng kết liễu cuộc đời của DeWitt chẳng.”

“A,” Bruno nói, “lời thú nhận của y đã giải thích việc ấy khá rõ. Xem ra y đã để mắt theo dõi kể từ giây phút nhóm người của DeWitt đặt chân lên tàu. Lưu ý rằng, y đang tìm kiếm một cơ hội để ra tay khi DeWitt chỉ có một mình. Nếu cần, y thậm chí có thể đợi cả năm cho được cái hoàn cảnh như thế, để y có thể sát hại DeWitt mà không ai hay biết. Nhưng khi nhận ra Collins trở lại cùng DeWitt và thoáng thấy Collins, từ cánh cửa toa xe trước mặt, chuồn ra khỏi đoàn tàu, y biết rằng cơ hội của mình đã đến. Thế rồi y đi qua toa ngai đang ngồi rồi lập tức nhận ra DeWitt đang ngồi nơi ta tìm thấy gã, bên trong toa tranh tối tranh sáng ấy. Y cứ vậy đi vào. DeWitt nhìn lên, thấy đấy là người soát vé liền cứ vậy rút cuốn sổ vé mới của gã ra; nhưng phải lúc ngàn năm có một ấy, Thompson đã không chú ý DeWitt rút cuốn sổ vé từ túi nào. Và lại, nhận ra đây là lần ra tay trả thù cú chót, Thompson rút súng và, trước đôi mắt hoảng sợ của DeWitt, y hiện nguyên hình là chính mình - Martin Stopes. Y hả hê, hành hạ chửi rủa DeWitt, nói với gã rằng y sắp phải làm gì, giữa lúc ấy thì DeWitt - theo lời Stopes kể lại - chừng như hút hồn vào chiếc kim bấm lỗ mạ kền đeo lưng

lăng bằng sợi dây da trên chỗ thắt lưng của Stopes (hoặc Thompson). DeWitt đã trở nên trắng bệch như xác chết, ngồi yên không cựa quậy, miệng ngậm tăm (hắn gã đang suy nghĩ bằng tốc độ ánh sáng và để lại cái dấu hiệu vào khoảnh khắc ấy), thế rồi Thompson, giữa cơn cuồng nộ bùng phát không thể kiểm soát, đã siết cò. Sự co thắt của cơn giận điên cuồng trôi qua cũng nhanh chóng như khi nó kéo đến, và y nhận ra rằng trong tư thế cúi gục đầu về phía trước, DeWitt vẫn còn nắm cuốn sổ vé trong bàn tay phải của gã. Y lập tức quyết định là không thể lấy cuốn sổ vé ấy đi, nhưng y cũng không muốn để nó lại trong tay DeWitt; vậy là y lục tìm các túi áo trên người DeWitt rồi bỏ cuốn sổ mới ấy vào chung với cuốn sổ cũ ở túi ngực bên trong. Stopes quả quyết y đã không mảy may chú ý gì rằng DeWitt đã bắt tước hai ngón tay của gã lại với nhau. Y rất đổi kinh ngạc khi điều này được khám phá sau đó, sau khi án mạng đã xảy ra, và mãi đến lúc này y cũng bối rối như bọn tôi đây khi giải thích về chuyện này. Dù sao thì, tại Bogota, y mở cánh cửa của toa tàu tối lơ mờ ấy, nhảy ra ngoài, đóng cửa lại, dọc sân ga chạy tới rồi nhảy lên toa khách ở phía trước. Khẩu súng ngắn thì y đã sắp đặt ném vào con suối đúng như ngài vừa giải thích, và cùng những lý do giống như vậy.”

“Cảm ơn,” Lane trang trọng nói. Hình dáng cao lớn của ông in bóng đen nổi bật trên nền đỏ vắn vện hắt ra từ ánh lửa lò sưởi. “Vậy thì chúng ta cùng quay lại vấn đề đầy lôi cuốn của cái dấu hiệu ấy. Thompson và những ngón tay ấy, những ngón tay ấy và Thompson... Có gì quan hệ ở đây, tôi tự hỏi mình? Mãi cho đến khi nhớ lại một tình tiết ý nghĩa nhất tôi mới chợt thấy ra, trong tia chớp lòa của ánh sáng, câu trả lời khả dĩ duy nhất cho vấn đề đáng bận tâm này...” Lane lặng lẽ tiếp. “Ngoại trừ sự giải nghĩa mắt quý dữ, vốn là chuyện hoàn toàn vô lý, những ngón tay bắt tước ấy còn có thể mang ý nghĩa gì khác? Nhất là, liên quan đến Thompson?”

“Cho đến lúc này tôi đã gạt bỏ phương pháp tư duy mò mẫm về mối quan hệ này và áp dụng một cách tiếp cận hoàn toàn khác. Cái ý nghĩa thực thể của hai ngón tay xoắn vào nhau là gì; nghĩa là, những ngón tay ấy, bằng vị trí lạ lùng của chúng, có làm cho gần giống với một ký hiệu hình học nào

đó hay không? Một ý nghĩ thoáng qua đã lộ ra một khám phá thú vị; ký hiệu hình học ấy làm bằng những ngón tay bắt tréo rõ ràng giống nhất là chữ X!”

Ông dừng lại một lát, và sự hiểu ra đang xuất hiện rõ dần trên vẻ mặt của các vị khách. Thumm bắt tréo hai ngón tay của mình vào nhau rồi gật gù.

“Nhưng X,” ngài Drury Lane cất giọng sang sảng tiếp, “X là ký hiệu chung chỉ số lượng chưa biết. Vậy là tôi lại sai. Vì rõ ràng DeWitt không hơi đâu mà bỏ lại sau lưng mình một câu đố!... Nhưng X, X... tôi không quên nó được, mơ hồ cảm thấy vì lẽ gì đấy tôi sắp tìm ra ý nghĩa của nó. Vậy là tôi kiểm nghiệm X với Thompson. Và, thưa các ngài, bức màn đã rơi ra khỏi đôi mắt chết tội nghiệp ấy, và tôi nhớ có một đặc điểm của Thompson, người soát vé, một đặc điểm rõ ràng và chắc chắn là một dấu nhận dạng của Thompson - một đặc điểm riêng biệt của người này chẳng khác gì dấu vân tay của gã vậy.”

Bruno và Thumm ngậy người nhìn nhau. Ngài công tố viên nhăn tít đôi chân mày; những ngón tay của thanh tra Thumm thì hết mở ra lại tréo vào một cách tuyệt vọng. Ông lắc đầu. “Tôi bỏ cuộc vậy,” ông nói vẻ chán ngán. “Tôi đoán mình cũng chẳng sáng dạ gì lắm. Nó là cái gì thế, ngài Lane?”

Thay vì trả lời Lane lại lục tìm trong ví của mình, lần này ông lấy ra một mẫu giấy, ông nhìn nó bằng ánh mắt đầy hảo cảm, rồi bước nhanh ra phía trước lò sưởi đặt mảnh giấy vào tay Bruno. Hai vị khách va phải đầu vào nhau khi họ cùng cúi xuống nhìn mảnh giấy.

“Chỉ là một trong những tấm vé xé mảnh răng cửa bán trên tàu qua tay người soát vé Edward Thompson, thưa các ngài,” Drury Lane nói khẽ, “vào lúc mà ngài thanh tra thân mến của tôi đây trả tiền vé cho chúng ta trước khi hẳn ta bị bắt.”

Và giữa lúc Lane vừa quay lưng trở về chỗ lò sưởi của mình vừa hít lấy mùi thơm của gỗ từ những cuộn khói bay lên, Thumm và Bruno chăm chăm nhìn vào cái hiện vật cuối cùng.

Chỗ hai chấm đen trên tờ giấy, bên cạnh dòng chữ in Weehawken và, thấp hơn về phía dưới, Tây Englewood - là lỗ bấm sắc nét, gọn gàng từ chiếc kìm bấm lỗ, dấu gạch chéo của gã soát vé Edward Thompson - dấu chữ X.

HẠ MÀN



Kiến trúc Elizabeth: Phong cách kiến trúc dưới thời Nữ hoàng Elizabeth I (1558 -1603), chịu ảnh hưởng của kiến trúc Phục hưng. Những tòa nhà xây dựng theo kiến trúc Elizabeth thường to lớn, với ống khói vuông vắn, sân vườn rộng, thoáng tầm nhìn, cửa sổ và nội thất chủ yếu bằng gỗ. Mô típ trang trí nổi bật nhất của phong cách kiến trúc này là họa tiết đan xen được chạm khắc đối xứng. (Trong tác phẩm gốc không có chú thích, mọi chú thích trong cuốn sách này đều do Ban Biên tập Huy Hoàng bookstore thực hiện).

Nhân vật trong truyện “Hiệp sĩ xứ Connecticut trong triều đại vua Arthur” (1889) của Mark Twain. Trong truyện, một anh kỹ sư tình cờ du hành ngược thời gian về thời đại vua Arthur vào thế kỉ VI. Ở đây nhân vật ám chỉ cảnh vật xung quanh rất cổ kính, gợi lại thời xa xưa.

Hamlet: Một nhân vật trong vở kịch cùng tên của Shakespeare (1599-1602).

Bộ (foot): một bộ Anh bằng 0,304m, 20 bộ bằng khoảng hơn 6m.

Vallhalla: cung điện của những người tử trận trong thần thoại Bắc Âu, được vẽ theo trí tượng tượng của nhiều họa sĩ.

Falstaff: Sir John Falstaff là nhân vật hư cấu trong ba vở kịch của đại văn hào Shakespeare (1564-1616). Trong vở Henry IV phần 1 và phần 2, ông là bạn đồng hành của hoàng tử Hal, sau này là vua Henry V.

Quacey: đặt theo tên Quasimodo, nhân vật trong tiểu thuyết “Thằng gù nhà thờ Đức bà” (1831) của nhà văn Victor Hugo.

Edgar Allan Poe (1809 - 1849): Là nhà văn, nhà viết kịch, nhà phê bình và nhà thơ người Mỹ.

Mercutio: Là nhân vật hư cấu trong vở bi kịch Romeo và Juliet (1579) của Shakespeare.

Modjeska: Helena Modjeska (1840 - 1909) là nữ diễn viên lừng danh chuyên về các vai diễn bi và các vai trong kịch của Shakespeare.

Edwin Booth: Edwin Thomas Booth (1833 - 1893) là nam diễn viên người Mỹ nổi tiếng vào thế kỷ XIX, người đi lưu diễn khắp nước Mỹ và nhiều thủ đô ở các nước châu Âu để biểu diễn các vở kịch của Shakespeare.

Ada Rehan (1859 - 1916): Là nữ diễn viên người Mỹ gốc Ai Len.

Macbeth: Quý bà Macbeth là nhân vật trong vở kịch cùng tên của Shakespeare (1603 - 1607).

Nguyên văn “phòng suite”: phòng sang trọng nhất trong một khách sạn.

Frank Merriwell: Là nhân vật hiệp nghĩa hư cấu trong loạt truyện dài và những truyện ngắn của Gilbert Patten.



Sốt-tô-vô: Sotto voce (tiếng Ý), nghĩa là “nói nhỏ giọng”.

Di-a-lơ: Diable (tiếng Pháp), nghĩa là “quỷ bắt nó đi”.

Nút bần: nút chai (rượu vang), thường được làm từ vỏ cây sồi và được xử lý qua nhiều công đoạn, mất nhiều thời gian.

Inch: đơn vị đo, bằng 2,54cm.

Phố Wall (Wall Street) chỉ một khu phố ở New York, và nhiều sàn giao dịch lớn của Mỹ nằm ở khu phố này.

Il Popolo Romano (tiếng Ý): Nghĩa là “Người La Mã”.

Imperiale là người luôn tỏ ra cầu kì trau chuốt nên nói năng cũng dài dòng, dùng ngôn từ ra vẻ văn hoa.

Madre de Dios! (tiếng Tây Ban Nha): Nghĩa là “Lạy mẹ đồng trinh!”

Jack Dempsey: William Harrison “Jack” Dempsey (1895 -1983) là vận động viên đấm bốc chuyên nghiệp của Mỹ, đã trở thành một biểu tượng văn hóa của thập niên 1920.

Huân tước Fauntleroy: Là danh hiệu của một nhân vật trong tiểu thuyết cùng tên (Lord Fauntleroy) của kịch tác gia kiêm nhà văn Pháp E. H. Burnett (1849 - 1924).

Ê-tab-lích-sờ-măng: Établissement (tiếng Pháp) nghĩa là “cơ sở, tổ chức”.

Broadway: Chỉ đại lộ Broadway, khu Manhattan, thành phố New York.

Castilla: Vương quốc Castilla là một vương quốc rộng lớn và hùng mạnh trên bán đảo Iberia thời Trung cổ.

Ma-đơ-rê: Madre (tiếng Tây Ban Nha), nghĩa là “bà mẹ”.

Pound: đơn vị đo, bằng 0,454kg.

Giăng-đam: Gendarme (tiếng Pháp), nghĩa là “sen đầm”.

Napoléon: Napoléon Bonaparte (1769 - 1821) là Hoàng đế nước Pháp từ năm 1804 đến năm 1815, có đầu óc thiên tài, tham vọng lớn, có vai trò quan trọng trong nền chính trị và quân sự Pháp, được cho là có vóc dáng thấp bé.

Brobdingnag: tên miền đất của những người khổng lồ trong truyện giả tưởng “Gulliver du ký” của nhà văn Johnathan Swift.

Nein (tiếng Đức): Nghĩa là “Không”.

Ja (tiếng Đức): Nghĩa là “Rõ!”

**Brutus:** Marcus Junius Brutus là chính trị gia dưới thời La Mã. Trong vở kịch Tấn thảm kịch của Julius Ceasar (The Tragedie of Julius Ceasar) của Shakespeare, ông bị thuyết phục phản bội và sau đó ám sát Ceasar. Trong vở này, Shakespeare viết cho Brutus nhiều thoại dài, thể hiện sự đấu tranh tư tưởng trước khi quyết định tham gia ám sát Ceasar.

**Paracelsus (1493 - 1541):** Là bác sĩ, nhà thực vật học, nhà giả kim thuật, nhà chiêm tinh học người Đức gốc Thụy Sĩ.

**Ba mụ phù thủy:** Là các nhân vật trong vở kịch Macbeth (c.1603 - 1607) của Shakespeare.

**Svengali:** Là nhà thổi miên hiểm ác, nhân vật hư cấu trong tiểu thuyết Chiếc nón ni (Trilby, 1894) của George du Maurier (1834-1896).

**Mesmer:** Franz Anton Mesmer (1734 - 1815) là thầy thuốc người Áo (có tài liệu ghi là người Đức) chủ xướng chữa bệnh bằng liệu pháp thổi miên.

**Merlin:** Là một pháp sư huyền thoại nổi tiếng trong truyền thuyết vua Arthur.

**Minim:** Là đơn vị đo lường chất lỏng bằng 1/6 dram (1 dram = 1,772 g).

**Caliban:** Là nhân vật nô lệ có gương mặt xấu xí như quái vật trong vở kịch Giông tố (The Tempest, 1611) của Shakespeare.

**Belasco:** David Belasco (1853 - 1931) là nhà sản xuất kịch sân khấu, người tổ chức biểu diễn, đạo diễn và kịch tác gia người Mỹ.

**Birnam Wood:** Là khu rừng gần Birnam tại Perthshire, Scotland. Trong vở kịch Macbeth của Shakespeare, Macbeth được nói rằng chàng không bao giờ bại trận trừ khi rừng Birnam chạy đến vùng Dunsinane. Sau này, quân địch đi qua rừng Birnam đã chặt mỗi người một cành lớn để ngụy trang nên khi đoàn quân di chuyển nó trông giống như cả khu rừng đang đi. Macbeth thua trận và bị hạ sát.

**Kiến trúc Colonial:** kiến trúc được lấy cảm hứng từ những vùng đất thuộc địa xa xôi

**Ménage (tiếng Pháp):** Nghĩa là “gia đình”.

**Othello:** Là nhân vật trong vở bi kịch cùng tên được William Shakespeare viết vào khoảng năm 1603. Othello căm ghét và có nước da đen nổi tiếng

**Comprendre (tiếng Pháp):** Nghĩa là “Hiểu rồi chứ?”

**Nguyên văn:** ipso facto (be the facitseli) tiếng La tinh, nghĩa là bởi tự bản thân điều đó.

**Quý bà xứ Sévigné:** Tên thật là Marie de Rabutin Chantal, Hầu tước xứ Sévigné (1626 - 1696) là quý tộc người Pháp, nổi tiếng về giá trị văn chương của những bức thư bà viết, phần lớn gửi cho con gái.

Dân cư tứ xứ đa ngôn ngữ: Nguyên văn: những người lính đánh thuê đa ngôn ngữ.

Richard Burbage (1567 - 1619): Là kịch sĩ sân khấu và là chủ nhà hát người Anh.

Sự thể là như vậy. Nguyên văn tiếng La tinh: Quod erat et cetera.

Kozakù (tiếng Nga cổ): Chỉ người lang thang, người Cô-zắc.

Huân tước Gower: Lord Ronald Charles Sutherland Leveson Gower (1845 - 1916), được biết đến với cái tên Huân tước Ronald Gower, là chính trị gia, điêu khắc gia và văn sĩ người Scotland.

Kiến trúc Rococo là một phong cách nghệ thuật và thiết kế nội thất của Pháp thế kỷ 18, đặc trưng là đường cong trang trí dạng vỏ và những đường nét họa tiết trang trí cầu kỳ, nội thất là các vật dụng lộng lẫy, vật phẩm điêu khắc nhỏ, gương trang trí, thảm thêu, tranh tường..., hay được sử dụng trong các nhà hát, cung điện... ở châu Âu.

Lion nghĩa là sư tử (tiếng Anh).

Rosalind: Là nhân vật nữ chính của vở kịch As You Like It (1600) của đại văn hào Shakespeare.

Thi sĩ đạo thơ: Thi sĩ đạo thơ ở đây chỉ Ambrose Philips (1674 - 1749) là nhà thơ và chính khách người Anh. Mối quan hệ giữa Pope và Philips được mô tả là mối hiềm khích dai dẳng khôn nguôi.

Pope: Alexander Pope (1688 - 1744) là nhà thơ Anh thế kỷ XVIII.

Charon: Theo Thần thoại Hy Lạp, Charon là người lái đò đưa linh hồn người mới chết qua sông Styx và sông Acheron - là những con sông ngăn cách giữa dương gian và âm phủ.

Pahjnutius: Là tên một vị thánh tử vì đạo của Giáo hội Thiên chúa.

Duplex apartment: Căn hộ hai tầng, căn hộ được thiết kế có cầu thang ngay bên trong căn hộ dẫn lên gác trên

Crème de cocoa (tiếng Pháp): Nghĩa là “Rượu mùi cacao”.

Anisette (tiếng Pháp): Nghĩa là “Rượu hương vị hoa hồi”.

Bei so grosser Gefahr kommt die leichteste Hoffnung in Anschlag (tiếng Đức); Nghĩa là “Giữa nghịch cảnh đừng buông xuôi bất cứ hy vọng nào dù nhỏ nhất.”

Goethe: Johann Wolfgang von Goethe (1749 - 1832) là nhà thơ, nhà viết kịch, tiểu thuyết gia, nhà văn, nhà khoa học, họa sĩ của Đức.

Ngày mai, ngày mai, lại ngày mai... về cõi chết: Trích Macbeth (Màn V, Cảnh 5) của văn hào Shakespeare; Câu đầy đủ: Ngày mai, ngày mai, lại ngày mai; chậm chậm trôi đi tận cuối đời; đường về cõi chết; cho những người khờ khạo ngu si.

Harvard mười một: Đại học Harvard, thành lập năm 1636 tại Cambridge, Massachusetts. Trường được tổ chức thành mười một đơn vị hàn lâm riêng biệt.

Sieyès: Emmanuel Joseph Sieyès (1748 - 1836), nhà chính khách, nhà lý luận chính trị và là giáo sĩ người Pháp.

Triều đại Kinh hoàng: Thời kỳ 1793 - 1794 của cuộc Cách mạng Pháp, khét tiếng với làn sóng tử hình hàng ngàn người bị tình nghi là phản cách mạng.

Ambrose Bierce: Ambrose Gwinnett Bierce (1842 - 1914?) là nhà báo Mỹ viết xã luận, truyện ngắn và bài châm biếm.

Jettatore (tiếng Ý): Nghĩa là “Mắt quỷ dữ”, kẻ mang điềm gở.

Sarah: Theo Kinh thánh, là vợ của Abraham và là mẹ của Isaac.

Senor, (tiếng Tây Ban Nha) nghĩa là: Quý ngài.

Sí, (tiếng Tây Ban Nha) nghĩa là: Đúng vậy.

Cuộc chiến vĩ đại: Chỉ Chiến tranh thế giới lần I.

Dios (tiếng Tây Ban Nha) nghĩa là: Chúa ơi.

Mahatma Gandhi (1869 - 1948): Anh hùng dân tộc giành độc lập cho Ấn Độ từ chế độ thực dân Anh.

Hoàng tử xứ Đan Mạch: ở đây chỉ Hamlet.

Hết những khúc gỗ: Nguyên văn “hết những chiếc que thông nòng súng.”

# Table of Contents

GIỚI THIỆU

THƯ NGỎ

NGÀI DRURY LANE

NHÂN VẬT TRONG CÂU CHUYỆN

MÀN I

CẢNH 1

CẢNH 2

CẢNH 3

CẢNH 4

CẢNH 5

CẢNH 6

CẢNH 7

CẢNH 8

CẢNH 9

MÀN II

CẢNH 1

CẢNH 2

CẢNH 3

CẢNH 4

CẢNH 5

CẢNH 6

CẢNH 7

CẢNH 8

CẢNH 9

CẢNH 10

CẢNH 11

CẢNH 12

CẢNH 13

CẢNH 14

MÀN III

CẢNH 1

CẢNH 2

CẢNH 3

CẢNH 4

CẢNH 5

CẢNH 6

CẢNH 7

CẢNH 8

CẢNH 9

CẢNH 10

CẢNH 11

CẢNH 12

HẬU TRƯỜNG

Giải Thích Sự Việc